From Bethlehem to Calvary



From Bethlehem to Calvary



Table of Contents Mục Lục

Title	Tiêu đề
Contents	Nội dung
THE GREAT INVOCATION	ĐẠI KHẤN NGUYỆN
FOREWORD	LỜI NÓI ĐẦU
From Bethlehem to Calvary	Từ Bethlehem đến Calvary
CHAPTER ONE - Introductory Remarks on Initiation	CHƯƠNG MỘT - Những nhận xét mở đầu về điểm đạo
CHAPTER TWO - The First Initiation . . . The Birth at Bethlehem	CHƯƠNG HAI - Lần điểm đạo thứ nhất... Sự giáng sinh tại Bethlehem
CHAPTER THREE - The Second Initiation . . . The Baptism in Jordan	CHƯƠNG BA - Lần điểm đạo thứ hai... Phép rửa tại Jordan
CHAPTER FOUR - The Third Initiation . . . The Transfiguration on a High Mountain	CHƯƠNG BỐN - Lần điểm đạo thứ ba... Sự Biến hình trên Núi Cao
CHAPTER FIVE - The Fourth Initiation . . . The Crucifixion	CHƯƠNG NĂM - Lần điểm đạo thứ tư... Sự Đóng Đinh
CHAPTER SIX - The Fifth Initiation . . . The Resurrection and Ascension	CHƯƠNG SÁU - Lần điểm đạo thứ năm... Sự Phục Sinh và Thăng Thiên
CHAPTER SEVEN - Our Immediate Goal . . . The Founding of the Kingdom	CHƯƠNG BẢY - Mục tiêu trước mắt của chúng ta... Sự thiết lập Thiên Giới
THE ARCANE SCHOOL	TRƯỜNG ARCANE
INDEX	MỤC LỤC TRA CỨU
FROM BETHLEHEM	TỪ BETHLEHEM
TO CALVARY	ĐẾN CALVARY

THE INITIATIONS OF JESUS

by

ALICE A. BAILEY

Index Edition

Published by the Lucis Publishing Companies

Dedicated to

M. VICTOR FOX

in affectionate recognition

of comradeship in service

and of an understanding heart

BOOKS BY ALICE A. BAILEY

Initiation, Human and Solar

Letters on Occult Meditation

The Consciousness of the Atom

A Treatise on Cosmic Fire

The Light of the Soul

The Soul and its Mechanism

From Intellect to Intuition

A Treatise on White Magic

NHỮNG CUỘC ĐIỂM ĐẠO CỦA ĐỨC JESUS

bởi

ALICE A. BAILEY

Ấn bản có Mục lục tra cứu

Do các Công ty Xuất bản Lucis ấn hành

Kính tặng

M. VICTOR FOX

với sự ghi nhận trìu mến

về tình đồng chí trong phụng sự

và về một trái tim thấu hiểu

CÁC SÁCH CỦA ALICE A. BAILEY

Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương

Thư Về Tham thiền Huyền môn

Tâm Thức của Nguyên Tử

Luận về Lửa Vũ Trụ

Ánh Sáng của Linh Hồn

Linh Hồn và Bộ Máy của Nó

Từ Trí Năng đến Trực Giác

Luận về Chánh Thuật

From Bethlehem to Calvary	*Từ Bethlehem đến Calvary*
Discipleship in the New Age–Vol. I	*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Quyển I*
Discipleship in the New Age–Vol. II	*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Quyển II*
Problems of Humanity	*Những Vấn Đề của Nhân Loại*
The Reappearance of the Christ	*Sự Tái Lâm của Đức Christ*
The Destiny of the Nations	*Định Mệnh của Các Quốc Gia*
Glamour: A World Problem	*Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới*
Telepathy and the Etheric Vehicle	*Viễn Cảm và Hiện Thể Dĩ Thái*
The Unfinished Autobiography	*Tự Truyện Chưa Hoàn Tất*
Education in the New Age	*Giáo Dục trong Kỷ Nguyên Mới*
The Externalisation of the Hierarchy	*Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn*
A Treatise on the Seven Rays:	*Luận về Bảy Cung:*
Vol. I–Esoteric Psychology	*Quyển I–Tâm Lý Học Nội Môn*
Vol. II–Esoteric Psychology	*Quyển II–Tâm Lý Học Nội Môn*
Vol. III–Esoteric Astrology	*Quyển III–Chiêm Tinh Học Nội Môn*
Vol. IV–Esoteric Healing	*Quyển IV–Trị Liệu Huyền Môn*
Vol. V–The Rays and the Initiations	*Quyển V–Các Cung và Những Cuộc Điểm Đạo*
Contents	Mục lục
Cover	Bìa

THE GREAT INVOCATION	ĐẠI KHẤN NGUYỆN
FOREWORD	LỜI NÓI ĐẦU
From Bethlehem to Calvary	Từ Bethlehem đến Calvary
CHAPTER ONE - Introductory Remarks on Initiation	CHƯƠNG MỘT - Những Nhận Xét Dẫn Nhập về Điểm Đạo
CHAPTER TWO - The First Initiation . . . The Birth at Bethlehem	CHƯƠNG HAI - Lần điểm đạo thứ nhất... Sự Giáng Sinh tại Bethlehem
CHAPTER THREE - The Second Initiation . . . The Baptism in Jordan	CHƯƠNG BA - Lần điểm đạo thứ hai... Phép Rửa tại Jordan
CHAPTER FOUR - The Third Initiation . . . The Transfiguration on a High Mountain	CHƯƠNG BỐN - Lần điểm đạo thứ ba... Cuộc Biến Hình trên Núi Cao
CHAPTER FIVE - The Fourth Initiation . . . The Crucifixion	CHƯƠNG NĂM - Lần điểm đạo thứ tư... Cuộc Đóng Đinh
CHAPTER SIX - The Fifth Initiation . . . The Resurrection and Ascension	CHƯƠNG SÁU - Lần điểm đạo thứ năm... Sự Phục Sinh và Thăng Thiên
CHAPTER SEVEN - Our Immediate Goal . . . The Founding of the Kingdom	CHƯƠNG BẢY - Mục Tiêu Trước Mắt của Chúng Ta... Sự Thiết Lập Thiên Giới
THE ARCANE SCHOOL	TRƯỜNG ARCANE
INDEX	MỤC LỤC TRA CỨU

THE GREAT INVOCATION – ĐẠI KHẤN NGUYỆN

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
"The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all	"Bài Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm

Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through humanity itself can the Divine Plan work out."

Alice A. Bailey

nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn giản của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà tất cả mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Minh cơ bản mà chúng ta mơ hồ đặt tên là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi Sắc tướng, động lực của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được người Kitô giáo gọi là Đức Christ, và hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả tình thương và trí thông minh đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại, Thiên Cơ mới có thể thực hiện được."

Alice A. Bailey

FOREWORD – LỜI NÓI ĐẦU

[vii] This book goes out with the earnest wish that its effect may be wholly constructive and result in a deepening of our belief in Christ and a broader recognition of the work which He came to initiate. Many years of work as an evangelist and as a teacher in the field of Christian principles, and a difficult cycle in which I faced the problem of my own relation to Christ and to Christianity, have brought me to two definitely clear and clean cut recognitions: first, a recognition of the reality of the Individuality of Christ and of His Mission; and secondly, a recognition that the development of the Christ Consciousness and the Christ Nature in individual man, and in the race as a whole, carries with it the solution of our world problem. Most heartily do I endorse the words of Arthur Weigall when he says:

[vii] Quyển sách này ra đời với ước nguyện tha thiết rằng ảnh hưởng của nó có thể hoàn toàn mang tính xây dựng và đưa đến việc làm sâu sắc thêm niềm tin của chúng ta nơi Đức Christ, cùng một sự công nhận rộng rãi hơn đối với công trình mà Ngài đã đến để khởi xướng. Nhiều năm hoạt động với tư cách là một nhà truyền giảng và một huấn sư trong lĩnh vực các nguyên lý Ki-tô giáo, cùng một chu kỳ khó khăn trong đó tôi đối diện với vấn đề về mối liên hệ của chính tôi với Đức Christ và với Ki-tô giáo, đã đưa tôi đến hai nhận thức dứt khoát rõ ràng và rành mạch: trước hết, nhận thức về thực tại của Cá Thể Đức Christ và Sứ Mệnh của Ngài; và thứ hai, nhận thức rằng sự phát triển Tâm Thức Christ và Bản Chất Christ trong từng con người, cũng như trong toàn thể nhân loại, mang theo nó lời giải cho vấn đề thế giới của chúng ta. Tôi hết lòng tán thành những lời của Arthur Weigall khi ông nói:

"Yet the Jesus of History as distinct from the Jesus of Theology, remains 'the way, the truth, and the life'; and I am convinced that concentration upon the historic figure of our Lord and upon His teaching can alone inspire in this Twentieth Century that fervent adherence and service which in former ages could be obtained from the average layman by the expounding of theological dogmas, the threat of hell, and the performance of elaborate rites and ceremonies."

"Tuy nhiên, Đức Jesus của Lịch sử, khác với Đức Jesus của Thần học, vẫn là 'con đường, chân lý và sự sống'; và tôi tin chắc rằng chỉ sự tập trung vào nhân vật lịch sử là Chúa của chúng ta và vào giáo huấn của Ngài mới có thể khơi dậy trong Thế kỷ Hai mươi này lòng gắn bó và phụng sự nhiệt thành, điều mà trong các thời đại trước kia có thể đạt được nơi người tín đồ bình thường bằng việc giảng giải các tín điều thần học, bằng lời đe dọa về địa ngục, và bằng việc cử hành những nghi lễ và nghi thức phức tạp."

THE PAGANISM IN OUR CHRISTIANITY, BY ARTHUR WEIGALL, P. 16.

NGOẠI GIÁO TRONG KI-TÔ GIÁO CỦA CHÚNG TA, CỦA ARTHUR WEIGALL, TR. 16.

The kingdom of God is now in process of rapid formation, as all those with forward-seeing vision and a realisation of the rapidly

Thiên Giới hiện đang trong tiến trình hình thành nhanh chóng, như tất cả những ai có tầm nhìn hướng về tương lai và nhận biết vẻ

emerging beauty and divinity of man can bear testimony. We are passing through the transition period between the old age and the new, and the true mission of Christ, so deeply and frequently obscured by theological implications and disputations, embodies in itself the coming revelation. The development of humanity guarantees the recognition of Christ and His work and its participation, consciously, in the kingdom of God.

đẹp cùng thiên tính đang nhanh chóng hiển lộ của con người đều có thể làm chứng. Chúng ta đang đi qua giai đoạn chuyển tiếp giữa thời đại cũ và thời đại mới, và sứ mệnh đích thực của Đức Christ, vốn thường xuyên và sâu sắc bị che mờ bởi những hàm ý và tranh luận thần học, tự nó hiện thân sự mặc khải sắp đến. Sự phát triển của nhân loại bảo đảm việc công nhận Đức Christ và công trình của Ngài, cũng như sự tham dự có ý thức của nhân loại vào Thiên Giới.

The conscious evocation of the Christ Life in the human heart and our rapid integration into the kingdom of God are the immediate tasks ahead, embodying our responsibility, opportunity and destiny.

Việc gợi lên một cách có ý thức Sự Sống Christ trong trái tim con người và sự tích hợp nhanh chóng của chúng ta vào Thiên Giới là những nhiệm vụ trước mắt, hiện thân trách nhiệm, cơ hội và định mệnh của chúng ta.

In closing, I would like to offer my grateful thanks to Mr. William Cummings and Mr. Alan Murray for the willing and intelligent help they have given me. They have made the writing of this book possible. [ix]

Để kết thúc, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến ông William Cummings và ông Alan Murray vì sự trợ giúp tự nguyện và sáng suốt mà các ông đã dành cho tôi. Các ông đã làm cho việc viết quyển sách này trở nên khả hữu. [ix]

From Bethlehem to Calvary

Từ Bethlehem đến Calvary

Of those who sought my crib at Bethlehem

Trong những người đã tìm máng cỏ của tôi tại Bethlehem

Heeding a voice and following a star,

Lắng nghe một tiếng gọi và đi theo một vì sao,

How many walked with me to Calvary?

Có bao nhiêu người đã cùng tôi bước đến Calvary?

It was too far.

Đường ấy quá xa.

~

~

Glory surrounded that once mangered babe,

	Vinh quang đã bao quanh hài nhi từng nằm trong máng cỏ ấy,
And hope for men who struggled with their loss.	Và niềm hy vọng cho những người đang vật lộn với mất mát của mình.
But hope, fulfilled, came through my thorny crown	Nhưng hy vọng, khi thành tựu, đã đến qua mão gai của tôi
And through my cross.	Và qua thập giá của tôi.
~	~
Truth was my sword and pain the accolade	Chân lý là thanh gươm của tôi, và đau khổ là nghi lễ phong hiệp sĩ
Which I bestowed on those who followed on,	Mà tôi trao cho những ai tiếp tục đi theo,
A tethered ass the charger which I chose	Một con lừa bị buộc dây là chiến mã tôi chọn
To ride upon.	Để cưỡi lên.
~	~
Gone was the glory, then, of Bethlehem,	Bấy giờ vinh quang của Bethlehem đã qua rồi,
The gifts of Kings and Magi from the East;	Những lễ vật của các Vua và các Đạo sĩ từ phương Đông cũng qua rồi;
Gone were the multitudes and only twelve	Đám đông đã qua rồi, và chỉ mười hai người
Were at the feast.	Có mặt trong bữa tiệc.
~	~
Of humble bread served in the upper room	Bữa bánh khiêm nhường được dọn trong căn phòng trên lầu

Where that sad cup was passed from hand to hand

Nơi chiếc chén buồn ấy được chuyền từ tay này sang tay khác

In token of my love for all mankind

Như dấu chỉ tình thương của tôi dành cho toàn thể nhân loại

Within the land.

Trong xứ sở này.

~

~

When, at Gethsemane, I prayed alone

Khi, tại Gethsemane, tôi cầu nguyện một mình

That a more bitter cup might be withdrawn,

Xin chiếc chén đắng hơn được cất đi,

Ye could not watch with me one little hour

Các ngươi đã không thể thức với tôi dù chỉ một giờ ngắn ngủi

Until the Dawn!

Cho đến Bình Minh!

~

~

So many sought my crib at Bethlehem

Biết bao người đã tìm máng cỏ của tôi tại Bethlehem

Heeding a voice and following a star,

Lắng nghe một tiếng gọi và đi theo một vì sao,

But only Simon walked to Calvary—

Nhưng chỉ có Simon bước đến Calvary—

It was too far.

Đường ấy quá xa.

H. LE GALLIENNE.

H. LE GALLIENNE.

REPRINTED WITH THE KIND PERMISSION OF

ĐƯỢC TÁI IN VỚI SỰ CHO PHÉP TỬ TẾ CỦA

THE NEW YORK TIMES AND THE AUTHOR.

THE NEW YORK TIMES VÀ TÁC GIẢ.

CHAPTER ONE - Introductory Remarks on Initiation – CHƯƠNG MỘT - Những Nhận Xét Dẫn Nhập về Điểm Đạo

KEY THOUGHT

"There is a human desire for God; but there is also a Divine desire for man. God is the supreme idea, the supreme concern and the supreme desire of man. Man is the supreme idea, the supreme concern and the supreme desire of God. The problem of God is a human problem. The problem of man is a Divine problem.... Man is the counterpart of God and His beloved from whom He expects the return of love. Man is the other person of the Divine mystery. God needs man. It is God's will not only that He should Himself exist, but man also, the Lover and beloved."

WRESTLERS WITH CHRIST, BY KARL PFLEGER, P. 236.

1

[3] We are in process of passing from one religious age into another. The spiritual trends of today are steadily becoming more defined. The hearts of men have never been more open to spiritual impression than they are at this time, and the door into the very centre of reality stands wide open. Paralleling, however, this significant development is a trend in the counter direction, and materialistic philosophies and doctrines of negation are becoming increasingly prevalent. To many, the whole question of the validity of the Christian religion remains to be determined. Claims

TƯ TƯỞNG THEN CHỐT

"Có một khát vọng của con người hướng về Thượng đế; nhưng cũng có một khát vọng Thiêng liêng hướng về con người. Thượng đế là ý tưởng tối thượng, mối quan tâm tối thượng và khát vọng tối thượng của con người. Con người là ý tưởng tối thượng, mối quan tâm tối thượng và khát vọng tối thượng của Thượng đế. Vấn đề của Thượng đế là một vấn đề của con người. Vấn đề của con người là một vấn đề Thiêng liêng.... Con người là Đối phần của Thượng đế và là kẻ được Ngài yêu thương, người mà từ đó Ngài mong chờ sự đáp trả của tình thương. Con người là ngôi vị kia của mầu nhiệm Thiêng liêng. Thượng đế cần con người. Ý Chí của Thượng đế không chỉ là Ngài tự hiện hữu, mà con người cũng hiện hữu, vừa là Người Yêu vừa là kẻ được yêu."

NHỮNG NGƯỜI VẬT LỘN VỚI ĐỨC CHRIST, CỦA KARL PFLEGER, TR. 236.

1

[3] Chúng ta đang trong tiến trình chuyển từ một thời đại tôn giáo này sang một thời đại tôn giáo khác. Những khuynh hướng tinh thần của ngày nay đang dần trở nên rõ nét hơn. Trái tim con người chưa bao giờ rộng mở trước ấn tượng tinh thần hơn lúc này, và cánh cửa đi vào chính trung tâm của thực tại đang mở rộng. Tuy nhiên, song hành với sự phát triển đầy thâm nghĩa này là một khuynh hướng theo chiều ngược lại, và các triết thuyết duy vật cùng những học thuyết phủ định đang ngày càng trở nên phổ biến. Đối với nhiều người, toàn bộ vấn đề về tính xác thực của tôn giáo Ki-tô vẫn còn phải

are made that Christianity has failed and that man does not need the Gospel story with its implications of divinity and its urge to service and sacrifice.

được xác định. Người ta đưa ra những tuyên bố rằng Ki-tô giáo đã thất bại và con người không cần câu chuyện Phúc Âm với những hàm ý về thiên tính, cùng sự thôi thúc phụng sự và hi sinh của nó.

Is the Gospel story historically true? Is it a mystical tale of great beauty and of real teaching value but nevertheless of no vital import to the intelligent men and women of today, who pride themselves on their reasoning powers and upon their independence of ancient mental trammels and of old and dusty traditions? As to the perfection of the portrayed character of Christ there is never any question. The enemies of Christianity admit His uniqueness, His basic profundity and His understanding of the hearts of men. They recognise the intelligence of His ideas and sponsor them in their own philosophies. The developments which the Carpenter of Nazareth brought about in the fabric of human life, His social and economic ideals, and the beauty of the civilisation which could be founded upon the ethical teaching of the [4] Sermon on the Mount are frequently emphasised by many who refuse to recognise His mission as an expression of divinity. From the rational point of view, the question as to the historical accuracy of His story remains as yet unsolved, though His teaching upon the Fatherhood of God and the brotherhood of man is endorsed by the best minds of the race. Those who can move in the world of ideas, of faith and of living experience testify to His divinity and to the fact that He can be approached. But such testimony is often passed over lightly as being mystical, futile and incapable of proof. Individual belief is, after all, of no value to anyone except to the believer himself, or as it tends to increase testimony until the total assumes such proportions that it eventually becomes proof. To fall back upon the “way of

Câu chuyện Phúc Âm có thật về mặt lịch sử không? Đó có phải là một câu chuyện thần bí đầy vẻ đẹp lớn lao và có giá trị giáo huấn thật sự, nhưng dẫu vậy không có tầm quan trọng thiết yếu nào đối với những người nam và nữ thông minh của ngày nay, những người tự hào về năng lực lý luận và sự độc lập của mình đối với những xiềng xích trí tuệ cổ xưa cùng các truyền thống cũ kỹ phủ bụi? Về sự hoàn hảo của tính cách được mô tả nơi Đức Christ thì không bao giờ có vấn đề gì. Những kẻ thù của Ki-tô giáo cũng thừa nhận tính độc nhất của Ngài, chiều sâu căn bản của Ngài và sự thấu hiểu của Ngài đối với trái tim con người. Họ công nhận trí tuệ trong các ý tưởng của Ngài và đưa chúng vào các triết thuyết của riêng họ. Những phát triển mà Người Thợ Mộc thành Nazareth đã đem lại trong kết cấu của đời sống nhân loại, những lý tưởng xã hội và kinh tế của Ngài, cùng vẻ đẹp của nền văn minh có thể được thiết lập trên giáo huấn đạo đức của [4] Bài Giảng trên Núi thường được nhiều người nhấn mạnh, dù họ từ chối công nhận sứ mệnh của Ngài như một biểu hiện của thiên tính. Từ quan điểm duy lý, vấn đề về độ chính xác lịch sử của câu chuyện Ngài cho đến nay vẫn chưa được giải quyết, mặc dù giáo huấn của Ngài về Tình Phụ Tử của Thượng đế và tình huynh đệ của con người được những trí tuệ ưu tú nhất của nhân loại tán thành. Những ai có thể vận hành trong thế giới của các ý tưởng, của đức tin và của kinh nghiệm sống đều làm chứng cho thiên tính của Ngài và cho sự thật rằng có thể tiếp cận Ngài. Nhưng lời chứng như thế thường bị xem nhẹ như là thần bí, vô ích và không thể chứng minh. Rốt cuộc, niềm tin cá nhân không có giá trị đối với bất cứ ai ngoài chính người tin, hoặc

belief" can be indicative of a living experience, but it can also be a form of self-hypnotism and a "way of escape" from the difficulties and problems of daily life. The effort to understand, to experiment, to experience and to express what is known and believed is frequently too difficult for the majority, and they then fall back upon a belief which is based upon the testimony of the trusted, as the easiest way out of the impasse.

chỉ có giá trị khi nó có xu hướng gia tăng lời chứng cho đến khi tổng thể đạt đến những tỉ lệ lớn lao đến mức cuối cùng trở thành bằng chứng. Việc quay về "con đường của niềm tin" có thể là dấu hiệu của một kinh nghiệm sống, nhưng cũng có thể là một hình thức tự thôi miên và một "con đường thoát thân" khỏi những khó khăn và vấn đề của đời sống hằng ngày. Nỗ lực để thấu hiểu, thử nghiệm, trải nghiệm và biểu đạt điều đã biết và đã tin thường quá khó đối với đa số, và khi ấy họ quay về với một niềm tin dựa trên lời chứng của những người được tín nhiệm, như lối thoát dễ dàng nhất khỏi bế tắc.

The problem of religion and the problem of orthodox Christianity are not one and the same thing. Much that we see around us today of unbelief and criticism, and the negation of our so-called truths, is based upon the fact that religion has been largely superseded by creed, and doctrine has taken the place of living experience. It is this living experience which is the keynote of this book.

Vấn đề tôn giáo và vấn đề Ki-tô giáo chính thống không phải là một và cùng một điều. Phần lớn những gì chúng ta thấy quanh mình ngày nay về sự vô tín và phê phán, cùng sự phủ định các chân lý được gọi là của chúng ta, đều dựa trên sự kiện rằng tôn giáo phần lớn đã bị tín điều thay thế, và giáo lý đã chiếm chỗ của kinh nghiệm sống. Chính kinh nghiệm sống này là chủ âm của quyển sách này.

Perhaps another reason why humanity at this time believes so little, or questions so unhappily what is believed, may be the fact that theologians have attempted to lift Christianity out of its place in the scheme of things and have overlooked its position in the great continuity of divine revelation. They have endeavoured to emphasise its uniqueness, and to regard it as an isolated and entirely separated expression of spiritual religion. They thereby destroy its background, remove its foundations, and make it difficult for the steadily developing [5] mind of man to accept its presentation. Yet St. Augustine tells us that "that which is called the Christian religion existed among the ancients, and never did not exist from the beginning of the human race until Christ

Có lẽ một lý do khác khiến nhân loại vào lúc này tin quá ít, hoặc bất hạnh nghi vấn điều được tin, có thể là sự kiện rằng các nhà thần học đã cố gắng nâng Ki-tô giáo ra khỏi vị trí của nó trong trật tự của vạn vật và đã bỏ qua vị trí của nó trong dòng liên tục vĩ đại của sự mặc khải thiêng liêng. Họ đã cố nhấn mạnh tính độc nhất của nó, và xem nó như một biểu hiện cô lập và hoàn toàn tách biệt của tôn giáo tinh thần. Bằng cách ấy, họ phá hủy bối cảnh của nó, loại bỏ nền tảng của nó, và khiến cho trí tuệ [5] đang phát triển vững chắc của con người khó chấp nhận cách trình bày của nó. Tuy nhiên, Thánh Augustine nói với chúng ta rằng "điều được gọi là tôn giáo Ki-tô đã tồn tại giữa người xưa, và chưa bao giờ không tồn tại từ buổi đầu của nhân loại cho đến khi Đức Christ

came in the flesh, at which time the true religion, which already existed, began to be called Christianity." *(Quoted by W. Kingsland in 'Religion in the Light of Theosophy').* The Wisdom which expresses relationship to God, the rules of the road which guide our wandering footsteps back to the Father's home, and the teaching which brings revelation have ever been the same, down the ages, and are identical with that which Christ taught. This body of inner truths and this wealth of divine knowledge have existed since time immemorial. It is the truth which Christ revealed; but He did more than this. He revealed in Himself and through His life history what this wisdom and knowledge could do for man. He demonstrated in Himself the full expression of divinity, and then enjoined upon His disciples that they should go and do likewise.

đến trong xác thịt, vào thời điểm đó tôn giáo chân chính, vốn đã tồn tại, bắt đầu được gọi là Ki-tô giáo." *(Được W. Kingsland trích trong 'Tôn Giáo dưới Ánh Sáng của Thông Thiên Học').* Minh triết biểu đạt mối liên hệ với Thượng đế, các quy luật của Đường Đạo hướng dẫn những bước chân lang thang của chúng ta trở về nhà Cha, và giáo huấn đem lại sự mặc khải đã luôn luôn như nhau qua các thời đại, và đồng nhất với điều Đức Christ đã dạy. Khối chân lý bên trong này và kho tàng tri thức thiêng liêng này đã tồn tại từ thời xa xưa không thể nhớ. Đó là chân lý mà Đức Christ đã mặc khải; nhưng Ngài còn làm nhiều hơn thế. Trong chính Ngài và qua lịch sử đời Ngài, Ngài đã mặc khải điều mà minh triết và tri thức này có thể làm cho con người. Trong chính Ngài, Ngài đã biểu lộ sự biểu đạt trọn vẹn của thiên tính, rồi truyền cho các đệ tử của Ngài hãy đi và làm như vậy.

In the continuity of revelation, Christianity enters upon its cycle of expression under the same divine law which governs all manifestation—the Law of Cyclic Appearance. This revelation passes through the phases of all form-manifestation, or appearance, then growth and development, and finally (when the cycle draws towards its close) crystallisation and a gradual but steady emphasis of the letter and the form, till the death of that form becomes inevitable and wise. But the spirit remains to live on and take to itself new forms. The Spirit of Christ is undying, and as He lives to all eternity, so that which He incarnated to demonstrate must also live. The cell in the womb, the stage of littleness, the development of the child into the man—to all this He submitted Himself, and underwent all the processes which are the destiny of every son of God. Because of this submission and because He "learned obedience by the things which he suffered," *(Hebrews, V, 8.)* He could be trusted to reveal

Trong dòng liên tục của sự mặc khải, Ki-tô giáo bước vào chu kỳ biểu đạt của nó dưới cùng một định luật thiêng liêng chi phối mọi biểu hiện—Định luật Xuất Hiện Theo Chu Kỳ. Sự mặc khải này đi qua các giai đoạn của mọi biểu hiện-hình tướng, hay sắc tướng, rồi tăng trưởng và phát triển, và sau cùng, khi chu kỳ tiến gần đến hồi kết, là sự kết tinh và một sự nhấn mạnh dần dần nhưng vững chắc vào chữ nghĩa và hình tướng, cho đến khi cái chết của hình tướng ấy trở nên tất yếu và minh triết. Nhưng tinh thần vẫn tiếp tục sống và khoác lấy những hình tướng mới. Tinh Thần của Đức Christ là bất diệt, và vì Ngài sống đến muôn đời, nên điều mà Ngài đã nhập thể để biểu lộ cũng phải sống. Tế bào trong dạ mẹ, giai đoạn bé nhỏ, sự phát triển của đứa trẻ thành người trưởng thành —Ngài đã tự thuận phục tất cả những điều này, và trải qua mọi tiến trình vốn là định mệnh của mỗi Con của Thượng đế. Nhờ sự thuận phục này và vì Ngài "đã học sự vâng phục bởi những điều Ngài chịu khổ," *(Thư gửi tín hữu Hebrew, V, 8.)* Ngài có thể được tin

God to man, and (may we say it?) the divine in man to God. For the Gospels [6] show us that continuously Christ called forth this recognition from the Father.

cậy để mặc khải Thượng đế cho con người, và chúng ta có thể nói chăng, mặc khải điều thiêng liêng trong con người cho Thượng đế. Vì các sách Phúc Âm [6] cho chúng ta thấy rằng Đức Christ liên tục gợi lên sự công nhận này từ Đức Cha.

The great continuity of revelation is our most priceless possession, and into it the religion of Christ must, and does, fit. God has never left Himself without witness, and He never will. The place of Christianity as the fulfilment of the past and as a stepping-stone to the future, is often forgotten, and this perhaps is one of the reasons why people speak of a failing Christianity, and look forward to that spiritual revelation which seems so sorely needed. Unless this continuity is emphasised and the place of the Christian faith in it, revelation may come and pass unrecognised.

Dòng liên tục vĩ đại của sự mặc khải là sở hữu vô giá nhất của chúng ta, và tôn giáo của Đức Christ phải, và thật sự, hòa nhập vào đó. Thượng đế chưa bao giờ để chính Ngài không có chứng nhân, và Ngài sẽ không bao giờ như thế. Vị trí của Ki-tô giáo như sự hoàn thành của quá khứ và như một bậc thềm dẫn đến tương lai thường bị quên lãng, và có lẽ đây là một trong những lý do khiến người ta nói về một Ki-tô giáo đang suy tàn, và mong chờ sự mặc khải tinh thần dường như hết sức cần thiết ấy. Nếu dòng liên tục này và vị trí của đức tin Ki-tô trong đó không được nhấn mạnh, sự mặc khải có thể đến rồi đi qua mà không được nhận ra.

"There was," we are told, "in every ancient country having claims to civilisation, an Esoteric Doctrine, a system which was designated WISDOM, and those who were devoted to its prosecution were first denominated sages, or wise men.... Pythagoras termed this system ... the Gnosis or Knowledge of things that are. Under the noble designation of WISDOM, the ancient teachers, the sages of India, the magians of Persia and Babylon, the seers and prophets of Israel, the hierophants of Egypt and Arabia, and the philosophers of Greece and the West, included all knowledge which they considered as essentially divine; classifying part as esoteric and the remainder as exterior."

"Chúng ta được cho biết rằng trong mọi quốc gia cổ xưa có quyền tự nhận là văn minh, đều có một Giáo Lý Nội Môn, một hệ thống được gọi là MINH TRIẾT, và những ai tận hiến cho việc theo đuổi nó lúc đầu được gọi là hiền giả, hay những người minh triết.... Pythagoras gọi hệ thống này là... Gnosis hay Tri thức về những sự vật hiện hữu. Dưới danh xưng cao quý là MINH TRIẾT, các huấn sư cổ xưa, các hiền giả của Ấn Độ, các pháp sư của Ba Tư và Babylon, các nhà thông nhãn và tiên tri của Israel, các tư tế điểm đạo của Ai Cập và Arabia, cùng các triết gia của Hy Lạp và phương Tây, đã bao gồm mọi tri thức mà họ xem là cốt yếu thiêng liêng; phân loại một phần là nội môn và phần còn lại là ngoại môn."

THE SECRET DOCTRINE', BY H. P. BLAVATSKY, VOL. III, P.55.

GIÁO LÝ BÍ NHIỆM', CỦA H. P. BLAVATSKY, QUYỂN III, TR.55.

We know much of the exoteric teaching. Orthodox and theological Christianity is founded on it, as are all the orthodox formulations of the great religions. When, however, the inner wisdom teaching is forgotten and the esoteric side is ignored, then the spirit and the living experimental experience disappear. We have been occupied with the details of the outer form of the faith, and have sadly forgotten the inner meaning which carries life and salvation to the individual and also to humanity. We have been busy fighting over the non-essentials of traditional interpretation and have omitted to teach the secret and the technique of the Christian life. We have over-emphasised the doctrinal and dogmatic aspects, and have deified the letter, whilst all the time the soul [7] of man was crying out for the spirit of life, which the letter veiled. We have agonised over the historical aspects of the Gospel narrative, over the time element, and over the verbal accuracy of the many translations, while failing to see the real magnificence of Christ's accomplishment and the significant teaching it holds for the individual and for the race. The drama of His life and its practical application to the lives of His followers have been lost to sight in the undue importance attached to certain phrases which He is supposed to have uttered, whilst that which He expressed in His life, and the relationships which He emphasised and regarded as implicit in His revelation have been totally ignored.

Chúng ta biết nhiều về giáo huấn ngoại môn. Ki-tô giáo chính thống và thần học được đặt nền trên đó, cũng như mọi công thức chính thống của các tôn giáo lớn. Tuy nhiên, khi giáo huấn minh triết bên trong bị quên lãng và phương diện nội môn bị bỏ qua, thì tinh thần và kinh nghiệm thực nghiệm sống động biến mất. Chúng ta đã bận tâm với các chi tiết của hình tướng bên ngoài của đức tin, và đáng buồn thay đã quên mất ý nghĩa bên trong vốn đem sự sống và cứu rỗi đến cho cá nhân cũng như cho nhân loại. Chúng ta đã bận rộn tranh đấu về những điều không thiết yếu của lối diễn giải truyền thống và đã bỏ sót việc dạy bí mật cùng kỹ thuật của đời sống Ki-tô. Chúng ta đã nhấn mạnh quá mức các phương diện giáo lý và tín điều, và đã thần thánh hóa chữ nghĩa, trong khi suốt thời gian ấy linh hồn [7] con người kêu cầu tinh thần của sự sống, điều mà chữ nghĩa che phủ. Chúng ta đã đau đáu về các phương diện lịch sử của trình thuật Phúc Âm, về yếu tố thời gian, và về độ chính xác từng lời của nhiều bản dịch, trong khi không thấy được sự huy hoàng thật sự trong thành tựu của Đức Christ và giáo huấn đầy thâm nghĩa mà nó chứa đựng cho cá nhân và cho nhân loại. Tấn kịch của đời Ngài và sự ứng dụng thực tiễn của nó vào đời sống của những người theo Ngài đã bị khuất khỏi tầm nhìn bởi tầm quan trọng quá mức gán cho một số cụm từ mà người ta cho rằng Ngài đã thốt ra, trong khi điều Ngài đã biểu đạt trong đời sống của Ngài, và những mối liên hệ mà Ngài nhấn mạnh và xem là hàm chứa trong sự mặc khải của Ngài, đã hoàn toàn bị bỏ qua.

We have fought over the historical Christ, and thus fighting, have lost sight of His message of love to all beings. Fanatics quarrel over His words, and fail to remember that He *was* "the Word made flesh." We argue about the Virgin Birth of the Christ,

Chúng ta đã tranh đấu về Đức Christ lịch sử, và trong khi tranh đấu như thế, đã đánh mất thông điệp tình thương của Ngài dành cho mọi sinh linh. Những kẻ cuồng tín cãi vã về lời Ngài, và quên nhớ rằng Ngài *là* "Linh từ trở nên xác thịt." Chúng ta tranh luận về Sự

and forget the truth which the Incarnation is intended to teach. Evelyn Underhill points out in her most valuable book, *Mysticism,* that "The Incarnation, which is for popular Christianity synonymous with the historical birth and earthly life of Christ, is for the mystic not only this but also a perpetual cosmic and personal process."

Sinh Ra Bởi Đồng Trinh của Đức Christ, và quên mất chân lý mà sự Nhập Thể nhằm dạy. Evelyn Underhill chỉ ra trong quyển sách vô cùng giá trị của bà, *Thần bí học,* rằng "Sự Nhập Thể, đối với Ki-tô giáo phổ thông đồng nghĩa với sự giáng sinh lịch sử và đời sống trần thế của Đức Christ, đối với nhà thần bí không chỉ là điều này mà còn là một tiến trình vũ trụ và cá nhân thường hằng."

Scholars spend their lives in proving that the whole story is only a myth. It should, however, be pointed out that a myth is the summarised belief and knowledge of the past, handed down to us for our guidance and forming the foundation of a newer revelation, and that it is a stepping-stone to the next truth. A myth is a valid and proven truth which bridges, step by step, the gap between the past gained knowledge, the present formulated truth, and the infinite and divine possibilities of the future. The ancient myths and the old mysteries give us a sequential presentation of the divine message as it went forth from God in response to the need of man, down the ages. The truth of one age becomes the myth of the next, but its significance and its reality remain untouched, and require only re-interpretation in the present.

Các học giả dành cả đời để chứng minh rằng toàn bộ câu chuyện chỉ là một huyền thoại. Tuy nhiên, cần chỉ ra rằng huyền thoại là niềm tin và tri thức được tóm kết của quá khứ, được truyền lại cho chúng ta để hướng dẫn chúng ta và tạo nên nền tảng của một sự mặc khải mới hơn, và rằng nó là một bậc thềm dẫn đến chân lý kế tiếp. Một huyền thoại là một chân lý xác đáng và đã được chứng nghiệm, bắc cầu từng bước qua khoảng cách giữa tri thức đã đạt được trong quá khứ, chân lý được công thức hóa trong hiện tại, và những khả năng vô hạn và thiêng liêng của tương lai. Những huyền thoại cổ xưa và các huyền nhiệm cũ đem lại cho chúng ta một trình bày tuần tự về thông điệp thiêng liêng khi nó phát ra từ Thượng đế để đáp ứng nhu cầu của con người qua các thời đại. Chân lý của một thời đại trở thành huyền thoại của thời đại kế tiếp, nhưng thâm nghĩa và thực tại của nó vẫn nguyên vẹn, và chỉ cần được diễn giải lại trong hiện tại.

[8] We are free to choose and to reject; but let us see to it that we choose with eyes opened by that sagacity and wisdom which are the hallmark of those who have penetrated a considerable way along the path of return. There is life and truth and vitality in the Gospel story yet to be re-applied by us. There is dynamic and divinity in the message of Jesus.

[8] Chúng ta tự do chọn lựa và bác bỏ; nhưng hãy bảo đảm rằng chúng ta chọn lựa với đôi mắt được mở ra bởi sự khôn ngoan và minh triết vốn là dấu ấn của những ai đã thâm nhập một quãng đáng kể trên Con Đường Trở Về. Trong câu chuyện Phúc Âm vẫn còn sự sống, chân lý và sinh lực để chúng ta áp dụng lại. Trong thông điệp của Đức Jesus có năng lực động và thiên tính.

Christianity is, for us today, a culminating religion. It is the greatest of the later divine revelations. Much of it, since its inception two thousand years ago, has come to be regarded as myth, and the clear outlines of the story have dimmed and have come frequently to be regarded as symbolic in their nature. Yet behind symbol and myth stands reality—an essential, dramatic and practical truth.

Đối với chúng ta ngày nay, Ki-tô giáo là một tôn giáo đạt tới đỉnh điểm. Nó là sự mặc khải thiêng liêng vĩ đại nhất trong các mặc khải về sau. Kể từ khi khởi đầu hai nghìn năm trước, phần lớn của nó đã được xem là huyền thoại, và những đường nét rõ ràng của câu chuyện đã mờ đi, thường được xem là mang bản chất biểu tượng. Tuy nhiên, đằng sau biểu tượng và huyền thoại là thực tại—một chân lý cốt yếu, kịch tính và thực tiễn.

Our attention has been engrossed by the symbol and by the outer form, whilst the meaning has remained obscured and fails sufficiently to affect our lives. In our myopic study of the letter we have lost the significance of the Word itself. We need to get behind the symbol to that which it embodies, and to shift our attention away from the world of outer forms to that of inner realities. Keyserling points this out in these words:

Sự chú ý của chúng ta đã bị cuốn hút bởi biểu tượng và hình tướng bên ngoài, trong khi ý nghĩa vẫn bị che mờ và không đủ sức ảnh hưởng đến đời sống của chúng ta. Trong việc nghiên cứu chữ nghĩa một cách thiển cận, chúng ta đã đánh mất thâm nghĩa của chính Linh từ. Chúng ta cần đi vào phía sau biểu tượng đến điều mà nó hiện thân, và chuyển sự chú ý của chúng ta khỏi thế giới của các hình tướng bên ngoài sang thế giới của các thực tại bên trong. Keyserling chỉ ra điều này bằng những lời sau:

"The process of shifting levels from the letter to the inner meaning in the matter of spiritual attitudes can be clearly set forth by one single proposition. *It consists in 'seeing through' the phenomenon.* Every living phenomenon is, first and last, a symbol; for the essence of life is meaning. But every symbol which is the ultimate expression of a state of consciousness is in itself transparent for another deeper one, and so on into eternity; for all things in the sense-connexion of life are inwardly connected, and their depths have their roots in God.

"Tiến trình chuyển cấp độ từ chữ nghĩa sang ý nghĩa bên trong trong vấn đề các thái độ tinh thần có thể được trình bày rõ ràng bằng một mệnh đề duy nhất. *Nó hệ tại việc 'nhìn xuyên qua' hiện tượng.* Mọi hiện tượng sống động, từ đầu đến cuối, đều là một biểu tượng; vì bản chất của sự sống là ý nghĩa. Nhưng mọi biểu tượng vốn là sự biểu đạt tối hậu của một trạng thái tâm thức, tự nó lại trong suốt đối với một trạng thái sâu hơn khác, và cứ thế đến vĩnh cửu; vì mọi sự trong mối liên kết ý nghĩa của sự sống đều liên hệ bên trong với nhau, và các chiều sâu của chúng có gốc rễ nơi Thượng đế.

"Therefore, no spiritual form can ever be an ultimate expression; every meaning, when it has been penetrated, becomes automatically a mere letter-expression of a deeper one, and herewith the old phenomenon takes on a

"Vì vậy, không hình tướng tinh thần nào có thể từng là một sự biểu đạt tối hậu; mọi ý nghĩa, khi đã được thâm nhập, tự động trở thành chỉ là một biểu đạt bằng chữ nghĩa của một ý nghĩa sâu hơn, và cùng với điều

new and different meaning. Thus, Catholicism, Protestantism, Greek-Catholic, Islamism and Buddhistic religiousness can in principle continue, on the plane of this life, what they were and yet signify something entirely new."

'THE RECOVERY OF TRUTH', BY HERMANN KEYSERLING, PP 91-92.

[9] The only excuse for this book is that it is an attempt to penetrate to that deeper meaning underlying the great events in the life of Christ, and to bring into renewed life and interest the weakening aspiration of the Christian. If it can be shown that the story revealed in the Gospels has not only an application to that divine Figure Which dwelt for a time among men, but that it has also a practical significance and meaning for the civilised man today, then there will be some objective gained and some service and help rendered. It is possible that today—owing to our more advanced evolution and the ability to express ourselves through more finely developed shades of consciousness—we can appropriate the teaching with a clearer vision and a wiser use of the indicated lesson. This great *Myth* belongs to us—for let us be courageous and use this word in its true and right connotation. *A myth is capable of becoming a fact in the experience of an individual, for a myth is a fact which can be proven.* Upon the myths we take our stand, but we must seek to re-interpret them in the light of the present. Through self-initiated experiment we can prove their validity; through experience we can establish them as governing forces in our lives; and through their expression we can demonstrate their truth to others. This is the theme of this book, dealing as it does with the facts of the Gospel story, that fivefold sequential myth

này, hiện tượng cũ khoác lấy một ý nghĩa mới và khác. Như vậy, Công giáo, Tin Lành, Công giáo Hy Lạp, Hồi giáo và tính tôn giáo Phật giáo, về nguyên tắc, có thể tiếp tục trên cõi đời này đúng như chúng từng là, nhưng lại hàm nghĩa một điều hoàn toàn mới."

'SỰ PHỤC HỒI CHÂN LÝ', CỦA HERMANN KEYSERLING, TR. 91-92.

[9] Lý do duy nhất biện minh cho quyển sách này là vì nó là một nỗ lực nhằm thâm nhập vào ý nghĩa sâu xa hơn nằm bên dưới những biến cố lớn trong đời sống của Đức Christ, và nhằm đem lại sức sống cùng sự quan tâm mới cho khát vọng đang suy yếu của người tín đồ Cơ Đốc. Nếu có thể cho thấy rằng câu chuyện được mặc khải trong các sách Phúc Âm không chỉ áp dụng cho Nhân Vật thiêng liêng ấy, Đấng đã sống một thời gian giữa loài người, mà còn có thâm nghĩa và ý nghĩa thực tiễn đối với con người văn minh ngày nay, thì khi ấy sẽ đạt được một mục tiêu nào đó và thực hiện được một sự phụng sự cùng trợ giúp nào đó. Có thể ngày nay—nhờ sự tiến hoá tiến xa hơn của chúng ta và khả năng biểu lộ chính mình qua những sắc thái tâm thức được phát triển tinh tế hơn—chúng ta có thể tiếp nhận giáo huấn ấy với tầm nhìn sáng rõ hơn và với việc sử dụng bài học được chỉ ra một cách minh triết hơn. *Huyền thoại* vĩ đại này thuộc về chúng ta—vì chúng ta hãy can đảm và dùng từ này theo đúng hàm nghĩa chân thật và thích đáng của nó. *Một huyền thoại có khả năng trở thành một sự kiện trong kinh nghiệm của một cá nhân, vì huyền thoại là một sự kiện có thể được chứng minh.* Trên các huyền thoại, chúng ta đứng vững, nhưng chúng ta phải tìm cách diễn giải lại chúng dưới ánh sáng của hiện tại. Qua thử nghiệm do chính mình khởi xướng, chúng ta có thể chứng minh giá trị của chúng; qua kinh nghiệm, chúng ta có thể xác lập chúng như những mãnh lực chi phối

which teaches us the revelation of divinity in the Person of Jesus Christ, and which remains eternally truth, in the cosmic sense, in the historical sense, and in its practical application to the individual. This myth divides itself into five great episodes:

trong đời sống mình; và qua sự biểu lộ của chúng, chúng ta có thể chứng minh chân lý của chúng cho người khác. Đây là chủ đề của quyển sách này, vì nó bàn đến các sự kiện của câu chuyện Phúc Âm, huyền thoại tuần tự ngũ phân ấy vốn dạy chúng ta về sự mặc khải của thiên tính trong Ngôi vị của Đức Jesus Christ, và vốn vẫn vĩnh viễn là chân lý, theo nghĩa vũ trụ, theo nghĩa lịch sử, và trong sự áp dụng thực tiễn của nó đối với cá nhân. Huyền thoại này tự phân chia thành năm giai đoạn lớn:

1. The Birth at Bethlehem.

1. Sự Giáng Sinh tại Bethlehem.

2. The Baptism in Jordan.

2. Phép Rửa tại Jordan.

3. The Transfiguration on Mount Carmel.

3. Sự Biến Hình trên Núi Carmel.

4. The Crucifixion on Mount Golgotha.

4. Sự Đóng Đinh trên Núi Golgotha.

5. The Resurrection and Ascension.

5. Sự Phục Sinh và Thăng Thiên.

Their significance for us and their re-interpretation in modern terms is our task.

Thâm nghĩa của chúng đối với chúng ta và việc diễn giải lại chúng bằng những thuật ngữ hiện đại là nhiệm vụ của chúng ta.

[10] A point of crisis and of culmination has been reached in the history of man, and man owes this to the influence of Christianity. As a member of the human family, he has reached a level of integration unknown in the past, except in the case of a select few in every nation. He is, as the psychologists have indicated, a sum total of physical organisms, of vital force, of psychical states or emotional conditions, and of mental or thought reactions. He is now ready to have indicated to him his next transition, development or unfoldment. Of this he is expectant, standing in readiness to take advantage of the opportunity. The door into a world of higher being and consciousness

[10] Một điểm khủng hoảng và đỉnh điểm đã đạt đến trong lịch sử con người, và con người có được điều này là nhờ ảnh hưởng của Cơ Đốc giáo. Với tư cách một thành viên của gia đình nhân loại, y đã đạt đến một cấp độ tích hợp chưa từng được biết trong quá khứ, ngoại trừ nơi một số ít người được tuyển chọn trong mỗi quốc gia. Như các nhà tâm lý học đã chỉ ra, y là tổng thể của các cơ thể vật chất, của mãnh lực sinh lực, của các trạng thái tâm lý hay các điều kiện cảm xúc, và của các phản ứng trí tuệ hay tư tưởng. Giờ đây y đã sẵn sàng để được chỉ ra cho mình bước chuyển tiếp, sự phát triển hay sự khai mở kế tiếp. Y đang mong đợi điều này, đứng trong tư thế sẵn sàng để tận dụng cơ hội. Cánh cửa

stands wide open; the way into the kingdom of God has been clearly pointed out. Many in the past have passed into that kingdom and awakened there to a world of being and of understanding which is, to the multitude, a sealed mystery. The glory of the present moment lies in the fact that many thousands stand thus prepared, and (given the needed instruction) could be initiated into the mysteries of God. A new unfoldment in consciousness is now possible; a new goal has arisen and governs the intentions of many. We are, as a race, definitely on our way towards some new knowledge, some fresh recognitions, and some deeper world of values. What happens on the outer plane of experience is indicative of a similar happening in a more subtle world of meaning. For this we must prepare.

vào một thế giới của Bản Thể và tâm thức cao hơn đang mở rộng; con đường vào Thiên Giới đã được chỉ ra rõ ràng. Nhiều người trong quá khứ đã bước vào giới ấy và tại đó đã thức tỉnh trước một thế giới của Bản Thể và của sự thấu hiểu, vốn đối với đám đông vẫn là một huyền nhiệm bị niêm kín. Vinh quang của khoảnh khắc hiện tại nằm ở sự kiện rằng nhiều ngàn người đang đứng trong tình trạng được chuẩn bị như thế, và nếu được ban sự hướng dẫn cần thiết, họ có thể được điểm đạo vào các huyền nhiệm của Thượng đế. Một sự khai mở mới trong tâm thức nay đã có thể xảy ra; một mục tiêu mới đã xuất hiện và đang chi phối các ý định của nhiều người. Với tư cách một nhân loại, chúng ta chắc chắn đang trên đường hướng tới một tri thức mới nào đó, những nhận biết mới mẻ nào đó, và một thế giới giá trị sâu xa hơn nào đó. Điều xảy ra trên cõi bên ngoài của kinh nghiệm là dấu hiệu của một diễn biến tương tự trong một Thế giới của ý nghĩa tinh tế hơn. Chúng ta phải chuẩn bị cho điều này.

We have seen that the Christian revelation unified in itself the teachings of the past. This, Christ Himself pointed out when He said, "Think not that I am come to destroy the law or the prophets: I am not come to destroy, but to fulfil" *(St. Matt., V,17.).* He embodied all the past, and revealed the highest possibility to man. The words of Dr. Berdyaev, in *Freedom and the Spirit*, throw light on this:

Chúng ta đã thấy rằng sự mặc khải Cơ Đốc tự nó đã hợp nhất các giáo huấn của quá khứ. Chính Đức Christ đã chỉ rõ điều này khi Ngài nói: "Đừng nghĩ rằng Ta đến để phá bỏ luật pháp hay các tiên tri: Ta không đến để phá bỏ, mà để hoàn thành" *(Thánh Matthew, V,17.).* Ngài hiện thân cho toàn bộ quá khứ, và mặc khải khả năng cao nhất cho con người. Những lời của Tiến sĩ Berdyaev, trong *Tự Do và Tinh Thần*, soi sáng điều này:

"The Christian revelation is universal, and everything analogous to it in other religions is simply a part of that revelation. Christianity is not a religion of the same order as the others; it is, as Schleiermacher said, the religion of religions. What does it matter if within [11] Christianity, supposedly so different from other faiths,

"Sự mặc khải Cơ Đốc có tính phổ quát, và mọi điều tương tự với nó trong các tôn giáo khác chỉ đơn giản là một phần của sự mặc khải ấy. Cơ Đốc giáo không phải là một tôn giáo cùng trật tự với các tôn giáo khác; như Schleiermacher đã nói, nó là tôn giáo của các tôn giáo. Có gì là quan trọng nếu bên trong [11] Cơ Đốc giáo, vốn được cho là khác biệt

there is nothing original at all apart from the coming of Christ and His Personality; is it not precisely in this particular that the hope of all religions is fulfilled?"

đến thế so với các tín ngưỡng khác, hoàn toàn không có gì độc đáo ngoài sự xuất hiện của Đức Christ và Phàm ngã của Ngài; chẳng phải chính trong điểm đặc thù ấy mà niềm hy vọng của mọi tôn giáo được hoàn thành hay sao?"

FREEDOM AND THE SPIRIT, BY NICHOLAS BERDYAEV, PP. 88-89.

TỰ DO VÀ TINH THẦN, CỦA NICHOLAS BERDYAEV, TR. 88-89.

Each great period of time and each world cycle will have—through the loving-kindness of God—its religion of religions, synthesising all the past revelations and indicating the future hope. The world expectancy today shows that we stand on the verge of a new revelation. It will be a revelation which will in no way negate our divine spiritual heritage, but will add the clear vision of the future to the wonder of the past. It will express what is divine but has been hitherto unrevealed. It is therefore possible that an understanding of some of the deeper significances of the Gospel story may enable the modern seeker to grasp the wider synthesis.

Mỗi thời kỳ lớn và mỗi chu kỳ thế giới sẽ có—nhờ lòng nhân từ yêu thương của Thượng đế—tôn giáo của các tôn giáo của riêng nó, tổng hợp mọi sự mặc khải trong quá khứ và chỉ ra niềm hy vọng tương lai. Sự mong đợi của thế giới ngày nay cho thấy rằng chúng ta đang đứng bên bờ một sự mặc khải mới. Đó sẽ là một sự mặc khải tuyệt nhiên không phủ nhận di sản tinh thần thiêng liêng của chúng ta, mà sẽ thêm tầm nhìn sáng rõ về tương lai vào sự kỳ diệu của quá khứ. Nó sẽ biểu lộ điều thiêng liêng nhưng cho đến nay vẫn chưa được mặc khải. Do đó, có thể một sự thấu hiểu về một số thâm nghĩa sâu xa hơn của câu chuyện Phúc Âm sẽ giúp người tìm đạo hiện đại nắm bắt được tổng hợp rộng lớn hơn.

Some of these deeper implications were touched upon in a book published many years ago, entitled *The Crises of the Christ*, by that veteran Christian, Dr. Campbell Morgan. Taking the five major episodes in the life of the Saviour, around which the entire Gospel narrative is built, he gave them a wide and general application, leaving one with the realisation that Christ had not only passed through these dramatic experiences, in deed and in truth, but had left us with the definite command that we should "follow His steps." *(I Peter, II.21.)* Is it not possible that these great facts in the experience of Christ, these five personalised aspects of the universal myth, may have for us, as

Một vài hàm ý sâu xa hơn này đã được đề cập trong một quyển sách xuất bản nhiều năm trước, nhan đề *Các Cuộc Khủng Hoảng của Đức Christ*, của vị tín đồ Cơ Đốc kỳ cựu, Tiến sĩ Campbell Morgan. Lấy năm giai đoạn chính trong đời sống của Đấng Cứu Thế, quanh đó toàn bộ câu chuyện Phúc Âm được xây dựng, ông đã trao cho chúng một sự áp dụng rộng rãi và tổng quát, khiến người ta nhận ra rằng Đức Christ không chỉ đã trải qua những kinh nghiệm đầy kịch tính này, thật sự và đúng thực, mà còn để lại cho chúng ta mệnh lệnh rõ ràng rằng chúng ta phải "theo bước chân Ngài." *(I Peter, II.21.)* Chẳng phải có thể những sự kiện lớn này trong kinh nghiệm của Đức Christ, năm

individuals, more than an historical and personal interest? Is it not possible that they may embody some experience and some initiated undertaking through which many Christians may now pass, and thus obey His injunction to enter into new life? Must we not all be born again, baptised into the Spirit, and transfigured upon the mountain top of living experience? Does not the crucifixion lie ahead for many of us, leading on to the resurrection and the ascension? And is it not also possible [12] that we have interpreted these words in too narrow a sense, with too sentimental and ordinary an implication, whereas they may indicate to those who are ready a special way and a more rapid following in the footsteps of the Son of God? This is one of the points which concern us and with which this book will attempt to deal. If this more intensive meaning can be found, and if the drama of the Gospels can become in some peculiar way the drama of those souls who are ready, then we shall see the resurrection of the essentials of Christianity and the revivifying of the form which is so rapidly crystallising.

phương diện được cá nhân hoá này của huyền thoại phổ quát, đối với chúng ta, với tư cách cá nhân, còn có ý nghĩa hơn cả sự quan tâm lịch sử và cá nhân hay sao? Chẳng phải có thể chúng hiện thân cho một kinh nghiệm nào đó và một công cuộc điểm đạo nào đó mà nhiều tín đồ Cơ Đốc nay có thể trải qua, và như thế tuân theo huấn lệnh của Ngài để bước vào đời sống mới hay sao? Chẳng phải tất cả chúng ta đều phải được tái sinh, được rửa trong Tinh thần, và được biến hình trên đỉnh núi của kinh nghiệm sống động hay sao? Chẳng phải sự đóng đinh đang ở phía trước đối với nhiều người trong chúng ta, dẫn tới sự phục sinh và thăng thiên hay sao? Và chẳng phải cũng có thể [12] chúng ta đã diễn giải những lời này theo một nghĩa quá hẹp, với một hàm ý quá đa cảm và thông thường, trong khi chúng có thể chỉ ra cho những ai đã sẵn sàng một con đường đặc biệt và một sự theo bước Con của Thượng đế nhanh chóng hơn hay sao? Đây là một trong những điểm liên quan đến chúng ta và quyển sách này sẽ cố gắng đề cập đến. Nếu ý nghĩa mãnh liệt hơn này có thể được tìm thấy, và nếu vở kịch của các sách Phúc Âm có thể, theo một cách đặc biệt nào đó, trở thành vở kịch của những linh hồn đã sẵn sàng, thì chúng ta sẽ chứng kiến sự phục sinh của các yếu tính của Cơ Đốc giáo và sự làm sống lại hình tướng đang kết tinh quá nhanh chóng.

2

It is of interest to recall that other teachings besides that of Christianity have emphasised these five important crises that occur, if so desired, in the life of those human beings who take their stand upon their essential divinity. Both the Hindu teaching and the Buddhist faith have emphasised them as evolutionary crises which we may not ultimately escape; and a right

2

Thật đáng chú ý khi nhớ lại rằng ngoài Cơ Đốc giáo, các giáo huấn khác cũng đã nhấn mạnh năm cuộc khủng hoảng quan trọng này, vốn xảy ra, nếu được mong muốn, trong đời sống của những con người đứng vững trên thiên tính cốt yếu của mình. Cả giáo huấn Ấn Độ giáo lẫn tín ngưỡng Phật giáo đều đã nhấn mạnh chúng như những cuộc khủng hoảng tiến hoá mà rốt cuộc chúng ta

understanding of the interrelation of these great world religions may eventually bring about a truer understanding of all of them. The religion of the Buddha, though preceding that of the Christ, expresses the same basic truths, but phrases them in a different manner, which can help us nevertheless to a larger interpretation of Christianity.

không thể tránh khỏi; và một sự thấu hiểu đúng đắn về mối tương quan giữa các tôn giáo lớn của thế giới này cuối cùng có thể đem lại một sự thấu hiểu chân thật hơn về tất cả chúng. Tôn giáo của Đức Phật, dù có trước tôn giáo của Đức Christ, biểu lộ cùng những chân lý căn bản, nhưng diễn đạt chúng theo một cách khác, tuy vậy vẫn có thể giúp chúng ta có một sự diễn giải rộng lớn hơn về Cơ Đốc giáo.

"Buddhism and Christianity find their origins respectively in two inspired moments of history: the life of the Buddha, and the life of Christ. The Buddha gave his doctrine to enlighten the world: Christ gave his life. It is for Christians to discern the doctrine. Perhaps in the end the most valuable part of the doctrine of the Buddha is its interpretation of his life."

"Phật giáo và Cơ Đốc giáo lần lượt tìm thấy nguồn gốc của mình trong hai khoảnh khắc được cảm hứng của lịch sử: đời sống của Đức Phật, và đời sống của Đức Christ. Đức Phật trao giáo lý của Ngài để soi sáng thế gian: Đức Christ trao đời sống của Ngài. Việc phân biện tinh thần giáo lý là trách nhiệm của các tín đồ Cơ Đốc. Có lẽ rốt cuộc phần giá trị nhất trong giáo lý của Đức Phật là sự diễn giải của nó về đời sống của Ngài."

'RELIGION IN THE MAKING', BY A. N. WHITEHEAD, P.55.

'TÔN GIÁO ĐANG HÌNH THÀNH', CỦA A. N. WHITEHEAD, TR.55.

The teaching of Lao-Tzu can also serve the same purpose. Religion must eventually be composite, gathered from many [13] sources and composed of many truths. Yet it is legitimate to feel that if one had to choose, at this time, *one* faith, one might choose Christianity, and for this specific reason: the central problem of life is to lay hold upon our divinity and to make it manifest. In the life of Christ we have the most complete and perfect demonstration and example of divinity lived successfully on earth, and lived—as most of us have to live—not in retirement, but in the full tide of storm and stress.

Giáo huấn của Lão Tử cũng có thể phụng sự cùng mục đích ấy. Rốt cuộc, tôn giáo phải mang tính tổng hợp, được gom góp từ nhiều [13] nguồn và cấu thành từ nhiều chân lý. Tuy nhiên, ta có quyền cảm thấy rằng nếu vào lúc này phải chọn *một* tín ngưỡng, người ta có thể chọn Cơ Đốc giáo, và vì lý do đặc biệt này: vấn đề trung tâm của đời sống là nắm lấy thiên tính của chúng ta và làm cho nó biểu hiện. Trong đời sống của Đức Christ, chúng ta có sự chứng minh và mẫu mực hoàn chỉnh nhất, hoàn hảo nhất về thiên tính được sống thành công trên Trái Đất, và được sống—như phần lớn chúng ta phải sống—không phải trong ẩn dật, mà ngay giữa dòng thác đầy bão tố và căng thẳng.

Exponents of all faiths are today meeting to discuss the possibility of finding a platform

Ngày nay, những người đại diện cho mọi tín ngưỡng đang gặp gỡ để thảo luận khả năng

of such universality and truth that upon it all men may unite, and on which the coming world religion may be based. This may perhaps be found in a clearer interpretation and understanding of these five outstanding episodes, and in their practical and unique relationship not only to the individual but to humanity as a whole. This realisation will bind us more definitely to the past, anchoring us in the truth that was; it will indicate to us our immediate goal and duty, which when understood will enable us to live more divinely, to serve more adequately, and thus to bring the will of God into fruition on earth. It is their inner meaning and our individual relation to them that are of importance.

tìm ra một nền tảng có tính phổ quát và chân lý đến mức trên đó mọi người có thể hợp nhất, và trên đó tôn giáo thế giới sắp đến có thể được đặt nền. Điều này có lẽ có thể được tìm thấy trong một sự diễn giải và thấu hiểu sáng rõ hơn về năm giai đoạn nổi bật này, và trong mối liên hệ thực tiễn, độc đáo của chúng không chỉ với cá nhân mà còn với toàn thể nhân loại. Sự nhận ra này sẽ ràng buộc chúng ta rõ ràng hơn với quá khứ, neo chúng ta trong chân lý đã từng có; nó sẽ chỉ cho chúng ta mục tiêu và bổn phận trước mắt, những điều khi được thấu hiểu sẽ giúp chúng ta sống thiêng liêng hơn, phụng sự đầy đủ hơn, và như thế đem Ý Chí của Thượng Đế đến chỗ thành tựu trên Trái Đất. Chính ý nghĩa bên trong của chúng và mối liên hệ cá nhân của chúng ta với chúng mới là điều quan trọng.

There is nothing but a valuable gain to us, an enriching of our consciousness, when we realise the unity, and at times the uniformity of the teaching as it is given in both the East and the West. For instance, the fourth event in Christ's life, the Crucifixion, finds a parallel in the fourth initiation of the Oriental teaching which is called the Great Renunciation. There is an initiation, called in the Buddhist terminology the "entering of the stream," and there is in the life of Jesus an episode which we call the "baptism in Jordan." The story of Christ's birth at Bethlehem can be paralleled in practically every detail in the lives of earlier messengers from God. These proved facts should surely evoke from us the recognition that though there are many messengers there is only one Message; but this recognition in no way [14] detracts from the unique task of the Christ and the unique function which He came forth to fulfil.

Chúng ta chỉ có được lợi ích quý giá, một sự làm phong phú tâm thức của mình, khi nhận ra sự thống nhất, và đôi khi sự đồng dạng của giáo huấn như nó được trao ở cả Đông phương lẫn Tây phương. Chẳng hạn, biến cố thứ tư trong đời sống của Đức Christ, sự Đóng Đinh, có một tương ứng trong lần điểm đạo thứ tư của giáo huấn Đông phương, được gọi là Sự Từ Bỏ Vĩ Đại. Có một cuộc điểm đạo, trong thuật ngữ Phật giáo gọi là "nhập lưu," và trong đời sống của Đức Jesus có một giai đoạn mà chúng ta gọi là "phép rửa tại Jordan." Câu chuyện về sự giáng sinh của Đức Christ tại Bethlehem có thể được song chiếu gần như trong mọi chi tiết với đời sống của các sứ giả trước đó từ Thượng đế. Những sự kiện đã được chứng minh này chắc chắn phải gợi lên nơi chúng ta sự nhận biết rằng dù có nhiều sứ giả, chỉ có một Thông Điệp; nhưng sự nhận biết này tuyệt nhiên [14] không làm giảm giá trị nhiệm vụ độc đáo của Đức Christ và chức năng độc đáo mà Ngài đã xuất hiện để hoàn thành.

It is interesting also to bear in mind that these two outstanding Individualities, the Buddha and the Christ, have set Their seal upon both hemispheres—the Buddha being the Teacher for the Orient, and Christ the Saviour of the Occident. Whatever may be our personal conclusions as to Their relations to the Father in Heaven or to each other, the fact stands out past all controversy that They gave the revelation of divinity to Their particular civilisations, and that in a most significant manner They worked together for the eventual benefit of the race. Their two systems are interdependent, and Buddha prepared the world for the message and the mission of Christ.

Cũng thật thú vị khi ghi nhớ rằng hai Cá Thể nổi bật này, Đức Phật và Đức Christ, đã đóng ấn của Các Ngài lên cả hai bán cầu—Đức Phật là Huấn sư của Đông phương, và Đức Christ là Đấng Cứu Thế của Tây phương. Dù các kết luận cá nhân của chúng ta về mối quan hệ của Các Ngài với Cha trên Trời hay với nhau là gì, sự kiện vượt ngoài mọi tranh cãi vẫn nổi bật rằng Các Ngài đã trao sự mặc khải về thiên tính cho các nền văn minh riêng của Các Ngài, và rằng theo một cách hết sức có thâm nghĩa, Các Ngài đã cùng làm việc vì lợi ích cuối cùng của nhân loại. Hai hệ thống của Các Ngài phụ thuộc lẫn nhau, và Đức Phật đã chuẩn bị thế giới cho thông điệp và sứ mạng của Đức Christ.

Both embodied in Themselves certain cosmic principles, and by Their work and sacrifice certain divine potencies poured through and upon mankind. The work done by the Buddha, and the message which He sounded, stimulated intelligence into wisdom. Wisdom is a cosmic principle, and a divine potency. This the Buddha embodied.

Cả hai đều tự mình hiện thân cho một số nguyên khí vũ trụ, và nhờ công việc cùng sự hi sinh của Các Ngài, một số quyền năng thiêng liêng đã tuôn qua và tuôn xuống nhân loại. Công việc do Đức Phật thực hiện, và thông điệp mà Ngài đã xướng lên, đã kích thích trí thông minh thành minh triết. Minh triết là một nguyên khí vũ trụ, và là một quyền năng thiêng liêng. Đức Phật đã hiện thân cho điều này.

But love came to the world through Christ, and He, through His work, transmuted emotion into Love. As “God is Love,” the comprehension that Christ revealed the love of God makes clear the magnitude of the task He undertook—a task far beyond the powers of any teacher or messenger who had preceded Him. The Buddha, when He achieved illumination, “let in” a flood of light upon life and upon our world problems, and this intelligent understanding of the causes of world distress He endeavoured to formulate into the Four Noble Truths. These are, as most of us well know:

Nhưng tình thương đã đến với thế giới qua Đức Christ, và qua công việc của Ngài, Ngài đã chuyển hoá cảm xúc thành Tình thương. Vì “Thượng đế là Tình thương,” nên sự thấu hiểu rằng Đức Christ đã mặc khải tình thương của Thượng đế làm sáng tỏ tầm vóc lớn lao của nhiệm vụ Ngài đảm nhận—một nhiệm vụ vượt xa quyền năng của bất kỳ huấn sư hay sứ giả nào đã đi trước Ngài. Đức Phật, khi đạt giác ngộ, đã “đưa vào” một dòng lũ ánh sáng trên đời sống và trên các vấn đề thế giới của chúng ta, và sự thấu hiểu thông minh này về các nguyên nhân của nỗi thống khổ thế giới, Ngài đã cố gắng diễn đạt

thành Bốn Chân Lý Cao Quý. Những chân lý này, như hầu hết chúng ta đều biết rõ, là:

1. That existence in the phenomenal universe is inseparable from suffering and from sorrow.

1. Rằng sự tồn tại trong vũ trụ hiện tượng không thể tách rời khỏi đau khổ và sầu não.

2. That the cause of suffering is desire for existence in the world of phenomena.

2. Rằng nguyên nhân của đau khổ là dục vọng đối với sự tồn tại trong thế giới hiện tượng.

3. That cessation of suffering is brought about by eradicating all desire for existence in this universe of phenomena.[15]

3. Rằng sự chấm dứt đau khổ được đem lại bằng cách nhổ tận gốc mọi dục vọng đối với sự tồn tại trong vũ trụ hiện tượng này.[15]

4. That the way to the cessation of suffering is by treading the noble Eightfold Path, wherein are expressed right belief, right intentions, right speech, right actions, right living, right endeavour, right-mindedness and right concentration.

4. Rằng con đường dẫn đến sự chấm dứt đau khổ là bằng cách bước đi trên Bát Chánh Đạo cao quý, trong đó được biểu lộ niềm tin đúng, ý định đúng, lời nói đúng, hành động đúng, sinh sống đúng, nỗ lực đúng, tâm hướng đúng và tập trung đúng.

He provided a structure of truth, of dogma and of doctrine which has enabled many thousands, down the centuries, to see the light. Today Christ and His disciples are occupied (as they have been for two thousand years) with the same task of bringing enlightenment and salvation to men; blows are being struck at the world illusion, and the minds of humanity are arriving, *en masse*, at an increasing clarity of thought. Through the message, therefore, of the Buddha, man can, for the first time, grasp the cause of his eternal discontent, of his constant distaste and dissatisfaction, and of his endless nostalgia. From the Buddha he can learn that the way of release is to be found in detachment, dispassion and discrimination. These are the first steps on the road to Christ.

Ngài đã cung cấp một cấu trúc của chân lý, tín điều và giáo lý, nhờ đó nhiều ngàn người qua các thế kỷ đã có thể thấy ánh sáng. Ngày nay Đức Christ và các đệ tử của Ngài đang bận rộn với cùng nhiệm vụ đem giác ngộ và sự cứu rỗi đến cho con người, như Các Ngài đã làm suốt hai ngàn năm; những đòn đánh đang giáng vào ảo tưởng thế giới, và trí tuệ của nhân loại, *trên quy mô tập thể*, đang đạt đến một sự sáng rõ tư tưởng ngày càng tăng. Do đó, qua thông điệp của Đức Phật, lần đầu tiên con người có thể nắm bắt nguyên nhân của sự bất mãn vĩnh viễn của mình, của sự chán ghét và không thoả mãn thường trực, và của nỗi hoài vọng bất tận của mình. Từ Đức Phật, y có thể học rằng con đường giải thoát được tìm thấy trong sự tách rời, sự vô dục và sự phân biện. Đây là những bước đầu tiên trên đường đến với Đức Christ.

Through the message of Christ three general concepts emerged into the racial consciousness:

Qua thông điệp của Đức Christ, ba quan niệm tổng quát đã nổi lên trong tâm thức nhân loại:

First, that the individual, as an individual, is of value. This was a truth which the general Eastern doctrine of rebirth had tended to negate. Time was long; opportunity would endlessly recur; the evolutionary process would do its work. Let mankind therefore drift as a whole with the tide, and eventually all would be well. Hence the general attitude of the East was failure to emphasise the supreme value of any individual. But Christ came and emphasised the work of the individual, saying, "Let your light so shine before men, that they may see your good works." *(St. Matt., V, 16.)*

Thứ nhất, rằng cá nhân, với tư cách một cá nhân, có giá trị. Đây là một chân lý mà giáo lý Đông phương tổng quát về tái sinh đã có khuynh hướng phủ nhận. Thời gian thì dài; cơ hội sẽ tái diễn vô tận; tiến trình tiến hoá sẽ làm công việc của nó. Vì vậy, hãy để nhân loại như một toàn thể trôi theo dòng nước, và cuối cùng mọi sự sẽ tốt đẹp. Do đó, thái độ chung của Đông phương là không nhấn mạnh giá trị tối thượng của bất kỳ cá nhân nào. Nhưng Đức Christ đã đến và nhấn mạnh công việc của cá nhân, phán rằng: "Hãy để ánh sáng của các con chiếu rạng trước loài người, để họ thấy những việc lành của các con." *(Thánh Matthew, V, 16.)*

Second, the opportunity was presented to the race as a whole to take a tremendous step forward, to undergo the "new birth" or take the first initiation. This we shall deal with in our next chapter.

Thứ hai, cơ hội đã được trao cho toàn thể nhân loại để thực hiện một bước tiến vĩ đại, trải qua "sự tái sinh" hay nhận lần điểm đạo thứ nhất. Điều này chúng ta sẽ bàn đến trong chương kế tiếp.

[16] The third concept which was taught by the Christ was that which embodied the technique of the new age, which was to come when individual salvation and the new birth had been properly grasped. This was the message or command to love our neighbour as ourselves. *(St.Matt., XIX, 19).* Individual effort, group opportunity, and identification with each other—this was the message of the Christ.

[16] Quan niệm thứ ba do Đức Christ dạy là quan niệm hiện thân cho kỹ thuật của kỷ nguyên mới, vốn sẽ đến khi sự cứu rỗi cá nhân và sự tái sinh đã được nắm bắt đúng đắn. Đây là thông điệp hay mệnh lệnh phải yêu thương người lân cận như chính mình. *(Thánh Matthew., XIX, 19).* Nỗ lực cá nhân, cơ hội tập thể, và sự đồng hoá với nhau—đó là thông điệp của Đức Christ.

In the teaching of the Buddha we have the three ways in which the lower nature can be changed and prepared to be a conscious expression of divinity. Through *detachment* man learns to withdraw his interest and his consciousness from the things of the senses,

Trong giáo huấn của Đức Phật, chúng ta có ba cách nhờ đó bản chất thấp có thể được thay đổi và chuẩn bị để trở thành một sự biểu lộ có ý thức của thiên tính. Qua *sự tách rời*, con người học cách rút sự quan tâm và tâm thức của mình khỏi các sự vật của giác

and to turn a deaf ear to the calls of the lower nature. Detachment imposes a new rhythm upon the man. Through learning the lesson of *dispassion* he becomes immune to the suffering of the lower nature as he detaches his interest from secondary things and the non-essentials, and centres it upon the higher realities. Through the practice of *discrimination* the mind learns to select the good, the beautiful and the true. These three practices, leading to a changed attitude towards life and reality, will, when held sanely, bring in the rule of wisdom and prepare the disciple for the Christ life.

quan, và bịt tai trước những tiếng gọi của bản chất thấp. Sự tách rời áp đặt một nhịp điệu mới lên con người. Qua việc học bài học về *sự vô dục*, y trở nên miễn nhiễm với nỗi đau khổ của bản chất thấp khi y tách sự quan tâm của mình khỏi những điều thứ yếu và không cốt yếu, và tập trung nó vào các thực tại cao hơn. Qua việc thực hành *sự phân biện*, trí tuệ học cách chọn điều thiện, điều đẹp và điều chân thật. Ba thực hành này, dẫn đến một thái độ đổi khác đối với đời sống và thực tại, khi được giữ một cách lành mạnh, sẽ đem vào quyền cai quản của minh triết và chuẩn bị đệ tử cho đời sống Đức Christ.

Upon this racial teaching follows the work of the Christ with humanity, resulting in an understanding of the value of the individual and his self-initiated efforts at release and illumination, with the final objective of group love and group good. We learn to perfect ourselves in consonance with Christ's injunction, "Be ye therefore perfect," *(St.Matt.,V, 48.)* in order to have somewhat to contribute to the group good, and in order to serve Christ perfectly. Thus that spiritual reality, spoken of by St. Paul as "Christ in you, the hope of glory," *(Col.,I, 27.)* is released in man and can manifest in full expression. When a sufficient number of people have grasped this ideal, the entire human family can stand for the first time before the portal [17] which leads to the Path of Light, and the life of Christ will flower forth in the human kingdom. Personality then fades out, dimmed by the glory of the soul, which, like the rising sun, disperses the darkness, reveals the life-situation, and irradiates the lower nature. It leads to group activity, and self, as we usually understand it, disappears. This is already happening. The final result of the work of the Christ can be seen portrayed for us in His words to be

Theo sau giáo huấn dành cho nhân loại này là công việc của Đức Christ với nhân loại, đưa đến sự thấu hiểu giá trị của cá nhân và các nỗ lực tự khởi xướng của y nhằm giải thoát và soi sáng, với mục tiêu cuối cùng là tình thương tập thể và lợi ích tập thể. Chúng ta học cách hoàn thiện chính mình phù hợp với huấn lệnh của Đức Christ, "Vậy các con hãy nên hoàn thiện," *(Thánh Matthew,V, 48.)* để có điều gì đó đóng góp cho lợi ích tập thể, và để phụng sự Đức Christ một cách hoàn hảo. Như thế, thực tại tinh thần ấy, được Thánh Paul nói đến như "Đức Christ trong các con, niềm hy vọng của vinh quang," *(Col.,I, 27.)* được giải phóng trong con người và có thể biểu hiện trọn vẹn. Khi một số lượng đủ lớn người đã nắm bắt lý tưởng này, toàn thể gia đình nhân loại lần đầu tiên có thể đứng trước cổng [17] dẫn đến Con Đường Ánh sáng, và đời sống của Đức Christ sẽ nở hoa trong giới nhân loại. Khi ấy phàm ngã mờ dần, bị làm lu mờ bởi vinh quang của linh hồn, vốn như mặt trời mọc, xua tan bóng tối, mặc khải tình thế của đời sống, và chiếu sáng bản chất thấp. Nó dẫn đến hoạt động tập thể, và cái ngã, như chúng ta thường hiểu, biến mất. Điều này đã đang xảy ra. Kết quả cuối cùng của công việc của Đức Christ có thể được thấy phác hoạ cho chúng ta trong những lời của Ngài được tìm thấy

found in St. John XVII, which it would be of value to all of us to read.

trong Thánh John XVII, mà tất cả chúng ta nên đọc.

Individuality, Initiation, Identification—in these terms the message of the Christ can be expressed. This He epitomised when on earth in the words: "I and my Father are one" *(St.John., X, 30.). That great Individuality, the Christ, through the process of the five great Initiations, gave to us a picture of the stages and method whereby identification with God can be brought about.* This sentence gives us the keynote of the entire Gospel story, and constitutes the theme of this book.

Cá thể tính, Điểm đạo, Đồng hoá—bằng những thuật ngữ này, thông điệp của Đức Christ có thể được diễn đạt. Điều này Ngài đã tóm lược khi còn trên Trái Đất trong những lời: "Ta và Cha Ta là một" *(Thánh John., X, 30.). Cá Thể vĩ đại ấy, Đức Christ, qua tiến trình năm cuộc Điểm Đạo lớn, đã trao cho chúng ta một bức tranh về các giai đoạn và phương pháp nhờ đó sự đồng hoá với Thượng đế có thể được đem lại.* Câu này trao cho chúng ta chủ âm của toàn bộ câu chuyện Phúc Âm, và cấu thành chủ đề của quyển sách này.

The interrelation of the work of the past and of the present, as given to us by the great Teacher of the East and by the Saviour of the West, can be expressed as follows:

Mối tương quan giữa công việc của quá khứ và của hiện tại, như đã được trao cho chúng ta bởi vị Huấn sư vĩ đại của Đông phương và Đấng Cứu Thế của Tây phương, có thể được diễn đạt như sau:

Đức Phật	Phương pháp	Sự dứt bỏ. Sự vô dục. Sự phân biện.
The Buddha	*The Method*	*Detachment. Dispassion. Discrimination.*
ĐỨC CHRIST	Kết quả	Chủ nghĩa cá nhân. Điểm đạo. Sự đồng nhất hóa.
The Christ	*The Result*	*Individualism. Initiation. Identification.*

Christ lived His life in that small but significant strip of land which we call Palestine, the Holy Land. He came to prove to us the possibility of individual attainment. He emerged (as all the Teachers throughout the ages seem to have done) out of the Orient, and worked in that country which seems like a bridge between the Eastern and Western hemispheres, separating two most different civilisations. Modern thinkers would do well to remember that Christianity is a bridging religion. Herein lies its great importance. Christianity

Đức Christ đã sống đời sống của Ngài trong dải đất nhỏ bé nhưng đầy thâm nghĩa mà chúng ta gọi là Palestine, Đất Thánh. Ngài đến để chứng minh cho chúng ta khả năng thành tựu cá nhân. Ngài xuất hiện, như dường như tất cả các Huấn sư qua các thời đại đã làm, từ Đông phương, và hoạt động trong quốc gia ấy, nơi giống như một cây cầu giữa các bán cầu Đông và Tây, phân cách hai nền văn minh hết sức khác nhau. Các nhà tư tưởng hiện đại nên ghi nhớ rằng Cơ Đốc giáo là một tôn giáo bắc cầu. Chính trong điều này có tầm quan trọng lớn lao của nó. Cơ Đốc

[18] is the religion of that transitional period which links the era of self-conscious individualistic existence to a future group-conscious unified world. It is outstandingly a religion of cleavage, demonstrating to man his duality, and thus laying the foundation for his effort to achieve unity or at-one-ment. The realisation of this duality is a most needed stage in man's unfoldment, and the purpose of Christianity has been to reveal this; also to point out the warfare between the lower and the higher man, between carnal man and spiritual man, united in one person, and to emphasise the necessity for that lower man to be saved by the higher. This, St. Paul points out in the words so familiar to all of us: "... to make in himself, of twain, one new man, so making peace; and that he might reconcile both unto God in one body, having slain the enmity in himself". *(Eph., II, 15,16, Marginal Reading.)* This was His divine mission, and this is the lesson of the Gospel narrative.

giáo [18] là tôn giáo của thời kỳ chuyển tiếp nối liền kỷ nguyên của sự tồn tại cá nhân chủ nghĩa có ngã thức với một thế giới tương lai thống nhất trong tâm thức tập thể. Nó nổi bật là một tôn giáo của sự phân rẽ, cho con người thấy Nhị nguyên của y, và như thế đặt nền móng cho nỗ lực của y nhằm đạt tới sự hợp nhất hay hiệp nhất. Sự nhận ra Nhị nguyên này là một giai đoạn rất cần thiết trong sự khai mở của con người, và mục đích của Cơ Đốc giáo là mặc khải điều này; cũng như chỉ ra cuộc chiến giữa phàm nhân thấp và con người cao, giữa con người xác thịt và con người tinh thần, hợp nhất trong một ngôi vị, và nhấn mạnh sự cần thiết để phàm nhân thấp ấy được cứu rỗi bởi con người cao. Điều này, Thánh Paul chỉ ra trong những lời rất quen thuộc với tất cả chúng ta: "... để trong chính mình, từ hai, tạo nên một người mới, như thế làm nên hoà bình; và để Ngài có thể hoà giải cả hai với Thượng đế trong một thân thể, sau khi đã giết chết sự thù nghịch trong chính mình". *(Eph., II, 15,16, Bản Đọc Ngoài Lề.)* Đây là sứ mạng thiêng liêng của Ngài, và đây là bài học của câu chuyện Phúc Âm.

Christ therefore not only unified in Himself the past "law and the prophets," but He also provided that presentation of truth which could bridge the gap between Eastern belief and philosophy and our Western materialism and scientific attainment, both of them divine expressions of reality. At the same time He demonstrated to human beings the perfection of the task which each man could carry forward within himself, bridging that essential duality which is his nature, and bringing about that at-one-ment of the human and the divine which it is the task of all religions to aid. Each of us has to make "of twain, one new man, so making peace," for peace is unity and synthesis.

Do đó, Đức Christ không chỉ hợp nhất trong chính Ngài "luật pháp và các tiên tri" của quá khứ, mà Ngài còn cung cấp sự trình bày chân lý có thể bắc cầu qua khoảng cách giữa tín ngưỡng và triết học Đông phương với chủ nghĩa vật chất và thành tựu khoa học Tây phương của chúng ta, cả hai đều là những biểu lộ thiêng liêng của thực tại. Đồng thời, Ngài chứng minh cho con người thấy sự hoàn thiện của nhiệm vụ mà mỗi người có thể tiến hành bên trong chính mình, bắc cầu qua Nhị nguyên cốt yếu vốn là bản chất của y, và đem lại sự hiệp nhất giữa nhân tính và thiên tính mà mọi tôn giáo có nhiệm vụ trợ giúp. Mỗi chúng ta phải làm cho "từ hai, thành một người mới, như thế làm nên hoà

bình," vì hoà bình là sự thống nhất và tổng hợp.

But the lesson and message which Christ brought to individual man He brought also to the nations, holding before them the hope of future world unity and world peace. He came at the beginning of that astronomical age which we call "the Piscean age" because, during this period of approximately two thousand years, our sun is passing through that sign in the zodiac which we call Pisces, or the Fishes. Hence the frequent references to fishes, and the appearance of the [19] symbol of the fish in Christian literature, including the New Testament. This Piscean age comes between the previous Jewish dispensation (the two thousand years wherein the sun was passing through the sign Aries, the Ram) and the Aquarian age into which our sun is now in process of transiting. These are astronomical facts, for I am not here speaking of astrological conclusions. In the period when the sun was in Aries, we find the frequent appearance of the ram or the scapegoat in the Old Testament teaching, and the keeping of the Passover feast. In the Christian age we use the fish symbology, even to eating fish on Good Friday. The symbol of the Aquarian age, as it appears in all the ancient zodiacs, is that of a man bearing a jar of water. The message of that age is one of unity, communion and our relationship as brothers, because we are all the children of the one Father. To this age Christ pointed in His instructions to His disciples when He told them to go into the city, and said: "When ye are entered into the city, there shall a man meet you, bearing a pitcher of water; follow him into the house where he entereth in." *(St. Luke, XXII, 7, 10.).* This they did, and the great and holy feast of communion was later held in that house. The reference is undoubtedly to the future

Nhưng bài học và thông điệp mà Đức Christ đem đến cho từng con người, Ngài cũng đem đến cho các quốc gia, đặt trước họ niềm hy vọng về sự thống nhất thế giới và hoà bình thế giới trong tương lai. Ngài đến vào lúc khởi đầu của kỷ nguyên thiên văn mà chúng ta gọi là "kỷ nguyên Song Ngư" bởi vì, trong giai đoạn khoảng hai ngàn năm này, mặt trời của chúng ta đang đi qua dấu hiệu hoàng đạo mà chúng ta gọi là Song Ngư, hay Cá. Do đó có những quy chiếu thường xuyên đến cá, và sự xuất hiện của [19] biểu tượng cá trong văn học Cơ Đốc, kể cả Tân Ước. Kỷ nguyên Song Ngư này nằm giữa thời kỳ tôn giáo Do Thái trước đó, hai ngàn năm trong đó mặt trời đi qua dấu hiệu Bạch Dương, Con Cừu Đực, và kỷ nguyên Bảo Bình mà mặt trời của chúng ta hiện đang trong tiến trình quá cảnh vào. Đây là những sự kiện thiên văn, vì ở đây tôi không nói về các kết luận chiêm tinh. Trong thời kỳ mặt trời ở Bạch Dương, chúng ta thấy sự xuất hiện thường xuyên của con cừu đực hay con dê gánh tội trong giáo huấn Cựu Ước, và việc giữ lễ Vượt Qua. Trong kỷ nguyên Cơ Đốc, chúng ta dùng biểu tượng cá, thậm chí đến việc ăn cá vào Thứ Sáu Tuần Thánh. Biểu tượng của kỷ nguyên Bảo Bình, như nó xuất hiện trong tất cả các hoàng đạo cổ xưa, là một người mang bình nước. Thông điệp của kỷ nguyên ấy là sự thống nhất, hiệp thông và mối quan hệ huynh đệ của chúng ta, bởi vì tất cả chúng ta đều là con của một Cha. Đức Christ đã chỉ đến kỷ nguyên này trong những lời chỉ dạy cho các đệ tử của Ngài khi Ngài bảo họ đi vào thành phố, và nói: "Khi các con vào thành phố, sẽ có một người gặp các con, mang một vò nước; hãy theo người ấy vào căn nhà nơi người ấy đi vào." *(Thánh Luke, XXII, 7, 10.).* Họ đã làm như vậy, và bữa tiệc hiệp thông lớn lao và thiêng liêng sau đó được cử hành trong căn nhà ấy. Quy chiếu này chắc chắn

period wherein we enter into that house in the zodiac which is called "the Water-carrier," and wherein also we shall all sit at the same table, and hold communion one with another. The Christian dispensation comes between the two great world cycles, and just as Christ consummated in Himself the message of the past, and gave the teaching for the present, so He also pointed to that future of unity and understanding which is our inevitable goal. We are today at the end of the age, and entering the period of Aquarian unity, as He foretold. The "upper room" is a symbol of that high point of achievement towards which we are, as a race, rapidly moving. Some day the great Communion Service will be held, of which every communion service is the forecast. We are slowly passing into this new sign. For more than two thousand years its potencies and [20] forces will play upon the race and will establish the new types, foster the new expansions of consciousness, and lead man on to a practical realisation of brotherhood.

nói đến thời kỳ tương lai trong đó chúng ta bước vào ngôi nhà trong hoàng đạo được gọi là "Người Mang Nước," và trong đó tất cả chúng ta cũng sẽ cùng ngồi tại một bàn, và giữ sự hiệp thông với nhau. Thời kỳ tôn giáo Cơ Đốc nằm giữa hai chu kỳ thế giới lớn, và cũng như Đức Christ đã hoàn tất trong chính Ngài thông điệp của quá khứ, và trao giáo huấn cho hiện tại, Ngài cũng chỉ về tương lai của sự thống nhất và thấu hiểu, vốn là mục tiêu tất yếu của chúng ta. Ngày nay chúng ta đang ở cuối kỷ nguyên, và bước vào thời kỳ của sự thống nhất Bảo Bình, như Ngài đã tiên báo. "Căn phòng trên cao" là một biểu tượng của điểm thành tựu cao ấy mà chúng ta, với tư cách một nhân loại, đang nhanh chóng tiến tới. Một ngày nào đó Đại Lễ Hiệp Thông sẽ được cử hành, mà mọi lễ hiệp thông đều là sự báo trước. Chúng ta đang từ từ đi vào dấu hiệu mới này. Trong hơn hai ngàn năm, các quyền năng và [20] mãnh lực của nó sẽ tác động lên nhân loại, sẽ thiết lập các kiểu mẫu mới, nuôi dưỡng những mở rộng tâm thức mới, và dẫn con người đến một sự chứng nghiệm thực tiễn về tình huynh đệ.

It is interesting to note how it was that the energies playing upon our planet when the sun was in Aries, the Ram, produced in religious symbology the emphasis of the goat or ram, and how in our present age of Pisces, the Fishes, those influences have coloured our Christian symbology so that the fish preponderates in our New Testament and in our eschatological symbology. The new incoming rays, energies and influences must surely be destined to produce equal effects, not only in the realm of physical phenomena but also in the world of spiritual values. The atoms of the human brain are being "awakened" as never before, and those millions of cells which, we are told, are to be found inactive and dormant in the human brain may be brought into

Thật thú vị khi lưu ý rằng các năng lượng tác động lên hành tinh của chúng ta khi mặt trời ở Bạch Dương, Con Cừu Đực, đã tạo ra trong biểu tượng tôn giáo sự nhấn mạnh vào con dê hay con cừu đực như thế nào, và trong kỷ nguyên hiện tại của chúng ta là Song Ngư, Cá, những ảnh hưởng ấy đã nhuộm màu biểu tượng Cơ Đốc của chúng ta đến mức con cá chiếm ưu thế trong Tân Ước và trong biểu tượng học về thời sau rốt của chúng ta. Các cung, năng lượng và ảnh hưởng mới đang đi vào chắc chắn phải được định để tạo ra những hiệu quả tương đương, không chỉ trong lĩnh vực các hiện tượng hồng trần mà còn trong thế giới của các giá trị tinh thần. Các nguyên tử của bộ não con người đang được "đánh thức" như chưa từng có trước đây, và hàng triệu tế bào mà người ta nói với

functioning activity, bringing with them that intuitive insight which will recognise the coming spiritual revelation.

chúng ta là còn bất hoạt và ngủ yên trong bộ não con người có thể được đưa vào hoạt động chức năng, đem theo chúng sự thấu thị trực giác sẽ nhận ra sự mặc khải tinh thần sắp đến.

Today the world is re-orienting itself to the newer influences, and in the processes of re-adjustment a period of temporary chaos is inevitable. Christianity will not be superseded. It will be transcended, its work of preparation being triumphantly accomplished, and Christ will again give us the next revelation of divinity. If all that we now know of God is all that can be known, the divinity of God is but a limited matter. What the new formulation of truth will be, who can say? But the light is slowly pouring into men's hearts and minds, and in this lighted radiance they will vision the new truths and arrive at a fresh enunciation of the ancient wisdom. Through the lens of the illumined mind man will shortly see aspects of divinity hitherto unknown. May there not be qualities and characteristics of the divine nature which are as yet totally unrecognised and unknown? Can there not be revelations of God utterly unprecedented, and for which we have no words or adequate means of expression? The ancient mysteries, so shortly to be restored, must be re-interpreted in the light of Christianity, and re-adapted [21] to meet modern need, for we can now enter into the Holy Place as intelligent men and women, and not as children looking on at dramatic stories and procedures in which we, as individuals, play no conscious part. Christ enacted for us the dramatic story of the five initiations, and urged us to follow in His steps. For this the past era has prepared us, and we can now pass intelligently into the kingdom of God through the process of initiation. The fact that the *historical* Christ existed and walked on earth is the guarantee to us of our own

Ngày nay thế giới đang tự tái định hướng trước các ảnh hưởng mới hơn, và trong các tiến trình tái điều chỉnh, một giai đoạn hỗn loạn tạm thời là điều không tránh khỏi. Cơ Đốc giáo sẽ không bị thay thế. Nó sẽ được vượt lên, công việc chuẩn bị của nó được hoàn thành một cách khải hoàn, và Đức Christ sẽ lại trao cho chúng ta sự mặc khải kế tiếp về thiên tính. Nếu tất cả những gì chúng ta hiện biết về Thượng đế là tất cả những gì có thể biết, thì thiên tính của Thượng đế chỉ là một điều giới hạn. Công thức mới của chân lý sẽ là gì, ai có thể nói? Nhưng ánh sáng đang từ từ tuôn vào tim và trí của con người, và trong ánh rạng được soi sáng này, họ sẽ thấy trong linh ảnh những chân lý mới và đạt tới một sự tuyên ngôn mới mẻ về Minh Triết Ngàn Đời. Qua thấu kính của thể trí được soi sáng, chẳng bao lâu con người sẽ thấy những phương diện của thiên tính cho đến nay vẫn chưa được biết. Chẳng lẽ không có những phẩm tính và đặc tính của bản chất thiêng liêng cho đến nay vẫn hoàn toàn chưa được nhận ra và chưa được biết hay sao? Chẳng lẽ không thể có những sự mặc khải về Thượng đế hoàn toàn chưa từng có tiền lệ, và đối với chúng ta không có lời nào hay phương tiện diễn đạt thích đáng nào hay sao? Các huyền nhiệm cổ xưa, chẳng bao lâu nữa sẽ được phục hồi, phải được diễn giải lại dưới ánh sáng của Cơ Đốc giáo, và được thích ứng lại [21] để đáp ứng nhu cầu hiện đại, vì nay chúng ta có thể bước vào Nơi Thánh như những người nam và nữ thông minh, chứ không như trẻ em đứng nhìn các câu chuyện và nghi thức kịch tính trong đó chúng ta, với tư cách cá nhân, không đóng một vai trò có ý thức nào. Đức Christ đã diễn lại cho chúng ta câu chuyện kịch tính của năm cuộc điểm

divinity and our ultimate achievement. The fact of the *mythic* Christ, appearing again and again down the ages, proves that God has never left Himself without witness and that always there have been those who have achieved. The fact of the *cosmic* Christ, manifest as the urge towards perfection in all the kingdoms of nature, proves the fact of God and is our eternal hope. Humanity stands at the portals of initiation.

đạo, và thúc giục chúng ta theo bước chân Ngài. Kỷ nguyên quá khứ đã chuẩn bị chúng ta cho điều này, và nay chúng ta có thể bước vào Thiên Giới một cách thông minh qua tiến trình điểm đạo. Sự kiện Đức Christ *lịch sử* đã tồn tại và bước đi trên Trái Đất là sự bảo đảm cho chúng ta về thiên tính của chính mình và thành tựu tối hậu của mình. Sự kiện Đức Christ *huyền thoại*, xuất hiện hết lần này đến lần khác qua các thời đại, chứng minh rằng Thượng đế chưa bao giờ để chính Ngài không có chứng nhân và rằng luôn luôn đã có những người đạt thành tựu. Sự kiện Đức Christ *vũ trụ*, biểu hiện như xung lực hướng tới sự hoàn thiện trong mọi giới của tự nhiên, chứng minh sự kiện về Thượng đế và là niềm hy vọng vĩnh cửu của chúng ta. Nhân loại đang đứng tại các cổng điểm đạo.

3

3

Always there have been temples and mysteries and holy places where the true aspirant could find what he sought, and the needed instruction as to the way he should go. The prophet of old said:

Luôn luôn đã có các đền thờ, các huyền nhiệm và các nơi thánh, nơi người chí nguyện chân chính có thể tìm thấy điều y tìm kiếm, và sự hướng dẫn cần thiết về con đường y phải đi. Vị tiên tri xưa đã nói:

"... a highway shall be there, and a way, and it shall be called the way of holiness; the unclean shall not pass over it, for he shall be with them; the wayfaring men, though fools, shall not err therein."

"... sẽ có một đại lộ ở đó, và một con đường, và nó sẽ được gọi là con đường thánh thiện; kẻ ô uế sẽ không đi qua đó, vì Ngài sẽ ở cùng họ; những người lữ hành, dù ngu dại, cũng sẽ không lầm lạc trong đó."

ISAIAH, XXXV, 8, MARGINAL READING.

ISAIAH, XXXV, 8, DỊ BẢN GHI Ở LỀ.

It is a way that leads from that which lies without to that which dwells within. It reveals, step by step, the hidden life which every form and symbol veils and hides. It assigns to the aspirant certain tasks which lead to his understanding, and produces an inclusiveness and wisdom which meet his deeply sensed need. He passes from the stage of enquiry to what the Tibetans call

Đó là một con đường dẫn từ điều nằm bên ngoài đến điều ngự bên trong. Từng bước một, nó mặc khải sự sống ẩn tàng mà mọi hình tướng và biểu tượng đều che phủ và giấu kín. Nó giao cho người chí nguyện những nhiệm vụ nhất định dẫn đến sự thấu hiểu của y, và tạo ra một tính bao gồm cùng minh triết đáp ứng nhu cầu mà y cảm nhận sâu sắc. Y chuyển từ giai đoạn truy vấn sang

"straight knowledge." Upon that path [22] vision and hope give place to realisation. Initiation after initiation is undergone, each one leading the initiate nearer to the goal of complete unity. Those who in the past thus worked, agonised and attained, constitute a long chain, reaching out of the remotest past into the present, for the initiates are still with us and the door still stands wide open. Through the agency of this hierarchy of achievement, men are lifted, step by step, up the long ladder reaching from earth to heaven, to stand eventually before the Initiator and in that high moment to find that it is the Christ Himself Who thus greets them—the familiar Friend Who, having prepared them by example and precept, now receives them into the presence of God. Such has ever been the experience, the uniform experience down the ages, of all seekers. Revolting in the East from the wheel of rebirth, with its constantly re-iterated suffering and pain, or revolting in the West from the apparent monstrous injustice of the one sorrowful life which the Christian allots himself, men have turned within to find the light and peace and release so ardently desired.

điều mà người Tây Tạng gọi là "tri thức trực tiếp." Trên con đường ấy [22] tầm nhìn và hy vọng nhường chỗ cho sự chứng nghiệm. Điểm đạo này nối tiếp điểm đạo khác được trải qua, mỗi cuộc đưa điểm đạo đồ đến gần hơn với mục tiêu của sự thống nhất hoàn toàn. Những người trong quá khứ đã làm việc, chịu thống khổ và đạt thành tựu như thế tạo thành một chuỗi dài, vươn từ quá khứ xa xôi nhất đến hiện tại, vì các điểm đạo đồ vẫn còn ở cùng chúng ta và cánh cửa vẫn mở rộng. Nhờ trung gian của thánh đoàn thành tựu này, con người được nâng lên từng bước trên chiếc thang dài vươn từ Trái Đất đến thiên đường, để cuối cùng đứng trước Đấng Điểm đạo và trong khoảnh khắc cao cả ấy nhận ra rằng chính Đức Christ là Đấng chào đón họ như thế—Người Bạn quen thuộc, Đấng sau khi đã chuẩn bị họ bằng gương mẫu và giáo huấn, nay tiếp nhận họ vào sự hiện diện của Thượng đế. Kinh nghiệm ấy luôn luôn là như vậy, kinh nghiệm đồng nhất qua các thời đại của mọi người tìm đạo. Dù ở Đông phương, con người nổi dậy chống lại bánh xe tái sinh, với đau khổ và đớn đau liên tục lặp lại của nó, hay ở Tây phương, nổi dậy chống lại sự bất công khủng khiếp bề ngoài của một đời sống sầu khổ duy nhất mà người tín đồ Cơ Đốc tự dành cho mình, con người đã quay vào bên trong để tìm ánh sáng, bình an và giải thoát mà họ khát khao mãnh liệt.

Christ gives us a definite picture of the entire process in His own life story, built around those major initiations which are our universal heritage and the glorious (and for many) the immediate opportunity. These are:

Đức Christ trao cho chúng ta một bức tranh rõ ràng về toàn bộ tiến trình trong câu chuyện đời sống của chính Ngài, được xây dựng quanh những cuộc điểm đạo chính vốn là di sản phổ quát của chúng ta và là cơ hội vinh quang, và đối với nhiều người, là cơ hội trước mắt. Đó là:

1. The Birth at Bethlehem, to which Christ called Nicodemus, saying, "Except a man be

1. Sự Giáng Sinh tại Bethlehem, điều mà Đức Christ đã kêu gọi Nicodemus, khi phán: "Nếu

born again, he cannot see the kingdom of God." *(St. John, III,3.)*

một người không được sinh lại, y không thể thấy Thiên Giới." *(Thánh John, III,3.)*

2. The Baptism in Jordan. This is the baptism to which John the Baptist referred us, telling us that the baptism of the Holy Spirit and of fire must be administered to us by Christ. *(St.Matt., III, 11.)*

2. Phép Rửa tại Jordan. Đây là phép rửa mà John the Baptist đã nói đến với chúng ta, cho chúng ta biết rằng phép rửa của Chúa Thánh Thần và của lửa phải được Đức Christ ban cho chúng ta. *(Thánh Matthew., III, 11.)*

3. The Transfiguration. There perfection is for the first time demonstrated, and there the divine possibility of such perfection is proven to the disciples. The command [23] goes forth to us, "Be ye therefore perfect even as your Father which is in heaven is perfect." *(St.Matt.,V, 48.)*

3. Sự Biến Hình. Ở đó, sự hoàn thiện lần đầu tiên được chứng minh, và ở đó khả năng thiêng liêng của sự hoàn thiện như thế được chứng minh cho các đệ tử. Mệnh lệnh [23] được ban ra cho chúng ta: "Vậy các con hãy nên hoàn thiện như Cha các con trên trời là hoàn thiện." *(Thánh Matthew,V, 48.)*

4. The Crucifixion. This is called the Great Renunciation, in the Orient, with its lesson of sacrifice and its call to the death of the lower nature. This was the lesson which St. Paul knew and the goal towards which he strove. "I die daily," he said, for only in the practice of death daily undergone can the final Death be met and endured." *(I Cor., XV, 31).*

4. Sự Đóng Đinh. Ở Đông phương, điều này được gọi là Sự Từ Bỏ Vĩ Đại, với bài học về sự hi sinh và lời kêu gọi đi đến cái chết của bản chất thấp. Đây là bài học mà Thánh Paul đã biết và là mục tiêu mà ông đã nỗ lực hướng tới. "Tôi chết mỗi ngày," ông nói, vì chỉ trong sự thực hành cái chết được trải qua hằng ngày, Cái Chết cuối cùng mới có thể được đối diện và chịu đựng." *(I Cor., XV, 31).*

5. The Resurrection and Ascension, the final triumph which enables the initiate to sing and to know the meaning of the words: "Oh death, where is thy sting? Oh grave, where is thy victory?" *(I Cor., XV, 55.)*

5. Sự Phục Sinh và Thăng Thiên, chiến thắng cuối cùng cho phép điểm đạo đồ ca lên và biết ý nghĩa của những lời: "Hỡi sự chết, nọc độc của ngươi ở đâu? Hỡi mồ mả, chiến thắng của ngươi ở đâu?" *(I Cor., XV, 55.)*

Such are the five great dramatic events of the mysteries. Such are the initiations through which all men must some day pass. Humanity stands today upon the path of probation. The way of purification is being trodden by the masses, and we are in process of purging ourselves from evil and materialism. When this process is completed, many will find themselves ready to make preparation for the first of the initiations, and to undergo the new Birth.

Đó là năm biến cố kịch tính lớn của các huyền nhiệm. Đó là các cuộc điểm đạo mà một ngày nào đó mọi người đều phải trải qua. Ngày nay nhân loại đang đứng trên Con Đường Dự Bị. Con đường thanh luyện đang được quần chúng bước đi, và chúng ta đang trong tiến trình tự thanh lọc mình khỏi điều ác và chủ nghĩa vật chất. Khi tiến trình này hoàn tất, nhiều người sẽ thấy mình sẵn sàng chuẩn bị cho cuộc điểm đạo đầu tiên, và trải qua sự Giáng Sinh mới. Các đệ tử của thế giới

The disciples of the world are preparing for the second initiation, the Baptism, and for this must come a purification of the emotional desire nature and a dedication of the desire nature to the life of the soul. The initiates of the world are facing the Transfiguration initiation. Mind control and right orientation towards the soul, with a complete transmutation of the integrated personality, lies ahead of them.

đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai, Phép Rửa, và vì điều này phải có sự thanh luyện bản chất dục vọng cảm xúc và sự hiến dâng bản chất dục vọng cho đời sống của linh hồn. Các điểm đạo đồ của thế giới đang đối diện với cuộc điểm đạo Biến Hình. Việc kiểm soát thể trí và định hướng đúng về linh hồn, cùng với sự chuyển hoá hoàn toàn của phàm ngã tích hợp, đang nằm phía trước họ.

There is much foolishness talked these days in connection with initiation, and the world is full of people who are claiming to be initiates. They fail to remember that no initiate makes any claim or speaks about himself. Those who claim to be initiates give denial to their claim in so doing. Disciples and initiates are taught to be inclusive in their thoughts [24] and non-separative in their attitudes. They never set themselves apart from the rest of humanity by asserting their status and thus automatically placing themselves upon a pedestal. Nor are the requirements, as stated in many of the esoteric books, quite as simple as they are made out to be. To read some of them, one would think that as long as the aspirant has achieved a measure of tolerance, of kindness, devotion, sympathy, idealism, patience and perseverance he has fulfilled the major requirements. These are indeed primary essentials, but to these qualities must be added an intelligent understanding and a mental unfoldment which will lead to a sane and intelligent cooperation with the plans for humanity. It is the balance of head and heart that is required, and the intellect must find its complement and expression in and through love. This needs a most careful re-proclaiming. Love and sentiment and devotion are often confused with each other. Pure love is an attribute of the soul and is all-inclusive, and it is in pure love that our relation to God and to each other consists.

Ngày nay có nhiều điều ngu xuẩn được nói ra liên quan đến điểm đạo, và thế gian đầy những người tự xưng là điểm đạo đồ. Họ quên rằng không một điểm đạo đồ nào đưa ra bất kỳ lời tuyên bố nào hay nói về chính mình. Những ai tự xưng là điểm đạo đồ, bằng chính việc làm ấy, đã phủ nhận lời tuyên bố của họ. Các đệ tử và điểm đạo đồ được dạy phải có tính bao gồm trong tư tưởng [24] và không chia rẽ trong thái độ. Họ không bao giờ tự tách mình khỏi phần còn lại của nhân loại bằng cách khẳng định địa vị của mình, và như thế tự động đặt mình lên bệ cao. Những đòi hỏi, như được nêu trong nhiều sách huyền bí học, cũng không hề đơn giản như người ta thường trình bày. Đọc một số sách ấy, người ta có thể nghĩ rằng chỉ cần người chí nguyện đạt được một mức độ khoan dung, tử tế, sùng tín, cảm thông, lý tưởng, nhẫn nại và kiên trì thì y đã hoàn thành các đòi hỏi chính yếu. Quả thật, đó là những điều thiết yếu sơ khởi, nhưng các phẩm tính ấy phải được thêm vào một sự thấu hiểu sáng suốt và một sự khai mở trí tuệ, dẫn đến sự hợp tác lành mạnh và thông minh với các kế hoạch dành cho nhân loại. Điều cần có là sự quân bình giữa đầu và tim, và trí năng phải tìm thấy phần bổ sung cũng như sự biểu đạt của nó trong và qua tình thương. Điều này cần được tuyên bố lại một cách hết sức cẩn trọng. Tình thương, tình cảm và sùng tín thường bị lẫn lộn với nhau. Tình thương thuần khiết là một thuộc tính của linh hồn và có tính bao gồm tất cả; chính

“For the love of God is broader than the measure of man’s mind, and the heart of the Eternal is most wonderfully kind”—so runs the old hymn, and thus is expressed that love which is the attribute of Deity and also the hidden attribute of every son of God. Sentiment is emotional and unstable; devotion can be fanatical and cruel; but love blends and fuses, understands and interprets and synthesises all form and all expressions, all causes and all races, into one flaming heart of love, knowing no separateness, no division and no disharmony. To bring about this divine expression in our daily life takes the utmost that is in us. To be an initiate takes every power of every aspect of one’s nature. It is no easy task. To face the inevitable tests with which one will assuredly be confronted as one treads the path Christ trod, takes courage of the rarer kind. To cooperate sanely and wisely with God’s Plan and to merge one’s will in the divine Will must call into activity not only the deepest love of one’s heart, but the keenest decisions of the mind.

trong tình thương thuần khiết mà mối liên hệ của chúng ta với Thượng đế và với nhau được thiết lập. “Vì tình thương của Thượng đế rộng hơn thước đo của trí tuệ con người, và trái tim của Đấng vĩnh cửu thì kỳ diệu thay, đầy lòng nhân ái”—bài thánh ca xưa đã hát như thế, và qua đó diễn tả tình thương vốn là thuộc tính của Thượng đế, đồng thời cũng là thuộc tính ẩn tàng của mỗi Con của Thượng đế. Tình cảm thì thuộc cảm xúc và bất ổn; sùng tín có thể cuồng tín và tàn nhẫn; nhưng tình thương hòa trộn và dung hợp, thấu hiểu và diễn giải, tổng hợp mọi hình tướng và mọi biểu hiện, mọi nguyên nhân và mọi giống dân, vào một trái tim rực cháy của tình thương, không biết đến chia rẽ, phân ly hay bất hòa. Để tạo nên sự biểu đạt thiêng liêng này trong đời sống hằng ngày của chúng ta đòi hỏi tận lực tất cả những gì có trong chúng ta. Để trở thành một điểm đạo đồ cần đến mọi quyền năng của mọi phương diện trong bản chất con người. Đó không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Đối diện với những thử thách tất yếu mà chắc chắn người ta sẽ gặp khi bước trên con đường Đức Christ đã đi, đòi hỏi một loại can đảm hiếm có. Hợp tác một cách lành mạnh và minh triết với Thiên Cơ của Thượng đế, và hòa nhập ý chí của mình vào Ý Chí thiêng liêng, phải kêu gọi hoạt động không chỉ tình thương sâu thẳm nhất của trái tim, mà còn cả những quyết định sắc bén nhất của thể trí.

[25] Initiation might be regarded as a great experiment. There was perhaps a time, when this process of unfoldment was instituted, that it became possible to enact upon earth certain inner processes known at that time only to the few. Then that which was within could be put into symbolic form for the teaching of the “little ones,” and could later be undergone openly and expressed for us upon earth by the Son of God, the Christ. Initiation is a living process,

[25] Điểm đạo có thể được xem như một cuộc thí nghiệm vĩ đại. Có lẽ đã có một thời, khi tiến trình khai mở này được thiết lập, người ta có thể thể hiện trên Trái Đất một số tiến trình bên trong mà vào thời ấy chỉ một số ít người biết đến. Khi đó, điều ở bên trong có thể được đặt vào hình thức biểu tượng để dạy dỗ “những kẻ bé nhỏ”, và về sau có thể được trải qua một cách công khai, cũng như được biểu hiện cho chúng ta trên Trái Đất bởi Con của Thượng đế, Đức Christ. Điểm

and through that process all who duly discipline themselves and voluntarily acquiesce may pass, scrutinised and aided by that band of initiates and knowers who are the guides of the race, and who are known to us under many names in different parts of the world and in different ages. They are called in the West, Christ and His Church, the Elder Brothers of Humanity. Initiation is therefore a reality and not a beautiful and rather easily attained vision, as so many occult and esoteric books seem to claim. Initiation is not a process which a man undergoes when he joins certain organisations, and which can be understood only by joining such groups. It has nothing to do with societies, esoteric schools and organisations. All that they can do is to teach the aspirant certain well known and basic "rules of the road," and then leave him to understand or not, as his earnestness and development permit, and to pass on through the portal as his equipment and destiny allow. The Teachers of the race, and the Christ, Who is the "Master of all the Masters and the Teacher alike of angels and of men," are not more interested in these organisations than They are in any movement in the world today which carries illumination and truth to men. The initiates of the world are to be found in every nation, in every church, and in every group where men of good will are to be found working, and where world service is rendered. The modern so-called esoteric groups are not the custodians of the teaching of initiation, nor is it their prerogative to prepare man for this unfoldment. The best of them can only prepare men for that stage in the evolutionary process which is called "discipleship." The reason why this is sadly [26] the case, and why initiation seems so far away from the membership of most of the groups who claim an insight into the initiation processes, is that they have not

đạo là một tiến trình sống động, và qua tiến trình ấy, tất cả những ai tự kỷ luật đúng mức và tự nguyện thuận theo đều có thể đi qua, dưới sự khảo sát và trợ giúp của nhóm điểm đạo đồ và thức giả vốn là những người hướng đạo của nhân loại, và được chúng ta biết đến dưới nhiều danh xưng khác nhau ở các phần khác nhau của thế giới và trong các thời đại khác nhau. Ở phương Tây, Các Ngài được gọi là Đức Christ và Giáo Hội của Ngài, các Huynh Trưởng của Nhân Loại. Vì vậy, điểm đạo là một thực tại, chứ không phải một linh ảnh đẹp đẽ và tương đối dễ đạt được như nhiều sách huyền bí học và nội môn dường như tuyên bố. Điểm đạo không phải là một tiến trình mà con người trải qua khi gia nhập một số tổ chức nào đó, và chỉ có thể được thấu hiểu bằng cách gia nhập các nhóm như thế. Nó không liên quan gì đến các hội đoàn, trường nội môn và tổ chức. Tất cả những gì họ có thể làm là dạy cho người chí nguyện một vài "quy luật của Đường Đạo" căn bản và quen thuộc, rồi để mặc y thấu hiểu hay không, tùy theo sự nghiêm túc và mức phát triển của y, và để y đi qua cánh cổng tùy theo trang bị và định mệnh của mình. Các Huấn Sư của nhân loại, và Đức Christ, Đấng là "Chân sư của mọi Chân sư và là Huấn Sư của cả thiên thần lẫn con người", không quan tâm đến các tổ chức ấy nhiều hơn bất kỳ phong trào nào trong thế giới ngày nay đang mang sự soi sáng và chân lý đến cho con người. Các điểm đạo đồ của thế giới có thể được tìm thấy trong mọi quốc gia, trong mọi giáo hội, và trong mọi nhóm nơi những người thiện chí đang làm việc và nơi việc phụng sự thế gian được thực hiện. Những nhóm gọi là nội môn hiện đại không phải là những người gìn giữ giáo huấn về điểm đạo, cũng không có đặc quyền chuẩn bị con người cho sự khai mở này. Tốt nhất, họ chỉ có thể chuẩn bị con người cho giai đoạn trong tiến trình tiến hoá được gọi là "địa vị đệ tử". Lý do đáng buồn [26] khiến điều này là như vậy, và khiến điểm đạo dường như

laid the needed emphasis upon that mental illumination which perforce lights the way to the Gate leading to the "Secret Place of the Most High." They have laid the emphasis upon personality devotion to the Masters of the Wisdom, and to their own organisation leaders; they have stressed adherence to authoritative teaching and rules of life, and have not primarily emphasised adherence to the still small voice of the soul. The way to the place of initiation and to the Centre where Christ may be found is the way of the soul, the lonely way of self-unfoldment, of self-effacement and of self-discipline. It is the way of mental illumination and intuitive perception.

quá xa đối với đa số hội viên của những nhóm tự nhận có sự thấu triệt về các tiến trình điểm đạo, là vì họ đã không đặt trọng tâm cần thiết vào sự soi sáng trí tuệ, vốn tất yếu chiếu sáng con đường dẫn đến Cổng đưa vào "Nơi Bí Mật của Đấng Tối Cao". Họ đã đặt trọng tâm vào lòng sùng tín của phàm ngã đối với các Chân sư Minh Triết và đối với các nhà lãnh đạo tổ chức của họ; họ đã nhấn mạnh sự tuân thủ giáo huấn có thẩm quyền và các quy luật sống, nhưng không đặt trọng tâm trước hết vào việc tuân theo tiếng nói nhỏ nhẹ, tĩnh lặng của linh hồn. Con đường dẫn đến nơi điểm đạo và đến Trung Tâm nơi có thể tìm thấy Đức Christ là con đường của linh hồn, con đường đơn độc của sự tự khai mở, tự xóa mình và tự kỷ luật. Đó là con đường của sự soi sáng trí tuệ và nhận thức trực giác.

Initiation is the revelation of love, of the second great aspect of divinity, expressing itself in wisdom. This expression is found in its fullness in the life of Christ. He revealed to us the nature of essential love, and then told us to love. He demonstrated to us what divinity is, and then told us to live divinely. In the New Testament this unfolding life of living divine love is held before us in three ways, each progressive in its definition of experience, and each giving us the sequence of the revelation of Christ in the human heart. There is first of all the phrase "Christ in you, the hope of glory." *(Col., I, 27.)* This is the stage which precedes and immediately follows the new birth, the Birth at Bethlehem. It is the stage towards which the masses of men are slowly but steadily working, and it is the immediate goal for many of the aspirants in the world today. Secondly, there is the stage which is called that of a full-grown man in Christ, indicating an increased experience of the divine life and a deeper unfoldment of the Christ consciousness in the human being.

Điểm đạo là sự mặc khải của tình thương, của phương diện vĩ đại thứ hai của thiên tính, biểu đạt chính nó trong minh triết. Sự biểu đạt này được tìm thấy trọn vẹn trong đời sống của Đức Christ. Ngài mặc khải cho chúng ta bản chất của tình thương thiết yếu, rồi bảo chúng ta hãy yêu thương. Ngài chứng minh cho chúng ta thiên tính là gì, rồi bảo chúng ta hãy sống một cách thiêng liêng. Trong Tân Ước, đời sống khai mở của tình thương thiêng liêng đang sống này được đặt trước chúng ta theo ba cách, mỗi cách đều tiến triển trong việc xác định kinh nghiệm, và mỗi cách đều cho chúng ta trình tự mặc khải của Đức Christ trong trái tim con người. Trước hết có câu "Đức Christ trong các bạn, niềm hy vọng của vinh quang." *(Cô-lô-se, I, 27.)* Đây là giai đoạn đi trước và ngay sau sự tái sinh, sự Giáng Sinh tại Bethlehem. Đó là giai đoạn mà quần chúng nhân loại đang tiến tới một cách chậm rãi nhưng vững chắc, và là mục tiêu trước mắt của nhiều người chí nguyện trong thế giới ngày nay. Thứ hai, có giai đoạn được gọi là giai đoạn của một con người trưởng thành trọn vẹn trong Đức

Towards this the disciples of the world are now oriented. Then there is the stage of achievement, referred to by St. Paul in the following terms, "Till we all come, in the unity of the faith and of the knowledge of the Son of God, unto [27] a perfect man, unto the measure of the stature of the fullness of Christ." *(Eph.,IV, 13.)*

Christ, chỉ một kinh nghiệm gia tăng về đời sống thiêng liêng và một sự khai mở sâu hơn của tâm thức Christ trong con người. Các đệ tử của thế giới hiện đang hướng về điều này. Rồi có giai đoạn thành tựu, được Thánh Paul nói đến bằng những lời sau: "Cho đến khi tất cả chúng ta đạt đến sự hiệp nhất trong đức tin và trong tri thức về Con của Thượng đế, đến [27] một con người hoàn thiện, đến tầm mức vóc dáng của sự viên mãn nơi Đức Christ." *(Ê-phê-sô, IV, 13.)*

Initiation is therefore a graded and realised series of expansions of consciousness, a steadily increasing awareness of divinity and of all its implications. Many so-called initiates today believe themselves to have reached this status because some occult leader or some psychic seer has told them that it is so; yet within themselves they know nothing of the process whereby they can pass (as Masonry teaches) through that mysterious door, between the two great pillars, in their search for light; they have no conscious knowledge of that self-initiated programme which has to be followed in full waking consciousness, being realised simultaneously by the indwelling divine soul and the mind and brain of the man in physical life. These expansions of consciousness progressively reveal to man the quality of his higher and his lower nature; it is this realisation which marks St. Paul as one of the first initiates to attain that status under the Christian dispensation. Read what he says about this revelation of his duality:

Vì vậy, điểm đạo là một chuỗi tăng dần và được chứng nghiệm của những mở rộng tâm thức, một sự nhận biết ngày càng tăng về thiên tính và mọi hàm ý của nó. Nhiều người ngày nay được gọi là điểm đạo đồ tin rằng mình đã đạt đến địa vị này vì một lãnh đạo huyền bí học nào đó hoặc một nhà thông nhãn thông linh nào đó đã nói với họ như vậy; tuy nhiên, trong chính mình họ không biết gì về tiến trình nhờ đó họ có thể đi qua, như Hội Tam Điểm dạy, cánh cửa huyền nhiệm giữa hai cột trụ lớn trong cuộc tìm kiếm ánh sáng; họ không có tri thức hữu thức nào về chương trình do chính mình khởi xướng phải được theo đuổi trong tâm thức tỉnh thức trọn vẹn, được đồng thời chứng nghiệm bởi linh hồn thiêng liêng nội tại và thể trí cùng bộ não của con người trong đời sống hồng trần. Những mở rộng tâm thức này dần dần mặc khải cho con người phẩm tính của bản chất cao và thấp của y; chính sự nhận biết này đánh dấu Thánh Paul là một trong những điểm đạo đồ đầu tiên đạt đến địa vị ấy dưới thiên kỳ Cơ Đốc giáo. Hãy đọc những gì ông nói về sự mặc khải của nhị nguyên nơi ông:

"I know that in me [that is, in my flesh] dwelleth no good thing: for to will is present with me; but how to perform that which is good I find not.

"Tôi biết rằng trong tôi [nghĩa là trong xác thịt của tôi] không có điều tốt lành nào cư ngụ: vì ý muốn thì hiện diện nơi tôi; nhưng làm thế nào để thực hiện điều tốt lành thì tôi không tìm thấy.

"For the good that I would, I do not: but the evil which I would not, that I do.

"Vì điều tốt lành tôi muốn làm, tôi lại không làm; nhưng điều xấu tôi không muốn làm, tôi lại làm.

"For I delight in the law of God after the inward man:

"Vì theo con người bên trong, tôi vui thích trong định luật của Thượng đế:

"But I see another law in my members, warring against the law of my mind, and bringing me into captivity to the law of sin which is in my members.

"Nhưng tôi thấy một định luật khác trong các chi thể của tôi, chiến đấu chống lại định luật của thể trí tôi, và bắt tôi làm tù nhân cho định luật của tội lỗi ở trong các chi thể tôi.

"Oh, wretched man that I am! who shall deliver me from the body of this death?

"Ôi, tôi là con người khốn khổ dường nào! Ai sẽ giải thoát tôi khỏi thân thể của sự chết này?

"I thank God through Jesus Christ our Lord."

"Tôi cảm tạ Thượng đế nhờ Đức Jesus Christ, Chúa chúng ta."

ROMANS, VII, 18-25.

RÔ-MA, VII, 18-25.

Only through the revelation of the Christ within each human being can this at-one-ment be made. Only through the new birth, the baptism of spirit and of fire, and the transfiguration of the nature can deliverance be found, can unity [28] with God be achieved. Only through the sacrifice of humanity, which is the essence of the crucifixion, can the resurrection be undergone.

Chỉ qua sự mặc khải của Đức Christ bên trong mỗi con người, sự hiệp nhất này mới có thể được thực hiện. Chỉ qua sự tái sinh, phép rửa bằng tinh thần và bằng lửa, và sự Biến hình của bản chất, sự giải thoát mới có thể được tìm thấy, sự hợp nhất [28] với Thượng đế mới có thể được đạt thành. Chỉ qua sự hi sinh của nhân loại, vốn là tinh túy của cuộc đóng đinh, sự phục sinh mới có thể được trải qua.

What is true of the individual will be true ultimately of the entire human family. The plan for humanity concerns man's *conscious* unfoldment. As mankind grows in wisdom and knowledge, and as the civilisations come and go, each bringing its needed lesson and its high point of attainment, men as a group approach the gate which leadeth unto life. All modern discovery, all psychological

Điều đúng với cá nhân rốt cuộc cũng sẽ đúng với toàn thể gia đình nhân loại. Thiên Cơ dành cho nhân loại liên quan đến sự khai mở *có ý thức* của con người. Khi nhân loại tăng trưởng trong minh triết và tri thức, và khi các nền văn minh đến rồi đi, mỗi nền văn minh mang lại bài học cần thiết và đỉnh cao thành tựu của nó, con người với tư cách một nhóm tiến gần đến cánh cổng dẫn vào sự

studies and knowledge, all group activity and all scientific achievement, as well as all real occult knowledge, are spiritual in nature, and these are aids to that expansion of consciousness which will make of mankind the Great Initiate. Just as soon as human beings can grasp in a large synthesis the necessity of entering more definitely into the world of true meaning and of value, we shall see the mysteries becoming universally recognised. The new values will be seen and the new techniques and methods of living will be evolved as a result of this perception. There are signs that this is already happening, that the destruction going on around us and the tearing down of the ancient institutions—political, religious and social—are only preparatory to this undertaking. We are on our way to "that which is within," and many voices are today proclaiming this.

sống. Mọi khám phá hiện đại, mọi nghiên cứu và tri thức tâm lý, mọi hoạt động nhóm và mọi thành tựu khoa học, cũng như mọi tri thức huyền bí đích thực, đều có bản chất tinh thần, và chúng là những trợ lực cho sự mở rộng tâm thức sẽ làm cho nhân loại trở thành Vị Điểm Đạo Đồ Vĩ Đại. Ngay khi con người có thể nắm bắt trong một tổng hợp rộng lớn sự cần thiết phải đi vào một cách xác định hơn trong thế giới của ý nghĩa chân thực và giá trị, chúng ta sẽ thấy các bí nhiệm được công nhận một cách phổ quát. Các giá trị mới sẽ được nhìn thấy, và các kỹ thuật cũng như phương pháp sống mới sẽ được phát triển như kết quả của nhận thức này. Có những dấu hiệu cho thấy điều này đã đang xảy ra, rằng sự hủy phá đang diễn ra quanh chúng ta và việc phá bỏ các định chế cổ xưa —chính trị, tôn giáo và xã hội—chỉ là sự chuẩn bị cho công cuộc này. Chúng ta đang trên đường đi tới "điều ở bên trong", và ngày nay nhiều tiếng nói đang tuyên bố điều này.

We are on that path of transition (can we call it the Path of Discipleship?) which will lead us into a new dimension, into the interior world of true fact and right energy. It is a world in which only the spiritual body can function and only the eye of spirit can see. It cannot be perceived by those whose inner perception is unawakened and whose intuition sleeps. When the spiritual body begins to be organised and to grow, and when the eye of wisdom slowly opens and trains itself to see truly, then there will come the indications that the Christ, latent in each son of God, is beginning to control and to lead man into the world of spiritual being, true meaning and essential values. This world is the kingdom of God, the world of souls, and—when manifested—is that expression [29] of divine life which we can call the fifth kingdom in nature. But it cannot yet be generally perceived. It is

Chúng ta đang ở trên con đường chuyển tiếp ấy—liệu chúng ta có thể gọi đó là Con Đường Đệ Tử chăng?—con đường sẽ dẫn chúng ta vào một chiều kích mới, vào thế giới nội tại của sự kiện chân thực và năng lượng đúng đắn. Đó là một thế giới trong đó chỉ thể tinh thần mới có thể vận hành và chỉ con mắt của tinh thần mới có thể thấy. Những ai có tri giác bên trong chưa thức tỉnh và trực giác còn ngủ yên thì không thể nhận thức được thế giới ấy. Khi thể tinh thần bắt đầu được tổ chức và tăng trưởng, và khi con mắt minh triết từ từ mở ra, tự rèn luyện để thấy một cách chân thực, bấy giờ sẽ xuất hiện những dấu hiệu cho thấy Đức Christ, tiềm tàng trong mỗi Con của Thượng đế, đang bắt đầu kiểm soát và dẫn dắt con người vào thế giới của hiện tồn tinh thần, ý nghĩa chân thực và các giá trị thiết yếu. Thế giới này là Thiên Giới, thế giới của các linh hồn, và—khi biểu hiện—là sự biểu đạt [29] của đời sống thiêng liêng mà chúng ta có thể gọi là giới thứ năm

through the process of initiation that this world stands revealed.

trong thiên nhiên. Nhưng hiện nay nó chưa thể được nhận thức một cách phổ biến. Chính qua tiến trình điểm đạo mà thế giới này được mặc khải.

Before initiation can be given, the significance of the above ideas must be grasped, and certain great developments are necessarily presupposed. These requirements can be seen working out in the life of every disciple at this time, and, for those who have eyes to see, they can be seen actively bringing changes in the race.

Trước khi điểm đạo có thể được ban, thâm nghĩa của những ý tưởng trên phải được nắm bắt, và một số phát triển lớn lao nhất thiết phải được giả định trước. Những đòi hỏi này có thể được thấy đang diễn tiến trong đời sống của mọi đệ tử vào lúc này, và đối với những ai có mắt để thấy, chúng có thể được thấy đang tích cực đem lại những thay đổi trong nhân loại.

Aspiration is a basic requirement, both in the individual and in the race. Today humanity aspires to great heights, and this aspiration is responsible for the great national movements seen in so many countries. At the same time, individual disciples are striving anew towards illumination, incited thereto by their longing to meet world need. Spiritual selfishness, which has been such a characteristic of aspirants in the past, has to be transcended and transmuted into love of man and a sharing in the "fellowship of Christ's sufferings." *(Phil., III, 10.)* Self must be lost to sight in service. Service is rapidly becoming the keynote of the time, and one of the incentives in racial endeavour. The meeting of disaster and the undergoing of painful experiences is ever the lot of the individual disciple. It is becoming obvious that the world disciple, humanity itself, is now deemed worthy of such a testing. This universality of difficulty, in every department of human life and excluding no group, indicates that mankind as a whole is being prepared for initiation. There is purpose underlying what is happening today. The birth pangs of the Christ within the race have begun, and the Christ will be

Khát vọng là một đòi hỏi căn bản, cả trong cá nhân lẫn trong nhân loại. Ngày nay nhân loại khát vọng đến những tầm cao lớn lao, và khát vọng này chịu trách nhiệm cho những phong trào quốc gia vĩ đại thấy được ở rất nhiều nước. Đồng thời, các đệ tử cá nhân đang nỗ lực mới mẻ hướng tới sự soi sáng, được thôi thúc bởi niềm khao khát đáp ứng nhu cầu thế giới. Sự ích kỷ tinh thần, vốn từng là một đặc điểm của những người chí nguyện trong quá khứ, phải được vượt qua và chuyển hoá thành tình thương đối với con người và sự dự phần trong "mối thông công với những đau khổ của Đức Christ." *(Phi-líp, III, 10.)* Cái tôi phải khuất khỏi tầm nhìn trong phụng sự. Phụng sự đang nhanh chóng trở thành chủ âm của thời đại, và là một trong những động lực trong nỗ lực của nhân loại. Đối mặt với tai họa và trải qua những kinh nghiệm đau đớn luôn là số phận của đệ tử cá nhân. Nay đã trở nên hiển nhiên rằng đệ tử thế giới, tức chính nhân loại, đang được xem là xứng đáng với một cuộc thử thách như thế. Tính phổ quát của khó khăn này, trong mọi ngành của đời sống nhân loại và không loại trừ nhóm nào, cho thấy nhân loại như một toàn thể đang được chuẩn bị cho điểm đạo. Có thiên ý nằm bên dưới những gì đang xảy ra ngày nay. Những cơn

born in the “House of Bread” (which is the meaning of the word “Bethlehem”). The implications of our present world pain and suffering are too obvious to need further explanation. There is purpose underlying all world affairs at this time, and there is reward at the end of the way. Some day, sooner perhaps than many may think, the portals of initiation will open wide to the suffering world disciple (as they have ever [30] opened in the past to individuals), and humanity will enter into a new Kingdom and stand before that mysterious Presence Whose light and wisdom shone forth before the world through the Person of Christ, and Whose voice was heard at each of the five crises through which Christ passed. Then will mankind enter into the world of causes and of knowing. We shall dwell in the inner world of reality, and the outer appearance of physical living will be known to be only symbolic of inner conditions and happenings. Then we shall begin to work and live as those who are initiate in the mysteries, and our lives will be regulated from the realm of reality where Christ and His Disciples of all time (the Church invisible) guide and control human affairs.

đau sinh nở của Đức Christ bên trong nhân loại đã bắt đầu, và Đức Christ sẽ được sinh ra trong “Nhà Bánh” — đó là ý nghĩa của từ “Bethlehem”. Những hàm ý của nỗi đau và khổ đau hiện tại của thế giới chúng ta quá rõ ràng, không cần giải thích thêm. Có thiên ý nằm bên dưới mọi sự vụ thế giới vào lúc này, và có phần thưởng ở cuối con đường. Một ngày nào đó, có lẽ sớm hơn nhiều người nghĩ, các cổng điểm đạo sẽ rộng mở cho đệ tử thế giới đang đau khổ, như chúng vẫn từng [30] mở ra trong quá khứ cho các cá nhân, và nhân loại sẽ đi vào một Giới mới, đứng trước Sự Hiện Diện huyền nhiệm ấy, Đấng mà ánh sáng và minh triết của Ngài đã tỏa chiếu trước thế giới qua Con Người của Đức Christ, và tiếng nói của Ngài đã được nghe ở mỗi trong năm cơn khủng hoảng mà Đức Christ đã trải qua. Khi ấy nhân loại sẽ đi vào thế giới của các nguyên nhân và của sự biết. Chúng ta sẽ cư ngụ trong thế giới nội tại của thực tại, và vẻ ngoài bên ngoài của đời sống hồng trần sẽ được biết chỉ là biểu tượng của các tình trạng và biến cố bên trong. Khi ấy chúng ta sẽ bắt đầu làm việc và sống như những người đã được điểm đạo vào các bí nhiệm, và đời sống của chúng ta sẽ được điều chỉnh từ cõi giới của thực tại, nơi Đức Christ và các Đệ Tử của Ngài trong mọi thời đại, tức Giáo Hội vô hình, hướng dẫn và kiểm soát các sự vụ nhân loại.

The goal which They have in view and the end towards which They are working has been summed up for us in a commentary upon an ancient Tibetan scripture. The words are as follows:

Mục tiêu mà Các Ngài có trong tầm nhìn và cứu cánh mà Các Ngài đang hướng tới đã được tóm lược cho chúng ta trong một lời bình giảng về một kinh điển Tây Tạng cổ. Những lời ấy như sau:

“All beauty, all goodness, all that makes for the eradication of sorrow and ignorance upon earth must be devoted to the one Great Consummation. Then when the Lords of Compassion shall have spiritually civilised the Earth and made of it a Heaven, there will

“Mọi vẻ đẹp, mọi điều thiện, mọi điều góp phần nhổ tận gốc đau khổ và vô minh trên Trái Đất phải được hiến dâng cho một Sự Hoàn Thành Vĩ Đại duy nhất. Rồi khi các Chúa Tể của Lòng Từ Bi đã làm cho Trái Đất trở nên văn minh về mặt tinh thần và biến

be revealed to the Pilgrims the Endless Path, which reaches to the heart of the universe. Man, then no longer man, will transcend Nature, and impersonally, yet consciously, in at-one-ment with all the Enlightened Ones, help to fulfil the Law of the Higher Evolution, of which *Nirvana* is but the beginning."

nó thành một Thiên Đàng, Con Đường Vô Tận sẽ được mặc khải cho những Người Hành Hương, con đường vươn đến trái tim của vũ trụ. Khi ấy con người, không còn là con người nữa, sẽ vượt lên trên Thiên Nhiên, và một cách phi cá nhân nhưng có ý thức, trong sự hiệp nhất với tất cả các Đấng Giác Ngộ, sẽ giúp hoàn thành Định luật của Sự Tiến Hóa Cao Siêu, mà *Niết Bàn* chỉ là khởi đầu."

TIBETAN YOGA AND SECRET DOCTRINES, BY W. Y. EVANS-WENTZ, P.12.

YOGA TÂY TẠNG VÀ CÁC GIÁO LÝ BÍ NHIỆM, CỦA W. Y. EVANS-WENTZ, TR.12.

Such is our goal. Such our glorious objective. How can we progress towards this consummation? What is the first step that we must take? In the words of an unknown poet:

Đó là mục tiêu của chúng ta. Đó là mục đích vinh quang của chúng ta. Làm thế nào chúng ta có thể tiến tới sự hoàn thành này? Bước đầu tiên chúng ta phải thực hiện là gì? Theo lời của một thi sĩ vô danh:

"When thou canst see

"Khi ngươi có thể thấy

Beneath the outer seeming

Bên dưới vẻ ngoài

The causes which to all effects give birth,

Những nguyên nhân sinh ra mọi kết quả,

When thou canst feel, in warmth of sunlight streaming

Khi ngươi có thể cảm nhận, trong hơi ấm của ánh mặt trời tuôn chảy,

The Love of God, encircling all the earth,

Tình thương của Thượng đế, bao quanh toàn thể Trái Đất,

Then know thyself initiate in the Mysteries

Bấy giờ hãy biết mình là điểm đạo đồ trong các Bí Nhiệm

The wise men ever deemed of greatest worth."

Mà các bậc hiền triết luôn xem là có giá trị cao nhất."

CHAPTER TWO - The First Initiation . . . The Birth at Bethlehem – CHƯƠNG HAI - Lần Điểm Đạo Thứ Nhất . . . Sự Giáng Sinh tại Bethlehem

KEY THOUGHT

"Except a man be born again, he cannot see the kingdom of God."

ST. JOHN, III.3.

1

[33] In our discussion of these five major initiations we shall seek to do three things. First, we shall endeavour to realise that Christianity is the flower and the fruitage of the religions of the past, being the last to be given out, with the exception of the Mohammedan religion. We have seen that the emphasis of the Christian religion has been laid upon the unit in the human family, and also upon the unique mission of Christ Himself. Christ came to teach the supreme value of the individual, as I have already indicated in the previous chapter. *(See p. 15)*

It would appear that the emphasis laid by the followers of Mohammed upon the fact of God, the Supreme, the One and Only, was in the nature of a balancing pronouncement, coming forth as it did in the fifteenth century, in order to safeguard man from forgetfulness of God, as he drew nearer to his own latent and essential divinity as a son of the Father. The study of the relationships of these different faiths, and the manner in which they prepare for and complement each other, is of the deepest interest. This our Western theologians have often forgotten. Christianity may and does preserve secret within itself the sacred teaching, but it inherited that teaching from

TƯ TƯỞNG THEN CHỐT

"Nếu một người không được sinh lại, y không thể thấy Thiên Giới."

THÁNH JOHN, III.3.

1

[33] Trong cuộc bàn luận của chúng ta về năm lần điểm đạo chính yếu này, chúng ta sẽ tìm cách làm ba điều. Trước hết, chúng ta sẽ nỗ lực nhận biết rằng Cơ Đốc giáo là bông hoa và quả trái của các tôn giáo trong quá khứ, là tôn giáo cuối cùng được ban ra, ngoại trừ tôn giáo Mohammed. Chúng ta đã thấy rằng trọng tâm của tôn giáo Cơ Đốc được đặt vào đơn vị trong gia đình nhân loại, và cũng đặt vào sứ mạng độc nhất của chính Đức Christ. Đức Christ đến để dạy giá trị tối thượng của cá nhân, như tôi đã chỉ ra trong chương trước. *(Xem tr. 15)*

Dường như trọng tâm mà những người theo Mohammed đặt vào sự kiện về Thượng đế, Đấng Tối Cao, Đấng Duy Nhất và Chỉ Một, mang bản chất của một lời tuyên bố quân bình, xuất hiện vào thế kỷ thứ mười lăm như nó đã xuất hiện, nhằm bảo vệ con người khỏi quên lãng Thượng đế, khi y tiến gần hơn đến thiên tính thiết yếu và tiềm tàng của chính mình với tư cách một người con của Cha. Việc nghiên cứu các mối liên hệ giữa những tín ngưỡng khác nhau này, và cách chúng chuẩn bị cho nhau cũng như bổ sung cho nhau, là điều vô cùng thú vị. Điều này các nhà thần học phương Tây của chúng ta thường quên. Cơ Đốc giáo có thể và thật sự giữ kín trong chính mình giáo huấn thiêng

the past. It may personalise itself through the instrumentality of the greatest of the divine Messengers, but the way of that Messenger had been prepared beforehand, [34] and He had been preceded by other great Sons of God. His word may be the life-giving Word for our Western civilisation, and may embody the salvation which had to be brought to us, but the East had its own teachers, and each of the past civilisations upon our planet had had its divine Representative. As we consider the message of Christianity and its unique contribution, let us not forget the past, for if we do we shall never understand our own faith.

liêng, nhưng nó đã thừa hưởng giáo huấn ấy từ quá khứ. Nó có thể cá nhân hóa chính mình qua công cụ là Đấng Vĩ Đại nhất trong các Sứ Giả thiêng liêng, nhưng con đường của Sứ Giả ấy đã được chuẩn bị từ trước, [34] và Ngài đã được đi trước bởi các Con vĩ đại khác của Thượng đế. Linh từ của Ngài có thể là Linh từ ban sự sống cho nền văn minh phương Tây của chúng ta, và có thể thể hiện sự cứu rỗi phải được mang đến cho chúng ta, nhưng phương Đông đã có các huấn sư riêng của mình, và mỗi nền văn minh trong quá khứ trên hành tinh chúng ta đều đã có Vị Đại Diện thiêng liêng của nó. Khi chúng ta xem xét thông điệp của Cơ Đốc giáo và đóng góp độc nhất của nó, chúng ta đừng quên quá khứ, vì nếu quên, chúng ta sẽ không bao giờ thấu hiểu đức tin của chính mình.

Secondly, we must remember to think in terms of the whole and to realise that the great expansions of consciousness to which we shall constantly refer have their universal parallels. Some of these unfoldments in the race lie in past racial history. Some lie ahead. One lies immediately possible in the present. As man's physical and mechanical equipment develops to meet his expanding consciousness, he is gradually led to experience more and more of the divine Immanence, to perceive more of the divine Transcendence, and to register with an increasingly illumined awareness the revelation which is sequentially presented for his education and his cultural growth.

Thứ hai, chúng ta phải nhớ suy nghĩ theo toàn thể và nhận biết rằng những mở rộng tâm thức vĩ đại mà chúng ta sẽ liên tục đề cập đều có các tương ứng phổ quát của chúng. Một số khai mở này trong nhân loại nằm trong lịch sử nhân loại quá khứ. Một số nằm phía trước. Một điều đang có thể xảy ra ngay trong hiện tại. Khi trang bị hồng trần và cơ khí của con người phát triển để đáp ứng tâm thức đang mở rộng của y, y dần dần được dẫn đến việc kinh nghiệm ngày càng nhiều hơn Sự Nội Tại thiêng liêng, nhận thức nhiều hơn về Sự Siêu Việt thiêng liêng, và ghi nhận với một sự nhận biết ngày càng được soi sáng sự mặc khải được trình bày tuần tự cho sự giáo dục và tăng trưởng văn hóa của y.

Today we stand at the very verge of the birth hour of the racial Christ, and out from the darkness of the womb of matter the Christ child can enter into the light of the kingdom of God. Another crisis is upon us, and for this Christ has prepared the race, for when He was born at Bethlehem, it was not simply

Ngày nay chúng ta đang đứng ngay bên bờ giờ sinh của Đức Christ nơi nhân loại, và từ bóng tối của tử cung vật chất, hài nhi Christ có thể bước vào ánh sáng của Thiên Giới. Một cuộc khủng hoảng khác đang đến với chúng ta, và Đức Christ đã chuẩn bị nhân loại cho điều này, vì khi Ngài sinh ra tại Bethlehem,

the birth of another divine Teacher and Messenger, but the appearing of an Individual Who not only summed up in Himself the past achievement of the race, but Who was also the forerunner of the future, embodying in Himself all that it was possible for humanity to achieve. The appearance of Christ in the cave at Bethlehem was the inauguration of the possibility of a new cycle of spiritual unfoldment for the race, as well as for the individual.

đó không chỉ đơn giản là sự ra đời của một Huấn Sư và Sứ Giả thiêng liêng khác, mà là sự xuất hiện của một Cá Nhân, Đấng không những tổng kết trong chính Ngài thành tựu quá khứ của nhân loại, mà còn là vị tiền phong của tương lai, thể hiện trong chính Ngài tất cả những gì nhân loại có thể đạt được. Sự xuất hiện của Đức Christ trong hang đá tại Bethlehem là sự khai mở khả năng của một chu kỳ mới của sự khai mở tinh thần cho nhân loại, cũng như cho cá nhân.

Finally, we shall consider these unfoldments from the standpoint of the individual, and study those episodes related in the Gospel story which vitally concern the individual human being who, approaching the end of the long and weary [35] way of evolution, is ready to re-enact the same drama in his own experience. To him there comes the opportunity to pass from the stage of the new birth to that of the final resurrection, via the steep path of Mount Golgotha. In his innermost nature he must learn to understand the words of Christ, "Ye must be born again," *(St. John, III, 7.)* and to express the death unto life which is the outstanding message of St. Paul. *(I Cor., XV, 31.)*

Cuối cùng, chúng ta sẽ xem xét những khai mở này từ quan điểm của cá nhân, và nghiên cứu các sự kiện được kể lại trong câu chuyện Tin Mừng vốn liên quan sống động đến từng con người, người mà khi tiến gần đến cuối con đường tiến hoá dài lâu và mệt mỏi [35], đã sẵn sàng tái diễn cùng vở kịch ấy trong kinh nghiệm của chính mình. Cơ hội đến với y để đi từ giai đoạn tái sinh đến giai đoạn phục sinh cuối cùng, qua con đường dốc đứng của Núi Golgotha. Trong bản chất sâu kín nhất của mình, y phải học thấu hiểu lời của Đức Christ: "Các ngươi phải được sinh lại," *(Thánh John, III, 7.)* và biểu đạt sự chết để đi vào sự sống, vốn là thông điệp nổi bật của Thánh Paul. *(I Cô-rinh-tô, XV, 31.)*

Each of us must sooner or later prove this for himself, because "living religious experience is the only legitimate way to the comprehension of dogmas." *(Pavel Florensky, quoted in 'The Recovery of Truth', by Hermann Keyserling, p. 80.)* Only by following the example of those who have achieved can we ourselves learn the meaning of achievement. Only by our living divinely can our hidden divinity find true expression. This involves a practical self-application which brings its own reward but which must at first be entered upon blindly.

Mỗi người chúng ta sớm hay muộn phải tự chứng minh điều này cho chính mình, bởi vì "kinh nghiệm tôn giáo sống động là con đường hợp lệ duy nhất dẫn đến sự thấu hiểu các tín điều." *(Pavel Florensky, được trích trong 'Sự Phục Hồi Chân Lý', của Hermann Keyserling, tr. 80.)* Chỉ bằng cách noi theo gương của những người đã thành tựu, chính chúng ta mới có thể học ý nghĩa của thành tựu. Chỉ bằng việc sống một cách thiêng liêng, thiên tính ẩn tàng của chúng ta mới có thể tìm thấy sự biểu đạt chân thực. Điều này bao hàm một sự tự áp dụng thực tiễn, đem

lại phần thưởng riêng của nó, nhưng lúc đầu phải được bước vào một cách mù mờ.

The history of humanity is therefore the history of this individual search for divine expression and light, and for the ultimate achievement of the new birth which releases a man into the service of the kingdom of God. Down the ages, individuals throughout the world have passed through these five expansions of consciousness, and have entered into a deeper life of fuller, richer service. Step by step, their sense of divinity has grown, and their awareness of the divine Life, immanent in nature, has led them to the recognition of the paralleling truth of God transcendent. God in the individual, and God in Christ. God in all forms, and God the informing life of the cosmos, and yet a God Who consciously informs a universe as well as a man and the minutest atom of substance. The evolution of this recognition of divinity in man has been gradual and slow, but at certain points in racial history (as in the history of the individual man) critical moments have been reached, and crises have emerged and have been transcended, each definite initiation leaving the [36] race with an expanded understanding. Today mankind is being prepared for just such a transition, and for the refocussing of the human consciousness in a higher dimension and in a richer field of experience. Humanity is ready to step on to a higher rung of the evolutionary ladder. Faced with a situation so peculiar and an experience so unparalleled, our present chaotic bewilderment need cause no surprise. We are trembling on the verge of another step forward; we are ready for another initiation; we are on the point of widening our horizon, and passing through an open door into a larger room. All that is transpiring is no indication of failure, of senseless confusion and blind upheaval. It is

Do đó, lịch sử nhân loại là lịch sử của cuộc tìm kiếm cá nhân này nhằm biểu đạt thiêng liêng và ánh sáng, và nhằm thành tựu tối hậu của sự tái sinh, điều giải phóng con người vào việc phụng sự Thiên Giới. Qua các thời đại, những cá nhân trên khắp thế giới đã đi qua năm sự mở rộng tâm thức này, và đã bước vào một đời sống sâu hơn của phụng sự đầy đủ hơn, phong phú hơn. Từng bước, ý thức của họ về thiên tính đã tăng trưởng, và sự nhận biết của họ về Sự Sống thiêng liêng, nội tại trong thiên nhiên, đã dẫn họ đến sự công nhận chân lý song hành về Thượng đế siêu việt. Thượng đế trong cá nhân, và Thượng đế trong Đức Christ. Thượng đế trong mọi hình tướng, và Thượng đế là sự sống thấm nhuần vũ trụ, nhưng vẫn là một Thượng đế thấm nhuần một vũ trụ một cách có ý thức, cũng như một con người và nguyên tử nhỏ bé nhất của chất liệu. Sự tiến hoá của sự công nhận thiên tính này trong con người đã diễn ra dần dần và chậm rãi, nhưng tại một số điểm trong lịch sử nhân loại, cũng như trong lịch sử của con người cá nhân, những thời điểm then chốt đã đạt tới, các khủng hoảng đã xuất hiện và được vượt qua, mỗi lần điểm đạo rõ rệt để lại cho [36] nhân loại một sự thấu hiểu mở rộng. Ngày nay nhân loại đang được chuẩn bị cho một chuyển tiếp như thế, và cho việc tái tập trung tâm thức con người vào một chiều kích cao hơn và trong một trường kinh nghiệm phong phú hơn. Nhân loại đã sẵn sàng bước lên một bậc cao hơn của chiếc thang tiến hoá. Đối diện với một tình huống đặc biệt như thế và một kinh nghiệm chưa từng có như thế, sự hoang mang hỗn loạn hiện nay của chúng ta không cần gây ngạc nhiên. Chúng ta đang run rẩy bên bờ của một bước tiến khác; chúng ta đã sẵn sàng cho một lần điểm đạo khác; chúng ta đang ở điểm sắp mở rộng chân trời của mình, và đi

rather a process of temporary destruction for further rebuilding, and is but a correspondence in the racial life to those tests and trials which are always the lot of the disciple preparing for initiation. For this, Christianity has prepared numbers of the race. The new interpretation and the next revelation are imminent.

qua một cánh cửa mở vào một căn phòng rộng lớn hơn. Tất cả những gì đang diễn ra không phải là dấu hiệu của thất bại, của hỗn loạn vô nghĩa và biến động mù quáng. Đúng hơn, đó là một tiến trình hủy phá tạm thời để tái xây dựng về sau, và chỉ là một sự tương ứng trong đời sống nhân loại với những thử thách và gian nan vốn luôn là số phận của đệ tử đang chuẩn bị cho điểm đạo. Cơ Đốc giáo đã chuẩn bị nhiều người trong nhân loại cho điều này. Cách diễn giải mới và sự mặc khải kế tiếp đang gần kề.

This coming revitalisation of the essential and inner nature of humanity, with the consequent reorganisation of world affairs and of human life, is already sensed and awaited by the thinkers of the race, and they constantly isolate the present opportunity. The expectancy in the race is assuming vital proportions.

Sự tiếp sinh lực sắp đến này cho bản chất thiết yếu và bên trong của nhân loại, cùng với sự tái tổ chức tiếp theo của các sự vụ thế giới và đời sống con người, đã được các nhà tư tưởng của nhân loại cảm nhận và trông đợi, và họ liên tục nhận ra cơ hội hiện tại. Sự mong đợi trong nhân loại đang trở nên hết sức mạnh mẽ.

In the words of an ancient Mexican aphorism, “Always in the centre shall come a new Word.” Every form has its positive centre of life. Every organism is constructed around a central nucleus of power. There is a centre in our universe from which the Word went forth, bringing into being our organised solar system as we now have it, and the planet on which we live, with its myriad forms of life.

Theo lời một châm ngôn Mexico cổ, “Luôn luôn ở trung tâm sẽ xuất hiện một Linh từ mới.” Mỗi hình tướng đều có trung tâm tích cực của sự sống. Mỗi sinh thể được xây dựng quanh một hạt nhân quyền năng trung tâm. Có một trung tâm trong vũ trụ của chúng ta, từ đó Linh từ đã phát ra, đưa vào hiện tồn hệ mặt trời có tổ chức của chúng ta như hiện nay, cùng hành tinh nơi chúng ta sống, với vô số hình tướng sự sống của nó.

“In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God.

“Ban đầu có Linh từ, Linh từ ở cùng Thượng đế, và Linh từ là Thượng đế.

“The same was in the beginning with God.

“Linh từ ấy ban đầu ở cùng Thượng đế.

“All things were made by Him, and without Him was not anything made that was made.

“Muôn vật do Ngài mà được tạo thành, và ngoài Ngài không có vật gì đã được tạo thành mà được tạo thành.

"In Him was life; and the life was the light of men.[37]

"He was in the world, and the world was made by Him, and the world knew Him not."

ST. JOHN, I, 1, 2, 3, 4, 10.

What is thus true of the Whole is true also of the part. Each civilisation, as an expression of the human consciousness, has had its Word. Two thousand years ago a Word was for us "made Flesh," and around that dynamic centre of spiritual life our Western world revolves. Whether we accept this fact or question it matters not, as far as the results are concerned, for as Dr. Schweitzer tells us:

"The historical foundation of Christianity, as rationalism, liberalism, and modern theology count it, exists no longer—which, however, is not to say that Christianity has therefore lost its historical foundation. The work which historical theology believed it must carry out, and which it sees falling to pieces at the very moment when completion was near, is only the terra cotta veneer of the true indestructible, historical foundation, which is independent of any historical knowledge and proof—simply because it is there, it exists.

"Jesus is something to our world because a mighty stream of spiritual influence has gone forth from Him and has penetrated our age also. This fact will be neither shaken nor confirmed by an historical knowledge."

"Trong Ngài có sự sống; và sự sống là ánh sáng của con người.[37]

"Ngài ở trong thế gian, thế gian do Ngài mà được tạo thành, nhưng thế gian không nhận biết Ngài."

THÁNH JOHN, I, 1, 2, 3, 4, 10.

Điều đúng với Toàn Thể như thế cũng đúng với phần tử. Mỗi nền văn minh, với tư cách một biểu hiện của tâm thức nhân loại, đều đã có Linh từ của nó. Hai nghìn năm trước, một Linh từ đã "trở nên Xác Thịt" cho chúng ta, và quanh trung tâm năng động của đời sống tinh thần ấy, thế giới phương Tây của chúng ta xoay chuyển. Dù chúng ta chấp nhận sự kiện này hay nghi ngờ nó thì điều đó cũng không quan trọng, xét về mặt kết quả, vì như Tiến sĩ Schweitzer nói với chúng ta:

"Nền tảng lịch sử của Cơ Đốc giáo, như chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa tự do và thần học hiện đại nhìn nhận, không còn tồn tại nữa—tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Cơ Đốc giáo vì thế đã mất nền tảng lịch sử của nó. Công việc mà thần học lịch sử tin rằng nó phải thực hiện, và nay thấy tan rã ngay vào lúc sự hoàn tất đã gần kề, chỉ là lớp ốp đất nung bên ngoài của nền tảng lịch sử chân thực, không thể bị phá hủy, vốn độc lập với mọi tri thức và bằng chứng lịch sử—đơn giản bởi vì nó hiện hữu, nó tồn tại.

"Đức Jesus là một điều gì đó đối với thế giới chúng ta bởi vì một dòng ảnh hưởng tinh thần hùng mạnh đã tuôn ra từ Ngài và cũng đã thấm vào thời đại của chúng ta. Sự kiện này sẽ không bị lay chuyển cũng không được xác nhận bởi tri thức lịch sử."

'THE MYSTERY OF THE KINGDOM OF GOD', BY ALBERT SCHWEITZER, PP. 28,29.

Always the Word has sounded out which has enabled the race to see and recognise its next step. The Christ enabled man to hear this in the past; He will enable man to do so again today. Some day, as all Masons know, these Words which have been spoken periodically will be superseded by a WORD which is known among them as the "Lost Word." When that Word is finally spoken humanity will be enabled to climb to the final peak of human achievement. The hidden divinity will then shine forth in its glory, through the medium of the race. The height of material achievement has perhaps been reached. Now comes the opportunity for that subtle divine Self to manifest through the agency of the experience which we call the "new birth," [38] and which Christianity has ever taught. The effect of all that is now transpiring upon earth is to bring to the surface that which is hidden within the human heart, and to unveil to our eyes the new vision. Then we can pass through the gateway of the New Age into a world which will be characterised by newer awareness, a deeper understanding of the vital realities, and a truer and higher standard of values. The Word must again sound forth from the centre—the Centre in the Heavens, and the centre in every human heart. Each individual soul must hear it for itself alone. Each of us has to pass through that experience wherein we know ourselves to be a "Word made Flesh," and until the Bethlehem experience is a part of our individual consciousness as souls, it remains a myth. It can become a fact—the major fact in the experience of the soul.

'BÍ NHIỆM CỦA THIÊN GIỚI', CỦA ALBERT SCHWEITZER, TR. 28,29.

Luôn luôn Linh từ đã vang lên, giúp nhân loại thấy và nhận ra bước kế tiếp của mình. Đức Christ đã giúp con người nghe được điều này trong quá khứ; ngày nay Ngài sẽ lại giúp con người làm như vậy. Một ngày nào đó, như mọi Hội viên Tam Điểm đều biết, những Linh từ đã được nói ra theo chu kỳ này sẽ được thay thế bởi một LINH TỪ mà trong họ gọi là "Linh Từ Đã Mất". Khi Linh từ ấy sau cùng được xướng lên, nhân loại sẽ có thể leo lên đỉnh cao cuối cùng của thành tựu con người. Khi ấy thiên tính ẩn tàng sẽ tỏa sáng trong vinh quang của nó qua phương tiện là nhân loại. Có lẽ đỉnh cao của thành tựu vật chất đã đạt đến. Nay đến cơ hội để Bản Ngã thiêng liêng tinh tế ấy biểu hiện thông qua kinh nghiệm mà chúng ta gọi là "sự tái sinh", [38] và điều mà Cơ Đốc giáo vẫn hằng dạy. Hiệu quả của tất cả những gì hiện đang diễn ra trên Trái Đất là đưa lên bề mặt điều ẩn giấu trong trái tim con người, và vén mở trước mắt chúng ta tầm nhìn mới. Khi ấy chúng ta có thể đi qua cổng của Kỷ Nguyên Mới vào một thế giới sẽ được đặc trưng bởi một sự nhận biết mới hơn, một sự thấu hiểu sâu hơn về các thực tại thiết yếu, và một chuẩn mực giá trị chân thực hơn, cao hơn. Linh từ phải lại vang lên từ trung tâm—Trung Tâm trên các Cõi Trời, và trung tâm trong mỗi trái tim con người. Mỗi linh hồn cá nhân phải tự mình nghe thấy nó. Mỗi người chúng ta phải đi qua kinh nghiệm trong đó chúng ta biết chính mình là một "Linh từ trở nên Xác Thịt", và cho đến khi kinh nghiệm Bethlehem trở thành một phần của tâm thức cá nhân chúng ta với tư cách linh hồn, nó vẫn còn là một huyền thoại. Nó có thể trở thành một sự kiện—sự kiện trọng yếu trong kinh nghiệm của linh hồn.

I cannot here enter into a definition of the word "soul." An extract from a book by Dr. Bosanquet expresses the idea in terms which link it up with individual experience, and yet preserve the cosmic implications in their beauty. An isolated soul is an impossibility. He says:

Ở đây tôi không thể đi vào định nghĩa từ "linh hồn". Một đoạn trích từ một cuốn sách của Tiến sĩ Bosanquet diễn tả ý tưởng ấy bằng những thuật ngữ liên kết nó với kinh nghiệm cá nhân, đồng thời vẫn giữ được các hàm ý vũ trụ trong vẻ đẹp của chúng. Một linh hồn cô lập là điều không thể có. Ông nói:

"The Soul—I use the term in the most general sense to mean the centre of experience which as a microcosm has acquired or is acquiring a character of its own and a relative persistence—the soul is not to be contrasted as a detached agent either with its constituent externality on the one hand or with the life of the absolute on the other. Our idea has been throughout ... that *the soul is a range of externality 'come alive' by centring in mind*. And when we speak of the soul as a will creatively moulding circumstance, this is another expression for the microcosm, including the centre which its circumstances stand around, remoulding and reshaping itself. It is, on the other hand, a thread or fibre of the absolute life, ... a stream or tide within it of varying breadth, intensity, and separateness from the great flood within which it moves." [The italics are mine. A. A. B.] *('The Value and Destiny of the individual', by B. Bosanquet, p. 129.)*

"Linh hồn—tôi dùng thuật ngữ này theo nghĩa tổng quát nhất để chỉ trung tâm kinh nghiệm, vốn như một Tiểu thiên địa đã thủ đắc hoặc đang thủ đắc một tính cách riêng và một sự bền vững tương đối—linh hồn không được đối lập, như một tác nhân tách rời, với phần ngoại tại cấu thành của nó một bên, hoặc với đời sống của tuyệt đối bên kia. Ý tưởng của chúng ta xuyên suốt là... *linh hồn là một phạm vi ngoại tại 'trở nên sống động' nhờ lấy trí tuệ làm trung tâm.* Và khi chúng ta nói về linh hồn như một ý chí sáng tạo đang uốn nắn hoàn cảnh, đó là một cách diễn đạt khác về Tiểu thiên địa, bao gồm trung tâm mà các hoàn cảnh của nó đứng quanh đó, đang tự tái uốn nắn và tái định hình chính mình. Mặt khác, nó là một sợi dây hay sợi tơ của đời sống tuyệt đối,... một dòng chảy hay thủy triều trong đó, với bề rộng, cường độ và mức độ tách biệt khác nhau khỏi dòng lũ lớn mà trong đó nó vận động." [Phần in nghiêng là của tôi. A. A. B.] *('Giá Trị và Số Phận của Cá Nhân', của B. Bosanquet, tr. 129.)*

What this soul is, when unveiled and manifested (even through the limitations of the flesh), Christ made clear to us. [39] The partial in us is complete in Him, a fact in full expression. He has linked us to Himself through His perfected humanity; He has linked us to God through His expressed divinity.

Linh hồn này là gì, khi được vén mở và biểu hiện, dù qua các giới hạn của xác thịt, Đức Christ đã làm rõ cho chúng ta. [39] Điều còn từng phần nơi chúng ta thì trọn vẹn nơi Ngài, một sự kiện được biểu đạt đầy đủ. Ngài đã liên kết chúng ta với chính Ngài qua nhân tính hoàn thiện của Ngài; Ngài đã liên kết chúng ta với Thượng đế qua thiên tính được biểu đạt của Ngài.

Two thoughts must therefore be borne in mind by all of us at this time if we are not to be submerged in the apparent world chaos and thus lose our perspective. One is that *each age provides its way out*. This, Christ meant when He said, "I am the way, the truth and the life." *(St. John, XIV, 6.)* He knew that He synthesised in Himself the soul of the past and the spirit of the future. And what is true of Him is true also of the teaching He gave. In Christianity the past is comprised and its best religious elements are included.

Vì vậy, vào lúc này, tất cả chúng ta phải ghi nhớ hai tư tưởng nếu không muốn bị nhấn chìm trong sự hỗn loạn bề ngoài của thế giới và do đó đánh mất viễn cảnh của mình. Một là *mỗi thời đại đều cung cấp lối thoát của nó*. Điều này Đức Christ muốn nói khi Ngài phán: "Ta là con đường, chân lý và sự sống." *(Thánh John, XIV, 6.)* Ngài biết rằng Ngài tổng hợp trong chính Ngài linh hồn của quá khứ và tinh thần của tương lai. Và điều đúng với Ngài cũng đúng với giáo huấn Ngài đã ban. Trong Cơ Đốc giáo, quá khứ được bao hàm và những yếu tố tôn giáo tốt đẹp nhất của nó được bao gồm.

The soul of man stands at the gates of revelation, and he must learn that this revelation will come through himself perfected. Browning expressed this in the well-known lines:

Linh hồn con người đứng tại các cổng của sự mặc khải, và y phải học rằng sự mặc khải này sẽ đến qua chính bản thân y đã được hoàn thiện. Browning đã diễn tả điều này trong những dòng thơ nổi tiếng:

"Thus he dwells in all

"Như thế Ngài cư ngụ trong tất cả

From life's minute beginnings, up at last

Từ những khởi đầu nhỏ bé của sự sống, cho đến cuối cùng

To man—the consummation of this scheme

Là con người—sự hoàn thành của hệ thống này

Of being, the completion of this sphere

Của hiện tồn, sự viên mãn của khối cầu này

Of life: whose attributes had here and there

Của sự sống: các thuộc tính của nó đây đó

Been scattered o'er the visible world before,

Đã từng rải rác khắp thế giới hữu hình trước kia,

Asking to be combined, dim fragments meant

Đòi được kết hợp, những mảnh lờ mờ được định

To be united in some wondrous whole,

Để hợp nhất trong một toàn thể kỳ diệu nào đó,

Imperfect qualities throughout creation,	Những phẩm tính bất toàn khắp công trình sáng tạo,
Suggesting some one creature yet to make,	Gợi ý một sinh vật nào đó còn phải được tạo nên,
Some point where all those scattered rays should meet	Một điểm nơi mọi tia sáng rải rác ấy sẽ gặp nhau
Convergent in the faculties of man.	Hội tụ trong các năng lực của con người.
. . . . .	.....
When all the race is perfected alike	Khi toàn thể nhân loại đều được hoàn thiện như nhau
As man, that is; all tended to mankind,	Như con người, nghĩa là thế; tất cả đều hướng đến loài người,
And, man produced, all has its end thus far:	Và, khi con người được tạo sinh, mọi sự đến đây đều đạt cứu cánh:
But in completed man begins anew	Nhưng trong con người hoàn tất lại bắt đầu
A tendency to God. Prognostics told	Một khuynh hướng mới hướng về Thượng đế. Những điềm báo đã nói trước
Man's near approach; so in man's self arise	Bước đến gần của con người; vì vậy trong chính con người nảy sinh
August anticipations, symbols, types [40]	Những linh cảm uy nghi, những biểu tượng, những kiểu mẫu [40]
Of a dim splendour ever on before	Của một vẻ huy hoàng mờ ảo mãi ở phía trước
In that eternal circle life pursues.	Trong vòng tròn vĩnh cửu mà sự sống theo đuổi.
For men begin to pass their nature's bound,	

Vì con người bắt đầu vượt qua giới hạn của bản chất mình,

And find new hopes and cares which fast supplant

Và tìm thấy những hy vọng cùng mối bận tâm mới, nhanh chóng thay thế

Their proper joys and griefs; they grow too great

Những vui buồn riêng của họ; họ trở nên quá lớn lao

For narrow creeds of right and wrong, which fade

Đối với những tín điều chật hẹp về đúng và sai, vốn phai mờ

Before the unmeasured thirst for good: while peace

Trước cơn khát vô biên đối với điều thiện: trong khi sự an bình

Rises within them ever more and more.

Dâng lên trong họ ngày càng nhiều hơn.

Such men are even now upon the earth,

Những người như thế ngay cả hiện nay vẫn có mặt trên Trái Đất,

Serene amid the half-formed creatures round

Tĩnh lặng giữa những sinh linh còn bán thành hình quanh họ,

Who should be saved by them and joined with them."

Những sinh linh đáng được họ cứu giúp và kết hợp với họ."

'PARACELSUS', BY ROBERT BROWNING.

'Paracelsus', của Robert Browning.

Man the human being, a soul in incarnation, is on the verge of taking that step forward which will bring about that first of the great unfoldments which we call "the new birth." Once that has been undergone, the life of the infant Christ will increase, and the momentum set up will carry him forward along that Way which leads from one high peak of attainment to another, until he himself becomes an illumined Light-bearer, and one who can light the way for others. The illuminati have ever led the race forward; the knowers, mystics and saints

Con người, sinh linh nhân loại, một linh hồn đang nhập thể, đang ở ngưỡng thực hiện bước tiến tới sẽ đem lại sự khai mở vĩ đại đầu tiên mà chúng ta gọi là "sự tái sinh." Một khi điều đó đã được trải qua, sự sống của Đức Christ hài nhi sẽ tăng trưởng, và đà lực được thiết lập sẽ đưa y tiến tới trên Con Đường dẫn từ đỉnh cao thành tựu này đến đỉnh cao thành tựu khác, cho đến khi chính y trở thành một Người Mang Ánh Sáng đã được soi sáng, và là người có thể soi đường cho người khác. Những người được soi sáng luôn dẫn dắt nhân loại tiến lên; các thức giả, nhà thần bí và thánh nhân luôn mặc khải cho

have ever revealed to us the heights of racial and individual possibility.

chúng ta những tầm cao của khả năng nhân loại và cá nhân.

The Way from the Birth at Bethlehem to the Crucifixion Mount is a hard and a difficult one, but it is trodden with joy by the Christ and by those whose consciousness has been attuned to His. The joy of physical life is changed into the joy of understanding, and new values, new desires and a new love replace the old.

Con Đường từ cuộc Giáng Sinh tại Bethlehem đến Núi Đóng Đinh là một con đường gian nan và khó khăn, nhưng Đức Christ và những người có tâm thức đã hòa điệu với tâm thức của Ngài bước đi trên đó với sự hoan hỉ. Niềm vui của đời sống hồng trần được đổi thành niềm vui của sự thấu hiểu, và những giá trị mới, những dục vọng mới cùng một tình thương mới thay thế cái cũ.

The Birth at Bethlehem marked the beginning of the long way of tragedy of the Saviour. It made Him "a man of sorrows, and acquainted with grief." *(Isaiah, LIII, 3.)* It was the beginning of the end, and marked His initiation into higher states of consciousness. This is apparent in the Gospel story.

Cuộc Giáng Sinh tại Bethlehem đánh dấu khởi đầu con đường bi kịch dài lâu của Đấng Cứu Thế. Nó khiến Ngài trở thành "một người của sầu khổ, và quen biết đau thương." *(Isaiah, LIII, 3.)* Đó là khởi đầu của kết thúc, và đánh dấu cuộc điểm đạo của Ngài vào những trạng thái tâm thức cao hơn. Điều này hiển nhiên trong câu chuyện Phúc Âm.

2

2

[41] Before we take up a definite consideration of these great initiations, it might be of value to touch upon one or two points in connection with the subject as a whole. So much peculiar and unsound teaching on the matter is being given out at this time, and so wide is the general interest, that a measure of clear thinking is badly needed, and attention should be called to certain factors which are frequently overlooked. It might be asked at this point, "Who is the initiator? Who is eligible to stand before Him and to pass through an initiation?"

[41] Trước khi chúng ta xem xét rõ ràng các cuộc điểm đạo vĩ đại này, có lẽ sẽ hữu ích nếu đề cập đến một hoặc hai điểm liên quan đến toàn bộ chủ đề. Vào lúc này có quá nhiều giáo huấn kỳ dị và thiếu vững chắc được truyền ra về vấn đề này, và mối quan tâm chung lại rộng đến mức rất cần một mức độ tư duy sáng rõ, đồng thời cần lưu ý đến một số yếu tố thường bị bỏ qua. Ở điểm này có thể hỏi: "Ai là Đấng Điểm đạo? Ai đủ tư cách đứng trước Ngài và trải qua một cuộc điểm đạo?"

It cannot be too clearly emphasised that the first initiator with whom a man has to deal is, ever and always, his own soul. Many esoteric schools and teachers direct their

Dù nhấn mạnh rõ đến đâu cũng không thừa rằng Đấng Điểm đạo đầu tiên mà con người phải tiếp xúc, luôn luôn và mãi mãi, là chính linh hồn của y. Nhiều trường phái và huấn

teaching and their aspirants towards some great Master Who is supposed to prepare them for this step, and without Whom no progress is possible. They forget that it is not possible for such a Master even to contact a man in this relationship until he has made a clear and definite contact with his own soul. It is on the level of awareness which is that of the soul itself that those who can help are to be found, and until we have, as individuals, penetrated into that state, it is not possible for us to be brought into intelligent touch with those who normally function there. Initiation relates to consciousness and is merely a word which we use to express the transition which man can make out of the consciousness of the fourth or human kingdom, into the fifth or spiritual kingdom, the kingdom of God. Christ came to reveal the way into that kingdom.

sư nội môn hướng giáo huấn của họ và những người chí nguyện của họ về một Chân sư vĩ đại nào đó, Đấng được cho là chuẩn bị họ cho bước này, và nếu không có Ngài thì không thể có tiến bộ. Họ quên rằng ngay cả một Chân sư như thế cũng không thể tiếp xúc với một người trong mối liên hệ này cho đến khi y đã tạo được một tiếp xúc rõ ràng và xác định với chính linh hồn mình. Chính trên cấp độ nhận biết vốn là cấp độ của chính linh hồn mà những người có thể trợ giúp được tìm thấy, và cho đến khi chúng ta, với tư cách cá nhân, thâm nhập vào trạng thái ấy, chúng ta không thể được đưa vào sự tiếp xúc thông minh với những vị thường hoạt động tại đó. Điểm đạo liên quan đến tâm thức và chỉ là một từ chúng ta dùng để diễn tả sự chuyển tiếp mà con người có thể thực hiện từ tâm thức của giới thứ tư hay giới nhân loại, vào giới thứ năm hay giới tinh thần, Thiên Giới. Đức Christ đến để mặc khải con đường vào giới ấy.

This initiating soul, as we have already seen, is called by many names in the New Testament, and in the other religions it is called by a terminology suited to the time and temperament of the aspirant. Where the Christian disciple speaks of "Christ in you, the hope of glory," *(Col., I, 27.)* the Oriental disciple may speak of the Self or the Atman. The modern [42] schools of thought speak of the ego, or the higher self, the real man, or the spiritual entity, whilst in the Old Testament reference is made to the "Angel of the Presence." A long list of these synonyms could be compiled, but for our purpose we shall confine ourselves to the word "soul" because of its wide use in the West.

Linh hồn điểm đạo này, như chúng ta đã thấy, được gọi bằng nhiều danh xưng trong Tân Ước, và trong các tôn giáo khác, nó được gọi bằng thuật ngữ phù hợp với thời đại và khí chất của người chí nguyện. Nơi nào đệ tử Cơ Đốc nói đến "Đức Christ trong các bạn, niềm hy vọng vinh quang," *(Col., I, 27.)* thì đệ tử phương Đông có thể nói đến Bản Ngã hay Atman. Các trường phái tư tưởng hiện đại [42] nói đến chân ngã, hay chân ngã, con người chân thật, hoặc thực thể tinh thần, trong khi trong Cựu Ước có nói đến "Thiên Thần của Hiện Diện." Có thể lập một danh sách dài những từ đồng nghĩa này, nhưng vì mục đích của chúng ta, chúng ta sẽ giới hạn vào từ "linh hồn" vì nó được dùng rộng rãi ở phương Tây.

The immortal soul in man prepares him for the first initiation, for it is this soul which manifests upon earth as the "infant Christ"

Linh hồn bất tử trong con người chuẩn bị y cho lần điểm đạo thứ nhất, vì chính linh hồn này biểu hiện trên Trái Đất như "Đức Christ

and appears in man. This is the new birth. That which has been slowly gestating in man comes at last to birth, and the Christ, or soul, is born consciously. *Always* the germ of the living Christ has been present, though hidden, in every human being. But in due time and season the infant soul makes its appearance, and the first of the five initiations is made possible. The work proceeds, and the Christ-life unfolds and develops in the man until the second and third initiations take place. At that time, as many believe, we are initiated through the instrumentality of the Christ, and in full waking consciousness the initiate stands in His Presence and sees Him face to face. Browning expresses this truth in the great poem *Saul* when he says:

hài nhi" và xuất hiện trong con người. Đây là sự tái sinh. Điều đã âm thầm thai nghén trong con người cuối cùng được sinh ra, và Đức Christ, hay linh hồn, được sinh ra một cách hữu thức. *Luôn luôn* mầm của Đức Christ sống động đã hiện diện, dù ẩn tàng, trong mọi con người. Nhưng đúng thời và đúng kỳ, linh hồn hài nhi xuất hiện, và cuộc điểm đạo đầu tiên trong năm cuộc điểm đạo trở nên khả hữu. Công việc tiếp diễn, và sự sống Đức Christ khai mở và phát triển trong con người cho đến khi lần điểm đạo thứ hai và thứ ba diễn ra. Vào lúc ấy, như nhiều người tin, chúng ta được điểm đạo qua sự trung gian của Đức Christ, và trong tâm thức hoàn toàn tỉnh thức, điểm đạo đồ đứng trong Sự Hiện Diện của Ngài và thấy Ngài mặt đối mặt. Browning diễn tả chân lý này trong bài thơ vĩ đại *Saul* khi ông nói:

"Oh, Saul, it shall be

"Ôi, Saul, sẽ là

A Face like my face that receives thee; a Man like to me

Một Khuôn Mặt giống khuôn mặt ta tiếp nhận ngươi; một Con Người giống ta

Thou shalt love and be loved by, for ever: A Hand like this hand

Ngươi sẽ yêu và được yêu bởi, mãi mãi: Một Bàn Tay như bàn tay này

Shall throw open the gates of new life to thee!

Sẽ mở tung những cánh cổng của sự sống mới cho ngươi!

See the Christ stand!"

Hãy nhìn Đức Christ đứng đó!"

After the third initiation, the Transfiguration, when the personality has been subordinated to the soul, or the indwelling Christ, and the glory of the Lord can shine forth through the medium of the flesh, we are faced with the supreme achievement of the Crucifixion and the Resurrection. Then, we are told, that mysterious Being, spoken of in the Old Testament as Melchizedek, and as the

Sau lần điểm đạo thứ ba, cuộc Biến hình, khi phàm ngã đã được đặt dưới linh hồn, hay Đức Christ nội tại, và vinh quang của Chúa có thể chiếu rạng qua trung gian xác thịt, chúng ta đối diện với thành tựu tối thượng của cuộc Đóng Đinh và sự Phục Sinh. Khi ấy, chúng ta được cho biết rằng Đấng huyền nhiệm ấy, được nói đến trong Cựu Ước là Melchizedek, và là Đấng Thái Cổ, sẽ đóng vai trò của Ngài và điểm đạo chúng ta vào

Ancient of Days, will play His part and initiate us into the still higher mysteries. Of Him we are told that:

những huyền nhiệm còn cao hơn nữa. Về Ngài, chúng ta được cho biết rằng:

"This Melchizedek, King of Salem, Priest of the Most High God [43] ... was, in the first place, as His Name means, King of Righteousness, and besides that, King of Salem (that is King of Peace). Being without father or mother or ancestry, having neither beginning of days nor end of life ... He remains a priest in perpetuity."

"Melchizedek này, Vua của Salem, Tư Tế của Thượng đế Tối Cao [43]... trước hết, như Danh của Ngài hàm ý, là Vua của Chính Nghĩa, và ngoài ra, là Vua của Salem, tức là Vua của Hòa Bình. Không cha, không mẹ, không gia phả, không có khởi đầu của ngày tháng cũng không có kết thúc của sự sống... Ngài vẫn là một tư tế vĩnh viễn."

'HEBREWS, VII, 1-4', WEYMOUTH TRANSLATION.

'Hebrews, VII, 1-4', bản dịch Weymouth.

He is the One Who receives the initiate and superintends the higher transitions of consciousness which are the reward of the tests triumphantly undergone. He is the One Whose "star shines forth" when the initiate enters into light.

Ngài là Đấng tiếp nhận điểm đạo đồ và giám quản những chuyển tiếp tâm thức cao hơn, vốn là phần thưởng của các thử thách đã được vượt qua một cách khải hoàn. Ngài là Đấng mà "ngôi sao chiếu rạng" khi điểm đạo đồ bước vào ánh sáng.

There are therefore three initiators: first, a man's own soul, then the Christ of history, and finally the Ancient of Days, the one in Whom "we live, and move, and have our Being." *(Acts, XVII, 28.)* These ideas are interesting when we realise that out of the five initiations there are three which seem, and naturally so, to be of supreme importance. In the life of Christ there are episodes which represent great points of attainment, all climaxing cycles and initiating new ones. These are the first initiation, the Birth; the third initiation, the Transfiguration; and the fifth, the Resurrection. There is in nature some mysterious value which is connected with the first, the third, and the fifth—the beginning, the middle point and the climaxing consummation. As has been pointed out, "it is the intervals, not only between the base note, the major third and

Do đó có ba Đấng Điểm đạo: trước hết, chính linh hồn của con người; kế đến là Đức Christ của lịch sử; và cuối cùng là Đấng Thái Cổ, Đấng trong Ngài "chúng ta sống, chuyển động, và có Bản Thể của mình." *(Acts, XVII, 28.)* Những ý tưởng này thật thú vị khi chúng ta nhận ra rằng trong năm cuộc điểm đạo có ba cuộc dường như, và một cách tự nhiên, có tầm quan trọng tối thượng. Trong đời sống Đức Christ có những biến cố tượng trưng cho các điểm thành tựu lớn lao, tất cả đều là cao điểm của các chu kỳ và khai mở những chu kỳ mới. Đó là lần điểm đạo thứ nhất, cuộc Giáng Sinh; lần điểm đạo thứ ba, cuộc Biến hình; và lần thứ năm, sự Phục Sinh. Trong tự nhiên có một giá trị huyền nhiệm nào đó liên hệ với thứ nhất, thứ ba và thứ năm—khởi đầu, điểm giữa và sự hoàn tất ở cao điểm. Như đã được chỉ ra, "chính các khoảng cách, không chỉ giữa âm nền, quãng ba trưởng và quãng năm đúng, hay

the perfect fifth, or those which distinguish the quaver from the semi-quaver, which enable us to build up a symphony or song." Between these high points, in the intervals of which the details are given us in the Gospel story, the work is carried on which makes the later achievements possible. We are primarily considering in this book the technique of the entrance into the kingdom of God. That kingdom exists, and birth into it is as inescapable as birth into the human family. The process is a sequential proceeding from gestation until, in "the fullness of time," the Christ Child is born; the soul begins to manifest on earth, and the life of the disciple and initiate begins. He passes from stage [44] to stage until he has mastered all the laws of the spiritual kingdom. Through birth, service and sacrifice the initiate becomes a citizen of that kingdom, and this is as much a natural process connected with his inner life as are the physical processes in their connection with his outer life as a human being. These two go on together, but the inner reality eventually comes into manifestation through the sacrifice of the human to the divine.

những khoảng phân biệt móc đơn với móc kép, mới khiến chúng ta có thể xây dựng một bản giao hưởng hay bài ca." Giữa các điểm cao này, trong những khoảng cách mà các chi tiết được trao cho chúng ta trong câu chuyện Phúc Âm, công việc được tiến hành để làm cho những thành tựu về sau trở nên khả hữu. Trong sách này, chủ yếu chúng ta xem xét kỹ thuật đi vào Thiên Giới. Giới ấy hiện hữu, và việc sinh vào đó cũng không thể tránh khỏi như việc sinh vào gia đình nhân loại. Tiến trình là một diễn trình tuần tự từ thai nghén cho đến khi, trong "sự viên mãn của thời gian," Hài Nhi Christ được sinh ra; linh hồn bắt đầu biểu hiện trên Trái Đất, và đời sống của đệ tử và điểm đạo đồ bắt đầu. Y đi từ giai đoạn [44] này sang giai đoạn khác cho đến khi y đã làm chủ mọi định luật của giới tinh thần. Qua sinh ra, phụng sự và hi sinh, điểm đạo đồ trở thành một công dân của giới ấy, và đây cũng là một tiến trình tự nhiên liên hệ với đời sống bên trong của y như các tiến trình hồng trần liên hệ với đời sống bên ngoài của y với tư cách một con người. Hai tiến trình này diễn ra cùng nhau, nhưng thực tại bên trong cuối cùng đi vào biểu hiện qua sự hi sinh của nhân tính cho thiên tính.

The initiate is not simply a good man. The world is full of good men who are probably a long way from being initiates. Neither is the initiate a well-meaning devotee. He is a man who has added a sound intellectual understanding to the basic qualifications of a sound moral character and devotion. Through discipline he has co-ordinated his lower nature, the personality, so that it is a "vessel meet for the master's use," *(II Timothy, II, 21.)* that master being his own soul. He knows that he walks in a world of illusion, but is training himself whilst doing this to walk in the light of the soul, realising that in service to his fellowmen and in forgetfulness of self he prepares himself to

Điểm đạo đồ không chỉ đơn giản là một người tốt. Thế giới đầy những người tốt, những người có lẽ còn rất xa mới là điểm đạo đồ. Điểm đạo đồ cũng không phải là một người sùng tín có thiện chí. Y là một người đã thêm sự thấu hiểu trí tuệ vững chắc vào các phẩm chất căn bản của một tính cách đạo đức lành mạnh và lòng sùng tín. Qua kỷ luật, y đã phối hợp bản chất thấp của mình, tức phàm ngã, để nó trở thành "một bình chứa thích hợp cho việc sử dụng của chủ," *(II Timothy, II, 21.)* vị chủ ấy chính là linh hồn của y. Y biết rằng y bước đi trong một thế giới ảo tưởng, nhưng trong khi làm điều này, y đang rèn luyện mình để bước đi trong ánh sáng của linh hồn, nhận ra rằng trong việc

stand before the portal of Initiation. Upon that path he meets those who, like himself, are learning to be citizens of the kingdom.

phụng sự đồng loại và trong sự quên mình, y chuẩn bị để đứng trước cánh cổng Điểm Đạo. Trên con đường ấy, y gặp những người, giống như y, đang học làm công dân của Thiên Giới.

This has been the knowledge and the message of all true Christians down the centuries, and their united testimony bears witness to the reality of the kingdom, to the fact that those who seek it truly can find it, and that those who make enquiry as to its existence shall not be disappointed. The way into the kingdom is found by questioning and answering, by seeking and finding, and by the obedience to that inner voice which can be heard when all other voices are stilled.

Đây đã là tri thức và thông điệp của mọi tín hữu Cơ Đốc chân chính qua nhiều thế kỷ, và chứng ngôn hợp nhất của họ làm chứng cho thực tại của Thiên Giới, cho sự kiện rằng những ai thật sự tìm kiếm nó có thể tìm thấy nó, và những ai tra vấn về sự hiện hữu của nó sẽ không thất vọng. Con đường vào Thiên Giới được tìm thấy bằng hỏi và đáp, bằng tìm kiếm và tìm thấy, và bằng sự vâng theo tiếng nói bên trong có thể được nghe khi mọi tiếng nói khác đã lặng yên.

When that voice is heard we come to a consciousness of the possibilities ahead and take the initial step towards that first initiation which leads to Bethlehem, there to find and meet with Christ. Within ourselves we find God. In the cave of the heart the divine life can be felt throbbing. Man discovers himself to be one of a vast number who have undergone the [45] same experience, and through the process of initiation he gives birth to the Christ. The "infant life," newborn into the kingdom of God, starts on the struggle and the experience which will lead him step by step from one initiation to another till he too has attained. Then he also becomes a teacher and an expression of divinity, and follows in the footsteps of the Saviour, serving the race, sounding the needed note, and helping others to reach the point he has reached. The path of service and co-operation with the divine will become the purpose of his life.

Khi tiếng nói ấy được nghe, chúng ta nhận biết những khả năng phía trước và thực hiện bước đầu tiên hướng về lần điểm đạo thứ nhất dẫn đến Bethlehem, để tại đó tìm thấy và gặp gỡ Đức Christ. Trong chính mình, chúng ta tìm thấy Thượng đế. Trong hang động của trái tim, sự sống thiêng liêng có thể được cảm thấy đang đập nhịp. Con người khám phá mình là một trong vô số người đã trải qua [45] cùng kinh nghiệm ấy, và qua tiến trình điểm đạo, y sinh ra Đức Christ. "Sự sống hài nhi," vừa mới sinh vào Thiên Giới, bắt đầu cuộc đấu tranh và kinh nghiệm sẽ dẫn y từng bước từ cuộc điểm đạo này đến cuộc điểm đạo khác cho đến khi y cũng đạt thành. Khi ấy y cũng trở thành một huấn sư và một biểu hiện của thiên tính, và theo dấu chân của Đấng Cứu Thế, phụng sự nhân loại, xướng âm điệu cần thiết, và giúp người khác đạt đến điểm y đã đạt. Con đường phụng sự và hợp tác với thiên ý sẽ trở thành mục đích của đời y.

Not all initiates can reach the altitude which Christ reached. His was a unique and cosmic

Không phải mọi điểm đạo đồ đều có thể đạt đến độ cao mà Đức Christ đã đạt. Sứ mệnh

mission. But experience of each stage of illumination, as portrayed in the Gospel story, is possible to the disciples of the world. Therefore, in summing up these ideas concerning the new birth into the kingdom, which at this time faces so many, it must be borne in mind that:

của Ngài là độc nhất và thuộc vũ trụ. Nhưng kinh nghiệm của mỗi giai đoạn soi sáng, như được mô tả trong câu chuyện Phúc Âm, là điều khả hữu đối với các đệ tử của thế giới. Vì vậy, khi tóm lược những ý tưởng này liên quan đến sự tái sinh vào Thiên Giới, điều mà vào lúc này đang đối diện với rất nhiều người, cần ghi nhớ rằng:

"At the first great Initiation the Christ is born in the disciple. It is then that he realizes for the first time *in himself* the outpouring of the divine Love, and experiences that marvellous change which makes him feel himself to be one with all that lives. This is the 'Second Birth,' and at that birth the heavenly ones rejoice, for he is born into 'the kingdom of heaven,' as one of the 'little ones,' as a 'little child'—the names ever given to the new Initiates. Such is the meaning of the words of Jesus, that a man must become a little child to enter into the Kingdom."

"Ở cuộc Điểm Đạo vĩ đại đầu tiên, Đức Christ được sinh ra trong đệ tử. Khi ấy, lần đầu tiên y nhận ra *trong chính mình* sự tuôn đổ của Bác Ái thiêng liêng, và trải nghiệm sự thay đổi kỳ diệu khiến y cảm thấy mình là một với tất cả những gì sống động. Đây là 'Sự Sinh Lần Thứ Hai,' và trong cuộc sinh ấy, các đấng trên trời hoan hỉ, vì y được sinh vào 'thiên giới,' như một trong 'những người bé nhỏ,' như một 'trẻ thơ'—những danh xưng luôn được trao cho các Điểm đạo đồ mới. Đó là ý nghĩa của những lời Đức Jesus, rằng con người phải trở nên như trẻ thơ để vào Thiên Giới."

'ESOTERIC CHRISTIANITY', BY ANNIE BESANT, PP. 185, 286, 53, 54.

'Esoteric Christianity', của Annie Besant, tr. 185, 286, 53, 54.

The same writer points out in another place that:

Cũng tác giả ấy chỉ ra ở một nơi khác rằng:

"The 'second birth' is another well-recognised term for Initiation; even now in India the higher castes are called 'twice-born,' and the ceremony that makes them twice-born is a ceremony of Initiation—mere husk truly, in these modern days, but the 'pattern of things in the heavens.' *(Hebrews, IX, 23.)* When Jesus is speaking to Nicodemus he states that 'Except a man be born again, he cannot see the kingdom of God,' and this birth is spoken of as that 'of water and the Spirit,' *(St. John, III, 3.5.)* this is the first Initiation; a later one is that 'of the Holy [46] Ghost and fire,'(St. Matt., III,

"'Sự sinh lần thứ hai' là một thuật ngữ khác được thừa nhận rõ ràng để chỉ Điểm Đạo; ngay cả hiện nay ở Ấn Độ, các giai cấp cao hơn được gọi là 'sinh hai lần,' và nghi lễ khiến họ sinh hai lần là một nghi lễ Điểm Đạo—thật ra chỉ còn là lớp vỏ trong những ngày hiện đại này, nhưng là 'mô hình của những điều trên trời.' *(Hebrews, IX, 23.)* Khi Đức Jesus nói với Nicodemus, Ngài tuyên bố rằng 'Nếu một người không được sinh lại, y không thể thấy Thiên Giới,' và sự sinh này được nói đến như là sự sinh 'bởi nước và Tinh thần,' *(St. John, III, 3.5.)* đây là cuộc Điểm Đạo thứ nhất; một cuộc sau đó là bởi

11) the baptism of the Initiate in his manhood, as the first is that of birth, which welcomes him as the 'Little Child' entering the kingdom. *(St. Matt., XVIII, 3.)* How thoroughly this imagery was familiar among the mystics of the Jews is shown by the surprise evinced by Jesus when Nicodemus stumbled over His mystic phraseology: 'Art thou a master of Israel, and knowest not these things?'" *(St. John, III, 10.)*

'Chúa Thánh [46] Thần và lửa,'(St. Matt., III, 11) phép rửa của Điểm đạo đồ trong tuổi trưởng thành của y, cũng như cuộc thứ nhất là sự sinh, chào đón y như 'Trẻ Thơ' bước vào Thiên Giới. *(St. Matt., XVIII, 3.)* Hình ảnh này quen thuộc sâu xa thế nào giữa các nhà thần bí của người Do Thái được thể hiện qua sự ngạc nhiên mà Đức Jesus bộc lộ khi Nicodemus vấp váp trước cụm từ thần bí của Ngài: 'Ngươi là một bậc thầy của Israel mà không biết những điều này sao?'" *(St. John, III, 10.)*

Facing these possible heights of attainment stand the disciples of the world at this time. Here also stands the weary world disciple, humanity as a whole, worn and distraught, bewildered and restless, yet conscious of divine potentialities and great dreams, visions and ideals which evoke a hope and a refusal to be defeated and are the guarantee of eventual success. The voice of all the world Saviours and the example of the Christ indicate to humanity the Way that must be trodden. This leads away from the superficial and the material, from the world of unreality to the world of reality. "Man has had enough of a life cut off from its religious centre, and a quest for a new religious balance, a spiritual deepening will begin; in no order of his activity can he carry on any longer merely on the surface, a purely external life." *('The End of Our Time', by Nicholas Berdyaev, p. 59)* Deep calls unto deep, and from out the darkness of those depths, and through pain and suffering, the Christ child will emerge, and humanity as a whole will stand ready to make the great transition into the kingdom of God. Man can now pass on into the kingdom and commence making spiritual history. Up to the present, history has been preparatory. The race is only today, for the first time ready to take the great step on to the path of discipleship and of purification which

Đối diện với những tầm cao thành tựu khả hữu này là các đệ tử của thế giới vào lúc này. Ở đây cũng đứng đệ tử thế giới mỏi mệt, tức toàn thể nhân loại, kiệt sức và rối loạn, hoang mang và bất an, nhưng vẫn ý thức về những tiềm năng thiêng liêng và những giấc mơ, linh ảnh và lý tưởng lớn lao, vốn gợi lên hy vọng và sự từ chối bị đánh bại, và là bảo chứng cho thành công cuối cùng. Tiếng nói của mọi Đấng Cứu Thế của thế giới và tấm gương của Đức Christ chỉ cho nhân loại Con Đường phải bước đi. Con đường này dẫn khỏi cái hời hợt và vật chất, khỏi thế giới của phi thực tại để đến thế giới của thực tại. "Con người đã quá đủ với một đời sống bị cắt lìa khỏi trung tâm tôn giáo của nó, và một cuộc tìm kiếm sự quân bình tôn giáo mới, một sự đào sâu tinh thần sẽ bắt đầu; trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào, y cũng không thể tiếp tục lâu hơn nữa chỉ trên bề mặt, một đời sống thuần túy bên ngoài." *('The End of Our Time', của Nicholas Berdyaev, tr. 59)* Vực sâu gọi vực sâu, và từ bóng tối của những chiều sâu ấy, cũng như qua đau đớn và khổ đau, hài nhi Christ sẽ xuất hiện, và toàn thể nhân loại sẽ đứng sẵn sàng thực hiện cuộc chuyển tiếp vĩ đại vào Thiên Giới. Giờ đây con người có thể bước vào Thiên Giới và bắt đầu tạo nên lịch sử tinh thần. Cho đến hiện tại, lịch sử vẫn chỉ là sự chuẩn bị. Chỉ hôm nay, lần đầu tiên, nhân loại mới sẵn sàng thực hiện bước lớn vào Con Đường Đệ Tử và thanh

precedes the path of initiation. Individuals have ever emerged out of the rank and file and lifted themselves to the pinnacles of attainment, and so climbed the mountain of initiation. But today this becomes possible for the many. The voice of those who have achieved, the clarion call of those who are [47] initiate in the mysteries of the kingdom of God, make the new step possible. The moment is unique and urgent. The call is to the individual but also, for the first time in history, it is sounded in the ears of the crowd, because the crowd is ready to respond.

luyện, vốn đi trước Con Đường Điểm Đạo. Các cá nhân luôn luôn nổi lên khỏi hàng ngũ quần chúng và tự nâng mình lên đến những đỉnh cao thành tựu, và như thế leo lên ngọn núi điểm đạo. Nhưng hôm nay điều này trở nên khả hữu cho nhiều người. Tiếng nói của những người đã thành tựu, tiếng kèn vang dội của những người là [47] điểm đạo đồ trong các huyền nhiệm của Thiên Giới, làm cho bước mới trở nên khả hữu. Khoảnh khắc này độc nhất và khẩn cấp. Lời kêu gọi hướng đến cá nhân, nhưng cũng, lần đầu tiên trong lịch sử, vang lên bên tai đám đông, vì đám đông đã sẵn sàng đáp ứng.

Such is the situation now. The voices of these individuals who have entered into the kingdom call to the multitude today in no uncertain terms, and the issue is sure, though to some the initiating of humanity may seem a slow process. Old truths enunciated by the world Teachers and Saviours are in process of re-interpretation, to meet the ancient needs in new terms and in a more vital way. Those Leaders who mould the spirits of men are holding the doors wide open, and through them mankind will he obliged to pass, rapidly if it will listen, but inevitably, whether it now hears or no.

Tình thế hiện nay là như vậy. Tiếng nói của những cá nhân đã bước vào Thiên Giới hôm nay kêu gọi quần chúng bằng những lời không thể lầm lẫn, và kết quả là chắc chắn, dù đối với một số người việc điểm đạo nhân loại có thể dường như là một tiến trình chậm chạp. Những chân lý xưa do các Đức Chưởng Giáo và Đấng Cứu Thế của thế giới tuyên thuyết đang trong tiến trình được diễn giải lại, để đáp ứng những nhu cầu cổ xưa bằng thuật ngữ mới và theo một cách sống động hơn. Những Vị Lãnh Đạo uốn nắn tinh thần của con người đang mở rộng các cánh cửa, và qua đó nhân loại sẽ buộc phải đi qua, nhanh chóng nếu y chịu lắng nghe, nhưng tất yếu, dù hiện nay y có nghe hay không.

Our theme therefore gradually emerges in our consciousness. We can see that it must be approached from two major angles. We shall study these five initiations of Jesus from the angle, first of all, of the individual aspirant, so that it may become apparent that, as children of God, we can all participate in what the Christ went through. One of the interesting things which appear as we study the life of Christ and note how the divine Plan for that life was progressively registered in His

Vì vậy, chủ đề của chúng ta dần dần hiện ra trong tâm thức chúng ta. Chúng ta có thể thấy rằng nó phải được tiếp cận từ hai góc độ chính. Trước hết, chúng ta sẽ nghiên cứu năm cuộc điểm đạo này của Đức Jesus từ góc độ của người chí nguyện cá nhân, để có thể thấy rõ rằng, với tư cách là con cái của Thượng đế, tất cả chúng ta đều có thể tham dự vào điều Đức Christ đã trải qua. Một trong những điều thú vị xuất hiện khi chúng ta nghiên cứu đời sống Đức Christ và ghi nhận cách Thiên Cơ dành cho đời sống ấy được ghi

consciousness, is that at first He only dimly sensed what He had to do. The ideas developed as He grew older. After the first initiation, the Birth at Bethlehem, His words to His mother were, "Wist ye not that I must be about my Father's business?" *(St. Luke, II, 49.)* He knew that He was ordained to work and to serve, but the specifications of that work were only later made clear to His mind. He simply recognised a Plan, and to that Plan He dedicated Himself. This must also be done by those who follow in His steps.

nhận dần dần trong tâm thức của Ngài, là lúc đầu Ngài chỉ cảm nhận mơ hồ điều Ngài phải làm. Các ý tưởng phát triển khi Ngài lớn lên. Sau lần điểm đạo thứ nhất, cuộc Giáng Sinh tại Bethlehem, lời Ngài nói với mẹ Ngài là: "Cha mẹ há chẳng biết rằng con phải lo việc của Cha con sao?" *(St. Luke, II, 49.)* Ngài biết rằng Ngài được định để làm việc và phụng sự, nhưng những chi tiết của công việc ấy chỉ về sau mới được làm sáng tỏ trong trí của Ngài. Ngài chỉ đơn giản nhận ra một Thiên Cơ, và Ngài hiến mình cho Thiên Cơ ấy. Điều này cũng phải được thực hiện bởi những ai theo dấu chân Ngài.

The second initiation, that of the Baptism, then took place. Christ had achieved manhood, and this attainment was followed immediately by a definite and conscious rejection of evil. Recognition of work to be done must be succeeded [48] by the purification of the one who must thus work, and a demonstration must be given of that purification and freedom from evil. This, Christ gave in the victory of the three temptations. Then, only after this evidenced preparation, do we read that He proceeded to teach. *(St. Luke, IV, 14, 15.)*

Kế đó diễn ra lần điểm đạo thứ hai, tức Phép Rửa. Đức Christ đã đạt đến tuổi trưởng thành, và thành tựu này lập tức được theo sau bởi sự khước từ điều ác một cách xác định và hữu thức. Sự nhận biết về công việc phải làm phải được tiếp nối [48] bằng sự thanh luyện người phải làm việc như thế, và phải có một minh chứng về sự thanh luyện ấy cùng sự tự do khỏi điều ác. Đức Christ đã trao minh chứng này trong chiến thắng ba cơn cám dỗ. Khi ấy, chỉ sau sự chuẩn bị đã được chứng tỏ này, chúng ta mới đọc thấy rằng Ngài bắt đầu giảng dạy. *(St. Luke, IV, 14, 15.)*

Recognition and preparation for participation in the divine Plan was next followed by dedication to that Plan. After the Transfiguration He entered into a full realisation of what lay ahead for Him, and He defined it clearly to His disciples, saying:

Sự nhận biết và chuẩn bị để tham dự vào Thiên Cơ kế đó được tiếp nối bằng sự hiến mình cho Thiên Cơ ấy. Sau cuộc Biến hình, Ngài bước vào sự chứng nghiệm trọn vẹn về điều đang chờ Ngài phía trước, và Ngài xác định rõ điều đó với các đệ tử của Ngài, rằng:

"... the Son of man must suffer many things, and be rejected of the elders and chief priests and scribes, and be slain, and be raised the third day.... If any man will come after me, let him deny himself, and take up his cross daily, and follow me."

"... Con Người phải chịu nhiều đau khổ, bị các trưởng lão, thượng tế và kinh sư khước từ, bị giết, và ngày thứ ba được sống lại.... Nếu ai muốn theo ta, hãy tự phủ nhận mình, hằng ngày vác thập giá mình và theo ta."

ST. LUKE, IX, 22, 23.

Then we read later in the same chapter that "He steadfastly set His face to go" up to the place of suffering and of sacrifice.

Finally came the realisation that He had accomplished what He had set out to do. He had fulfilled the Plan; the Father's business had been done and the "many things" undergone. We read that even on the Cross the Plan still engrossed His attention, and with His final "It is finished," *(St. John, XIX, 30.)* He passed through the gates of death to a joyful resurrection.

The gradual revelation of the Plan and its service always accompanies the initiation process; the individual learns to subordinate his life to the Will of the Father, and to become—as Christ became—the servant of that Will. The initiation process itself is only a part of the general Plan for the race, and the paths of discipleship and of initiation are but the final stages of the Path of Evolution. The earlier steps on the Path are concerned with human living and experiencing, but the final stages, after the new birth, are concerned with spiritual unfoldment.

What is true of the unfoldment of the individual is true [49] of the race; and all these stages must be worked out in the racial life. Those who see the vision clearly can trace the evidences of this unfolding Plan in the steady growth of several ideas that are now dominant in the world. Without going into detail or entering into lengthy expositions of the subject, the growth of the Plan and of the racial response can be traced quite clearly in the development of the God

St. Luke, IX, 22, 23.

Rồi về sau trong cùng chương ấy, chúng ta đọc rằng "Ngài kiên quyết hướng mặt đi lên" nơi đau khổ và hi sinh.

Cuối cùng đến sự nhận ra rằng Ngài đã hoàn thành điều Ngài đặt ra để làm. Ngài đã hoàn tất Thiên Cơ; công việc của Cha đã được thực hiện và "nhiều điều" đã được trải qua. Chúng ta đọc thấy rằng ngay cả trên Thập Giá, Thiên Cơ vẫn chiếm trọn sự chú tâm của Ngài, và với lời cuối cùng "Mọi sự đã hoàn tất," *(St. John, XIX, 30.)* Ngài đi qua các cánh cổng của sự chết để đến một cuộc phục sinh hoan hỉ.

Sự mặc khải dần dần của Thiên Cơ và việc phụng sự Thiên Cơ ấy luôn đi kèm tiến trình điểm đạo; cá nhân học cách đặt đời sống mình dưới Ý Chí của Cha, và trở thành—như Đức Christ đã trở thành—người phụng sự Ý Chí ấy. Bản thân tiến trình điểm đạo chỉ là một phần của Thiên Cơ chung dành cho nhân loại, và Con Đường Đệ Tử cùng Con Đường Điểm Đạo chỉ là những giai đoạn cuối của Con Đường Tiến Hoá. Những bước đầu trên Con Đường liên hệ đến đời sống và kinh nghiệm nhân loại, nhưng các giai đoạn cuối, sau sự tái sinh, liên hệ đến sự khai mở tinh thần.

Điều đúng với sự khai mở của cá nhân cũng đúng [49] với nhân loại; và tất cả các giai đoạn này phải được thực hiện trong đời sống nhân loại. Những ai thấy tầm nhìn rõ ràng có thể truy nguyên các bằng chứng của Thiên Cơ đang khai mở này trong sự tăng trưởng vững chắc của một số ý tưởng hiện đang chi phối thế giới. Không đi vào chi tiết hay bước vào những phần trình bày dài dòng về chủ đề này, sự tăng trưởng của Thiên Cơ và của sự đáp ứng nhân loại có thể được truy

idea. First, God was a far-away, anthropomorphic Deity, unknown and unloved, but regarded with awe and fear, and worshipped as the Deity expressing Himself through the forces of nature. As time elapsed, this distant God drew a little nearer to His people, taking on a more human colouring until, in the Jewish dispensation, we find Him much like ourselves, but still the wrathful, ethical Ruler, and still obeyed and feared.

nguyên khá rõ trong sự phát triển của ý tưởng về Thượng đế. Trước hết, Thượng đế là một Thượng Đế xa xôi, mang hình người, không được biết và không được yêu, nhưng được nhìn với sự kính sợ và khiếp sợ, và được tôn thờ như Thượng Đế biểu hiện chính Ngài qua các mãnh lực của tự nhiên. Khi thời gian trôi qua, Thượng đế xa xôi này tiến lại gần dân của Ngài hơn một chút, mang màu sắc nhân tính hơn, cho đến khi, trong thời kỳ Do Thái, chúng ta thấy Ngài rất giống chúng ta, nhưng vẫn là Đấng Cai Trị phẫn nộ và đạo đức, vẫn được vâng phục và kính sợ.

He approached still nearer as time went on; and before the advent of Christianity men recognised Him as the beloved Krishna of the Hindu faith, and as the Buddha. Then the Christ came to the West. God Himself was seen incarnate among men. The distant had become the near, and the One Who had been worshipped in awe and wonder could now be known and loved. Today God is coming closer still, and the new age will not only recognise the truth of the past revelations and testify to their validity and their progressive revelation of divinity, but to all this will be added the ultimate revelation of the Presence of God in the human heart, of Christ born in man, and of each human being manifesting, in truth, as a son of God.

Ngài tiến lại gần hơn nữa khi thời gian trôi qua; và trước khi Cơ Đốc giáo xuất hiện, con người nhận biết Ngài như Krishna được yêu dấu của đức tin Ấn Độ giáo, và như Đức Phật. Rồi Đức Christ đến phương Tây. Chính Thượng đế được thấy nhập thể giữa con người. Đấng xa xôi đã trở thành Đấng gần gũi, và Đấng từng được tôn thờ trong kính sợ và kinh ngạc giờ đây có thể được biết và được yêu. Ngày nay Thượng đế đang đến gần hơn nữa, và kỷ nguyên mới sẽ không chỉ nhận biết chân lý của các mặc khải quá khứ và làm chứng cho tính xác thực của chúng cùng sự mặc khải tiến triển của chúng về thiên tính, mà thêm vào tất cả điều này sẽ là sự mặc khải tối hậu về Sự Hiện Diện của Thượng đế trong trái tim con người, về Đức Christ được sinh ra trong con người, và về mỗi con người thật sự biểu hiện như một người con của Thượng đế.

In a consideration of the unfoldment of consciousness the same emerging divine Plan appears. Though the race in its infancy was governed by instinct, as time elapsed the intellect began to show itself and is continuing to control human affairs, government and thought. Out of the intellect, rightly used and understood, something fairer and still more revealing is

Trong việc xem xét sự khai mở của tâm thức, cùng Thiên Cơ thiêng liêng đang hiện ra ấy cũng xuất hiện. Dù nhân loại trong thời thơ ấu bị bản năng cai quản, khi thời gian trôi qua, trí năng bắt đầu tự biểu lộ và tiếp tục kiểm soát các công việc, chính quyền và tư tưởng của con người. Từ trí năng, khi được sử dụng và thấu hiểu đúng đắn, một điều đẹp đẽ hơn và còn mặc khải hơn đang được

being evolved, and steadily we can trace the growth of this new force, the intuition, in modern intelligent man. This, in its turn, brings illumination, and so [50] man passes from glory to glory until the omniscient cosmic Son of God can be seen, expressing Himself through every son of man.

tiến hoá, và một cách đều đặn chúng ta có thể truy nguyên sự tăng trưởng của mãnh lực mới này, tức trực giác, trong con người thông minh hiện đại. Điều này, đến lượt nó, đem lại sự soi sáng, và như thế [50] con người đi từ vinh quang đến vinh quang cho đến khi Con của Thượng đế thuộc vũ trụ, toàn tri, có thể được thấy đang biểu hiện chính Ngài qua mọi người con của nhân loại.

Again, the same unfoldment can be traced racially in the transition we have made through the various stages from that of the isolated savage to the family and the tribe, then to the unification of the tribes into nations under one central government, until today we live in a world which is beginning to respond to that which is greater than the nation—humanity itself—and to conceive its expression through the development of an international consciousness. No matter by what line we trace the growth of the Plan, we come from a distant, dark and ignorant past to a present point wherein truer values are seen emerging. We begin to see what that Plan is and whither we are going. We are entering steadily into the world of spiritual realities, because "there is a road from every natural group of facts to every spiritual reality in the universe; and the essential nature of mind forces it always in some degree to traverse this road...." *('The Value and Destiny of the Individual', by B. Bosanquet, p. 111.)*

Một lần nữa, cùng sự khai mở ấy có thể được truy nguyên trong nhân loại qua sự chuyển tiếp mà chúng ta đã thực hiện xuyên qua các giai đoạn khác nhau, từ người dã man cô lập đến gia đình và bộ tộc, rồi đến sự hợp nhất các bộ tộc thành quốc gia dưới một chính quyền trung ương, cho đến ngày nay chúng ta sống trong một thế giới đang bắt đầu đáp ứng với điều lớn hơn quốc gia—chính nhân loại—và quan niệm sự biểu hiện của nó qua sự phát triển một tâm thức quốc tế. Dù chúng ta truy nguyên sự tăng trưởng của Thiên Cơ theo đường nào, chúng ta cũng đi từ một quá khứ xa xôi, tối tăm và vô minh đến một điểm hiện tại, nơi những giá trị chân thật hơn đang được thấy hiện ra. Chúng ta bắt đầu thấy Thiên Cơ ấy là gì và chúng ta đang đi về đâu. Chúng ta đang đều đặn bước vào thế giới của các thực tại tinh thần, vì "có một con đường từ mỗi nhóm sự kiện tự nhiên đến mỗi thực tại tinh thần trong vũ trụ; và bản chất thiết yếu của trí tuệ luôn buộc nó, ở một mức độ nào đó, phải đi qua con đường này...." *('The Value and Destiny of the Individual', của B. Bosanquet, tr. 111.)*

At this "end of the age" man stands before the door of opportunity, and, because he is in process of discovering his own divinity, he will enter into the realm of real values and arrive at a truer knowledge of God. The mystery of the new birth confronts him, and through that experience he must pass.

Tại "cuối kỷ nguyên" này, con người đứng trước cánh cửa cơ hội, và vì y đang trong tiến trình khám phá thiên tính của chính mình, y sẽ bước vào cõi của các giá trị chân thật và đạt đến một tri thức chân thật hơn về Thượng đế. Huyền nhiệm của sự tái sinh đối diện với y, và y phải đi qua kinh nghiệm ấy.

This divinity in man must be brought to the birth, both in the individual and in the race, and thus can the kingdom of God on earth be brought into being.

Thiên tính này trong con người phải được đưa đến chỗ sinh ra, cả trong cá nhân lẫn trong nhân loại, và như thế Thiên Giới trên Trái Đất có thể được đưa vào hiện hữu.

3

3

All of these five initiations have certain basic points in common, resemblances which in themselves are of real significance. There are factors which are germane to all of them. The Way into the kingdom is universal, and man himself is the symbol and the reality. He looks out at all [51] the myths and symbols of the world; he reads and knows the story of the world Saviours; at the same time he himself has to re-enact the same story and make myth a fact in his own personal experience; he must know Christ; he must also follow Christ stage by stage through the great experiences of the initiatory process.

Tất cả năm cuộc điểm đạo này có một số điểm căn bản chung, những tương đồng tự chúng mang thâm nghĩa thật sự. Có những yếu tố liên quan đến tất cả các cuộc ấy. Con Đường vào Thiên Giới là phổ quát, và chính con người vừa là biểu tượng vừa là thực tại. Y nhìn ra tất cả [51] các huyền thoại và biểu tượng của thế giới; y đọc và biết câu chuyện về các Đấng Cứu Thế của thế giới; đồng thời chính y phải tái diễn cùng câu chuyện ấy và biến huyền thoại thành sự kiện trong kinh nghiệm cá nhân của chính mình; y phải biết Đức Christ; y cũng phải theo Đức Christ từng giai đoạn qua những kinh nghiệm vĩ đại của tiến trình điểm đạo.

Every initiation is preceded by a journey; each stage and each dramatic happening comes at the end of a period of travel. The symbolism of this is apparent. “The treading of the Path” is a familiar way of describing the approach of a human being to the mysteries. It is interesting to note that today the whole world is on the move. Everybody is travelling and journeying—a process symbolic of an inner condition of search and movement towards a preordained goal. Travel by rail, by steamship and by airplane is today the lot of everyone. Groups of people in many countries are being transferred from place to place as economic conditions make possible and destiny dictates. We are journeying hither and thither. We are on our way, widening our horizons. We are also preparing for expansions of consciousness which will enable us to live in two realms at once—the life which must be lived on earth

Mỗi cuộc điểm đạo đều được đi trước bởi một hành trình; mỗi giai đoạn và mỗi biến cố kịch tính đến vào cuối một thời kỳ lữ hành. Tính biểu tượng của điều này thật hiển nhiên. “Việc bước đi trên Đường Đạo” là một cách quen thuộc để mô tả sự tiếp cận của một con người đối với các huyền nhiệm. Thật thú vị khi lưu ý rằng ngày nay toàn thế giới đang chuyển động. Mọi người đều đang du hành và lữ hành—một tiến trình tượng trưng cho một tình trạng bên trong của tìm kiếm và chuyển động hướng tới một mục tiêu đã được định trước. Du hành bằng đường sắt, tàu hơi nước và máy bay ngày nay là phần của mọi người. Các nhóm người ở nhiều quốc gia đang được chuyển dịch từ nơi này sang nơi khác khi điều kiện kinh tế cho phép và định mệnh quy định. Chúng ta đang lữ hành đây đó. Chúng ta đang trên đường, mở rộng chân trời của mình. Chúng ta cũng đang chuẩn bị cho những mở rộng tâm thức

and the life which we can live in the kingdom of God. Humanity is on the first stage of its journey towards the mystic Bethlehem where the Christ child will be born, and the first initiation is, at this time, an imminent happening for many.

sẽ cho phép chúng ta sống trong hai cõi cùng lúc—đời sống phải sống trên Trái Đất và đời sống chúng ta có thể sống trong Thiên Giới. Nhân loại đang ở giai đoạn đầu tiên của hành trình hướng về Bethlehem thần bí, nơi hài nhi Christ sẽ được sinh ra, và lần điểm đạo thứ nhất, vào lúc này, là một biến cố sắp xảy ra đối với nhiều người.

"To every man there openeth

A way, and ways and a WAY.

And the high soul takes the high way

And the low soul gropes the low;

And in between, on the misty flats,

The rest drift to and fro,

But to every man there openeth

A high way and a low.

And every man decideth

The way his soul shall go."

JOHN OXENHAM

"Đối với mỗi người đều mở ra

Một con đường, và nhiều con đường, và một CON ĐƯỜNG.

Và linh hồn cao thượng chọn con đường cao

Còn linh hồn thấp mò mẫm con đường thấp;

Và ở giữa, trên những đồng bằng mù sương,

Những người còn lại trôi dạt qua lại,

Nhưng đối với mỗi người đều mở ra

Một con đường cao và một con đường thấp.

Và mỗi người tự quyết định

Con đường linh hồn mình sẽ đi."

John Oxenham

[52] Again, every initiation is marked by the enunciation of a Word of Power. The initiate hears it, though the rest of the world may not. When Christ passed through these crises, in every case a Voice sounded out, and the sound which went forth "opened anew the gates of life." Door after door is opened on the demand of the initiate and at the response by the Initiator, standing on the other side of the portal. We shall see what

[52] Một lần nữa, mỗi cuộc điểm đạo được đánh dấu bằng sự tuyên xướng một Quyền năng từ. Điểm đạo đồ nghe nó, dù phần còn lại của thế giới có thể không nghe. Khi Đức Christ trải qua các khủng hoảng này, trong mỗi trường hợp đều có một Tiếng Nói vang lên, và âm thanh phát ra "mở lại các cánh cổng của sự sống." Cánh cửa này rồi cánh cửa khác được mở ra theo yêu cầu của điểm đạo đồ và theo sự đáp ứng của Đấng Điểm đạo,

each Word signified. The Word always issues forth from the centre. Again and again in the New Testament we are told that "He that hath ears to hear, let him hear," *(St. Matt., XI, 15.)* and a study of the words spoken to the seven Churches in Revelations will bring much light upon the factor of the Word.

Đấng đứng ở phía bên kia cánh cổng. Chúng ta sẽ thấy mỗi Linh từ biểu thị điều gì. Linh từ luôn phát ra từ trung tâm. Hết lần này đến lần khác trong Tân Ước, chúng ta được bảo rằng "Ai có tai để nghe, hãy nghe," *(St. Matt., XI, 15.)* và việc nghiên cứu những lời được nói với bảy Giáo Hội trong sách Khải Huyền sẽ đem nhiều ánh sáng đến yếu tố Linh từ.

Great racial Words have been sounded forth and have brought about needed changes, and have signified a potency of true spiritual value to the sensitive.

Những Linh từ lớn của nhân loại đã được xướng lên, đã đem lại những thay đổi cần thiết, và biểu thị một quyền năng có giá trị tinh thần chân thật đối với người nhạy bén.

The Word or sound for ancient Asia in the past was TAO, or the Way. It stood for that ancient Way which the Initiates of the far East trod and taught. For our race the sound is AUM, which has degenerated in our Occidental vernacular into AMEN. The ancient scriptures of India regard this Word as peculiarly the indication of divinity, of the spirit of life, the breath of God. What the new Word will be which will "come forth from the centre" we do not know, for it will not be heard until the race is ready. But there is a common Word of Power which will be given into the custody of our race if we measure up to our opportunity and, through the new birth, enter into the kingdom of God. It is this Word which will quicken into life the hidden soul of man and galvanise him into a renewed spiritual activity. As the race grows in sensitivity, as the aspirants of the world in all the many religions cultivate the ability (through meditation) to hear the Voice which can tune out all other voices, and as they learn to register the Sound which will obliterate all other sounds, they will, as a group, record the new Word which will issue forth.

Linh từ hay âm thanh dành cho châu Á cổ xưa trong quá khứ là TAO, hay Con Đường. Nó tượng trưng cho Con Đường cổ xưa mà các Điểm đạo đồ Viễn Đông đã bước đi và giảng dạy. Đối với nhân loại chúng ta, âm thanh là AUM, vốn đã thoái hóa trong ngôn ngữ phương Tây thông dụng của chúng ta thành AMEN. Các thánh thư cổ của Ấn Độ xem Linh từ này đặc biệt là dấu hiệu của thiên tính, của tinh thần sự sống, hơi thở của Thượng đế. Linh từ mới sẽ là gì, Linh từ sẽ "phát ra từ trung tâm," chúng ta không biết, vì nó sẽ không được nghe cho đến khi nhân loại sẵn sàng. Nhưng có một Quyền năng từ chung sẽ được giao vào sự gìn giữ của nhân loại chúng ta nếu chúng ta xứng đáng với cơ hội của mình và, qua sự tái sinh, bước vào Thiên Giới. Chính Linh từ này sẽ làm sống động linh hồn ẩn tàng của con người và kích hoạt y vào một hoạt động tinh thần được đổi mới. Khi nhân loại tăng trưởng về độ nhạy bén, khi những người chí nguyện của thế giới trong tất cả các tôn giáo phong phú nuôi dưỡng khả năng, qua tham thiền, nghe Tiếng Nói có thể làm lặng mọi tiếng nói khác, và khi họ học cách ghi nhận Âm Thanh sẽ xóa mờ mọi âm thanh khác, họ, với tư cách một nhóm, sẽ ghi nhận Linh từ mới sẽ phát ra.

[53] At each initiation of Jesus, as we shall see, a Sign was given; it was a Sign which registered upon the consciousness of those who were not initiate. Each time, a symbol or form was seen which was indicative of the revelation. Christ Himself tells us that at the end of the age the sign of the Son of Man will be seen in the Heavens. *(St. Matt., XXIV, 30.)* Just as the Birth at Bethlehem was ushered in by a Sign, that of the Star, so shall that birth towards which the race is hastening be likewise ushered in by a heavenly Sign. The appeal which goes up from the hearts of all true aspirants to initiation is beautifully embodied in the following prayer:

[53] Ở mỗi cuộc điểm đạo của Đức Jesus, như chúng ta sẽ thấy, một Dấu Hiệu được trao; đó là một Dấu Hiệu ghi nhận trên tâm thức của những người chưa được điểm đạo. Mỗi lần, một biểu tượng hay hình tướng được thấy, biểu thị sự mặc khải. Chính Đức Christ nói với chúng ta rằng vào cuối kỷ nguyên, dấu hiệu của Con Người sẽ được thấy trên Trời. *(St. Matt., XXIV, 30.)* Cũng như cuộc Giáng Sinh tại Bethlehem được báo trước bằng một Dấu Hiệu, tức Ngôi Sao, thì cuộc sinh mà nhân loại đang vội vã hướng tới cũng sẽ được báo trước bằng một Dấu Hiệu trên trời. Lời khẩn cầu dâng lên từ trái tim của mọi người chí nguyện chân chính hướng đến điểm đạo được thể hiện tuyệt đẹp trong lời cầu nguyện sau:

"There is a peace that passeth understanding; it abides in the hearts of those who live in the Eternal. There is a power which maketh all things new. It lives and moves in those who know the Self as One. May that peace brood over us; that power uplift us, till we stand where the One Initiator is invoked, till we see His star shine forth."

"Có một sự an bình vượt quá sự thấu hiểu; nó trú ngụ trong trái tim của những người sống trong Vĩnh Cửu. Có một quyền năng làm cho mọi sự trở nên mới. Nó sống và chuyển động trong những người biết Bản Ngã là Một. Cầu mong sự an bình ấy ấp ủ chúng ta; quyền năng ấy nâng chúng ta lên, cho đến khi chúng ta đứng nơi Đấng Điểm đạo Duy Nhất được khẩn cầu, cho đến khi chúng ta thấy ngôi sao của Ngài chiếu rạng."

When that Sign is seen and the Word is heard, the next step will be the recording of the Vision. The Plan and the part to be played by the initiate are shown to him, and he knows what he has to do. This Vision is spoken of as "the vision of God," but it is expressed to man in terms of God's will and the completeness of that which God intends. We are intended to be initiate into the mystery of that will. The vision of God is the vision of God's Plan. No man has seen God at any time. The revelation of God comes through the revelation of Christ.

Khi Dấu Hiệu ấy được thấy và Linh từ được nghe, bước kế tiếp sẽ là ghi nhận Linh ảnh. Thiên Cơ và phần việc mà điểm đạo đồ phải đảm nhiệm được chỉ cho y thấy, và y biết mình phải làm gì. Linh ảnh này được nói đến như "linh ảnh về Thượng đế", nhưng nó được diễn đạt cho con người theo Ý Chí của Thượng Đế và sự viên mãn của điều Thượng Đế dự định. Chúng ta được định sẵn để được điểm đạo vào huyền nhiệm của ý chí ấy. Linh ảnh về Thượng đế là linh ảnh về Thiên Cơ của Thượng Đế. Chưa từng có người nào thấy Thượng Đế vào bất cứ lúc nào. Sự mặc khải về Thượng Đế đến qua sự mặc khải của Đức Christ.

"Philip saith unto him, Lord, shew us the Father, and it sufficeth us.

"Philip thưa với Ngài: Lạy Chúa, xin tỏ cho chúng con thấy Cha, thế là đủ cho chúng con.

"Jesus saith unto him, Have I been so long time with you, and yet hast thou not known me, Philip? He that hath seen me hath seen the Father."

"Đức Jesus phán với ông: Ta đã ở với các con lâu như vậy mà con vẫn chưa biết Ta sao, Philip? Ai đã thấy Ta tức là đã thấy Cha."

ST. JOHN, XIV, 8, 9.

THÁNH GIOAN, XIV, 8, 9.

Christ revealed in Himself the will of God and gave to humanity a vision of God's Plan for the world, this Plan [54] being the coming of the kingdom. He was God, and the word of God went forth from Him.

Đức Christ đã mặc khải trong chính Ngài Ý Chí của Thượng Đế và trao cho nhân loại một linh ảnh về Thiên Cơ của Thượng Đế dành cho thế gian; Thiên Cơ [54] này là sự giáng lâm của Thiên Giới. Ngài là Thượng Đế, và Linh từ của Thượng Đế phát ra từ Ngài.

Man lives by the incarnation of God in himself. By passing through the gate of the new birth, he can redeem the flesh in which that divinity is encased, and can then help in the redemption of the world. For the race, too, there is the crisis, the initiation and the vision. "Where there is no vision, the people perish." *(Prov., XXIX, 18.)* But that vision is

Con người sống nhờ sự nhập thể của Thượng Đế trong chính mình. Bằng cách đi qua cánh cửa của cuộc sinh mới, y có thể cứu chuộc xác phàm trong đó thiên tính ấy được bao bọc, rồi sau đó có thể trợ giúp vào công cuộc cứu chuộc thế gian. Đối với nhân loại cũng vậy, có cuộc khủng hoảng, cuộc điểm đạo và linh ảnh. "Ở đâu không có linh ảnh, dân

never of the whole Plan. It is not of the ultimate experience nor of the unfathomable consummation. For that we are not as yet prepared. Christ Himself did not proclaim the final revelation. He saw and proclaimed the next step for the race. The events immediately ahead are sensed, to be later intelligently considered; there is a moment of prevision, a foretelling of movement and activity, of difficultly and service, and of the next unfolding glory.

chúng sẽ diệt vong." *(Châm ngôn, XXIX, 18.)* Nhưng linh ảnh ấy không bao giờ là toàn bộ Thiên Cơ. Nó không phải là kinh nghiệm tối hậu, cũng không phải là sự viên mãn khôn dò. Đối với điều đó, chúng ta chưa được chuẩn bị. Chính Đức Christ cũng không tuyên bố sự mặc khải cuối cùng. Ngài thấy và tuyên bố bước kế tiếp cho nhân loại. Những biến cố ngay trước mắt được cảm nhận, để về sau được xem xét một cách sáng suốt; có một khoảnh khắc tiên kiến, một sự báo trước về chuyển động và hoạt động, về khó khăn và phụng sự, và về vinh quang kế tiếp đang khai mở.

Following the vision, as that followed initiation, comes a renewed cycle of test and of difficulty. The truths revealed and the revelation accorded have to be worked out in the experience of daily life. Moments of assimilation and reflection must succeed the periods of exaltation and of vision. Unless there is a practical experience of that which is known, it remains upon the mountain top of revelation.

Theo sau linh ảnh, cũng như linh ảnh theo sau điểm đạo, là một chu kỳ mới của thử thách và khó khăn. Những chân lý đã được mặc khải và sự mặc khải đã được ban phải được thực hiện trong kinh nghiệm của đời sống hằng ngày. Những khoảnh khắc đồng hóa và suy ngẫm phải nối tiếp các giai đoạn siêu thăng và linh ảnh. Nếu không có kinh nghiệm thực tiễn về điều đã được biết, nó vẫn còn ở trên đỉnh núi của mặc khải.

Finally, every initiation leads to expanded service. Practical spiritual living must follow the moments on the mountain top. Self and its attainment must be forgotten in service to others. From this there is no escape. Every pinnacle of achievement is followed by a cycle of testing. Every new revelation grasped and appropriated has to be adapted to the needs of a consequent and strenuous life of service, and initiation ever calls forth renewed testing and enhanced power to serve.

Sau cùng, mỗi cuộc điểm đạo đều dẫn đến sự phụng sự được mở rộng. Đời sống tinh thần thực tiễn phải theo sau những khoảnh khắc trên đỉnh núi. Bản ngã và thành tựu của nó phải được quên đi trong sự phụng sự người khác. Không thể tránh khỏi điều này. Mỗi đỉnh cao thành tựu đều được tiếp nối bằng một chu kỳ thử thách. Mỗi mặc khải mới được nắm bắt và tiếp nhận phải được thích ứng với các nhu cầu của một đời sống phụng sự gian khổ tiếp theo; và điểm đạo luôn luôn gợi lên thử thách mới cùng quyền năng phụng sự được gia tăng.

4

4

"And so it was, that, while they were there, the days were accomplished that she should

"Và sự việc xảy ra là, trong khi họ ở đó, đã đến ngày bà phải sinh nở. Bà sinh [55] con

be delivered. And she brought forth [55] her firstborn son, and wrapped him in swaddling clothes and laid him in a manger; because there was no room for them in the inn."

ST. LUKE, II, 6, 7.

In these simple words the momentous story begins—a story of such far-reaching consequences that only today are we beginning to register the results. Only today, two thousand years after the event, is the lesson of Christ's life taking formative effect in the imaginations of men; only today is the unique lesson which He came to teach producing the needed changes in the capacity of men to apprehend. Only now are we becoming aware that the historical evidence of His arrival on earth *is history itself*, and that there is in the world the evidence of two great streams of endeavour or of activity—that which is the stream of the common, separative, unfolding consciousness of man, and that which is the steady application of the message of Christ to current affairs, modifying them, changing them and determining—far more than we can realise—the way that we should go. Christ came in the fullness of time, just as humanity was approaching maturity, and showed us, in Himself and through His life, what a man could be and was.

The Son of God is also the Son of Man! This fact has, perhaps, been forgotten in the emphasis laid upon His divinity. That divinity is there, and nothing can touch or hide it; it is radiance and pure white light. But the manhood is there also, a guarantee to us of our opportunity and of our potentialities, an endorsement of our faith.

trai đầu lòng, lấy khăn bọc con và đặt nằm trong máng cỏ; vì trong quán trọ không còn chỗ cho họ."

THÁNH LUCA, II, 6, 7.

Trong những lời giản dị này, câu chuyện trọng đại bắt đầu—một câu chuyện có những hệ quả sâu rộng đến nỗi chỉ ngày nay chúng ta mới bắt đầu ghi nhận các kết quả. Chỉ ngày nay, hai nghìn năm sau biến cố ấy, bài học của đời sống Đức Christ mới bắt đầu tạo hiệu quả định hình trong sự tưởng tượng của con người; chỉ ngày nay, bài học độc nhất vô nhị mà Ngài đến để giảng dạy mới tạo ra những thay đổi cần thiết trong năng lực lĩnh hội của con người. Chỉ lúc này chúng ta mới bắt đầu ý thức rằng bằng chứng lịch sử về sự giáng lâm của Ngài trên Trái Đất *chính là lịch sử*, và rằng trong thế gian có bằng chứng về hai dòng nỗ lực hay hoạt động lớn—dòng thứ nhất là dòng tâm thức đang khai mở, thông thường, phân ly của con người, và dòng thứ hai là sự áp dụng bền bỉ thông điệp của Đức Christ vào các sự việc hiện tại, làm biến đổi, thay đổi và quyết định chúng—nhiều hơn chúng ta có thể nhận ra rất xa—con đường mà chúng ta phải đi. Đức Christ đã đến khi thời gian viên mãn, đúng lúc nhân loại đang tiến đến sự trưởng thành, và trong chính Ngài cũng như qua đời sống của Ngài, Ngài chỉ cho chúng ta thấy con người có thể là gì và đã là gì.

Con của Thượng đế cũng là Con của Nhân Loại! Sự kiện này có lẽ đã bị quên lãng trong sự nhấn mạnh đặt lên thiên tính của Ngài. Thiên tính ấy vẫn ở đó, và không điều gì có thể chạm đến hay che khuất nó; nó là hào quang và ánh sáng trắng tinh thuần. Nhưng nhân tính cũng ở đó, một bảo chứng cho chúng ta về cơ hội và các tiềm năng của

In the magnetic power, breathed out through the words of the Beloved Apostle as he portrayed Christ as the Son of God who speaks divinely, we have fallen down in love and adoration before that divinity. But His manhood is emphasised by St. Luke and St. Matthew, just as His life as the Great Server was emphasised by St. Mark. We have fought over the divinity of Christ. Had there been no Gospel but the Gospel of St. [56] John, only His divinity would have been known to us. Christ as man, and what He did and was *as man*, is not considered by this writer.

mình, một sự xác nhận cho đức tin của chúng ta. Trong quyền năng từ tính, được thở ra qua những lời của Vị Tông Đồ Yêu Dấu khi ông mô tả Đức Christ như Con của Thượng đế, Đấng phán dạy một cách thiêng liêng, chúng ta đã phủ phục trong tình thương và sự tôn thờ trước thiên tính ấy. Nhưng nhân tính của Ngài được Thánh Luca và Thánh Matthêu nhấn mạnh, cũng như đời sống của Ngài với tư cách Người Phụng Sự Vĩ Đại được Thánh Marcô nhấn mạnh. Chúng ta đã tranh đấu về thiên tính của Đức Christ. Nếu không có Tin Mừng nào ngoài Tin Mừng theo Thánh [56] Gioan, thì chỉ thiên tính của Ngài mới được chúng ta biết đến. Đức Christ với tư cách con người, và điều Ngài đã làm cũng như đã là *với tư cách con người*, không được tác giả này xem xét.

Any modern writer, when responsible for a biography of the Christ, would come under most serious criticism (from the theologians and the orthodox) had he omitted these important points. But evidently, in the opinion of the apostle, they were not of paramount importance. It was the Spirit of Christ that was vital and necessary. The other three apostles supplied the setting and the detail, and apparently did much to bring that detail into conformity with the teaching of the past, as to the environment and lives of the past world-teachers and saviours, for there is a curious identity in events and occurrences.

Bất cứ tác giả hiện đại nào, khi chịu trách nhiệm viết tiểu sử về Đức Christ, sẽ bị phê phán nghiêm trọng nhất từ các nhà thần học và những người chính thống nếu ông bỏ qua các điểm quan trọng này. Nhưng hiển nhiên, theo quan điểm của vị tông đồ, chúng không có tầm quan trọng tối thượng. Chính Tinh Thần của Đức Christ mới là điều thiết yếu và cần thiết. Ba vị tông đồ kia cung cấp bối cảnh và chi tiết, và dường như đã làm nhiều để đưa chi tiết ấy phù hợp với giáo huấn của quá khứ, xét về môi trường và đời sống của các vị Chưởng Giáo và các Đấng Cứu Thế trước kia của thế gian, vì có một sự đồng nhất kỳ lạ trong các biến cố và sự việc xảy ra.

We have fought over the detail connected with the phenomenal appearing of Christ, and have overlooked the emphasis laid in three of the initiations upon His words and their meaning. We have taken our stand upon the physical happenings of His life and have struggled to prove the authentic historicity of those physical events, and all the time God Himself speaks, “Hear ye Him.”

Chúng ta đã tranh đấu về chi tiết liên hệ đến sự xuất hiện hiện tượng của Đức Christ, và đã bỏ qua sự nhấn mạnh đặt trong ba cuộc điểm đạo lên các lời của Ngài và ý nghĩa của chúng. Chúng ta đã đặt lập trường dựa trên các sự kiện hồng trần của đời Ngài và đã ra sức chứng minh tính lịch sử xác thực của những sự kiện hồng trần ấy, trong khi suốt

thời gian đó chính Thượng Đế phán: "Hãy nghe Ngài."

Another point which is frequently forgotten is that, in so coming to earth and taking human incarnation, God testified to His faith in the divinity which is in man. God had sufficient confidence in men and in their reaction to world conditions so that He gave His Son to demonstrate the possibility to man and thus save the world. In this He gave expression to His belief, and His conduct was dictated by that belief. In reverence I would like to say that *man's divinity warranted an expression of divinity*. So God acted. Dean Inge, when writing upon the works of Plotinus, says very appositely that "the conduct of life rests on an act of faith which begins with an experiment and ends with an experience." These words are true of God and of man. God had such faith in man's innate spirituality—and what is spirituality but the expression, in form, of divinity?—that He ventured on a great [57] experiment which has led into the Christian experience. Faith in Christ! Faith in humanity! Faith in man's responsiveness to the experiment! Faith that the vision given will be transmuted or developed into experience! Such was the faith of God in humanity. The Christian faith, in spite of dogma and doctrine, and in spite of the distortions of the academic theologian and the impositions of a few unintelligent churchmen, has brought together God and man, blended in the Christ, and so presented the truth that each human being can also have faith to venture the experiment and undergo the experience. This vital, dramatic, mystically pictured yet living truth, when grasped by the mind and understood by the heart, will enable each aspirant to the Christian Mysteries to pass through the gateway of the new Birth into light, and walk thenceforth increasingly in that light,

Một điểm khác thường bị quên lãng là, khi đến Trái Đất như vậy và nhận lấy sự nhập thể làm người, Thượng Đế đã chứng thực đức tin của Ngài vào thiên tính vốn có trong con người. Thượng Đế có đủ niềm tin nơi con người và nơi phản ứng của họ trước các điều kiện thế giới, đến nỗi Ngài đã ban Con của Ngài để chứng minh khả năng ấy cho con người và nhờ đó cứu thế gian. Trong điều này, Ngài đã biểu lộ niềm tin của Ngài, và hành động của Ngài được chi phối bởi niềm tin ấy. Với lòng tôn kính, tôi muốn nói rằng *thiên tính của con người bảo đảm cho một biểu lộ của thiên tính*. Vì vậy Thượng Đế đã hành động. Viện trưởng Inge, khi viết về các tác phẩm của Plotinus, đã nói rất xác đáng rằng "cách sống đặt nền trên một hành vi đức tin, khởi đầu bằng một cuộc thử nghiệm và kết thúc bằng một kinh nghiệm." Những lời này đúng với Thượng Đế và với con người. Thượng Đế có đức tin như thế vào tinh thần bẩm sinh của con người—và tinh thần là gì nếu không phải là sự biểu lộ, trong hình tướng, của thiên tính?—đến nỗi Ngài đã mạo hiểm thực hiện một cuộc thử nghiệm vĩ đại [57] dẫn vào kinh nghiệm Kitô giáo. Đức tin nơi Đức Christ! Đức tin nơi nhân loại! Đức tin nơi sự đáp ứng của con người trước cuộc thử nghiệm! Đức tin rằng linh ảnh được ban sẽ được chuyển hoá hoặc phát triển thành kinh nghiệm! Đó là đức tin của Thượng Đế nơi nhân loại. Đức tin Kitô giáo, bất chấp giáo điều và học thuyết, bất chấp những bóp méo của nhà thần học kinh viện và những áp đặt của một vài giáo sĩ thiếu sáng suốt, đã đưa Thượng Đế và con người lại với nhau, hòa nhập trong Đức Christ, và đã trình bày chân lý đến mức mỗi con người cũng có thể có đức tin để dám thực hiện cuộc thử nghiệm và trải qua kinh nghiệm. Chân lý thiết yếu, kịch tính, được mô tả một cách thần bí nhưng vẫn sống động này, khi được thể trí nắm bắt

for “the path of the just is as the shining light, that shineth more and more unto the perfect day.” *(Prov., IV, 18.)* This truth is still a living truth and enriches and colours all our faith.

và được trái tim thấu hiểu, sẽ giúp mỗi người chí nguyện bước vào các Huyền Nhiệm Kitô giáo đi qua cổng của cuộc Sinh mới để vào ánh sáng, và từ đó về sau bước đi ngày càng nhiều hơn trong ánh sáng ấy, vì “đường của người công chính như ánh sáng rạng ngời, càng lúc càng sáng thêm cho đến ngày hoàn hảo.” *(Châm ngôn, IV, 18.)* Chân lý này vẫn là một chân lý sống động, làm phong phú và tô điểm toàn bộ đức tin của chúng ta.

In this continuity (which is the basis of our faith in the love of God) there have been, as we have seen, many Words sent forth from the Centre. Many Sons of God, down the ages, have given to humanity a progressively revealing vision of the “heights of possibility,” interpreting God’s Plan to the race in terms suited to each age and temperament. The uniformity of their life story, the appearance again and again of the Virgin Mother (whose name is frequently a variation of the name Mary), the similarity in detail of the birth story, all indicate to us the constant re-enactment of a truth, so that from its dramatic quality and its repeated happening, God impresses upon the hearts of men certain great truths which are vital to their salvation.

Trong tính liên tục này, vốn là nền tảng của đức tin chúng ta vào tình thương của Thượng Đế, như chúng ta đã thấy, đã có nhiều Linh từ được phóng phát từ Trung Tâm. Qua các thời đại, nhiều Con của Thượng đế đã trao cho nhân loại một linh ảnh ngày càng mặc khải về “những đỉnh cao của khả năng”, diễn giải Thiên Cơ của Thượng Đế cho nhân loại bằng những thuật ngữ thích hợp với từng thời đại và khí chất. Sự đồng nhất trong câu chuyện đời của Các Ngài, sự xuất hiện hết lần này đến lần khác của Người Mẹ Đồng Trinh, tên của bà thường là một biến thể của tên Maria, sự tương đồng trong chi tiết của câu chuyện giáng sinh, tất cả đều chỉ cho chúng ta thấy sự tái diễn liên tục của một chân lý, để từ tính kịch tính và sự kiện lặp đi lặp lại của nó, Thượng Đế khắc ghi vào trái tim con người một số chân lý lớn lao, thiết yếu cho sự cứu rỗi của họ.

One of these truths is that the love of God is eternal, and that His love for His people has been steadfast and unalterable. Whenever the time is ripe and the need of the people warrants it, He comes forth for the saving of the souls of men. [58] Krishna in ancient India proclaimed this truth in the majestic words:

Một trong những chân lý này là tình thương của Thượng Đế là vĩnh cửu, và tình thương của Ngài dành cho dân Ngài là bền vững, không thay đổi. Mỗi khi thời gian đã chín muồi và nhu cầu của dân chúng đòi hỏi, Ngài xuất hiện để cứu rỗi linh hồn con người. [58] Krishna ở Ấn Độ cổ đại đã tuyên bố chân lý này bằng những lời uy nghi:

“Whenever there is a withering of the law ... and an uprising of lawlessness on all sides, then I manifest Myself.

“Mỗi khi Định luật suy tàn... và sự vô luật nổi dậy khắp mọi phía, bấy giờ Ta biểu hiện Chính Ta.

"For the salvation of the righteous and the destruction of such as do evil; for the firm establishing of the law I come to birth in age after age.

"He who thus perceives My birth and work as divine, as in truth it is ... he goes to Me, Arjuna."

'THE BHAGAVAD GITA', TRANSLATION OF CHARLES JOHNSTON, IV, 7, 8.

Again and again such teachers have come forth, manifested as much of the divine nature as the racial development warranted, spoken those words which determined the culture and the civilisation of the peoples, and then passed on their way, leaving the seed sown, to germinate and bear fruit. In the fullness of time Christ came and, if evolution means anything at all and if the race as a whole has developed and unfolded its consciousness, the message He gave and the life He lived must necessarily sum up all the best in the past, completing and fulfilling it, and proclaim a possible future spiritual culture which will greatly transcend all that the past may have given.

The majority of these great Sons of God were, curiously enough, born in a cave and usually of a virgin mother.

"In regard to the Virgin Birth it is significant that there is no reference to it in the Epistles which form the earliest Christian documents; but, on the contrary, St. Paul speaks of Jesus as 'made of the seed of David according to the flesh' *(Romans, I, 3)* that is to say, of the seed of Joseph, David's descendant. The earliest Gospel, that of St.

"Để cứu rỗi người công chính và hủy diệt kẻ làm điều ác; để thiết lập vững chắc Định luật, Ta sinh ra từ thời đại này sang thời đại khác.

"Kẻ nào nhận thức như vậy về sự sinh ra và công việc của Ta là thiêng liêng, đúng như sự thật vốn vậy... kẻ ấy đến với Ta, Arjuna."

'CHÍ TÔN CA', BẢN DỊCH CỦA CHARLES JOHNSTON, IV, 7, 8.

Hết lần này đến lần khác, các huấn sư như thế đã xuất hiện, biểu hiện phần thiên tính nhiều đến mức sự phát triển của nhân loại cho phép, nói ra những lời quyết định văn hóa và văn minh của các dân tộc, rồi tiếp tục con đường của mình, để lại hạt giống đã gieo, cho nó nảy mầm và kết quả. Khi thời gian viên mãn, Đức Christ đã đến; và nếu tiến hoá có bất cứ ý nghĩa nào, và nếu nhân loại xét như một toàn thể đã phát triển và khai mở tâm thức của mình, thì thông điệp Ngài ban và đời sống Ngài sống nhất thiết phải tổng kết tất cả những gì tốt đẹp nhất trong quá khứ, hoàn tất và làm trọn nó, đồng thời tuyên bố một nền văn hóa tinh thần tương lai có thể có, vượt xa mọi điều mà quá khứ có thể đã trao tặng.

Phần lớn các Con vĩ đại này của Thượng đế, điều khá kỳ lạ, đều được sinh ra trong một hang động và thường bởi một người mẹ đồng trinh.

"Liên quan đến việc Sinh bởi Đồng Trinh, điều đáng chú ý là không có sự nhắc đến nào về việc này trong các Thư tín, vốn là những văn kiện Kitô giáo sớm nhất; trái lại, Thánh Phaolô nói về Đức Jesus là 'được tạo nên từ dòng dõi David theo xác thịt' *(Thư Rôma, I, 3)*, tức là từ dòng dõi Joseph, hậu duệ của David. Tin Mừng sớm nhất, tức Tin Mừng

Mark, dating between A.D. 70 and 100, does not mention it; nor does the Gospel of St. John, dating from some time not earlier than A.D. 100. The Book of Revelation, written between A.D. 69 and 93, is silent on the subject, though had the Virgin Birth then been an important tenet of the faith it would undoubtedly have figured in the mystical symbolism of that composition." *('The Paganism in Our Christianity', by Arthur Weigall, p.42.)*

theo Thánh Marcô, có niên đại giữa năm 70 và 100 sau Công nguyên, không đề cập đến điều đó; Tin Mừng theo Thánh Gioan, có niên đại không sớm hơn năm 100 sau Công nguyên, cũng không. Sách Khải Huyền, được viết trong khoảng năm 69 đến 93 sau Công nguyên, im lặng về đề tài này, mặc dù nếu khi ấy việc Sinh bởi Đồng Trinh đã là một tín điều quan trọng của đức tin, chắc chắn nó đã xuất hiện trong biểu tượng thần bí của tác phẩm ấy." *('Yếu tố Ngoại giáo trong Kitô giáo của Chúng ta', của Arthur Weigall, tr.42.)*

[59] Isis was often represented standing on the crescent moon, with twelve stars surrounding her head. In almost every Roman Catholic church on the continent of Europe may be seen pictures and statues of Mary, the "Queen of Heaven," standing on the crescent moon, her head surrounded with twelve stars.

[59] Isis thường được trình bày đứng trên vầng trăng lưỡi liềm, với mười hai ngôi sao bao quanh đầu bà. Trong hầu hết mọi nhà thờ Công giáo La Mã trên lục địa châu Âu, người ta có thể thấy các tranh ảnh và tượng Đức Maria, "Nữ Vương Thiên Đàng," đứng trên vầng trăng lưỡi liềm, đầu bà được bao quanh bởi mười hai ngôi sao.

"It would seem more than a chance that so many of the virgin mothers and goddesses of antiquity should have the same name. The mother of *Bacchus* was Myrrha; the mother of Mercury or Hermes was Myrrha or Maia; the mother of the Siamese Saviour —Sommona Cadom was called Maya Maria, i.e. 'the Great Mary'; the mother of Adonis was Myrrha; the mother of Buddha was Maya; now, all these names whether Myrrha, Maia or Maria, are the same as Mary, the name of the mother of the Christian Saviour. The month of May was sacred to these goddesses, so likewise is it sacred to the Virgin Mary at the present day. *She* was also called Myrrha and Maria, as well as Mary...."

"Dường như không phải ngẫu nhiên mà rất nhiều bà mẹ đồng trinh và nữ thần thời cổ đại lại có cùng một tên. Mẹ của *Bacchus* là Myrrha; mẹ của Mercury hay Hermes là Myrrha hoặc Maia; mẹ của Đấng Cứu Thế Xiêm—Sommona Cadom được gọi là Maya Maria, tức 'Maria Vĩ Đại'; mẹ của Adonis là Myrrha; mẹ của Buddha là Maya; nay, tất cả các tên này, dù là Myrrha, Maia hay Maria, đều cùng một tên với Mary, tên của mẹ Đấng Cứu Thế Kitô giáo. Tháng Năm là tháng thiêng liêng đối với các nữ thần này; cũng vậy, ngày nay nó vẫn thiêng liêng đối với Đức Trinh Nữ Maria. *Bà* cũng được gọi là Myrrha và Maria, cũng như Mary...."

'BIBLE MYTHS', BY T.W. DOANE, P. 332.

'HUYỀN THOẠI KINH THÁNH', CỦA T.W. DOANE, TR. 332.

In the symbolic language of esotericism, a cave is regarded as the place of initiation.

Trong ngôn ngữ biểu tượng của huyền bí học, hang động được xem là nơi điểm đạo.

This has always been so, and a very interesting study of the initiatory process and of the new birth could be made if the many references in the ancient writings to these events which have transpired in caves were collected and analysed. The stable in which Jesus was born was in all likelihood a cave, for many stables were, in those days, hollowed out of the ground. This was recognised by the early Church, and we are told that "it is well known that whereas in the Gospels Jesus is said to have been born in an inn stable, early Christian writers, as Justin Martyr and Origen, explicitly say He was born in a cave." *('Pagan Christ', by J. M. Robertson, p. 338.)*

Điều này luôn luôn là như vậy, và có thể thực hiện một cuộc nghiên cứu rất thú vị về tiến trình điểm đạo và cuộc sinh mới nếu nhiều tham chiếu trong các tác phẩm cổ về những biến cố đã diễn ra trong hang động được thu thập và phân tích. Chuồng súc vật nơi Đức Jesus sinh ra rất có thể là một hang động, vì nhiều chuồng súc vật thời ấy được khoét sâu vào lòng đất. Giáo hội sơ khai đã nhận ra điều này, và chúng ta được cho biết rằng "ai cũng biết rằng trong khi các Tin Mừng nói Đức Jesus được sinh ra trong chuồng của một quán trọ, thì các tác giả Kitô giáo sơ khai, như Justin Martyr và Origen, lại nói rõ ràng rằng Ngài được sinh ra trong một hang động." *('Đức Christ Ngoại giáo', của J. M. Robertson, tr. 338.)*

In studying these five initiations of the Gospel story, we find that two of them took place in a cave, two on a mountain top and one on the level between the deeps and the heights. The first and last initiations (the Birth into life and the Resurrection into "life more abundantly" *(St. John, X, 10.)* took place in [60] a cave. The Transfiguration and the Crucifixion were enacted on the summit of a mountain or hill, whilst the second initiation, after which Christ entered upon His public ministry, took place in a river, in the plains around Jordan—symbolic perhaps of Christ's mission to live and work down amongst men. The Masonic phrase to "meet on the level" takes on here an added significance. After each mountain experience, the Christ came down again on to the level of daily life and there manifested the effects or results of that high event.

Khi nghiên cứu năm cuộc điểm đạo này trong câu chuyện Tin Mừng, chúng ta thấy rằng hai cuộc diễn ra trong hang động, hai cuộc trên đỉnh núi và một cuộc trên mặt bằng giữa vực sâu và đỉnh cao. Cuộc điểm đạo thứ nhất và cuối cùng, tức Sinh vào đời sống và Phục Sinh vào "sự sống dồi dào hơn" *(Thánh Gioan, X, 10.)*, diễn ra trong [60] một hang động. Biến hình và Đóng đinh được diễn ra trên đỉnh núi hoặc đồi, trong khi cuộc điểm đạo thứ hai, sau đó Đức Christ bước vào sứ vụ công khai của Ngài, diễn ra trong một dòng sông, trên các đồng bằng quanh sông Jordan—có lẽ là biểu tượng cho sứ mệnh của Đức Christ là sống và hoạt động giữa loài người. Cụm từ của Hội Tam Điểm "gặp nhau trên mặt bằng" ở đây mang thêm một thâm nghĩa. Sau mỗi kinh nghiệm trên núi, Đức Christ lại đi xuống mặt bằng của đời sống hằng ngày và tại đó biểu hiện các hiệu quả hay kết quả của biến cố cao cả ấy.

Mithras was born in a cave, and so were many others. Christ was born in a cave and entered, as did all the others, upon a life of service and of sacrifice, thus qualifying for

Mithras được sinh ra trong một hang động, và nhiều vị khác cũng vậy. Đức Christ được sinh ra trong một hang động và, như tất cả các vị khác, bước vào một đời sống phụng sự

the task of world Saviour. They brought light and revelation to mankind and were sacrificed, in the majority of cases, to the hatred of those who did not understand their message, or who objected to their methods. All of them "descended into hell and rose again on the third day." There are twenty or thirty of these stories scattered through the centuries of human history, and the stories and the missions are ever identical.

và hi sinh, nhờ đó đủ tư cách cho nhiệm vụ Đấng Cứu Thế của thế gian. Các Ngài đem ánh sáng và sự mặc khải đến cho nhân loại và, trong đa số trường hợp, bị hi sinh trước lòng thù ghét của những người không thấu hiểu thông điệp của Các Ngài, hoặc phản đối các phương pháp của Các Ngài. Tất cả Các Ngài đều "đi xuống địa ngục và sống lại vào ngày thứ ba." Có hai mươi hoặc ba mươi câu chuyện như thế rải rác qua nhiều thế kỷ lịch sử nhân loại, và các câu chuyện cũng như sứ mệnh luôn luôn đồng nhất.

"The Jesus-story, it will now be seen, has a greater number of correspondences with the stories of former Sungods and with the actual career of the Sun through the heavens —so many indeed that they cannot well be attributed to mere coincidence or even to the blasphemous wiles of the Devil! Let us enumerate some of these. There are (1) birth from a Virgin mother; (2) the birth in a stable (cave or underground chamber); and (3) on the 25th December (just after the winter solstice). There is (4) the Star in the East (Sirius) and (5) the arrival of the Magi (the 'Three Kings'); there is (6) the threatened Massacre of the Innocents, and the consequent flight into a distant country (told also of Krishna and other Sungods). There are the Church festivals of (7) Candlemas (2nd February), with processions of candles to symbolise the growing light; of (8) Lent, or the arrival of Spring; of (9) Easter Day (normally on 25th March) to celebrate the crossing of the Equator by the Sun; and (10) simultaneously the outburst of lights at the Holy Sepulchre at Jerusalem. There is (11) [61] the Crucifixion and death of the Lamb-God, on Good Friday, three days before Easter; there are (12) the nailing to a tree, (13) the empty grave, (14) the glad Resurrection (as in the cases of Osiris, Attis and others); there are (15) the twelve disciples (the Zodiacal signs); and (16) the

"Câu chuyện về Đức Jesus, giờ đây sẽ thấy, có số lượng tương ứng lớn hơn với các câu chuyện về các Thần Mặt Trời trước kia và với hành trình thực tế của Mặt Trời qua các tầng trời—thật nhiều đến nỗi khó có thể quy chúng cho sự trùng hợp đơn thuần, hay thậm chí cho những mưu chước phạm thượng của Quỷ! Chúng ta hãy liệt kê một số điểm này. Có (1) sự sinh ra từ một người mẹ Đồng Trinh; (2) sự sinh ra trong chuồng súc vật, tức hang động hay phòng dưới đất; và (3) vào ngày 25 tháng Mười Hai, ngay sau đông chí. Có (4) Ngôi Sao ở phương Đông, Sirius, và (5) sự đến của các Đạo sĩ, tức 'Ba Vua'; có (6) cuộc Thảm sát các Hài nhi bị đe dọa, và cuộc trốn chạy sang một xứ xa do đó, cũng được kể về Krishna và các Thần Mặt Trời khác. Có các lễ hội Giáo hội gồm (7) Lễ Nến, ngày 2 tháng Hai, với các đoàn rước nến tượng trưng cho ánh sáng đang tăng trưởng; (8) Mùa Chay, hay sự đến của mùa Xuân; (9) Ngày Phục Sinh, thường vào ngày 25 tháng Ba, để mừng Mặt Trời vượt qua Xích Đạo; và (10) đồng thời là sự bừng nở ánh sáng tại Mộ Thánh ở Jerusalem. Có (11) [61] cuộc Đóng đinh và cái chết của Thần Chiên Con, vào Thứ Sáu Tuần Thánh, ba ngày trước Phục Sinh; có (12) việc đóng đinh vào cây, (13) ngôi mộ trống, (14) cuộc Phục Sinh hoan hỉ, như trong các trường hợp của Osiris, Attis và những vị khác; có (15) mười hai đệ tử, tức các dấu hiệu hoàng đạo; và (16)

betrayal by one of the twelve. Then later there is (17) Mid-summer Day, the 24th June, dedicated to the birth of the beloved disciple John, and corresponding to Christmas Day; there are the festivals of (18) the Assumption of the Virgin (15th August) and of (19) the Nativity of the Virgin (8th September), corresponding to the movement of the god through Virgo; there is the conflict of Christ and his disciples with the autumnal asterisms, (20) the Serpent and the Scorpion; and finally there is the curious fact that the Church (21) dedicates the very day of the winter solstice (when any one may very naturally doubt the re-birth of the Sun) to St. Thomas, who doubted the truth of the Resurrection!"

sự phản bội bởi một trong mười hai người. Rồi về sau có (17) Ngày Giữa Mùa Hè, 24 tháng Sáu, được dành cho ngày sinh của người đệ tử yêu dấu Gioan, và tương ứng với Ngày Giáng Sinh; có các lễ hội (18) Đức Trinh Nữ Lên Trời, 15 tháng Tám, và (19) Sinh nhật Đức Trinh Nữ, 8 tháng Chín, tương ứng với chuyển động của vị thần qua Xử Nữ; có cuộc xung đột của Đức Christ và các đệ tử của Ngài với các nhóm sao mùa thu, (20) Con Rắn và Hổ Cáp; và cuối cùng có sự kiện kỳ lạ là Giáo hội (21) dành chính ngày đông chí, khi bất cứ ai cũng có thể rất tự nhiên nghi ngờ sự tái sinh của Mặt Trời, cho Thánh Tôma, người đã nghi ngờ chân lý của sự Phục Sinh!"

'PAGAN AND CHRISTIAN CREEDS', BY EDWARD CARPENTER, P. 50.

'TÍN ĐIỀU NGOẠI GIÁO VÀ KITÔ GIÁO', CỦA EDWARD CARPENTER, TR. 50.

Any student of comparative religion can investigate the truth of these statements, and at the end will stand amazed at the persistence of God's love and the willingness to sacrifice Themselves which all these Sons of God manifest.

Bất cứ đạo sinh nào của tôn giáo so sánh cũng có thể khảo sát chân lý của các phát biểu này, và cuối cùng sẽ đứng sững kinh ngạc trước sự bền bỉ của tình thương Thượng Đế và sự sẵn lòng hi sinh Chính Mình mà tất cả các Con này của Thượng đế biểu hiện.

It is therefore wise and timely to remember that:

Vì vậy, thật khôn ngoan và hợp thời khi nhớ rằng:

"These events are reproduced in the lives of the various Solar Gods, and antiquity teems with illustrations of them. Isis of Egypt, like Mary of Bethlehem, was our Immaculate Lady, Star of the Sea, Queen of Heaven, Mother of God. We see her, in pictures, standing on the crescent moon, star-crowned, she nurses her child Horus, and the cross appears on the back of the seat in which he sits on his mother's knee. The Virgo of the zodiac is represented in ancient drawings as a woman suckling a child—the

"Các biến cố này được tái hiện trong đời sống của nhiều Thần Mặt Trời khác nhau, và thời cổ đại tràn đầy những minh họa về chúng. Isis của Ai Cập, giống như Maria của Bethlehem, là Đức Bà Vô Nhiễm của chúng ta, Sao Biển, Nữ Vương Thiên Đàng, Mẹ của Thượng Đế. Trong các bức tranh, chúng ta thấy bà đứng trên vầng trăng lưỡi liềm, đội triều thiên sao; bà cho con mình là Horus bú, và thập giá xuất hiện ở lưng ghế nơi đứa trẻ ngồi trên đầu gối mẹ. Xử Nữ của hoàng đạo được trình bày trong các hình vẽ cổ như một

type of all future Madonnas with their divine Babes, showing the origin of the symbol. Devaki is likewise figured with the divine Krishna in her arms, as is Mylitta, or Istar, of Babylon, also with the recurrent crown of stars, and with her child Tammuz on her knee. Mercury and Aesculapius, Bacchus and Hercules, Perseus and the Dioscuri, Mithras and Zarathustra were all of divine and human birth."

phụ nữ đang cho con bú—kiểu mẫu của mọi Đức Mẹ tương lai với các Hài Nhi thiêng liêng của họ, cho thấy nguồn gốc của biểu tượng. Devaki cũng được mô tả với Krishna thiêng liêng trong vòng tay bà, cũng như Mylitta, hay Istar, của Babylon, cũng với triều thiên sao lặp lại, và với con bà là Tammuz trên đầu gối. Mercury và Aesculapius, Bacchus và Hercules, Perseus và Dioscuri, Mithras và Zarathustra đều có sự sinh ra vừa thiêng liêng vừa nhân loại."

'ESOTERIC CHRISTIANITY', BY ANNIE BESANT, P. 158.

'KITÔ GIÁO NỘI MÔN', CỦA ANNIE BESANT, TR. 158.

It is apposite to recall that the cathedral of *Notre Dame* [62] in Paris is built upon the ancient site of a Temple of Isis, and that the early Church very frequently availed itself of a so-called heathen opportunity to determine a Christian rite or a day of sacred remembrance. Even the establishing of Christmas Day on December 25th was so determined. The same writer quoted above tells us that:

Thật thích hợp khi nhớ rằng nhà thờ chính tòa *Notre Dame* [62] ở Paris được xây trên địa điểm cổ của một Đền thờ Isis, và Giáo hội sơ khai rất thường tận dụng một cơ hội được gọi là ngoại giáo để xác định một nghi lễ Kitô giáo hoặc một ngày tưởng niệm thiêng liêng. Ngay cả việc thiết lập Ngày Giáng Sinh vào 25 tháng Mười Hai cũng được xác định như vậy. Cùng tác giả được trích ở trên cho chúng ta biết rằng:

"On the fixing of the 25th December as the birthday of Jesus, Williamson has the following: 'All Christians know that the 25th December is now the recognised festival of the birth of Jesus, but few are aware that this has not always been so. There have been, it is said, one hundred and thirty-six different dates fixed on by different Christian sects. Lightfoot gives it as September 15th, others as in February or August. Epiphanius mentions two sects, one celebrating in June, the other in July. The matter was finally settled by Pope Julius in 337 A.D., and St. Chrysostom, writing in 390, says: 'On this day (i.e. 25th December) also the birth of Christ was lately fixed at Rome, in order that while the heathen were busy with their ceremonies (the Brumalia, in honour of

"Về việc ấn định ngày 25 tháng Mười Hai làm ngày sinh của Đức Jesus, Williamson có đoạn sau: 'Mọi Kitô hữu đều biết rằng ngày 25 tháng Mười Hai hiện nay là lễ hội được công nhận về sự sinh ra của Đức Jesus, nhưng ít người ý thức rằng điều này không phải lúc nào cũng như vậy. Người ta nói rằng đã có một trăm ba mươi sáu ngày khác nhau được các giáo phái Kitô giáo khác nhau ấn định. Lightfoot cho là ngày 15 tháng Chín, những người khác cho là vào tháng Hai hoặc tháng Tám. Epiphanius nhắc đến hai giáo phái, một giáo phái mừng vào tháng Sáu, giáo phái kia vào tháng Bảy. Vấn đề cuối cùng được Giáo hoàng Julius giải quyết vào năm 337 sau Công nguyên, và Thánh Chrysostom, viết vào năm 390, nói: 'Vào ngày này, tức ngày 25 tháng Mười Hai, sự

Bacchus) the Christians might perform their rites undisturbed.' "

sinh ra của Đức Christ cũng vừa được ấn định tại Rome, để trong khi người ngoại giáo bận rộn với các nghi lễ của họ, lễ Brumalia để tôn vinh Bacchus, thì các Kitô hữu có thể thực hiện nghi lễ của họ mà không bị quấy rầy.' "

'ESOTERIC CHRISTIANITY', BY ANNIE BESANT, P. 160.

'KITÔ GIÁO NỘI MÔN', CỦA ANNIE BESANT, TR. 160.

The choice of this particular date is cosmic in its implications, and not unwittingly, we can be sure, did the wise men of earlier times make these momentous decisions. Annie Besant tells us that:

Việc chọn ngày đặc biệt này có hàm nghĩa vũ trụ, và chắc chắn chúng ta có thể nói rằng những bậc hiền triết thời xưa đã không vô tình đưa ra các quyết định trọng đại này. Annie Besant cho chúng ta biết rằng:

"He is always born at the winter solstice, after the shortest day in the year, at the midnight of the 24th December when the sign Virgo is rising above the horizon; born as this Sign is rising, he is born always of a virgin, and she remains a virgin after she has given birth to her Sun-child as the celestial Virgo remains unchanged and unsullied when the Sun comes forth from her in the Heavens. Weak, feeble as an infant is he, born when the days are shortest and the nights are longest...."

"Ngài luôn luôn được sinh ra vào đông chí, sau ngày ngắn nhất trong năm, vào nửa đêm ngày 24 tháng Mười Hai khi dấu hiệu Xử Nữ đang mọc lên trên đường chân trời; được sinh ra khi Dấu Hiệu này đang mọc, Ngài luôn luôn được sinh bởi một trinh nữ, và bà vẫn là trinh nữ sau khi đã sinh Hài Nhi Mặt Trời của mình, cũng như Xử Nữ trên trời vẫn không đổi thay và không tì vết khi Mặt Trời xuất hiện từ bà trên các Tầng Trời. Yếu ớt, mong manh như một trẻ sơ sinh là Ngài, được sinh ra khi ngày ngắn nhất và đêm dài nhất...."

'ESOTERIC CHRISTIANITY', BY ANNIE BESANT, P. 157.

'KITÔ GIÁO NỘI MÔN', CỦA ANNIE BESANT, TR. 157.

It is also interesting to remember that:

Cũng thú vị khi nhớ rằng:

"The Venerable Bede, *(Bede, De Temp. rat., xiii)* writing in the early part of the Eighth [63] Century, says that 'the ancient people of the Anglian nation', by which he means the pagan English before their settlement in Britain about A.D. 500, 'began the year on December 25th, when we now celebrate the birthday of our Lord'; and he tells us that the

"Đáng kính Bede, *(Bede, De Temp. rat., xiii)* viết vào đầu thế kỷ thứ Tám [63], nói rằng 'dân cổ của quốc gia Anglia', tức theo ý ông là người Anh ngoại giáo trước khi họ định cư ở Anh quốc khoảng năm 500 sau Công nguyên, 'bắt đầu năm mới vào ngày 25 tháng Mười Hai, khi nay chúng ta mừng sinh nhật của Chúa chúng ta'; và ông cho chúng

night of December 24th-25th 'which is the very night now so holy to us was called in their tongue *Modranecht*, that is to say "Mother's Night," by reason of the ceremonies which in that night-long vigil they performed.' He does not mention what those ceremonies were, but it is clear that they were connected with the birth of the Sun-god. At the time when the English were converted to Christianity in the Sixth and Seventh Centuries the festival of the Nativity on December 25th had been already long established in Rome as a solemn celebration; but in England its identification with the joyous old pagan Yule—a word apparently meaning a 'jollification'—gave it a merry character which it did not possess in the south. This character has survived, and is in marked contrast to its nature amongst the Latin races, with whom the northern custom of feasting and giving Christmas presents was unknown until recent years."

ta biết rằng đêm 24 rạng 25 tháng Mười Hai, 'chính là đêm hiện nay rất thánh đối với chúng ta, trong ngôn ngữ của họ được gọi là *Modranecht*, nghĩa là "Đêm của Mẹ", vì các nghi lễ mà trong buổi canh thức suốt đêm ấy họ thực hiện.' Ông không nói các nghi lễ ấy là gì, nhưng rõ ràng chúng liên hệ đến sự sinh ra của Thần Mặt Trời. Vào thời người Anh được cải đạo sang Kitô giáo trong thế kỷ thứ Sáu và thứ Bảy, lễ hội Giáng Sinh vào ngày 25 tháng Mười Hai đã được thiết lập từ lâu tại Rome như một cuộc cử hành trọng thể; nhưng ở Anh, sự đồng nhất của nó với lễ Yule ngoại giáo cổ đầy vui tươi—một từ dường như có nghĩa là 'cuộc vui'—đã đem lại cho nó một tính chất hoan hỉ mà nó không có ở phương nam. Tính chất này vẫn còn tồn tại, và tương phản rõ rệt với bản chất của nó giữa các dân tộc Latin, nơi phong tục phương bắc về yến tiệc và tặng quà Giáng Sinh không được biết đến cho đến những năm gần đây."

'THE PAGANISM IN OUR CHRISTIANITY', BY ARTHUR WEIGALL, P.236, 237.

'YẾU TỐ NGOẠI GIÁO TRONG KITÔ GIÁO CỦA CHÚNG TA', CỦA ARTHUR WEIGALL, TR.236, 237.

At the time of the birth of Christ, Sirius, the Star in the East, was on the meridian line, Orion, called "The Three Kings" by oriental astronomers, was in proximity; therefore the constellation Virgo, the Virgin, was rising in the east, and the line of the ecliptic, of the equator and of the horizon all met in that constellation. It is interesting also to note that the brightest and largest star in the constellation Virgo is called Spica; it is to be found in the "ear of corn" (sign of fertility) which the Virgin holds. Bethlehem means the "house of bread," and there is therefore an obvious connection between these two words. This constellation is also composed of three stars in the shape of a cup. This is the true Holy Grail, that which contains the

Vào thời điểm Đức Christ sinh ra, Sirius, Ngôi Sao ở phương Đông, ở trên đường kinh tuyến; Orion, được các nhà thiên văn phương Đông gọi là "Ba Vua", ở gần đó; do đó chòm sao Xử Nữ, Trinh Nữ, đang mọc ở phương đông, và đường hoàng đạo, đường xích đạo và đường chân trời đều gặp nhau trong chòm sao ấy. Cũng thú vị khi lưu ý rằng ngôi sao sáng nhất và lớn nhất trong chòm sao Xử Nữ được gọi là Spica; nó nằm trong "bông lúa", dấu hiệu của sự sinh sản, mà Trinh Nữ cầm. Bethlehem có nghĩa là "nhà của bánh", và vì vậy có một mối liên hệ hiển nhiên giữa hai từ này. Chòm sao này cũng gồm ba ngôi sao theo hình một chiếc chén. Đây là Chén Thánh đích thực, vật chứa máu sự sống, kho chứa điều thiêng liêng và

life blood, the repository of the sacred and the holy, and that which conceals divinity. These are astronomical facts. The interpretation of the symbolism attached from ancient days to these constellations is as old as religion itself. Whence came the signs, and how the [64] meanings and symbols associated with them came into being, is lost in the night of time. They have existed in men's minds and thoughts and writings for thousands of years, and are our joint heritage today. The ancient zodiac of Dendera (antedating Christianity by several thousand years) is ample proof of this. In the sun's journey around the zodiac, this "Man of the Heavens" eventually arrives at Pisces; this sign is exactly opposite the sign Virgo, and is the sign of all world Saviours. We have already seen that the age of Christianity is the Piscean Age, and Christ came to the Holy Land when our sun transitted into that sign. Therefore that which was started and had its being in Virgo (the birth of the Christ Child) is consummated in Pisces when that Christ Child, having attained maturity, comes forth as the world Saviour.

thánh thiện, và điều che giấu thiên tính. Đây là các sự kiện thiên văn. Việc diễn giải biểu tượng gắn liền từ thời cổ với các chòm sao này cũng xưa như chính tôn giáo. Các dấu hiệu ấy đến từ đâu, và các [64] ý nghĩa cùng biểu tượng liên hệ với chúng đã hình thành như thế nào, đều đã mất hút trong đêm trường thời gian. Chúng đã tồn tại trong trí tuệ, tư tưởng và các tác phẩm của con người suốt hàng nghìn năm, và ngày nay là di sản chung của chúng ta. Hoàng đạo cổ Dendera, có trước Kitô giáo nhiều nghìn năm, là bằng chứng đầy đủ cho điều này. Trong hành trình của Mặt Trời quanh hoàng đạo, "Con Người của các Tầng Trời" này cuối cùng đến Song Ngư; dấu hiệu này đối diện chính xác với dấu hiệu Xử Nữ, và là dấu hiệu của mọi Đấng Cứu Thế của thế gian. Chúng ta đã thấy rằng thời đại Kitô giáo là Thời đại Song Ngư, và Đức Christ đã đến Thánh Địa khi mặt trời của chúng ta đi vào dấu hiệu ấy. Vì vậy, điều được khởi đầu và có hiện tồn trong Xử Nữ, tức sự sinh ra của Hài Nhi Christ, được viên mãn trong Song Ngư khi Hài Nhi Christ ấy, sau khi đạt đến trưởng thành, xuất hiện như Đấng Cứu Thế của thế gian.

One other astronomical fact is of interest in this connection. Closely associated with the constellation Virgo, and to be found in the same section of the Heavens, are three other constellations, and in these three there is portrayed for us symbolically the story of the Child which shall be born, suffer and die and come again. There is the group of stars called Coma Berenice, the Woman with the Child. There is Centaurus, the Centaur, and Boötes, whose name in the Hebrew language means the "Coming One." First, the child born of the woman and that woman a virgin; then the centaur, ever the symbol of humanity in the ancient mythologies, for man is an animal, plus a god, and therefore a human being. Then He Who shall come looms over them all, overshadowing them,

Một sự kiện thiên văn khác cũng đáng quan tâm trong mối liên hệ này. Gắn bó mật thiết với chòm sao Xử Nữ, và được tìm thấy trong cùng khu vực của các Tầng Trời, là ba chòm sao khác; và trong ba chòm sao này, câu chuyện về Hài Nhi sẽ được sinh ra, chịu khổ, chết và trở lại được mô tả cho chúng ta một cách biểu tượng. Có nhóm sao gọi là Coma Berenice, Người Phụ Nữ với Hài Nhi. Có Centaurus, Nhân Mã, và Boötes, tên của chòm sao này trong tiếng Hebrew có nghĩa là "Đấng Đang Đến." Trước hết, hài nhi sinh bởi người phụ nữ, và người phụ nữ ấy là một trinh nữ; rồi đến nhân mã, luôn là biểu tượng của nhân loại trong các thần thoại cổ, vì con người là một con vật, cộng thêm một vị thần, và do đó là một con người. Rồi Đấng sẽ đến hiện ra lờ mờ phía trên tất cả, phủ

pointing to the fulfilment which shall come through birth and human incarnation. Truly the picture book of the heavens holds eternal truth for those who have eyes to see and the intuition developed rightly to interpret. Prophecy is not confined to the Bible but has ever been held before men's eyes in the vault of heaven.

bóng lên họ, chỉ về sự thành tựu sẽ đến qua sinh ra và nhập thể làm người. Quả thật, cuốn sách bằng hình ảnh của các tầng trời giữ chân lý vĩnh cửu cho những ai có mắt để thấy và trực giác được phát triển đúng đắn để diễn giải. Tiên tri không bị giới hạn trong Kinh Thánh, mà từ lâu đã được đặt trước mắt con người trong vòm trời.

Thus as "the heavens declare the glory of God, and the firmament sheweth His handiwork," *(Psalm XIX, 1.)* we have the prophecy [65] of that world event which took place when Christ was born in Bethlehem, the "house of bread," and Virgo rose above the horizon, whilst the Star in the East shone forth.

Như vậy, khi "các tầng trời tuyên bố vinh quang của Thượng Đế, và bầu trời tỏ bày công trình tay Ngài," *(Thánh vịnh XIX, 1.)* chúng ta có lời tiên tri [65] về biến cố thế giới ấy, đã diễn ra khi Đức Christ sinh ra tại Bethlehem, "nhà của bánh," và Xử Nữ mọc lên trên đường chân trời, trong khi Ngôi Sao ở phương Đông chiếu sáng.

Christ came, then, to His Own flesh and blood because the world of men drew Him and the love of the Father impelled Him. He came to give to life a purpose and fulfilment, and to indicate to us the Way: He came to give us an example, so that we could be galvanised by the hope that "maketh not ashamed" *(Romans V, 5.)* to "press toward the mark for the prize of our high calling." *(Philippians III, 14.)*

Vậy Đức Christ đã đến với những người cùng huyết thống với Ngài, vì thế giới loài người đã lôi cuốn Ngài và tình thương của Cha thúc đẩy Ngài. Ngài đến để ban cho sự sống một mục đích và sự viên mãn, và để chỉ cho chúng ta Con Đường: Ngài đến để trao cho chúng ta một gương mẫu, hầu chúng ta có thể được khơi dậy bởi niềm hy vọng "không làm hổ thẹn" *(Thư Rôma V, 5.)* để "nhắm đích mà tiến tới, giành giải thưởng của ơn kêu gọi cao cả." *(Thư Philipphê III, 14.)*

It should be noted here that the journey, preceding the birth, is also a part of the life-story of other teachers sent from God. For instance, we read:

Cần lưu ý ở đây rằng cuộc hành trình trước khi sinh cũng là một phần của câu chuyện đời các huấn sư khác được Thượng Đế sai đến. Chẳng hạn, chúng ta đọc:

"Among the thirty-two signs which were to be fulfilled by the mother of the expected Messiah (Buddha), the fifth sign was recorded to be, *'that she would be on a journey at the time of her child's birth.'* Therefore, 'that it might be fulfilled which was spoken by the prophets' the virgin Maya, in the tenth month after her heavenly conception, was on a journey to her father, when lo, the

"Trong số ba mươi hai dấu hiệu phải được ứng nghiệm bởi mẹ của Đấng Messiah được mong đợi, tức Buddha, dấu hiệu thứ năm được ghi là *'bà sẽ đang trên đường hành trình vào lúc sinh con.'* Vì vậy, 'để ứng nghiệm điều các ngôn sứ đã phán', trinh nữ Maya, vào tháng thứ mười sau sự thụ thai thiên thượng của bà, đang trên đường đến với cha bà, thì kìa, sự sinh ra của Đấng Messiah đã diễn ra

birth of the Messiah took place under a tree. One account says that 'she had alighted at an inn when Buddha was born.'

dưới một gốc cây. Một bản tường thuật nói rằng 'bà đã xuống nghỉ tại một quán trọ khi Buddha được sinh ra.'

"The mother of Lao-tse, the Virgin-born Chinese sage, was away from home when her child was born. She stopped to rest under a tree, and there, like the virgin Maya, gave birth to her son."

"Mẹ của Lão Tử, vị hiền triết Trung Hoa sinh bởi Trinh Nữ, đang xa nhà khi con bà sinh ra. Bà dừng lại nghỉ dưới một gốc cây, và tại đó, giống như trinh nữ Maya, bà sinh con trai của mình."

'BIBLE MYTHS', BY T. W. DOANE, P. 5.

'THẦN THOẠI KINH THÁNH', CỦA T. W. DOANE, TR. 5.

We are told in the Gospel story that the Virgin Mary, with her husband Joseph and bearing within herself the Christ Child, went up from Nazareth in Galilee to Bethlehem. Sometimes, through a study of the significances of the names we meet in the Bible and in tradition, we can throw much light on the episode itself and unveil some of its hidden meaning. In the study of the Bible story, I have used only the Bible itself and Cruden's *Concordance*. The interpretation of the names is taken from Cruden's *Concordance.* [66] Therein we find that "Nazareth" means "that which is consecrated" or set apart. "Galilee" means the "turning of the wheel"—that wheel of life and of death which turns continuously, carrying us all with it and keeping us upon the "wheel of existence," as the Buddhists call it, until we have learnt life's lessons and have become "a vessel unto honour, sanctified, and meet for the Master's use." *(II Timothy II, 21).*

Trong câu chuyện Phúc Âm, chúng ta được kể rằng Đức Trinh Nữ Mary, cùng với chồng là Joseph và mang trong lòng Hài Nhi Christ, đã đi từ Nazareth ở Galilee lên Bethlehem. Đôi khi, qua việc nghiên cứu thâm nghĩa của các danh xưng mà chúng ta gặp trong Kinh Thánh và trong truyền thống, chúng ta có thể soi sáng nhiều cho chính biến cố ấy và vén mở một phần ý nghĩa ẩn tàng của nó. Trong việc nghiên cứu câu chuyện Kinh Thánh, tôi chỉ dùng chính Kinh Thánh và cuốn *Concordance* của Cruden. Việc diễn giải các danh xưng được lấy từ cuốn *Concordance* của Cruden. [66] Trong đó chúng ta thấy rằng "Nazareth" có nghĩa là "điều được thánh hiến" hay được biệt riêng. "Galilee" có nghĩa là "sự quay của bánh xe" — bánh xe của sự sống và sự chết, vốn quay không ngừng, cuốn tất cả chúng ta theo nó và giữ chúng ta trên "bánh xe hiện hữu", như các Phật tử gọi, cho đến khi chúng ta đã học xong những bài học của đời sống và đã trở thành "một khí cụ đáng tôn trọng, được thánh hóa, và thích hợp cho Chân sư sử dụng." *(II Timothy II, 21).*

The long journey of existence lies behind the Christ, and He, with His Mother, journeys the last part of the way. Consecrated from past aeons to this very work of world salvage, He has first of all to submit Himself

Hành trình dài của hiện hữu nằm phía sau Đức Christ, và Ngài, cùng với Mẹ của Ngài, đi nốt phần cuối của con đường. Được thánh hiến từ những đại kiếp quá khứ cho chính công cuộc cứu độ thế gian này, trước hết

to the ordinary processes of birth and childhood. Christ came forth from Nazareth, the place of consecration, and went up to Bethlehem, the House of Bread, where in a peculiar way He Himself was to become the "Bread of Life" *(St. John, VI, 33, 35, 41, 58.)* to a hungry world. He was set apart, or set Himself apart (as do all awakened sons of God) for the work of redemption. He came to feed the hungry, and in this connection two verses in the Bible convey light upon His task and its preparation. Isaiah tells us that "Bread corn is bruised," *(Isaiah, XXV111, 28.)* and Christ Himself told us that "Except a corn of wheat fall into the ground and die, it abideth alone, but if it die, it bringeth forth much fruit." *(St. John, XII, 24.)* This was the destiny awaiting Him when He came to the Birth in Bethlehem. Then He entered upon the career which eventually "bruised" Him and led Him to his death.

Ngài phải tự đặt mình dưới các tiến trình bình thường của sự sinh ra và tuổi thơ. Đức Christ đã đi ra từ Nazareth, nơi thánh hiến, và đi lên Bethlehem, Ngôi Nhà của Bánh, nơi theo một ý nghĩa đặc biệt nào đó chính Ngài sẽ trở thành "Bánh của Sự Sống" *(St. John, VI, 33, 35, 41, 58.)* cho một thế gian đói khát. Ngài đã được biệt riêng, hay tự biệt riêng mình, như tất cả các Con của Thượng đế đã thức tỉnh đều làm, cho công cuộc cứu chuộc. Ngài đến để nuôi dưỡng những kẻ đói khát, và trong mối liên hệ này, hai câu trong Kinh Thánh đem lại ánh sáng cho nhiệm vụ của Ngài và sự chuẩn bị cho nhiệm vụ ấy. Isaiah cho chúng ta biết rằng "Hạt lúa mì làm bánh bị nghiền nát," *(Isaiah, XXV111, 28.)* và chính Đức Christ đã nói với chúng ta rằng "Nếu hạt lúa mì không rơi xuống đất và chết đi, nó cứ ở một mình; nhưng nếu nó chết đi, nó sinh nhiều hoa trái." *(St. John, XII, 24.)* Đó là định mệnh đang chờ Ngài khi Ngài đến với sự Giáng Sinh ở Bethlehem. Bấy giờ Ngài bước vào sự nghiệp cuối cùng đã "nghiền nát" Ngài và đưa Ngài đến cái chết.

According to the concordance, the name Mary means "the exalted of the Lord." As one says these words, the famous picture, by Mulillo, of the Virgin, standing on the crescent moon and being gathered up into the clouds of Heaven, comes to mind. Such is the assumption of the Virgin into glory. There is another interesting point in connection with the constellation Virgo, upon which we might touch. Mary, the Virgin, in the symbolism of the ancient wisdom, stands [67] for virgin matter, for the substance which nurtures and nourishes and hides within itself the Christ child, the Christ consciousness. In the last analysis, it is through form and matter that God stands revealed. That is the story of the divine incarnation. Matter, overshadowed by the Holy Ghost, the third Person of the Trinity, brings to the birth the second Aspect of the

Theo sách đối chiếu, tên Mary có nghĩa là "người được Chúa tôn cao." Khi thốt lên những lời này, bức tranh nổi tiếng của Mulillo về Đức Trinh Nữ, đứng trên vầng trăng lưỡi liềm và được nâng lên vào các đám mây của Thiên Đàng, hiện ra trong trí. Đó là sự thăng thiên của Đức Trinh Nữ vào vinh quang. Có một điểm thú vị khác liên quan đến chòm sao Virgo mà chúng ta có thể đề cập. Mary, Đức Trinh Nữ, trong biểu tượng học của minh triết cổ xưa, tượng trưng [67] cho vật chất trinh nguyên, cho chất liệu nuôi dưỡng, dưỡng nuôi và ẩn giấu trong chính nó Hài Nhi Christ, tâm thức Christ. Xét đến cùng, chính qua hình tướng và vật chất mà Thượng đế được mặc khải. Đó là câu chuyện về sự nhập thể thiêng liêng. Vật chất, được Chúa Thánh Thần, Ngôi thứ ba của Ba Ngôi, phủ bóng, đưa Phương diện thứ hai của Ba Ngôi vào cuộc sinh ra, trong

Trinity, in the Person of Christ—cosmic, mythical and individual.

Associated with the story-book of the heavens there are three constellations (besides the constellation Virgo) which are symbolised by women. There is Cassiopeia, the Woman Enthroned. This is the constellation which is the symbol of the stage in human life at which matter and form are dominant and triumphant; when the inner divine life is so deeply hidden that it shows no sign, and only the material nature controls and rules. Then there comes the later stage in the history of the race and of the individual, when we find Coma Berenice symbolically emerging—the Woman bearing the Christ Child is seen. Here matter begins to reveal its true function, which is to bring to the birth the Christ in every form. When the turning of the great wheel of life has played its part, then Mary can come out of Galilee, from Nazareth, and journey to Bethlehem, there to give birth to the Saviour. Finally there is Andromeda, the Woman chained, or matter brought into subservience to the soul. The Soul or the Christ now rules. First, matter dominant, enthroned and triumphant. Then matter, the custodian of hidden divinity, beauty and reality, ready to bring them to the birth. Finally, matter as the servant of that which has been born, the Christ. However, none of this is brought about unless the journey is made from Nazareth, the place of consecration, and from Galilee, the place of the daily round of life; and this is true, whether one is speaking of the cosmic Christ, hidden by the form of a solar system; of the mythic Christ, hidden in humanity down the ages; of the historical Christ, concealed within the form of Jesus; or of the individual Christ, hidden within the ordinary man. For always the [68] routine is the same—the journey, the new birth, the

Ngôi vị của Đức Christ — ở cấp vũ trụ, thần thoại và cá nhân.

Gắn liền với quyển truyện của các tầng trời có ba chòm sao, ngoài chòm Virgo, được biểu tượng bằng những người nữ. Có Cassiopeia, Người Nữ Ngự Trên Ngai. Đây là chòm sao biểu tượng cho giai đoạn trong đời sống nhân loại khi vật chất và hình tướng chiếm ưu thế và khải hoàn; khi sự sống thiêng liêng bên trong bị ẩn giấu sâu đến mức không biểu lộ dấu hiệu nào, và chỉ bản chất vật chất kiểm soát và cai quản. Rồi đến giai đoạn về sau trong lịch sử nhân loại và của cá nhân, khi chúng ta thấy Coma Berenice hiện ra theo biểu tượng — Người Nữ mang Hài Nhi Christ được nhìn thấy. Ở đây vật chất bắt đầu mặc khải chức năng đích thực của nó, là đưa Đức Christ trong mọi hình tướng vào cuộc sinh ra. Khi sự quay của bánh xe vĩ đại của sự sống đã đóng xong vai trò của nó, bấy giờ Mary có thể đi ra khỏi Galilee, từ Nazareth, và hành trình đến Bethlehem, để tại đó sinh ra Đấng Cứu Thế. Cuối cùng có Andromeda, Người Nữ Bị Xiềng Xích, hay vật chất được đưa vào sự phục tùng linh hồn. Linh hồn, hay Đức Christ, giờ đây cai quản. Trước hết, vật chất chiếm ưu thế, ngự trên ngai và khải hoàn. Rồi vật chất, người gìn giữ thiên tính, vẻ đẹp và thực tại ẩn tàng, sẵn sàng đưa chúng vào cuộc sinh ra. Cuối cùng, vật chất như người phụng sự của điều đã được sinh ra, Đức Christ. Tuy nhiên, không điều nào trong các điều này xảy ra nếu không thực hiện hành trình từ Nazareth, nơi thánh hiến, và từ Galilee, nơi của vòng đời hằng ngày; và điều này đúng, dù người ta đang nói về Đức Christ vũ trụ, được ẩn giấu bởi hình tướng của một hệ mặt trời; về Đức Christ thần thoại, ẩn giấu trong nhân loại qua các thời đại; về Đức Christ lịch sử, che kín trong hình tướng của Đức Jesus; hay về Đức Christ cá nhân, ẩn giấu trong con người bình thường. Vì bao giờ [68] trình tự cũng như nhau — hành trình, cuộc sinh ra mới,

experience of life, the service to be rendered, the death to be endured, and then the resurrection into more extended service.

kinh nghiệm của đời sống, sự phụng sự phải được thực hiện, cái chết phải được chịu đựng, và rồi sự phục sinh vào sự phụng sự rộng lớn hơn.

Joseph's name means "he who shall add"; he was a builder, a carpenter, a worker in the building trade, one who adds stone to stone, or beam to beam. He is the symbol of the building-creative aspect of God the Father. In these three people, Joseph, the infant Jesus, and Mary, we have the divine Triplicity symbolised and represented, God the Father, God the Son and God the Holy Spirit, or Matter informed by Deity, and therefore typified for us in the Virgin Mary.

Tên Joseph có nghĩa là "người sẽ thêm vào"; ông là một người xây dựng, một thợ mộc, một người hoạt động trong nghề xây dựng, người thêm đá vào đá, hay xà vào xà. Ông là biểu tượng của phương diện xây dựng-sáng tạo của Thượng đế Cha. Trong ba nhân vật này, Joseph, hài nhi Jesus, và Mary, chúng ta có Bộ Ba thiêng liêng được biểu tượng và đại diện: Thượng đế Cha, Thượng đế Con và Thượng đế Chúa Thánh Thần, hay Vật chất được Thượng đế thấm nhuần, và vì thế được tiêu biểu cho chúng ta nơi Đức Trinh Nữ Mary.

Today the masses are on a journey. Today the teaching of the Path and of the Way to God is engrossing the attention of the aspirants in the world. We are on the Path of return to the individual and to the racial Bethlehem. We are now on the point of entering the cave wherein the new birth can take place, and therefore one stage of life's long journey is nearly completed. This symbolism is truer, perhaps, than we care to think it is. The world problem today is *bread*, and our anxieties, our bewilderments, our wars and our struggles are based upon the economic problem of how to feed the peoples. Today the whole world is occupied with the Bethlehem idea, with bread. In this subtle implication there surely comes to us a guarantee that as He came before to the House of Bread so will He again fulfil His word and fulfil Himself and return. The cave, a place of darkness and of discomfort, was for Mary the place of pain and weariness. This cave or stable story of the New Testament is perhaps as full of symbolism as any to be found in the Bible.

Ngày nay, quần chúng đang trên một hành trình. Ngày nay, giáo huấn về Đường Đạo và về Con Đường đến với Thượng đế đang thu hút sự chú ý của những người chí nguyện trên thế giới. Chúng ta đang ở trên Con Đường Trở Về đến Bethlehem của cá nhân và của nhân loại. Hiện nay chúng ta đang ở điểm sắp bước vào hang đá nơi cuộc sinh ra mới có thể diễn ra, và vì thế một giai đoạn của hành trình dài của đời sống gần như đã hoàn tất. Biểu tượng này có lẽ đúng hơn chúng ta muốn nghĩ. Vấn đề thế giới ngày nay là *bánh*, và những lo âu, những hoang mang, những cuộc chiến tranh và những đấu tranh của chúng ta đều đặt nền trên vấn đề kinh tế: làm thế nào để nuôi sống các dân tộc. Ngày nay toàn thế giới đang bận tâm với ý tưởng Bethlehem, với bánh. Trong hàm ý tinh tế này chắc chắn có đến với chúng ta một bảo chứng rằng, như Ngài đã từng đến Ngôi Nhà của Bánh, thì Ngài cũng sẽ lại làm trọn lời của Ngài, làm trọn chính Ngài và trở lại. Hang đá, một nơi tối tăm và bất tiện, đối với Mary là nơi đau đớn và mệt mỏi. Câu chuyện hang đá hay chuồng bò này của Tân

The long and trying journey ended in a dark cave. The long and weary journey of humanity has brought us today to just such a hard and uninviting place. The life of the individual disciple, prior to taking initiation and passing through the experience of the new birth, is ever one of the utmost difficulty and hardness. But in the dark, and through difficulty, Christ is to be found, the Christ life can flower forth, and we can stand face to face before Him as the Initiator. The blind poet, [69] George Macdonald, sensed this when he wrote the beautiful words which have brought comfort to so many:

Ước có lẽ đầy biểu tượng không kém bất kỳ câu chuyện nào trong Kinh Thánh. Hành trình dài và gian khổ kết thúc trong một hang đá tối tăm. Hành trình dài và mệt mỏi của nhân loại ngày nay đã đưa chúng ta đến đúng một nơi khắc nghiệt và kém hấp dẫn như thế. Đời sống của người đệ tử cá nhân, trước khi nhận điểm đạo và trải qua kinh nghiệm của cuộc sinh ra mới, bao giờ cũng là đời sống đầy khó khăn và khắc nghiệt tột độ. Nhưng trong bóng tối, và qua khó khăn, Đức Christ sẽ được tìm thấy, sự sống Christ có thể nở hoa, và chúng ta có thể đứng mặt đối mặt trước Ngài như Đấng Điểm đạo. Nhà thơ mù [69] George Macdonald đã cảm nhận điều này khi ông viết những lời đẹp đẽ đã đem lại niềm an ủi cho biết bao người:

“Challenge the darkness, whatsoe’er it be,

“Hãy thách thức bóng tối, bất kể nó là gì,

Sorrow’s thick darkness or strange mystery

Bóng tối dày đặc của sầu đau hay huyền nhiệm lạ lùng

Of prayer or providence. Persist intent,

Của lời cầu nguyện hay của thiên mệnh. Hãy kiên trì, nhất tâm,

And thou shalt find love’s veiled sacrament.

Và ngươi sẽ tìm thấy bí tích che màn của tình thương.

Some secret revelation, sweetness, light,

Một sự mặc khải kín nhiệm nào đó, sự ngọt ngào, ánh sáng,

Waits to waylay the wrestler in the night.

Đang chờ phục kích người đấu vật trong đêm.

In the thick darkness, at its very heart,

Trong bóng tối dày đặc, ngay nơi tâm điểm của nó,

Christ meets, transfigured, souls He calls apart.”

Đức Christ gặp gỡ, đã Biến hình, những linh hồn mà Ngài gọi riêng ra.”

In this cave of initiation, all the four kingdoms of nature can be seen unmistakably symbolised for us. In the rocky structure of the cave, the mineral kingdom appears. The fodder and the hay, naturally there, symbolise the vegetable kingdom. The ox and the ass represent the animal nature, but they represent also far more than that. The ox stood for that form of worship which should have been passing off the earth at the time Christ came. There were still many to be found who worshipped the bull, which was the worship prevalent in the age when our sun was passing through the age of Taurus, the Bull, and which was preserved at that time in the mysteries of Mithras and of Egypt. The sign immediately preceding the Christian era was that of Aries, the Ram or Lamb, and this is symbolised for us in the sheepfolds which surrounded Bethlehem.

Trong hang đá điểm đạo này, cả bốn giới của tự nhiên đều có thể được thấy là đã được biểu tượng rõ ràng cho chúng ta. Trong cấu trúc đá của hang, giới kim thạch hiện ra. Thức ăn gia súc và cỏ khô, vốn tự nhiên có ở đó, biểu tượng cho giới thực vật. Con bò và con lừa đại diện cho bản chất động vật, nhưng chúng cũng đại diện cho nhiều điều hơn thế. Con bò tượng trưng cho hình thức thờ phụng đáng lẽ đã phải biến mất khỏi Trái Đất vào thời Đức Christ đến. Vẫn còn nhiều người thờ phụng bò đực, hình thức thờ phụng thịnh hành trong thời đại khi mặt trời của chúng ta đi qua thời đại Taurus, Con Bò, và lúc bấy giờ được bảo tồn trong các bí nhiệm của Mithras và Ai Cập. Dấu hiệu ngay trước kỷ nguyên Kitô giáo là Aries, Con Cừu Đực hay Chiên Con, và điều này được biểu tượng cho chúng ta trong các chuồng cừu bao quanh Bethlehem.

It is interesting also to bear in mind that asses are definitely associated with the story of Mary and her Child. Two asses are found mentioned in the Gospel story, one coming from the north and bearing Mary to Bethlehem, and the other taking her down into Egypt. These are symbols of the two constellations called the Northern Ass and the Southern Ass, which are in the neighbourhood of the constellation Virgo.

Cũng thú vị khi ghi nhớ rằng những con lừa liên hệ rõ rệt với câu chuyện của Mary và Hài Nhi của bà. Hai con lừa được thấy nhắc đến trong câu chuyện Phúc Âm: một con đến từ phương bắc và chở Mary đến Bethlehem, con kia đưa bà xuống Ai Cập. Đây là những biểu tượng của hai chòm sao gọi là Lừa Bắc và Lừa Nam, nằm trong vùng lân cận chòm sao Virgo.

We find the human kingdom represented in Mary and Joseph, with the human unity plus the duality which are so essential to existence itself. In the newborn Babe divinity [70] expresses itself. Thus, in that little cave, the cosmos is represented.

Chúng ta thấy giới nhân loại được đại diện nơi Mary và Joseph, với sự hợp nhất nhân loại cộng với nhị nguyên vốn hết sức thiết yếu cho chính hiện hữu. Trong Hài Nhi mới sinh, thiên tính [70] tự biểu lộ. Như vậy, trong hang đá nhỏ bé ấy, vũ trụ được đại diện.

When Christ was born in Bethlehem, a threefold Word sounded forth. “Glory to God in the highest, and on earth peace, good will

Khi Đức Christ sinh ra tại Bethlehem, một Linh từ tam phân đã được xướng vang. “Vinh danh Thượng đế trên các tầng cao

toward men." *(St. Luke, II, 14.)* A triple Word was then given to us. It was chanted by angels in the night to the shepherds tending their flocks in the fields surrounding the stable-cave where the infant Child lay. A unique event had happened in the cosmos, and the hosts of heaven did honour to it.

nhất, và bình an dưới đất, thiện chí đối với loài người." *(St. Luke, II, 14.)* Một Linh từ tam phân khi ấy đã được ban cho chúng ta. Nó được các thiên thần hát lên trong đêm cho những người chăn chiên đang chăm nom đàn vật trên các cánh đồng bao quanh hang-chuồng nơi Hài Nhi nằm. Một biến cố độc nhất vô nhị đã xảy ra trong vũ trụ, và các đạo binh thiên thượng đã tôn vinh biến cố ấy.

This question of the earth's uniqueness has often troubled thinking people. Can so infinitesimal an atom in space as our planet be indeed of such interest to God that He permitted this great experiment to be tried here? Is the mystery of man and the significance of our purpose of such importance that nowhere else can it be paralleled?

Vấn đề về tính độc đáo của Trái Đất thường làm những người suy tư băn khoăn. Liệu một nguyên tử vô cùng nhỏ bé trong không gian như hành tinh của chúng ta thật sự có thể được Thượng đế quan tâm đến mức Ngài cho phép cuộc thí nghiệm vĩ đại này được thử nghiệm tại đây chăng? Liệu huyền nhiệm của con người và thâm nghĩa của mục đích chúng ta có quan trọng đến mức không nơi nào khác có thể có điều tương tự chăng?

Can anything really happen on this "ball of dust" of such vital import that it can warrant the angels in singing: "Glory to God in the highest, and on earth peace, good will towards men"? We like to think that it can be so. We dread the moment when our futility appears as we look upon the stars of heaven, realising that there are thousands of millions of universes and tens of thousands of millions of constellations! We are such specks in a great immensity.

Liệu điều gì thật sự có thể xảy ra trên "quả cầu bụi" này với tầm quan trọng thiết yếu đến mức có thể khiến các thiên thần xướng lên: "Vinh danh Thượng đế trên các tầng cao nhất, và bình an dưới đất, thiện chí đối với loài người"? Chúng ta thích nghĩ rằng có thể là như vậy. Chúng ta sợ giây phút khi sự vô nghĩa của mình hiện ra, khi chúng ta nhìn lên các vì sao trên trời, nhận ra rằng có hàng nghìn triệu vũ trụ và hàng chục nghìn triệu chòm sao! Chúng ta chỉ là những hạt bụi nhỏ bé trong một sự bao la vĩ đại.

Perhaps we are of more importance than we had guessed. Perhaps what happens to us in the realm of consciousness really does matter in the cosmic scheme. We know that it does not much matter what happens to the body. It is what happens in and through that body which counts. Perhaps what happens in and through the body, which we

Có lẽ chúng ta quan trọng hơn điều chúng ta từng đoán. Có lẽ điều xảy ra với chúng ta trong lĩnh vực tâm thức thật sự có ý nghĩa trong kế hoạch vũ trụ. Chúng ta biết rằng điều xảy ra với thể xác không quan trọng lắm. Điều đáng kể là điều xảy ra trong và qua thể xác ấy. Có lẽ điều xảy ra trong và qua thân thể mà chúng ta gọi là một hành tinh,

call a planet, indwelt likewise by God, *is* of vital moment in the plans of God Himself. This would give meaning to life; it is only when we apprehend meaning and appreciate it that we can understand the significance of the Word spoken at the birth of Christ. Let us paraphrase the message of the angels. It came from a group of beings and was spoken to [71] a group of beings. It is therefore a world message, a message which still awaits response. *When the consciousness which is Christ's has been awakened in all men, then we shall have peace on earth and goodwill among men. When this has taken place, then will God be glorified.* The expression of our divinity will bring to an end the hatred rampant upon earth and break down all the separating walls which divide man from man, group from group, nation from nation, religion from religion. Where there is goodwill there must be peace; there must be organised activity and a recognition of the Plan of God, for that Plan is synthesis; that Plan is fusion; that Plan is unity and at-one-ment. Then Christ will be all in all, and God the Father will be glorified. This must be brought about by a living union with God through Christ—through the historical Christ Who revealed God, and through the individual Christ, hidden in every human heart, Who must be brought to birth. None of the Epistles in the New Testament make this so clear as the *Epistle to the Ephesians*, for there is given the picture of possibility in terms that leave no excuse for misinterpretation. This epistle is:

cũng được Thượng đế ngự bên trong, *là* điều có tầm quan trọng thiết yếu trong các kế hoạch của chính Thượng đế. Điều này sẽ đem lại ý nghĩa cho đời sống; chỉ khi chúng ta nắm bắt được ý nghĩa và trân trọng nó, chúng ta mới có thể thấu hiểu thâm nghĩa của Linh từ được xướng lên lúc Đức Christ sinh ra. Chúng ta hãy diễn ý thông điệp của các thiên thần. Nó đến từ một nhóm các sinh linh và được nói với [71] một nhóm các sinh linh. Vì thế, đó là một thông điệp thế giới, một thông điệp vẫn còn đang chờ sự đáp ứng. *Khi tâm thức vốn là của Đức Christ được đánh thức trong tất cả mọi người, bấy giờ chúng ta sẽ có bình an trên Trái Đất và thiện chí giữa loài người. Khi điều này đã xảy ra, bấy giờ Thượng đế sẽ được tôn vinh.* Sự biểu lộ thiên tính của chúng ta sẽ chấm dứt lòng thù hận đang lan tràn trên Trái Đất và phá đổ mọi bức tường chia cách con người với con người, nhóm với nhóm, quốc gia với quốc gia, tôn giáo với tôn giáo. Nơi nào có thiện chí, nơi đó phải có bình an; phải có hoạt động được tổ chức và sự nhận biết Thiên Cơ của Thượng đế, vì Thiên Cơ ấy là tổng hợp; Thiên Cơ ấy là sự dung hợp; Thiên Cơ ấy là hợp nhất và hiệp nhất. Bấy giờ Đức Christ sẽ là tất cả trong tất cả, và Thượng đế Cha sẽ được tôn vinh. Điều này phải được thực hiện bằng một sự hợp nhất sống động với Thượng đế qua Đức Christ — qua Đức Christ lịch sử, Đấng đã mặc khải Thượng đế, và qua Đức Christ cá nhân, ẩn giấu trong mỗi trái tim con người, Đấng phải được đưa vào cuộc sinh ra. Không thư tín nào trong Tân Ước làm điều này rõ ràng như *Thư gửi tín hữu Ê-phê-sô*, vì ở đó bức tranh về khả năng được trình bày bằng những thuật ngữ không để lại lý do nào cho sự diễn giải sai. Thư tín này là:

"... penetrated through by that idea of a living union with Christ, and indwelling in Him. It is expressed in many metaphors. We are rooted in Him as the tree in the soil,

"... được thấm nhuần xuyên suốt bởi ý tưởng về một sự hợp nhất sống động với Đức Christ, và sự ngự trong Ngài. Điều ấy được diễn tả bằng nhiều ẩn dụ. Chúng ta bén rễ

which makes it firm and fruitful. We are built into Him as the strong foundations of the Temple are bedded in the living rock. We live in Him as the limbs in the body.... The indwelling, we say, is reciprocal. He is in us and we are in Him. He is in us as the source of our being; we are in Him as filled with His fullness. He is in us all-communicative; we are in Him all-receptive. He is in us as the sunlight in the else darkened chamber; we are in Him as the cold green log cast into the flaming furnace glows through and through with ruddy and transforming heat. He is in us as the sap in the veins of the tree; we are in Him as the branches."

trong Ngài như cây trong đất, điều làm cho nó vững chắc và sai trái. Chúng ta được xây vào Ngài như các nền móng vững chắc của Đền Thờ được đặt trong đá sống. Chúng ta sống trong Ngài như các chi thể trong thân thể.... Sự ngự vào bên trong, chúng ta nói, là hỗ tương. Ngài ở trong chúng ta và chúng ta ở trong Ngài. Ngài ở trong chúng ta như nguồn cội của hiện hữu chúng ta; chúng ta ở trong Ngài như được lấp đầy bằng sự viên mãn của Ngài. Ngài ở trong chúng ta như Đấng thông truyền trọn vẹn; chúng ta ở trong Ngài như những kẻ tiếp nhận trọn vẹn. Ngài ở trong chúng ta như ánh mặt trời trong căn phòng vốn tối tăm; chúng ta ở trong Ngài như khúc gỗ tươi còn lạnh được ném vào lò lửa rực cháy, bừng sáng xuyên suốt bằng sức nóng hồng thắm và chuyển đổi. Ngài ở trong chúng ta như nhựa sống trong mạch cây; chúng ta ở trong Ngài như các cành cây."

'SERMONS', A. MACLAREN, 3RD SERIES, PP. 71, 72.

'CÁC BÀI GIẢNG', A. MACLAREN, LOẠT 3, TR. 71, 72.

The realisation of this is needed today. Christ in God. God in Christ. Christ in you and Christ in me. This is [72] what will bring into being that one religion which will be the religion of love, of peace on earth, of universal goodwill, of divine understanding, and of the deep recognition of God. Then His impress and His life can be seen everywhere, in everybody and everything. The divine "signature" (as Boehme calls it) will everywhere be recognised. The life of God is today agitating the minds of men and causing them to move towards the birth chamber. From there they will pass into a new world where higher ideals and deeper contacts and richer understandings will characterise humanity.

Ngày nay cần có sự chứng nghiệm điều này. Đức Christ trong Thượng đế. Thượng đế trong Đức Christ. Đức Christ trong các bạn và Đức Christ trong tôi. Đây là [72] điều sẽ đưa vào hiện hữu tôn giáo duy nhất ấy, tôn giáo của tình thương, của bình an trên Trái Đất, của thiện chí phổ quát, của sự thấu hiểu thiêng liêng, và của sự nhận biết sâu xa về Thượng đế. Bấy giờ dấu ấn của Ngài và sự sống của Ngài có thể được thấy ở khắp nơi, trong mọi người và mọi sự. "Chữ ký" thiêng liêng, như Boehme gọi, sẽ được nhận biết ở khắp nơi. Sự sống của Thượng đế ngày nay đang khuấy động trí tuệ của con người và khiến họ tiến về phòng sinh. Từ đó họ sẽ đi vào một thế giới mới, nơi những lý tưởng cao hơn, những tiếp xúc sâu hơn và những thấu hiểu phong phú hơn sẽ đặc trưng cho nhân loại.

When Christ came, we read that those of vision who were prepared said, "We have seen his star in the East and are come to worship him." *(St. Matt., II, 2.)* This was the Sign given to the few who were ready, and who had made the necessary journey to Bethlehem. But another sign was seen by the many, and given by the angel of the Lord to the shepherds who were watching in the fields by night. "And this shall be a sign unto you, Ye shall find the babe, wrapped in swaddling clothes, lying in a manger." *(St. Luke, II, 12.)* Here was a sign given to those watching ones, two or three, who were ready to consecrate their all, who perceived the star of initiation flashing forth and hastened to the initiation chamber. The larger number, who were interested and watching, needed a more concrete and more easily interpreted sign and were sent to see the infant with his mother. Their attitude is expressed in the words, "Let us now go even unto Bethlehem and see this thing which is come to pass." *(St. Luke, II, 12.)* But the three who understood came to worship and to give.

Khi Đức Christ đến, chúng ta đọc thấy rằng những người có tầm nhìn, đã được chuẩn bị, nói rằng: "Chúng tôi đã thấy ngôi sao của Ngài ở phương Đông và đến để thờ lạy Ngài." *(St. Matt., II, 2.)* Đây là Dấu hiệu được ban cho số ít người đã sẵn sàng và đã thực hiện hành trình cần thiết đến Bethlehem. Nhưng một dấu hiệu khác đã được nhiều người nhìn thấy, và được thiên thần của Chúa ban cho những người chăn chiên đang canh thức ngoài đồng ban đêm. "Và đây sẽ là dấu hiệu cho các ngươi: các ngươi sẽ thấy Hài Nhi, được quấn trong khăn, nằm trong máng cỏ." *(St. Luke, II, 12.)* Ở đây có một dấu hiệu được ban cho những người đang canh thức ấy, hai hay ba người, những người sẵn sàng thánh hiến tất cả của mình, những người nhận ra ngôi sao điểm đạo lóe sáng và vội vã đến phòng điểm đạo. Số đông hơn, những người quan tâm và đang canh thức, cần một dấu hiệu cụ thể hơn và dễ diễn giải hơn, nên được sai đi để thấy hài nhi cùng mẹ của Ngài. Thái độ của họ được diễn tả trong những lời: "Chúng ta hãy đi ngay đến Bethlehem và xem việc đã xảy ra này." *(St. Luke, II, 12.)* Nhưng ba người đã thấu hiểu thì đến để thờ lạy và dâng hiến.

When they saw this star shine forth, the three Kings undertook a journey and, laden with gifts, came to Bethlehem. They are symbols of those disciples in the world today who are ready to prepare themselves for the first initiation, to transmute their knowledge into wisdom, and to offer all that they have to the Christ within.

Khi họ thấy ngôi sao này chiếu sáng, ba vị Vua đã thực hiện một hành trình và, mang theo lễ vật, đến Bethlehem. Họ là biểu tượng của những đệ tử trên thế giới ngày nay, những người sẵn sàng tự chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất, chuyển hoá tri thức của mình thành minh triết, và dâng hiến tất cả những gì họ có cho Đức Christ bên trong.

[73] The gifts they brought teach us the specific type of discipline which must be undergone in order to present to the Christ, at the time of the new birth, gifts which will be symbolic of achievement. These three offered to the infant Jesus three presents—gold, frankincense and myrrh. Let us study

[73] Các lễ vật họ mang đến dạy chúng ta loại kỷ luật cụ thể phải trải qua để có thể dâng lên Đức Christ, vào thời điểm của cuộc sinh ra mới, những lễ vật tượng trưng cho thành tựu. Ba người này dâng cho hài nhi Jesus ba lễ vật — vàng, nhũ hương và mộc dược. Chúng ta hãy nghiên cứu trong chốc lát tầm

for a minute the specific importance of these to the individual would-be initiate. We are told by the esotericists that man is a three-fold person in his human nature, and this truth is endorsed by the psychologists through their investigations and research. He is a physical living body, he is a sum total of emotional reactions, and he is also that mysterious something which we call a mind. These three parts of a man—physical, emotional and mental—have to be offered in sacrifice, worship and as a free gift to the "Christ within" before that Christ can demonstrate through the disciple and initiate as He wishes to do. Gold is a symbol of the material nature, which must be consecrated to the service of God and of man. Frankincense symbolises the emotional nature, with its aspirations, wishes and longing, and this aspiration must rise as incense to the feet of God. Incense is also a symbol of purification, of that burning which removes all dross and leaves only the essence for the blessing of God. Myrrh or bitterness relates to the mind. It is through the mind that we suffer as human beings, and the further the race progresses and the more the mind develops, the greater seems the capacity for suffering. But when suffering is seen in its true light and dedicated to divinity, it can be used as an instrument whereby we approach nearer to God. Then we can offer to God that rare and wonderful gift of a mind made wise through pain, and a heart made kind through distress and through difficulty surmounted.

quan trọng cụ thể của những thứ này đối với cá nhân muốn trở thành điểm đạo đồ. Các nhà bí truyền học cho chúng ta biết rằng con người là một ngôi vị tam phân trong bản chất nhân loại của mình, và chân lý này được các nhà tâm lý học xác nhận qua những khảo sát và nghiên cứu của họ. Y là một thể xác sống động, y là tổng thể các phản ứng cảm xúc, và y cũng là cái gì đó huyền nhiệm mà chúng ta gọi là thể trí. Ba phần này của con người — hồng trần, cảm xúc và trí tuệ — phải được dâng hiến trong hi sinh, thờ phụng và như một lễ vật tự do cho "Đức Christ bên trong" trước khi Đức Christ ấy có thể biểu lộ qua người đệ tử và điểm đạo đồ như Ngài muốn làm. Vàng là biểu tượng của bản chất vật chất, vốn phải được thánh hiến cho sự phụng sự Thượng đế và con người. Nhũ hương biểu tượng cho bản chất cảm xúc, với những khát vọng, ước muốn và niềm mong mỏi của nó, và khát vọng này phải dâng lên như hương thơm đến chân Thượng đế. Hương cũng là biểu tượng của sự thanh luyện, của ngọn lửa thiêu đốt loại bỏ mọi cặn bã và chỉ để lại tinh chất cho phúc lành của Thượng đế. Mộc dược hay vị đắng liên hệ đến thể trí. Chính qua thể trí mà chúng ta đau khổ với tư cách con người, và nhân loại càng tiến bộ, thể trí càng phát triển, thì khả năng đau khổ dường như càng lớn. Nhưng khi đau khổ được thấy trong ánh sáng chân thật của nó và được hiến dâng cho thiên tính, nó có thể được dùng như một khí cụ nhờ đó chúng ta tiến gần hơn đến Thượng đế. Bấy giờ chúng ta có thể dâng lên Thượng đế lễ vật hiếm quý và kỳ diệu của một thể trí đã trở nên minh triết qua đau đớn, và một trái tim đã trở nên nhân hậu qua thống khổ và qua khó khăn được vượt qua.

As we study the meaning of these three gifts brought by the disciples of old to the infant Jesus, and as we see their meaning as it applies to our individual situation, it

Khi chúng ta nghiên cứu ý nghĩa của ba lễ vật này, do các đệ tử thời xưa mang đến cho hài nhi Jesus, và khi chúng ta thấy ý nghĩa của chúng khi áp dụng vào hoàn cảnh cá

becomes equally apparent that today humanity, as a race, stands before the infant Jesus, in the House of Bread, at the end of a [74] long journey, and can now offer, if it so will, the gifts of material life, of purification through the fires of adversity, and of the suffering to which it has been subjected. Humanity can journey from Galilee by way of Nazareth. Gold, the thing that today seems to be the very life-blood of the people, must be consecrated to the Christ. Frankincense, the dreams and visions and aspirations of the multitude, so real and deep that the nations everywhere are struggling for the expression of these dreams—these too must be dedicated and offered to the Christ, that He may be all in all. And the pain and suffering and agony of humanity, never before so acute as now, must surely be laid at the feet of Christ. We have learnt much. Let the meaning of it all penetrate into our hearts and minds, and let the reason of the pain drive us to offer it up as our ultimate gift to Christ. Pain is ever the accompaniment of birth. Suffering is found within every birth chamber. The realisation of this awakens the deepest and most constructive kind of optimism in the minds of those who ponder upon world suffering and agony. May it not indicate the birth pangs which precede the revelation of the Christ? When it is realised, then we can say with St. Paul:

nhân của mình, thì cũng trở nên rõ ràng rằng ngày nay nhân loại, xét như một toàn thể, đang đứng trước hài nhi Jesus, trong Ngôi Nhà của Bánh, ở cuối một [74] hành trình dài, và giờ đây có thể dâng hiến, nếu họ muốn, các lễ vật của đời sống vật chất, của sự thanh luyện qua lửa nghịch cảnh, và của đau khổ mà họ đã phải chịu. Nhân loại có thể hành trình từ Galilee qua Nazareth. Vàng, thứ ngày nay dường như là chính huyết mạch của dân chúng, phải được thánh hiến cho Đức Christ. Nhũ hương, những giấc mơ, linh ảnh và khát vọng của quần chúng, chân thật và sâu xa đến mức các quốc gia khắp nơi đang đấu tranh cho sự biểu lộ của những giấc mơ ấy — những điều này cũng phải được hiến dâng và dâng lên cho Đức Christ, để Ngài có thể là tất cả trong tất cả. Và nỗi đau, đau khổ và thống khổ của nhân loại, chưa bao giờ sắc bén như hiện nay, chắc chắn phải được đặt dưới chân Đức Christ. Chúng ta đã học được nhiều điều. Hãy để ý nghĩa của tất cả những điều ấy thấm vào trái tim và trí tuệ chúng ta, và hãy để lý do của nỗi đau thúc đẩy chúng ta dâng nó lên như lễ vật tối hậu của chúng ta cho Đức Christ. Nỗi đau bao giờ cũng là bạn đồng hành của sự sinh ra. Đau khổ hiện diện trong mọi phòng sinh. Sự nhận ra điều này đánh thức trong trí tuệ của những người suy ngẫm về nỗi đau khổ và thống khổ của thế giới loại lạc quan sâu xa nhất và có tính xây dựng nhất. Chẳng lẽ nó không thể chỉ ra những cơn đau sinh nở đi trước sự mặc khải của Đức Christ sao? Khi điều này được nhận ra, bấy giờ chúng ta có thể nói cùng Thánh Paul:

"For His sake I have suffered the loss of everything, and reckon it all as mere refuse, in order that I may win Christ, and be found in Him, not having a righteousness of my own, derived from the Law, but that which arises from faith in Christ—the righteousness which comes from God through faith.... I do not say that I have

"Vì Ngài, tôi đã chịu mất mọi sự, và xem tất cả như rác rưởi, để tôi có thể được Đức Christ, và được tìm thấy trong Ngài, không có sự công chính của riêng tôi, phát sinh từ Định luật, mà là sự công chính phát sinh từ đức tin nơi Đức Christ — sự công chính đến từ Thượng đế qua đức tin.... Tôi không nói rằng tôi đã đạt được tri thức này hay đã đạt

already gained this knowledge or already reached perfection. But I press on, striving to lay hold of that for which I was also laid hold of by Christ Jesus.... But this one thing I do—forgetting everything which is past and stretching forward to what lies in front of me, with my eyes fixed on the goal, I push on to secure the prize of God's heavenward call in Christ Jesus. Therefore let all of us who are mature believers cherish these thoughts; and if in any respect you think differently, that also God will make clear to you. But whatever be the point that we have already reached, let us persevere in the same course."

'PHILIPPIANS, III, 8, 9, 12, 16', WEYMOUTH TRANSLATION.

5

[75] The account of Christ's childhood as given us in the Gospels is dismissed in a very few words. Only one episode is related, and that is the one in which Jesus, having reached the age of twelve years, was taken up by His Mother to the Temple of the Lord and there, for the first time, gave indication of His vocation, and evidenced the realisation that a mission was pre-ordained for Him. Prior to this, His parents had conformed to all the requirements of the Jewish ritual; they had also sojourned in Egypt. Of His time there, we are told nothing. All that we know is covered by the words:

"They returned into Galilee to their own city Nazareth. And the child grew, and waxed strong in spirit, filled with wisdom, and the grace of God was upon Him."

ST. LUKE, II, 39, 40.

đến sự hoàn thiện. Nhưng tôi tiến tới, nỗ lực nắm lấy điều mà vì nó tôi cũng đã được Đức Christ Jesus nắm lấy.... Nhưng một điều này tôi làm — quên mọi sự thuộc về quá khứ và vươn tới những gì nằm trước mặt tôi, mắt tôi hướng vào mục tiêu, tôi tiến tới để đoạt giải thưởng của lời kêu gọi hướng thiên của Thượng đế trong Đức Christ Jesus. Vì vậy, tất cả chúng ta, những tín hữu trưởng thành, hãy nuôi dưỡng những tư tưởng này; và nếu trong bất cứ phương diện nào các bạn nghĩ khác, điều đó Thượng đế cũng sẽ làm cho rõ đối với các bạn. Nhưng dù chúng ta đã đạt tới điểm nào, hãy kiên trì trong cùng một đường hướng."

'PHILIPPIANS, III, 8, 9, 12, 16', BẢN DỊCH WEYMOUTH.

5

[75] Tường thuật về tuổi thơ của Đức Christ như được trao cho chúng ta trong các Phúc Âm chỉ được nói qua bằng rất ít lời. Chỉ một biến cố được kể lại, và đó là biến cố trong đó Đức Jesus, khi đã đến tuổi mười hai, được Mẹ của Ngài đưa lên Đền Thờ của Chúa và tại đó, lần đầu tiên, Ngài cho thấy dấu hiệu về thiên chức của mình, và biểu lộ sự nhận ra rằng một sứ mệnh đã được tiền định cho Ngài. Trước đó, cha mẹ Ngài đã tuân thủ mọi yêu cầu của nghi lễ Do Thái; họ cũng đã lưu trú tại Ai Cập. Về thời gian Ngài ở đó, chúng ta không được kể gì. Tất cả những gì chúng ta biết được bao hàm trong những lời:

"Họ trở về Galilee, đến thành Nazareth của mình. Và hài nhi lớn lên, mạnh mẽ trong tinh thần, đầy minh triết, và ân điển của Thượng đế ở trên Ngài."

ST. LUKE, II, 39, 40.

Students would do well to remember that the number *twelve* is regarded by the esotericists of all faiths as signifying the number of completion; it recurs again and again in the various scriptures of the world. The following comments are of interest in this connection, showing as they do the significance of this number, and its relation to initiation:

Các đạo sinh nên nhớ rằng con số *mười hai* được các nhà bí truyền học của mọi tín ngưỡng xem là biểu thị con số của sự hoàn tất; nó tái xuất hiện hết lần này đến lần khác trong các thánh thư khác nhau của thế giới. Những nhận xét sau đây đáng quan tâm trong mối liên hệ này, vì chúng cho thấy thâm nghĩa của con số này, và mối liên hệ của nó với điểm đạo:

"The accomplishment of the age of twelve years signifies a full period of evolution when an initiation was undergone by the Christ-soul. This took place in the inner mind (the temple) and corresponded to an awakening of the logical and intuition sides of the soul. These are the father-mother principle, indicated by the presence of the parents."

"Việc hoàn tất tuổi mười hai biểu thị một chu kỳ tiến hoá trọn vẹn, khi linh hồn-Christ trải qua một cuộc điểm đạo. Điều này diễn ra trong trí bên trong, tức đền thờ, và tương ứng với sự thức tỉnh của các mặt luận lý và trực giác của linh hồn. Đây là nguyên khí cha-mẹ, được chỉ ra bởi sự hiện diện của cha mẹ."

'DICTIONARY OF THE SACRED LANGUAGE OF ALL SCRIPTURES AND MYTHS', BY G. A. GASKELL, P. 773.

'TỪ ĐIỂN NGÔN NGỮ THIÊNG LIÊNG CỦA MỌI THÁNH THƯ VÀ THẦN THOẠI', CỦA G. A. GASKELL, TR. 773.

And again,

Và lại nữa,

"This number (of the twelve disciples) is typified by many things in the Old Testament; by the 12 sons of Jacob, by the 12 princes of the Children of Israel; by the 12 running springs in Helim; by the 12 stones in Aaron's breastplate; by the 12 loaves of the shew-bred; by the 12 spies sent by Moses; by the 12 stones [76] of which the altar was made; by the 12 stones taken out of Jordan; by the 12 oxen which bare the brazen sea. Also in the New Testament, by the 12 stars in the bride's crown, by the 12 foundations of Jerusalem which John saw, and her 12 gates."

"Con số này, tức mười hai đệ tử, được tiêu biểu bằng nhiều điều trong Cựu Ước; bằng 12 người con của Jacob, bằng 12 thủ lãnh của Con Cái Israel; bằng 12 suối nước chảy ở Helim; bằng 12 viên đá trên bảng đeo ngực của Aaron; bằng 12 ổ bánh bày ra; bằng 12 thám tử do Moses sai đi; bằng 12 viên đá [76] dùng để làm bàn thờ; bằng 12 viên đá được lấy ra khỏi Jordan; bằng 12 con bò đỡ biển bằng đồng. Cũng trong Tân Ước, bằng 12 ngôi sao trên vương miện của cô dâu, bằng 12 nền móng của Jerusalem mà John đã thấy, và 12 cổng của thành ấy."

BISHOP RABANUS MANRUS, A.D. 857.

GIÁM MỤC RABANUS MANRUS, A.D. 857.

All these recurrences of twelve probably have their origin in the twelve signs of the zodiac, that imaginary belt in the heavens through which the sun appears to pass on its journey in the course of a year, and during its greater cycle of approximately 25,000 years.

Tất cả những lần tái xuất hiện của con số mười hai này có lẽ bắt nguồn từ mười hai dấu hiệu hoàng đạo, vành đai tưởng tượng trên bầu trời mà mặt trời dường như đi qua trong hành trình của nó trong một năm, và trong chu kỳ lớn hơn của nó kéo dài khoảng 25.000 năm.

Having completed the preparatory work, by His twelfth year Christ again underwent an intuitive experience, going up from Nazareth (the place of consecration) to the Temple, where that intuition led Him to a new realisation of His work. There is no sign that He knew in detail what that mission was; He went into no explanations to His Mother. He started to do the work that was the nearest duty, and to teach those whom He found in the Temple, astonishing them with His understanding and His answers. His mother, bewildered and distressed, called His attention to herself and to His father, but only received the calm answer, spoken with conviction, and so changing all life for her: "Wist ye not that I must be about my Father's business?" *(St. Luke, II, 49.)* That business, as it developed in His consciousness in the passing of the years, became far broader and wider in its all-embracing love than the average orthodox Church seems willing to admit.

Sau khi hoàn tất công việc chuẩn bị, vào năm thứ mười hai của mình, Đức Christ lại trải qua một kinh nghiệm trực giác, đi lên từ Nazareth, nơi thánh hiến, đến Đền Thờ, nơi trực giác ấy dẫn Ngài đến một sự nhận ra mới về công việc của Ngài. Không có dấu hiệu nào cho thấy Ngài biết chi tiết sứ mệnh ấy là gì; Ngài không giải thích gì với Mẹ của Ngài. Ngài bắt đầu làm công việc vốn là bổn phận gần nhất, và dạy những người Ngài gặp trong Đền Thờ, khiến họ kinh ngạc bởi sự thấu hiểu và những câu trả lời của Ngài. Mẹ Ngài, bối rối và đau khổ, nhắc Ngài chú ý đến bà và đến cha Ngài, nhưng chỉ nhận được câu trả lời điềm tĩnh, được nói ra với niềm xác tín, và do đó làm đổi khác toàn bộ đời sống của bà: "Cha mẹ há chẳng biết rằng Con phải lo việc của Cha Con sao?" *(St. Luke, II, 49.)* Công việc ấy, khi phát triển trong tâm thức của Ngài qua những năm tháng trôi qua, đã trở nên bao la và rộng lớn hơn nhiều trong tình thương bao trùm tất cả của nó so với điều Giáo hội chính thống trung bình dường như sẵn lòng thừa nhận.

The extent of this mission slowly dawned upon His young mind and He began, as all truly initiate sons of God must perforce do, to function as God's messenger as soon as the Vision was recognised, and in the place where He was. Having thus indicated His grasp of the future work, we read that "He went down with them (His parents), and came to Nazareth (the place of renewed consecration), and was subject unto them.... And Jesus increased in wisdom and stature,

Tầm mức của sứ mệnh này dần dần ló dạng trong trí tuệ trẻ trung của Ngài, và Ngài bắt đầu, như tất cả các Con của Thượng đế thật sự được điểm đạo tất yếu phải làm, hoạt động như sứ giả của Thượng đế ngay khi Tầm nhìn được nhận biết, và ngay tại nơi Ngài đang ở. Sau khi đã chỉ ra như thế sự nắm bắt của Ngài về công việc tương lai, chúng ta đọc thấy rằng "Ngài đi xuống với họ, tức cha mẹ Ngài, và đến Nazareth, nơi của sự thánh hiến được đổi mới, và vâng

and in favour with God and man." *(St. Luke, II, 51, 52.)*

phục họ.... Và Đức Jesus tăng trưởng trong minh triết và tầm vóc, và trong ân sủng trước Thượng đế và con người." *(St. Luke, II, 51, 52.)*

[77] Frequently in the Gospel story, we find the word "down" occurring. Christ went with His mother "down into Egypt"; He went "down to Nazareth"; and again and again He comes down from the mountain-top or from the place of solitude to do His duty among men. After the hidden experience in Egypt (for no account of this is given to us in the Bible), and after the revelation in the Temple and the acceptance of the task to be accomplished, Christ returns to the place of duty. In this case, and after the Birth initiation, for a period of thirty years, we are told, He functioned as a man in the daily life of the carpenter's shop and in the home with His parents. This home life constituted the test to which He was subjected, and its importance cannot be overrated. Does it sound blasphemous to say that had He failed in this immediate duty, the rest of His work would have been abortive? If He had not succeeded in demonstrating divinity in the home circle and in the little town where His lot was cast, is it not possible that He would never have functioned as the world Saviour? He came to reveal to us our humanity as it could be, and will be, when we have finished with the long journey to Bethlehem. This constituted the uniqueness of His mission.

[77] Thường xuyên trong câu chuyện Phúc Âm, chúng ta thấy từ "xuống" xuất hiện. Đức Christ đi cùng mẹ Ngài "xuống Ai Cập"; Ngài đi "xuống Nazareth"; và hết lần này đến lần khác Ngài đi xuống từ đỉnh núi hay từ nơi cô tịch để thi hành bổn phận của Ngài giữa loài người. Sau kinh nghiệm ẩn giấu ở Ai Cập, vì Kinh Thánh không trao cho chúng ta tường thuật nào về điều này, và sau sự mặc khải trong Đền Thờ cùng việc chấp nhận nhiệm vụ phải hoàn thành, Đức Christ trở về nơi bổn phận. Trong trường hợp này, và sau cuộc điểm đạo Giáng Sinh, chúng ta được kể rằng trong một thời kỳ ba mươi năm, Ngài đã hoạt động như một con người trong đời sống hằng ngày của xưởng mộc và trong gia đình với cha mẹ Ngài. Đời sống gia đình này cấu thành thử thách mà Ngài phải chịu, và tầm quan trọng của nó dù được đánh giá cao đến đâu cũng không quá. Có nghe như phạm thượng không khi nói rằng nếu Ngài thất bại trong bổn phận trước mắt này, phần còn lại của công việc Ngài hẳn đã không thành? Nếu Ngài đã không thành công trong việc biểu lộ thiên tính trong vòng gia đình và trong thị trấn nhỏ nơi số phận đặt Ngài vào, chẳng phải có thể là Ngài sẽ không bao giờ hoạt động như Đấng Cứu Thế của thế gian sao? Ngài đến để mặc khải cho chúng ta nhân tính của chúng ta như nó có thể là, và sẽ là, khi chúng ta đã hoàn tất hành trình dài đến Bethlehem. Điều này cấu thành tính độc nhất của sứ mệnh Ngài.

Christ lived quietly in His home with His parents, undergoing that most difficult experience of home life, with its monotony, with its unvarying usualness, with its needed subordination to the group will and

Đức Christ đã sống lặng lẽ trong mái nhà của Ngài với cha mẹ Ngài, trải qua kinh nghiệm khó khăn nhất của đời sống gia đình, với sự đơn điệu của nó, với tính thường nhật không đổi thay của nó, với sự phục tùng cần thiết

need, with its lessons of sacrifice, of understanding and of service. This is ever the first lesson which every disciple must learn. Until he has learnt it, he can make no further progress. Until divinity has been expressed in the home, and among those who know us well and are our familiar friends, it cannot be expected to express itself elsewhere. We must live as sons of God in the setting—uninteresting, drab and sometimes sordid—in which destiny places us; there is nowhere else at this stage that is possible. The place where we are is the place from which our journey begins, and not the place from which we escape. If we cannot make good as disciples where we are, [78] and in the place where we discover ourselves, no other opportunity will be offered us until we do. Here lies our test, and here lies our field of service. Many true and earnest aspirants feel that they could indeed make an impression on their surroundings and manifest divinely, if they had a different kind of home, a different environment or setting. Had they married differently, or had they more money or more leisure, could they meet with more sympathy from their friends, or had they better physical health, there is no saying what they might not accomplish. A test is something which tries our strength to see of what sort it is; it calls forth the utmost that is in us, and reveals to us where we are weak and where we fail. The need today is for dependable disciples and for those who have been so tested that they will not break or crack when difficulties come and dark places in life are encountered. We have, if we could but realise it, exactly those circumstances and that environment in which this lesson of obedience to the highest which is in us can be learnt. We have exactly the type of body and physical conditions through which the divinity in us can be expressed. We have those contacts in the world and the kind of

đối với ý chí và nhu cầu của nhóm, với các bài học về hi sinh, về thấu hiểu và về phụng sự. Đây luôn luôn là bài học đầu tiên mà mọi đệ tử phải học. Cho đến khi y học được bài học ấy, y không thể tiến xa hơn. Cho đến khi thiên tính được biểu lộ trong gia đình, và giữa những người biết rõ chúng ta cùng là bạn bè thân thuộc của chúng ta, thì không thể mong nó biểu lộ ở nơi nào khác. Chúng ta phải sống như những Con của Thượng đế trong bối cảnh—không thú vị, xám xịt và đôi khi tồi tàn—mà định mệnh đặt chúng ta vào; ở giai đoạn này, không nơi nào khác là có thể. Nơi chúng ta đang ở chính là nơi cuộc hành trình của chúng ta bắt đầu, chứ không phải nơi để chúng ta trốn thoát. Nếu chúng ta không thể làm tốt vai trò đệ tử ngay nơi mình đang ở, [78] và trong nơi mình khám phá ra chính mình, thì sẽ không có cơ hội nào khác được trao cho chúng ta cho đến khi chúng ta làm được điều đó. Chính ở đây có thử thách của chúng ta, và chính ở đây có lĩnh vực phụng sự của chúng ta. Nhiều người chí nguyện chân thành và nghiêm túc cảm thấy rằng quả thật họ có thể tạo ấn tượng lên môi trường chung quanh và biểu lộ một cách thiêng liêng, nếu họ có một kiểu gia đình khác, một môi trường hay bối cảnh khác. Nếu họ đã kết hôn khác đi, hoặc nếu họ có nhiều tiền hơn hay nhiều thì giờ nhàn rỗi hơn, nếu họ có thể nhận được nhiều cảm thông hơn từ bạn bè, hoặc nếu họ có sức khỏe thể chất tốt hơn, thì không biết họ có thể hoàn thành đến mức nào. Một thử thách là điều kiểm nghiệm sức mạnh của chúng ta để xem nó thuộc loại nào; nó khơi dậy điều cao nhất trong chúng ta, và mặc khải cho chúng ta biết mình yếu ở đâu và thất bại ở đâu. Nhu cầu ngày nay là các đệ tử đáng tin cậy và những người đã được thử thách đến mức họ sẽ không gãy đổ hay rạn nứt khi khó khăn đến và khi phải gặp những chỗ tối tăm trong đời sống. Nếu chỉ có thể nhận ra điều đó, chúng ta đang có đúng những hoàn cảnh và môi trường trong đó bài học vâng phục

work which are required in order to enable us to take the next step forward upon the path of discipleship, the next step to God. Until aspirants grasp this essential fact and happily settle down to a life of service and of giving lovingly in their own homes, they can make no progress. Until the path of life is trodden, happily, silently and with no self-pity in the home circle, no other lesson or opportunity will be given. Many very well-meaning aspirants need also to understand that they themselves are responsible for many of the difficulties which they encounter. Puzzled as to why they seem to evoke so much antagonism from those around them, they complain of meeting with no sympathetic response as they attempt to lead the spiritual life, to study, read and think. The reason can usually be found in the fact of their spiritual selfishness. They talk too much about their aspirations, and about themselves. Because they fail in their first responsibility, they find no [79] understanding reaction to their demand for time to meditate. It must be recognised that they are meditating. The house must be quiet; they must not be disturbed; no one must break in on them. None of these difficulties would arise if aspirants would remember two things: First, that meditation is a process carried on secretly, silently and regularly in the secret temple of a man's own mind. Secondly, that much can be done if people would not talk so much about what they are doing. We need to walk silently with God, to keep ourselves, as personalities, in the background; to organise our lives in such a way that we can live as souls, giving due time to the culture of our souls, yet at the same time preserving a sense of proportion, retaining the affection of those around us, and fulfilling perfectly our responsibilities and obligations. Self-pity and too much talk are the rocks on

điều cao nhất ở trong chúng ta có thể được học. Chúng ta có đúng kiểu thể xác và các điều kiện hồng trần qua đó thiên tính trong chúng ta có thể được biểu lộ. Chúng ta có những tiếp xúc trong thế gian và loại công việc cần thiết để giúp chúng ta bước bước kế tiếp tiến lên trên Con Đường Đệ Tử, bước kế tiếp hướng về Thượng đế. Cho đến khi những người chí nguyện nắm được sự kiện thiết yếu này và vui vẻ ổn định trong một đời sống phụng sự và hiến dâng đầy yêu thương ngay trong gia đình mình, họ không thể tiến bộ. Cho đến khi con đường đời được bước đi, một cách vui vẻ, lặng lẽ và không tự thương hại, trong vòng gia đình, sẽ không có bài học hay cơ hội nào khác được trao cho. Nhiều người chí nguyện rất thiện chí cũng cần thấu hiểu rằng chính họ chịu trách nhiệm về nhiều khó khăn họ gặp phải. Bối rối không hiểu vì sao dường như họ khơi dậy quá nhiều đối kháng nơi những người chung quanh, họ than phiền rằng không nhận được sự đáp ứng cảm thông nào khi họ cố gắng sống đời sống tinh thần, học hỏi, đọc và suy nghĩ. Lý do thường có thể tìm thấy trong sự ích kỷ tinh thần của họ. Họ nói quá nhiều về các khát vọng của mình, và về chính họ. Vì họ thất bại trong trách nhiệm đầu tiên của mình, họ không tìm thấy [79] phản ứng thấu hiểu nào đối với đòi hỏi của họ về thời gian để tham thiền. Mọi người phải biết rằng họ đang tham thiền. Căn nhà phải yên tĩnh; họ không được bị quấy rầy; không ai được xen vào họ. Không một khó khăn nào trong các khó khăn này sẽ nảy sinh nếu những người chí nguyện nhớ hai điều: Thứ nhất, tham thiền là một tiến trình được thực hiện kín đáo, lặng lẽ và đều đặn trong ngôi đền bí mật của chính thể trí con người. Thứ hai, có thể làm được nhiều điều nếu người ta không nói quá nhiều về những gì mình đang làm. Chúng ta cần bước đi lặng lẽ với Thượng đế, giữ chính mình, xét như các phàm ngã, ở phía sau; tổ chức đời sống của mình theo cách để chúng ta có thể sống như những linh

which many an aspirant temporarily founders.

hồn, dành thời gian thích đáng cho việc vun bồi linh hồn, nhưng đồng thời vẫn giữ Ý thức về tỉ lệ, duy trì tình thương mến của những người chung quanh, và hoàn thành trọn vẹn các trách nhiệm cùng bổn phận của mình. Sự tự thương hại và nói quá nhiều là những tảng đá khiến nhiều người chí nguyện tạm thời mắc cạn.

Through love and loving practice we prove ourselves initiate in the mysteries. Born into the world of love at Bethlehem, the keynote of our lives from then on must be obedience to the highest that is in us, love to all beings, and complete confidence in the power of the indwelling Christ to demonstrate (through the outer form of our personalities) the life of love. The life of Christ is a life to be lived today, eventually by all. It is a life of joy and happiness, of test and of problems, but its essence is love and its method is love. It leaves us an example that we should follow His steps, and carry on the work which He initiated.

Qua tình thương và thực hành yêu thương, chúng ta chứng tỏ mình là điểm đạo đồ trong các huyền nhiệm. Được sinh vào thế giới của tình thương tại Bethlehem, từ đó trở đi chủ âm của đời sống chúng ta phải là sự vâng phục điều cao nhất ở trong chúng ta, tình thương đối với mọi sinh linh, và niềm tin trọn vẹn vào quyền năng của Đức Christ nội tại để biểu hiện—qua hình tướng bên ngoài của các phàm ngã chúng ta—đời sống của tình thương. Đời sống của Đức Christ là một đời sống phải được sống hôm nay, sau cùng bởi tất cả mọi người. Đó là một đời sống của sự hoan hỉ và hạnh phúc, của thử thách và các vấn đề, nhưng tinh túy của nó là tình thương và phương pháp của nó là tình thương. Nó để lại cho chúng ta một tấm gương để chúng ta noi theo bước chân Ngài, và tiếp tục công việc mà Ngài đã khởi xướng.

As we have travelled with Christ from Bethlehem towards the time when the second initiation draws near, what is the lesson we have learnt? How can we sum up the significance of that episode in terms of practical individual application? Has this episode any personal significance? What are the requirements and the possibilities which confront us? If a study of these five developments in the life of Christ are of no profit to us, and if they concern an unfoldment which can have no possible human interpretation, then all that has been written and taught, down the centuries, proves futile and [80] unavailing. The

Khi chúng ta đã cùng Đức Christ đi từ Bethlehem hướng đến thời điểm lần điểm đạo thứ hai đến gần, bài học chúng ta đã học là gì? Làm thế nào chúng ta có thể tóm lược thâm nghĩa của biến cố ấy theo những thuật ngữ áp dụng thực tiễn cho cá nhân? Biến cố này có thâm nghĩa cá nhân nào không? Những yêu cầu và những khả năng nào đang đối diện chúng ta? Nếu việc nghiên cứu năm sự phát triển này trong đời sống Đức Christ không đem lại ích lợi gì cho chúng ta, và nếu chúng liên quan đến một sự khai mở không thể có bất kỳ diễn giải nhân loại nào, thì tất cả những gì đã được viết và giảng dạy qua các thế kỷ đều chứng tỏ là vô ích và [80]

ordinary theological applications no longer make an appeal to the developed intelligence of man. Christ Himself is ever powerful to attract human interest, and to draw to Himself those who have the vision to see truth as it is and to hear the Gospel message in terms which each new age demands. It is a waste of time to go on elaborating this ancient story of the living Christ if it contains for us no specific message, if all that is required of us is the attitude of the onlooker and of the man who simply says: "This is so." This believing yet negative attitude has been held too long. Looking on at Christ from too great a distance, we have been so preoccupied with a realisation of His achievement that our own individual part to be played eventually and inevitably has been forgotten. We have allowed Him to do all the work. We have tried to copy Him, and He does not want to be copied. He seeks to have us prove to Him, to ourselves, and to the world, that the divinity which is in Him is in us also. We need to discover that we can be as He is, because we have seen Him. He has had boundless faith in us and in the fact that "we are all the children of God," because "one is our Father," and His call goes out for us to tread the Path of holiness, and to achieve that perfection to which His life challenges us and for which He Himself tells us to work.

không hiệu quả. Những áp dụng thần học thông thường không còn hấp dẫn trí tuệ phát triển của con người. Chính Đức Christ vẫn luôn có quyền năng thu hút sự quan tâm của nhân loại, và lôi cuốn về phía Ngài những người có tầm nhìn để thấy chân lý như nó là và để nghe thông điệp Phúc Âm theo những thuật ngữ mà mỗi kỷ nguyên mới đòi hỏi. Tiếp tục triển khai câu chuyện cổ xưa này về Đức Christ hằng sống là lãng phí thời gian nếu nó không chứa đựng cho chúng ta một thông điệp đặc thù nào, nếu tất cả những gì được đòi hỏi nơi chúng ta chỉ là thái độ của người đứng nhìn và của người chỉ đơn giản nói: "Điều này là như vậy." Thái độ tin tưởng nhưng thụ động này đã được giữ quá lâu. Khi nhìn Đức Christ từ một khoảng cách quá xa, chúng ta đã quá bận tâm với việc nhận ra thành tựu của Ngài đến nỗi phần việc cá nhân của chính chúng ta, sau cùng và tất yếu phải được đảm nhận, đã bị quên lãng. Chúng ta đã để Ngài làm tất cả công việc. Chúng ta đã cố bắt chước Ngài, và Ngài không muốn được bắt chước. Ngài tìm cách để chúng ta chứng tỏ cho Ngài, cho chính mình và cho thế gian rằng thiên tính ở trong Ngài cũng ở trong chúng ta. Chúng ta cần khám phá rằng chúng ta có thể là như Ngài, bởi vì chúng ta đã thấy Ngài. Ngài đã có niềm tin vô hạn nơi chúng ta và nơi sự kiện rằng "tất cả chúng ta đều là con cái của Thượng đế," bởi vì "Cha của chúng ta là một," và lời kêu gọi của Ngài vang lên để chúng ta bước đi trên Đường Đạo thánh thiện, và đạt tới sự hoàn thiện mà đời sống Ngài thách thức chúng ta vươn tới và chính Ngài bảo chúng ta phải nỗ lực vì điều đó.

One wonders sometimes how right it has been for men to have accepted the ideas of St. Paul as given through translation down the centuries. The thought of sin is very little dwelt upon by Christ. It was emphasised by St. Paul, and the slant which he gave to Christianity is perhaps largely

Đôi khi người ta tự hỏi việc con người đã chấp nhận các ý tưởng của Thánh Paul như được truyền qua bản dịch suốt nhiều thế kỷ là đúng đến mức nào. Đức Christ rất ít chú trọng đến tư tưởng về tội lỗi. Điều đó đã được Thánh Paul nhấn mạnh, và khuynh hướng mà ông trao cho Kitô giáo có lẽ phần

responsible for the dominant inferiority complex of the average Christian—an inferiority which Christ in no way taught. He calls us to holiness of life and admonishes us to follow in His steps, and not to follow in the steps, or to accept the interpretation of His words, which any disciple of His may advocate, no matter how highly esteemed or valuable.

lớn chịu trách nhiệm cho phức cảm tự ti chủ đạo của người Kitô hữu trung bình—một sự tự ti mà Đức Christ tuyệt nhiên không dạy. Ngài kêu gọi chúng ta đến sự thánh thiện của đời sống và khuyên răn chúng ta đi theo bước chân Ngài, chứ không đi theo bước chân, hay chấp nhận cách diễn giải lời Ngài, mà bất kỳ đệ tử nào của Ngài có thể chủ trương, dù người ấy được kính trọng hay có giá trị đến đâu.

What is this holiness to which He calls us, when we take the first step toward the new birth? What is a holy man?

Sự thánh thiện này mà Ngài kêu gọi chúng ta hướng tới, khi chúng ta bước bước đầu tiên đến cuộc sinh ra mới, là gì? Một người thánh thiện là gì?

Wholeness, unity, at-one-ment, completeness—this is the [81] hall mark of a perfect man. Having once seen and with open eyes beheld the vision of divinity, what can we do? In this question our problem is voiced. What is the next step, the immediate duty of the man who knows that, in himself, the new birth has not yet taken place, but who feels in himself a readiness to go up to Bethlehem, from Galilee, via Nazareth?

Tính toàn vẹn, sự hợp nhất, sự hiệp nhất, tính viên mãn—đây là [81] dấu ấn của một con người hoàn thiện. Một khi đã thấy và với đôi mắt mở rộng chiêm ngưỡng linh ảnh về thiên tính, chúng ta có thể làm gì? Trong câu hỏi này, vấn đề của chúng ta được cất thành lời. Bước kế tiếp, bổn phận tức thời của người biết rằng, trong chính mình, cuộc sinh ra mới vẫn chưa diễn ra, nhưng cảm thấy trong mình một sự sẵn sàng đi lên Bethlehem, từ Galilee, qua Nazareth, là gì?

It entails, in the first place, effort. It means initiative, the expenditure of energy, the overcoming of inertia, and the will to exert oneself so that the initial journey can be taken. It means listening for and obeying the insistent demand of the soul for a nearer approach to God and a fuller expression of divinity; and yet "every individual is at some point torn between the splendid urge to go on towards understanding, and the craving to go back to safety." *('Psychology and the Promethean Will', by W. H. Sheldon, p. 47.)*

Trước hết, điều đó đòi hỏi nỗ lực. Nó có nghĩa là sự chủ động, sự tiêu dùng năng lượng, việc vượt thắng Quán tính, và ý chí tự gắng sức để cuộc hành trình ban đầu có thể được thực hiện. Nó có nghĩa là lắng nghe và vâng phục đòi hỏi khẩn thiết của linh hồn về một sự tiếp cận gần hơn với Thượng đế và một sự biểu lộ đầy đủ hơn của thiên tính; tuy nhiên "mỗi cá nhân ở một điểm nào đó đều bị giằng xé giữa thôi thúc huy hoàng muốn tiến lên hướng tới sự thấu hiểu, và sự khao khát muốn quay về với an toàn." *('Tâm Lý Học và Ý Chí Prometheus', của W. H. Sheldon, tr. 47.)*

For there *is* difficulty and danger in the outlined way to the centre. Much is to be overcome and faced. The lower nature (the Mary aspect) draws back from the issue, and prefers inertia and stability to the needed activity and to consequent relative and temporary uncertainty.

Vì quả thật có khó khăn và nguy hiểm trên con đường đã được vạch ra dẫn đến trung tâm. Có nhiều điều phải được vượt qua và đối diện. Bản chất thấp (phương diện Mary) lùi lại trước vấn đề, và thích Quán tính cùng sự ổn định hơn hoạt động cần thiết và sự bất định tương đối, tạm thời theo sau đó.

This new birth is no mystical dream; neither is it a lovely vision of something that is possible but not probable; it is not simply a symbolic expression of some ultimate goal—lying ahead of us in some dim future, or in some other form of existence and some eventual heaven which we can attain if we fall back upon unthinking faith and blind acceptance of all that theology can tell us. Relatively easy to believe, this is the line of least resistance to the majority. It is difficult to fight one's way to that stage of experience where the divine programme for man becomes clear, and the possibilities which Christ dramatised for us become something permitting us no rest until we have transmuted it into personal experience, through the experiment of initiation. The new birth is as much a natural event and as much a result of the evolutionary process as is the birth of a child into the world of physical life. Eternally, down the ages, men have made and will continue to make the great transition, proving the fact [82] of this experience. It is something which all must face at some time or other.

Cuộc sinh ra mới này không phải là một giấc mơ thần bí; cũng không phải là một linh ảnh đẹp đẽ về điều gì có thể nhưng không chắc xảy ra; nó không đơn thuần là một biểu đạt tượng trưng cho một mục tiêu tối hậu nào đó—nằm phía trước chúng ta trong một tương lai mờ xa, hoặc trong một hình thức tồn tại nào khác và một thiên đường chung cuộc nào đó mà chúng ta có thể đạt tới nếu dựa vào đức tin không suy nghĩ và sự chấp nhận mù quáng tất cả những gì thần học có thể nói với chúng ta. Tương đối dễ tin, đây là con đường ít trở ngại nhất đối với đa số. Thật khó để chiến đấu mở đường đến giai đoạn kinh nghiệm nơi chương trình thiêng liêng dành cho con người trở nên rõ ràng, và những khả năng mà Đức Christ đã trình hiện cho chúng ta trở thành điều không cho phép chúng ta nghỉ ngơi cho đến khi chúng ta đã chuyển hoá nó thành kinh nghiệm cá nhân, qua cuộc thử nghiệm điểm đạo. Cuộc sinh ra mới là một biến cố tự nhiên không kém và là một kết quả của tiến trình tiến hoá không kém gì sự sinh ra của một đứa trẻ vào thế giới của đời sống hồng trần. Vĩnh viễn, qua các thời đại, con người đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện cuộc Chuyển tiếp vĩ đại, chứng minh sự kiện [82] của kinh nghiệm này. Đó là điều mà tất cả mọi người phải đối diện vào lúc này hay lúc khác.

Two recognitions must emerge into the thought-world of the aspirant of today. First, the presence of the soul, a living entity which can and must be known through the process of bringing it to the birth upon the

Hai sự nhận thức phải xuất hiện trong thế giới tư tưởng của người chí nguyện ngày nay. Thứ nhất, sự hiện diện của linh hồn, một thực thể sống động có thể và phải được biết đến qua tiến trình đưa nó đến sự sinh ra trên

plane of daily living; and, secondly, the determination to achieve the re-orientation of the entire nature so that a closer identification with that soul may become possible, until a complete unity has been achieved. We begin to see what must be done, we begin to assume the right attitude which will make it possible. The halves of our essential duality—soul and body, Christ and Mary, over-shadowed by the Holy Ghost, the material and the spiritual—face each other and approach nearer and nearer until complete union is achieved and the Christ is born through the instrumentality of the Mother. But the acceptance of this divine idea and the orientation of the life in order to make the idea a fact are the first and immediate steps.

cõi đời sống hằng ngày; và thứ hai, quyết tâm đạt được sự tái định hướng của toàn bộ bản chất để một sự đồng hoá gần gũi hơn với linh hồn ấy có thể trở nên khả hữu, cho đến khi một sự hợp nhất trọn vẹn đã đạt được. Chúng ta bắt đầu thấy điều gì phải được làm, chúng ta bắt đầu đảm nhận thái độ đúng đắn sẽ khiến điều đó trở nên có thể. Hai nửa của Nhị nguyên thiết yếu trong chúng ta—linh hồn và thân thể, Đức Christ và Mary, được Chúa Thánh Thần phủ bóng, vật chất và tinh thần—đối diện nhau và tiến lại ngày càng gần cho đến khi sự hợp nhất trọn vẹn đạt được và Đức Christ được sinh ra qua trung gian của Người Mẹ. Nhưng việc chấp nhận ý tưởng thiêng liêng này và định hướng đời sống để biến ý tưởng thành sự kiện là những bước đầu tiên và tức thời.

This, Christ taught, and for this He prayed the Father.

Điều này, Đức Christ đã dạy, và vì điều này Ngài đã cầu nguyện với Cha.

"Neither pray I for these alone (His disciples), but for them also which shall believe on me through their word; that they all may be one; as thou, Father, art in me, and I in thee, that they all may be one in us: that the world may believe that thou hast sent me.... I in them, and thou in me, that they may be made perfect in one."

"Con không chỉ cầu nguyện cho những người này mà thôi (các đệ tử của Ngài), mà cũng cho những ai sẽ tin nơi con qua lời họ; để tất cả họ đều nên một; như Cha, Cha ở trong con, và con ở trong Cha, để tất cả họ cũng nên một trong chúng ta: hầu thế gian tin rằng Cha đã sai con.... Con ở trong họ, và Cha ở trong con, để họ được làm cho hoàn thiện trong một."

ST. JOHN, XVII, 20-23.

THÁNH GIOAN, XVII, 20-23.

This is the doctrine of the At-one-ment; God, immanent in the universe—the cosmic Christ. God, immanent in humanity, revealed through the historical Christ. God, immanent in the individual, the indwelling Christ, the soul.

Đây là giáo lý về sự Hiệp Nhất; Thượng đế, nội tại trong vũ trụ—Đức Christ vũ trụ. Thượng đế, nội tại trong nhân loại, được mặc khải qua Đức Christ lịch sử. Thượng đế, nội tại trong cá nhân, Đức Christ nội tại, linh hồn.

How can this truth of the soul and the new birth be experienced, so simply and so practically that its meaning can appear, thus

Làm thế nào chân lý này về linh hồn và cuộc sinh ra mới có thể được kinh nghiệm, một cách đơn giản và thực tiễn đến mức ý nghĩa

enabling us to do that which is needed? Perhaps from the following statements:

của nó có thể hiện ra, nhờ đó giúp chúng ta làm điều cần thiết? Có lẽ qua các phát biểu sau:

1. Hidden in every human being is the "Word incarnate," [83] the Son of God made flesh. This is "Christ in us, the hope of Glory," but as yet only a hope for the mass of men. Christ is not yet made manifest. He is hidden and veiled by the form. Mary is seen, not the Christ.

1. Ẩn giấu trong mỗi con người là "Linh từ nhập thể," [83] Con của Thượng đế trở thành xác thịt. Đây là "Đức Christ trong chúng ta, niềm hi vọng của Vinh Quang," nhưng đối với đại đa số con người, hiện nay vẫn chỉ là một niềm hi vọng. Đức Christ chưa được biểu hiện. Ngài còn ẩn giấu và bị che phủ bởi hình tướng. Mary được thấy, chứ không phải Đức Christ.

2. As the wheel of life (the Galilee experience) carries us from one lesson to another, we approach nearer and nearer to the indwelling reality and the hidden deity. But the Christ Child is still hidden in the womb of the form.

2. Khi bánh xe đời sống (kinh nghiệm Galilee) đưa chúng ta từ bài học này sang bài học khác, chúng ta tiến ngày càng gần hơn đến thực tại nội tại và Thượng đế ẩn giấu. Nhưng Hài Nhi Christ vẫn còn ẩn giấu trong lòng dạ của hình tướng.

3. In due time, the personality—physical, emotional and mental—is fused into one living whole. The Virgin Mary is ready to give birth to her Son.

3. Đúng thời điểm, phàm ngã—thể xác, cảm xúc và trí tuệ—được dung hợp thành một toàn thể sống động. Trinh Nữ Mary sẵn sàng sinh Con của bà.

4. The long journey draws to a close, and the hidden Christ Child is born at the first initiation.

4. Cuộc hành trình dài đi đến hồi kết, và Hài Nhi Christ ẩn giấu được sinh ra ở lần điểm đạo thứ nhất.

This truth Dr. Inge touches upon in these words:

Chân lý này, Tiến sĩ Inge đề cập đến trong những lời sau:

"Macarius, following Methodius, teaches that the very idea of the Incarnation includes the union of the Logos with pious souls, in whom He is well-pleased. In each of them a Christ is born. Thus besides the ideas of Ransom and Sacrifice of Christ for us, these theologians placed the ideas of sanctification and inner transformation of Christ in us, and they considered the latter as real and as integral a part of our

"Macarius, theo Methodius, dạy rằng chính ý tưởng về Sự Nhập Thể bao gồm sự hợp nhất của Logos với các linh hồn đạo hạnh, nơi đó Ngài hài lòng. Trong mỗi linh hồn ấy, một Đức Christ được sinh ra. Như vậy, bên cạnh các ý tưởng về Sự Chuộc Tội và Sự Hi Sinh của Đức Christ vì chúng ta, các nhà thần học này đặt các ý tưởng về sự thánh hóa và chuyển đổi nội tâm của Đức Christ trong chúng ta, và họ xem điều sau cũng thực và

redemption as the former. But the doctrine of Divine Immanence in the human heart never became quite the central truth of theology till the time of the medieval mystics. It is Eckhart who says: 'The Father speaks the Word into the soul, and when the Son is born, every soul becomes Mary.' "

cũng là một phần toàn vẹn của sự cứu chuộc chúng ta như điều trước. Nhưng giáo lý về Sự Nội Tại Thiêng Liêng trong trái tim con người chưa bao giờ thật sự trở thành chân lý trung tâm của thần học cho đến thời các nhà thần bí trung cổ. Chính Eckhart là người nói: 'Cha phán Linh từ vào linh hồn, và khi Con được sinh ra, mọi linh hồn đều trở thành Mary.' "

'THE PADDOCK LECTURES', BY W. R. INGE, P. 66.

'NHỮNG BÀI GIẢNG PADDOCK', CỦA W. R. INGE, TR. 66.

We are summoned to the new birth. Our personalities are now alive with potentiality. The hour is upon us.

Chúng ta được triệu gọi đến cuộc sinh ra mới. Các phàm ngã của chúng ta hiện đang sống động với tiềm năng. Giờ đã đến với chúng ta.

The human soul must hear the challenge of the Christ soul, and realise that "Mary is blessed, not because she bore Christ bodily, but because she bore Him spiritually, and in this everyone can become like her." (Eckhart.)

Linh hồn con người phải nghe thách thức của linh hồn Christ, và nhận ra rằng "Mary được phúc, không phải vì bà đã mang Đức Christ trong thân xác, mà vì bà đã mang Ngài về mặt tinh thần, và trong điều này mọi người đều có thể trở nên giống bà." (Eckhart.)

CHAPTER THREE - The Second Initiation . . . The Baptism in Jordan – CHƯƠNG BA - Lần Điểm Đạo Thứ Hai . . . Phép Rửa tại Jordan

KEY THOUGHT

"It is a propitious moment to put the Christian life into serious practice.... At a time of catastrophe, a process of ascetic purification takes place, in the absence of which there can be no spiritual life, whether for society or for the individual...."

'FREEDOM OF THE SPIRIT', BY NICHOLAS BERDYAEV, P. 46.

1

[87] "Wherever a thing is both perceived and felt, there is the experience of the soul; and whenever a thought and a feeling become indistinguishable, there is the soul. Soul means oneness, unity, union between the inner wish and outer reality. As man moves toward acceptance of the universe, toward compatibility between what he feels as a wish from within, and what he perceives as the arrangement without, and as both elements expand, *the soul moves towards greatness*." (Italics are mine. A. A. B.) *('Psychology and the Promethean Will', by W. H. Sheldon, p. 130.)*

The first initiation has taken place. Christ has been born in Bethlehem. The soul has come into outer expression, and now this soul—Christ (as the historical representative of all a soul can be), the individual initiate—moves on towards greatness. The mission of the Saviour definitely starts at this time, but for the sake of those who will follow after, He must sound the note of purification and conform to the ritual requirements and the

TƯ TƯỞNG THEN CHỐT

"Đây là một thời điểm thuận lợi để đưa đời sống Kitô hữu vào thực hành nghiêm túc.... Vào thời kỳ tai biến, một tiến trình thanh luyện khổ hạnh diễn ra, nếu thiếu nó thì không thể có đời sống tinh thần, dù cho xã hội hay cho cá nhân...."

'TỰ DO CỦA TINH THẦN', CỦA NICHOLAS BERDYAEV, TR. 46.

1

[87] "Bất cứ nơi nào một sự vật vừa được tri nhận vừa được cảm nhận, nơi đó có kinh nghiệm của linh hồn; và bất cứ khi nào một tư tưởng và một cảm xúc trở nên không thể phân biệt, nơi đó có linh hồn. Linh hồn hàm ý sự nhất thể, sự hợp nhất, sự kết hợp giữa ước muốn bên trong và thực tại bên ngoài. Khi con người tiến tới sự chấp nhận vũ trụ, tới sự tương hợp giữa điều y cảm thấy như một ước muốn từ bên trong, và điều y tri nhận như trật tự bên ngoài, và khi cả hai yếu tố mở rộng, *linh hồn tiến tới sự vĩ đại*." (Chữ nghiêng là của tôi. A. A. B.) *('Tâm Lý Học và Ý Chí Prometheus', của W. H. Sheldon, tr. 130.)*

Lần điểm đạo thứ nhất đã diễn ra. Đức Christ đã được sinh ra tại Bethlehem. Linh hồn đã đi vào sự biểu lộ bên ngoài, và giờ đây linh hồn này—Đức Christ (như đại diện lịch sử của tất cả những gì một linh hồn có thể là), điểm đạo đồ cá nhân—tiến lên hướng tới sự vĩ đại. Sứ mệnh của Đấng Cứu Rỗi nhất định bắt đầu vào lúc này, nhưng vì những người sẽ theo sau, Ngài phải xướng âm điệu thanh luyện và tuân theo các đòi hỏi nghi lễ cùng

general trend of thought of His time. The initiate who has taken the first step must lay emphasis upon the purification of the lower nature which it is essential should preface the second initiation. The baptism of John was the symbol of this purification. Christ submitted Himself to the baptism, setting aside the protests of the Evangelist with His: "Suffer it to be so now; for thus it becometh us to fulfil all righteousness." *(St. Matt., III, 15.)*

khuynh hướng tư tưởng chung của thời Ngài. Điểm đạo đồ đã bước bước đầu tiên phải nhấn mạnh sự thanh luyện bản chất thấp, điều thiết yếu phải đi trước lần điểm đạo thứ hai. Phép rửa của John là biểu tượng của sự thanh luyện này. Đức Christ đã tự mình thuận theo phép rửa, gạt sang một bên những phản đối của vị Tác giả Phúc Âm bằng lời của Ngài: "Bây giờ cứ làm như vậy; vì như thế là thích hợp để chúng ta hoàn tất mọi sự công chính." *(Thánh Matthew, III, 15.)*

Christ had reached maturity. Tradition tells us that He [88] was thirty years old when He was baptised and started on His brief and spectacular public career. How true this may be historically, who can say? It is of no real importance. Christ was, is, and ever shall be. Speaking symbolically, it was necessary that He should be thirty years old, for there is significance in that number, where humanity is concerned. Thirty signifies the perfecting of the three aspects of the personality—the physical body, the emotional nature, and the mind. These three compose the form side of man, and veil or hide the soul. They are in reality his mechanism of contact with the outer world, the equipment whereby his consciousness unfolds and awakens. In their totality they constitute his "response apparatus," as the psychologists call it. We know that man is a physical animal as well as an emotional, sentient being and a thinking entity. When these three parts of man's lower nature are functioning smoothly, and together form a unit for the use of the inner man, an integrated personality, or an efficient lower self, is the result. To this the number thirty testifies. Ten is the number of perfection, and thirty testifies to perfection in all three parts of the equipment of the soul.

Đức Christ đã đạt đến sự trưởng thành. Truyền thống nói với chúng ta rằng Ngài [88] ba mươi tuổi khi Ngài được rửa tội và bắt đầu sự nghiệp công khai ngắn ngủi nhưng huy hoàng của Ngài. Điều này đúng đến đâu về mặt lịch sử, ai có thể nói? Nó không thật sự quan trọng. Đức Christ đã, đang và mãi mãi sẽ hiện hữu. Nói theo biểu tượng, điều cần thiết là Ngài phải ba mươi tuổi, vì con số ấy có thâm nghĩa khi liên quan đến nhân loại. Ba mươi biểu thị sự hoàn thiện của ba phương diện của phàm ngã—thể xác, bản chất cảm xúc, và thể trí. Ba điều này hợp thành mặt hình tướng của con người, và che phủ hay ẩn giấu linh hồn. Thực ra chúng là bộ máy tiếp xúc của y với thế giới bên ngoài, là trang bị nhờ đó tâm thức của y khai mở và thức tỉnh. Trong toàn thể của chúng, chúng cấu thành "bộ máy đáp ứng" của y, như các nhà tâm lý học gọi. Chúng ta biết rằng con người là một động vật hồng trần cũng như là một sinh linh có cảm xúc, có tri giác và là một thực thể biết suy nghĩ. Khi ba phần này của bản chất thấp nơi con người vận hành trôi chảy, và cùng nhau tạo thành một đơn vị để con người bên trong sử dụng, kết quả là một Phàm ngã tích hợp, hay một phàm ngã hữu hiệu. Con số ba mươi chứng thực điều này. Mười là con số của sự hoàn thiện, và ba mươi chứng thực sự hoàn thiện trong cả ba phần của trang bị của linh hồn.

It is interesting to bear in mind that through these three aspects (or reflections of the divine being) man is brought en rapport with the existing universe, and therefore with God, immanent in nature. The physical body enables us to touch the tangible, visible world. The emotional, feeling nature enables us to say, "I lift up my heart unto the Lord." Most people live in their heart nature and in the feeling body, and it is through the heart that we find our way to the Heart of God. Only through love can Love be revealed. When through right use and understanding the mind is definitely directed and properly oriented, it is brought en rapport with the Mind of God, the Universal Mind, the Purpose, the Plan and the Will of God. Through the illumined mind of man, the Mind of Deity stands revealed. Thus man is seen as "made in the image of God." *(Genesis, I, 26.)*

Thật thú vị khi ghi nhớ rằng qua ba phương diện này (hay những phản chiếu của bản thể thiêng liêng), con người được đưa vào mối tương giao với vũ trụ hiện hữu, và do đó với Thượng đế, nội tại trong thiên nhiên. Thể xác giúp chúng ta chạm đến thế giới hữu hình, có thể sờ nắm. Bản chất cảm xúc, cảm nhận giúp chúng ta nói: "Con nâng trái tim con lên với Chúa." Hầu hết mọi người sống trong bản chất trái tim và trong thể cảm xúc, và chính qua trái tim mà chúng ta tìm đường đến Trái Tim của Thượng đế. Chỉ qua tình thương, Tình thương mới có thể được mặc khải. Khi nhờ sử dụng đúng đắn và thấu hiểu, thể trí được hướng dẫn dứt khoát và định hướng đúng mức, nó được đưa vào mối tương giao với Trí của Thượng đế, Vũ Trụ Trí, Thiên Ý, Thiên Cơ và Ý Chí của Thượng Đế. Qua thể trí được soi sáng của con người, Trí của Thượng Đế được mặc khải. Như vậy, con người được thấy là "được tạo nên theo hình ảnh của Thượng đế." *(Sáng Thế Ký, I, 26.)*

[89] At the second initiation Christ stood before God, the Initiator, with all these aspects purified and matured; His mechanism was adjusted and ready for the task, and thus enabled to give proof of that purification and tension in attitude which would enable Him to carry through His mission to a satisfactory conclusion. This He had to prove to God and man through the purification which the baptism could give, and through the subsequent temptations in the wilderness. Ready for His work, He possessed what Dr. Sheldon calls "the three cardinal elements of a great mind, namely, *enthusiasm, intuitive insight*, and *systematized factual equipment*," and it is further pointed out that the first two "are the more vital two, for they cannot be acquired if a person has reached adult life

[89] Ở lần điểm đạo thứ hai, Đức Christ đứng trước Thượng đế, Đấng Điểm đạo, với tất cả các phương diện này đã được thanh luyện và trưởng thành; bộ máy của Ngài đã được điều chỉnh và sẵn sàng cho nhiệm vụ, và nhờ vậy có thể đưa ra bằng chứng về sự thanh luyện và điểm tập trung nhất tâm trong thái độ, điều sẽ giúp Ngài hoàn thành sứ mệnh của Ngài đến kết quả thỏa đáng. Ngài phải chứng minh điều này trước Thượng đế và con người qua sự thanh luyện mà phép rửa có thể đem lại, và qua những cám dỗ sau đó trong hoang địa. Sẵn sàng cho công việc của Ngài, Ngài sở hữu điều mà Tiến sĩ Sheldon gọi là "ba yếu tố chủ yếu của một trí tuệ vĩ đại, tức là, *nhiệt thành, linh thị trực giác*, và *trang bị sự kiện được hệ thống hóa*," và ông còn chỉ ra rằng hai yếu tố đầu "là hai yếu tố thiết yếu hơn, vì chúng không thể đạt được nếu một người đã đến tuổi trưởng thành mà

without them." *('Psychology and the Promethean Will', by W. H. Sheldon, p. 135.)*

không có chúng." *('Tâm Lý Học và Ý Chí Prometheus', của W. H. Sheldon, tr. 135.)*

Christ stood thus equipped.

Đức Christ đã đứng đó, được trang bị như vậy.

It may be of value if we study here for a few minutes the purpose for which He stood thus equipped. We saw in our last chapter that this planet we call the Earth, is regarded by many modern scientists of eminence as probably unique in its constitution and its purpose. It apparently provides a conditioning of life to be found on no other planet. This may or may not be so, and only the unfoldment of man's consciousness can verify or negate this theory of uniqueness. Today, as we look out upon our planetary life, in all kingdoms the vision is discouraging. In all kingdoms we find death and disease, and in the animal and human kingdoms not only these, but also violence of many kinds. In the human family particularly the vision is saddening, so little have we learnt to understand that for which Christ stood, and so little have we gained from the purificatory processes of modern living. The will to betterment can be seen working in many fields where individuals are concerned, but the impulse is still weak in humanity as a whole. However, it can be aroused and we shall thus awaken to our environing responsibilities when we study anew the message of love which Christ gave.

Có lẽ sẽ hữu ích nếu tại đây chúng ta nghiên cứu trong vài phút mục đích mà vì đó Ngài đã đứng đó, được trang bị như vậy. Trong chương trước, chúng ta đã thấy rằng hành tinh này, mà chúng ta gọi là Trái Đất, được nhiều nhà khoa học hiện đại lỗi lạc xem là có lẽ độc nhất trong cấu tạo và mục đích của nó. Dường như nó cung cấp một sự tác động lên đời sống không tìm thấy trên bất kỳ hành tinh nào khác. Điều này có thể đúng hoặc không, và chỉ sự khai mở của tâm thức con người mới có thể xác minh hay phủ định lý thuyết về tính độc nhất này. Ngày nay, khi nhìn ra đời sống hành tinh của chúng ta, trong mọi giới, tầm nhìn thật nản lòng. Trong mọi giới, chúng ta thấy sự chết và bệnh tật, và trong giới động vật cùng giới nhân loại không chỉ có những điều này, mà còn có bạo lực đủ loại. Đặc biệt trong gia đình nhân loại, tầm nhìn thật buồn thảm, chúng ta đã học được quá ít để thấu hiểu điều mà Đức Christ đại diện, và đã thu nhận quá ít từ các tiến trình thanh luyện của đời sống hiện đại. Ý chí cải thiện có thể được thấy đang hoạt động trong nhiều lĩnh vực nơi các cá nhân liên hệ, nhưng xung lực ấy vẫn còn yếu trong nhân loại như một toàn thể. Tuy nhiên, nó có thể được khơi dậy và do đó chúng ta sẽ thức tỉnh trước các trách nhiệm bao quanh mình khi chúng ta nghiên cứu lại thông điệp tình thương mà Đức Christ đã trao.

[90] It is probably true that Christ came to us with a wider and deeper message than any previous Messenger from the Centre, but this in no way detracts from the status and work of Those Who preceded Him. He came

[90] Có lẽ đúng rằng Đức Christ đã đến với chúng ta với một thông điệp rộng hơn và sâu hơn bất kỳ Sứ giả nào trước đó từ Trung Tâm, nhưng điều này tuyệt nhiên không làm giảm địa vị và công việc của Những Đấng đi

at a crucial time, and in a period of world crisis, and embodied in Himself a cosmic principle—the principle of Love, which is the outstanding quality of God. Other aspects, qualities and purposes of the divine nature had been revealed by earlier incarnations of God, and appeared as the race reached the point in its development where a right reaction was possible. Zarathustra, to mention one such Messenger, had called the attention of mankind to the fact of the two basic principles to be found in the world—those of good and of evil—thus emphasising the basic dualities of existence. Moses revealed the Law, calling men to recognise God as the principle of justice, even if it may seem an unloving justice to those of us who live after the revelation which Christ gave. Buddha embodied in Himself the principle of divine wisdom and, with clear insight into the world of causes, saw mortal existence as it was and pointed the way out. But the principle of Love—the fundamental principle of the universe—had not been revealed before Christ came. God is love, and in the fullness of time this outstanding characteristic of the divine name had to be revealed and in such a manner that man could grasp it. It is thus that Christ embodied in Himself the greatest of the cosmic principles. This Law of Love can be seen functioning in the universe as the Law of Attraction, with all that is involved in that term—coherency, integration, position, direction and the rhythmic running of our solar system; it can be seen also in the disposition of God towards humanity, as revealed to us through Christ. This unique function of Christ as the custodian and the revealer of a cosmic principle or energy lies behind all He did; it was the basis and the result of His achieved perfection; it was the incentive and impulsion to His life of

trước Ngài. Ngài đến vào một thời điểm then chốt, và trong một thời kỳ khủng hoảng thế giới, và tự thân Ngài hiện thân một nguyên khí vũ trụ—nguyên khí Tình thương, vốn là phẩm tính nổi bật của Thượng đế. Các phương diện, phẩm tính và mục đích khác của bản chất thiêng liêng đã được mặc khải bởi những lần nhập thể trước của Thượng đế, và xuất hiện khi nhân loại đạt đến điểm trong sự phát triển của mình nơi một phản ứng đúng đắn là có thể. Zarathustra, để nêu một Sứ giả như vậy, đã kêu gọi sự chú ý của nhân loại đến sự kiện về hai nguyên khí căn bản có trong thế giới—nguyên khí thiện và nguyên khí ác—như vậy nhấn mạnh những Nhị nguyên căn bản của hiện tồn. Moses mặc khải Định luật, kêu gọi con người nhận ra Thượng đế như nguyên khí của công lý, dù nó có thể dường như là một công lý thiếu tình thương đối với những ai trong chúng ta sống sau sự mặc khải mà Đức Christ đã trao. Đức Phật tự thân Ngài hiện thân nguyên khí minh triết thiêng liêng và, với linh thị rõ ràng vào thế giới của các nguyên nhân, đã thấy sự tồn tại hữu tử như nó là và chỉ ra con đường thoát ra. Nhưng nguyên khí Tình thương—nguyên khí nền tảng của vũ trụ—chưa được mặc khải trước khi Đức Christ đến. Thượng đế là tình thương, và khi thời gian viên mãn, đặc tính nổi bật này của danh Thượng đế phải được mặc khải theo cách con người có thể nắm bắt. Chính như vậy Đức Christ đã tự thân Ngài hiện thân nguyên khí vĩ đại nhất trong các nguyên khí vũ trụ. Định luật Tình thương này có thể được thấy đang vận hành trong vũ trụ như Định luật Hấp Dẫn, với tất cả những gì được bao hàm trong thuật ngữ ấy—sự cố kết, sự tích hợp, vị trí, phương hướng và sự vận hành nhịp nhàng của hệ mặt trời chúng ta; nó cũng có thể được thấy trong khuynh hướng của Thượng đế đối với nhân loại, như được mặc khải cho chúng ta qua Đức Christ. Chức năng độc nhất này của Đức Christ như đấng giữ gìn và đấng mặc khải một nguyên

service, and it is the principle upon which the kingdom of God is founded.

khí hay năng lượng vũ trụ nằm đằng sau tất cả những gì Ngài đã làm; đó là nền tảng và kết quả của sự hoàn thiện Ngài đã đạt được; đó là động cơ và xung lực thúc đẩy đời sống phụng sự của Ngài, và đó là nguyên khí mà Thiên Giới được thiết lập trên đó.

[91] That paganism knows no goal or purpose is today for many of us a statement which will not bear investigation. All that had transpired in the past had for its goal that which happened when Christ appeared; it prepared humanity for the opportunity then offered, forming the foundation upon which the present is based. Similarly, the imminent revelation of the coming century will constitute the foundation upon which the future will rest, and for this purpose all that is now transpiring is of supreme importance.

[91] Đối với nhiều người trong chúng ta ngày nay, nói rằng ngoại giáo không biết mục tiêu hay mục đích là một phát biểu không chịu nổi sự khảo sát. Tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ đều có mục tiêu là điều đã xảy ra khi Đức Christ xuất hiện; nó chuẩn bị nhân loại cho cơ hội khi ấy được trao, tạo thành nền tảng mà hiện tại dựa trên đó. Tương tự, sự mặc khải sắp đến của thế kỷ tới sẽ cấu thành nền tảng mà tương lai sẽ dựa vào, và vì mục đích này tất cả những gì hiện đang diễn ra đều có tầm quan trọng tối cao.

Not only did Christ bridge the gap between the East and the West, summing up in Himself all that the East had of worth to contribute, but He gave to our occidental civilisation (at that time unborn) those great ideals and that example of sacrifice and of service which today (two thousand years after He walked among men) are becoming the keynote of the best minds of the age. The story of ideas, how they come and how they make their impact upon the human consciousness, thus changing the course of human affairs, is the story of history; but curiously enough, ideas constitute the one unpredictable element of the future. Some individual of outstanding personality steps out from the rank and file of the race, and thinks through into being some great and dynamic idea based on truth. He formulates it into such terms that his fellowmen can grasp it and eventually live by it. New trends, new incentives and new impulses then emerge, and thus history is made. It

Đức Christ không chỉ bắc cầu qua khoảng cách giữa Đông và Tây, tổng hợp trong chính Ngài tất cả những gì Đông phương có giá trị để đóng góp, mà Ngài còn trao cho nền văn minh Tây phương của chúng ta (khi ấy chưa ra đời) những lý tưởng vĩ đại ấy và tấm gương hi sinh cùng phụng sự mà ngày nay (hai ngàn năm sau khi Ngài bước đi giữa loài người) đang trở thành chủ âm của những trí tuệ tốt đẹp nhất của thời đại. Câu chuyện về các ý tưởng, chúng đến như thế nào và tác động lên tâm thức nhân loại ra sao, nhờ đó làm thay đổi dòng chảy của các công việc nhân loại, chính là câu chuyện của lịch sử; nhưng lạ thay, các ý tưởng cấu thành yếu tố không thể tiên đoán duy nhất của tương lai. Một cá nhân có phàm ngã nổi bật bước ra khỏi hàng ngũ bình thường của nhân loại, và suy tư cho đến khi một ý tưởng vĩ đại, năng động, đặt nền trên chân lý, đi vào hiện tồn. Y diễn đạt nó thành những thuật ngữ mà đồng loại của y có thể nắm bắt và sau cùng sống theo. Khi đó các khuynh hướng mới, các

might be said with truth that without ideas there would be no history. In the enunciation of a cosmic idea, and in the capacity to make that idea an ideal of dynamic force, Christ stands alone. Through His life, He gave to us an idea which became in time the ideal of service, so that today the attention of many rulers and thinkers throughout the world is engrossed with the well-being of nations and men. That the technique employed and the methods used to enforce the sensed and visioned ideal are frequently wrong and undesirable, producing cruel and separative results, in no way alters the fact that behind all these idealistic experiments of the race lies this great ideal, [92] divinely inspired and summarised for us by Christ in His life and teaching.

động lực mới và các xung lực mới xuất hiện, và như vậy lịch sử được tạo nên. Có thể nói một cách chân thật rằng nếu không có các ý tưởng thì sẽ không có lịch sử. Trong việc công bố một ý tưởng vũ trụ, và trong năng lực biến ý tưởng ấy thành một lý tưởng có mãnh lực năng động, Đức Christ đứng một mình. Qua đời sống của Ngài, Ngài đã trao cho chúng ta một ý tưởng mà theo thời gian đã trở thành lý tưởng phụng sự, đến nỗi ngày nay sự chú ý của nhiều nhà cai trị và nhà tư tưởng trên khắp thế giới bị cuốn hút bởi phúc lợi của các quốc gia và con người. Việc kỹ thuật được dùng và các phương pháp được sử dụng để áp đặt lý tưởng đã được cảm nhận và hình dung thường sai lầm và không đáng mong muốn, tạo ra những kết quả tàn nhẫn và chia rẽ, tuyệt nhiên không làm thay đổi sự kiện rằng đằng sau mọi cuộc thử nghiệm lý tưởng chủ nghĩa này của nhân loại là lý tưởng vĩ đại này, [92] được cảm hứng thiêng liêng và được Đức Christ tóm lược cho chúng ta trong đời sống và giáo huấn của Ngài.

Christ gave the greatest of all ideas—that God is Love and that love could manifest in human form, and, thus manifested, could constitute a possibility for all men. His life was the demonstration of a perfection such as the world had never previously seen.

Đức Christ đã trao ý tưởng vĩ đại nhất trong mọi ý tưởng—rằng Thượng đế là Tình thương và rằng tình thương có thể biểu hiện trong hình tướng con người, và, khi biểu hiện như vậy, có thể cấu thành một khả năng cho tất cả mọi người. Đời sống của Ngài là sự biểu hiện của một sự hoàn thiện mà thế giới trước đó chưa từng thấy.

The soul, which is the hidden Christ in all, mediates between the spirit (the Father) and the human being. Christ emphasised this when He called attention to man's essential divinity, speaking of God as "our Father," as He was the Father of Christ. It was the light which He came to show and which He saw also (hidden and veiled) in all, enjoining upon us that we should let that light shine forth." *(St. Matt., V, 16.)* He challenged us to

Linh hồn, vốn là Đức Christ ẩn giấu trong tất cả, làm trung gian giữa tinh thần (Cha) và con người. Đức Christ đã nhấn mạnh điều này khi Ngài kêu gọi sự chú ý đến thiên tính thiết yếu của con người, nói về Thượng đế như "Cha chúng ta," cũng như Ngài là Cha của Đức Christ. Đó là ánh sáng mà Ngài đã đến để chỉ ra và cũng là ánh sáng Ngài thấy (ẩn giấu và che phủ) trong tất cả, truyền dạy chúng ta rằng chúng ta phải để ánh sáng ấy

show, and commanded us to demonstrate the perfection of which He was the embodiment. He proved to us the possible, and called upon us to express it. In this uniqueness of revelation Christ stands alone, because He was the greatest, the highest and the truest that has ever appeared, but not because—dare I say it?—He was the greatest that ever could appear. One dare not so limit God. Under the evolutionary revelation of the nature of divinity it appears that Christ climaxed the past and indicated the future Is it not possible that there may be aspects and characteristics of the divine Nature of which we cannot as yet have the faintest conception? Is it not probable that our sentient apparatus is still inadequate to grasp the fullness of God? May not our mechanism of perception require further evolutionary unfoldment before still other divine and spiritual characteristics can be safely revealed to us and in us? There may be future revelations of such stupendous wonder and beauty that as yet we can form no faintest idea of their possible outline. Otherwise God would be limited and static, and unable to do more than He has already done. How dare we say that it is possible for us to envisage the limits of the nature of Deity? How can the human intellect arrogantly believe that [93] it can recognise, even through Christ, the ultimate objectives of the divine Will? The history of the unfoldment of the human consciousness proves that truth has been given out progressively, and that the brilliant galaxy of World Teachers gave an ever-widening interpretation of Deity, reaching, as time elapsed, an ever larger number. Christ has given us the highest and the most inclusive revelation to which the human consciousness can respond, up to the present era. But how shall we dare to say that no more is possible to God, when we are

chiếu tỏa." *(Thánh Matthew, V, 16.)* Ngài thách thức chúng ta biểu lộ, và truyền lệnh chúng ta biểu hiện sự hoàn thiện mà Ngài là hiện thân. Ngài chứng minh cho chúng ta điều có thể, và kêu gọi chúng ta biểu lộ nó. Trong sự độc nhất của mặc khải này, Đức Christ đứng một mình, bởi vì Ngài là Đấng vĩ đại nhất, cao nhất và chân thật nhất từng xuất hiện, nhưng không phải vì—tôi có dám nói chăng?—Ngài là Đấng vĩ đại nhất từng có thể xuất hiện. Người ta không dám giới hạn Thượng đế như vậy. Dưới sự mặc khải tiến hoá về bản chất của thiên tính, dường như Đức Christ đã đưa quá khứ đến đỉnh cao và chỉ ra tương lai. Chẳng phải có thể có những phương diện và đặc tính của Bản Chất thiêng liêng mà hiện nay chúng ta chưa thể có ngay cả quan niệm mờ nhạt nhất sao? Chẳng phải có khả năng là bộ máy cảm nhận của chúng ta vẫn còn chưa đủ để nắm bắt sự viên mãn của Thượng đế sao? Chẳng phải bộ máy tri nhận của chúng ta có thể cần thêm sự khai mở tiến hoá trước khi những đặc tính thiêng liêng và tinh thần khác nữa có thể được mặc khải an toàn cho chúng ta và trong chúng ta sao? Có thể có những mặc khải tương lai kỳ diệu và mỹ lệ đến mức hiện nay chúng ta chưa thể hình thành ngay cả ý niệm mờ nhạt nhất về đường nét khả hữu của chúng. Nếu không, Thượng đế sẽ bị giới hạn và tĩnh tại, không thể làm gì hơn điều Ngài đã làm. Làm sao chúng ta dám nói rằng chúng ta có thể hình dung các giới hạn của bản chất Thượng Đế? Làm sao trí tuệ con người có thể kiêu ngạo tin rằng [93] nó có thể nhận ra, ngay cả qua Đức Christ, các mục tiêu tối hậu của Ý Chí thiêng liêng? Lịch sử sự khai mở của tâm thức nhân loại chứng minh rằng chân lý đã được ban ra một cách tiệm tiến, và đoàn thể rực rỡ các Đức Chưởng Giáo đã trao một diễn giải ngày càng mở rộng về Thượng Đế, theo thời gian đạt đến một số lượng ngày càng lớn hơn. Đức Christ đã trao cho chúng ta mặc khải cao nhất và bao gồm nhất mà tâm thức nhân loại có thể đáp ứng, cho đến kỷ

ready to receive it? For this we are fast preparing. Even Christ Himself told His disciples that "he that believeth on me, the works that I do shall he do also; and greater works than these shall he do." *(St. John, XIV, 12.)* Either these words express a truth, or the whole structure of our belief falls to the ground. There is more still to be revealed, or else past history loses its point; ancient beliefs lose their significance; and we have reached an impasse which God Himself would seem unable to transcend. This we cannot accept.

nguyên hiện tại. Nhưng làm sao chúng ta dám nói rằng không còn điều gì nữa là có thể đối với Thượng đế, khi chúng ta sẵn sàng tiếp nhận nó? Chúng ta đang nhanh chóng chuẩn bị cho điều này. Ngay chính Đức Christ cũng đã nói với các đệ tử của Ngài rằng "ai tin nơi ta, những việc ta làm, người ấy cũng sẽ làm; và những việc lớn hơn những việc này, người ấy sẽ làm." *(Thánh Gioan, XIV, 12.)* Hoặc những lời này diễn tả một chân lý, hoặc toàn bộ cấu trúc niềm tin của chúng ta sụp đổ. Vẫn còn nhiều điều nữa phải được mặc khải, nếu không lịch sử quá khứ mất đi ý nghĩa của nó; các niềm tin cổ xưa mất thâm nghĩa của chúng; và chúng ta đã đi đến một bế tắc mà chính Thượng đế dường như không thể vượt qua. Điều này chúng ta không thể chấp nhận.

The cosmic Christ, the mystic Christ, the historical Christ, and the individual Christ are to all eternity, and the revelation can therefore be progressive. If we can believe that God is inclusive of all forms and of that which the forms reveal, surely as our equipment develops and our mechanism of contact improves we shall be able to see more of divinity than at present and be deemed worthy, at a later date, of a greater revelation. It is only our limitations as human beings which prevent our seeing all that there is to be seen.

Đức Christ vũ trụ, Đức Christ thần bí, Đức Christ lịch sử, và Đức Christ cá nhân tồn tại đến muôn đời, và vì vậy sự mặc khải có thể mang tính tiệm tiến. Nếu chúng ta có thể tin rằng Thượng đế bao gồm mọi hình tướng và điều mà các hình tướng mặc khải, thì chắc chắn khi trang bị của chúng ta phát triển và bộ máy tiếp xúc của chúng ta được cải thiện, chúng ta sẽ có thể thấy nhiều hơn về thiên tính so với hiện tại và được xem là xứng đáng, vào một ngày sau, với một mặc khải lớn hơn. Chính những giới hạn của chúng ta với tư cách con người ngăn cản chúng ta thấy tất cả những gì có thể được thấy.

The new birth brought us to the point where we became aware of a new world of light and of being. Through the process of that initiation we became citizens of the kingdom of God which Christ came to establish as a fact in the consciousness of men; we pass through the new birth into a world which is governed by a higher series of laws, the spiritual laws and new objectives open up before us, new aspects of our own

Cuộc sinh ra mới đã đưa chúng ta đến điểm chúng ta trở nên ý thức về một thế giới mới của ánh sáng và Bản Thể. Qua tiến trình của lần điểm đạo ấy, chúng ta trở thành công dân của Thiên Giới mà Đức Christ đã đến để thiết lập như một sự kiện trong tâm thức con người; chúng ta đi qua cuộc sinh ra mới vào một thế giới được cai quản bởi một chuỗi định luật cao hơn, các định luật tinh thần, và những mục tiêu mới mở ra trước chúng ta,

hidden spiritual nature emerge and we begin to discover in ourselves the delineation of a new being, with a [94] different set of wishes, desires, ideals, and methods of world activity.

những phương diện mới của bản chất tinh thần ẩn giấu của chính chúng ta xuất hiện và chúng ta bắt đầu khám phá trong chính mình đường nét của một sinh mệnh mới, với một [94] tập hợp khác của các ước muốn, dục vọng, lý tưởng và phương pháp hoạt động trong thế gian.

We speak much of the at-one-ment which Christ made within Himself and for man. We recognise the unity He felt with the Father, and that He has called us to a similar divine unity. But is it not possible that He established a synthesis broader than that of the individual and God—the synthesis of the kingdom of God?

Chúng ta nói nhiều về sự hiệp nhất mà Đức Christ đã thực hiện trong chính Ngài và cho con người. Chúng ta nhận ra sự hợp nhất mà Ngài cảm thấy với Cha, và rằng Ngài đã kêu gọi chúng ta đến một sự hợp nhất thiêng liêng tương tự. Nhưng chẳng phải có thể là Ngài đã thiết lập một sự tổng hợp rộng hơn sự tổng hợp giữa cá nhân và Thượng đế—sự tổng hợp của Thiên Giới sao?

What do these words mean? We have talked of the kingdom of Heaven in terms of separation. We are either in that kingdom or out of it. We are told that we must step out of the kingdom of men (controlled by the world, the flesh and the devil) into another kingdom which is pictured as utterly different. Yet is this so? All aspects of the three sub-human kingdoms—animal, vegetable and mineral—are found in man; and their synthesis, plus another factor, the divine *intellect*, we call the human kingdom. Man unifies in himself the so-called lesser manifestations of deity. In the sub-human kingdoms of nature we find three major types of consciousness: the mineral kingdom, with its subjective discriminating power, its capacity to grow, and its ultimate radio-activity; the vegetable kingdom, with its sensitivity or sentiency, and its developing response apparatus which is sensitive to sunlight, to warmth and cold, and to other environing climatic conditions; the animal kingdom with its greatly increased awareness, its capacity for free movement and for wider contacts through

Những lời này có nghĩa là gì? Chúng ta đã nói về giới thiên đường theo cách tách biệt. Chúng ta hoặc ở trong giới ấy hoặc ở ngoài nó. Người ta bảo chúng ta rằng chúng ta phải bước ra khỏi giới của con người (bị kiểm soát bởi thế gian, xác thịt và ma quỷ) để vào một giới khác được mô tả là hoàn toàn khác. Nhưng có đúng vậy không? Mọi phương diện của ba giới dưới nhân loại—động vật, thực vật và kim thạch—đều được tìm thấy trong con người; và sự tổng hợp của chúng, cộng thêm một yếu tố khác, *trí năng* thiêng liêng, chúng ta gọi là giới nhân loại. Con người hợp nhất trong chính mình những biểu hiện được gọi là thấp hơn của Thượng đế. Trong các giới dưới nhân loại của thiên nhiên, chúng ta tìm thấy ba kiểu tâm thức chính: giới kim thạch, với quyền năng phân biện chủ quan, năng lực tăng trưởng, và tính phóng xạ sau cùng của nó; giới thực vật, với tính nhạy cảm hay tri giác, và bộ máy đáp ứng đang phát triển của nó, vốn nhạy cảm với ánh sáng mặt trời, với nóng và lạnh, và với các điều kiện khí hậu bao quanh khác; giới động vật với nhận thức tăng trưởng rất lớn, năng lực di chuyển tự do và các tiếp xúc

its instinctive nature. The human kingdom embodies all these types of awareness—consciousness, sentiency, instinct—plus that mysterious human faculty which we call "the mind," and we sum up all these inherited qualities in the word "self-conscious."

rộng hơn qua bản chất bản năng của nó. Giới nhân loại hiện thân tất cả các kiểu nhận thức này—tâm thức, tri giác, bản năng—cộng thêm năng lực huyền nhiệm của con người mà chúng ta gọi là "trí tuệ," và chúng ta tóm lược tất cả các phẩm tính thừa hưởng này trong từ "tự ý thức."

There comes, however, in the experience of the intelligent human being, a slowly dawning recognition that there is something still greater and of deeper value outside himself. He is sensitised to a subtler range of contacts and to impressions which he calls spiritual or ideal or mystical. Another type of consciousness begins to germinate in him, and at the [95] birth at Bethlehem this awareness becomes manifested and recognisable. Just as the human being synthesises in himself all that has been, plus his own peculiar constitution and qualities, so in him can also begin to emerge and demonstrate qualities which are not human.

Tuy nhiên, trong kinh nghiệm của con người thông minh, đến một sự nhận biết dần lóe rạng rằng có điều gì đó vẫn lớn lao hơn và có giá trị sâu xa hơn ở bên ngoài chính y. Y trở nên nhạy cảm với một phạm vi tiếp xúc tinh tế hơn và với những ấn tượng mà y gọi là tinh thần, lý tưởng hay thần bí. Một kiểu tâm thức khác bắt đầu nảy mầm trong y, và vào lúc [95] sinh ra tại Bethlehem, nhận thức này trở nên biểu hiện và có thể nhận ra. Cũng như con người tổng hợp trong chính mình tất cả những gì đã có, cộng với cấu tạo và các phẩm tính đặc thù của chính y, thì trong y cũng có thể bắt đầu xuất hiện và biểu hiện những phẩm tính không phải là nhân loại.

Members of the kingdom of God will surely embody the heritage of four kingdoms, as man embodies the heritage of three. This higher citizenship involves the expression of the Christ consciousness, which is the consciousness of the group, of the relation of the part to the whole (something which Christ continuously emphasised) and of the human to the divine. The result of this realisation must surely be, under the evolutionary scheme, the appearance of another kingdom in nature. This constitutes the great task of Christ. Through the power of His *realised* divinity He produced the man who blended in Himself the best of all that had been, and revealed also what could be. He brought together into a functioning unity the higher and the lower, and made out of them "one new man." He founded the

Các thành viên của Thiên Giới chắc chắn sẽ thể hiện di sản của bốn giới, cũng như con người thể hiện di sản của ba giới. Quyền công dân cao hơn này bao hàm sự biểu lộ của tâm thức Đức Christ, tức là tâm thức của nhóm, của mối liên hệ giữa phần tử với toàn thể — điều mà Đức Christ liên tục nhấn mạnh — và của con người với thiêng liêng. Kết quả của sự chứng nghiệm này, theo kế hoạch tiến hoá, chắc chắn phải là sự xuất hiện của một giới khác trong thiên nhiên. Điều này tạo thành nhiệm vụ vĩ đại của Đức Christ. Nhờ quyền năng của thiên tính đã được *chứng nghiệm* nơi Ngài, Ngài đã tạo ra con người dung hợp trong chính mình những gì tốt đẹp nhất của tất cả những gì đã có, đồng thời mặc khải điều có thể trở thành. Ngài đã quy tụ cái cao và cái thấp thành một nhất thể hoạt động, và từ đó tạo nên "một

kingdom of God on earth, and produced a synthesis of all the kingdoms in nature, thus causing the appearance of a fifth kingdom. We might sum up the at-one-ments which He brought about as follows:

con người mới." Ngài đã thiết lập Thiên Giới trên Trái Đất, và tạo ra một tổng hợp của mọi giới trong thiên nhiên, nhờ đó khiến giới thứ năm xuất hiện. Chúng ta có thể tóm lược những sự hợp nhất mà Ngài đã đem lại như sau:

1. He unified in Himself to perfection the physical, emotional and mental aspects of man, and demonstrated therefore the perfect Individual.

1. Ngài đã hợp nhất nơi chính mình, đến mức hoàn hảo, các phương diện hồng trần, cảm xúc và trí tuệ của con người, và do đó biểu lộ Cá Nhân hoàn hảo.

2. He unified in Himself soul and body, the higher and the lower aspects, and therefore produced a divine incarnation.

2. Ngài đã hợp nhất nơi chính mình linh hồn và thân thể, các phương diện cao và thấp, và do đó tạo nên một sự nhập thể thiêng liêng.

3. He unified in Himself the best of all the kingdoms in nature, mineral, vegetable, animal, which means in their synthesis, the human with the intellect functioning.

3. Ngài đã hợp nhất nơi chính mình những gì tốt đẹp nhất của mọi giới trong thiên nhiên — giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật — nghĩa là, trong sự tổng hợp của chúng, con người với trí năng đang hoạt động.

4. Then He blended this synthesis with a higher spiritual factor and brought to the birth another kingdom in nature, the fifth.

4. Rồi Ngài dung hợp sự tổng hợp này với một yếu tố tinh thần cao hơn và đưa một giới khác trong thiên nhiên, giới thứ năm, vào sự khai sinh.

Christ, having produced in Himself one unification or at-one-ment after another, for the benefit of humanity, appears before John the Baptist, and passes through the second initiation, that of purification in the waters of Jordan. Through [96] the process of baptism, and through the temptations which followed, He evidenced His maturity, faced His mission, and demonstrated to the world His purity and His power.

Đức Christ, sau khi vì lợi ích của nhân loại mà tạo nên nơi chính mình hết sự hợp nhất hay hiệp nhất này đến sự hợp nhất hay hiệp nhất khác, xuất hiện trước Gioan Tẩy Giả, và trải qua lần điểm đạo thứ hai, tức là sự thanh tẩy trong dòng nước sông Jordan. Qua [96] tiến trình rửa tội, và qua những cám dỗ tiếp theo sau, Ngài chứng tỏ sự trưởng thành của mình, đối diện với sứ mệnh của mình, và biểu lộ cho thế gian sự tinh khiết cùng quyền năng của mình.

The third initiation, that of the Transfiguration, testified to the fact of the at-one-ment which Christ made between

Lần điểm đạo thứ ba, tức là Biến hình, làm chứng cho sự kiện hiệp nhất mà Đức Christ đã thực hiện giữa linh hồn và thân thể. Sự

soul and body. Integration was complete, and the consequent illumination was made apparent to His disciples. He appeared before them as Son of Man and Son of God, and having proved to them Who He was, He faced the death which lay ahead of Him, and the intervening service.

tích hợp đã hoàn tất, và sự soi sáng do đó mà có được làm hiển lộ trước các đệ tử của Ngài. Ngài xuất hiện trước họ như Con của Nhân Loại và Con của Thượng đế, và sau khi chứng minh cho họ biết Ngài là Ai, Ngài đối diện với cái chết đang chờ phía trước, và với công cuộc phụng sự xen giữa.

In the fourth initiation, He demonstrated this integration not only as God-Man, but as the One Who enfolded in His consciousness the entire world of men. He unified Himself with humanity, and portrayed the effectiveness of that divine energy which enabled Him to say in truth, "I, if I be lifted up from the Earth, will draw all men unto Me." *(St. John, XII, 32.)* He was lifted up between Earth and Heaven, and for two thousand years these words of His have stood unchallenged.

Trong lần điểm đạo thứ tư, Ngài biểu lộ sự tích hợp này không chỉ với tư cách Thượng Đế-Con Người, mà còn với tư cách Đấng bao bọc trong tâm thức của Ngài toàn thể thế giới nhân loại. Ngài hợp nhất mình với nhân loại, và trình hiện hiệu lực của năng lượng thiêng liêng ấy, vốn khiến Ngài có thể nói một cách chân thực: "Còn Ta, nếu Ta được nâng lên khỏi Trái Đất, Ta sẽ kéo mọi người đến cùng Ta." *(Thánh Gioan, XII, 32.)* Ngài đã được nâng lên giữa Trái Đất và Trời, và suốt hai nghìn năm, những lời ấy của Ngài vẫn đứng vững không ai bác bỏ được.

2

2

"Then cometh Jesus from Galilee to Jordan unto John, to be baptised of him. But John forbade him, saying, I have need to be baptised of Thee and comest Thou to me?

"Bấy giờ Đức Jesus từ Galilee đến Jordan, gặp Gioan, để được ông làm phép rửa. Nhưng Gioan ngăn Ngài lại, nói rằng: Tôi cần được Ngài làm phép rửa, mà Ngài lại đến với tôi sao?

"And Jesus answering said unto him, Suffer it to be so now, for it becometh us to fulfil all righteousness. Then he suffered Him.

"Đức Jesus đáp lời ông rằng: Bây giờ cứ để như vậy, vì chúng ta nên làm trọn mọi sự công chính. Bấy giờ ông để Ngài làm.

"And Jesus, when He was baptised, went up straightaway out of the water: and, lo, the heavens were opened unto Him, and He saw the Spirit of God descending like a dove, and lighting upon Him.

"Và Đức Jesus, khi đã chịu phép rửa, liền bước lên khỏi nước; và kìa, các tầng trời mở ra cho Ngài, và Ngài thấy Tinh Thần của Thượng đế ngự xuống như chim bồ câu, và đậu trên Ngài.

"And lo a voice from heaven, saying, This is my beloved Son, in Whom I am well pleased."

"Và kìa, có tiếng từ trời phán rằng: Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng."

ST. MATT., III, 13-17.

In these simple words we are told the story of this initiation. The keynote is purification, and it closed a period of preparation, of quiet service and inaugurated a cycle of strenuous [97] activity. The purification of the lower nature is a requirement which the Christian Church has ever emphasised as has also the Hindu faith. Christ held this ideal before His disciples and all men when He said, "Blessed are the pure in heart: for they shall see God." *(St. Matt., V, 8.)*

In an ancient treatise upon meditation, the *Yoga Sutras of Patanjali,* we find the teacher proclaiming, "Through purification comes also a quiet spirit ... and ability to see the Self." *(The Yoga Sutras of Patanjali, II, 41.)* Purification is of many kinds and degrees. There is physical purity and moral purity, and there is also that magnetic purity which makes a man a channel for spiritual force. There is psychic purity, which is a rare thing to find, and mental purity. The word "purity" comes from the Sanskrit word *pur*, which means freedom from alloy, from limitation and from the imprisoning of the spirit in the chains of matter. There can be no achievement without purification; there is no possibility of our seeing and manifesting divinity without passing through the waters that cleanse. In the world today a great cleansing is going on. An "ascetic purification" and an enforced abstinence from much that has hitherto been deemed desirable, is going on in the world, and none of us can escape it. This is due to the breakdown of the economic system and the many other systems which are proving ineffectual in the modern world. Purification is being forced upon us, and as a consequence a truer sense of values must

Thánh Ma-thi-ơ, III, 13-17.

Trong những lời giản dị này, chúng ta được kể câu chuyện về cuộc điểm đạo này. Chủ âm là sự thanh tẩy, và nó khép lại một thời kỳ chuẩn bị, phụng sự âm thầm, đồng thời khai mở một chu kỳ hoạt động căng thẳng [97]. Sự thanh tẩy bản chất thấp là một đòi hỏi mà Giáo hội Cơ Đốc luôn nhấn mạnh, cũng như đức tin Ấn giáo. Đức Christ đã đặt lý tưởng này trước các đệ tử của Ngài và trước mọi người khi Ngài nói: "Phước cho những ai có lòng trong sạch, vì họ sẽ thấy Thượng đế." *(Thánh Ma-thi-ơ, V, 8.)*

Trong một khảo luận cổ về tham thiền, bộ *Yoga Sutras của Patanjali,* chúng ta thấy vị huấn sư tuyên bố: "Qua sự thanh tẩy cũng phát sinh một tinh thần tĩnh lặng... và khả năng thấy Bản Ngã." *(Yoga Sutras của Patanjali, II, 41.)* Sự thanh tẩy có nhiều loại và nhiều cấp độ. Có sự tinh khiết hồng trần và sự tinh khiết đạo đức, và cũng có sự tinh khiết từ tính khiến con người trở thành một vận hà cho mãnh lực tinh thần. Có sự tinh khiết thông linh, vốn là điều hiếm gặp, và có sự tinh khiết trí tuệ. Từ "tinh khiết" xuất phát từ từ Phạn pur, có nghĩa là tự do khỏi sự pha tạp, khỏi giới hạn, và khỏi việc tinh thần bị giam hãm trong xiềng xích của vật chất. Không thể có thành tựu nếu không có thanh tẩy; chúng ta không thể thấy và biểu lộ thiên tính nếu không đi qua những dòng nước tẩy sạch. Trong thế giới ngày nay, một cuộc thanh tẩy lớn đang diễn ra. Một "sự thanh tẩy khổ hạnh" và một sự kiêng khem bắt buộc đối với nhiều điều trước đây từng được xem là đáng mong muốn đang diễn ra trong thế giới, và không ai trong chúng ta có thể thoát khỏi nó. Điều này là do sự sụp đổ của hệ thống kinh tế và nhiều hệ thống khác đang chứng tỏ không còn hiệu quả trong thế giới hiện đại. Sự thanh tẩy đang bị áp đặt lên chúng ta, và như một hệ quả, một ý thức

eventuate. A cleansing from wrong ideals, a racial purification from dishonest standards and undesirable objectives, is being powerfully applied at this time. Perhaps this means that many in the race today are going down to Jordan, to enter its purifying waters. A self-applied ascetic purification, and the recognition of its value by the pioneers of the human family, may succeed in leading them to the portal of initiation.

chân thực hơn về các giá trị phải xuất hiện. Vào lúc này, sự tẩy sạch khỏi những lý tưởng sai lầm, một sự thanh tẩy nhân loại khỏi các chuẩn mực bất chính và những mục tiêu không đáng mong muốn, đang được áp dụng mạnh mẽ. Có lẽ điều này có nghĩa là ngày nay nhiều người trong nhân loại đang đi xuống Jordan, để bước vào dòng nước thanh tẩy của nó. Một sự thanh tẩy khổ hạnh do chính mình áp dụng, và sự nhận biết giá trị của nó bởi những người tiên phong trong gia đình nhân loại, có thể thành công trong việc dẫn họ đến cửa ngõ điểm đạo.

There is also to be found in this episode an interesting analogy to what is happening to the race today, from the [98] astrological standpoint. We are entering into the sign Aquarius, the Water Carrier. This sign stands symbolically for group purity and relationship, for the universality of experience and for the waters poured over all. When we began to enter this sign, about two hundred years ago, water became for the first time of general interest and of general use for sanitation and irrigation. The control of water and its utilisation as a means of transportation on a world-wide scale became possible. The use of water in our homes is now so universal that we hardly realise what the world must have been like prior to this use.

Trong biến cố này cũng có một sự tương đồng thú vị với điều đang xảy ra cho nhân loại ngày nay, xét từ [98] quan điểm chiêm tinh học. Chúng ta đang bước vào dấu hiệu Bảo Bình, Người Mang Nước. Dấu hiệu này, về mặt biểu tượng, tượng trưng cho sự tinh khiết và mối liên hệ của nhóm, cho tính phổ quát của kinh nghiệm và cho những dòng nước được tuôn đổ trên tất cả. Khi chúng ta bắt đầu bước vào dấu hiệu này, khoảng hai trăm năm trước, lần đầu tiên nước trở thành mối quan tâm chung và được sử dụng phổ biến cho vệ sinh và tưới tiêu. Việc kiểm soát nước và sử dụng nó như một phương tiện vận chuyển trên quy mô toàn cầu trở nên khả thi. Việc sử dụng nước trong nhà của chúng ta nay đã phổ biến đến mức chúng ta hầu như không nhận ra thế giới hẳn đã như thế nào trước khi có cách sử dụng này.

Christ in this great initiation, entered into the stream, and the waters passed over Him. In India this initiation is called that of “entering the stream,” and he who undergoes it is regarded as having demonstrated both physical and psychic purity. In considering this initiation we must remember that two kinds of baptism are referred to in the story.

Trong cuộc điểm đạo vĩ đại này, Đức Christ đã bước vào dòng chảy, và nước đã phủ qua Ngài. Tại Ấn Độ, cuộc điểm đạo này được gọi là cuộc điểm đạo “bước vào dòng chảy,” và người trải qua nó được xem là đã chứng minh cả sự tinh khiết hồng trần lẫn sự tinh khiết thông linh. Khi xem xét cuộc điểm đạo này, chúng ta phải nhớ rằng câu chuyện đề cập đến hai loại phép rửa.

"John answered, saying unto them all, I indeed baptise you with water: but one mightier than I cometh, the latchet of whose shoes I am not worthy to unloose: He shall baptise you with the Holy Ghost and with fire." *(St. Luke., III, 16.)*

"Gioan đáp lời, nói với mọi người rằng: Phần tôi, tôi làm phép rửa cho các ngươi bằng nước; nhưng có Đấng quyền năng hơn tôi đang đến, tôi không đáng mở dây giày của Ngài; Ngài sẽ làm phép rửa cho các ngươi bằng Chúa Thánh Thần và bằng lửa." *(Thánh Luca, III, 16.)*

There are therefore two kinds of baptism:

Do đó có hai loại phép rửa:

1. That of John the Baptist, which is the baptism by water.

1. Phép rửa của Gioan Tẩy Giả, tức là phép rửa bằng nước.

2. The baptism of Jesus Christ, which is that of the Holy Ghost and of fire.

2. Phép rửa của Đức Jesus Christ, tức là phép rửa bằng Chúa Thánh Thần và bằng lửa.

In these two symbols much of the story of human development is summed up, and the joint work of John the Baptist and of Jesus produced a synthesis which is indicative of the immediate objective of our racial endeavour. The symbolism is exact according to the ancient mystery teaching. A close study of this symbolic rendering of a basic truth would greatly profit the seeker in all countries, and an understanding of the significance of the symbols employed would throw much light upon reality.

Trong hai biểu tượng này, phần lớn câu chuyện về sự phát triển của nhân loại được tóm lược, và công trình chung của Gioan Tẩy Giả cùng Đức Jesus đã tạo nên một tổng hợp, biểu thị mục tiêu trước mắt của nỗ lực nhân loại chúng ta. Biểu tượng học này chính xác theo giáo huấn huyền nhiệm cổ xưa. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng cách trình bày biểu tượng này về một chân lý căn bản sẽ rất hữu ích cho người tìm đạo ở mọi quốc gia, và sự thấu hiểu thâm nghĩa của các biểu tượng được dùng sẽ soi sáng nhiều điều về thực tại.

In the evolution of the race the sentient feeling nature is [99] first developed, and *water* has ever been the symbol of that nature. The fluid nature of the emotions, the constant shifting between sentient pleasure and pain, the storms which arise in the world of feeling, and the peace and calm which can descend upon a man, make of water a most apposite symbol of this interior subtle world of the lower nature in which most of us live, and wherein our consciousness is predominantly focussed. The average man or woman is predominantly a blend of the physical and

Trong sự tiến hoá của nhân loại, bản chất cảm giác nhạy cảm được [99] phát triển trước tiên, và *nước* luôn là biểu tượng của bản chất ấy. Bản chất linh động của các cảm xúc, sự chuyển dịch liên tục giữa lạc thú và đau khổ cảm giác, những cơn bão nổi lên trong thế giới cảm xúc, và sự bình an cùng tĩnh lặng có thể giáng xuống con người, khiến nước trở thành một biểu tượng hết sức thích hợp cho thế giới vi tế nội tại này của bản chất thấp, nơi phần đông chúng ta đang sống và nơi tâm thức của chúng ta chủ yếu tập trung. Người nam hay nữ trung bình chủ yếu là một sự pha trộn của các bản chất hồng

emotional natures; all early races have this characteristic and the probability is that, in old Atlantis, civilisation was entirely centred in the feelings and the desires, in the emotions, and—among its most advanced types—in the heart life. John the Baptist therefore gave the baptism of water which testified to the purification of the emotional nature, which must always be a preliminary step to the purification by fire.

trần và cảm xúc; mọi giống dân sơ kỳ đều có đặc điểm này, và rất có thể trong Atlantis cổ, nền văn minh hoàn toàn tập trung vào các cảm xúc và dục vọng, vào những xúc cảm, và — nơi những mẫu người tiến bộ nhất — vào đời sống của tim. Vì vậy Gioan Tẩy Giả đã ban phép rửa bằng nước, làm chứng cho sự thanh tẩy bản chất cảm xúc, vốn luôn phải là bước sơ khởi trước sự thanh tẩy bằng lửa.

The Jordan baptism is symbolic of the purification of the conscience in man, just as Christ and His baptism symbolised for us the divine in man and the purification which follows the activity of that divine spirit in the lower nature. Conscience, with its call to the recognition of the higher values, of the deeper truths and of the birth unto life, leads to Jordan, and so Christ went there to "fulfil all righteousness." This experience ever precedes the baptism into Christ and through Christ.

Phép rửa tại Jordan tượng trưng cho sự thanh tẩy lương tâm nơi con người, cũng như Đức Christ và phép rửa của Ngài tượng trưng cho chúng ta điều thiêng liêng trong con người và sự thanh tẩy theo sau hoạt động của tinh thần thiêng liêng ấy trong bản chất thấp. Lương tâm, với tiếng gọi của nó hướng đến việc nhận biết các giá trị cao hơn, các chân lý sâu xa hơn và sự khai sinh vào sự sống, dẫn đến Jordan, và vì thế Đức Christ đã đến đó để "làm trọn mọi sự công chính." Kinh nghiệm này luôn đi trước phép rửa vào Đức Christ và qua Đức Christ.

The baptism of John was a step upon the way into the centre, and of more general application than is the baptism of Jesus, for few are ready yet for the second initiation. It is preparatory to that final baptism, for the purification of the emotional nature must precede in time the purification of the mental nature, just as in the evolution of the race (and of a child, likewise) the feeling, sentient man is first developed, and then the mind comes into active life. The baptism which Christ gives His followers concerns the purification of the mind by fire. Fire, under the universal symbolism of religion, is ever symbolic of the mind nature. This baptism by fire is the baptism of the Holy Spirit.

Phép rửa của Gioan là một bước trên đường đi vào trung tâm, và có tính áp dụng phổ quát hơn phép rửa của Đức Jesus, vì ít người hiện nay đã sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ hai. Nó chuẩn bị cho phép rửa cuối cùng ấy, vì sự thanh tẩy bản chất cảm xúc phải đi trước, về thời gian, sự thanh tẩy bản chất trí tuệ, cũng như trong sự tiến hoá của nhân loại — và của một đứa trẻ cũng vậy — con người cảm nhận, nhạy cảm được phát triển trước tiên, rồi trí tuệ mới bước vào đời sống hoạt động. Phép rửa mà Đức Christ ban cho những người theo Ngài liên quan đến sự thanh tẩy thể trí bằng lửa. Lửa, trong biểu tượng học phổ quát của tôn giáo, luôn tượng trưng cho bản chất trí tuệ. Phép rửa bằng lửa này là phép rửa của Chúa Thánh Thần.

[100] Thus Jesus went up from Nazareth and Galilee to take the next step which was indicated in His experience. As the result of life experience and inner consecration, He was ready for the next initiation. This was taken in the river Jordan. Jordan means "that which descends," but also, according to some commentators, that which "divides," as a river divides and separates the land. In the symbolism of esotericism the word "river" frequently means *discrimination*. We have seen that water symbolises the emotional nature, and that the purification in Jordan, through baptism, typifies the complete cleansing of all feeling, of all wishes and of that desire life which is the determining factor with most people. The first initiation symbolises the dedication of the physical body and the physical plane life to the soul. The second initiation stands for the demonstrated control and consecration to divinity of the desire nature, with its emotional reactions and its potent "wish life."

[100] Như vậy Đức Jesus đã đi lên từ Nazareth và Galilee để thực hiện bước kế tiếp được chỉ ra trong kinh nghiệm của Ngài. Như kết quả của kinh nghiệm đời sống và sự thánh hiến nội tâm, Ngài đã sẵn sàng cho cuộc điểm đạo kế tiếp. Cuộc điểm đạo này được thực hiện tại sông Jordan. Jordan có nghĩa là "điều đi xuống," nhưng theo một số nhà chú giải, cũng có nghĩa là điều "chia tách," như một con sông chia và tách đất đai. Trong biểu tượng học của huyền bí học, từ "sông" thường có nghĩa là *sự phân biện*. Chúng ta đã thấy nước tượng trưng cho bản chất cảm xúc, và sự thanh tẩy tại Jordan, qua phép rửa, tiêu biểu cho sự tẩy sạch hoàn toàn mọi cảm xúc, mọi ước muốn và đời sống dục vọng vốn là yếu tố quyết định nơi phần đông con người. Lần điểm đạo thứ nhất tượng trưng cho sự hiến dâng thể xác và đời sống cõi hồng trần cho linh hồn. Lần điểm đạo thứ hai tượng trưng cho sự kiểm soát đã được chứng minh và sự thánh hiến cho thiên tính của bản chất dục vọng, với các phản ứng cảm xúc và "đời sống ước muốn" mạnh mẽ của nó.

A new factor now enters in, the discriminating faculty of the mind. By means of it, the disciple can bring the mental life under control and dedicate it to the life of the kingdom of God, which is consummated at the third initiation. Through the correct use of the mind, the disciple is led to make right choice, and to balance (with wisdom) the endless pairs of opposites.

Giờ đây một yếu tố mới bước vào: năng lực phân biện của trí tuệ. Nhờ nó, đệ tử có thể đưa đời sống trí tuệ vào dưới sự kiểm soát và hiến dâng nó cho đời sống của Thiên Giới, điều được hoàn tất ở lần điểm đạo thứ ba. Qua việc sử dụng trí tuệ đúng đắn, đệ tử được dẫn đến sự chọn lựa đúng, và đến việc quân bình, bằng minh triết, vô số cặp đối cực.

We pass through the Birth initiation somewhat unconsciously. The full significance of what we have undergone does not appear to us; we are "infants in Christ," and as infants we just live and submit to discipline, gradually growing toward maturity. But there comes a time in

Chúng ta trải qua cuộc điểm đạo Sinh Ra một cách phần nào vô thức. Thâm nghĩa đầy đủ của điều chúng ta đã trải qua không hiện rõ đối với chúng ta; chúng ta là "những hài nhi trong Đức Christ," và như những hài nhi, chúng ta chỉ sống và tuân theo kỷ luật, dần dần lớn lên hướng tới sự trưởng thành.

the life of every initiate when choice must be made, and Christ was faced with this. A clear, clean interior break is to be made with the past before we can face towards a future of service, consciously undertaken, and know that from that time on nothing will be the same.

Nhưng trong đời sống của mỗi điểm đạo đồ, sẽ đến một lúc phải chọn lựa, và Đức Christ đã đối diện với điều này. Một sự đoạn tuyệt nội tâm rõ ràng, trong sạch với quá khứ phải được thực hiện trước khi chúng ta có thể hướng mặt về một tương lai phụng sự được đảm nhận một cách có ý thức, và biết rằng từ lúc ấy trở đi không điều gì còn như cũ.

This initiation marked a tremendous change in the life of Jesus of Nazareth. Up to that time, for thirty years, He had simply been the carpenter of the little town, and the son [101] of His parents. He was a personality doing much good in a small sphere. But after the purification in Jordan, having "fulfilled all righteousness," *(St. Matt., III, 15.)* He became the Christ, and went about His country, serving the race and speaking those words which have moulded for centuries our Western civilisation. For each of us there must come the same great expansion, and it occurs when we are fitted to take the second initiation. Our desire-life is then confronted with essential choices which only the mind can enable us properly to handle.

Cuộc điểm đạo này đánh dấu một thay đổi lớn lao trong đời sống của Đức Jesus thành Nazareth. Cho đến lúc ấy, trong ba mươi năm, Ngài chỉ đơn giản là người thợ mộc của thị trấn nhỏ, và là con [101] của cha mẹ Ngài. Ngài là một phàm ngã làm nhiều điều thiện trong một phạm vi nhỏ. Nhưng sau sự thanh tẩy tại Jordan, sau khi đã "làm trọn mọi sự công chính," *(Thánh Ma-thi-ơ, III, 15.)* Ngài trở thành Đức Christ, và đi khắp xứ sở của Ngài, phụng sự nhân loại và nói những lời đã nhào nặn nền văn minh Tây phương của chúng ta trong nhiều thế kỷ. Đối với mỗi người chúng ta, cũng phải đến cùng một sự mở rộng lớn lao như thế, và nó xảy ra khi chúng ta đủ thích hợp để nhận lần điểm đạo thứ hai. Khi ấy đời sống dục vọng của chúng ta đối diện với những chọn lựa thiết yếu mà chỉ trí tuệ mới có thể giúp chúng ta xử lý đúng đắn.

We are told in *Cruden's Concordance* that the name *John* means "which God gave," and in the three names which appear together in this episode—John, Jesus and Christ—the whole story of the consecrated aspirant is summed up: John, symbolising the divine aspect deeply hidden in man, which prompts a man towards the needed purity; Jesus, in this case symbolising the consecrated, pledged disciple or initiate, ready for that process which will be the seal of his purification; Christ, the divine indwelling Son of God, able now to manifest in Jesus, because Jesus has submitted to the

Trong *Cruden's Concordance*, chúng ta được cho biết rằng tên *Gioan* có nghĩa là "điều Thượng đế ban," và trong ba danh xưng xuất hiện cùng nhau trong biến cố này — Gioan, Jesus và Christ — toàn bộ câu chuyện của người chí nguyện đã thánh hiến được tóm lược: Gioan, tượng trưng cho phương diện thiêng liêng ẩn sâu trong con người, thúc đẩy con người hướng tới sự tinh khiết cần thiết; Jesus, trong trường hợp này tượng trưng cho vị đệ tử hay điểm đạo đồ đã thánh hiến, đã cam kết, sẵn sàng cho tiến trình sẽ là ấn chứng cho sự thanh tẩy của mình; Christ, Con của Thượng đế thiêng liêng nội

baptism of John. That submission and completed purification brought its reward.

tại, giờ đây có thể biểu lộ trong Jesus, vì Jesus đã thuận phục phép rửa của Gioan. Sự thuận phục ấy và sự thanh tẩy hoàn tất đã đem lại phần thưởng của nó.

It was at this initiation that God Himself proclaimed His Son to be the One in Whom He was "well pleased." Every initiation is simply a recognition. It is a false idea, current in many schools of the mysteries and of esotericism, that initiation connotes a mysterious ceremony wherein, through the medium of the initiator and the rod of initiation, conditions are definitely changed in the aspirant, so that forever after he is altered and different. An initiation takes place whenever a man becomes, through his own self-effort, an initiate. Then having taken "the kingdom of Heaven by violence," *(St. Matt., XI, 12.)* and having "worked out" his "own salvation through fear and trembling," *(Philippians, II, 12.)* his spiritual status is immediately recognised by his peers, and he is admitted to initiation.

Chính trong cuộc điểm đạo này, Thượng đế Tự Thân tuyên bố Con của Ngài là Đấng mà Ngài "đẹp lòng." Mỗi cuộc điểm đạo chỉ đơn giản là một sự công nhận. Có một ý tưởng sai lầm, phổ biến trong nhiều trường phái huyền nhiệm và huyền bí học, cho rằng điểm đạo hàm ý một nghi lễ huyền bí, trong đó, qua trung gian của Đấng Điểm đạo và Thần Trượng Điểm đạo, các tình trạng trong người chí nguyện được thay đổi một cách rõ rệt, để từ đó về sau y mãi mãi biến đổi và khác đi. Một cuộc điểm đạo diễn ra bất cứ khi nào một con người, qua nỗ lực tự thân, trở thành một điểm đạo đồ. Khi ấy, sau khi đã "dùng sức mạnh mà chiếm lấy Thiên Giới," *(Thánh Ma-thi-ơ, XI, 12.)* và đã "thực hiện" "sự cứu rỗi của chính mình trong sự kính sợ và run rẩy," *(Phi-líp, II, 12.)* địa vị tinh thần của y lập tức được các đồng đạo công nhận, và y được nhận vào điểm đạo.

[102] At initiation two things happen: the initiate discovers his fellow initiates, those with whom he can associate, and he finds out also the mission to which he is called. He becomes aware of his divinity in a new and factual sense, not just as a deeply spiritual hope, an intriguing hypothetical possibility and his heart's desire. He knows himself to be a son of God, therefore recognition is accorded to him. This was strikingly the case with Jesus Christ. His task emerged in its dread implications before His eyes, and this must surely have been the reason why He was driven into the wilderness. The urge to solitude, the search for that quiet where reflection and determination can strengthen each other, was the natural outcome of this recognition. He saw what He had to do—to

[102] Khi điểm đạo, hai điều xảy ra: điểm đạo đồ nhận ra các điểm đạo đồ đồng môn của mình, những người mà y có thể kết giao, và y cũng khám phá sứ mệnh mà mình được kêu gọi đảm nhận. Y trở nên ý thức về thiên tính của mình theo một ý nghĩa mới mẻ và thực sự, chứ không chỉ như một hy vọng tinh thần sâu xa, một khả năng giả định hấp dẫn hay niềm khao khát của trái tim. Y biết mình là một con của Thượng đế, vì vậy sự công nhận được trao cho y. Điều này đã xảy ra nổi bật trong trường hợp Đức Jesus Christ. Nhiệm vụ của Ngài hiện ra trước mắt Ngài với những hàm ý đáng kinh sợ, và chắc chắn đây là lý do Ngài bị thúc đẩy vào hoang mạc. Sự thôi thúc hướng đến cô tịch, việc tìm kiếm sự yên lặng nơi suy tư và quyết tâm có thể củng cố lẫn nhau, là kết quả tự nhiên của

serve, to suffer and to found the kingdom of God. The expansion of consciousness was immediate and deep. Dr. Schweitzer says in this connection:

sự công nhận này. Ngài thấy điều Ngài phải làm — phụng sự, chịu khổ và thiết lập Thiên Giới. Sự mở rộng tâm thức diễn ra tức thời và sâu xa. Tiến sĩ Schweitzer nói về điều này như sau:

"About Jesus' earlier development we know nothing. All lies in the dark. Only this is sure: at his baptism the secret of his existence was disclosed to him—namely, that he was the One whom God had destined to be the Messiah. With this revelation he was complete, and underwent no further development. For now he is assured that, until the near coming of the messianic age which was to reveal his glorious dignity, he was to labour for the Kingdom as the unrecognised and hidden Messiah, and must prove and purify himself together with his friends in the final Affliction."

"Về sự phát triển trước đó của Đức Jesus, chúng ta không biết gì. Tất cả đều nằm trong bóng tối. Chỉ có điều này là chắc chắn: khi Ngài chịu phép rửa, bí mật về sự hiện hữu của Ngài được mặc khải cho Ngài — đó là, Ngài là Đấng mà Thượng đế đã định sẵn làm Đấng Messiah. Với sự mặc khải này, Ngài đã hoàn tất, và không trải qua sự phát triển nào thêm nữa. Vì giờ đây Ngài chắc chắn rằng, cho đến khi thời đại Messiah gần kề đến để mặc khải phẩm giá vinh quang của Ngài, Ngài phải lao tác cho Thiên Giới như Đấng Messiah chưa được nhận biết và còn ẩn kín, và phải chứng minh cùng thanh tẩy chính mình với các bạn hữu của Ngài trong Cuộc Khổ Nạn cuối cùng."

'THE MYSTERY OF THE KINGDOM OF GOD', BY ALBERT SCHWEITZER, P. 354.

'BÍ NHIỆM CỦA THIÊN GIỚI', CỦA ALBERT SCHWEITZER, TR. 354.

To the man Jesus this was probably a staggering disclosure. Dim anticipations of the path which He might have to tread must at times have entered His mind, but the full implications, and the picture of the way which lay ahead of Him could not have dawned upon His consciousness in their fullness until after the second initiation was undergone, when His purification was complete. He then faced the life of service and the difficulties which attend the path of every conscious son of God. The same writer says:

Đối với con người Jesus, điều này có lẽ là một sự mặc khải gây choáng váng. Những linh cảm mờ nhạt về con đường mà Ngài có thể phải bước đi hẳn đôi lúc đã đi vào trí tuệ của Ngài, nhưng những hàm ý đầy đủ, và hình ảnh của con đường nằm phía trước Ngài, không thể đã bừng sáng trọn vẹn trong tâm thức Ngài cho đến sau khi lần điểm đạo thứ hai được trải qua, khi sự thanh tẩy của Ngài đã hoàn tất. Khi ấy Ngài đối diện với đời sống phụng sự và những khó khăn đi kèm con đường của mỗi người con có ý thức của Thượng đế. Cùng tác giả ấy nói:

"In Jesus' messianic consciousness the thought of suffering acquired [103] now, as applied to himself, a mysterious significance. The Messiahship which he

"Trong tâm thức Messiah của Đức Jesus, ý tưởng về đau khổ giờ đây, khi áp dụng cho chính Ngài, đã mang [103] một thâm nghĩa huyền nhiệm. Tính chất Messiah mà Ngài ý

became aware of at his baptism was not a possession, nor a mere object of expectation; but in the eschatological conception, it was implied as a matter of course that through the trial of suffering he must become what God had destined him to be. His messianic consciousness was never without the thought of the Passion. Suffering is the way to the revelation of Messiahship!"

thức được khi chịu phép rửa không phải là một sở hữu, cũng không chỉ là một đối tượng của kỳ vọng; nhưng trong quan niệm cánh chung, điều đó hàm ý như một lẽ tất nhiên rằng qua thử thách đau khổ, Ngài phải trở thành điều Thượng đế đã định sẵn cho Ngài. Tâm thức Messiah của Ngài không bao giờ thiếu ý tưởng về Cuộc Thương Khó. Đau khổ là con đường dẫn đến sự mặc khải của tính chất Messiah!"

'THE MYSTERY OF THE KINGDOM OF GOD', BY ALBERT SCHWEITZER, P. 223.

'BÍ NHIỆM CỦA THIÊN GIỚI', CỦA ALBERT SCHWEITZER, TR. 223.

Christ's entire life was one long *via dolorosa*, but it was illumined always by the light of His soul and by the recognition of the Father. Though, as recorded in the New Testament, it was divided into definite periods and cycles, and though obviously the detail of what He had to do was only progressively revealed to Him, His life constituted one great sacrifice, one great experience and one definite purpose. This definiteness of objective, and this consecration of the whole man to an ideal are conditions indicative of the state of initiation. All life's happenings are related to the carrying forward of the life task. Life takes on true significance. This is a lesson which all of us, uninitiate and aspiring, can now learn. We can begin to say, "Life to me, as I look back on it, is not a succession of experiences but one great experience illumined here and there by moments of revelation." *('A Pilgrim's Quest for the Absolute', by Lord Conway of Allington, p. 8.)*

Toàn bộ đời sống của Đức Christ là một con đường khổ nạn kéo dài, nhưng nó luôn được soi sáng bởi ánh sáng của linh hồn Ngài và bởi sự công nhận của Cha. Dù, như được ghi trong Tân Ước, đời sống ấy được chia thành những thời kỳ và chu kỳ rõ rệt, và dù hiển nhiên chi tiết về điều Ngài phải làm chỉ được mặc khải dần dần cho Ngài, đời sống của Ngài tạo thành một sự hy sinh lớn lao, một kinh nghiệm lớn lao và một mục đích xác định. Sự xác định mục tiêu này, và sự thánh hiến toàn thể con người cho một lý tưởng, là những tình trạng biểu thị trạng thái điểm đạo. Mọi biến cố của đời sống đều liên hệ đến việc thúc đẩy nhiệm vụ đời sống tiến tới. Đời sống mang lấy thâm nghĩa chân thực. Đây là một bài học mà tất cả chúng ta, những người chưa điểm đạo và đang chí nguyện, giờ đây có thể học. Chúng ta có thể bắt đầu nói: "Đối với tôi, khi nhìn lại, đời sống không phải là một chuỗi kinh nghiệm, mà là một kinh nghiệm lớn lao, đây đó được soi sáng bởi những khoảnh khắc mặc khải." *('Cuộc Tìm Kiếm Tuyệt Đối của Một Người Hành Hương', của Lord Conway of Allington, tr. 8.)*

This illumination grows more constant as time goes on. The ancient Hindu teacher, Patanjali, taught that illumination is sevenfold, progressing by successive stages.

Sự soi sáng này ngày càng trở nên liên tục hơn theo thời gian. Vị huấn sư Ấn giáo cổ, Patanjali, dạy rằng sự soi sáng là thất phân, tiến triển qua các giai đoạn kế tiếp. *(Yoga*

(The Yoga Sutras of Patanjali, Book II, 27.) It is as though he were dealing in thought with the seven illuminations which come to all the sons of God who are in process of awakening to their divine opportunities: the illumination which comes when we decide to tread the Path of probation, and to prepare ourselves for initiation. Then the light is shed on the distant vision, and we catch a fleeting glimpse of our goal. Next the light is shed upon ourselves, and we get a vision of what we are, and what we can be, and enter [104] upon the Path of discipleship, or—in the terminology of the Bible—we begin the long journey to Bethlehem. Then there are the five initiations which we are studying, each of which marks an increase of light which shines upon our way and develops that inner radiance which enables all God's children to say, with Christ: "I am the Light of the World," *(St. John, VIII, 12.)* and to obey His command wherein He tells us to "let your light so shine before men that they may see." *(St. Matt., V, 16.)* This light, in its seven stages, reveals God—God in nature, God in Christ, God in man. It is the cause of the mystical vision about which so much has been written and taught and to which the lives of God's saints in both hemispheres have ever testified.

Sutras của Patanjali, Quyển II, 27.) Dường như ông đang tư duy về bảy sự soi sáng đến với tất cả các con của Thượng đế đang trong tiến trình thức tỉnh trước những cơ hội thiêng liêng của mình: sự soi sáng đến khi chúng ta quyết định bước trên Con Đường Dự Bị, và chuẩn bị bản thân cho điểm đạo. Khi ấy ánh sáng được chiếu lên tầm nhìn xa, và chúng ta thoáng bắt được một linh ảnh lướt qua về mục tiêu của mình. Tiếp đó ánh sáng được chiếu lên chính chúng ta, và chúng ta có được tầm nhìn về điều mình là, và điều mình có thể trở thành, rồi bước [104] vào Con Đường Đệ Tử, hay — theo thuật ngữ của Kinh Thánh — chúng ta bắt đầu hành trình dài đến Bethlehem. Rồi có năm cuộc điểm đạo mà chúng ta đang nghiên cứu, mỗi cuộc đánh dấu một sự gia tăng của ánh sáng chiếu trên đường đi của chúng ta và phát triển vẻ rạng rỡ nội tâm khiến mọi người con của Thượng đế có thể nói cùng Đức Christ: "Ta là Ánh Sáng của Thế Gian," *(Thánh Gioan, VIII, 12.)* và vâng theo mệnh lệnh của Ngài khi Ngài bảo chúng ta "hãy để ánh sáng của các ngươi chiếu sáng trước mặt người ta để họ có thể thấy." *(Thánh Ma-thi-ơ, V, 16.)* Ánh sáng này, trong bảy giai đoạn của nó, mặc khải Thượng đế — Thượng đế trong thiên nhiên, Thượng đế trong Đức Christ, Thượng đế trong con người. Nó là nguyên nhân của linh ảnh thần bí mà về đó người ta đã viết và giảng dạy rất nhiều, và điều mà đời sống của các thánh nhân của Thượng đế ở cả hai bán cầu luôn làm chứng.

One wonders about the first man who received the first faint glimpse (with his dim inner light) of the infinite possibility lying ahead. He caught a glimpse of God, and from that minute the light from God waxed more and more intense. There is an ancient legend (and who shall say that it is not based on fact?) that Jesus of Nazareth was the very first of our humanity, in a dim and far distant past, to catch this glimpse, and that

Người ta tự hỏi về con người đầu tiên đã nhận được thoáng nhìn mờ nhạt đầu tiên — bằng ánh sáng nội tâm còn lờ mờ của mình — về khả năng vô hạn đang nằm phía trước. Y đã thoáng thấy Thượng đế, và từ phút ấy ánh sáng từ Thượng đế ngày càng trở nên mãnh liệt hơn. Có một truyền thuyết cổ — và ai có thể nói rằng nó không dựa trên sự kiện? — rằng Đức Jesus thành Nazareth chính là người đầu tiên của nhân loại chúng ta, trong

He was, through the consistency of His constantly directed effort, the first of our humanity to emerge into the very Light of God Himself. St Paul perhaps touched this truth when he spoke of Christ as the "Eldest in a vast family of brothers." *(Romans, VIII, 29, Weymouth's Translation.)* Whether this legend is true or not, Christ entered into light because He was light; and the history of man has been a gradually growing illumination, until today radiance is everywhere to be found.

một quá khứ mờ xa, bắt được thoáng nhìn này, và rằng Ngài, nhờ sự nhất quán trong nỗ lực luôn được hướng dẫn của mình, là người đầu tiên của nhân loại chúng ta vươn ra vào chính Ánh Sáng của Thượng đế Tự Thân. Có lẽ Thánh Phao-lô đã chạm đến chân lý này khi ông nói về Đức Christ như "Người Trưởng Tử trong một gia đình đông đảo các huynh đệ." *(Rô-ma, VIII, 29, bản dịch của Weymouth.)* Dù truyền thuyết này có đúng hay không, Đức Christ đã bước vào ánh sáng vì Ngài là ánh sáng; và lịch sử con người là một sự soi sáng tăng trưởng dần dần, cho đến ngày nay ánh rạng rỡ có thể được tìm thấy khắp nơi.

In this light, inherent and divine, latent and yet emanating from God, Christ saw the vision, and that vision demonstrated to Him His Sonship, His Messiahship and the path of His suffering. This vision is the heritage and the revelation of each individual disciple. This mystical revelation can be perceived, and once perceived, remains a fact— inexplicable often, but a definitely clear and inescapable reality. It gives [105] the initiate the confidence and the power to go forward. It is affective in our experience and is the root of all our future consistency and service; it is also unassailable. Upon this basis we move with courage from the known towards the unknown. It is finally ineffable, for it emphasises our divinity, is founded upon divine quality, and emanates from God. It is a glimpse into the kingdom of God, and a revelation of the path to be trodden on our way there. It is an expansion which enables us to realise that "the Kingdom of God is a state of the soul, coming from the spirit and reflected in the body." *('The Religion of Love', by the Grand Duke Alexander of Russia.)*

Trong ánh sáng này, vốn nội tại và thiêng liêng, tiềm tàng nhưng vẫn phát xuất từ Thượng đế, Đức Christ đã thấy tầm nhìn, và tầm nhìn ấy đã chứng minh cho Ngài Quyền Làm Con của Ngài, Tính chất Messiah của Ngài và con đường đau khổ của Ngài. Tầm nhìn này là di sản và sự mặc khải của mỗi đệ tử cá biệt. Sự mặc khải thần bí này có thể được nhận biết, và một khi đã được nhận biết, nó vẫn là một sự kiện — thường không thể giải thích, nhưng là một thực tại rõ ràng và không thể tránh né. Nó ban cho [105] điểm đạo đồ niềm tin và quyền năng để tiến tới. Nó có tác động trong kinh nghiệm của chúng ta và là gốc rễ của mọi sự kiên định và phụng sự tương lai của chúng ta; nó cũng không thể bị công kích. Trên nền tảng này, chúng ta tiến bước với lòng can đảm từ điều đã biết hướng tới điều chưa biết. Sau cùng, nó không thể diễn tả bằng lời, vì nó nhấn mạnh thiên tính của chúng ta, được đặt nền trên phẩm tính thiêng liêng, và phát xuất từ Thượng đế. Nó là một thoáng nhìn vào Thiên Giới, và là một sự mặc khải về con đường phải bước đi trên đường chúng ta đến đó. Nó là một sự mở rộng khiến chúng ta có thể chứng nghiệm rằng "Thiên Giới là một trạng thái của linh hồn, đến từ tinh thần và được phản chiếu trong thể xác." *('Tôn Giáo*

của Tình Thương', của Đại Công tước Alexander xứ Nga.)

The first step into this kingdom is through the new Birth. The second step is through the baptism of Purification. It is a process of growth in the characteristics of the kingdom, and the gradual attainment of that maturity which marks the citizen of that kingdom. To this, Christ testified through the baptism when He attained maturity, setting us an example, and through His triumphant passing of the tests of the three temptations He demonstrated the needed purity.

Bước đầu tiên vào giới này là qua sự Sinh Ra mới. Bước thứ hai là qua phép rửa Thanh Tẩy. Đó là một tiến trình tăng trưởng trong các đặc tính của giới ấy, và là sự đạt đến dần dần sự trưởng thành vốn đánh dấu công dân của giới ấy. Đức Christ đã làm chứng cho điều này qua phép rửa khi Ngài đạt đến sự trưởng thành, nêu gương cho chúng ta, và qua việc vượt qua một cách chiến thắng các thử thách của ba cám dỗ, Ngài biểu lộ sự tinh khiết cần thiết.

The babe in Christ, the little child, the full-grown man, the perfected man! Through the Bethlehem experience the babe is born. The little child grows to maturity and manifests in his purity and power at the Baptism. He demonstrates at the Transfiguration as the full-grown man, and, on the Cross, he stands forth the perfected Son of God. An initiation is that moment in which a man feels and knows through every part of his being that life is reality and reality is life. For a brief moment his consciousness becomes all-enfolding; he not only sees the vision and hears the word of recognition, but knows that the vision is of himself, and that the word is himself made flesh.

Hài nhi trong Đức Christ, đứa trẻ nhỏ, con người trưởng thành, con người hoàn thiện! Qua kinh nghiệm Bethlehem, hài nhi được sinh ra. Đứa trẻ nhỏ lớn lên đến trưởng thành và biểu lộ trong sự tinh khiết cùng quyền năng của mình tại Phép Rửa. Ngài biểu lộ tại Biến hình như con người trưởng thành, và trên Thập Giá, Ngài hiện ra như Con của Thượng đế đã hoàn thiện. Một cuộc điểm đạo là khoảnh khắc trong đó con người cảm nhận và biết qua mọi phần của hữu thể mình rằng sự sống là thực tại và thực tại là sự sống. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, tâm thức của y trở nên bao trùm tất cả; y không chỉ thấy tầm nhìn và nghe linh từ công nhận, mà còn biết rằng tầm nhìn là về chính mình, và linh từ là chính mình đã trở thành xác thịt.

This is the essential factor. An initiation is a blaze of illumination thrown upon the river of existence, and it is in the nature of a whole experience. There is no indefiniteness in it, and the initiate is never quite the same again in his consciousness.

Đây là yếu tố cốt yếu. Một cuộc điểm đạo là một bùng sáng soi rọi lên dòng sông hiện hữu, và nó mang bản chất của một kinh nghiệm toàn vẹn. Trong đó không có sự mơ hồ, và điểm đạo đồ không bao giờ còn hoàn toàn như trước trong tâm thức của mình.

[106] In the river Jordan the light from Heaven streamed upon the Christ, and His

[106] Trong sông Jordan, ánh sáng từ Trời tuôn xuống trên Đức Christ, và Cha của Ngài

Father spoke those words which have sounded down the ages and have evoked response from all aspirants to the kingdom. The spirit of God descended as a dove upon him. The dove is ever a symbol of *peace*. For two reasons it was the chosen sign at this initiation. Water, as we have seen, is the symbol of the emotional nature, which nature when purified through initiation, becomes a peaceful limpid pool, capable of reflecting the divine Nature in its purity. Thus, in the form of a dove, the peace of God descended upon Jesus.

phán những lời đã vang vọng qua các thời đại và đã gợi lên đáp ứng từ mọi người chí nguyện hướng đến Thiên Giới. Tinh thần của Thượng đế giáng xuống như chim bồ câu trên Ngài. Chim bồ câu luôn là biểu tượng của *hòa bình*. Vì hai lý do, nó là dấu hiệu được chọn trong cuộc điểm đạo này. Như chúng ta đã thấy, nước là biểu tượng của bản chất cảm xúc; bản chất ấy, khi được thanh tẩy qua điểm đạo, trở thành một hồ nước trong lặng, an bình, có khả năng phản chiếu Bản Chất thiêng liêng trong sự tinh khiết của nó. Như vậy, dưới hình chim bồ câu, sự bình an của Thượng đế giáng xuống trên Đức Jesus.

Secondly, the essential dualities of existence are typified for us in the Bible. *The Old Testament* stands for the natural lower man, the virgin Mary aspect, carrying within itself the promise of the Messiah, of Him Who shall come. *The New Testament* stands for the spiritual man, for God made flesh, and for the birth of that which the material nature carried and veiled for so long. *The Old Testament* opens with the appearance of the raven at the time of the founding of the ancient world, as we can begin to know it. *The New Testament* opens with the appearance of a dove—one the symbol of the raging waters, the other the symbol of the waters of peace. Through Christ and the unfoldment of the Christ life in each human being will come "the peace which passeth understanding." *(Philippians, IV, 7.)*

Thứ hai, các nhị nguyên thiết yếu của hiện tồn được tiêu biểu cho chúng ta trong Kinh Thánh. *Cựu Ước* tượng trưng cho phàm nhân tự nhiên thấp, phương diện Đức Mẹ Mary đồng trinh, mang trong chính nó lời hứa về Đấng Messiah, về Đấng sẽ đến. *Tân Ước* tượng trưng cho con người tinh thần, cho Thượng đế trở thành xác thịt, và cho sự khai sinh của điều mà bản chất vật chất đã mang và che phủ quá lâu. *Cựu Ước* mở đầu bằng sự xuất hiện của con quạ vào thời điểm thiết lập thế giới cổ xưa, như chúng ta có thể bắt đầu biết nó. *Tân Ước* mở đầu bằng sự xuất hiện của chim bồ câu — một bên là biểu tượng của những dòng nước cuồng nộ, bên kia là biểu tượng của những dòng nước bình an. Qua Đức Christ và sự khai mở của đời sống Đức Christ trong mỗi con người sẽ đến "sự bình an vượt quá mọi sự thấu hiểu." *(Philíp, IV, 7.)*

Standing there in the waters of Jordan, Christ faced the world as Man. Standing upon the top of the Mount of Transfiguration, He faced the World as God. But in this initiation, He stood on a level with His brethren and demonstrated purity and peace. Let us remember that "from the

Đứng đó trong dòng nước Jordan, Đức Christ đối diện với thế giới như Con Người. Đứng trên đỉnh Núi Biến Hình, Ngài đối diện với Thế Giới như Thượng đế. Nhưng trong cuộc điểm đạo này, Ngài đứng ngang hàng với các huynh đệ của Ngài và biểu lộ sự tinh khiết cùng bình an. Chúng ta hãy nhớ rằng "theo

point of view of others only that man is original who can lead them beyond what they already know, but this he cannot do until he has become their equal in their knowledge." *('The Recovery of Truth', by Hermann Keyserling, p. 216.)* This is a point to be remembered. Christ was purified. But ahead of Him lay the temptations. He had [107] to become in His consciousness (either anew or through the recovery of an ancient past of test and trial) our equal in all points —of sin, of weakness and of human frailty, and of human success and achievement. Christ had to demonstrate His moral greatness as well as His divinity and His perfection as man attaining maturity. He had to pass through the tests to which every would-be citizen of the kingdom must be subjected when called upon to prove his fitness for the privileges of that kingdom. Of this kingdom the church is the outer and visible symbol, and though faulty and weak in the interpretation of its essential teachings, it symbolises the form of the kingdom of God. But this is not the kingdom of the theologians. It is not entered through the acceptance of certain formal beliefs. It is entered by those who have passed through the new birth, and gone down to Jordan.

quan điểm của người khác, chỉ người nào có thể dẫn họ vượt khỏi điều họ đã biết mới là người độc đáo, nhưng y không thể làm điều này cho đến khi y đã trở thành ngang hàng với họ trong tri thức của họ." *('Sự Phục Hồi Chân Lý', của Hermann Keyserling, tr. 216.)* Đây là một điểm cần được ghi nhớ. Đức Christ đã được thanh tẩy. Nhưng phía trước Ngài là những cám dỗ. Ngài phải [107] trở nên, trong tâm thức của Ngài — hoặc một lần nữa, hoặc qua sự phục hồi một quá khứ cổ xưa của thử thách và khảo nghiệm — ngang hàng với chúng ta về mọi mặt: về tội lỗi, về yếu đuối và sự mong manh của con người, cũng như về thành công và thành tựu của con người. Đức Christ phải biểu lộ sự vĩ đại đạo đức của Ngài cũng như thiên tính của Ngài và sự hoàn thiện của Ngài như con người đạt đến trưởng thành. Ngài phải đi qua các thử thách mà mọi công dân tương lai của Thiên Giới phải chịu khi được kêu gọi chứng minh sự thích hợp của mình đối với các đặc quyền của giới ấy. Giáo hội là biểu tượng bên ngoài và hữu hình của giới này, và dù còn khiếm khuyết, yếu kém trong việc diễn giải các giáo huấn thiết yếu của mình, nó tượng trưng cho hình tướng của Thiên Giới. Nhưng đây không phải là Thiên Giới của các nhà thần học. Người ta không bước vào đó qua việc chấp nhận một số tín điều hình thức. Những ai đã đi qua sự sinh ra mới và đi xuống Jordan thì bước vào đó.

The citizenship of this kingdom was on trial in the Person of Christ, and so He goes down into the wilderness, there to be tempted of the devil.

Quyền công dân của giới này được thử nghiệm nơi Ngôi Vị của Đức Christ, và vì thế Ngài đi xuống hoang mạc, nơi đó để bị ma quỷ cám dỗ.

3

3

In this intimate episode in the life of Jesus Christ we are given perhaps the first real insight into the processes of His innermost

Trong biến cố thân mật này trong đời sống của Đức Jesus Christ, có lẽ chúng ta được trao cho cái nhìn thực sự đầu tiên vào các tiến trình của trí tuệ sâu kín nhất của Ngài.

mind. The following words open the story and are significant:

Những lời sau đây mở đầu câu chuyện và đầy thâm nghĩa:

"And lo a voice from heaven, saying, This is my beloved Son, in whom I am well pleased. Then was Jesus led up of the spirit into the wilderness to be tempted of the devil."

"Và kìa, có tiếng từ trời phán rằng: Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng. Bấy giờ Đức Jesus được tinh thần dẫn vào hoang mạc để bị ma quỷ cám dỗ."

ST. MATT, III, 17, IV, 1.

Thánh Ma-thi-ơ, III, 17, IV, 1.

This story of the temptation in the wilderness is most controversial. Many questions have been propounded and much agony of soul has been experienced by the serious believer who endeavours to reconcile common sense, Christ's divinity, and the devil. Was it possible that Christ could in reality [108] be tempted, and if so, could He have fallen into sin? Did He meet these temptations as the omnipotent Son of God, or did He meet them as a man and therefore subject to temptation? What is meant by the devil? And what was the relation of Christ to evil? Had this wilderness story never been told to us, what would have been our attitude to Christ? What really took place in the consciousness of Christ while in the wilderness? For what purpose are we permitted to share with Him this experience?

Câu chuyện về sự cám dỗ trong hoang mạc gây nhiều tranh luận nhất. Nhiều câu hỏi đã được đặt ra và nhiều nỗi thống khổ của linh hồn đã được trải nghiệm bởi người tín hữu nghiêm túc cố gắng dung hòa lẽ thường, thiên tính của Đức Christ, và ma quỷ. Liệu Đức Christ thật sự [108] có thể bị cám dỗ không, và nếu có, liệu Ngài có thể sa vào tội lỗi không? Ngài đã gặp những cám dỗ này với tư cách Con Toàn Năng của Thượng đế, hay Ngài đã gặp chúng như một con người và do đó chịu sự cám dỗ? Ma quỷ có nghĩa là gì? Và mối liên hệ của Đức Christ với điều ác là gì? Nếu câu chuyện hoang mạc này chưa bao giờ được kể cho chúng ta, thái độ của chúng ta đối với Đức Christ sẽ ra sao? Điều gì thật sự đã diễn ra trong tâm thức của Đức Christ khi ở trong hoang mạc? Vì mục đích gì mà chúng ta được phép chia sẻ kinh nghiệm này với Ngài?

Many such questions arise in the mind of the intelligent man, and many have been the commentaries written to prove the particular point of each writer. It is not the purpose of this book to deal with the difficult subject of evil, nor to define the times when Christ was functioning as a man, and when He was functioning as the Son of God. Some believe that He was simultaneously both, and was "very God of very God" *(Athanasian Creed)* and yet essentially and utterly human at the same time. People make these statements, but

Nhiều câu hỏi như thế nảy sinh trong trí tuệ của người thông minh, và đã có nhiều lời bình giải được viết ra để chứng minh quan điểm riêng của mỗi tác giả. Mục đích của sách này không phải là bàn đến chủ đề khó khăn về điều ác, cũng không phải định nghĩa những thời điểm khi Đức Christ hoạt động như một con người và khi Ngài hoạt động như Con của Thượng đế. Một số người tin rằng Ngài đồng thời là cả hai, vừa là "Thượng đế thật bởi Thượng đế thật" *(Tín điều Athanasius)* vừa đồng thời, về bản chất và trọn vẹn, là con người. Người ta đưa ra

they are apt to forget the implications. They affirm with decision their point of view, and omit to carry their attitude to a logical conclusion. The inference is that we are allowed to know about the temptation in order to teach us, as human beings, a needed lesson; let us therefore study the story from the angle of Christ's humanity, never forgetting that He had learned obedience to the divine spirit, the soul in man, and was in control of His body of manifestation.

những phát biểu này, nhưng họ thường quên các hàm ý. Họ khẳng định dứt khoát quan điểm của mình, nhưng lại không đưa thái độ của mình đến kết luận hợp lý. Hàm ý là chúng ta được phép biết về sự cám dỗ để dạy cho chúng ta, với tư cách con người, một bài học cần thiết; do đó, chúng ta hãy nghiên cứu câu chuyện từ góc độ nhân tính của Đức Christ, nhưng không bao giờ quên rằng Ngài đã học sự vâng phục đối với tinh thần thiêng liêng, linh hồn trong con người, và đang kiểm soát thân thể biểu lộ của Ngài.

He was "in all points tempted like as we are, yet without sin;" *(Hebrews, IV, 15.)* He came in a human body, and was subject to human conditions as also we are; He suffered and agonised; He felt irritation, and was conditioned by His body, His environment and the period, as we all are. But because He had learnt to master Himself, and because the wheel of life had done its work with Him, He could face this experience and meet evil face to face, and triumph. He taught us thereby how to meet temptation; what to expect, as disciples preparing [109] for initiation, and the method whereby evil can be turned into good. He met temptation with no great new technique or revelation. He simply fell back on what He knew, what He had been taught and told. He met temptation each time with "It is written," *(St. Matt., IV, 4, 7, 10.)* and employed no new powers to combat the devil. He simply utilised the knowledge which He had. He used no divine powers to overcome the Evil One. He simply used those which we all possess—acquired knowledge and the age-old rules. He conquered because He had taught Himself to overcome. He was the master of conditions at that time because He had learnt to master Himself.

Ngài đã "chịu cám dỗ trong mọi điểm cũng như chúng ta, song không phạm tội;" *(Hê-bơ-rơ, IV, 15.)* Ngài đến trong một thân thể con người, và chịu các điều kiện của con người cũng như chúng ta; Ngài chịu đau khổ và thống khổ; Ngài cảm thấy bực bội, và chịu tác động của thân thể Ngài, môi trường của Ngài và thời đại của Ngài, như tất cả chúng ta. Nhưng vì Ngài đã học làm chủ chính mình, và vì bánh xe đời sống đã hoàn thành công việc của nó với Ngài, Ngài có thể đối diện với kinh nghiệm này, gặp điều ác mặt đối mặt, và chiến thắng. Nhờ đó Ngài dạy chúng ta cách đối diện với cám dỗ; điều gì phải mong đợi, với tư cách các đệ tử đang chuẩn bị [109] cho điểm đạo, và phương pháp nhờ đó điều ác có thể được chuyển thành điều thiện. Ngài đối diện cám dỗ không bằng một kỹ thuật mới lớn lao hay một sự mặc khải mới. Ngài chỉ đơn giản dựa vào điều Ngài biết, điều Ngài đã được dạy và được bảo. Mỗi lần gặp cám dỗ, Ngài đáp bằng "Có lời chép rằng," *(Thánh Ma-thi-ơ, IV, 4, 7, 10.)* và không vận dụng quyền năng mới nào để chống lại ma quỷ. Ngài chỉ sử dụng tri thức mà Ngài có. Ngài không dùng quyền năng thiêng liêng nào để vượt thắng Kẻ Ác. Ngài chỉ sử dụng những gì tất cả chúng ta đều sở hữu — tri thức đã thu nhận và các quy luật cổ xưa. Ngài chiến thắng vì Ngài đã tự dạy mình vượt thắng. Vào lúc ấy, Ngài là

chủ nhân của các điều kiện vì Ngài đã học làm chủ chính mình.

Such a mastery by the soul may indeed be utterly beyond our immediate attaining, but the command of Christ stands for all time: "Be ye therefore perfect;" *(St. Matt., V, 48.)* and some day we too shall meet the temptations in the wilderness and also come forth as He, unsullied and undefeated. Such experience is inevitable for all, and cannot eventually be escaped. Christ did not escape it, and neither shall we. "It is the possibility of being tempted," says Dr. Selbie, "which shows the real greatness of human nature. Apart from it we should be merely unmoral creatures.... It is with the capacity to choose between ends, and the actions leading to them, that the possibility of sin emerges." *('Psychology of Religions', by Dr. Selbie, p.228.)* This calls for more than superficial consideration. Humanity itself is at stake, in the wilderness story. The whole world of material things, of desire and of ambition, was arrayed before Christ, and because He reacted as He did, and because none of these aspects of life could affect Him, we too can stand free, assured of our own ultimate victory. Christ as man achieved victory. We too can do the same.

Một sự làm chủ như thế của linh hồn quả thật có thể hoàn toàn vượt ngoài tầm đạt được trước mắt của chúng ta, nhưng mệnh lệnh của Đức Christ vẫn đứng vững cho mọi thời đại: "Vậy các ngươi hãy nên hoàn thiện;" *(Thánh Matthêu, V, 48.)* và một ngày kia, chúng ta cũng sẽ gặp những cám dỗ trong hoang địa, và cũng sẽ bước ra như Ngài, không tì vết và không bị đánh bại. Kinh nghiệm như thế là điều tất yếu cho tất cả, và cuối cùng không thể tránh khỏi. Đức Christ đã không tránh né nó, và chúng ta cũng sẽ không tránh được. "Chính khả năng bị cám dỗ," Tiến sĩ Selbie nói, "cho thấy sự vĩ đại đích thực của bản chất con người. Tách khỏi điều đó, chúng ta chỉ là những sinh vật phi luân lý.... Chính với khả năng chọn lựa giữa các mục đích, và các hành động dẫn đến chúng, mà khả năng phạm tội xuất hiện." *('Tâm Lý Học Tôn Giáo', của Tiến sĩ Selbie, tr.228.)* Điều này đòi hỏi sự xem xét sâu xa hơn là hời hợt. Chính nhân loại đang bị đặt vào thế nguy trong câu chuyện hoang địa. Toàn bộ thế giới của những sự vật vật chất, của dục vọng và tham vọng, đã được bày ra trước Đức Christ, và bởi vì Ngài đã phản ứng như Ngài đã làm, và bởi vì không một phương diện nào của đời sống ấy có thể tác động đến Ngài, nên chúng ta cũng có thể đứng tự do, chắc chắn về chiến thắng tối hậu của chính mình. Đức Christ, với tư cách là con người, đã đạt được chiến thắng. Chúng ta cũng có thể làm như vậy.

To this triumph of the soul over matter and of reality over the unreal, Christ gave testimony in the wilderness experience, and it is towards the same goal that all who follow in His steps are moving. The triumph which was His will [110] be ours when we meet the problem in the spirit in which He

Đối với chiến thắng này của linh hồn trên vật chất và của thực tại trên điều phi thực, Đức Christ đã làm chứng trong kinh nghiệm hoang địa, và tất cả những ai bước theo dấu chân Ngài đều đang tiến về cùng mục tiêu ấy. Chiến thắng vốn là của Ngài sẽ [110] là của chúng ta khi chúng ta gặp vấn đề trong

met it, turning the light of the soul upon it, and resting back upon past experience.

tinh thần mà Ngài đã gặp nó, hướng ánh sáng của linh hồn chiếu lên nó, và tựa vào kinh nghiệm quá khứ.

In the Baptism initiation, Christ's purity and freedom from evil had been demonstrated before men. Now they have to undergo a different test. From the crowd and from the experience He went to the solitary place and for forty days and nights He was alone with Himself, standing between God and the Evil One. Through what agency could this evil force reach Him? Through the agency of His own human nature, through the medium of loneliness, of hunger and of His own visions. Christ was thrown back upon Himself, and there, in the silence of the desert, alone with His thoughts and desires, He was tested throughout all the parts of His nature which might be vulnerable. "As He is, so are we in this world," *(I St. John, IV, 17).* vulnerable in all points. The difficulty with most of us is that we are vulnerable in so many petty ways, and in every trifling situation we are apt to fall. The crux of the situation, as far as Christ was concerned, was that these three temptations were climaxing tests, in which the three aspects of the lower nature were involved. They were synthetic temptations. In them was no petty, trifling, silly tempting, but the gathering up of the forces of the threefold lower man—physical, emotional and mental—into one last effort to control the Son of God. Evil is thus constituted, and we shall all some day have to face this testing—this triple evil, this devil, such as Christ faced. Three times He was tempted, and three times He resisted, and only after this capacity to react to form and to material benefit had been finally put aside was it possible for Christ to pass on to His world service and the Mount of Transfiguration. One of the finest thinkers in the field of Christian interpretation today tells us that "all they who are destined for

Trong cuộc điểm đạo Rửa Tội, sự thanh khiết của Đức Christ và sự tự do của Ngài khỏi điều ác đã được chứng minh trước loài người. Giờ đây chúng phải trải qua một thử thách khác. Từ đám đông và từ kinh nghiệm ấy, Ngài đi vào nơi cô tịch, và trong bốn mươi ngày đêm Ngài ở một mình với chính Ngài, đứng giữa Thượng đế và Kẻ Ác. Mãnh lực ác ấy có thể đến với Ngài qua tác nhân nào? Qua tác nhân của chính bản chất con người nơi Ngài, qua trung gian của sự cô độc, của cơn đói và của chính các linh ảnh của Ngài. Đức Christ buộc phải tự nương tựa vào chính mình, và tại đó, trong sự im lặng của sa mạc, một mình với các tư tưởng và dục vọng của Ngài, Ngài đã bị thử thách trong mọi phần của bản chất Ngài có thể bị tổn thương. "Ngài thể nào, thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này," *(I Thánh Gioan, IV, 17).* có thể bị tổn thương ở mọi điểm. Khó khăn đối với hầu hết chúng ta là chúng ta có thể bị tổn thương theo quá nhiều cách nhỏ nhặt, và trong mọi tình huống vụn vặt chúng ta dễ sa ngã. Mấu chốt của tình huống, xét về Đức Christ, là ba cám dỗ này là những thử thách cao điểm, trong đó ba phương diện của bản chất thấp đều liên hệ. Chúng là những cám dỗ tổng hợp. Trong chúng không có sự cám dỗ nhỏ nhặt, vụn vặt, ngớ ngẩn, mà là sự tập hợp các mãnh lực của phàm nhân tam phân—hồng trần, cảm xúc và trí tuệ—vào một nỗ lực cuối cùng nhằm kiểm soát Con của Thượng đế. Điều ác được cấu thành như thế, và một ngày kia tất cả chúng ta sẽ phải đối diện với cuộc thử thách này—điều ác tam phân này, ma quỷ này, như Đức Christ đã đối diện. Ba lần Ngài bị cám dỗ, và ba lần Ngài chống lại, và chỉ sau khi khả năng phản ứng với hình tướng và lợi ích vật chất này cuối cùng đã được đặt sang một bên, Đức Christ mới có thể tiến tới sự phụng sự thế gian của Ngài và

the Kingdom must win forgiveness for the guilt contracted in the earthly aeon by encountering steadfastly the world-power as it collects itself for a last attack. For through this guilt they were still subject to the power [111] of ungodliness. This guilt constitutes a counterweight which holds back the coming of the Kingdom." *('The Mystery of the Kingdom of God', by Albert Schweitzer, p. 235.)*

Núi Biến Hình. Một trong những nhà tư tưởng xuất sắc nhất trong lĩnh vực diễn giải Kitô giáo ngày nay nói với chúng ta rằng "tất cả những ai được định sẵn cho Thiên Giới phải giành được sự tha thứ cho tội lỗi đã mắc trong kỷ nguyên trần thế bằng cách kiên định đối diện với quyền lực thế gian khi nó tự tập hợp lại cho cuộc tấn công cuối cùng. Vì qua tội lỗi này họ vẫn còn lệ thuộc vào quyền năng [111] của sự vô đạo. Tội lỗi này tạo thành một đối trọng kìm giữ sự xuất hiện của Thiên Giới." *('Mầu Nhiệm của Thiên Giới', của Albert Schweitzer, tr. 235.)*

Christ faced this last attack and emerged victorious, thus guaranteeing to us our ultimate victory.

Đức Christ đã đối diện với cuộc tấn công cuối cùng này và bước ra chiến thắng, nhờ đó bảo đảm cho chúng ta chiến thắng tối hậu của mình.

The devil approached Jesus when the forty days of solitary communion were over. We are not told what Christ did in those forty days. No account is given to us of His thought and determinations. His realisation and consecration at that time. Alone, He faced the future, and at the end, encountered the tests which released Him from the power of His human nature.

Ma quỷ đến gần Đức Jesus khi bốn mươi ngày hiệp thông cô tịch đã chấm dứt. Chúng ta không được cho biết Đức Christ đã làm gì trong bốn mươi ngày ấy. Không có bản tường thuật nào được trao cho chúng ta về tư tưởng và các quyết định của Ngài. Sự chứng nghiệm và sự thánh hiến của Ngài vào lúc ấy. Một mình, Ngài đối diện với tương lai, và sau cùng, gặp những thử thách đã giải phóng Ngài khỏi quyền lực của bản chất con người nơi Ngài.

As we study the life of Jesus this solitariness emerges ever more clearly The great souls are always lonely souls. They tread uncompanioned the most difficult parts of the long way of return. Christ was ever lonely. His spirit drove Him again and again into isolation. "The great religious conceptions which haunt the imaginations of civilized mankind are scenes of solitariness: Prometheus chained to his rock, Mahomet brooding in the desert, the meditations of the Buddha, the solitary Man on the Cross. It belongs to the depth of the

Khi chúng ta nghiên cứu đời sống của Đức Jesus, sự cô tịch này hiện ra ngày càng rõ ràng hơn. Những linh hồn vĩ đại luôn là những linh hồn cô độc. Các Ngài bước đi không bạn đồng hành qua những phần khó khăn nhất của con đường trở về dài lâu. Đức Christ luôn cô độc. Tinh thần của Ngài hết lần này đến lần khác thúc đẩy Ngài vào sự cô lập. "Những quan niệm tôn giáo vĩ đại ám ảnh sự tưởng tượng của nhân loại văn minh là những cảnh tượng cô tịch: Prometheus bị xiềng vào tảng đá của mình, Mahomet trầm tư trong sa mạc, những cuộc tham thiền của

religious spirit to have felt forsaken, even by God." *('Religion in the Making', by A. N. Whitehead, p. 9.)*

Đức Phật, Con Người cô độc trên Thập Giá. Thuộc về chiều sâu của tinh thần tôn giáo là việc đã cảm thấy bị bỏ rơi, ngay cả bởi Thượng đế." *('Tôn Giáo Đang Hình Thành', của A. N. Whitehead, tr. 9.)*

Christ's life alternated between the crowd whom He loved and the silence of the solitary places. First He is to be found in the daily life of the family experience, where the intimacies of personalities can so sadly imprison the soul; thence He passed into the solitary desert and was alone. He returned, and His public life began, until the publicity and noise and clamour of this were succeeded by the deep and interior silence of the Cross, where, forsaken of all, He went through the deep dark night of the soul—utterly alone. Yet it is in these moments of complete silence, when the soul is thrown back upon itself and there is no one to help, no hand to aid and no voice to strengthen, that those revelations come and that clear insight is developed which enable a Saviour to emerge for the helping of the world.

Đời sống của Đức Christ luân phiên giữa đám đông mà Ngài yêu thương và sự im lặng của những nơi cô tịch. Trước hết, người ta thấy Ngài trong đời sống hằng ngày của kinh nghiệm gia đình, nơi những thân mật của các phàm ngã có thể giam hãm linh hồn một cách đáng buồn; từ đó Ngài đi vào sa mạc cô tịch và ở một mình. Ngài trở về, và đời sống công khai của Ngài bắt đầu, cho đến khi sự công khai, tiếng ồn và huyên náo của nó được nối tiếp bằng sự im lặng sâu thẳm và nội tâm của Thập Giá, nơi đó, bị tất cả bỏ rơi, Ngài đi qua đêm tối của linh hồn sâu thẳm—hoàn toàn một mình. Tuy nhiên, chính trong những khoảnh khắc im lặng hoàn toàn ấy, khi linh hồn buộc phải tự nương tựa vào chính mình và không có ai giúp đỡ, không có bàn tay nào trợ giúp và không có tiếng nói nào củng cố, mà những mặc khải ấy đến và tuệ giác sáng rõ ấy được phát triển, nhờ đó một Đấng Cứu Thế có thể xuất hiện để trợ giúp thế gian.

[112] Christ was tempted of the devil. Is it necessary in a book such as this to give an interpretation of the devil? Is it not apparent that there are in the world today two dominant concepts, both of them passing out as factors in the consciousness of the young, and therefore determining their later beliefs—the devil and Saint Nicholas, or Father Christmas? These names embody opposing ideas. Each of them symbolises one of the two major problems with which man has, in his daily life, to deal. These are called by Oriental philosophers the "pairs of opposites," and surely it is the manner in which man handles these two aspects of life,

[112] Đức Christ bị ma quỷ cám dỗ. Trong một cuốn sách như thế này, có cần thiết phải đưa ra một diễn giải về ma quỷ không? Chẳng phải hiển nhiên rằng trong thế giới ngày nay có hai quan niệm chủ đạo, cả hai đang mất dần vai trò như những yếu tố trong tâm thức của người trẻ, và do đó đang định đoạt những niềm tin về sau của họ—ma quỷ và Thánh Nicholas, hay Ông già Noel? Những tên gọi này hiện thân cho các ý tưởng đối nghịch. Mỗi tên gọi tượng trưng cho một trong hai vấn đề lớn mà con người, trong đời sống hằng ngày của mình, phải xử lý. Các triết gia Đông phương gọi chúng là "những cặp đối cực," và chắc chắn chính

and his subjective attitude to them, which determine whether his life reacts to evil or to good. The devil is the symbol of that which is not *humanly* divine, for there are evil things done by man which, when done by an animal, are not so regarded. A man or a fox, for instance, may raid a chicken coop, but in the one case a moral law is broken, and in the other a natural instinct is followed. An animal may kill another animal in rage or in defense of its female, but when a man does the same thing it is called murder, and he is duly punished.

cách con người xử lý hai phương diện này của đời sống, cùng thái độ chủ quan của y đối với chúng, quyết định liệu đời sống của y phản ứng với điều ác hay điều thiện. Ma quỷ là biểu tượng của điều không thiêng liêng theo nghĩa *nhân loại*, vì có những điều ác do con người làm mà, khi một con vật làm, lại không được xem như vậy. Chẳng hạn, một người hay một con cáo có thể đột nhập chuồng gà, nhưng trong một trường hợp luật đạo đức bị vi phạm, còn trong trường hợp kia một bản năng tự nhiên được tuân theo. Một con vật có thể giết một con vật khác trong cơn giận hoặc để bảo vệ bạn tình của nó, nhưng khi một người làm điều tương tự thì việc ấy được gọi là giết người, và y bị trừng phạt thích đáng.

Father Christmas is the embodiment of that which is selfless; he is the symbol of giving and of the Christ spirit; he therefore stands to man as a reminder of God, just as this other figment of the imagination, the devil with horns and tail, is a reminder of that which is not God, that which is not divine.

Ông già Noel là hiện thân của điều vô ngã; ông là biểu tượng của sự cho đi và của tinh thần Đức Christ; vì thế ông đứng trước con người như một nhắc nhở về Thượng đế, cũng như hình ảnh tưởng tượng kia, ma quỷ có sừng và đuôi, là một nhắc nhở về điều không phải là Thượng đế, điều không thiêng liêng.

“The key is supplied by mythology. The myths demand a serious interpretation in correspondence with objective reality, they must not be treated as pure poetry without any solid truth behind them, a mere play of the imagination! The garment which clothes the substance may be as fabulous, as fantastic, as inconsistent and as patchy as you please. But this does not alter the fact that popular mythology tells of an invisible reality, and of mysterious ‘figures,’ ‘figures’ remember, not ‘forces’ at work everywhere. Everything is alive and possesses a soul. The world is full of spirits, of souls. The myths speak of them. Who invented these myths? Nobody. For inventions are arbitrary, are fiction. But these tales are accepted [113] by

“Chìa khóa được thần thoại cung cấp. Các thần thoại đòi hỏi một sự diễn giải nghiêm túc tương ứng với thực tại khách quan; không được xem chúng như thơ ca thuần túy không có chân lý vững chắc nào phía sau, chỉ là một trò chơi của sự tưởng tượng! Tấm áo khoác lên chất liệu có thể hoang đường, kỳ ảo, bất nhất và chắp vá tùy thích. Nhưng điều này không thay đổi sự kiện rằng thần thoại dân gian kể về một thực tại vô hình, và về những ‘nhân vật’ huyền bí, hãy nhớ là ‘nhân vật,’ không phải ‘mãnh lực,’ đang hoạt động khắp nơi. Mọi sự đều sống động và sở hữu một linh hồn. Thế giới đầy các tinh thần, các linh hồn. Các thần thoại nói về họ. Ai đã phát minh ra những thần thoại này? Không ai cả. Vì các phát minh thì

those who tell them and by their audience as unquestioned truth. The psychology of the primitive compels him to regard things in this way 'magically.' What in our more developed and more individual psychology has become a 'sub-conscious' in which the collective life of our ancestors is still operative is the normal psychology of the primitive, a state of 'natural somnambulism' with its distinctive forms of sensitiveness, telepathy, and second-sight, a direct apprehension akin to the artist's of the whole in its parts, of the essential in a multiplicity of detail."

tùy tiện, là hư cấu. Nhưng những câu chuyện này được [113] những người kể và thính giả của họ chấp nhận như chân lý không bị chất vấn. Tâm lý của người nguyên thủy buộc y phải nhìn sự vật theo cách 'huyền thuật' này. Điều mà trong tâm lý phát triển hơn và cá thể hơn của chúng ta đã trở thành một 'tiềm thức,' trong đó đời sống tập thể của tổ tiên chúng ta vẫn còn hoạt động, chính là tâm lý bình thường của người nguyên thủy, một trạng thái 'mộng du tự nhiên' với các hình thức nhạy cảm, viễn cảm và linh thị thứ hai đặc thù của nó, một sự lĩnh hội trực tiếp tương tự như của nghệ sĩ về toàn thể trong các phần của nó, về điều cốt yếu trong nhiều chi tiết."

'RELIGIONS OF MANKIND', BY OTTO KARRER, PP. 121, 122.

'CÁC TÔN GIÁO CỦA NHÂN LOẠI', CỦA OTTO KARRER, TR. 121, 122.

To this the symbols of the devil and of Father Christmas bear testimony—embodiments of the primal dualities in the realm of *quality*. Man's entire existence, as man, is spent swinging between these pairs of opposites, until eventually the balance is achieved and, from then on, he moves towards that which is divine. It might profit all of us if we pondered long and deeply at times upon these two extremities of human existence—good and evil, light and dark, life and form, spirit and matter, the self and the not-self, the real and the unreal, truth and falsehood, right and wrong, pleasure and pain, the urge and the drag, the soul and the personality, Christ and the devil. In these last two the problem of the three temptations is summed up. These dualities have also been defined as finiteness and infinity which are the characteristics, one of man and the other of God. That which emphasises our finite nature is of humanity, that which is comprehensive is of God. We shall see, in our study of these three

Các biểu tượng của ma quỷ và của Ông già Noel làm chứng cho điều này—những hiện thân của các nhị nguyên nguyên sơ trong lĩnh vực *phẩm tính*. Toàn bộ sự tồn tại của con người, với tư cách là con người, được trải qua trong sự dao động giữa các cặp đối cực này, cho đến khi cuối cùng sự cân bằng đạt được và, từ đó trở đi, y tiến về điều thiêng liêng. Có lẽ sẽ lợi ích cho tất cả chúng ta nếu đôi khi chúng ta suy ngẫm lâu dài và sâu xa về hai cực này của sự tồn tại con người—thiện và ác, sáng và tối, sự sống và hình tướng, tinh thần và vật chất, bản ngã và phi ngã, thực và phi thực, chân lý và giả dối, đúng và sai, khoái lạc và đau khổ, lực thúc đẩy và lực kéo trì, linh hồn và phàm ngã, Đức Christ và ma quỷ. Trong hai điều cuối cùng này, vấn đề của ba cám dỗ được tóm kết. Những nhị nguyên này cũng đã được định nghĩa là tính hữu hạn và tính vô hạn, vốn là các đặc tính, một của con người và một của Thượng đế. Điều nhấn mạnh bản chất hữu hạn của chúng ta thuộc về nhân loại; điều bao quát thuộc về Thượng đế. Trong khi

temptations, how clearly the distinctions between the dualities emerge. Christ, in the temptations, could not contradict Himself; and thus identifying Himself with perfection, He gives us a presentation of a human being "in the world, and yet not of the world," *(St. John, XVII, 16)* tempted of the devil yet free from wrong reaction to the devil's suggestions. Thus He was a free soul, which is a divine soul, untrammelled by desire and its tests, undefiled by the flesh and its temptations, and liberated from the sins of the mental processes. Such is [114] the will of God for each and all of us, and the writer quoted above says: "There cannot be freedom ... unless the divine will is genuinely one with that of finite beings in a single personality." *('The Value and Destiny of the Individual', by B. Bosanquet, p. 245.)* Such a Personality was Christ. Good is the contradiction of evil, and Christ's attitude to the devil was one of uncompromising contradiction. In this He clarified the issue and did what all souls can do. Herein, as I have earlier pointed out, lies His uniqueness and His distinction—it consists in the basic fact of His utilising those methods of service, triumph and sacrifice which are available to any of us. Many in the past have died for others; many have faced evil with uncompromising opposition; many have dedicated their lives to service, but none have succeeded with the completeness and the perfection of Christ.

nghiên cứu ba cám dỗ này, chúng ta sẽ thấy các phân biệt giữa các nhị nguyên hiện ra rõ ràng như thế nào. Trong các cám dỗ, Đức Christ không thể mâu thuẫn với chính Ngài; và như vậy, bằng cách đồng hoá với sự hoàn thiện, Ngài trao cho chúng ta một trình bày về một con người "ở trong thế gian, nhưng không thuộc về thế gian," *(Thánh Gioan, XVII, 16)* bị ma quỷ cám dỗ nhưng tự do khỏi phản ứng sai lầm đối với những gợi ý của ma quỷ. Như vậy, Ngài là một linh hồn tự do, tức là một linh hồn thiêng liêng, không bị dục vọng và các thử thách của nó trói buộc, không bị xác thịt và những cám dỗ của nó làm ô uế, và được giải thoát khỏi các tội lỗi của những tiến trình trí tuệ. Đó là [114] Ý Chí của Thượng Đế dành cho mỗi người và tất cả chúng ta, và tác giả được trích dẫn ở trên nói: "Không thể có tự do... trừ phi ý chí thiêng liêng thực sự là một với ý chí của các sinh linh hữu hạn trong một phàm ngã duy nhất." *('Giá Trị và Định Mệnh của Cá Nhân', của B. Bosanquet, tr. 245.)* Đức Christ là một Phàm Ngã như thế. Điều thiện là sự phủ định của điều ác, và thái độ của Đức Christ đối với ma quỷ là thái độ phủ định không khoan nhượng. Trong điều này, Ngài đã làm sáng tỏ vấn đề và đã làm điều mà mọi linh hồn đều có thể làm. Chính trong điều này, như tôi đã chỉ ra trước đây, có tính độc nhất và sự khác biệt của Ngài—nó nằm trong sự kiện căn bản rằng Ngài đã sử dụng những phương pháp phụng sự, chiến thắng và hi sinh vốn sẵn có cho bất kỳ ai trong chúng ta. Nhiều người trong quá khứ đã chết cho người khác; nhiều người đã đối diện với điều ác bằng sự chống đối không khoan nhượng; nhiều người đã hiến dâng đời mình cho sự phụng sự, nhưng không ai đã thành công với sự trọn vẹn và hoàn thiện của Đức Christ.

His greatness, it cannot be too often reiterated, lies in His universality. Dr.

Sự vĩ đại của Ngài, điều dù nhắc lại thường xuyên đến đâu cũng không thừa, nằm trong

Bosanquet deals with this question of personality as follows:

"What I am urging is rather that our true personality lies in our concrete best, and that in desiring its development and satisfaction we are desiring an increase of our real individuality, though a diminution of our formal exclusiveness.... It will be rejoined that true individuality—greatness of range and organization—augments personal distinction as well as comprehensiveness. Undoubtedly, but it decreases exclusiveness. The great world-men are not born simply of their earthly parents. Whole ages and countries are focussed in them.... In desiring a highly developed perfection we are desiring to be something which can no longer be identified either with or by the incidents of the terrestrial life."

'THE VALUE AND DESTINY OF THE INDIVIDUAL', BY B. BOSANQUET, PP. 284, 285.

If these words are studied in connection with Christ's temptations, the wonder of what He did emerges, and is encouraging for all of us, His younger brothers, equally sons of God.

Therefore as a whole man and yet utterly divine, Christ entered into final combat with the devil. As a human being, [115] in whom the divine spirit was fully expressing itself, He faced the evil in His own humanity (when viewed apart from God) and emerged victorious. Let us not attempt to divorce these two—God and man—when we think of Christ. Some thinkers emphasise His

tính phổ quát của Ngài. Tiến sĩ Bosanquet bàn đến vấn đề phàm ngã này như sau:

"Điều tôi đang nhấn mạnh đúng hơn là phàm ngã đích thực của chúng ta nằm trong điều tốt đẹp nhất cụ thể của chúng ta, và rằng khi khao khát sự phát triển và thỏa mãn của nó, chúng ta đang khao khát một sự gia tăng của cá tính chân thực của mình, dù là một sự giảm bớt tính loại trừ hình thức của chúng ta.... Người ta sẽ đáp lại rằng cá tính đích thực—sự vĩ đại về phạm vi và tổ chức—làm tăng sự khác biệt cá nhân cũng như tính bao quát. Chắc chắn là vậy, nhưng nó làm giảm tính loại trừ. Những con người thế giới vĩ đại không chỉ đơn giản được sinh ra từ cha mẹ trần thế của họ. Toàn bộ các thời đại và quốc gia được tập trung trong họ.... Khi khao khát một sự hoàn thiện phát triển cao độ, chúng ta đang khao khát trở thành một điều gì đó không còn có thể được đồng hoá với, hoặc được nhận diện bằng, các biến cố của đời sống trần gian."

'GIÁ TRỊ VÀ ĐỊNH MỆNH CỦA CÁ NHÂN', CỦA B. BOSANQUET, TR. 284, 285.

Nếu những lời này được nghiên cứu liên hệ với các cám dỗ của Đức Christ, điều kỳ diệu của những gì Ngài đã làm sẽ hiện ra, và là nguồn khích lệ cho tất cả chúng ta, những huynh đệ trẻ hơn của Ngài, cũng là các Con của Thượng đế.

Do đó, với tư cách là một con người toàn vẹn nhưng vẫn hoàn toàn thiêng liêng, Đức Christ bước vào trận chiến cuối cùng với ma quỷ. Với tư cách là một con người, [115] trong đó tinh thần thiêng liêng đang biểu lộ trọn vẹn, Ngài đối diện với điều ác trong chính nhân tính của Ngài (khi được nhìn tách khỏi Thượng đế) và bước ra chiến thắng. Chúng ta đừng cố tách rời hai điều

humanity and ignore His divinity. Therein they are surely in error. Others emphasise His divinity and regard as blasphemous and wrong all those who have placed Him on an equality with other human beings. But if we regard Christ as the flower of the human race, because the divine spirit had full control and showed forth through the medium of the human form, we in no way belittle Him or His achievements. The further men progress upon the Path of Evolution, the more they become conscious of their divinity and of the Fatherhood of God. At the same time, the more deeply they appreciate the Christ, the more convinced are they of His perfected divinity and His mission, and the more humbly do they seek to follow in His steps, knowing Him to be the Master of all the Masters, very God of very God, and the Teacher alike of Angels and of men.

này—Thượng đế và con người—khi nghĩ về Đức Christ. Một số nhà tư tưởng nhấn mạnh nhân tính của Ngài và bỏ qua thiên tính của Ngài. Trong đó chắc chắn họ sai lầm. Những người khác nhấn mạnh thiên tính của Ngài và xem là phạm thượng và sai lầm tất cả những ai đã đặt Ngài ngang hàng với các con người khác. Nhưng nếu chúng ta xem Đức Christ là bông hoa của nhân loại, bởi vì tinh thần thiêng liêng đã hoàn toàn kiểm soát và hiển lộ qua trung gian của hình tướng con người, thì chúng ta không hề làm giảm giá trị của Ngài hay các thành tựu của Ngài. Con người càng tiến xa trên Con Đường Tiến Hóa, họ càng trở nên có ý thức về thiên tính của mình và về Tình Phụ Tử của Thượng đế. Đồng thời, họ càng trân trọng Đức Christ sâu sắc hơn, họ càng tin chắc hơn về thiên tính hoàn thiện và sứ mạng của Ngài, và càng khiêm nhường hơn trong nỗ lực bước theo dấu chân Ngài, biết Ngài là Chân sư của mọi Chân sư, là Thượng đế chân thật của Thượng đế chân thật, và là Huấn sư của cả Thiên Thần lẫn con người.

This perfected divinity is now to be tested and approved. He has now to demonstrate to God, to the devil and to humanity the nature of His achievement and how the powers of the lower nature can be overcome by the powers of the soul. These temptations can be understood very simply by all aspirants and disciples, because they embody universal tests which are applied to the human nature in which we all share and with which We all wrestle in some form and in some measure. It matters not whether we do so from the promptings of conscience, from the control of the higher nature, or through the clear light of divinity. This, all disciples have ever recognised.

Thiên tính hoàn thiện này giờ đây phải được thử thách và chứng nhận. Giờ đây Ngài phải chứng minh cho Thượng đế, cho ma quỷ và cho nhân loại bản chất thành tựu của Ngài và cách các quyền năng của bản chất thấp có thể được các quyền năng của linh hồn vượt thắng. Tất cả người chí nguyện và đệ tử có thể thấu hiểu các cám dỗ này một cách rất đơn giản, bởi vì chúng hiện thân cho các thử thách phổ quát được áp dụng vào bản chất con người mà tất cả chúng ta đều chia sẻ và tất cả chúng ta đều vật lộn với nó dưới hình thức nào đó và trong mức độ nào đó. Việc chúng ta làm như vậy do sự thúc giục của lương tâm, do sự kiểm soát của bản chất cao, hay qua ánh sáng sáng rõ của thiên tính, không quan trọng. Điều này, mọi đệ tử từ trước đến nay đều đã nhận biết.

We shall consider these three temptations in the order given by St. Matthew, which is different from that given by St. Luke. St. Mark simply mentions that Christ was tempted of the devil, whilst St. John does not refer to them at all. These three temptations tested out all the three aspects of [116] the lower human nature—the physical, the emotional-desire nature, and the mind or mental nature We read that:

Chúng ta sẽ xem xét ba cám dỗ này theo thứ tự do Thánh Matthêu đưa ra, khác với thứ tự do Thánh Luca đưa ra. Thánh Marcô chỉ đơn giản đề cập rằng Đức Christ bị ma quỷ cám dỗ, trong khi Thánh Gioan hoàn toàn không nhắc đến chúng. Ba cám dỗ này đã thử thách tất cả ba phương diện của [116] bản chất thấp con người—hồng trần, bản chất cảm xúc-dục vọng, và thể trí hay bản chất trí tuệ. Chúng ta đọc rằng:

"When he had fasted forty days and forty nights he was afterwards anhungered. And when the tempter came to him, he said, If thou be the Son of God command that these stones be made bread. But he answered and said, It is written, Man shall not live by bread alone, but by every word that proceedeth out of the mouth of God."

"Khi Ngài đã kiêng ăn bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, sau đó Ngài đói. Và khi kẻ cám dỗ đến với Ngài, hắn nói: Nếu Ngài là Con của Thượng đế, hãy truyền cho những viên đá này trở thành bánh. Nhưng Ngài đáp và nói: Có lời chép rằng, Con người sống chẳng phải chỉ nhờ bánh, mà nhờ mọi lời phát ra từ miệng Thượng đế."

ST. MATT., IV, 2, 3, 4.

THÁNH MATTHÊU, IV, 2, 3, 4.

There are two interesting facts connected with all these temptations. Each of them begins with "If" on the lips of the devil, and each is met by Christ with the words "It is written." These two phrases link all three episodes and give the clue to the whole process. The ultimate temptation is doubt. The test we have all to face eventually, and which climaxed in Christ's life until He vanquished it upon the Gross, is the test of our divinity. Are we divine? How must our divine powers express themselves? What can we do, or not do, because we are sons of God? That the details of each difficulty, test and trial may differ is relatively immaterial. That the tests may first be focussed in one aspect of our lower nature or another is equally unimportant. *It is the general lifelong urge to divinity which is on trial.* To the man who is but a little evolved the problem of divinity as a whole does not present itself. He can be preoccupied only with the detail,

Có hai sự kiện thú vị liên quan đến tất cả các cám dỗ này. Mỗi cám dỗ bắt đầu bằng chữ "Nếu" trên môi ma quỷ, và mỗi cám dỗ được Đức Christ đáp lại bằng những lời "Có lời chép rằng." Hai cụm từ này liên kết cả ba sự kiện và trao chìa khóa cho toàn bộ tiến trình. Cám dỗ tối hậu là hoài nghi. Thử thách mà cuối cùng tất cả chúng ta phải đối diện, và đã lên đến đỉnh điểm trong đời sống Đức Christ cho đến khi Ngài chiến thắng nó trên Thập Giá, là thử thách về thiên tính của chúng ta. Chúng ta có thiêng liêng không? Các quyền năng thiêng liêng của chúng ta phải tự biểu lộ như thế nào? Chúng ta có thể làm gì, hoặc không thể làm gì, bởi vì chúng ta là các Con của Thượng đế? Việc các chi tiết của mỗi khó khăn, thử thách và khảo nghiệm có thể khác nhau thì tương đối không quan trọng. Việc các thử thách trước hết có thể tập trung vào một phương diện này hay phương diện khác của bản chất thấp nơi chúng ta cũng không quan trọng như vậy. *Chính sự thôi thúc chung*

with the problem in the immediate foreground of his life. This he handles or not, as the case may be by the light of conscience. For the disciple, the detail assumes less importance, and the general truth of his sonship begins slowly to concern him. He then handles his life conditions from the angle of that theory. For a perfected son of God, such as the Christ, or for the man nearing perfection, the problem must be handled as a whole, and the life problem must be considered from the angle of divinity itself. Such was the issue with Christ, and such the implications hidden in the devil's threefold "If."

suốt đời hướng tới thiên tính đang bị thử thách. Đối với người chỉ mới tiến hoá đôi chút, vấn đề thiên tính như một toàn thể không tự trình hiện. Y chỉ có thể bận tâm với chi tiết, với vấn đề ở tiền cảnh tức thời của đời y. Y xử lý điều này hoặc không, tùy trường hợp, bằng ánh sáng của lương tâm. Đối với đệ tử, chi tiết trở nên ít quan trọng hơn, và chân lý tổng quát về địa vị làm con của y bắt đầu chậm rãi khiến y quan tâm. Khi ấy y xử lý các điều kiện đời sống của mình từ góc độ của lý thuyết ấy. Đối với một Con hoàn thiện của Thượng đế, như Đức Christ, hoặc đối với người đang gần sự hoàn thiện, vấn đề phải được xử lý như một toàn thể, và vấn đề đời sống phải được xem xét từ góc độ của chính thiên tính. Đó là vấn đề đối với Đức Christ, và đó là những hàm ý ẩn trong ba chữ "Nếu" tam phân của ma quỷ.

[117] Rightly or wrongly, it seems to me that we have erred in interpreting all truth from the angle of the mediocre. That is what has been done. Truth is capable of interpretation in many ways. Those who are simply physical-emotional beings, with therefore little vision, require the protection of theology, despite its imperfections and dogmatic or untenable assertions. This they need, and the responsibility of those who administer dogmas to the "little ones" of the race is great. Truth must also be given in a wider form, and with a more general connotation to those who are beginning to live consciously as souls, and who can therefore be trusted to see the meaning behind the symbol and the significance behind the outer appearance of theology. Truth, for the perfected sons of God, must be something beyond our dreams, of so deep a significance and of such comprehensiveness that it is futile for us to speculate upon it, for it is something to be experienced and not to

[117] Dù đúng hay sai, đối với tôi dường như chúng ta đã sai lầm khi diễn giải mọi chân lý từ góc độ của mức trung bình. Đó là điều đã được làm. Chân lý có thể được diễn giải theo nhiều cách. Những ai chỉ đơn giản là các sinh linh hồng trần-cảm xúc, do đó có ít tầm nhìn, cần sự bảo vệ của thần học, bất chấp các khiếm khuyết của nó và những khẳng định giáo điều hoặc không đứng vững của nó. Họ cần điều này, và trách nhiệm của những người quản lý các giáo điều cho "những kẻ bé mọn" của nhân loại là lớn lao. Chân lý cũng phải được trao trong một hình thức rộng hơn, và với một hàm nghĩa tổng quát hơn, cho những ai đang bắt đầu sống một cách có ý thức như các linh hồn, và do đó có thể được tin cậy để thấy ý nghĩa phía sau biểu tượng và thâm nghĩa phía sau vẻ ngoài bên ngoài của thần học. Chân lý, đối với các Con hoàn thiện của Thượng đế, phải là điều gì đó vượt ngoài những giấc mơ của chúng ta, có thâm nghĩa sâu xa và tính bao quát đến mức chúng ta suy đoán về nó là vô ích, vì nó là điều để được kinh nghiệm chứ

be dreamed; something to enter into and not to vision.

Christ's reply each time should be viewed in this triple manner. "It is written," He says, and the unthinking and small-minded regard this as endorsing the verbal inspiration of the Scriptures. But surely, He was not referring back only to the ancient sayings of the Jewish Scriptures, beautiful as they are. The possibilities of error are too great to warrant our unquestioning acceptance of every word in any scripture in the world. When the processes of translation are studied this becomes glaringly apparent. Christ meant something much deeper than "The Bible says." He meant that the signature of God was upon Him; that He was the Word, and that that Word was the expression of truth. It is the Word of the soul (which is the influx of divinity) that determines our attitude in temptation and our response to the problem presented by the devil. If that Word is remote, deep-hidden by the veiling form, only distorted sounds will issue forth, and the Word will not be potent enough to withstand the devil. The Word is written in the flesh, defaced and almost invisible though it may be through the activity [118] of the lower nature; it is upon the mind that the Word sounds forth, carrying illumination and insight, distorted as yet though the vision may be, and the light scarcely seen. But *the Word is there*. Some day each of us can say with power: "It is written," and see that Word expressed in every part of our human nature as individuals and—at some distant date—in humanity itself. This is the "lost Word" of the Masonic tradition.

Oriental philosophy refers frequently to four spheres of life or four problems which all

không phải để mơ tưởng; là điều để bước vào chứ không phải để linh thị.

Mỗi lần, câu trả lời của Đức Christ nên được nhìn theo cách tam phân này. "Có lời chép rằng," Ngài nói, và người thiếu suy nghĩ cùng người trí hẹp xem điều này như sự xác nhận cho nguồn cảm hứng từng lời của Kinh Thánh. Nhưng chắc chắn Ngài không chỉ quy chiếu trở lại những lời cổ xưa của Kinh Thánh Do Thái, dù chúng đẹp đẽ. Khả năng sai lầm quá lớn để bảo đảm cho việc chúng ta chấp nhận không chất vấn từng lời trong bất kỳ kinh sách nào trên thế giới. Khi các tiến trình dịch thuật được nghiên cứu, điều này trở nên hiển nhiên một cách chói lọi. Đức Christ muốn nói điều gì đó sâu xa hơn nhiều so với "Kinh Thánh nói." Ngài muốn nói rằng dấu ấn của Thượng đế ở trên Ngài; rằng Ngài là Linh từ, và Linh từ ấy là sự biểu lộ của chân lý. Chính Linh từ của linh hồn (vốn là dòng nhập lưu của thiên tính) quyết định thái độ của chúng ta trong cám dỗ và sự đáp ứng của chúng ta đối với vấn đề do ma quỷ trình ra. Nếu Linh từ ấy xa vời, bị hình tướng che phủ giấu sâu, thì chỉ những âm thanh méo mó sẽ phát ra, và Linh từ sẽ không đủ quyền năng để chống lại ma quỷ. Linh từ được viết trong xác thịt, dù có thể bị bôi xóa và gần như vô hình do hoạt động [118] của bản chất thấp; chính trên thể trí mà Linh từ vang lên, mang theo sự soi sáng và tuệ giác, dù tầm nhìn vẫn còn bị méo mó, và ánh sáng hầu như không được thấy. Nhưng *Linh từ có ở đó*. Một ngày kia, mỗi người chúng ta có thể nói với quyền năng: "Có lời chép rằng," và thấy Linh từ ấy được biểu lộ trong mọi phần của bản chất con người nơi chúng ta với tư cách các cá nhân và—vào một thời điểm xa xôi—trong chính nhân loại. Đây là "Linh từ đã mất" của truyền thống Tam Điểm.

Triết học Đông phương thường xuyên đề cập đến bốn lĩnh vực của đời sống hay bốn vấn

disciples and aspirants have to face, and which constitute in their entirety the world in which we live. There are the world of *Maya*, the world of glamour and the world of illusion. There is also that mysterious "Dweller on the Threshold" to which Bulwer Lytton refers in *Zanoni.* All of these four Christ met and vanquished in the desert-experience.

đề mà mọi đệ tử và người chí nguyện phải đối diện, và xét trong toàn thể, chúng cấu thành thế giới trong đó chúng ta sống. Có thế giới của *ảo lực*, thế giới của ảo cảm và thế giới của ảo tưởng. Cũng có "Kẻ Chận Ngõ" huyền bí mà Bulwer Lytton đề cập trong *Zanoni.* Tất cả bốn điều này Đức Christ đã gặp và chiến thắng trong kinh nghiệm sa mạc.

Maya refers to the world of physical forces in which we dwell, and with this the first temptation concerned itself. Modern science has told us that there is nothing visible or invisible which is not energy, and that every form is simply an aggregate of energy units in constant ceaseless motion, to which we have to adjust ourselves and in which we "live and move and have our being." *(Acts, XVII, 28.)* Such is the outer form of Deity, and we are part of it. *Maya* is vital in character, and we know little of its effect upon the physical plane (with all that that term connotes), and upon the human being.

Ảo lực chỉ thế giới của các mãnh lực hồng trần trong đó chúng ta cư ngụ, và cám dỗ thứ nhất liên quan đến điều này. Khoa học hiện đại đã nói với chúng ta rằng không có gì hữu hình hay vô hình mà không phải là năng lượng, và rằng mọi hình tướng chỉ đơn giản là một tập hợp các đơn vị năng lượng trong chuyển động liên tục không ngừng, mà chúng ta phải điều chỉnh theo và trong đó chúng ta "sống, chuyển động và hiện tồn." *(Công Vụ, XVII, 28.)* Đó là hình tướng bên ngoài của Thượng Đế, và chúng ta là một phần của nó. *Ảo lực* có tính chất sinh lực, và chúng ta biết rất ít về hiệu quả của nó trên cõi hồng trần (với tất cả những gì thuật ngữ ấy hàm ý), và trên con người.

"Glamour" refers to the world of emotional being and of desire, in which all forms dwell. It is this glamour which colours all our lives and produces false values, wrong desires, needless so-called necessities, our worries, anxieties and cares; but glamour is age-old, and has us in so close a grip that there seems little we can do. The desires of men, down the centuries, have brought about a situation before which we turn back appalled; the rampant nature of our longings and wishes, and their glamorous effect upon the individual, provide psychological laboratories with all their material; the [119] wish life of the race has been wrongly oriented and human desire has been turned outward to the material

"Ảo cảm" chỉ thế giới của hiện tồn cảm xúc và của dục vọng, trong đó mọi hình tướng cư ngụ. Chính ảo cảm này nhuộm màu toàn bộ đời sống của chúng ta và tạo ra các giá trị sai lầm, những dục vọng sai trái, những điều được gọi là nhu cầu không cần thiết, những lo lắng, bồn chồn và ưu tư của chúng ta; nhưng ảo cảm đã có từ lâu đời, và nắm giữ chúng ta chặt đến mức dường như chúng ta chẳng làm được gì nhiều. Các dục vọng của con người, qua nhiều thế kỷ, đã tạo nên một tình trạng khiến chúng ta kinh hoàng quay lui; bản chất phóng túng của các khao khát và ước muốn của chúng ta, cùng hiệu quả ảo cảm của chúng trên cá nhân, cung cấp cho các phòng thí nghiệm tâm lý toàn bộ vật liệu của họ; [119] đời sống ước muốn của nhân

plane, thus producing the world of glamour in which we all habitually struggle. It is by far the most potent of our delusions or mistaken orientations. But once the clear light of the soul is thrown into it, this miasma of forces is gradually dissipated. This work constitutes the major task of all aspirants to the mysteries.

loại đã bị định hướng sai, và dục vọng con người đã bị hướng ra ngoài về cõi vật chất, do đó tạo ra thế giới ảo cảm trong đó tất cả chúng ta thường xuyên vật lộn. Nó là điều mạnh mẽ nhất trong các mê lầm hay các định hướng sai lạc của chúng ta. Nhưng một khi ánh sáng sáng rõ của linh hồn được chiếu vào đó, màn khí độc của các mãnh lực này dần dần bị làm tiêu tan. Công việc này cấu thành nhiệm vụ chính yếu của mọi người chí nguyện đối với các huyền nhiệm.

"Illusion" is more mental in its impact. It concerns the ideas whereby we live, and the thought life which more or less (although mostly less) governs our daily undertakings. We shall see, as we take up the consideration of these three temptations, how in the first temptation Christ was confronted by *maya*, with physical forces of such strength that the devil could take advantage of them in an effort to confound Him. We shall see how in the second temptation He was tempted by glamour, and with the submergence of His vital spiritual life by a misconception and an emotional use of His divine powers. The sin of the mind, which is pride, was called into activity by the devil in the third temptation, and the illusion of temporal power to be used for right ends we may be sure was presented to Him. Thus the possible interior weakness of the three aspects of Christ's nature was tested, and through them the vast sum total of the world *maya*, glamour and illusion was poured in on Him. Thus He was confronted with the Dweller on the Threshold, which is only another name for the personal lower self, regarding it as a unified whole, as is only the case in advanced people, disciples and initiates. In these three words—*maya*, glamour and illusion—we have synonyms for the flesh, the world and the devil, which constitute

"Ảo tưởng" có tác động mang tính trí tuệ hơn. Nó liên quan đến các ý tưởng nhờ đó chúng ta sống, và đời sống tư tưởng ít nhiều (dù phần lớn là ít) chi phối các công việc hằng ngày của chúng ta. Khi chúng ta bắt đầu xem xét ba cám dỗ này, chúng ta sẽ thấy trong cám dỗ thứ nhất Đức Christ đã đối diện với *ảo lực*, với các mãnh lực hồng trần mạnh đến mức ma quỷ có thể lợi dụng chúng trong nỗ lực làm Ngài bối rối. Chúng ta sẽ thấy trong cám dỗ thứ hai Ngài bị cám dỗ bởi ảo cảm, và bởi sự nhấn chìm đời sống tinh thần sinh động của Ngài qua một quan niệm sai lầm và một cách sử dụng cảm xúc đối với các quyền năng thiêng liêng của Ngài. Tội lỗi của thể trí, tức là kiêu ngạo, đã bị ma quỷ kêu gọi vào hoạt động trong cám dỗ thứ ba, và chúng ta có thể chắc chắn rằng ảo tưởng về quyền lực thế tục được sử dụng cho các mục đích đúng đã được trình ra trước Ngài. Như vậy, sự yếu đuối nội tâm khả hữu của ba phương diện trong bản chất Đức Christ đã bị thử thách, và qua chúng, tổng số bao la của *ảo lực*, ảo cảm và ảo tưởng thế gian đã tràn vào Ngài. Như vậy, Ngài đã đối diện với Kẻ Chận Ngõ, vốn chỉ là một tên gọi khác của phàm ngã cá nhân, khi xem nó như một toàn thể thống nhất, điều chỉ xảy ra nơi những người tiến bộ, các đệ tử và các điểm đạo đồ. Trong ba từ này—*ảo lực*, ảo cảm và ảo tưởng—chúng ta có các từ đồng nghĩa với xác thịt, thế gian và ma quỷ, vốn cấu thành

the threefold test that confronts every son of God on the verge of liberation.

"If thou be the Son of God command that these stones be made bread." Let us use our divine powers for personal physical ends. Let us put the material physical nature first. Let us assuage our hunger, whatever it may be, and do it because we are divine. Let us use our divine powers so as [120] to gain for ourselves perfect health, long desired financial prosperity, popularity for our personality, for which we crave, and those physical surroundings and conditions which we want. We are sons of God and are entitled to all these things. Command that these stones be made bread for the satisfaction of our supposed need. Such were the specious arguments used then, and being used today by many teachers and schools of thought. These are peculiarly the temptations of the aspirants of the world today. Upon this theory many teachers and groups thrive, and curiously enough, they do so quite sincerely and entirely convinced of the rightness of their position. The temptations which come to the advanced souls in the world are most subtle. The use of divine powers for the meeting and satisfaction of purely personal, physical needs can be presented in such a manner that they may seem entirely right. Yet we do not live by bread alone, but by means of the spiritual life which (coming forth from God) pours into, and is the life of, the lower man. This is the first essential for understanding. Upon that soul life and upon that inner contact the emphasis should be laid. The healing of the physical body, when diseased, would be satisfactory to the individual, but living as a soul is of more importance. The emphasis upon a divinity which *must* express itself entirely through the meeting of a physical need, in a monetary manner, most definitely limits divinity to an attribute of itself. When

thử thách tam phân đối diện với mọi Con của Thượng đế trên ngưỡng giải thoát.

"Nếu Ngài là Con của Thượng đế, hãy truyền cho những viên đá này trở thành bánh." Chúng ta hãy sử dụng các quyền năng thiêng liêng của mình cho các mục đích hồng trần cá nhân. Chúng ta hãy đặt bản chất vật chất hồng trần lên hàng đầu. Chúng ta hãy làm dịu cơn đói của mình, bất kể nó là gì, và làm điều đó bởi vì chúng ta thiêng liêng. Chúng ta hãy sử dụng các quyền năng thiêng liêng của mình để [120] đạt được cho bản thân sức khỏe hoàn hảo, sự thịnh vượng tài chính đã lâu mong muốn, sự nổi tiếng cho phàm ngã mà chúng ta khao khát, và những hoàn cảnh cùng điều kiện hồng trần mà chúng ta muốn. Chúng ta là các Con của Thượng đế và có quyền hưởng tất cả những điều này. Hãy truyền cho những viên đá này trở thành bánh để thỏa mãn nhu cầu giả định của chúng ta. Đó là những lập luận có vẻ hợp lý được sử dụng khi ấy, và ngày nay đang được nhiều huấn sư và trường phái tư tưởng sử dụng. Đây đặc biệt là những cám dỗ của các người chí nguyện trên thế giới ngày nay. Trên lý thuyết này, nhiều huấn sư và nhóm phát triển mạnh, và điều khá lạ là họ làm vậy một cách hoàn toàn chân thành và hoàn toàn tin chắc vào sự đúng đắn của lập trường mình. Những cám dỗ đến với các linh hồn tiến bộ trong thế giới là tinh vi nhất. Việc sử dụng các quyền năng thiêng liêng để đáp ứng và thỏa mãn các nhu cầu hồng trần thuần túy cá nhân có thể được trình bày theo cách khiến chúng có vẻ hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, chúng ta không sống chỉ nhờ bánh, mà nhờ đời sống tinh thần vốn (phát ra từ Thượng đế) tuôn vào, và là sự sống của, phàm nhân. Đây là điều thiết yếu đầu tiên để thấu hiểu. Trọng tâm nên được đặt trên đời sống linh hồn ấy và trên sự tiếp xúc bên trong ấy. Việc chữa lành thể xác khi mắc bệnh sẽ làm cá nhân thỏa mãn, nhưng sống như một linh hồn thì quan trọng hơn.

we live as souls, when our inner life is oriented to God, not because of what we can receive but because we have the developed sense of divinity, then the forces of divine life will pour through us and produce what is needed. This may not necessarily bring about complete immunity from disease or produce financial affluence; but it will mean a sweetening of the lower nature, a tendency to self-forgetfulness, and unselfishness which puts others first, a wisdom which concerns itself with the teaching and helping of others, a freedom from hatred and suspicion which will make life pleasanter for those with whom we associate, and a kindness and inclusiveness which leave no time for the separated [121] self. That this type of inner nature will make for a sound body and freedom from physical ills is quite possible, but not inevitably so. In time and space, in a particular life and at a special time, illness has its uses and may be a profoundly desirable blessing. Poverty and financial stringency may re-establish a lost sense of values and enrich the heart with compassion. Money and perfect health may be disasters to many. But the use of divine power for selfish ends, and the affirming of the divine nature for purposes of individual healing, seem a prostitution of reality, and constitute the temptation which Christ so triumphantly met. We live by the life of God. Let that life flow in "more abundantly" upon us and we shall become, as Christ became, living centres of radiant energy for the service of the world. Probably what may happen will be better physical health, because we shall not be so pre-occupied with ourselves. Freedom from self-centredness is one of the first laws of good health.

Sự nhấn mạnh vào một thiên tính *phải* tự biểu lộ hoàn toàn qua việc đáp ứng một nhu cầu hồng trần, theo phương diện tiền bạc, chắc chắn giới hạn thiên tính vào một thuộc tính của chính nó. Khi chúng ta sống như các linh hồn, khi đời sống bên trong của chúng ta được định hướng về Thượng đế, không phải vì những gì chúng ta có thể nhận được mà bởi vì chúng ta có ý thức phát triển về thiên tính, thì các mãnh lực của đời sống thiêng liêng sẽ tuôn chảy qua chúng ta và tạo ra điều cần thiết. Điều này có thể không nhất thiết đem lại sự miễn nhiễm hoàn toàn khỏi bệnh tật hay tạo ra sự dư dật tài chính; nhưng nó sẽ có nghĩa là sự làm dịu bản chất thấp, một khuynh hướng quên mình, và sự vô ngã đặt người khác lên trước, một minh triết quan tâm đến việc dạy dỗ và giúp đỡ người khác, một sự tự do khỏi hận thù và nghi ngờ khiến đời sống dễ chịu hơn cho những người chúng ta giao tiếp, và một lòng nhân hậu cùng tính bao gồm không để lại thời gian cho bản ngã chia rẽ [121]. Loại bản chất bên trong này có thể tạo ra một thể xác lành mạnh và sự tự do khỏi các bệnh tật hồng trần, nhưng không tất yếu như vậy. Trong thời gian và không gian, trong một đời sống đặc biệt và vào một thời điểm đặc biệt, bệnh tật có công dụng của nó và có thể là một phúc lành sâu xa đáng mong muốn. Nghèo khó và sự eo hẹp tài chính có thể tái lập một ý thức về các giá trị đã mất và làm giàu trái tim bằng lòng từ bi. Tiền bạc và sức khỏe hoàn hảo có thể là tai họa cho nhiều người. Nhưng việc sử dụng quyền năng thiêng liêng cho các mục đích ích kỷ, và việc khẳng định bản chất thiêng liêng nhằm mục đích chữa lành cá nhân, dường như là sự làm ô nhục thực tại, và cấu thành cám dỗ mà Đức Christ đã gặp một cách hết sức chiến thắng. Chúng ta sống bằng sự sống của Thượng đế. Hãy để sự sống ấy tuôn vào chúng ta "dồi dào hơn," và chúng ta sẽ trở thành, như Đức Christ đã trở thành, các trung tâm sống động của năng lượng rạng chiếu để phụng sự

thế gian. Có lẽ điều có thể xảy ra sẽ là sức khỏe hồng trần tốt hơn, bởi vì chúng ta sẽ không quá bận tâm đến chính mình. Sự tự do khỏi sự tập trung vào bản thân là một trong những định luật đầu tiên của sức khỏe tốt.

The question of healing, engrossing the attention of so many thousands at this time, is too broad to be considered here, and far more complicated than the average healer or healing group realises. Two things only would I point out:

Vấn đề chữa lành, hiện đang cuốn hút sự chú ý của nhiều ngàn người vào lúc này, quá rộng để được xem xét ở đây, và phức tạp hơn rất nhiều so với điều mà người chữa lành hay nhóm chữa lành trung bình nhận ra. Tôi chỉ muốn chỉ ra hai điều:

One is that the affirmation that all disease is the result of wrong thought does not warrant too hasty acceptance. There is much disease in the other kingdoms of nature; animals, plants and minerals suffer from disease as do human beings, and these kingdoms antedate the appearance of the human family upon Earth. Secondly, the affirmation that one is divine and therefore entitled to good health may be ultimately true when divinity is really expressed, but it is not expressed by affirmation, but by conscious intelligent organised soul contact. This results in living as Christ lived, with no thought of self but only concern and interest in others.

Một là sự khẳng định rằng mọi bệnh tật đều là kết quả của tư tưởng sai lầm không đáng được chấp nhận quá vội vàng. Có nhiều bệnh tật trong các giới khác của thiên nhiên; động vật, thực vật và khoáng vật chịu bệnh tật như con người, và các giới này có trước sự xuất hiện của gia đình nhân loại trên Trái Đất. Thứ hai, sự khẳng định rằng một người là thiêng liêng và do đó có quyền được sức khỏe tốt có thể rốt cuộc là chân lý khi thiên tính thực sự được biểu lộ, nhưng nó không được biểu lộ bằng sự khẳng định, mà bằng sự tiếp xúc linh hồn có ý thức, thông minh và có tổ chức. Điều này dẫn đến việc sống như Đức Christ đã sống, không nghĩ đến bản thân mà chỉ quan tâm và chú ý đến người khác.

Christ met this temptation to use His divine powers for selfish ends by the quiet reiteration of His divinity—a divinity which was based on the universality of the Word. It is perhaps apposite here to remind ourselves that upon the Cross He was taunted by the words, "He saved others; Himself [122] He cannot save." *(St. Matt., XXVII, 42.)* The *maya* or delusion of the physical nature could not hold Him; from that He stood free.

Đức Christ đã gặp cám dỗ sử dụng các quyền năng thiêng liêng của Ngài cho các mục đích ích kỷ bằng sự lặp lại bình thản về thiên tính của Ngài—một thiên tính đặt nền trên tính phổ quát của Linh từ. Có lẽ ở đây thích hợp để tự nhắc mình rằng trên Thập Giá, Ngài bị chế nhạo bằng những lời: "Ngài đã cứu người khác; chính Ngài [122] không thể cứu mình." *(Thánh Matthêu, XXVII, 42.) Ảo lực* hay sự mê lầm của bản chất hồng trần không thể giữ được Ngài; khỏi điều đó, Ngài đứng tự do.

Today the World Aspirant, humanity, stands confronted with this temptation. Its problem is economic. It is concerned basically and definitely with bread, just as, symbolically speaking, Christ's problem was the problem of food. The world is faced with a material issue. That there is no evading this issue is true, and that men must be fed is equally true. Upon what basis shall the problem be met? Will one be regarded as too idealistic and as an impractical mystic and visionary if one falls back, as Christ did, upon the fundamentals of life, and takes the position that when man is re-adjusted and re-oriented as a spiritual being his problem will automatically take care of itself? One surely will be so regarded. If one feels, as do many today, that the solution of the problem lies in a revaluation of life and a re-education in the underlying principles of living, is one entirely astray and to be regarded as a fool? Many will so regard one. But the solving of man's problem solely in terms of his physical needs may only succeed in plunging him more deeply in a material marsh. Meeting his demands entirely from the angle of bread and butter may be much needed. It is. But it should be accompanied with something which will meet the need of the whole man, and not simply that of his body and its desires. There are things which matter essentially to man, which are of greater moment and value than the things which concern the form, even if he himself does not realise it. Christ gave a little time to the feeding of the multitude. He gave much time to teaching them the rules of the kingdom of God. Men can be trusted to take what they want. They are doing so at this time on every hand. But the things which truly matter must at the same time be emphasised and taught, or the end will be disastrous. When we have cleaned the human house of abuses, as the

Ngày nay Người Chí Nguyện Thế Giới, tức nhân loại, đang đứng đối diện với cám dỗ này. Vấn đề của y là kinh tế. Về căn bản và rõ ràng, nó liên quan đến bánh, cũng như, nói theo biểu tượng, vấn đề của Đức Christ là vấn đề lương thực. Thế giới đối diện với một vấn đề vật chất. Rằng không thể né tránh vấn đề này là đúng, và rằng con người phải được nuôi ăn cũng đúng như vậy. Vấn đề sẽ được đáp ứng trên nền tảng nào? Liệu một người có bị xem là quá lý tưởng và là một nhà thần bí thiếu thực tế cùng người có linh ảnh hão huyền, nếu người ấy tựa vào, như Đức Christ đã làm, các nền tảng của đời sống, và giữ lập trường rằng khi con người được tái điều chỉnh và tái định hướng như một sinh linh tinh thần, vấn đề của y sẽ tự động tự lo liệu không? Chắc chắn người ấy sẽ bị xem như vậy. Nếu một người cảm thấy, như nhiều người ngày nay cảm thấy, rằng giải pháp của vấn đề nằm trong việc tái định giá đời sống và tái giáo dục về các nguyên lý nền tảng của sự sống, thì người ấy có hoàn toàn lạc lối và bị xem là kẻ ngu không? Nhiều người sẽ xem y như vậy. Nhưng việc giải quyết vấn đề của con người chỉ bằng các nhu cầu hồng trần của y có thể chỉ thành công trong việc nhấn chìm y sâu hơn vào đầm lầy vật chất. Đáp ứng các đòi hỏi của y hoàn toàn từ góc độ cơm áo có thể rất cần thiết. Đúng là như vậy. Nhưng điều đó nên đi kèm với điều gì đó đáp ứng nhu cầu của toàn thể con người, chứ không chỉ nhu cầu của thể xác y và các dục vọng của nó. Có những điều thiết yếu quan trọng đối với con người, có tầm quan trọng và giá trị lớn hơn những điều liên quan đến hình tướng, ngay cả nếu chính y không nhận ra điều đó. Đức Christ đã dành ít thời gian cho việc nuôi đám đông. Ngài dành nhiều thời gian để dạy họ các quy luật của Thiên Giới. Có thể tin cậy con người sẽ lấy điều họ muốn. Họ đang làm như vậy vào lúc này ở khắp mọi nơi. Nhưng những điều thực sự quan trọng đồng thời phải được

revolutionaries in every country and land claim to be doing, unless that house is beautiful as a result, and unless its inhabitants have ideas based on divine [123] essentials, the last state will be worse than the first. Seven devils may enter into the house, according to Christ's parable. *(St. Matt., XII, 45.)* Unless God indwells the house, when cleaned, and unless our revaluations and national adjustments lead to that leisure and peace of mind wherein the soul of man can come to flower, we are headed towards still worse disasters. "Man shall not live by bread alone, but by every word that proceedeth out of the mouth of God."

nhấn mạnh và dạy dỗ, nếu không kết cục sẽ tai hại. Khi chúng ta đã dọn sạch căn nhà nhân loại khỏi các lạm dụng, như những người cách mạng ở mọi quốc gia và xứ sở tuyên bố là đang làm, nếu căn nhà ấy không trở nên đẹp đẽ nhờ kết quả đó, và nếu cư dân của nó không có các ý tưởng đặt nền trên các điều thiết yếu thiêng liêng [123], thì tình trạng sau cùng sẽ tệ hơn tình trạng ban đầu. Bảy con quỷ có thể vào nhà, theo dụ ngôn của Đức Christ. *(Thánh Matthêu, XII, 45.)* Nếu Thượng đế không ngự trong căn nhà khi đã được dọn sạch, và nếu các tái định giá cùng điều chỉnh quốc gia của chúng ta không dẫn đến sự nhàn rỗi và sự bình an của thể trí trong đó linh hồn con người có thể nở hoa, thì chúng ta đang hướng tới những tai họa còn tệ hơn. "Con người sống chẳng phải chỉ nhờ bánh, mà nhờ mọi lời phát ra từ miệng Thượng đế."

"Then the devil taketh him up into the holy city, and setteth him upon a pinnacle of the temple, and saith unto him, If thou be the Son of God, cast thyself down; for it is written, He shall give His angels charge concerning thee, and in their hands they shall bear thee up, lest at any time thou dash thy foot against a stone. Jesus said unto him, It is written again, Thou shalt not tempt the Lord thy God."

"Bấy giờ ma quỷ đem Ngài lên thành thánh, đặt Ngài trên nóc đền thờ, và nói với Ngài: Nếu Ngài là Con của Thượng đế, hãy gieo mình xuống; vì có lời chép rằng, Ngài sẽ truyền cho các thiên thần của Ngài gìn giữ Ngài, và họ sẽ nâng Ngài trên tay, kẻo chân Ngài vấp phải đá. Đức Jesus nói với hắn: Lại có lời chép rằng, Ngươi chớ thử thách Đức Chúa, Thượng đế của ngươi."

ST. MATT., IV, 5, 6, 7.

THÁNH MATTHÊU, IV, 5, 6, 7.

It is essential for the right understanding of this temptation that we remember our earlier distinction that such passages in the Bible are interpreted from the angle of the souls involved. Christ meets the devil on the ground of His divine nature. If thou art the Son of God, take advantage of the Fatherhood of God, and cast thyself down. This temptation is different from the first, though it appears to embody the same type

Điều thiết yếu để thấu hiểu đúng cám dỗ này là chúng ta phải nhớ lại sự phân biệt trước đây của mình: những đoạn như thế trong Kinh Thánh được diễn giải từ góc độ của các linh hồn liên quan. Đức Christ gặp ma quỷ trên nền tảng bản chất thiêng liêng của Ngài. Nếu Ngài là Con của Thượng đế, hãy lợi dụng Tình Phụ Tử của Thượng đế và gieo mình xuống. Cám dỗ này khác với cám dỗ thứ nhất, dù nó dường như hàm chứa cùng một

of test. The clue to this is found in Christ's answer, where He takes His stand upon His divinity. This He did not do in the earlier temptation. The devil in this test quotes scripture to his own ends. He also takes Christ into the Holy Place, the battle-ground, and it is upon this that the devil casts doubt. The glamour of doubt descends upon the Christ. Hungry, lonely, and weary of conflict, He is tempted to question the very roots of His being. I do not question the fact that Christ was assailed by doubt. The first traces of that glamour which descended upon Him like a great darkness in the Crucifixion assailed Him now. Was He the Son of God? Had He a mission, after all? Was His attitude one of self-delusion? [124] Was it all worth while? He was attacked where He was the strongest, and in this lies the potency of this temptation.

loại thử thách. Manh mối của điều này nằm trong câu trả lời của Đức Christ, nơi Ngài đứng vững trên thiên tính của Ngài. Điều này Ngài đã không làm trong cám dỗ trước đó. Trong thử thách này, ma quỷ trích dẫn kinh điển vì mục đích riêng của nó. Nó cũng đưa Đức Christ vào Nơi Thánh, chiến trường, và chính trên điểm này mà ma quỷ gieo nghi ngờ. Ảo cảm của nghi ngờ giáng xuống trên Đức Christ. Đói khát, cô đơn và mệt mỏi vì xung đột, Ngài bị cám dỗ đặt vấn đề về tận gốc rễ hiện tồn của Ngài. Tôi không nghi ngờ sự kiện Đức Christ đã bị nghi ngờ tấn công. Những dấu vết đầu tiên của ảo cảm ấy, vốn đã giáng xuống trên Ngài như một bóng tối lớn lao trong Cuộc Đóng Đinh, giờ đây tấn công Ngài. Ngài có phải là Con của Thượng đế không? Rốt cuộc, Ngài có một sứ mệnh không? Thái độ của Ngài có phải là tự huyễn hoặc không? [124] Tất cả có đáng chăng? Ngài bị tấn công nơi Ngài mạnh nhất, và chính trong điều này có uy lực của cám dỗ ấy.

In an ancient scripture of India, *The Bhagavad Gita*, the disciple Arjuna stands faced with the same issue. He is involved in a great battle between two branches of the same family—really between the higher and the lower self—and he, too, questions what he shall do. Shall he go ahead with the battle and the test, and so triumph as the soul? Shall he assert his divinity and defeat the lower and the non-divine? In a commentary on *The Bhagavad Gita* these words occur:

Trong một kinh điển cổ của Ấn Độ, *Chí Tôn Ca*, đệ tử Arjuna đứng trước cùng một vấn đề. Y bị cuốn vào một trận chiến lớn giữa hai nhánh của cùng một gia tộc—thực ra là giữa chân ngã và phàm ngã—và y cũng tự hỏi mình phải làm gì. Y có nên tiến tới với trận chiến và cuộc thử thách, và nhờ đó chiến thắng với tư cách linh hồn không? Y có nên khẳng định thiên tính của mình và đánh bại cái thấp kém cùng cái phi thiêng liêng không? Trong một bản bình giảng về *Chí Tôn Ca* có những lời này:

"There is a spiritual significance to all this and the situation of Arjuna is well chosen to bring out great spiritual truths. He stands for the personal self beginning to grow conscious of the Higher Self; touched and enkindled with the spiritual light of that higher self, yet full of dismay and terror

"Tất cả điều này đều có một thâm nghĩa tinh thần, và hoàn cảnh của Arjuna được chọn rất khéo để làm nổi bật những chân lý tinh thần lớn lao. Y tượng trưng cho bản ngã cá nhân bắt đầu trở nên có ý thức về Bản Ngã Cao Siêu; được chạm đến và được thắp sáng bởi ánh sáng tinh thần của bản ngã cao siêu ấy,

from the realisation of what obedience to the Higher Self must mean. The contests of the brothers is now concentrated within a single nature, the life of a single man. A war must be waged within himself, a war long and arduous for the life of the Soul. Nothing but high courage, joined with faith and aspiration, makes the contest possible, and even then there will be shrinking and dismay."

nhưng vẫn đầy kinh hoàng và khiếp sợ vì nhận ra sự vâng phục Bản Ngã Cao Siêu hẳn phải hàm ý điều gì. Cuộc tranh đấu giữa các huynh đệ giờ đây tập trung trong một bản chất duy nhất, trong đời sống của một con người duy nhất. Một cuộc chiến phải được tiến hành trong chính y, một cuộc chiến lâu dài và gian khổ vì sự sống của Linh hồn. Không gì ngoài lòng can đảm cao cả, kết hợp với đức tin và khát vọng, khiến cuộc tranh đấu ấy có thể thực hiện được; và ngay cả khi đó vẫn sẽ có sự co rút và kinh hoàng."

THE BHAGAVAD GITA', COMMENTARY BY CHARLES JOHNSTON, P. 26.)

CHÍ TÔN CA, BÌNH GIẢNG CỦA CHARLES JOHNSTON, TR. 26.)

A greater than Arjuna (who stands as the symbol of the disciple on his way towards perfection) faced a similar issue with courage, faith and aspiration, but the question was the same: Is the life of the soul a reality? Am I divine? Christ faced this issue without dismay, and triumphed by the use of an affirmation of such power (because it stated a truth) that the devil temporarily could not reach Him. He practically said: "I am the Son of God. Thou mayest not tempt me." He took His stand upon His divinity and vanquished the doubt.

Một Đấng cao cả hơn Arjuna—người tượng trưng cho đệ tử trên đường hướng đến sự hoàn thiện—đã đối diện một vấn đề tương tự với lòng can đảm, đức tin và khát vọng, nhưng câu hỏi vẫn là một: Đời sống của linh hồn có phải là một thực tại không? Tôi có thiêng liêng không? Đức Christ đã đối diện vấn đề này mà không kinh hoàng, và chiến thắng bằng cách dùng một lời khẳng định có quyền năng lớn lao đến mức—vì lời ấy nêu lên một chân lý—ma quỷ tạm thời không thể chạm đến Ngài. Thực tế, Ngài đã nói: "Ta là Con của Thượng đế. Ngươi không được cám dỗ ta." Ngài đứng vững trên thiên tính của Ngài và đánh bại nghi ngờ.

It is interesting to realise that humanity today stands in the glamour of doubt. Doubt is on every hand. It is an emotional matter. The clear, cool, analysing and synthesising intellect does not doubt in this sense; it questions and waits. [125] But it is in the Holy Place, with a full knowledge of what is written, and frequently after victory, that doubt descends upon the disciple. Perhaps, after all, that sense of divinity which has hitherto upheld the disciple is itself but glamour and not reality. That there have

Thật thú vị khi nhận ra rằng nhân loại ngày nay đang đứng trong ảo cảm của nghi ngờ. Nghi ngờ có ở khắp nơi. Đó là một vấn đề cảm xúc. Trí năng sáng rõ, lạnh lùng, biết phân tích và tổng hợp không nghi ngờ theo nghĩa này; nó đặt câu hỏi và chờ đợi. [125] Nhưng chính trong Nơi Thánh, với tri thức đầy đủ về điều đã được viết ra, và thường sau chiến thắng, nghi ngờ giáng xuống trên đệ tử. Có lẽ, rốt cuộc, cảm thức về thiên tính vốn cho đến nay đã nâng đỡ đệ tử tự nó chỉ là ảo cảm chứ không phải thực tại. Đệ tử không

been experiences of a divine and supernatural nature the disciple cannot doubt. There have been moments when there has been "a sense of Divine access as different from other experiences, as original and inexplicable, as Sex or as the sense of Beauty—as hunger or thirst," *('The Divinity of Man', by J. W. Graham, p.88.)* for there is no question that "at the heart of all religion and all religions there is an experience unique, and not to be accounted for by evolution from other experience." *('The Divinity of Man', by J. W. Graham, p.88.)* But perhaps that too is simply phenomenal, and not real; something that passes, with no immortal basis; something that is experienced as part of the world glamour, but does not and cannot endure. Perhaps God is just a name for everything that is, and, for the individual conscious soul, there is no definite persistence, no essential divinity, and nothing real—only a momentary flash of an awareness. Let us put this sense of divinity to the test and see if, with the change of physical destruction, something lasts which is spirit and is immortal.

thể nghi ngờ rằng đã có những kinh nghiệm thuộc bản chất thiêng liêng và siêu nhiên. Đã có những khoảnh khắc khi có "một cảm thức về sự tiếp cận Thiêng liêng khác với mọi kinh nghiệm khác, độc đáo và không thể giải thích, như Tính dục hoặc như cảm thức về Vẻ đẹp—như đói hoặc khát," *('Thiên Tính của Con Người', của J. W. Graham, tr.88.)* vì không có gì phải nghi vấn rằng "ở trung tâm của mọi tôn giáo và tất cả các tôn giáo có một kinh nghiệm độc nhất, không thể giải thích bằng sự tiến hoá từ kinh nghiệm khác." *('Thiên Tính của Con Người', của J. W. Graham, tr.88.)* Nhưng có lẽ điều đó nữa cũng chỉ đơn giản là hiện tượng, chứ không phải thực tại; một điều thoáng qua, không có nền tảng bất tử; một điều được kinh nghiệm như một phần của ảo cảm thế gian, nhưng không tồn tại và không thể tồn tại lâu dài. Có lẽ Thượng đế chỉ là một danh xưng cho tất cả những gì đang hiện hữu, và đối với linh hồn cá nhân có ý thức thì không có sự tồn tại bền vững rõ rệt, không có thiên tính cốt yếu, và không có gì là thực—chỉ có một tia chớp nhất thời của sự nhận biết. Chúng ta hãy đem cảm thức về thiên tính này ra thử nghiệm và xem liệu, cùng với biến đổi của sự hủy hoại hồng trần, có điều gì bền còn vốn là tinh thần và bất tử hay không.

As one studies the way in which Christ met this temptation one is inclined to believe that (having affirmed His belief in His Own Divinity) He simply ignored the temptation. His method was so brief and concise, and remains undeveloped as to detail. The way out, in this particular temptation, is dual: to recognise it for what it is, unreal, simply a glamour which has no true and lasting existence, just a delusion which assails us; and then to rest back upon the experience of God. If for one brief minute we have been in the Presence of God and known it, that is real. If the Presence of God in the human heart has at any moment, for an instant,

Khi nghiên cứu cách Đức Christ gặp cám dỗ này, người ta có khuynh hướng tin rằng, sau khi khẳng định niềm tin của Ngài vào Thiên Tính của Chính Ngài, Ngài chỉ đơn giản phớt lờ cám dỗ. Phương pháp của Ngài thật ngắn gọn và súc tích, và không được khai triển về chi tiết. Lối thoát, trong cám dỗ đặc biệt này, có tính nhị phân: nhận ra nó đúng như nó là, không thực, chỉ đơn giản là một ảo cảm không có sự tồn tại chân thật và lâu dài, chỉ là một huyễn hoặc tấn công chúng ta; rồi sau đó nương tựa vào kinh nghiệm về Thượng đế. Nếu trong một phút ngắn ngủi chúng ta đã ở trong Sự Hiện Diện của Thượng đế và biết điều đó, thì điều ấy là thực. Nếu Sự Hiện

been a reality, then let us take our stand upon that known and felt experience, refusing to deal with the [126] detail of the glamour of doubt, of emotion, of depression or of blindness in which we may temporarily find ourselves.

Diện của Thượng đế trong trái tim con người đã từng, dù chỉ trong một thoáng, là một thực tại, thì chúng ta hãy đứng vững trên kinh nghiệm đã biết và đã cảm nhận ấy, từ chối bàn đến [126] chi tiết của ảo cảm nghi ngờ, của cảm xúc, của sự suy sụp hoặc của sự mù quáng mà trong đó chúng ta có thể tạm thời thấy mình.

But the doubt in the world today will be solved only when men bring to bear upon the problems of humanity, of God and of the soul, not only the clear cool light of the intellect, illumined by the intuition, but also the potency of past experience. If the sense of God has persisted in the world for untold ages, and if the testimony of the mystics and saints, the seers and the Saviours of all time is historical and verifiable—as it is—then that testimony, in its wealth and universality, constitutes a fact as scientific as any other. These are days when a scientific fact seems to have some glamorous appeal. Cycles of mysticism, cycles of philosophy, cycles of scientific expression, cycles of rank materialism—such is the cyclic way we walk, and such is our history. But persistent through them all runs the thread of God's Plan. Steadily through them all, the soul of man marches from one unfoldment of consciousness to another, and our concept of divinity constantly gains in richness and reality. That is the fact upon which humanity can stand, the divine soul in man. That is the fact upon which Christ took His stand when the devil tempted Him a second time.

Nhưng nghi ngờ trong thế giới ngày nay sẽ chỉ được giải quyết khi con người đem áp dụng vào các vấn đề của nhân loại, của Thượng đế và của linh hồn không chỉ ánh sáng sáng rõ, lạnh lùng của trí năng, được trực giác soi sáng, mà còn cả uy lực của kinh nghiệm quá khứ. Nếu cảm thức về Thượng đế đã tồn tại trong thế giới qua vô số thời đại, và nếu chứng ngôn của các nhà thần bí và các thánh nhân, các nhà thông nhãn và các Đấng Cứu Thế của mọi thời là có tính lịch sử và có thể kiểm chứng—và đúng là như vậy—thì chứng ngôn ấy, trong sự phong phú và tính phổ quát của nó, cấu thành một sự kiện khoa học như bất cứ sự kiện nào khác. Đây là những ngày mà một sự kiện khoa học dường như có sức hấp dẫn ảo cảm nào đó. Những chu kỳ của Thần bí học, những chu kỳ của triết học, những chu kỳ của biểu hiện khoa học, những chu kỳ của chủ nghĩa duy vật thô thiển—đó là con đường chu kỳ mà chúng ta bước đi, và đó là lịch sử của chúng ta. Nhưng xuyên suốt tất cả, sợi dây Thiên Cơ của Thượng đế vẫn bền bỉ chạy qua. Xuyên suốt tất cả, linh hồn con người đều đặn tiến bước từ sự khai mở tâm thức này sang sự khai mở tâm thức khác, và quan niệm của chúng ta về thiên tính không ngừng trở nên phong phú và thực tại hơn. Đó là sự kiện mà nhân loại có thể đứng vững trên đó: linh hồn thiêng liêng trong con người. Đó là sự kiện mà Đức Christ đã đứng vững trên đó khi ma quỷ cám dỗ Ngài lần thứ hai.

"Again, the devil taketh him up into an exceeding high mountain, and sheweth him all the kingdoms of the world and the glory of them; and saith unto him, All these things will I give thee if thou wilt fall down and worship me. Then saith Jesus unto him, Get thee hence, Satan, for it is written Thou shalt worship the Lord thy God, and him only shalt thou serve."

ST. MATT., IV, 8, 9, 10.

Christ has been tested in His physical nature and has triumphed. He has been tried in His emotional-desire nature, and we have found that neither the forces of the physical nature nor the glamours which the emotional-feeling nature inevitably bring could cause him to swerve the slightest from the path of spiritual living and expression. All His desires were directed towards God; every activity of His [127] nature was rightly adjusted and divinely expressed. This triumph must have been known to Him, and this realisation carried in itself the seeds of the final temptation. He had triumphed over materialism and over doubt. He knew that the form side of life could not attract Him, and He had fought through to a full recognition of His divinity. Therefore He had conquered the extremes of His nature, its highest and lowest aspects. He expressed now the quality of divinity. The divine reality which He sensed and upon which He relied was potent to penetrate the *maya* and dispel the glamour. Pure desire was left—desire for God. He had been tried in two aspects of His nature—the material and the divine—and as God-Man He overcame the evil one. Primarily, both temptations lay in the region of desire. The call is to personal desirelessness.

"Một lần nữa, ma quỷ đem Ngài lên một ngọn núi rất cao, và chỉ cho Ngài thấy tất cả các vương quốc của thế gian cùng vinh quang của chúng; và nói với Ngài: Tất cả những điều này ta sẽ cho ngươi nếu ngươi sấp mình xuống và thờ lạy ta. Bấy giờ Đức Jesus nói với nó: Hãy lui khỏi ta, Satan, vì có lời chép rằng: Ngươi phải thờ lạy Chúa là Thượng đế của ngươi, và chỉ phụng sự một mình Ngài."

THÁNH MATTHÊU, IV, 8, 9, 10.

Đức Christ đã được thử thách trong bản chất hồng trần của Ngài và đã chiến thắng. Ngài đã được thử trong bản chất cảm xúc-dục vọng của Ngài, và chúng ta đã thấy rằng cả các mãnh lực của bản chất hồng trần lẫn những ảo cảm mà bản chất cảm xúc-cảm giác tất yếu đem lại đều không thể khiến Ngài lệch đi dù chút nhỏ nhất khỏi con đường sống và biểu hiện tinh thần. Mọi dục vọng của Ngài đều hướng về Thượng đế; mọi hoạt động trong bản chất của Ngài [127] đều được điều chỉnh đúng đắn và biểu hiện một cách thiêng liêng. Ngài hẳn đã biết chiến thắng này, và sự nhận biết ấy tự nó mang trong mình những hạt giống của cám dỗ cuối cùng. Ngài đã chiến thắng chủ nghĩa duy vật và nghi ngờ. Ngài biết rằng phương diện hình tướng của đời sống không thể lôi cuốn Ngài, và Ngài đã chiến đấu xuyên qua đến sự nhận biết trọn vẹn về thiên tính của Ngài. Do đó, Ngài đã chinh phục các cực đoan trong bản chất của Ngài, các phương diện cao nhất và thấp nhất của nó. Giờ đây Ngài biểu hiện phẩm tính của thiên tính. Thực tại thiêng liêng mà Ngài cảm nhận và nương tựa có uy lực xuyên thấu *maya* và xua tan ảo cảm. Dục vọng thuần khiết còn lại—dục vọng hướng về Thượng đế. Ngài đã được thử thách trong hai phương diện của bản chất Ngài—phương diện vật chất và phương diện thiêng liêng—và với tư cách Thượng đế-Con

Người, Ngài đã thắng kẻ ác. Về căn bản, cả hai cám dỗ đều nằm trong vùng của dục vọng. Tiếng gọi là hướng tới sự vô dục cá nhân.

So with Christ, desire was transmuted into power, though victory achieved led to developments which had in them the possibility of danger. It was in the realm of power that Christ was next tried. A character that has been carried to a high degree of perfection and which has established a unity between the source of power, the soul, and the instrument of power, the personal lower self, produces what we call a personality. That personality can be a definite source of danger to its owner. The sense of power, the knowledge of achievement, the realisation of capacity and the sensed ability to rule others because one rules oneself, have in them the germs of temptation, and it was here that the devil next attempted to ensnare the Christ. People are apt to be astonished when it is pointed out to them that a fine character can itself be a source of difficulty. It is difficulty of a peculiar kind, in that the things done and the words spoken by a highly developed person whose character is outstandingly fine and whose personality is well rounded out can do much harm—even when the motive is right or apparently so. Such persons wield much more power than the average.

Vì vậy, nơi Đức Christ, dục vọng đã được chuyển hoá thành quyền năng, dù chiến thắng đạt được đã dẫn tới những diễn biến trong đó có khả năng nguy hiểm. Chính trong lĩnh vực quyền năng mà Đức Christ kế tiếp được thử thách. Một Tính cách đã được đưa đến mức hoàn thiện cao và đã thiết lập một sự hợp nhất giữa nguồn quyền năng, tức linh hồn, và khí cụ của quyền năng, tức phàm ngã cá nhân thấp kém, tạo ra điều chúng ta gọi là một phàm ngã. Phàm ngã ấy có thể trở thành một nguồn nguy hiểm rõ rệt cho người sở hữu nó. Cảm thức về quyền năng, tri thức về thành tựu, sự nhận biết về năng lực và khả năng được cảm nhận để cai quản người khác vì người ta cai quản chính mình, đều mang trong chúng những mầm mống của cám dỗ; và chính tại đây ma quỷ kế tiếp đã cố gắng gài bẫy Đức Christ. Người ta thường kinh ngạc khi được chỉ ra rằng một Tính cách tốt đẹp tự nó có thể là một nguồn khó khăn. Đó là khó khăn thuộc một loại đặc biệt, ở chỗ những việc làm và lời nói của một người phát triển cao, có Tính cách đặc biệt tốt đẹp và phàm ngã được hoàn chỉnh trọn vẹn, có thể gây nhiều tổn hại—ngay cả khi động cơ là đúng hoặc dường như đúng. Những người như thế sử dụng nhiều quyền năng hơn người trung bình rất nhiều.

Just what is a fine character, and how is it produced? First, of course, it is produced by the wheel of life and the Galilee [128] experience; then by conscious effort and self-initiated discipline; and finally by the processes of integrating the various aspects of the lower nature into a synthetic whole, into a unity for purposive use.

Chính xác thì một Tính cách tốt đẹp là gì, và nó được tạo ra như thế nào? Trước hết, dĩ nhiên, nó được tạo ra bởi bánh xe đời sống và kinh nghiệm Galilee [128]; rồi bởi nỗ lực có ý thức và kỷ luật tự khởi xướng; và cuối cùng bởi các tiến trình tích hợp những phương diện khác nhau của bản chất thấp kém vào một toàn thể tổng hợp, vào một sự hợp nhất để sử dụng có mục đích.

In the case of Christ in the third temptation, His "conscious values or purposes" were being tried. His integrity must be undermined, if possible, and the unity for which He stood must be forced to disintegrate. If this could be done, and if the standard which He set could be upset, His mission was, from the start, destined to fail. If He could be deceived by the illusion of power, if ambition of a personal nature could be developed in His consciousness, the founding of the kingdom of God might be indefinitely delayed. This temptation was an attack at the very root of the personality. The mind, the integrating factor, with its ability to think clearly, to formulate definite purpose and to choose, was under test. Such temptations do not come to the little-developed, and because of the strength of the character involved they are of the fiercest kind and the most difficult to handle. The call of the devil was to Christ's ambition. Ambition is, par excellence, the problem of the developed aspirant and disciple—personal ambition, love of popularity, worldly ambition, intellectual ambition, and the dictatorship of power over others. The subtlety of this temptation consists in the fact that appeal is made to right motive. It would—such is the implication—be good for the world of human affairs if it all belonged to Christ. By simply recognising the power of the devil, the material force in the world, as being supreme, that control over the kingdoms of the world could be given to Christ. He was offered it as the reward of a single recognition—given alone and unseen on the top of a high mountain—to the power which represented, or symbolised, the triple world of external living. If Christ would briefly fall down and worship that great power, the kingdoms of the world and the glory of them would be His; and we know enough about

Trong trường hợp của Đức Christ ở cám dỗ thứ ba, "các giá trị hay mục đích có ý thức" của Ngài đang được thử thách. Sự toàn vẹn của Ngài phải bị phá hoại, nếu có thể, và sự hợp nhất mà Ngài đại diện phải bị buộc phải tan rã. Nếu điều này có thể thực hiện, và nếu tiêu chuẩn Ngài đặt ra có thể bị lật đổ, thì sứ mệnh của Ngài ngay từ đầu đã được định sẵn là thất bại. Nếu Ngài có thể bị lừa gạt bởi ảo tưởng của quyền năng, nếu tham vọng thuộc bản chất cá nhân có thể được phát triển trong tâm thức của Ngài, thì việc thiết lập Thiên Giới có thể bị trì hoãn vô hạn định. Cám dỗ này là một cuộc tấn công vào tận gốc rễ của phàm ngã. Thể trí, yếu tố tích hợp, với khả năng suy nghĩ rõ ràng, hình thành mục đích xác định và chọn lựa, đang ở dưới thử thách. Những cám dỗ như thế không đến với kẻ ít phát triển, và bởi sức mạnh của Tính cách liên quan, chúng thuộc loại dữ dội nhất và khó xử lý nhất. Tiếng gọi của ma quỷ là tiếng gọi nhắm vào tham vọng của Đức Christ. Tham vọng, hơn hết mọi điều, là vấn đề của người chí nguyện và đệ tử đã phát triển—tham vọng cá nhân, tình yêu đối với sự nổi tiếng, tham vọng thế gian, tham vọng trí tuệ, và quyền lực độc tài đối với người khác. Sự tinh vi của cám dỗ này nằm ở chỗ lời kêu gọi được đưa ra với động cơ đúng đắn. Hàm ý là: sẽ tốt cho thế giới các sự vụ của con người nếu tất cả thuộc về Đức Christ. Chỉ bằng cách nhận biết quyền năng của ma quỷ, mãnh lực vật chất trong thế giới, là tối thượng, quyền kiểm soát các vương quốc của thế gian có thể được trao cho Đức Christ. Điều ấy được đề nghị cho Ngài như phần thưởng của một sự công nhận duy nhất—được đưa ra một mình và không ai thấy trên đỉnh một ngọn núi cao—đối với quyền năng vốn đại diện, hoặc tượng trưng, cho thế giới tam phân của đời sống bên ngoài. Nếu Đức Christ chỉ trong chốc lát sấp mình xuống và thờ lạy quyền năng vĩ đại ấy, các vương quốc của thế gian và vinh quang của chúng sẽ

Him to realise that there would have been no selfish motive in this gesture, could He have [129] been induced to make it. What stood between Him and the acceptance of this opportunity? His reply indicates it clearly, but needs understanding. What intervened was His knowledge that God was One and God was All. The devil showed Him a picture of diversity, of many kingdoms, much division, of multiplicity, plurality, separated units. Christ came to unify, to bring together and to unite in one all kingdoms, all races and all men, so that the words of St. Paul could be true in deed and in fact:

thuộc về Ngài; và chúng ta biết đủ về Ngài để nhận ra rằng sẽ không có động cơ ích kỷ nào trong cử chỉ này, nếu Ngài có thể [129] bị dẫn dụ làm như thế. Điều gì đã đứng giữa Ngài và việc chấp nhận cơ hội này? Câu trả lời của Ngài chỉ ra điều ấy rõ ràng, nhưng cần được thấu hiểu. Điều xen vào là tri thức của Ngài rằng Thượng đế là Một và Thượng đế là Tất Cả. Ma quỷ chỉ cho Ngài một bức tranh về sự đa dạng, về nhiều vương quốc, nhiều chia rẽ, về tính đa bội, tính nhiều, những đơn vị tách rời. Đức Christ đến để hợp nhất, để quy tụ và để kết hợp trong một tất cả các vương quốc, mọi giống dân và mọi người, sao cho những lời của Thánh Phaolô có thể trở thành chân thực trong hành động và trong sự kiện:

"There is one body and one Spirit, even as ye are called in one hope of your calling; one Lord, one faith, one baptism, one God and Father of all, who is above all, and through all, and in you all."

"Chỉ có một thân thể và một Tinh thần, cũng như các ngươi đã được kêu gọi trong một niềm hy vọng của sự kêu gọi mình; một Chúa, một đức tin, một phép rửa, một Thượng đế và Cha của tất cả, Đấng ở trên tất cả, xuyên qua tất cả, và ở trong tất cả các ngươi."

EPHESIANS, IV, 4, 5, 6.

ÊPHÊSÔ, IV, 4, 5, 6.

Had Christ succumbed to the enticements of the devil and, from apparent right motive and love of humanity, accepted the proffered gift, these words would never have been fulfilled, as they surely will be at some date, perhaps not so distant as the chaotic present might lead us to think. Christ held His values true and His purpose unchanged. The illusion of power could not touch Him. That which was real had such a grip of His mind that the unreal and the immediate could not delude His consciousness. He saw the picture whole. He saw the vision of a world wherein there could be no duality but only unity, and from His efforts to bring that future world into being He could not be swerved.

Nếu Đức Christ đã khuất phục trước những quyến dụ của ma quỷ và, từ động cơ dường như đúng đắn cùng tình thương đối với nhân loại, chấp nhận món quà được đề nghị, thì những lời này sẽ không bao giờ được hoàn thành, như chắc chắn chúng sẽ được hoàn thành vào một ngày nào đó, có lẽ không xa như hiện tại hỗn loạn có thể khiến chúng ta nghĩ. Đức Christ giữ các giá trị của Ngài chân thật và mục đích của Ngài không đổi. Ảo tưởng của quyền năng không thể chạm đến Ngài. Điều có thực đã nắm giữ thể trí Ngài mạnh đến mức điều không thực và điều trước mắt không thể đánh lừa tâm thức của Ngài. Ngài thấy toàn bộ bức tranh. Ngài thấy tầm nhìn về một thế giới trong đó không thể có nhị nguyên mà chỉ có hợp

nhất, và Ngài không thể bị làm lệch khỏi những nỗ lực đem thế giới tương lai ấy vào hiện hữu.

Where this vision exists, lesser values and smaller issues cannot hold the ardent heart. Where the whole as a possibility is grasped, the part falls into its rightful place. Where the purpose of God stands clearly revealed to the mind of the seer, the lesser ends or motives, and the tiny wishes and desires for and of the personal self fade out of the picture. At the end of the road of evolution lies the consummation, the kingdom of God, not the kingdoms of the world. They are parts of a future whole, and will be later welded into a spiritual synthesis. But that kingdom, as we shall see in our final chapter, when we sum up the results of initiation, is [130] not brought into being through personal ambition, personal effort and personal desire. It comes through the submergence of the part in the whole and of the individual in the group. But this is brought about willingly and intelligently, with no loss of personal prestige, usefulness or sense of identity. It is not enforced or demanded by the group or state or kingdom, as is so frequently the case today. Dr. van der Leeuw tells us:

Nơi nào tầm nhìn này hiện hữu, các giá trị thấp hơn và những vấn đề nhỏ hơn không thể giữ được trái tim nhiệt thành. Nơi nào toàn thể như một khả thể được nắm bắt, phần riêng rơi vào vị trí đúng đắn của nó. Nơi nào mục đích của Thượng đế hiển lộ rõ ràng trước thể trí của nhà thông nhãn, các cứu cánh hay động cơ thấp hơn, và những ước muốn cùng dục vọng nhỏ bé dành cho và thuộc về bản ngã cá nhân sẽ phai khỏi bức tranh. Ở cuối con đường tiến hoá là sự viên thành, Thiên Giới, chứ không phải các vương quốc của thế gian. Chúng là những phần của một toàn thể tương lai, và về sau sẽ được hàn gắn thành một tổng hợp tinh thần. Nhưng giới ấy, như chúng ta sẽ thấy trong chương cuối khi tổng kết các kết quả của điểm đạo, [130] không được đem vào hiện hữu thông qua tham vọng cá nhân, nỗ lực cá nhân và dục vọng cá nhân. Nó đến thông qua việc phần riêng chìm vào toàn thể và cá nhân chìm vào nhóm. Nhưng điều này được thực hiện một cách tự nguyện và sáng suốt, không mất uy tín cá nhân, tính hữu dụng hay cảm thức về bản sắc. Nó không bị áp đặt hay đòi hỏi bởi nhóm, quốc gia hay giới, như thường xảy ra ngày nay. Tiến sĩ van der Leeuw nói với chúng ta:

"If we would enter the kingdom this attitude must change to that of Christ whose love has become radiating, ever giving out to the surrounding world, whether deserving or not, whose life is centred in the Divine, common to all. In Him there is no remnant even of a separated personality, battling for its own existence or aggrandizement; the cup of His existence is emptied of all that is personal and become filled with the wine of the divine life, shared by all. We, by

"Nếu chúng ta muốn bước vào giới ấy, thái độ này phải đổi thành thái độ của Đức Christ, Đấng mà tình thương đã trở nên tỏa rạng, luôn tuôn ra cho thế giới chung quanh, dù xứng đáng hay không, Đấng mà đời sống đặt trung tâm trong Thiêng liêng, chung cho tất cả. Nơi Ngài không còn chút tàn dư nào của một phàm ngã tách biệt, tranh đấu cho sự tồn tại hay bành trướng thế lực của riêng nó; chiếc chén hiện tồn của Ngài đã được rút cạn khỏi mọi điều cá nhân và trở nên đầy

continuous though possibly unconscious effort, may maintain the centre of separate life which we call our personality; if we would follow Christ, we have to give up the laborious struggle for individual assertion in the desire to be the life of the Whole rather than that of a part. Thus alone can we enter the Kingdom where no separateness can be."

rượu của sự sống thiêng liêng, được chia sẻ bởi tất cả. Chúng ta, bằng nỗ lực liên tục dù có thể vô thức, có thể duy trì trung tâm của sự sống tách biệt mà chúng ta gọi là phàm ngã của mình; nếu muốn theo Đức Christ, chúng ta phải từ bỏ cuộc tranh đấu nhọc nhằn để khẳng định cá nhân trong ước muốn trở thành sự sống của Toàn Thể hơn là của một phần. Chỉ như thế chúng ta mới có thể bước vào Giới nơi không thể có sự chia tách."

'DRAMATIC HISTORY OF CHRISTIAN FAITH', BY DR. VAN DER LEEUW, P. 19.

'LỊCH SỬ KỊCH TÍNH CỦA ĐỨC TIN KITÔ GIÁO', CỦA TIẾN SĨ VAN DER LEEUW, TR. 19.

Christ's temptation consisted of a demanded recognition of duality. But to Him, there was only one kingdom and one way into the kingdom, and one God Who was bringing, slowly indeed but surely, that kingdom into being. His mission was to reveal the method whereby unity could be brought about; to proclaim that inclusive love and that technique of at-one-ment which all who would study His life and react to His spirit could follow. He could not therefore fall into the error of diversity. He could not identify Himself with multiplicity when He embraced in His consciousness, as God, the larger synthesis. Pope, in his famous *Essay on Man*, sensed this, and expressed it in words familiar to all of us:

Cám dỗ của Đức Christ bao gồm một sự đòi hỏi phải công nhận nhị nguyên. Nhưng đối với Ngài, chỉ có một giới và một con đường vào giới ấy, và một Thượng đế, Đấng đang đem giới ấy vào hiện hữu, quả thật chậm rãi nhưng chắc chắn. Sứ mệnh của Ngài là mặc khải phương pháp nhờ đó sự hợp nhất có thể được tạo nên; là tuyên bố tình thương bao gồm ấy và kỹ thuật hiệp nhất ấy mà tất cả những ai muốn nghiên cứu đời sống của Ngài và đáp ứng với tinh thần của Ngài đều có thể noi theo. Vì vậy, Ngài không thể rơi vào sai lầm của sự đa dạng. Ngài không thể đồng hoá Chính Mình với tính đa bội khi, với tư cách Thượng đế, Ngài ôm trọn trong tâm thức của Ngài sự tổng hợp rộng lớn hơn. Pope, trong tác phẩm nổi tiếng *Luận Về Con Người*, đã cảm nhận điều này và diễn đạt nó bằng những lời quen thuộc với tất cả chúng ta:

"God loves from whole to parts, but human soul

"Thượng đế yêu từ toàn thể đến các phần,

Must rise from individual to the whole. [131]

Nhưng linh hồn người phải vươn từ cá nhân đến toàn thể. [131]

Self-love but serves the virtuous mind to wake,

Tình yêu bản thân chỉ phụng sự để đánh thức trí tuệ đức hạnh,

As the small pebble stirs the peaceful lake;

Như viên sỏi nhỏ khuấy động mặt hồ yên bình;

The centre moved, a circle straight succeeds,

Trung tâm chuyển động, lập tức một vòng tròn tiếp nối,

Another still, and still another spreads;

Rồi vòng khác nữa, và lại vòng khác lan ra;

Friend, parent, neighbour, first it will embrace;

Bạn bè, cha mẹ, láng giềng, trước hết nó ôm trọn;

His country next; and next all human race;

Kế đến quê hương y; rồi tiếp theo là toàn thể nhân loại;

Wide and more wide, th' o'erflowings of the mind

Rộng và rộng hơn nữa, những dòng tràn của trí tuệ

Take every creature in, of every kind;

Đón nhận mọi tạo vật, thuộc mọi loài;

Earth smiles around, with boundless bounty blest,

Trái Đất mỉm cười quanh đây, được phúc bằng ân huệ vô biên,

And Heaven beholds its image in his breast."

Và Thiên Đàng ngắm hình ảnh của mình trong lồng ngực y."

Then the devil leaves Him. He could do no more, and Christ "departed into Galilee," *(St. Matt., IV, 12.)* going back again to the round of daily living. The Galilee experience can never be evaded by any Son of God whilst incarnate in the flesh. He then did three things: first, hearing that John the Baptist had been cast into prison, Christ took up the task laid down by him, and went on with the preaching of repentance. Next, He chose with care those who were to work with Him, and whom He had to train to carry forward the mission of the kingdom, and then He began that increased service which is ever

Bấy giờ ma quỷ rời khỏi Ngài. Nó không thể làm gì hơn, và Đức Christ "đi vào Galilee," *(Thánh Matthêu, IV, 12.)* trở lại vòng sống hằng ngày. Kinh nghiệm Galilee không bao giờ có thể bị né tránh bởi bất cứ Con của Thượng đế nào khi còn nhập thể trong xác thịt. Khi đó Ngài làm ba điều: trước hết, khi nghe rằng Gioan Tẩy Giả đã bị tống vào tù, Đức Christ nhận lấy nhiệm vụ mà ông đã đặt xuống, và tiếp tục rao giảng sự ăn năn. Kế đến, Ngài cẩn thận chọn những người sẽ làm việc với Ngài, và những người Ngài phải huấn luyện để tiếp tục sứ mệnh của Thiên Giới; rồi Ngài bắt đầu sự phụng sự gia tăng

the signal to the world that a man has become more inclusive and has passed through another initiation. Even though the world may not at the time recognise that signal, it is never again just the same world as it was before the initiation is taken and the service rendered. The emergence of an initiate into the field of the world makes that field different.

ấy, vốn luôn là dấu hiệu báo cho thế giới rằng một con người đã trở nên bao gồm hơn và đã vượt qua một lần điểm đạo khác. Dù thế giới vào lúc ấy có thể không nhận ra dấu hiệu đó, nó không bao giờ còn là cùng một thế giới như trước khi lần điểm đạo được nhận và sự phụng sự được thực hiện. Sự xuất hiện của một điểm đạo đồ trong trường đời thế gian khiến trường ấy trở nên khác đi.

Christ went about doing good, "teaching in the synagogues, preaching the gospel of the kingdom, and healing all manner of disease among the people." *(St. Matt., IV, 17-24.)* He had registered before God and man, and to Himself, His perfection. He emerged from the wilderness experience tried, tested, and with His divinity completely vindicated. He knew Himself to be God; He had demonstrated to Himself His divine humanity. And yet as is the way with all the [132] liberated sons of God, He could not rest until He had shown us the way. He had to transmit the great energy of the Love of God.

Đức Christ đi khắp nơi làm điều thiện, "giảng dạy trong các hội đường, rao giảng phúc âm của Thiên Giới, và chữa lành mọi thứ bệnh tật trong dân chúng." *(Thánh Matthêu, IV, 17-24.)* Trước Thượng đế và con người, và trước Chính Ngài, Ngài đã ghi nhận sự hoàn thiện của Ngài. Ngài bước ra khỏi kinh nghiệm hoang mạc, đã được thử, được kiểm chứng, và với thiên tính của Ngài được biện minh hoàn toàn. Ngài biết Chính Mình là Thượng đế; Ngài đã chứng minh cho Chính Mình nhân tính thiêng liêng của Ngài. Tuy vậy, như thường thấy ở tất cả các con của Thượng đế đã được giải thoát, [132] Ngài không thể nghỉ ngơi cho đến khi Ngài chỉ cho chúng ta con đường. Ngài phải truyền chuyển năng lượng vĩ đại của Tình thương của Thượng đế.

Perfected, serving and with a full knowledge of His mission, Christ now enters into the period of active work which must precede the next initiation, that of the Transfiguration.

Đã hoàn thiện, đang phụng sự và với tri thức đầy đủ về sứ mệnh của Ngài, giờ đây Đức Christ bước vào giai đoạn hoạt động tích cực vốn phải đi trước lần điểm đạo kế tiếp, tức Cuộc Biến Hình.

CHAPTER FOUR - The Third Initiation . . . The Transfiguration on a High Mountain – CHƯƠNG BỐN - Lần Điểm Đạo Thứ Ba . . . Cuộc Biến Hình trên Một Ngọn Núi Cao

KEY THOUGHT

TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO

Arjuna said:

Arjuna nói:

"The word which Thou hast spoken through love of me, the supreme mystery named the Oversoul—through it my delusion is gone.

"Lời mà Ngài đã nói vì tình thương đối với con, huyền nhiệm tối thượng được gọi là đại hồn—nhờ đó huyễn hoặc của con đã tan biến.

"For the birth and the passing of beings have been heard by me at length from Thee, whose eyes are lotus petals; I have heard also of the Great Spirit, which passes not away.

"Vì sự sinh ra và sự qua đi của các sinh linh, con đã được nghe dài rộng từ Ngài, Đấng có đôi mắt như cánh Hoa sen; con cũng đã nghe về Đấng Tinh thần Vĩ đại, Đấng không qua đi.

"So I would see that Self as it has been spoken by Thee, Mighty Lord; that divine form of Thine, O best of men!

"Vì vậy, con muốn thấy Bản Ngã ấy như Ngài đã nói, Chúa Tể Hùng Mạnh; hình tướng thiêng liêng ấy của Ngài, ôi Đấng cao quý nhất trong loài người!

"If Thou thinkest it can be seen by me, Lord, Master of union, then reveal to me the Self everlasting!"

"Nếu Ngài nghĩ rằng con có thể thấy được điều ấy, lạy Chúa, Chân sư của sự hợp nhất, thì xin hãy mặc khải cho con Bản Ngã vĩnh cửu!"

BHAGAVAD GITA, XI.1-4.

CHÍ TÔN CA, XI.1-4.

1

1

[135] Another period of service is ended. Christ faced another interior crisis, and this time, according to the story, one which He shared with His three favourite disciples, with the three people closest to Him. His demonstrated self-control, and henceforth His immunity from temptation, as we can understand it, had been succeeded by a

[135] Một giai đoạn phụng sự khác đã kết thúc. Đức Christ đối diện một cuộc khủng hoảng nội tâm khác, và lần này, theo câu chuyện, là một cuộc khủng hoảng mà Ngài chia sẻ với ba đệ tử được Ngài yêu quý nhất, với ba người gần gũi Ngài nhất. Sự tự chủ đã được chứng minh của Ngài, và từ đó trở đi sự miễn nhiễm của Ngài đối với cám dỗ, theo

period of intense activity. He had also laid the foundation of the kingdom of God which it was His mission to found, and whose inner structure and skeleton outline were built upon the twelve apostles, the seventy disciples whom He chose and trained, and the groups of men and women everywhere which responded to His message. So far He was successful. Now He faced another initiation and a further expansion of consciousness. These initiations, to which He subjected Himself on our behalf, and to which we may all in due time aspire, constitute in themselves a living synthesis of revelation which it may profit us to study before we consider the detail of the stupendous revelation which was accorded to the three apostles on the mountain-top. Three of these crises are perhaps of greater significance than has hitherto been grasped by humanity, which is prone to lay the emphasis mainly upon one of them only, the Crucifixion.

mức chúng ta có thể thấu hiểu, đã được tiếp nối bởi một giai đoạn hoạt động mãnh liệt. Ngài cũng đã đặt nền móng cho Thiên Giới, vốn là sứ mệnh của Ngài để thiết lập, và cấu trúc bên trong cùng khung sườn của giới ấy được xây dựng trên mười hai tông đồ, bảy mươi đệ tử mà Ngài đã chọn và huấn luyện, và các nhóm những người nam và nữ ở khắp nơi đã đáp ứng với thông điệp của Ngài. Cho đến đây Ngài đã thành công. Giờ đây Ngài đối diện một lần điểm đạo khác và một sự mở rộng tâm thức xa hơn. Những lần điểm đạo này, mà Ngài tự đặt mình vào vì chúng ta, và mà tất cả chúng ta, đúng thời, có thể khát vọng đạt tới, tự chúng cấu thành một tổng hợp sống động của sự mặc khải; việc nghiên cứu chúng có thể đem lại lợi ích cho chúng ta trước khi chúng ta xem xét chi tiết sự mặc khải kỳ vĩ đã được ban cho ba tông đồ trên đỉnh núi. Ba trong số các cuộc khủng hoảng này có lẽ có thâm nghĩa lớn hơn điều nhân loại cho đến nay đã nắm bắt, vì nhân loại có khuynh hướng đặt sự nhấn mạnh chủ yếu vào chỉ một trong số đó, Cuộc Đóng Đinh.

One wonders sometimes whether the other tremendous experiences through which Christ passed would have been relatively overlooked in favour of the Crucifixion had the [136] Epistles never been written and had we only the Gospel story upon which to base our Christian belief. This is a point to consider, and worthy of serious speculation. The bias thrown on Christian theology by St. Paul has perhaps over-balanced the structure of the presentation of Christ as we were meant to get it. The three initiations which, in the last analysis, may mean the most to the seeker after truth, are the birth into the kingdom, that august moment when the entire lower nature is transfigured and one realises the fitness of God's sons to be citizens of that kingdom, and the final crisis wherein the immortality of the soul is

Đôi khi người ta tự hỏi liệu những kinh nghiệm phi thường khác mà Đức Christ đã trải qua có bị tương đối xem nhẹ để nhường chỗ cho Cuộc Đóng Đinh hay không, nếu các [136] Thư Tín chưa bao giờ được viết ra và nếu chúng ta chỉ có câu chuyện Phúc Âm làm nền tảng cho niềm tin Kitô giáo của mình. Đây là một điểm cần xem xét, và đáng để suy tư nghiêm túc. Sự thiên lệch mà Thánh Phaolô đưa vào thần học Kitô giáo có lẽ đã làm mất cân bằng cấu trúc của cách trình bày về Đức Christ như lẽ ra chúng ta được dự định tiếp nhận. Ba lần điểm đạo mà, xét đến cùng, có thể có ý nghĩa lớn nhất đối với người tìm kiếm chân lý, là sự sinh vào giới ấy, khoảnh khắc uy nghi khi toàn bộ bản chất thấp kém được biến hình và người ta nhận ra sự xứng đáng của các con của Thượng đế để trở thành công dân của giới ấy,

demonstrated and recognised. The Baptism and the Crucifixion have other values, emphasising as they do purification and self-sacrifice. This may surprise the reader, in that it seems to belittle the Christ, but it is profoundly necessary for us to see the picture as the Gospels present it, uncoloured by the interpretations of a later son of God, no matter if brilliant and sincere, as was St. Paul. In dealing with the subject of Deity, we have always been told that we know God through His nature, and that nature is Spirit or Life, Soul or conscious love, and Form intelligently motivated. Life, quality, and appearance—these are the three major aspects of divinity, and we know no others; but that does not mean that we shall not contact other aspects when eventually we provide the mechanism of knowledge and the intuition to penetrate deeper into the divine Nature. We do not yet know the Father. Christ revealed Him, but the Father Himself remains as yet behind the scenes, inscrutable, unseen and unknown, except as He is revealed through the life of His sons, and by the revelation given peculiarly to the Occident by Jesus Christ.

và cuộc khủng hoảng cuối cùng trong đó tính bất tử của linh hồn được chứng minh và được nhận biết. Phép Rửa và Cuộc Đóng Đinh có những giá trị khác, vì chúng nhấn mạnh sự thanh tẩy và sự hi sinh bản thân. Điều này có thể làm người đọc ngạc nhiên, vì dường như nó hạ thấp Đức Christ, nhưng điều hết sức cần thiết là chúng ta phải thấy bức tranh như các Phúc Âm trình bày, không bị tô màu bởi những diễn giải của một người con của Thượng đế về sau, dù người ấy lỗi lạc và chân thành như Thánh Phaolô. Khi bàn đến đề tài Thượng đế, chúng ta luôn được bảo rằng chúng ta biết Thượng đế qua bản chất của Ngài, và bản chất ấy là Tinh thần hay Sự sống, Linh hồn hay tình thương có ý thức, và Hình tướng được thúc đẩy một cách sáng suốt. Sự sống, phẩm tính và sắc tướng —đây là ba phương diện chính của thiên tính, và chúng ta không biết những phương diện nào khác; nhưng điều đó không có nghĩa là rốt cuộc chúng ta sẽ không tiếp xúc những phương diện khác khi chúng ta cung cấp bộ máy tri thức và trực giác để xuyên thấu sâu hơn vào Bản Chất thiêng liêng. Chúng ta vẫn chưa biết Cha. Đức Christ đã mặc khải Ngài, nhưng Chính Cha vẫn còn ở hậu trường, bất khả tư nghị, không được thấy và chưa được biết, ngoại trừ khi Ngài được mặc khải qua đời sống của các con Ngài, và qua sự mặc khải được Đức Jesus Christ trao một cách đặc biệt cho phương Tây.

As we consider these initiations, the three mentioned above stand out clearly. At the Birth in Bethlehem we have the *appearance* of God, God is made manifest in the flesh. At the Transfiguration we have the *quality of God* revealed in its transcendent beauty, whilst at the Resurrection initiation the *life aspec*t of divinity makes its presence felt.

Khi chúng ta xem xét những lần điểm đạo này, ba lần đã nêu ở trên nổi bật rõ ràng. Trong Cuộc Sinh tại Bethlehem, chúng ta có *sắc tướng* của Thượng đế, Thượng đế được biểu lộ trong xác thịt. Trong Cuộc Biến Hình, chúng ta có *phẩm tính của Thượng đế* được mặc khải trong vẻ đẹp siêu việt của nó, trong khi ở lần điểm đạo Phục Sinh, *phương diện sự sống* của thiên tính khiến sự hiện diện của nó được cảm nhận.

[137] In His earthly life, therefore, Christ did two things:

1. He revealed the triple nature of Deity in the first, third, and fifth initiations.

2. He demonstrated the expansions of consciousness which come when the requirements are duly met—purification and self-sacrifice.

In these five episodes the whole story of initiation is told; birth, subsequent purification in order that right manifestation of Deity may follow, revelation of the nature of God through the medium of a transfigured personality, and finally the goal—life eternal and unending because decentralised and freed from the self-imposed limitations of form.

These three major initiations, the first, the third and the fifth, constitute the three syllables of the Word made flesh; they embody the musical chord of Christ's life, as they will be embodied in the life of all who follow in His steps. Through re-orientation to new modes of living and of being we pass through the necessary stages of adaptation of the vehicles of life, up to that mountain-top where the divine in us is revealed in all its beauty. Then we pass to a "joyful Resurrection," and to that eternal identification with God which is the everlasting experience of all who are perfected. We might depict the process as follows:

[137] Do đó, trong đời sống trần gian của Ngài, Đức Christ đã làm hai điều:

1. Ngài mặc khải bản chất tam phân của Thượng đế trong các lần điểm đạo thứ nhất, thứ ba và thứ năm.

2. Ngài chứng minh những sự mở rộng tâm thức đến khi các yêu cầu được đáp ứng đúng đắn—sự thanh tẩy và sự hi sinh bản thân.

Trong năm biến cố này, toàn bộ câu chuyện về điểm đạo được thuật lại: sự sinh ra, sự thanh tẩy tiếp theo để sự biểu lộ đúng đắn của Thượng đế có thể theo sau, sự mặc khải bản chất của Thượng đế thông qua phương tiện là một phàm ngã đã được biến hình, và sau cùng là mục tiêu—sự sống vĩnh cửu và vô tận vì đã phi tập trung vào bản thân và được giải phóng khỏi những giới hạn tự áp đặt của hình tướng.

Ba lần điểm đạo chính này, lần thứ nhất, thứ ba và thứ năm, cấu thành ba âm tiết của Linh từ đã thành xác thịt; chúng hiện thân cho hợp âm trong đời sống của Đức Christ, cũng như chúng sẽ được hiện thân trong đời sống của tất cả những ai đi theo bước chân Ngài. Qua sự tái định hướng sang những phương thức mới của sống và hiện tồn, chúng ta đi qua các giai đoạn thích ứng cần thiết của các hiện thể sự sống, lên đến đỉnh núi nơi phần thiêng liêng trong chúng ta được mặc khải trong tất cả vẻ đẹp của nó. Rồi chúng ta đi tới một "Cuộc Phục Sinh hoan hỉ," và tới sự đồng hoá vĩnh cửu ấy với Thượng đế, vốn là kinh nghiệm đời đời của tất cả những ai đã được hoàn thiện. Chúng ta có thể phác họa tiến trình như sau:

Cuộc điểm đạo thứ nhất Cuộc điểm đạo thứ ba Cuộc điểm đạo thứ năm

1st Initiation	*3rd Initiation*	*5th Initiation*
Sự tái sinh	Biến hình	Sự phục sinh
New Birth	*Transfiguration*	*Resurrection*
điểm đạo	sự mặc khải	Sự hoàn tất
Initiation	*Revelation*	*Completion*
Sự khởi đầu	Chuyển tiếp	Sự viên mãn
Beginning	*Transition*	*Consummation*
Diện mạo	phẩm tính	Sự sống
Appearance	*Quality*	*Life*

This is the first of the mountain experiences. We have had the cave experience and the stream initiation. Each of them has done its work, each revealing more and more divinity in the Man, Christ Jesus. The experience of Christ, as we have been seeing, was to pass from one process of at-one-ment to another. One of the prime objectives of His [138] mission was to resolve the dualities in Himself, producing unity and synthesis. What are these dualities which are to be resolved into unity before the spirit in man can shine forth in its radiance? We might list five of them in order to gain an idea of what must be done and in order to understand the magnitude of Christ's achievement. Transfiguration is not possible until these unifications have been made.

Đây là kinh nghiệm núi đầu tiên. Chúng ta đã có kinh nghiệm hang động và lần điểm đạo dòng chảy. Mỗi kinh nghiệm đã làm công việc của nó, mỗi kinh nghiệm mặc khải ngày càng nhiều thiên tính hơn trong Con Người, Đức Christ Jesus. Kinh nghiệm của Đức Christ, như chúng ta đã thấy, là đi từ tiến trình hiệp nhất này sang tiến trình hiệp nhất khác. Một trong những mục tiêu chính của sứ mệnh Ngài [138] là giải quyết các nhị nguyên trong Chính Ngài, tạo ra hợp nhất và tổng hợp. Những nhị nguyên nào phải được giải quyết thành hợp nhất trước khi tinh thần trong con người có thể tỏa sáng trong vẻ rạng rỡ của nó? Chúng ta có thể liệt kê năm nhị nguyên để có một ý niệm về điều phải được thực hiện và để thấu hiểu tầm vóc thành tựu của Đức Christ. Biến hình không thể có trước khi những sự hợp nhất này được thực hiện.

First, man and God must be fused and blended into one functioning whole. God, made flesh, must so dominate and control the flesh that it constitutes no hindrance to

Trước hết, con người và Thượng đế phải được dung hợp và hòa trộn thành một toàn thể vận hành duy nhất. Thượng đế, đã thành xác thịt, phải chi phối và kiểm soát xác thịt

the full expression of divinity. Such is not the case with the average man. With him divinity may be present, but it is deeply hidden. However, today, through our psychological investigations, much is being discovered as to this higher and lower self, and the nature of that which is called at times the "subliminal self" is emerging through a study of the reaction of the outer active self to the activities of that inner subjective guidance. That man is dual has been recognised everywhere, and this in itself presents a problem with which psychologists are constantly confronted. Personalities seem to function in a "split" manner; people are distraught because of this cleavage. We hear of multiple personalities, and the necessity for integration, for co-ordination of the different aspects of man, and the fusing of his nature in one functioning whole becomes more and more urgent. The recognition of man's reach and the constant pull of the world of transcendental values have produced an acute problem for the world. The primitive and the transcendental; the outer conscious man and the inner subjective subliminal man; the higher and the lower self; the personality and the individuality; the soul and the body —how are these to be reconciled? Of the higher values, man is ceaselessly conscious. Of the man who wills to do good, and of the nature which in opposition causes him to perform evil, all the saints testify.

đến mức nó không còn tạo thành chướng ngại cho sự biểu hiện trọn vẹn của thiên tính. Điều này không đúng với người trung bình. Nơi y, thiên tính có thể hiện diện, nhưng bị che giấu sâu xa. Tuy nhiên, ngày nay, qua những khảo cứu tâm lý của chúng ta, nhiều điều đang được khám phá về chân ngã và phàm ngã này, và bản chất của điều đôi khi được gọi là "bản ngã tiềm thức" đang xuất hiện qua việc nghiên cứu phản ứng của bản ngã hoạt động bên ngoài đối với những hoạt động của sự hướng dẫn chủ quan bên trong ấy. Việc con người là nhị nguyên đã được công nhận khắp nơi, và chính điều này tự nó trình bày một vấn đề mà các nhà tâm lý học thường xuyên đối diện. Các phàm ngã dường như vận hành theo một cách "phân liệt"; con người bị rối loạn vì sự chia cắt này. Chúng ta nghe nói về các đa nhân cách, và nhu cầu tích hợp, phối hợp các phương diện khác nhau của con người, và dung hợp bản chất của y thành một toàn thể vận hành duy nhất trở nên ngày càng cấp thiết. Sự nhận biết về tầm vươn của con người và sức kéo thường hằng của thế giới các giá trị siêu việt đã tạo ra một vấn đề gay gắt cho thế giới. Cái nguyên thủy và cái siêu việt; con người có ý thức bên ngoài và con người tiềm thức chủ quan bên trong; chân ngã và phàm ngã; phàm ngã và cá thể; linh hồn và thân thể— làm thế nào những điều này được hòa giải? Con người không ngừng có ý thức về các giá trị cao hơn. Về con người có ý chí làm điều thiện, và về bản chất đối nghịch khiến y làm điều ác, tất cả các thánh nhân đều làm chứng.

The entire human family today is split on the rock of duality. Either the personality is dual and therefore unmanageable [139] or groups and nations are divided into opposing camps, and again duality emerges in intense dynamic difficulty.

Toàn thể gia đình nhân loại ngày nay bị phân đôi trên tảng đá của nhị nguyên. Hoặc phàm ngã là nhị nguyên và vì thế không thể quản trị [139], hoặc các nhóm và quốc gia bị chia thành những phe đối lập, và một lần nữa nhị nguyên nổi lên trong khó khăn năng động mãnh liệt.

It is integration which Christ so fully exemplified, thus resolving the dualities of higher and lower in Himself, making "of twain one new man," *(Ephesians, II, 15.)* and it was this "new man" which shone forth at the Transfiguration before the startled gaze of the three apostles. It is this basic integration or unification which religion should aim to produce, and it is this co-ordination between two fundamental aspects of human nature—the natural and the divine—which education should effect.

Chính sự tích hợp mà Đức Christ đã nêu gương trọn vẹn, nhờ đó giải quyết các nhị nguyên của cao và thấp trong Chính Ngài, làm "từ hai thành một con người mới," *(Êphêsô, II, 15.)* và chính "con người mới" này đã tỏa sáng trong Cuộc Biến Hình trước ánh nhìn kinh ngạc của ba tông đồ. Chính sự tích hợp hay hợp nhất căn bản này là điều tôn giáo phải nhằm tạo ra, và chính sự phối hợp giữa hai phương diện nền tảng của bản chất con người—tự nhiên và thiêng liêng—là điều giáo dục phải thực hiện.

This problem of the two selves, which Christ so strikingly synthesised in Himself, is the strictly human problem. The secondary self, in contradistinction to the divine self, is a fact in nature, however we may try to evade the issue and refuse recognition of its existence. The "natural man" exists, as does the "spiritual man," and in the interaction of the two the human problem is focussed. Man himself makes this clear. In speaking of man, Dr. Bosanquet says that:

Vấn đề về hai bản ngã này, mà Đức Christ đã tổng hợp trong Chính Ngài một cách nổi bật, là vấn đề thuần túy của con người. Bản ngã thứ yếu, đối lập với bản ngã thiêng liêng, là một sự kiện trong tự nhiên, dù chúng ta có cố né tránh vấn đề và từ chối công nhận sự tồn tại của nó đến đâu. "Con người tự nhiên" tồn tại, cũng như "con người tinh thần" tồn tại, và trong sự tương tác của hai điều này, vấn đề con người được tập trung. Chính con người làm rõ điều này. Khi nói về con người, Tiến sĩ Bosanquet nói rằng:

"... his innate self-transcendence, his ineradicable passion for the whole, makes it inevitable that out of the superfluity which he cannot systematise under the good, he will form a secondary and negative self, a disinherited self, hostile to the imperative domination of the good which is, *ex hypothesi*, only partial. And this discord is actually necessary to the good; for it sets it its characteristic problem, the conquest of the bad. And the good is necessary to the evil, for beyond rebellion against the good, the would-be totality of the disinherited self can find no other unity."

"... sự tự siêu vượt bẩm sinh của y, niềm đam mê không thể nhổ tận gốc của y đối với toàn thể, khiến điều tất yếu là từ phần dư thừa mà y không thể hệ thống hóa dưới điều thiện, y sẽ hình thành một bản ngã thứ yếu và tiêu cực, một bản ngã bị truất quyền, thù nghịch với sự thống trị bắt buộc của điều thiện vốn, *theo giả thuyết*, chỉ là một phần. Và sự bất hòa này thực sự cần thiết cho điều thiện; vì nó đặt ra cho điều thiện vấn đề đặc trưng của nó, tức cuộc chinh phục cái xấu. Và điều thiện cần thiết cho cái ác, vì ngoài sự phản nghịch chống lại điều thiện, tính toàn thể muốn-được-là của bản ngã bị truất quyền không thể tìm thấy sự hợp nhất nào khác."

'THE VALUE AND DESTINY OF THE INDIVIDUAL', BY B. BOSANQUET, P. 210.)

Here lies man's problem, and here lie his triumph and the expression of his essential divinity. The higher self exists, and finally and inevitably must gain the victory over the lower self. One of the things that is happening today is the [140] discovery of the existence of this higher self, and many are the testimonies to its nature and qualities. Through a consideration of the self in every man we are steadily approximating an understanding of divinity.

Behind the manifestation of Jesus Christ lay aeons of experience. God had been expressing Himself through natural processes, through humanity as a whole, and through specific individuals, as the ages slipped away. Then Christ came, and in process of time, as a definite fulfilment of the past and as a guarantee of the future, He synthesized in Himself, in one transcendent Personality, all that had been achieved and all that was immediate in human experience. He was a Personality, as well as a divine Individuality. His life with its quality and its purpose has set its seal upon our civilisation, and His demonstrated synthesis is the inspiration of the present. This consummated Personality, synthesising in Itself all that preceded in human evolution, and expressing all that immediately may be, is God's great gift to man.

Christ, as the Personality that healed the division in human nature, and Christ, as the synthesis of the higher and the lower aspects of divinity, is the glorious heritage of

'GIÁ TRỊ VÀ SỐ MỆNH CỦA CÁ NHÂN', CỦA B. BOSANQUET, TR. 210.)

Ở đây nằm vấn đề của con người, và ở đây nằm chiến thắng của y cùng sự biểu hiện thiên tính cốt yếu của y. Chân ngã tồn tại, và sau cùng, tất yếu phải giành chiến thắng trước phàm ngã. Một trong những điều đang xảy ra ngày nay là sự [140] khám phá sự tồn tại của chân ngã này, và có nhiều chứng ngôn về bản chất cùng các phẩm tính của nó. Qua việc xem xét bản ngã trong mỗi người, chúng ta đang đều đặn tiến gần đến sự thấu hiểu thiên tính.

Đằng sau sự biểu hiện của Đức Jesus Christ là những đại kiếp kinh nghiệm. Thượng đế đã biểu đạt Chính Ngài qua các tiến trình tự nhiên, qua toàn thể nhân loại, và qua những cá nhân đặc thù, khi các thời đại trôi qua. Rồi Đức Christ đến, và theo dòng thời gian, như một sự hoàn tất xác định của quá khứ và như một bảo chứng cho tương lai, Ngài tổng hợp nơi Chính Ngài, trong một Phàm ngã siêu việt duy nhất, tất cả những gì đã đạt được và tất cả những gì là trực tiếp trong kinh nghiệm nhân loại. Ngài là một Phàm ngã, cũng như là một Cá Thể thiêng liêng. Đời sống của Ngài, với phẩm tính và mục đích của nó, đã đóng dấu ấn lên nền văn minh của chúng ta, và sự tổng hợp mà Ngài chứng minh là nguồn cảm hứng của hiện tại. Phàm ngã viên mãn này, tổng hợp nơi Chính Nó tất cả những gì đi trước trong tiến hoá nhân loại, và biểu đạt tất cả những gì có thể hiện hữu tức thời, là tặng phẩm vĩ đại của Thượng đế dành cho con người.

Đức Christ, với tư cách là Phàm ngã đã chữa lành sự phân rẽ trong bản chất con người, và Đức Christ, với tư cách là sự tổng hợp của các phương diện cao và thấp của thiên tính, là di sản huy hoàng của nhân loại ngày nay. Đây

mankind today. This is what was revealed at the Transfiguration.

là điều đã được mặc khải trong cuộc Biến hình.

However, it is useful to remember that only at a certain stage in human development does the expression of the indwelling Christ life and consciousness become possible. The fact of evolution, with its necessary distinctions and differences, is incontrovertible. All men are not the same. They vary in their presentation of divinity. Some are really sub-human as yet. Others are simply human, and still others are beginning to display qualities and characteristics which are super-human. The question might justifiably arise: when does the possibility come to man of transcending the human, and becoming divine? Two factors will at that time control. He will have transcended the emotional and physical natures, and, entering the realm of thought, he should be responding in some way to ideals as they are presented to him by the [141] thinkers of the world. There must come a time in the progress of each human being when the development of the triple human nature—physical, emotional and mental—reaches a point of possible synthesis. He then becomes a personality. He thinks. He decides. He determines. He assumes control of his life and becomes not only an originating centre of activity but an impressive influence in the world. It is the coming in, with power, of the mind quality, and the capacity to think, which make this possible.

Tuy nhiên, cần nhớ rằng chỉ ở một giai đoạn nhất định trong sự phát triển của con người, sự biểu đạt của sự sống và tâm thức Christ nội tại mới trở nên khả hữu. Sự kiện tiến hoá, với những phân biệt và khác biệt tất yếu của nó, là điều không thể bác bỏ. Mọi người không giống nhau. Họ khác nhau trong cách biểu lộ thiên tính. Một số thực sự cho đến nay vẫn còn dưới mức con người. Những người khác chỉ đơn giản là con người, và lại có những người khác đang bắt đầu biểu lộ những phẩm tính và đặc điểm siêu nhân. Câu hỏi có thể được nêu lên một cách chính đáng: khi nào khả năng vượt lên trên con người và trở nên thiêng liêng đến với con người? Khi ấy, hai yếu tố sẽ chi phối. Y sẽ vượt qua các bản chất cảm xúc và hồng trần, và khi bước vào lĩnh vực tư tưởng, y phải đáp ứng theo một cách nào đó với các lý tưởng như chúng được trình bày cho y bởi các nhà tư tưởng [141] của thế giới. Phải đến một thời điểm trong tiến trình của mỗi con người khi sự phát triển của bản chất tam phân của con người — hồng trần, cảm xúc và trí tuệ — đạt tới một điểm có khả năng tổng hợp. Khi ấy y trở thành một phàm ngã. Y suy nghĩ. Y quyết định. Y xác định. Y nắm quyền kiểm soát đời sống của mình và trở thành không chỉ một trung tâm khởi phát hoạt động mà còn là một ảnh hưởng gây ấn tượng trong thế giới. Chính sự xuất hiện mạnh mẽ của phẩm tính trí tuệ và năng lực suy nghĩ làm cho điều này trở nên khả hữu.

It is this insistence upon thought, and this determination to handle life from the angle of mind and not of emotion, which distinguish a “personality” from the rank and file of human beings. The man who thinks and who acts upon the resolutions and incentives which have their origin in

Chính sự nhấn mạnh vào tư tưởng này, và quyết tâm xử lý đời sống từ góc độ trí tuệ chứ không phải từ cảm xúc, phân biệt một “phàm ngã” với hàng ngũ đông đảo con người. Người nào suy nghĩ và hành động theo những quyết định và động lực có nguồn gốc trong các thực tại tư tưởng đã được cân

duly considered thought-realities becomes, in time, a "personality," and begins to sway other minds. He exercises a definite influence upon other people. Yet overseeing the personality is the inner spiritual man, which we might call the "individual." It is here again that Christ achieved success, and the second duality, which He so significantly resolved, is that of the personal self and the "individuality." The finite and the infinite must be brought into a close relation. This, Christ demonstrated in the Transfiguration, when, through the medium of a purified and developed personality, He manifested the nature and the quality of God. The finite nature had been transcended and could no longer control His activities. He had passed in His consciousness to the realm of inclusive realisation, and the ordinary rules governing the finite individual, with its petty problems and its small reaction to events and persons, could no longer influence Him nor determine His conduct. He had achieved contact with that realm of being in which there is not only understanding, but peace, through unity.

nhắc đúng mức, theo thời gian, trở thành một "phàm ngã," và bắt đầu tác động đến trí tuệ người khác. Y tạo một ảnh hưởng rõ rệt lên những người khác. Tuy vậy, giám sát phàm ngã là con người tinh thần bên trong, mà chúng ta có thể gọi là "cá thể." Ở đây một lần nữa Đức Christ đã thành công, và nhị nguyên thứ hai mà Ngài đã giải quyết một cách đầy ý nghĩa là nhị nguyên giữa bản ngã cá nhân và "cá thể tính." Cái hữu hạn và cái vô hạn phải được đưa vào một mối liên hệ mật thiết. Điều này, Đức Christ đã chứng minh trong cuộc Biến hình, khi, qua trung gian của một phàm ngã đã được thanh luyện và phát triển, Ngài biểu lộ bản chất và phẩm tính của Thượng đế. Bản chất hữu hạn đã được vượt qua và không còn có thể chi phối các hoạt động của Ngài. Trong tâm thức của Ngài, Ngài đã vượt vào lĩnh vực của sự chứng nghiệm bao gồm, và những quy luật thông thường chi phối cá nhân hữu hạn, với các vấn đề nhỏ bé và phản ứng bé nhỏ của nó trước các biến cố và con người, không còn có thể ảnh hưởng đến Ngài hay quyết định cách ứng xử của Ngài. Ngài đã đạt được sự tiếp xúc với lĩnh vực Bản Thể nơi không chỉ có thấu hiểu mà còn có bình an, qua sự hợp nhất.

Rules and fixations and considerations Christ had surmounted, and consequently He functioned as an individual and not as a human personality. He was governed by the [142] rules which control in the realm of the spirit, and it was this which the three Apostles recognised at the Transfiguration, and which led to their submission to Him henceforth as the One Who represented to them Divinity. Christ, therefore, at the Transfiguration, unified in Himself God and Man, His developed Personality blending with His Individuality. He stood forth as the perfect expression of the uttermost possibility to which humanity could aspire. The dualities, of which mankind is so

Đức Christ đã vượt qua các quy luật, những sự cố chấp và các cân nhắc, và do đó Ngài hoạt động như một cá thể chứ không như một phàm ngã con người. Ngài được chi phối bởi các [142] quy luật vốn điều khiển trong lĩnh vực tinh thần, và chính điều này ba vị Tông đồ đã nhận ra trong cuộc Biến hình, khiến từ đó về sau họ quy phục Ngài như Đấng đại diện cho Thiên tính đối với họ. Vì vậy, trong cuộc Biến hình, Đức Christ đã hợp nhất nơi Chính Ngài Thượng đế và Con Người, Phàm ngã đã phát triển của Ngài hoà nhập với Cá Thể Tính của Ngài. Ngài hiện ra như sự biểu đạt hoàn hảo của khả năng tối thượng mà nhân loại có thể khao khát đạt tới. Những nhị nguyên mà nhân loại là sự

distressingly the expression, met in Him, and resulted in a synthesis of such perfection that, for all time, He determined the goal of our race.

biểu đạt đầy đau khổ đã gặp nhau nơi Ngài, và đưa đến một sự tổng hợp hoàn hảo đến nỗi, cho mọi thời đại, Ngài đã xác định mục tiêu của nhân loại chúng ta.

There is a still higher synthesis, and this Christ also summarised in Himself—the synthesis of the part with the Whole, of humanity with the ultimate Reality. Man's history has been one of development from the state of mass unconscious reactions to that of a slowly recognised group responsibility. The low-grade human being or the unthinking individual has a collective consciousness. He may regard himself as a person, but he does no clear thinking as to human relations, or as to the place of humanity in the scale of being. He is easily swayed by the mass or collective thought, and is regimented and standardised by mass psychology. He moves in rhythm with the mass of men; he thinks as they think (if he thinks at all); he easily feels as the mass feels, and he remains undifferentiated from his kind. Upon this, orators and dictators base their success. Through their golden-tongued oratory or through their magnetic and dominant personalities, they swing the masses to their will because they work with the collective, though undeveloped, consciousness.

Còn có một sự tổng hợp cao hơn nữa, và điều này Đức Christ cũng đã tóm lược nơi Chính Ngài — sự tổng hợp của phần với Toàn Thể, của nhân loại với Thực Tại tối hậu. Lịch sử con người là lịch sử phát triển từ trạng thái phản ứng vô thức của quần chúng đến trạng thái trách nhiệm nhóm được dần dần nhận biết. Con người cấp thấp hoặc cá nhân không suy nghĩ có một tâm thức tập thể. Y có thể xem mình là một con người, nhưng y không suy nghĩ rõ ràng về các quan hệ nhân loại, hay về vị trí của nhân loại trong thang Bản Thể. Y dễ bị tác động bởi tư tưởng quần chúng hay tập thể, và bị ép vào khuôn, chuẩn hoá bởi tâm lý quần chúng. Y chuyển động theo nhịp điệu với khối đông con người; y suy nghĩ như họ suy nghĩ, nếu y có suy nghĩ; y dễ dàng cảm nhận như quần chúng cảm nhận, và y vẫn chưa được biến phân khỏi đồng loại của mình. Trên điều này, các nhà hùng biện và các nhà độc tài đặt nền tảng cho thành công của họ. Qua tài hùng biện lời vàng ý ngọc của họ hoặc qua những phàm ngã từ tính và áp đảo của họ, họ khiến quần chúng xoay theo ý chí của họ, bởi vì họ làm việc với tâm thức tập thể, dù chưa phát triển.

From this stage we pass to that of the emerging personality who does his own thinking, makes his own plans and cannot be regimented or beguiled by words. He is a thinking individual, and the collective consciousness and the mass mind cannot hold him in thrall. These are the people who pass on to liberation, and who, from one expansion of awareness [143] to another, gradually become consciously integrated parts of the whole. Eventually, the group and

Từ giai đoạn này, chúng ta chuyển sang giai đoạn của phàm ngã đang xuất hiện, người tự mình suy nghĩ, tự mình lập kế hoạch và không thể bị ép vào khuôn hay mê hoặc bằng lời nói. Y là một cá nhân biết suy nghĩ, và tâm thức tập thể cùng trí tuệ quần chúng không thể giam giữ y trong vòng nô lệ. Đây là những người tiến tới giải thoát, và từ một sự mở rộng nhận thức [143] này đến một sự mở rộng khác, dần dần trở thành những phần được tích hợp một cách có ý thức của

its will (not the mass and its feeling) come to be of supreme importance, because they see the group as God sees it, become custodians of the divine Plan, and conscious, integral, intelligent parts of the whole. They know what they are doing, and why they do it. In Himself Christ blended and fused the part with the whole, and effected an at-one-ment between the will of God, synthetic and comprehensive, and the individual will, which is personal and limited. In a commentary on *The Bhagavad Gita*, that supreme argument for the life of the whole as fused and blended in divinity, Charles Johnston points out that:

toàn thể. Cuối cùng, nhóm và ý chí của nhóm, chứ không phải quần chúng và cảm xúc của quần chúng, trở nên có tầm quan trọng tối thượng, bởi vì họ thấy nhóm như Thượng đế thấy nó, trở thành những người gìn giữ Thiên Cơ, và là những phần có ý thức, toàn vẹn, thông tuệ của toàn thể. Họ biết họ đang làm gì, và vì sao họ làm điều đó. Nơi Chính Ngài, Đức Christ đã hoà trộn và dung hợp phần với toàn thể, và thực hiện một sự hiệp nhất giữa Ý Chí của Thượng đế, tổng hợp và bao quát, với ý chí cá nhân, vốn riêng tư và giới hạn. Trong một bản bình giải về *Chí Tôn Ca*, luận chứng tối thượng cho đời sống của toàn thể như được dung hợp và hoà trộn trong thiên tính, Charles Johnston chỉ ra rằng:

"The truth would seem to be that, at a certain point in spiritual life, the ardent disciple, who has sought in all things to bring his soul into unison with the great Soul, who has striven to bring his will to likeness with the Divine Will, passes through a marked spiritual experience, in which the great Soul draws him upward, the Divine Will raises his consciousness to oneness with the Divine Consciousness; for a time he perceives and feels, no longer as the person, but as the Oversoul, gaining a profound vision of the divine ways of life, and feeling with the infinite Power, which works through life and death alike, through sorrow and joy, through union and separation, through creation, destruction and recreation. The awe and mystery which surround that great unveiling have set their seal on all who have passed through it."

"Chân lý dường như là thế này: ở một điểm nào đó trong đời sống tinh thần, người đệ tử nhiệt thành, người đã tìm cách trong mọi sự đưa linh hồn mình vào sự hòa điệu với Đại Hồn, người đã nỗ lực đưa ý chí mình trở nên giống với Ý Chí thiêng liêng, trải qua một kinh nghiệm tinh thần rõ rệt, trong đó Đại Hồn kéo y lên cao, Ý Chí thiêng liêng nâng tâm thức y lên sự hợp nhất với Tâm Thức thiêng liêng; trong một thời gian, y tri nhận và cảm nhận, không còn như một cá nhân, mà như đại hồn, đạt được một tầm nhìn sâu xa về những đường lối thiêng liêng của đời sống, và cảm nhận cùng Quyền Năng vô hạn, vốn hoạt động xuyên qua sự sống và sự chết như nhau, xuyên qua sầu khổ và hoan hỉ, xuyên qua hợp nhất và chia lìa, xuyên qua sáng tạo, hủy diệt và tái tạo. Sự kính sợ và huyền nhiệm bao quanh cuộc vén màn vĩ đại ấy đã đóng dấu ấn lên tất cả những ai đã trải qua nó."

'THE BHAGAVAD GITA', TRANSLATED BY CHARLES JOHNSTON, P. 128.

'CHÍ TÔN CA', DO CHARLES JOHNSTON DỊCH, TR. 128.

This realisation is far from the average man, and still further from the undeveloped.

Sự chứng nghiệm này còn rất xa đối với người bình thường, và còn xa hơn nữa đối với người chưa phát triển.

The divine is the Whole, informed and animated by the life and will of God; and in utter self-surrender and with all the power of His purified nature and His divine understanding and wisdom, Christ blended in Himself the collective consciousness, the human realisation and the divine Totality. Some day we shall understand this more clearly. It is as yet something which we cannot grasp, unless for us the Transfiguration is a reality and not a goal.

Cái thiêng liêng là Toàn Thể, được thấm nhuần và làm linh hoạt bởi sự sống và ý chí của Thượng đế; và trong sự tự hiến trọn vẹn, với toàn bộ quyền năng của bản chất đã được thanh luyện của Ngài, cùng sự thấu hiểu và minh triết thiêng liêng của Ngài, Đức Christ đã hoà trộn nơi Chính Ngài tâm thức tập thể, sự chứng nghiệm nhân loại và Toàn Thể thiêng liêng. Một ngày nào đó chúng ta sẽ thấu hiểu điều này rõ ràng hơn. Hiện nay nó vẫn là điều chúng ta không thể nắm bắt, trừ phi đối với chúng ta cuộc Biến hình là một thực tại chứ không phải một mục tiêu.

[144] It is interesting to have in mind another at-one-ment which Christ made. He unified in Himself the past and the future, as far as humanity is concerned. This is significantly typified in the appearance with Him upon the Mount of Transfiguration of Moses and Elias, the representatives respectively of the Law and of the Prophets. In the one figure we find symbolised the past of man, with its summation in the Law of Moses, setting the limits beyond which man may not go, defining the injunctions which he must set upon his lower nature (the desire-nature), and emphasising the restrictions which the race as a whole must set upon its actions. Careful study will reveal that all these laws concern the government and control of the desire-nature, of the emotional, feeling body, to which we have already had need to refer. Curiously enough, the name "Moses," according to *Cruden's Concordance*, means "taken out of the water." We have already seen that water is the symbol of the fluidic emotional desire-nature in which man habitually dwells. Moses therefore appeared with Christ as

[144] Cần ghi nhớ một sự hiệp nhất khác mà Đức Christ đã thực hiện. Nơi Chính Ngài, Ngài đã hợp nhất quá khứ và tương lai, xét theo nhân loại. Điều này được tiêu biểu một cách đầy ý nghĩa trong sự xuất hiện cùng Ngài trên Núi Biến hình của Moses và Elias, lần lượt là các đại diện của Định luật và của các Nhà Tiên Tri. Trong một hình tượng, chúng ta thấy quá khứ của con người được biểu tượng hoá, với sự tổng kết của nó trong Định luật Moses, đặt ra các giới hạn mà con người không được vượt qua, xác định những huấn lệnh mà y phải đặt lên bản chất thấp của mình, tức bản chất dục vọng, và nhấn mạnh các hạn chế mà toàn thể nhân loại phải đặt lên các hành động của mình. Sự nghiên cứu cẩn thận sẽ mặc khải rằng tất cả những định luật này liên quan đến việc cai quản và kiểm soát bản chất dục vọng, thể cảm xúc, cảm nhận, mà chúng ta đã cần đề cập đến. Điều kỳ lạ là tên "Moses," theo *Từ Điển Đối Chiếu Kinh Thánh của Cruden*, có nghĩa là "được lấy ra khỏi nước." Chúng ta đã thấy rằng nước là biểu tượng của bản chất dục vọng cảm xúc linh động, trong đó con người thường xuyên cư ngụ. Vì vậy Moses

typifying man's emotional past, and the technique of its control is to be later superseded when the message of Christ's life is duly understood, pouring through man's consciousness in ever greater fullness. Christ indicated the new synthetic commandment which is "to love one another." This would render needless all the Law and the Prophets, and would relegate the Ten Commandments into the background of life, rendering them superfluous, because the love which will flow out from man to God, and from man to man, will automatically and positively produce that right action which will make the breaking of the commandments impossible. The "shalt not" of God, spoken from Mount Sinai through Moses, with its negative emphasis and its punitive interpretation, will give place to the radiance of love and the understanding of goodwill and light which Christ radiated upon the mount of Transfiguration. The past met in Him and was superseded by a living present.

xuất hiện cùng Đức Christ như biểu tượng cho quá khứ cảm xúc của con người, và kỹ thuật kiểm soát nó về sau sẽ được thay thế khi thông điệp của đời sống Đức Christ được thấu hiểu đúng mức, tuôn đổ qua tâm thức con người với sự đầy đủ ngày càng lớn hơn. Đức Christ chỉ ra giới răn tổng hợp mới, đó là "hãy yêu thương nhau." Điều này sẽ khiến toàn bộ Định luật và các Nhà Tiên Tri trở nên không cần thiết, và sẽ đẩy Mười Điều Răn vào hậu cảnh của đời sống, khiến chúng trở nên thừa, bởi vì tình thương sẽ tuôn chảy từ con người đến Thượng đế, và từ con người đến con người, sẽ tự động và tích cực tạo ra hành động đúng đắn khiến việc vi phạm các điều răn trở nên bất khả. Lời "ngươi chớ" của Thượng đế, được phán từ Núi Sinai qua Moses, với sự nhấn mạnh tiêu cực và cách diễn giải trừng phạt của nó, sẽ nhường chỗ cho ánh huy hoàng của tình thương, và sự thấu hiểu thiện chí cùng ánh sáng mà Đức Christ đã tỏa chiếu trên Núi Biến hình. Quá khứ đã gặp nơi Ngài và được thay thế bằng một hiện tại sống động.

Elias, whose name means "the strength of the Lord," stood [145] beside Jesus Christ as the representative of all the schools of the Prophets which had for centuries foretold the coming of the One Who would stand for perfect righteousness and Who, in His Own Person, would embody, as He does today, the future achievement and the goal of the human race. That the future holds reaches of consciousness and standards of achievement as much beyond those of Christ as His expression is beyond ours, is entirely possible. *The nature of the Father remains still to be known*; some of its aspects, such as the love and wisdom of God, have been revealed to us by Christ. For us today, and for our immediate goal, Christ stands as the Eternal Prophet, to whom Elias and all the Prophets bear witness. Therefore, as He stood upon

Elias, tên có nghĩa là "sức mạnh của Chúa," đứng [145] bên cạnh Đức Jesus Christ như đại diện của mọi trường phái các Nhà Tiên Tri, những trường phái trong nhiều thế kỷ đã tiên báo sự xuất hiện của Đấng sẽ đại diện cho sự công chính hoàn hảo và là Đấng, nơi Chính Bản Thân Ngài, sẽ hiện thân, như Ngài đang làm hôm nay, thành tựu tương lai và mục tiêu của nhân loại. Việc tương lai có thể chứa đựng những tầm mức tâm thức và tiêu chuẩn thành tựu vượt xa Đức Christ nhiều như sự biểu đạt của Ngài vượt xa chúng ta là điều hoàn toàn có thể. *Bản chất của Cha vẫn còn phải được nhận biết*; một số phương diện của bản chất ấy, như tình thương và minh triết của Thượng đế, đã được Đức Christ mặc khải cho chúng ta. Đối với chúng ta ngày nay, và đối với mục tiêu trước mắt của chúng ta, Đức Christ đứng như Nhà Tiên Tri vĩnh cửu, Đấng mà Elias và tất cả các Nhà Tiên Tri

the mountain top, the past and the future of humanity met in Him.

làm chứng. Vì vậy, khi Ngài đứng trên đỉnh núi, quá khứ và tương lai của nhân loại đã gặp nhau nơi Ngài.

That He at-oned in Himself certain basic human cleavages is thus apparent, and to those above enumerated we can add one already considered, the blending in Himself of two great kingdoms in nature, the human and the divine, making possible the emergence into manifestation of a new kingdom upon earth—the kingdom of God, the fifth kingdom in nature.

Như vậy, rõ ràng Ngài đã hiệp nhất nơi Chính Ngài một số phân rẽ căn bản của con người, và vào những điều đã liệt kê ở trên, chúng ta có thể thêm một điều đã được xem xét: sự hoà trộn nơi Chính Ngài của hai giới lớn trong thiên nhiên, giới nhân loại và giới thiêng liêng, khiến sự xuất hiện vào biểu hiện của một giới mới trên Trái Đất trở nên khả hữu — Thiên Giới, giới thứ năm trong thiên nhiên.

When considering the Transfiguration it is necessary to realise that it was not simply a great initiation, in which God revealed Himself in His radiance and glory to man, but that it had a definite relation to the medium of revelation—the material physical nature, which we call the "Mother aspect." We saw, when studying the Birth initiation, that the Virgin Mary (even when recognising, as we do, the historicity of Christ's existence) is the symbol of the form nature, of the material nature of God. She typifies in herself that which preserves the life of God, latent yet with infinite potentialities. Christ revealed the love-nature in the Father. Through His Person, He revealed the purpose and objective of the form-life of man.

Khi xem xét cuộc Biến hình, cần nhận ra rằng đó không chỉ đơn giản là một cuộc điểm đạo vĩ đại, trong đó Thượng đế mặc khải Chính Ngài trong ánh huy hoàng và vinh quang của Ngài cho con người, mà nó còn có một liên hệ rõ rệt với phương tiện mặc khải — bản chất vật chất hồng trần, mà chúng ta gọi là "phương diện Mẹ." Khi nghiên cứu cuộc điểm đạo Giáng sinh, chúng ta đã thấy rằng Đức Trinh Nữ Maria, ngay cả khi chúng ta nhìn nhận, như chúng ta vẫn làm, tính lịch sử của sự hiện hữu của Đức Christ, là biểu tượng của bản chất hình tướng, của bản chất vật chất của Thượng đế. Bà tự thân tiêu biểu cho điều gì bảo tồn sự sống của Thượng đế, còn tiềm tàng nhưng với những tiềm năng vô hạn. Đức Christ mặc khải bản chất tình thương trong Cha. Qua Chính Ngài, Ngài mặc khải mục đích và mục tiêu của sự sống-hình tướng của con người.

[146] In this mountain experience we see the glorification of matter as it reveals and expresses the divine, indwelling Christ. Matter, the Virgin Mary, reveals God. Form, the result of active material processes, must express divinity, and the revelation of this is God's gift to us at the Transfiguration. Christ was "very God of very God," but He was also

[146] Trong kinh nghiệm trên núi này, chúng ta thấy sự tôn vinh vật chất khi nó mặc khải và biểu đạt Đức Christ thiêng liêng, nội tại. Vật chất, Đức Trinh Nữ Maria, mặc khải Thượng đế. Hình tướng, kết quả của các tiến trình vật chất tích cực, phải biểu đạt thiên tính, và sự mặc khải điều này là tặng phẩm của Thượng đế dành cho chúng ta

“flesh of our flesh,” and in the interplay and the fusion of the two, God stood revealed in all His magnetic and radiant glory.

trong cuộc Biến hình. Đức Christ là “Thượng đế thật của Thượng đế thật,” nhưng Ngài cũng là “xác thịt của xác thịt chúng ta,” và trong sự tương tác cùng sự dung hợp của hai điều ấy, Thượng đế hiện lộ trong toàn bộ vinh quang từ tính và rạng rỡ của Ngài.

When we, as human beings, realise the divine purpose, and come to regard our physical bodies as the means whereby the divine, indwelling Christ can be revealed, we shall gain a new vision of physical living and a renewed incentive for the proper care and treatment of the physical body. We shall cherish these bodies, through which we temporarily function, as the custodians of the divine revelation. We shall, each of us, regard them as the Virgin Mary regarded her body, as the repository of the hidden Christ, and we shall look forward to that momentous day when we, too, shall stand upon the Mount of Transfiguration, revealing the glory of the Lord through the medium of our bodies. Browning sensed this and gave us the thought in the following well-known phrases:

Khi chúng ta, với tư cách con người, chứng nghiệm mục đích thiêng liêng, và bắt đầu xem các thể xác của mình như phương tiện nhờ đó Đức Christ thiêng liêng, nội tại có thể được mặc khải, chúng ta sẽ đạt được một tầm nhìn mới về đời sống hồng trần và một động lực đổi mới để chăm sóc và xử lý thể xác một cách thích đáng. Chúng ta sẽ trân quý những thân thể này, qua đó chúng ta tạm thời hoạt động, như những người gìn giữ sự mặc khải thiêng liêng. Mỗi người chúng ta sẽ xem chúng như Đức Trinh Nữ Maria đã xem thân thể của bà, như kho chứa Đức Christ ẩn tàng, và chúng ta sẽ hướng về ngày trọng đại khi cả chúng ta nữa sẽ đứng trên Núi Biến hình, mặc khải vinh quang của Chúa qua trung gian các thân thể của mình. Browning đã cảm nhận điều này và trao cho chúng ta tư tưởng ấy trong những câu nổi tiếng sau đây:

“Truth is within ourselves; it takes no rise

“Chân lý ở bên trong chính chúng ta; nó không khởi sinh

From outward things, whate’er you may believe.

Từ những sự vật bên ngoài, dù các bạn có thể tin điều gì.

There is an inmost centre in us all

Có một trung tâm sâu thẳm nhất trong tất cả chúng ta

Where truth abides in fullness; and around

Nơi chân lý cư ngụ trong sự đầy đủ; và chung quanh

Wall upon wall, the gross flesh hems it in.

Tường chồng lên tường, xác thịt thô trược bao kín nó.

. . . . . And, to *know*

Rather consists in opening out a way

Whence the imprisoned splendour may escape

Than in effecting entry for a light

Supposed to be without."

'PARACELSUS', BY ROBERT BROWNING, OXFORD EDITION, P. 444.

Thus, for humanity, Christ stood revealed as the expression of God. There is for us no other goal. Yet let us remember with humility and awe that the stupendous words spoken by Krishna, in *The Bhagavad Gita,* remain also true [147] as an ultimate statement concerning the transfiguration of the whole world:

"Nor is there any end of My divine form, O consumer of the foe; this I have told thee for thy instruction, as an enumeration of My manifold forms. Whatever being is glorious, gracious or powerful, thou shalt recognize that, as sprung from a fragment of my fire. But what need hast thou of this manifold wisdom, O Arjuna? With one part of My being I stand establishing this whole world."

'THE BHAGAVAD GITA,' BOOK X, 40, 41, 42.

Under the impact of the evolutionary urge God moves towards fuller recognition. "Purification" is the word generally used to cover the process whereby the medium of divine expression is prepared for use. The

..... Và, để *biết*

Đúng hơn là mở ra một con đường

Từ đó vẻ huy hoàng bị giam giữ có thể thoát ra

Hơn là tạo lối vào cho một ánh sáng

Được cho là ở bên ngoài."

'PARACELSUS', CỦA ROBERT BROWNING, ẤN BẢN OXFORD, TR. 444.

Như vậy, đối với nhân loại, Đức Christ hiện lộ như sự biểu đạt của Thượng đế. Đối với chúng ta, không có mục tiêu nào khác. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ với lòng khiêm cung và kính sợ rằng những lời kỳ vĩ do Krishna phán trong *Chí Tôn Ca,* cũng vẫn đúng [147] như một tuyên bố tối hậu liên quan đến sự biến hình của toàn thế giới:

"Cũng không có tận cùng nào cho hình tướng thiêng liêng của Ta, hỡi người tiêu diệt kẻ thù; điều này Ta đã nói với ngươi để huấn thị ngươi, như một sự liệt kê các hình tướng đa dạng của Ta. Bất cứ sinh linh nào huy hoàng, ân phúc hay quyền năng, ngươi hãy nhận biết rằng điều đó phát sinh từ một mảnh lửa của Ta. Nhưng ngươi cần gì đến minh triết đa dạng này, hỡi Arjuna? Với một phần của bản thể Ta, Ta đứng nâng đỡ toàn bộ thế giới này."

'CHÍ TÔN CA,' QUYỂN MƯỜI, 40, 41, 42.

Dưới tác động của thôi thúc tiến hoá, Thượng đế tiến tới sự nhận biết đầy đủ hơn. "Thanh luyện" là từ thường được dùng để bao hàm tiến trình nhờ đó phương tiện biểu đạt thiêng liêng được chuẩn bị để sử dụng.

Galilee experience, and the daily effort to live and meet the eventualities of human existence (which appear to grow more drastic and disciplinary as the great wheel of life turns, and, turning, carries humanity onward), bring man to the point where this purification is not simply the result of life itself, but is something which is definitely imposed by man upon his own nature. When this process is self-initiated, then the speed with which the work is carried forward is greatly accentuated. This produces a *transformation* of the outer man of great significance. The caterpillar becomes transformed into the butterfly. Deep in man lies this hidden beauty, unrealised, but struggling for release.

Kinh nghiệm Galilee, và nỗ lực hằng ngày để sống và đối diện với các biến cố của hiện hữu nhân loại, vốn dường như trở nên nghiêm khắc và có tính kỷ luật hơn khi bánh xe lớn của đời sống quay, và khi quay, mang nhân loại tiến tới, đưa con người đến điểm mà sự thanh luyện này không chỉ đơn giản là kết quả của chính đời sống, mà là điều con người dứt khoát áp đặt lên bản chất của chính mình. Khi tiến trình này do chính mình khởi xướng, thì tốc độ tiến hành công việc sẽ tăng lên rất nhiều. Điều này tạo ra một *sự chuyển đổi* của con người bên ngoài, có thâm nghĩa lớn lao. Con sâu biến đổi thành con bướm. Sâu trong con người có vẻ đẹp ẩn tàng này, chưa được chứng nghiệm, nhưng đang vùng vẫy để được giải phóng.

The life of the indwelling Christ produces the transformation of the physical body, but deeper still, that life operates upon the emotional-feeling nature, and through the process of *transmutation* converts the desires and feelings, the pains and the pleasures, into their higher correspondences. Transmutation has been defined as "the passage across from one state of being to another, through the agency of fire." *(A Treatise on Cosmic Fire, by Alice A. Bailey, p. 476.)* It is appropriate in this connection to remember that the threefold lower man, with whom we have been dealing so often in these pages, is a dim reflection of [148] Deity Itself. The physical body is related to the third aspect of divinity, the Holy Ghost aspect, and the truth of this can be realised if we study the Christian concept of the Virgin Mary overshadowed by the Holy Ghost. The Holy Ghost is that aspect of divinity which is the active principle in matter, and of this the physical body is a correspondence. The emotional, sentient nature is a dim and distorted reflection of the love-nature of God which the cosmic Christ, the second Person in the

Sự sống của Đức Christ nội tại tạo ra sự chuyển đổi của thể xác, nhưng sâu hơn nữa, sự sống ấy tác động lên bản chất cảm xúc-cảm nhận, và qua tiến trình *chuyển hoá* biến các dục vọng và cảm xúc, các đau khổ và khoái lạc, thành những tương ứng cao hơn của chúng. Chuyển hoá đã được định nghĩa là "sự đi qua từ một trạng thái Bản Thể này sang một trạng thái khác, qua tác nhân của lửa." *(Luận về Lửa Vũ Trụ, của Alice A. Bailey, tr. 476.)* Trong mối liên hệ này, cần nhớ rằng phàm nhân tam phân, mà chúng ta đã thường xuyên đề cập trong các trang này, là một phản chiếu mờ nhạt của [148] chính Thượng đế. Thể xác liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính, phương diện Chúa Thánh Thần, và chân lý này có thể được chứng nghiệm nếu chúng ta nghiên cứu quan niệm Kitô giáo về Đức Trinh Nữ Maria được Chúa Thánh Thần phủ bóng. Chúa Thánh Thần là phương diện của thiên tính vốn là nguyên khí hoạt động trong vật chất, và thể xác là một tương ứng của phương diện này. Bản chất cảm xúc, hữu cảm, là một phản chiếu mờ nhạt và méo mó của bản chất tình thương của Thượng đế mà Đức Christ vũ trụ, Ngôi thứ hai trong Ba Ngôi, đang dấn

Trinity, is engaged in revealing; and this aspect (transmuted through the agency of fire, the will or spirit of God) produces the transformation of the physical body. The mind in its turn is therefore the reflection of the highest aspect of deity, the Father, or Spirit, of Whom it is said that our "God is a consuming fire." *(Deuteronomy, IV, 24.)* The releasing activity of this form of God's spirit eventually produces that radiance (as a result of transformation and transmutation) which was the distinguishing characteristic of the Transfiguration initiation. *"Radiation is transmutation in process of accomplishment."* Transmutation being the liberation of the essence in order that it may seek a new centre, the process may be recognised as 'radio activity' as far as humanity is concerned." *(A Treatise on Cosmic Fire, by Alice A. Bailey, p. 478.)*

thần mặc khải; và phương diện này, được chuyển hoá qua tác nhân của lửa, tức ý chí hay tinh thần của Thượng đế, tạo ra sự chuyển đổi của thể xác. Do đó, đến lượt mình, thể trí là phản chiếu của phương diện cao nhất của Thượng đế, Cha, hay Tinh thần, về Đấng ấy người ta nói rằng "Thượng đế của chúng ta là lửa thiêu đốt." *(Đệ Nhị Luật, IV, 24.)* Hoạt động giải phóng của hình thức tinh thần này của Thượng đế cuối cùng tạo ra sự rạng rỡ ấy, như kết quả của chuyển đổi và chuyển hoá, vốn là đặc điểm nổi bật của cuộc điểm đạo Biến hình. *"Bức xạ là sự chuyển hoá đang trong tiến trình hoàn tất."* Vì chuyển hoá là sự giải phóng tinh chất để nó có thể tìm kiếm một trung tâm mới, nên tiến trình này có thể được nhận biết như 'hoạt động phóng xạ' xét theo nhân loại." *(Luận về Lửa Vũ Trụ, của Alice A. Bailey, tr. 478.)*

It was these processes, carried on in the form nature, which led eventually to the revelation to the Apostles of the essential nature of the Master they loved and followed, and it is this aspect of Christ—the inner radiant reality—to which the mystics of all times bear testimony, not only in connection with Christ, but in lesser degree *in connection with each other also*. Once the world of the senses has been transcended, and the higher correspondences have become active, revealing the inner world of beauty and truth, there will come to the mystic a realisation of a subjective world whose characteristics are light, radiance, beauty and indescribable wonder. All the mystical writings are attempts to describe this world to which the mystics seem to have access, with [149] its forms varying according to the period, race and point of development of the seer. We know only that the divine stands revealed, while the outer form which has veiled and hidden it dissolves, or is so transformed that only the

Chính những tiến trình này, được thực hiện trong bản chất hình tướng, cuối cùng đã dẫn đến sự mặc khải cho các Tông đồ về bản chất cốt yếu của Chân sư mà họ yêu kính và noi theo; và chính phương diện này của Đức Christ — thực tại rạng rỡ bên trong — là điều các nhà thần bí ở mọi thời đại làm chứng, không chỉ liên quan đến Đức Christ, mà ở mức độ thấp hơn *cũng liên quan đến nhau*. Một khi thế giới giác quan đã được vượt qua, và các tương ứng cao hơn đã trở nên hoạt động, mặc khải thế giới nội tại của vẻ đẹp và chân lý, thì nhà thần bí sẽ có một sự chứng nghiệm về một thế giới chủ quan có các đặc điểm là ánh sáng, sự rạng rỡ, vẻ đẹp và sự kỳ diệu không thể mô tả. Mọi trước tác thần bí đều là những nỗ lực nhằm mô tả thế giới này, thế giới mà các nhà thần bí dường như có thể tiếp cận, với [149] các hình tướng của nó thay đổi tùy theo thời kỳ, giống dân và điểm phát triển của nhà thông nhãn. Chúng ta chỉ biết rằng cái thiêng liêng hiện lộ, trong khi hình tướng bên ngoài vốn đã che phủ và ẩn giấu nó tan biến, hoặc được chuyển đổi

inner reality is registered. The temperament and tendencies of the mystic—his own innate quality—have also much to do with his description of what he sees. However, all are agreed on the essentially transcendent nature of the experience, and convinced of the divine nature of the person concerned.

đến mức chỉ thực tại bên trong được ghi nhận. Khí chất và khuynh hướng của nhà thần bí — phẩm tính bẩm sinh của chính y — cũng có liên hệ nhiều với cách y mô tả điều y thấy. Tuy nhiên, tất cả đều đồng ý về bản chất cốt yếu siêu việt của kinh nghiệm này, và tin chắc vào bản chất thiêng liêng của người liên hệ.

Great indeed was the power and mystery of divinity which Christ revealed to the astonished gaze of His three friends upon the Mount of Transfiguration. In one of the ancient scriptures of India, quoted by Dr. Otto, there is an attempt to express or reveal that divine essential Spirit manifested at the Transfiguration:

Quả thật vĩ đại là quyền năng và huyền nhiệm của thiên tính mà Đức Christ đã mặc khải trước cái nhìn kinh ngạc của ba người bạn của Ngài trên Núi Biến hình. Trong một thánh thư cổ của Ấn Độ, được Tiến sĩ Otto trích dẫn, có một nỗ lực nhằm biểu đạt hay mặc khải Tinh thần cốt yếu thiêng liêng ấy, được biểu lộ trong cuộc Biến hình:

“Finer than the fine yet am I greatest,

“Tinh tế hơn điều tinh tế, nhưng Ta là vĩ đại nhất,

I am the All in its complete fullness,

Ta là Tất Cả trong sự đầy đủ trọn vẹn của nó,

I, the most ancient, the spirit, the Lord God.

Ta, Đấng cổ xưa nhất, tinh thần, Chúa là Thượng đế.

The golden-gleaming am I, of form divine.

Ta là Đấng ánh vàng rực rỡ, có hình tướng thiêng liêng.

Without hand and foot, rich in unthinkable might,

Không tay không chân, giàu quyền năng bất khả tư nghị,

Sight without eyes, hearing without ears,

Thấy không cần mắt, nghe không cần tai,

Free from all form, I know. But me

Thoát khỏi mọi hình tướng, Ta biết. Nhưng Ta

None knows. For I am Spirit, am Being.”

Không ai biết. Vì Ta là Tinh thần, là Bản Thể.”

'KAIVALYA', II, 9. QUOTED IN MYSTICISM, EAST AND WEST, BY RUDOLPH OTTO, PP. 98, 99.

The mass of literature that has been written in an attempt to portray the wonder of the transfiguration and the vision of God, is an outstanding phenomenon of the religious life, and one of the strongest testimonies to the fact of the revelations.

The very simplicity of the story as related in the Gospels has a majesty and a convincing power of its own. The Apostles saw a vision and they participated in an experience wherein Christ Jesus stood before them as perfected Man, because fully divine. They had shared with Him His service; they had left their various vocations in order to be with Him; they had gone with Him from place to place and [150] helped Him in His work, and now, as a reward for faithfulness and recognition, they were permitted to see the Transfiguration. "When the mind," says St. Augustine, "hath been imbued with the beginning of faith which worketh by love, it goes on by living well to arrive at sight also, wherein is unspeakable beauty known to high and holy hearts, the full vision of which is the highest happiness." *'Psychology and God', by L. W. Grensted, p. 75.*

2

"After six days Jesus taketh Peter, James and John, his brother, and bringeth them up into a high mountain apart, and was transfigured before them; and his face did shine as the Sun, and his raiment was white as the light.

'KAIVALYA', II, 9. ĐƯỢC TRÍCH TRONG THẦN BÍ HỌC, ĐÔNG VÀ TÂY, CỦA RUDOLPH OTTO, TR. 98, 99.

Khối lượng văn học đồ sộ đã được viết ra trong nỗ lực miêu tả sự kỳ diệu của cuộc biến hình và tầm nhìn về Thượng đế là một hiện tượng nổi bật của đời sống tôn giáo, và là một trong những chứng tích mạnh mẽ nhất cho sự kiện của các mặc khải.

Chính sự giản dị của câu chuyện như được thuật lại trong các sách Phúc Âm có một vẻ uy nghi và một sức thuyết phục riêng. Các Tông đồ đã thấy một linh ảnh và tham dự vào một kinh nghiệm trong đó Đức Christ Jesus đứng trước họ như Con Người hoàn thiện, bởi vì hoàn toàn thiêng liêng. Họ đã chia sẻ sự phụng sự của Ngài; họ đã rời bỏ các nghề nghiệp khác nhau của mình để ở cùng Ngài; họ đã đi với Ngài từ nơi này sang nơi khác và [150] giúp Ngài trong công việc của Ngài, và giờ đây, như phần thưởng cho sự trung tín và nhận biết, họ được phép thấy cuộc Biến hình. "Khi trí tuệ," Thánh Augustine nói, "đã được thấm nhuần bằng khởi đầu của đức tin hoạt động nhờ tình thương, nó tiến tới, bằng cách sống tốt lành, để cũng đạt đến sự thấy, trong đó vẻ đẹp không thể diễn tả được nhận biết bởi những trái tim cao cả và thánh thiện, và tầm nhìn trọn vẹn về vẻ đẹp ấy là hạnh phúc cao nhất." *'Tâm Lý Học và Thượng đế', của L. W. Grensted, tr. 75.*

2

"Sau sáu ngày, Đức Jesus đem Peter, James và John, anh em của ông, và dẫn họ riêng lên một ngọn núi cao, rồi Ngài biến hình trước mặt họ; và mặt Ngài chiếu sáng như Mặt Trời, còn y phục Ngài trắng như ánh sáng.

"And behold, there appeared unto them Moses and Elias talking with him. Then answered Peter, and said unto Jesus, Lord, it is good for us to be here: if thou wilt, let us make here three tabernacles; one for thee, and one for Moses, and one for Elias.

"While he yet spake, behold, a bright cloud overshadowed them: and behold a voice out of the cloud, which said, This is my beloved Son, in whom I am well pleased; hear ye him. And when the disciples heard it, they fell on their face, and were sore afraid. And Jesus came and touched them, and said, Arise, and be not afraid. And when they had lifted up their eyes, they saw no man, save Jesus only."

ST. MATTHEW, XVII, 1-8.

A consideration of the various unifications which Christ had made in Himself will have prepared us for the stupendous phenomenon of the revelation which forced the three disciples to their faces. Three kneeling kings or magi attended the birth initiation. At this crisis there were three disciples prostrate upon the ground, unable to look upon the glory which had been revealed. They thought that they knew their Master, but the familiar Presence had been transformed, and they stood before The Presence. The sense of awe, of wonder and of humility is ever an outstanding [151] reaction of the mystics of all time to the revelation of light. This episode is the first one in which we contact the radiance and the light which shone from the Saviour, and which enabled Him to say with truth "I am the Light of the world." Contact with God will ever cause a light to shine forth. When Moses came down from Mount Sinai, his countenance was so irradiated that men could not look upon it, and history tells that he had to use a veil to shield that radiance

"Và này, Moses và Elias hiện ra với họ, đang trò chuyện với Ngài. Bấy giờ Peter đáp lời và thưa với Đức Jesus: Lạy Chúa, chúng con ở đây thật tốt; nếu Ngài muốn, xin để chúng con dựng tại đây ba lều: một cho Ngài, một cho Moses, và một cho Elias.

"Trong khi ông còn đang nói, này, một đám mây sáng phủ bóng trên họ; và này, có tiếng từ trong đám mây phán rằng: Đây là Con yêu dấu của Ta, Đấng làm Ta đẹp lòng; hãy nghe lời Ngài. Khi các đệ tử nghe điều ấy, họ sấp mặt xuống và vô cùng sợ hãi. Đức Jesus đến chạm vào họ và nói: Hãy đứng dậy, đừng sợ. Và khi họ ngước mắt lên, họ không thấy ai, ngoài một mình Đức Jesus."

THÁNH MATTHEW, XVII, 1-8.

Việc xem xét các sự hợp nhất khác nhau mà Đức Christ đã thực hiện nơi Chính Ngài hẳn đã chuẩn bị chúng ta cho hiện tượng kỳ vĩ của sự mặc khải, điều đã khiến ba đệ tử sấp mặt xuống đất. Ba vị vua hay đạo sĩ quỳ gối đã hiện diện trong cuộc điểm đạo Giáng sinh. Ở cuộc khủng hoảng này có ba đệ tử phủ phục trên mặt đất, không thể nhìn vào vinh quang đã được mặc khải. Họ tưởng rằng họ biết Chân sư của mình, nhưng Sự Hiện Diện quen thuộc đã được chuyển đổi, và họ đứng trước Sự Hiện Diện. Cảm thức kính sợ, kinh ngạc và khiêm cung luôn là phản ứng nổi bật [151] của các nhà thần bí mọi thời đại trước sự mặc khải của ánh sáng. Sự kiện này là lần đầu tiên chúng ta tiếp xúc với sự rạng rỡ và ánh sáng đã chiếu ra từ Đấng Cứu Thế, và khiến Ngài có thể nói một cách chân thật: "Ta là Ánh sáng của thế gian." Sự tiếp xúc với Thượng đế sẽ luôn khiến ánh sáng tỏa chiếu. Khi Moses từ Núi Sinai đi xuống, gương mặt ông rạng sáng đến nỗi người ta không thể nhìn vào, và lịch sử kể rằng ông phải dùng một tấm màn để che sự rạng rỡ ấy khỏi người khác. Nhưng

from others. But the light which was in Christ shone forth in fullness from His whole Person. Increasingly, I believe, as the evolutionary process goes forward, we shall come to a deeper understanding of the significance of light in relation to humanity. We talk of the light of knowledge, and towards that light and its furtherance all of our educational processes and institutions are consecrated. We desire profoundly the light of understanding, which expresses itself in wisdom, and characterises the sage and the wise upon earth; this light marks them off from the ordinarily intelligent person, making their words of moment, and giving value to their advice. We have been led to believe that there are in the world the *illuminati*, working quietly and silently behind the scenes in world affairs, shedding the light when needed into the dark places of the world, elucidating problems, and eventually bringing to light that which must be eradicated and that which is needed. We have also learnt to recognize the Light-bearers of all time, and we feel that in Christ the light of the ages is focussed, and the light of God is centred. His disciples came into the radius of this light for the first time on the mountain-top, after six days of work, so the story runs, and could not bear the sight of so much brilliance. Nevertheless, they felt that "it was good for them to be there." Yet in our consideration of the light which was in Christ, and the rapture of the Apostles at its revelation, let us not lose sight of the fact that He Himself tells us that there is in us also a light, and that it too must blaze forth for the helping of the world and the glorification of our Father which is in [152] Heaven. *(St. Matthew, V, 16.)* To this light the mystics testify, and it is this light into which they enter, and which enters into them, revealing the light which is latent and drawing it forth to potency. "In Thy light shall we see light." This is the outstanding

ánh sáng ở trong Đức Christ tỏa chiếu trọn vẹn từ toàn thể Con Người của Ngài. Tôi tin rằng càng ngày, khi tiến trình tiến hoá tiến tới, chúng ta sẽ đạt đến một sự thấu hiểu sâu xa hơn về thâm nghĩa của ánh sáng trong liên hệ với nhân loại. Chúng ta nói về ánh sáng của tri thức, và mọi tiến trình cùng cơ sở giáo dục của chúng ta đều được thánh hiến cho ánh sáng ấy và sự phát triển của nó. Chúng ta khát khao sâu xa ánh sáng của sự thấu hiểu, vốn biểu đạt chính nó trong minh triết, và là đặc điểm của bậc hiền triết và người minh triết trên Trái Đất; ánh sáng này phân biệt họ với người thông minh thông thường, khiến lời nói của họ có trọng lượng và làm cho lời khuyên của họ có giá trị. Chúng ta đã được dẫn đến niềm tin rằng trên thế giới có những bậc được soi sáng, đang làm việc lặng lẽ và âm thầm phía sau hậu trường trong các sự vụ thế giới, rọi ánh sáng khi cần vào những nơi tối tăm của thế giới, làm sáng tỏ các vấn đề, và cuối cùng đưa ra ánh sáng điều phải bị loại bỏ và điều cần thiết. Chúng ta cũng đã học cách nhận biết những Người Mang Ánh Sáng của mọi thời đại, và chúng ta cảm thấy rằng nơi Đức Christ, ánh sáng của các thời đại được hội tụ, và ánh sáng của Thượng đế được tập trung. Các đệ tử của Ngài lần đầu tiên bước vào phạm vi của ánh sáng này trên đỉnh núi, sau sáu ngày làm việc, câu chuyện kể như vậy, và không thể chịu nổi cảnh tượng rực rỡ đến thế. Tuy nhiên, họ cảm thấy rằng "họ ở đó là tốt." Dù vậy, trong khi xem xét ánh sáng ở trong Đức Christ, và niềm xuất thần của các Tông đồ trước sự mặc khải của nó, chúng ta đừng quên sự kiện rằng Chính Ngài nói với chúng ta rằng trong chúng ta cũng có một ánh sáng, và ánh sáng ấy cũng phải bùng cháy để trợ giúp thế giới và tôn vinh Cha chúng ta, Đấng ở trên [152] Trời. *(Thánh Matthew, V, 16.)* Các nhà thần bí làm chứng cho ánh sáng này, và chính ánh sáng này họ bước vào, và nó đi vào họ, mặc khải ánh sáng vốn tiềm tàng và khơi nó dậy thành quyền

fact of scientific mysticism. God is light as well as life. This the mystic has proved, and to this he eternally testifies.

năng. "Trong ánh sáng của Ngài, chúng con sẽ thấy ánh sáng." Đây là sự kiện nổi bật của thần bí học khoa học. Thượng đế là ánh sáng cũng như là sự sống. Điều này nhà thần bí đã chứng minh, và y vĩnh viễn làm chứng cho điều ấy.

This awareness of the fact of divinity is established in our consciousness first of all through the recognition of the wonder latent in every human being. That man who sees no good in his fellowmen is he who is unaware of his own goodness; that man who sees only evil in those around him is he who is seeing them through the distorted lens of his own warped nature. But those who are awakening to the world of reality are constantly made aware of the divinity in man, through his unselfish acts, his kindness, his spirit of enquiry, his light-heartedness in difficulty, and his basic essential goodness. This awareness deepens as he studies the history of the race and the religious inheritance of the ages, and above all when he is brought face to face with the transcendent goodness and wonder which Christ revealed. From this realisation he passes on to the discovery of the divine in himself, and starts on that long struggle which carries him through the stages of intellectual awareness of possibility, and of intuitive perception of truth, to that illumination which is the prerogative and the gift of all the perfected sons of God. The radiant inner body of light is present both in the individual and in the race, unseen and unrevealed, but slowly and surely emerging. At the present hour a large number of mankind are engaged in the activities of the six days which precede the transfiguration experience.

Sự nhận thức về sự kiện thiên tính này được thiết lập trong tâm thức chúng ta trước hết qua việc nhận biết điều kỳ diệu tiềm tàng trong mỗi con người. Người nào không thấy điều tốt nơi đồng loại mình là người không nhận thức được lòng tốt của chính mình; người nào chỉ thấy điều xấu nơi những người quanh mình là người đang nhìn họ qua thấu kính méo mó của bản chất lệch lạc của chính mình. Nhưng những ai đang thức tỉnh với thế giới thực tại thì không ngừng được làm cho nhận thức về thiên tính trong con người, qua các hành động vô vị kỷ của y, lòng tốt của y, tinh thần tìm hiểu của y, sự nhẹ lòng của y trong khó khăn, và lòng tốt căn bản cốt yếu của y. Sự nhận thức này sâu sắc thêm khi y nghiên cứu lịch sử nhân loại và di sản tôn giáo của các thời đại, và trên hết khi y được đưa đến đối diện trực tiếp với lòng tốt và điều kỳ diệu siêu việt mà Đức Christ đã mặc khải. Từ sự chứng nghiệm này, y tiến tới việc khám phá cái thiêng liêng trong chính mình, và bắt đầu cuộc đấu tranh dài lâu đưa y qua các giai đoạn nhận thức trí tuệ về khả năng, và tri nhận trực giác về chân lý, đến sự soi sáng vốn là đặc quyền và tặng phẩm của tất cả các Con của Thượng đế đã hoàn thiện. Thể ánh sáng rạng rỡ bên trong hiện diện trong cả cá nhân lẫn nhân loại, không được thấy và chưa được mặc khải, nhưng đang chậm rãi và chắc chắn xuất hiện. Vào giờ hiện tại, một số lớn nhân loại đang dấn thân vào các hoạt động của sáu ngày đi trước kinh nghiệm biến hình.

It is important here to study briefly the place of the disciples in the story of this

Điều quan trọng ở đây là nghiên cứu ngắn gọn vị trí của các đệ tử trong câu chuyện về

experience. Down through Biblical history we meet this triplicity. Moses, Aaron and Joshua; Job and his three friends; Shadrach, Meschach and [153] Abednego, the friends of Daniel; the three kings at the cradle in Bethlehem; the three disciples at the Transfiguration; the three Crosses on Calvary! What accounts for this constant recurrence of three? What does it symbolise? Apart from their possible historical appearance, does there lie behind them some peculiar symbology which can, when understood, render clear the circumstances in which they played their part? A study of their names and the interpretation of them as given in the familiar *Cruden's Concordance* may supply a clue. Take, for instance, the meaning of the names of Job's friends. They were Eliphaz the Temanite, Bildad the Shuhite, and Zophar the Naamathite. Eliphaz the Temanite means "my God is gold," and also "the southern quarter," the opposite pole to the north. Gold is the symbol of material welfare, and the opposite pole to spirit is matter, therefore in this name we have symbolised the tangible outer form of man, actuated by desire for material possessions and comfort. Zophar the Naamathite means the "one who talks," and his theme is pleasantness, which is the interpretation given to the word "Naamathite." Here we have the desire body typified, with its longing for pleasantness, for happiness and for pleasure, and an indication of the constant and ceaseless call and voice of the sentient nature, to which we can all testify. Bildad the Shuhite represents the mental nature, the mind, signifying as he does "contrition," which becomes possible only when the mind is beginning to be active (including the conscience). Shuhite means "prostration or helplessness," signifying that alone and unaided the mind can reveal but cannot help. Remorse and sorrow, involving memory, are the result of

kinh nghiệm này. Suốt lịch sử Kinh Thánh, chúng ta gặp bộ ba này. Moses, Aaron và Joshua; Job và ba người bạn của ông; Shadrach, Meschach và [153] Abednego, những người bạn của Daniel; ba vị vua bên máng cỏ ở Bethlehem; ba đệ tử tại cuộc Biến hình; ba cây Thập Giá trên Calvary! Điều gì giải thích cho sự tái diễn thường xuyên của con số ba này? Nó tượng trưng cho điều gì? Ngoài sự xuất hiện lịch sử khả hữu của họ, phải chăng đằng sau họ có một biểu tượng học đặc thù nào đó, mà khi được thấu hiểu, có thể làm sáng tỏ những hoàn cảnh trong đó họ đã đóng vai trò của mình? Việc nghiên cứu tên gọi của họ và cách diễn giải các tên ấy như được trình bày trong bộ *Cruden's Concordance* quen thuộc có thể cung cấp một manh mối. Chẳng hạn, hãy xét ý nghĩa tên của các bạn ông Job. Họ là Eliphaz người Teman, Bildad người Shuh, và Zophar người Naamath. Eliphaz người Teman nghĩa là "Thượng đế của tôi là vàng," và cũng là "phương nam," cực đối nghịch với phương bắc. Vàng là biểu tượng của phúc lợi vật chất, và cực đối nghịch với tinh thần là vật chất; vì vậy, trong tên gọi này, chúng ta có biểu tượng của hình tướng bên ngoài hữu hình của con người, được thúc đẩy bởi dục vọng đối với của cải vật chất và tiện nghi. Zophar người Naamath nghĩa là "người nói," và chủ đề của y là sự dễ chịu, vốn là cách diễn giải dành cho từ "Naamathite." Ở đây chúng ta có thể cảm dục được tiêu biểu hóa, với sự khao khát điều dễ chịu, hạnh phúc và khoái lạc, cùng một chỉ dấu về tiếng gọi và tiếng nói liên tục, không ngừng của bản chất cảm giác, điều mà tất cả chúng ta đều có thể chứng thực. Bildad người Shuh tượng trưng cho bản chất trí tuệ, thể trí, vì ông biểu thị "sự hối lỗi," điều chỉ trở nên khả hữu khi thể trí bắt đầu hoạt động, kể cả lương tâm. Shuhite nghĩa là "sự phủ phục hoặc bất lực," biểu thị rằng một mình và không được trợ giúp, thể trí có thể mặc khải nhưng không thể giúp đỡ. Sự ăn năn và đau buồn, vốn liên

mental activity. Thus, in Job's three friends the three as aspects of his lower nature stand revealed. The same is the case when we study the names of Daniel's three friends. Abednego means the "servant of the sun," the server of the light; in that significance the whole duty and purpose of the physical outer man is summed up. Shadrach's name has a definitely emotional sentient connotation, for it means [154] "rejoicing in the way," and wherever we find reference to the basic dualities of pleasure and pain we are considering the emotional-feeling nature. Meschach means "agile," quick moving, which is in itself a very good description of the mental nature. Arjuna, in *The Bhagavad Gita (VI, 33,34.)* points this out in his words to Krishna: "This union through oneness which is taught by Thee, ... I perceive not its firm foundation, owing to the wavering of the mind; for the mind wavers, Krishna, turbulent, impetuous, forceful; and I think it is as hard to hold as the wind."

quan đến ký ức, là kết quả của hoạt động trí tuệ. Như vậy, trong ba người bạn của Job, ba phương diện của bản chất thấp của ông được hiển lộ. Trường hợp cũng tương tự khi chúng ta nghiên cứu tên của ba người bạn Daniel. Abednego nghĩa là "người phụng sự mặt trời," người phụng sự ánh sáng; trong thâm nghĩa ấy, toàn bộ bổn phận và mục đích của phàm nhân bên ngoài hồng trần được tóm kết. Tên Shadrach có sắc thái cảm giác xúc cảm rõ rệt, vì nó có nghĩa [154] "hoan hỉ trên đường," và bất cứ nơi nào chúng ta gặp sự quy chiếu đến các nhị nguyên căn bản của khoái lạc và đau khổ, thì chúng ta đang xem xét bản chất xúc cảm-cảm giác. Meschach nghĩa là "lanh lẹ," chuyển động nhanh, tự thân là một mô tả rất đúng về bản chất trí tuệ. Arjuna, trong *The Bhagavad Gita (VI, 33,34.)*, nêu rõ điều này trong những lời của ông nói với Krishna: "Sự hợp nhất qua tính nhất thể mà Ngài dạy,... tôi không nhận thấy nền tảng vững chắc của nó, do sự dao động của thể trí; vì thể trí dao động, Krishna, nhiễu loạn, bốc đồng, mãnh liệt; và tôi nghĩ rằng giữ nó lại cũng khó như giữ gió."

Thus in the three friends, and in the various triplicities which we find in the Bible, we discover a symbolism which is vitally illuminating. The three aspects through which the soul must express itself, and through which it must shine, are thus portrayed. It is the same in connection with the three friends of Jesus Christ. I cannot here touch upon the friendships of Jesus Christ. They are very real and very deep, and universal in their inclusiveness. They are timeless and eternal, and the friends of Christ are to be found in every race (Christian or otherwise), in every clime and in both hemispheres. And be it remembered, it is only the friends of Christ who have any right to be dogmatic about Him, or who can speak with any authority of Him and His

Như vậy, trong ba người bạn, và trong những bộ ba khác nhau mà chúng ta thấy trong Kinh Thánh, chúng ta khám phá một biểu tượng học soi sáng một cách sống động. Ba phương diện qua đó linh hồn phải biểu lộ chính mình, và qua đó nó phải chiếu sáng, được phác họa như thế. Điều này cũng đúng liên quan đến ba người bạn của Đức Jesus Christ. Ở đây tôi không thể bàn đến các tình bạn của Đức Jesus Christ. Chúng rất thật và rất sâu, và phổ quát trong tính bao gồm của chúng. Chúng vượt thời gian và vĩnh cửu, và các bạn của Đức Christ có thể được tìm thấy trong mọi giống dân, dù là Kitô giáo hay không, trong mọi miền khí hậu và ở cả hai bán cầu. Và xin nhớ rằng, chỉ các bạn của Đức Christ mới có quyền giáo điều về Ngài, hoặc có thể nói với bất cứ thẩm quyền nào về

ideas, because theirs is the authority of love and of understanding.

Ngài và các ý tưởng của Ngài, vì thẩm quyền của họ là thẩm quyền của tình thương và của sự thấu hiểu.

We find also this basic triplicity in the persons of Peter and James and John, and in their names we find the same essential symbolism working out, thus giving us the clue to the meaning of this wonderful story. Peter, as we well know, means "rock." Here is the foundation, the most concrete aspect, the outer physical form, which, at the Transfiguration, is transformed by the glory of God, so that the outer image disappears, and God Himself shines forth. James, we are told, signifies "illusion," distortion. Here we have reference to the emotional-feeling body, with its power [155] to misrepresent and to deceive, to mislead and to delude. Where emotion enters in, and where the focus of attention is in sensitive and sensuous reaction, that which is not true rapidly appears, and the man becomes the subject of illusion. It is this body of illusion which is eventually transmuted, and so changed and stabilised that it provides a clear medium for the revelation of deity. John means "the Lord hath spoken," and herein is the mind nature typified, because it is only when the mental aspect begins to manifest that we have the appearance of speech and of that thinking, speaking animal which we call "man." So, in the apt symbology of the Scripture, Christ's three friends stood for the three aspects of His human nature, and it was upon this integrated, focussed and consecrated personality that the transfiguration made its impact and produced revelation. Thus again the essential duality of humanity is revealed through Christ, and His threefold personality and His essential divinity are portrayed for us in such a way that the lesson (and the possibility) cannot be evaded. The Apostles recognised God in their

Chúng ta cũng thấy bộ ba căn bản này nơi các nhân vật Peter, James và John, và trong tên của họ, chúng ta thấy cùng biểu tượng học cốt yếu ấy được thể hiện, nhờ đó trao cho chúng ta chìa khóa đi vào ý nghĩa của câu chuyện kỳ diệu này. Như chúng ta đều biết, Peter nghĩa là "đá." Đây là nền tảng, phương diện cụ thể nhất, hình tướng hồng trần bên ngoài, vốn trong cuộc Biến hình được chuyển đổi bởi vinh quang của Thượng đế, đến nỗi hình ảnh bên ngoài biến mất, và chính Thượng đế chiếu rạng. Chúng ta được cho biết rằng James biểu thị "ảo tưởng," sự biến dạng. Ở đây chúng ta có sự quy chiếu đến thể xúc cảm-cảm giác, với quyền năng [155] xuyên tạc và lừa dối, dẫn lạc và mê hoặc. Nơi nào xúc cảm xen vào, và nơi nào trọng tâm chú ý đặt vào phản ứng nhạy cảm và giác quan, nơi đó điều không thật nhanh chóng xuất hiện, và con người trở thành đối tượng của ảo tưởng. Chính thể ảo tưởng này cuối cùng được chuyển hoá, và được thay đổi cùng ổn định đến mức nó cung cấp một trung gian trong sáng cho sự mặc khải của Thượng đế. John nghĩa là "Chúa đã phán," và chính trong đó bản chất thể trí được tiêu biểu hóa, bởi vì chỉ khi phương diện trí tuệ bắt đầu biểu hiện, chúng ta mới có sự xuất hiện của lời nói và của con thú biết suy tư, biết nói mà chúng ta gọi là "con người." Vì vậy, trong biểu tượng học thích hợp của Thánh Kinh, ba người bạn của Đức Christ đại diện cho ba phương diện của bản chất nhân loại nơi Ngài, và chính trên phàm ngã tích hợp, tập trung và thánh hiến này mà cuộc Biến hình đã tạo tác động và sản sinh sự mặc khải. Như vậy, một lần nữa, nhị nguyên cốt yếu của nhân loại được mặc khải qua Đức Christ, và phàm ngã tam phân cùng thiên tính cốt yếu của Ngài được phác họa cho chúng ta theo cách khiến bài học, và khả

Master, taking their stand upon the fact of this divinity, as have the mystics of all time.

năng ấy, không thể bị né tránh. Các Tông đồ nhận ra Thượng đế nơi Chân sư của họ, đứng vững trên sự kiện về thiên tính này, như các nhà thần bí mọi thời đã từng làm.

They "knew Whom they had believed." *(II Timothy, I, 12.)* They saw the light which shone in the Person of Jesus Christ, and for them He was more than the Person they had known heretofore. Through this experience God became a reality to them.

Họ "biết Đấng mà họ đã tin." *(II Timothy, I, 12.)* Họ thấy ánh sáng chiếu rạng trong Ngôi vị của Đức Jesus Christ, và đối với họ, Ngài còn hơn Ngôi vị mà họ đã biết trước đó. Qua kinh nghiệm này, Thượng đế trở thành một thực tại đối với họ.

In the synthesis of the past, the present and the future, Christ and those who were immediately His friends, met with God, and so potent was this combination that it evoked from God Himself an immediate response. When feeling and thought meet in a moment of realisation, there is a simultaneous precipitation of energy, and life is forever after different. That which has been believed is known as fact, and belief is no longer necessary.

Trong sự tổng hợp của quá khứ, hiện tại và tương lai, Đức Christ cùng những người bạn thân cận của Ngài đã gặp Thượng đế, và sự kết hợp này mạnh mẽ đến nỗi nó gợi lên từ chính Thượng đế một đáp ứng tức thời. Khi cảm giác và tư tưởng gặp nhau trong một khoảnh khắc chứng nghiệm, có sự ngưng tụ năng lượng đồng thời, và từ đó về sau đời sống mãi mãi khác đi. Điều đã được tin nay được biết như sự kiện, và niềm tin không còn cần thiết nữa.

3

3

[156] The Transfiguration scene was the meeting-ground of significant factors, and since that moment the life of humanity has been radically changed. It was as potent a moment in racial history as the Crucifixion, of more potency perhaps than even that great and tragic happening. Seldom do such moments come. Usually we see only faint glimpses of possibility, rare flashes of illumination, and fleeting seconds wherein a synthesis appears and leaves us with a sense of fitness, of integration, of purpose and of underlying reality. But such moments are rare indeed. We know God is. We know reality exists. But life, with its emphasis directed on phenomena, its stresses and its strains, so preoccupies us that we have no time, after the six days' labour, to climb the

[156] Quang cảnh Biến hình là nơi hội tụ của những yếu tố đầy thâm nghĩa, và từ khoảnh khắc ấy, đời sống nhân loại đã biến đổi tận gốc. Đó là một khoảnh khắc trong lịch sử nhân loại mạnh mẽ như cuộc Đóng Đinh, có lẽ còn mạnh mẽ hơn cả biến cố vĩ đại và bi thảm ấy. Những khoảnh khắc như thế hiếm khi xảy đến. Thông thường, chúng ta chỉ thấy những thoáng nhìn mờ nhạt về khả năng, những tia soi sáng hiếm hoi, và những giây phút thoáng qua trong đó một sự tổng hợp xuất hiện, để lại cho chúng ta một cảm thức về sự thích hợp, về sự tích hợp, về mục đích và về thực tại nền tảng. Nhưng những khoảnh khắc như thế thật sự rất hiếm. Chúng ta biết Thượng đế hiện hữu. Chúng ta biết thực tại tồn tại. Nhưng đời sống, với sự nhấn mạnh đặt vào các hiện tượng, những

mountain of vision. A certain familiarity with God's nature must surely precede the revelation of Himself which He can and does at times accord. Christ's three friends had been admitted to a degree of intimacy with Him which warranted their being chosen as His companions at the scene of His experience, wherein He staged, for the benefit of humanity, a symbolic event as well as a definite experience for which arrangement had duly to be made with the participants correctly chosen and trained, so that the symbolism which they embodied might appear, and their intuitive reactions be rightly directed. It was necessary that Christ should have with Him those who could be depended upon to recognise divinity when it appeared, and whose intuitive spiritual perception would be such that—for all time—the inner meaning might be made apparent to those of us who have followed later in His steps. This is a point at times forgotten. Inevitably "we shall be like Him, for we shall see Him as He is." *(I St. John, III, 2.)*

căng thẳng và áp lực của nó, chiếm hữu chúng ta đến mức sau sáu ngày lao động, chúng ta không còn thời gian để leo lên ngọn núi của tầm nhìn. Chắc chắn phải có một mức độ quen thuộc nào đó với bản chất của Thượng đế trước khi sự mặc khải về chính Ngài, điều Ngài có thể và đôi khi thật sự ban cho, xảy đến. Ba người bạn của Đức Christ đã được nhận vào một mức độ thân mật với Ngài, đủ để bảo đảm việc họ được chọn làm bạn đồng hành của Ngài trong quang cảnh kinh nghiệm của Ngài, nơi Ngài dàn dựng, vì lợi ích của nhân loại, một biến cố biểu tượng cũng như một kinh nghiệm xác định, mà sự sắp đặt đã phải được thực hiện thích đáng với những người tham dự được chọn và huấn luyện đúng đắn, để biểu tượng học mà họ hiện thân có thể xuất hiện, và các phản ứng trực giác của họ được hướng dẫn đúng. Đức Christ cần có bên Ngài những người có thể được tin cậy sẽ nhận ra thiên tính khi nó xuất hiện, và có tri giác tinh thần trực giác đến mức—cho mọi thời—ý nghĩa bên trong có thể trở nên hiển nhiên đối với những ai trong chúng ta sau này đã theo bước Ngài. Đây là một điểm đôi khi bị quên lãng. Tất yếu, "chúng ta sẽ giống Ngài, vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài là." *(I St. John, III, 2.)*

But to bring about this likeness two things are necessary to the consecrated and dedicated disciple. He must be able [157] to see clearly, meanwhile standing in the illumination which radiates from Christ, and his intuition must be active, so that he can rightly interpret what he sees. He loves his Master, and he serves with what faithfulness he can; but more than devotion and service are needed. He must be able to face the illumination, and at the same time he must have that spiritual perception which, reaching out beyond the point to which the intellect can carry him, sees and touches reality. It is love and intellect combined, plus the power to know, which is

Nhưng để đưa đến sự giống nhau này, hai điều cần thiết đối với người đệ tử đã thánh hiến và tận hiến. Y phải có khả năng [157] nhìn thấy rõ ràng, trong khi đứng trong sự soi sáng phát ra từ Đức Christ, và trực giác của y phải hoạt động, để y có thể diễn giải đúng điều y thấy. Y yêu Chân sư của mình, và phụng sự với hết mức trung tín y có thể; nhưng cần nhiều hơn là sùng tín và phụng sự. Y phải có khả năng đối diện với sự soi sáng, đồng thời phải có tri giác tinh thần vươn ra vượt quá điểm mà trí năng có thể đưa y tới, thấy và chạm đến thực tại. Chính tình thương và trí năng kết hợp, cộng với quyền năng biết vốn cố hữu trong linh hồn, nhận ra bằng trực giác điều thiêng liêng, phổ

inherent in the soul, which recognises intuitively that which is holy, universal and real, and yet which is specific and true for all time to all people.

quát và chân thật, nhưng đồng thời đặc thù và đúng thật cho mọi thời đối với mọi người.

Christ revealed the quality of the divine nature through the medium of matter, of form, and "was transfigured before them."

Đức Christ mặc khải phẩm tính của bản chất thiêng liêng qua trung gian của vật chất, của hình tướng, và "được biến hình trước mặt họ."

"The Greek word here used is 'metamorphosed,' the very word used by St. Paul to describe the transmutation of the mortal body into the resurrection body; for on the day of fulfilment, when the perfected disciple has attained masterhood, the 'Robe of Glory' shines forth with such splendour through the garment of the flesh that all the beholders perceive it, and, their eyes and ears attuned to finer subtle vibration, they behold their Master in all His divine humanity."

"Từ Hy Lạp được dùng ở đây là 'biến đổi hình thái,' chính là từ được Thánh Paul dùng để mô tả sự chuyển hoá của thể xác hữu tử thành thể phục sinh; vì vào ngày thành tựu, khi đệ tử hoàn thiện đã đạt đến địa vị Chân sư, 'Áo Choàng Vinh Quang' chiếu rạng với vẻ huy hoàng đến thế qua lớp y phục xác thịt, khiến mọi người chứng kiến đều nhận thấy, và khi mắt tai họ được điều hợp với rung động tinh tế hơn, họ chiêm ngưỡng Chân sư của mình trong trọn vẹn nhân tính thiêng liêng của Ngài."

'THE MYSTERY TEACHING IN THE WEST', BY JEAN DELAIRE, P. 121.

'THE MYSTERY TEACHING IN THE WEST', CỦA JEAN DELAIRE, TR. 121.

It is interesting to note that, in spite of their recognition of the significance of the event in which they were participating, the three Apostles, speaking through the mouth of St. Peter, were able to do no more than express their awe and their bewilderment, their recognition and belief. They could not explain or understand what they had seen, nor do we find any record of their ever having done so. The meaning of the Transfiguration is something which has to be wrought out in the life before it can be defined or explained. When humanity as a whole learns to transform the flesh through divine experience, to transmute the feeling nature through divine expression, and to transfer the consciousness [158] away from the world of mundane living into the world

Điều thú vị cần lưu ý là, bất chấp việc họ nhận ra thâm nghĩa của biến cố mà họ đang tham dự, ba Tông đồ, nói qua miệng Thánh Peter, chỉ có thể bày tỏ sự kính sợ và bối rối, sự nhận biết và niềm tin của mình. Họ không thể giải thích hay thấu hiểu điều họ đã thấy, và chúng ta cũng không thấy có ghi chép nào cho biết họ từng làm như vậy. Ý nghĩa của cuộc Biến hình là điều phải được thực hiện trong đời sống trước khi có thể được định nghĩa hay giải thích. Khi nhân loại như một toàn thể học cách chuyển đổi xác thịt qua kinh nghiệm thiêng liêng, chuyển hoá bản chất cảm giác qua sự biểu lộ thiêng liêng, và chuyển dịch tâm thức [158] ra khỏi thế giới của đời sống phàm tục để vào thế giới của các thực tại siêu việt, các giá trị nội tại chân thật của cuộc điểm đạo này sẽ tự

of transcendental realities, the true subjective values of this initiation will reveal themselves to the minds of men. Then will come a deeper expression of that which has been intuited. Dr. Sheldon tells us with truth that *"all of the finest human thought and feeling is carried for generations, probably for ages, in intuitional minds, long before it becomes articulate." ('Psychology and the Promethean Will', by W. H. Sheldon, p. 116.)* Not yet are we articulate where this experience is concerned. We sense dimly and distantly its wonder and its finality. We have not yet, as a race, passed through the new birth; the Jordan experience is only attained as yet by the few. It is the rare and developed soul which has climbed the Mountain of Transfiguration, and there seen and met with God in the glorified Person of Jesus Christ. We have looked on at this episode through the eyes of others. Peter and James and John, through another apostle, Matthew, have told us about it. We remain as onlookers, but it is an experience in which we shall some day share. This we have forgotten. We have taken to ourselves the language of the fourth great event in Christ's life, and many of us have attempted to share and enter into the meaning of the Crucifixion. We have looked on at the Transfiguration, but have not attempted to become actively transfigured. But that must some day happen to us, and only after the Transfiguration can we dare to climb Mount Golgotha. Only when we have achieved expression of divinity in and through the lower personal nature shall we have attained to that of worth and value which can be permitted, under the divine Plan, to be crucified. This is a forgotten truth. Yet it is all part of the evolutionary process whereby God is revealed through humanity.

mặc khải cho trí tuệ của con người. Khi ấy sẽ đến một biểu lộ sâu xa hơn của điều đã được trực nhận. Tiến sĩ Sheldon nói với chúng ta một cách chân thật rằng *"tất cả tư tưởng và cảm giác tinh hoa nhất của con người đều được mang giữ qua nhiều thế hệ, có lẽ qua nhiều thời đại, trong những trí tuệ trực giác, rất lâu trước khi chúng được diễn đạt thành lời." ('Psychology and the Promethean Will', của W. H. Sheldon, tr. 116.)* Chúng ta vẫn chưa thể diễn đạt thành lời về kinh nghiệm này. Chúng ta cảm nhận mơ hồ và xa xăm sự kỳ diệu và tính chung cuộc của nó. Với tư cách một nhân loại, chúng ta vẫn chưa trải qua cuộc sinh ra mới; kinh nghiệm Jordan cho đến nay chỉ mới được một số ít người đạt tới. Chỉ linh hồn hiếm hoi và phát triển mới leo lên Núi Biến hình, và ở đó thấy cùng gặp Thượng đế trong Ngôi vị được vinh quang hóa của Đức Jesus Christ. Chúng ta đã nhìn vào sự kiện này qua mắt của người khác. Peter, James và John, qua một Tông đồ khác là Matthew, đã kể cho chúng ta về điều đó. Chúng ta vẫn là những người đứng xem, nhưng đó là một kinh nghiệm mà một ngày kia chúng ta sẽ cùng chia sẻ. Điều này chúng ta đã quên. Chúng ta đã nhận lấy cho mình ngôn ngữ của biến cố lớn thứ tư trong đời Đức Christ, và nhiều người trong chúng ta đã cố gắng chia sẻ và đi vào ý nghĩa của cuộc Đóng Đinh. Chúng ta đã nhìn vào cuộc Biến hình, nhưng chưa cố gắng trở nên được biến hình một cách tích cực. Nhưng một ngày kia điều đó phải xảy ra với chúng ta, và chỉ sau cuộc Biến hình, chúng ta mới dám leo lên Núi Golgotha. Chỉ khi chúng ta đã đạt được sự biểu lộ của thiên tính trong và qua bản chất phàm ngã thấp, chúng ta mới đạt tới điều có giá trị và phẩm giá có thể được phép, theo Thiên Cơ, chịu đóng đinh. Đây là một chân lý bị quên lãng. Tuy vậy, tất cả đều là một phần của tiến trình tiến hoá nhờ đó Thượng đế được mặc khải qua nhân loại.

The great and natural phenomenon which humanity will some day—through self-expression and also under the law—reveal in itself includes the beauty which shone forth from Christ as He stood transfigured before His three [159] friends, was recognised by God His Father, and received the testimony of Moses and Elias, the Law and the Prophets, the past and that which bears witness to the future.

Hiện tượng vĩ đại và tự nhiên mà một ngày kia nhân loại—qua sự tự biểu lộ và cũng dưới định luật—sẽ mặc khải nơi chính mình, bao gồm vẻ đẹp đã chiếu rạng từ Đức Christ khi Ngài đứng được biến hình trước ba [159] người bạn của Ngài, được Thượng đế là Cha Ngài nhận biết, và nhận chứng ngôn của Moses và Elias, của Định luật và các Tiên tri, của quá khứ và điều làm chứng cho tương lai.

One point might here be brought out. In the Oriental correspondence to these five crises in the life of Jesus Christ, this third episode is called the "hut" initiation, and the words of St. Peter as he suggests that they should make three "huts," one for Christ and one for Moses and one for Elias, link up this Christian happening with its ancient prototype. Always, in these rarely occurring events, God has been glorified by the light, ineffable and effulgent, shining forth through the raiment of flesh, and this mountain experience is not uniquely Christian. But Christ was the first to gather together into one sequential presentation all the possible experiences of divinity made manifest, and portrayed them for our edification and inspiration in His life history, and in the five Gospel episodes. More and more men will pass through the birth chamber, enter the stream and climb the mountain, furthering God's work for humanity; and Christ's example is rapidly bearing fruit and bringing results. Divinity cannot be gainsaid, and man is divine. If he is not, then the Fatherhood of God is but an empty form of words, and Christ and His Apostles were in error when They recognised, as They constantly did, the fact of our sonship. The divinity of man cannot be explained away. It is either a fact or it is not. God can be known in the flesh through the medium of His children or He cannot. All

Ở đây có thể nêu ra một điểm. Trong sự tương ứng Đông phương với năm cuộc khủng hoảng này trong đời Đức Jesus Christ, biến cố thứ ba này được gọi là cuộc điểm đạo "lều," và những lời của Thánh Peter khi ông đề nghị họ nên dựng ba "lều," một cho Đức Christ, một cho Moses và một cho Elias, nối kết biến cố Kitô giáo này với nguyên mẫu cổ xưa của nó. Luôn luôn, trong những biến cố hiếm khi xảy ra như thế, Thượng đế đã được tôn vinh bởi ánh sáng, khôn tả và rực rỡ, chiếu qua y phục xác thịt, và kinh nghiệm trên núi này không chỉ riêng của Kitô giáo. Nhưng Đức Christ là Đấng đầu tiên quy tụ vào một sự trình bày tuần tự duy nhất tất cả các kinh nghiệm khả hữu của thiên tính được biểu lộ, và phác họa chúng để khai sáng và truyền cảm hứng cho chúng ta trong lịch sử đời Ngài, và trong năm biến cố của Phúc Âm. Ngày càng nhiều người sẽ đi qua căn phòng sinh nở, bước vào dòng nước và leo lên ngọn núi, thúc đẩy công việc của Thượng đế cho nhân loại; và tấm gương của Đức Christ đang nhanh chóng kết trái và đem lại kết quả. Thiên tính không thể bị phủ nhận, và con người là thiêng liêng. Nếu y không phải như vậy, thì tư cách Cha của Thượng đế chỉ là một hình thức ngôn từ rỗng không, và Đức Christ cùng các Tông đồ của Ngài đã lầm khi Các Ngài nhận ra, như Các Ngài luôn luôn làm, sự kiện về tư cách làm con của chúng ta. Thiên tính của con người không thể bị giải thích cho tiêu tan. Nó hoặc là một

rests back on God, the Father, the Creator, the One in Whom we live and move and have our being. God is immanent in all His creatures, or He is not. God is transcendent and beyond manifestation, or else there is no basic reality, purpose or origin. Probably the growing recognition in men's minds that He is both immanent and transcendent is true, and we can take our stand upon His Fatherhood, knowing ourselves to be divine because Christ and the Church of all ages have borne testimony to it.

sự kiện, hoặc không phải. Thượng đế có thể được biết trong xác thịt qua trung gian các con của Ngài, hoặc không thể. Tất cả đều quy về Thượng đế, Cha, Đấng Sáng Tạo, Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện tồn. Thượng đế nội tại trong mọi tạo vật của Ngài, hoặc Ngài không như thế. Thượng đế siêu việt và vượt ngoài biểu hiện, hoặc nếu không thì không có thực tại, mục đích hay nguồn gốc căn bản nào cả. Có lẽ sự nhận biết ngày càng tăng trong trí tuệ con người rằng Ngài vừa nội tại vừa siêu việt là đúng, và chúng ta có thể đứng vững trên tư cách Cha của Ngài, biết mình là thiêng liêng vì Đức Christ và Giáo Hội qua mọi thời đại đã làm chứng cho điều đó.

[160] This time the Word spoken differs from the previous one. The first part of the pronouncement made by the Initiator Who stands silently behind the scenes as Jesus takes initiation after initiation is practically the same as that at the Baptism initiation, except for one expressed command. He said, "This is my beloved Son, in whom I am well pleased," but added this time, "Hear ye him." At the first great episode, God the Father, of Whom the Initiator is the symbol, did not make His Presence known. The angels spoke the word, embodying Christ's mission on His behalf. At the Baptism He accorded recognition, but that was all. At this Initiation, God commanded humanity to pay attention to this particular crisis in the life of Christ and to listen to His words. The power and the right to speak is now conferred upon the Christ, and it is interesting to note that the major part of the teaching (as given in St. John's Gospel and in many of the parables) was given by Christ only after He had been through this experience. Again God gave evidence that He recognised Christ's Messiahship, which word is man's interpretation of the recognition. At the Baptism, He recognised Him as His Son,

[160] Lần này, Linh từ được phán ra khác với lần trước. Phần đầu của lời tuyên bố do Đấng Điểm đạo, Đấng đứng lặng lẽ phía sau bối cảnh khi Đức Jesus trải qua điểm đạo này đến điểm đạo khác, thốt ra, thực tế giống như lời tại cuộc điểm đạo Rửa Tội, ngoại trừ một mệnh lệnh được phát biểu. Ngài phán: "Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng," nhưng lần này thêm: "Hãy nghe lời Người." Trong biến cố lớn đầu tiên, Thượng đế là Cha, Đấng mà Đấng Điểm đạo là biểu tượng, đã không làm cho Sự Hiện Diện của Ngài được biết đến. Các thiên thần đã nói lời, hiện thân sứ mệnh của Đức Christ nhân danh Ngài. Tại cuộc Rửa Tội, Ngài ban sự nhận biết, nhưng chỉ có vậy. Tại cuộc Điểm đạo này, Thượng đế truyền cho nhân loại chú tâm đến cuộc khủng hoảng đặc biệt này trong đời Đức Christ và lắng nghe lời Ngài. Quyền năng và quyền được nói nay được trao cho Đức Christ, và điều thú vị cần lưu ý là phần lớn giáo huấn, như được trình bày trong Phúc Âm của Thánh John và trong nhiều dụ ngôn, chỉ được Đức Christ ban ra sau khi Ngài đã trải qua kinh nghiệm này. Một lần nữa, Thượng đế đưa ra chứng cứ rằng Ngài nhận biết thiên chức Messiah của Đức Christ, một từ vốn là cách diễn giải của

sent into the world, from the bosom of the Father, to carry out the will of God. That which Christ had recognised in the Temple as a child was later endorsed by God. This recognition is repeated, and the endorsement is strengthened, by the command to the world to hear the words of the Saviour, or perhaps from the esoteric and spiritual standpoint, to hear that Word which was God made Flesh.

con người về sự nhận biết ấy. Tại cuộc Rửa Tội, Ngài nhận biết Đức Christ là Con của Ngài, được sai vào thế gian, từ lòng Cha, để thực hiện Ý Chí của Thượng Đế. Điều Đức Christ đã nhận biết trong Đền Thờ khi còn là một trẻ nhỏ về sau được Thượng đế xác nhận. Sự nhận biết này được lặp lại, và sự xác nhận được tăng cường bởi mệnh lệnh dành cho thế gian là hãy nghe lời của Đấng Cứu Thế, hoặc có lẽ theo quan điểm nội môn và tinh thần, hãy nghe Linh từ vốn là Thượng đế trở nên Xác Thịt.

"There is in fact an inward connection between the Baptism and the Transfiguration. In both cases a condition of ecstasy accompanies the revelation of the secret of Jesus' person. The first time the revelation was for him alone; here the Disciples also shared it. It is not clear to what extent they themselves were transported by the experience. So much is sure, that in a dazed condition, out of which they awake only at the end of the scene *(St. Mark, IX:8.)* the figure of Jesus appears to them illuminated by a supernatural light and glory, and a voice intimates that he is the Son of God. [161] The occurrence can be explained only as the outcome of great eschatological excitement."

"Thật ra có một mối liên hệ nội tại giữa cuộc Rửa Tội và cuộc Biến hình. Trong cả hai trường hợp, một trạng thái xuất thần đi kèm với sự mặc khải về bí nhiệm của ngôi vị Đức Jesus. Lần đầu, sự mặc khải chỉ dành riêng cho Ngài; ở đây các Đệ tử cũng cùng chia sẻ. Không rõ kinh nghiệm ấy đã đưa chính họ vào trạng thái xuất thần đến mức nào. Điều chắc chắn là, trong một trạng thái choáng ngợp, từ đó họ chỉ tỉnh thức vào cuối quang cảnh *(St. Mark, IX:8.)*, hình ảnh Đức Jesus hiện ra với họ được soi sáng bởi một ánh sáng và vinh quang siêu nhiên, và một tiếng nói cho biết Ngài là Con của Thượng đế. [161] Sự kiện này chỉ có thể được giải thích như kết quả của một sự kích động cánh chung lớn lao."

'THE MYSTERY OF THE KINGDOM OF GOD', BY ALBERT SCHWEITZER, PP. 181, 182.

'THE MYSTERY OF THE KINGDOM OF GOD', CỦA ALBERT SCHWEITZER, TR. 181, 182.

The same writer goes on to point out:

Cũng tác giả ấy tiếp tục nêu rõ:

"We have therefore three revelations of the secret of messiahship, which so hang together that each subsequent one implies the foregoing. On the mountain near Bethsaida was revealed to the Three the secret which was disclosed to Jesus at his baptism. That was after the harvest. A few weeks later it was known to the Twelve, by

"Vì vậy, chúng ta có ba sự mặc khải về bí nhiệm của thiên chức Messiah, liên kết với nhau đến mức mỗi sự mặc khải sau đều hàm chứa sự mặc khải trước. Trên ngọn núi gần Bethsaida, bí nhiệm đã được tỏ lộ cho Đức Jesus khi Ngài chịu rửa tội nay được mặc khải cho Ba vị. Điều đó xảy ra sau mùa gặt. Vài tuần sau, Mười Hai vị biết được bí nhiệm

the fact that Peter at Caesarea Phillippi answered Jesus' question out of the knowledge which he had attained upon the mountain. One of the Twelve betrayed the secret to the High Priest. This last revelation of the secret was fatal, for it brought about the death of Jesus. *He was condemned as messiah although he had never appeared in that role.*"

'THE MYSTERY OF THE KINGDOM OF GOD', BY ALBERT SCHWEITZER, PP. 217, 218.

This evokes in its entirety the question as to the nature of that mission which Christ came to forward, and what constituted the Will of God which He came to fulfil. Three major points of view usually held by the orthodox Christian might be enumerated as follows:

1. He came to die upon the Cross to appease the wrath of an angry God, and make it possible for those who believe in Him to go to Heaven.

2. He came to show us the real nature of perfection and how, in human form, divinity might be manifested.

3. He came to leave us an example that we should follow in His steps.

Christ Himself laid no emphasis upon the death on the Cross as being the apex of His life work. It was the *result* of His life work, but not that for which He came into the world. He came that we might have "life abundantly," and St. John tells us in his Gospel that the new birth is dependent [162] upon belief in Christ, when power is given to us to "become the Sons of God, even to them that believe on his name, which were born,

này, qua việc Peter tại Caesarea Phillippi đã trả lời câu hỏi của Đức Jesus từ tri thức mà ông đã đạt được trên núi. Một trong Mười Hai vị đã phản bội bằng cách tiết lộ bí nhiệm ấy cho Thượng Tế. Sự mặc khải cuối cùng này về bí nhiệm là tai hại, vì nó đưa đến cái chết của Đức Jesus. *Ngài bị kết án như Messiah mặc dù Ngài chưa bao giờ xuất hiện trong vai trò ấy.*"

'THE MYSTERY OF THE KINGDOM OF GOD', CỦA ALBERT SCHWEITZER, TR. 217, 218.

Điều này gợi lên trọn vẹn câu hỏi về bản chất của sứ mệnh mà Đức Christ đến để thúc đẩy, và điều gì cấu thành Ý Chí của Thượng Đế mà Ngài đến để hoàn tất. Ba quan điểm chính thường được người Kitô giáo chính thống nắm giữ có thể được liệt kê như sau:

1. Ngài đến để chết trên Thập Giá nhằm xoa dịu cơn thịnh nộ của một Thượng đế giận dữ, và làm cho những ai tin vào Ngài có thể lên Thiên Đàng.

2. Ngài đến để chỉ cho chúng ta bản chất thật của sự hoàn thiện và cách thiên tính có thể được biểu hiện trong hình tướng nhân loại.

3. Ngài đến để để lại cho chúng ta một tấm gương, hầu chúng ta noi theo bước Ngài.

Chính Đức Christ không nhấn mạnh cái chết trên Thập Giá như đỉnh cao của công trình đời Ngài. Đó là *kết quả* của công trình đời Ngài, nhưng không phải là điều vì đó Ngài đã đến thế gian. Ngài đến để chúng ta có thể có "sự sống dồi dào," và Thánh John nói với chúng ta trong Phúc Âm của ông rằng cuộc sinh ra mới tùy thuộc [162] vào niềm tin nơi Đức Christ, khi quyền năng được ban cho chúng ta để "trở nên Con của Thượng đế, tức

not of blood, nor of the will of the flesh, nor of the will of man, but of God." *(St. John, I, 13.)*

là cho những ai tin vào danh Ngài, những người được sinh ra, *không bởi huyết*, cũng không bởi ý muốn của xác thịt, cũng không bởi ý muốn của con người, mà bởi Thượng đế." *(St. John, I, 13.)*

Is it not reasonable for us to gather from these words that when a man reaches the point of recognising and believing in the cosmic Christ, "the Lamb slain from the foundation of the world," *(Revelations, XIII,8.)* then the new birth becomes possible, for the life of that universal Christ, animating every form of divine expression, can then consciously and definitely carry the man forward into a new manifestation of divinity? The "blood is the life," *(Genesis, IX, 4.).* and it is the living Christ that makes it possible for all to become citizens of that kingdom. It is the life of Christ in each of us which makes us sons of the Father, not His death which makes us sons. Nowhere in the Gospel story does an opposite statement find support. Christ, at the communion service, gave His disciples the cup to drink, saying "This is my blood of the new testament, which is shed for many for the remission of sins." *(St. Matthew, XXVI, 28.)* But these are His only references to blood in its remedial aspect, so strongly emphasised in the Epistles, and He Himself nowhere correlates blood with the Crucifixion. He speaks in the present tense, and does not relate the blood to the new birth or to the Crucifixion, or make it a factor in the exclusiveness which has so deeply coloured the presentation of Christianity in the world.

Phải chăng không hợp lý khi chúng ta rút ra từ những lời này rằng khi một người đạt đến điểm nhận biết và tin vào Đức Christ vũ trụ, "Chiên Con bị giết từ buổi sáng thế," *(Revelations, XIII,8.)* thì cuộc sinh ra mới trở nên khả hữu, vì sự sống của Đức Christ phổ quát ấy, làm linh hoạt mọi hình tướng của sự biểu lộ thiêng liêng, khi ấy có thể một cách hữu thức và xác định đưa con người tiến tới một biểu hiện mới của thiên tính? "Huyết là sự sống," *(Genesis, IX, 4.).* và chính Đức Christ hằng sống làm cho tất cả có thể trở thành công dân của Thiên Giới ấy. Chính sự sống của Đức Christ trong mỗi chúng ta làm cho chúng ta trở thành con của Cha, chứ không phải cái chết của Ngài làm cho chúng ta thành con. Không nơi nào trong câu chuyện Phúc Âm có sự ủng hộ cho một phát biểu ngược lại. Trong nghi thức hiệp thông, Đức Christ trao cho các đệ tử chén để uống, nói rằng: "Đây là huyết của Ta trong giao ước mới, đổ ra cho nhiều người để được tha tội." *(St. Matthew, XXVI, 28.)* Nhưng đây là những quy chiếu duy nhất của Ngài đến huyết trong phương diện chữa lành của nó, điều được nhấn mạnh rất mạnh trong các Thư tín, và chính Ngài không nơi nào liên hệ huyết với cuộc Đóng Đinh. Ngài nói ở thì hiện tại, và không liên hệ huyết với cuộc sinh ra mới hay với cuộc Đóng Đinh, cũng không biến nó thành một yếu tố trong tính loại trừ đã tô đậm sâu sắc cách trình bày Kitô giáo trên thế giới.

It is the Christ life in all forms which constitutes the evolutionary urge. It is the Christ life which makes the steadily unfolding expression of divinity possible in

Chính sự sống Đức Christ trong mọi hình tướng cấu thành xung lực tiến hoá. Chính sự sống Đức Christ làm cho sự biểu lộ thiên tính đang khai mở đều đặn trở nên khả hữu trong

the natural world. It is deep within the heart of every man. The Christ life brings him eventually to the point where he transits out of the human kingdom (when the work of normal evolution has done its part) and leads him into the [163] kingdom of spirit. The recognition of the Christ life within the form of man makes every human being, at some time, play the part of the Virgin Mary to that indwelling reality. It is the Christ life which, at the new birth, comes to fuller expression, and from crisis to crisis leads on the developing son of God until he stands perfected, having achieved "the measure of the stature of the fullness of Christ." *(Ephesians, IV, 13.)*

thế giới tự nhiên. Nó ở sâu trong trái tim của mọi người. Cuối cùng, sự sống Đức Christ đưa y đến điểm y chuyển vượt khỏi giới nhân loại, khi công việc của tiến hoá bình thường đã hoàn thành phần của nó, và dẫn y vào [163] giới tinh thần. Việc nhận biết sự sống Đức Christ bên trong hình tướng con người khiến mỗi con người, vào một lúc nào đó, đóng vai Đức Trinh Nữ Mary đối với thực tại nội trú ấy. Chính sự sống Đức Christ, trong cuộc sinh ra mới, đi đến sự biểu lộ đầy đủ hơn, và từ khủng hoảng này đến khủng hoảng khác dẫn dắt người con của Thượng đế đang phát triển cho đến khi y đứng trong sự hoàn thiện, đã đạt được "tầm vóc sung mãn của Đức Christ." *(Ephesians, IV, 13.)*

We shall see later that upon the revelation of the risen Christ must the new world religion take its stand. Christ upon the Cross, as will appear when we study the next great crisis, showed us love and sacrifice carried to their extreme expression; but Christ alive from all time, and vitally alive today, is the keynote of the new age, and upon this truth must the new presentation of religion be built and, later, the new theology be constructed. The true meaning of the Resurrection and the Ascension has not yet been grasped; as a divine subjective reality those truths still await revelation. The glory of the new age will be the unveiling of those two mysteries, and our entrance into a fuller understanding of God as life. The true Church of Christ is the assembly of all who live through the life of Christ, and whose life is one with His. This will be increasingly realised and will bring forth into clearer and more radiant light the wonder and glory which lies, unrevealed as yet, in God the Father.

Sau này chúng ta sẽ thấy rằng tôn giáo thế giới mới phải đứng vững trên sự mặc khải về Đức Christ phục sinh. Đức Christ trên Thập Giá, như sẽ hiện rõ khi chúng ta nghiên cứu cuộc khủng hoảng lớn kế tiếp, đã cho chúng ta thấy tình thương và sự hi sinh được đưa đến biểu lộ cực độ; nhưng Đức Christ hằng sống từ muôn thuở, và hôm nay vẫn sống động mãnh liệt, là chủ âm của thời đại mới, và trên chân lý này sự trình bày mới về tôn giáo phải được xây dựng, và về sau, nền thần học mới phải được kiến tạo. Ý nghĩa thật của sự Phục Sinh và Thăng Thiên vẫn chưa được nắm bắt; với tư cách một thực tại nội tại thiêng liêng, những chân lý ấy vẫn còn chờ sự mặc khải. Vinh quang của thời đại mới sẽ là sự hé mở hai bí nhiệm ấy, và việc chúng ta bước vào một sự thấu hiểu đầy đủ hơn về Thượng đế như sự sống. Giáo Hội chân thật của Đức Christ là cộng đoàn của tất cả những ai sống nhờ sự sống của Đức Christ, và có đời sống là một với đời sống của Ngài. Điều này sẽ ngày càng được nhận ra và sẽ đưa ra ánh sáng trong trẻo và rạng rỡ hơn sự kỳ diệu cùng vinh quang còn nằm chưa được mặc khải nơi Thượng đế là Cha.

It is only the man who has understood something of the value of the Transfiguration initiation and the nature of the perfection then revealed who can follow along with Christ, to the vision which was accorded Him as He came down from that high point of achievement, and can later share with Him an understanding of the nature of world service. This world service is rendered perfectly by those whose inner perfection is approximate to Christ's and whose lives are controlled by the same divine impulses and subordinated to the same vision. This stage connotes that complete spiritual freedom which we must eventually reach. [164] Now the time has come for human beings to leave off believing, and pass on to true knowledge, through the method of thought, reflection, experiment, experience and revelation. The immediate problem for all who are seeking this new knowledge, and who desire to become conscious knowers instead of faithful believers, is that they should achieve it in the world of every-day. After each expansion of consciousness and each unfoldment of a deepened awareness we return, as Christ did, to the plains of every-day life, and there subject our knowledge to the test, discover its reality and truth, and find out also wherein lies for us our next point of expansion, and what new knowledge must be acquired. The task of the disciple is the understanding and the use of his divinity. The knowledge of God immanent, yet based on a belief in God transcendent, is our endeavour.

Chỉ người nào đã thấu hiểu đôi điều về giá trị của cuộc điểm đạo Biến hình và bản chất của sự hoàn thiện khi ấy được mặc khải mới có thể cùng Đức Christ đi tới tầm nhìn đã được ban cho Ngài khi Ngài đi xuống từ điểm thành tựu cao ấy, và về sau có thể cùng Ngài chia sẻ sự thấu hiểu về bản chất của phụng sự thế gian. Việc phụng sự thế gian này được thực hiện một cách hoàn hảo bởi những người có sự hoàn thiện bên trong xấp xỉ với Đức Christ, và có đời sống được chi phối bởi cùng những xung lực thiêng liêng, được đặt dưới cùng tầm nhìn. Giai đoạn này hàm ý sự tự do tinh thần trọn vẹn mà cuối cùng chúng ta phải đạt tới. [164] Nay đã đến lúc con người thôi tin tưởng và tiến tới tri thức chân thật, qua phương pháp tư duy, suy ngẫm, thử nghiệm, kinh nghiệm và sự mặc khải. Vấn đề trước mắt đối với tất cả những ai đang tìm kiếm tri thức mới này, và muốn trở thành các thức giả hữu thức thay vì những tín đồ trung tín, là họ phải đạt được nó trong thế giới hằng ngày. Sau mỗi sự mở rộng tâm thức và mỗi sự khai mở của một nhận thức sâu hơn, chúng ta trở lại, như Đức Christ đã làm, với đồng bằng của đời sống hằng ngày, và ở đó đặt tri thức của mình vào thử thách, khám phá thực tại và chân lý của nó, đồng thời tìm ra nơi nào là điểm mở rộng kế tiếp của chúng ta, và tri thức mới nào phải được thủ đắc. Nhiệm vụ của đệ tử là thấu hiểu và sử dụng thiên tính của y. Tri thức về Thượng đế nội tại, nhưng được đặt nền trên niềm tin vào Thượng đế siêu việt, là nỗ lực của chúng ta.

This was the experience of the Apostles upon the mountain top. We are told that "when they had lifted up their eyes, they saw no man, save Jesus only." *(St. Matthew, XVII, 8.)* The familiar appeared to them again. It is of real interest to compare a

Đây là kinh nghiệm của các Tông đồ trên đỉnh núi. Chúng ta được kể rằng "khi họ ngước mắt lên, họ không thấy ai, ngoại trừ một mình Đức Jesus." *(St. Matthew, XVII, 8.)* Điều quen thuộc lại hiện ra với họ. Thật đáng quan tâm khi so sánh một câu chuyện phần

somewhat similar story related in *The Bhagavad Gita*, wherein Arjuna has had revealed to him the glorious form of the Lord. At the close of the revelation God, in the person of Krishna, says to him, with tenderness and understanding, "Let not fear nor confusion overcome thee, beholding My form so terrible! Behold my former shape once more, thy fear gone, thy heart at rest!" and then he goes on to tell him:

nào tương tự được kể trong *The Bhagavad Gita*, trong đó Arjuna đã được mặc khải cho hình tướng vinh quang của Chúa. Vào cuối sự mặc khải, Thượng đế, trong ngôi vị Krishna, nói với ông, bằng sự dịu dàng và thấu hiểu: "Chớ để sợ hãi hay bối rối chế ngự ngươi khi nhìn thấy hình tướng đáng kinh khiếp này của Ta! Hãy nhìn lại hình dạng trước kia của Ta, nỗi sợ của ngươi tan biến, trái tim ngươi an nghỉ!" rồi Ngài tiếp tục nói với ông:

"This form of Mine which thou hast seen is hard indeed to see! Even the Gods ever desire a sight of this form! Nor can I be seen thus through Vedas, penances, gifts, sacrifices, in the form which thou hast seen. But I can be known thus through single-hearted love, Arjuna, and seen as I truly am, and entered, O Consumer of the foe!"

"Hình tướng này của Ta mà ngươi đã thấy quả thật khó thấy! Ngay cả các vị thần cũng luôn khao khát được chiêm ngưỡng hình tướng này! Ta cũng không thể được thấy như thế qua các Veda, khổ hạnh, lễ vật, hiến tế, trong hình tướng mà ngươi đã thấy. Nhưng Ta có thể được biết như thế qua tình thương nhất tâm, Arjuna, và được thấy như Ta thật sự là, và được bước vào, hỡi Kẻ Tiêu Diệt quân thù!"

THE BHAGAVAD GITA, BOOK XI, 49, 52, 53, 54.

THE BHAGAVAD GITA, BOOK XI, 49, 52, 53, 54.

The Word of Recognition had gone forth, and the command to hear the Christ had been given. Jesus having returned [165] "to His proper form," the descent from the mountain had to follow. Then occurred what might be regarded as a great, sad, spiritual reaction, inevitable and terrible, expressed by Christ in the following words:

Linh từ Công Nhận đã phát ra, và mệnh lệnh hãy nghe Đức Christ đã được ban. Khi Đức Jesus đã trở lại [165] "hình tướng vốn có của Ngài," thì việc xuống núi phải tiếp theo. Khi ấy xảy ra điều có thể được xem là một phản ứng tinh thần lớn lao, buồn thảm, không tránh khỏi và khủng khiếp, được Đức Christ diễn tả trong những lời sau:

"The Son of Man shall be betrayed into the hands of men, and they shall kill him, and the third day he shall be raised again."

"Con Người sẽ bị nộp vào tay người đời, và họ sẽ giết Ngài, và ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại."

ST. MATTHEW, XVII, 22, 23.

ST. MATTHEW, XVII, 22, 23.

Then comes the simple comment that the disciples "were exceedingly sorry." This

Rồi đến lời bình đơn giản rằng các đệ tử "vô cùng buồn rầu." Nếu chúng ta lần theo các

vision of Christ's, if we trace it in the records, fell into two parts. First, He had a vision of achievement. The mountain-top achievement, a great spiritual experience, lay behind Him. Now He has a vision of a physical consummation in the form of the triumphal entry into Jerusalem. But this is accompanied by a presentiment or a prevision of the culmination of His life of service upon the Cross. He saw clearly, perhaps for the first time, what lay ahead of Him, and the direction in which His service to the world was leading Him. The *via dolorosa* of a World Saviour stretched out before Him; the destiny of all pioneering souls climaxed in His experience, and He saw Himself rejected, pilloried and killed, as have many lesser sons of God. World rejection always precedes world acceptance. Disillusionment is a stage on the way to reality. The hatred of those who are not yet ready to recognise the world of spiritual values is ever the lot of those who are. This, Christ faced, and yet "He steadfastly set His face to go to Jerusalem." *(St. Luke, IX, 51)*

ghi chép, tầm nhìn này của Đức Christ chia thành hai phần. Trước hết, Ngài có một tầm nhìn về thành tựu. Thành tựu trên đỉnh núi, một kinh nghiệm tinh thần vĩ đại, đã ở phía sau Ngài. Nay Ngài có một tầm nhìn về sự viên mãn hồng trần dưới hình thức cuộc vào thành Jerusalem khải hoàn. Nhưng điều này đi kèm với một linh cảm hay một tiền kiến về cao điểm đời phụng sự của Ngài trên Thập Giá. Có lẽ lần đầu tiên Ngài thấy rõ điều gì đang chờ phía trước, và hướng mà sự phụng sự của Ngài đối với thế gian đang dẫn Ngài tới. Con đường đau khổ của một Đấng Cứu Thế trải dài trước mặt Ngài; số phận của mọi linh hồn tiên phong đạt đến cao điểm trong kinh nghiệm của Ngài, và Ngài thấy chính mình bị khước từ, bị bêu riếu và bị giết, như nhiều người con thấp hơn của Thượng đế đã từng chịu. Sự khước từ của thế gian luôn đi trước sự chấp nhận của thế gian. Vỡ mộng là một giai đoạn trên đường tới thực tại. Lòng thù ghét của những người chưa sẵn sàng nhận ra thế giới của các giá trị tinh thần luôn là số phận của những ai đã sẵn sàng. Đức Christ đã đối diện điều này, và "Ngài kiên quyết hướng mặt đi đến Jerusalem." *(St. Luke, IX, 51)*

As we consider these happenings, the particular test which Christ now encountered becomes clear in our minds. It was again a threefold test, as was that after the Baptism initiation; but this time it was of a far subtler nature. He was faced with the test as to whether He could endure and handle worldly success, and pass along the triumphant way of His entry into the Holy City, without deviating from [166] His purpose, without being attracted by material achievement and by being acclaimed King of the Jews. Success constitutes a far more drastic disciplining, and produces many more opportunities to forget God and reality than do failure and neglect. Self-pity, a sense of martyrdom, and

Khi chúng ta xem xét những biến cố này, thử thách đặc biệt mà Đức Christ lúc ấy gặp phải trở nên rõ ràng trong trí chúng ta. Đó lại là một thử thách tam phân, như thử thách sau cuộc điểm đạo Rửa Tội; nhưng lần này có bản chất vi tế hơn nhiều. Ngài đối diện với thử thách xem liệu Ngài có thể chịu đựng và xử lý thành công thế gian, và đi trên con đường khải hoàn khi vào Thành Thánh, mà không lệch khỏi [166] mục đích của Ngài, không bị lôi cuốn bởi thành tựu vật chất và bởi việc được tôn xưng là Vua dân Do Thái hay không. Thành công cấu thành một kỷ luật nghiêm khắc hơn nhiều, và tạo ra nhiều cơ hội hơn để quên Thượng đế và thực tại so với thất bại và bị bỏ quên. Tự thương hại, cảm thức tử đạo, và cam chịu là những cách

resignation are potent and effective ways of handling one's failure. But to rise upon the crest of the wave, to be accorded public recognition, and to seem to have achieved the earthly goal are far more difficult factors to face. These Christ did face, and He faced them with spiritual poise and with that far-sighted wisdom which produces a correct sense of values and a proper sense of proportion.

mạnh mẽ và hữu hiệu để xử lý thất bại của mình. Nhưng vươn lên trên đỉnh ngọn sóng, được công chúng công nhận, và dường như đã đạt mục tiêu trần thế là những yếu tố khó đối diện hơn nhiều. Đức Christ đã đối diện những điều này, và Ngài đối diện chúng với sự quân bình tinh thần cùng minh triết nhìn xa, vốn tạo ra ý thức đúng đắn về các giá trị và Ý thức về tỉ lệ thích hợp.

The second phase of the test lay in His prevision as to His end. He knew He had to die, and He knew how He would die, and yet He went forward undeviatingly upon the course assigned Him, although prevision of disaster was His. Not only had He to demonstrate the power to endure success, but He had also to demonstrate the power to face disaster, balancing the two against each other and seeing in both of them simply opportunities for divine expression and fields for the demonstration of detachment —that outstanding characteristic of the man who has been born again, purified and transfigured. To these tests was added the one which He had before encountered in the desert, the test of utter loneliness. The power to endure success! The power to endure disaster! The power to stand utterly alone! This, Christ had to show the world, and this He did. He stood triumphant before the world, at an intermediate stage on His way to the Cross. The agony of loneliness in the Garden of Gethsemane was probably a far harder moment for Him than the publicity on Mount Golgotha. But in these more subtle tests the quality of God Himself was revealed, and it is God's *quality* and *meaning* which save the world—the quality of His life, which is Love and Wisdom and Value and Reality. It was all of this which Christ accomplished.

Giai đoạn thứ hai của thử thách nằm trong tiền kiến của Ngài về kết cuộc của mình. Ngài biết mình phải chết, và Ngài biết mình sẽ chết như thế nào, nhưng Ngài vẫn tiến tới không lệch hướng trên con đường đã được giao phó, mặc dù tiền kiến về tai họa là của Ngài. Ngài không chỉ phải chứng minh quyền năng chịu đựng thành công, mà còn phải chứng minh quyền năng đối diện tai họa, cân bằng hai điều ấy với nhau và thấy trong cả hai chỉ là những cơ hội cho sự biểu lộ thiêng liêng và những lĩnh vực để biểu lộ sự tách rời—đặc tính nổi bật của người đã được sinh ra lần nữa, được thanh lọc và được biến hình. Thêm vào các thử thách này là thử thách mà trước đó Ngài đã gặp trong sa mạc, thử thách về sự cô độc tuyệt đối. Quyền năng chịu đựng thành công! Quyền năng chịu đựng tai họa! Quyền năng đứng hoàn toàn một mình! Điều này, Đức Christ đã phải cho thế gian thấy, và Ngài đã làm như vậy. Ngài đứng khải hoàn trước thế gian, tại một giai đoạn trung gian trên đường đến Thập Giá. Nỗi thống khổ của sự cô độc trong Vườn Gethsemane có lẽ là một khoảnh khắc khó khăn hơn nhiều đối với Ngài so với sự công khai trên Núi Golgotha. Nhưng trong những thử thách vi tế hơn này, phẩm tính của chính Thượng đế đã được mặc khải, và chính *phẩm tính* cùng *ý nghĩa* của Thượng đế cứu thế gian—phẩm tính của sự sống Ngài, vốn là Bác Ái và Minh Triết, Giá Trị và Thực Tại.

Tất cả những điều này Đức Christ đã hoàn thành.

Immediately, on the descent from the mountain-top, Christ [167] began again to serve. He was met, as well we know, by a person in distress, and He at once responded to the need. One of the outstanding characteristics of each initiation is the increased capacity and ability of the initiate to serve. Christ demonstrated an entirely new and unique way in which to speak and to meet the masses, as well as to teach privately and personally His chosen few. His power to heal still continued, but His work shifted into a field of new values, and He spoke those words and enunciated those truths which have proved the foundation of the belief of those who have had the insight to penetrate the theological presentation of Christianity and there find reality. His service consisted primarily at the time in teaching and speaking. But such is the wisdom and the beauty of His presentation of truth, He couched divinity in forms which the average man could grasp. He bridged the old and the new, and gave out that new truth and that special revelation which were needed at the time to unite the ancient wisdom and the more modern hope. Keyserling has grasped the wonder of what the World-Saviour does, and voices it in words which I quote:

Ngay khi từ đỉnh núi đi xuống, Đức Christ [167] lại bắt đầu phụng sự. Như chúng ta biết rõ, Ngài gặp một người đang đau khổ, và Ngài lập tức đáp ứng nhu cầu ấy. Một trong những đặc tính nổi bật của mỗi cuộc điểm đạo là năng lực và khả năng phụng sự gia tăng nơi điểm đạo đồ. Đức Christ đã chứng minh một phương thức hoàn toàn mới mẻ và độc đáo để nói với quần chúng và tiếp xúc với họ, cũng như để dạy dỗ riêng tư và cá nhân cho số ít người được Ngài chọn. Quyền năng chữa lành của Ngài vẫn tiếp tục, nhưng công việc của Ngài chuyển sang một lĩnh vực gồm những giá trị mới, và Ngài đã nói những lời ấy, đã tuyên bố những chân lý ấy, vốn đã chứng tỏ là nền tảng cho niềm tin của những ai có tuệ giác để xuyên thấu cách trình bày thần học của Cơ Đốc giáo và tìm thấy thực tại nơi đó. Khi ấy, sự phụng sự của Ngài chủ yếu gồm việc giảng dạy và nói năng. Nhưng minh triết và vẻ đẹp trong cách Ngài trình bày chân lý lớn lao đến nỗi Ngài đã đặt thiên tính vào những hình tướng mà người bình thường có thể nắm bắt. Ngài bắc cầu giữa cái cũ và cái mới, và ban ra chân lý mới ấy cùng sự mặc khải đặc biệt ấy, vốn cần thiết vào thời điểm đó để hợp nhất minh triết cổ xưa và niềm hy vọng hiện đại hơn. Keyserling đã nắm bắt được điều kỳ diệu trong những gì Đấng Cứu Thế của thế gian thực hiện, và diễn đạt điều đó trong những lời tôi trích dẫn sau đây:

"... the great mind is essentially the Awakener. If such a mind were to utter the entirely new, the unique, this would mean nothing to other men. His social value depends entirely on his ability to utter clearly what all feel in their innermost hearts to be true—for could he otherwise be understood?—and to utter it in so universal

"... trí tuệ vĩ đại, về bản chất, là Đấng Đánh Thức. Nếu một trí tuệ như thế thốt ra điều hoàn toàn mới, điều độc nhất, thì điều ấy sẽ chẳng có nghĩa gì đối với những người khác. Giá trị xã hội của y hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng nói ra một cách rõ ràng điều mà tất cả mọi người đều cảm thấy trong sâu thẳm trái tim mình là chân thật—vì nếu không thì

a manner, that is, so much in tune with the objective laws in question, that his ideas become organs for the others."

làm sao y có thể được thấu hiểu?—và nói ra điều ấy theo một cách phổ quát đến thế, nghĩa là hòa hợp đến thế với các định luật khách quan liên hệ, đến nỗi các ý tưởng của y trở thành các cơ quan cho những người khác."

'THE RECOVERY OF TRUTH', BY HERMANN KEYSERLING, P. 213.

'SỰ PHỤC HỒI CHÂN LÝ', CỦA HERMANN KEYSERLING, TR. 213.

Christ gave us a great idea. He gave us the new concept that God is Love, no matter what might be happening in the world of immediacy. All great ideas come forth from the world of divinity through the medium of the great Intuitives, and the history of humanity is essentially the history of ideas —their coming forth through the medium of some intuitive thinker, their recognition by the few, their growth [168] in popularity, and their eventual integration in the thought world, the pattern world of the thinkers of the race. Then their fate is determined, and eventually the new and unique idea becomes the popularly and publicly accepted model of human conduct. "To the question, then, whether it is personalities or ideas which decide the fate of an age, the answer is that the age get its ideas from personalities." *('The Decay and Restoration of Civilisation', by Albert Schweitzer, p. 82.)* Christ embodied a great idea, the idea that God is Love, and that love is the motivating power of the universe. This constitutes the illumination which Christ as the Light of the World refracted upon all world events. The majesty of this realisation cannot be over-emphasised. We need to realise it far more deeply and potently than we do, for it constitutes the basic, fundamental character and quality of all events, no matter what the outer appearance may be. Christ illumines life. This was one of His most important contributions to life as

Đức Christ đã ban cho chúng ta một ý tưởng vĩ đại. Ngài ban cho chúng ta quan niệm mới rằng Thượng đế là Tình thương, bất kể điều gì có thể đang xảy ra trong thế giới của tính tức thời. Tất cả các ý tưởng vĩ đại đều phát ra từ thế giới của thiên tính qua trung gian của các Nhà Trực Giác vĩ đại, và lịch sử nhân loại về bản chất là lịch sử của các ý tưởng—sự xuất hiện của chúng qua trung gian của một tư tưởng gia trực giác nào đó, sự thừa nhận chúng bởi số ít người, sự gia tăng [168] tính phổ biến của chúng, và sự tích hợp sau cùng của chúng vào thế giới tư tưởng, thế giới mô hình của các tư tưởng gia trong nhân loại. Khi ấy số phận của chúng được định đoạt, và cuối cùng ý tưởng mới mẻ và độc đáo trở thành mô hình về cách hành xử của con người được chấp nhận rộng rãi và công khai. "Vậy, đối với câu hỏi liệu chính các phàm ngã hay các ý tưởng quyết định số phận của một thời đại, câu trả lời là thời đại nhận các ý tưởng của mình từ các phàm ngã." *('Sự Suy Tàn và Phục Hưng của Văn Minh', của Albert Schweitzer, tr. 82.)* Đức Christ hiện thân cho một ý tưởng vĩ đại, ý tưởng rằng Thượng đế là Tình thương, và tình thương là quyền năng thúc đẩy của vũ trụ. Điều này tạo nên sự soi sáng mà Đức Christ, với tư cách Ánh Sáng của Thế Gian, đã khúc xạ trên mọi biến cố thế giới. Dù nhấn mạnh sự uy nghi của chứng nghiệm này đến đâu cũng không quá. Chúng ta cần nhận ra điều ấy sâu xa và mạnh mẽ hơn rất nhiều so với hiện nay, vì nó tạo nên tính cách và phẩm tính căn bản,

it is lived today. He said in effect: God loves the world; all that happens is along the line of love. If this is realised as fact and fundamental truth, it illumines all of life and lightens all burdens; cause and effect are brought together, and God's purpose and His method are seen as one. Theologians have often forgotten this as they have struggled over the more technical aspects of Christ's life. What He illumined in His function as the "Light of the World," what He received of divine Light and poured forth for the world, what He refracted, is often overlooked in the struggle to prove such doctrines as the fact that the Virgin Mary was an immaculate virgin, and Christ was therefore born through the medium of an immaculate conception. Today only a few of the younger generation care much about such points of doctrine. Let us state that quite emphatically. But we do care that the love which He expressed should be demonstrated in the world and that the illumination He carried should "lighten our darkness."

nền tảng của mọi biến cố, bất kể vẻ ngoài bên ngoài có thể là gì. Đức Christ soi sáng sự sống. Đây là một trong những đóng góp quan trọng nhất của Ngài cho sự sống như nó đang được sống ngày nay. Trên thực tế, Ngài đã nói: Thượng đế yêu thương thế gian; mọi điều xảy ra đều nằm trên con đường của tình thương. Nếu điều này được nhận ra như một sự kiện và một chân lý nền tảng, nó soi sáng toàn bộ sự sống và làm nhẹ mọi gánh nặng; nhân và quả được đưa lại với nhau, và mục đích của Thượng đế cùng phương pháp của Ngài được thấy như một. Các nhà thần học thường quên điều này khi họ tranh đấu về những phương diện kỹ thuật hơn trong đời sống của Đức Christ. Điều Ngài đã soi sáng trong chức năng là "Ánh Sáng của Thế Gian," điều Ngài đã nhận từ Ánh Sáng thiêng liêng và tuôn đổ cho thế gian, điều Ngài đã khúc xạ, thường bị bỏ qua trong cuộc tranh đấu nhằm chứng minh các giáo lý như sự kiện rằng Đức Mẹ Đồng Trinh Mary là một trinh nữ vô nhiễm, và vì vậy Đức Christ được sinh ra qua trung gian của một cuộc thụ thai vô nhiễm. Ngày nay, chỉ có một số ít trong thế hệ trẻ còn quan tâm nhiều đến những điểm giáo lý như thế. Chúng ta hãy nói điều đó thật dứt khoát. Nhưng chúng ta thật sự quan tâm rằng tình thương mà Ngài đã biểu lộ phải được chứng minh trong thế gian, và sự soi sáng mà Ngài mang theo phải "làm sáng bóng tối của chúng ta."

Christ sounded with clarity the note which can usher in the new civilisation and the new order, and a close study of [169] the ideals and ideas which today, without exception, underlie every one of the great experiments undertaken by the various nations, will show that they are based, in essence, upon some definitely Christlike concept. That their method of application and the techniques employed are frequently un-Christlike is sadly true, but the foundational concepts will bear with

Đức Christ đã xướng lên một cách rõ ràng âm điệu có thể mở đường cho nền văn minh mới và trật tự mới, và một nghiên cứu kỹ lưỡng về [169] các lý tưởng và ý tưởng mà ngày nay, không ngoại lệ, nằm bên dưới mọi thí nghiệm lớn do các quốc gia khác nhau thực hiện, sẽ cho thấy rằng về bản chất chúng được đặt trên một quan niệm rõ rệt mang tính Đức Christ. Rằng phương pháp áp dụng của chúng và các kỹ thuật được sử dụng thường không mang tính Đức Christ là điều đáng buồn nhưng có thật; tuy nhiên các

equanimity the light which Christ can throw upon them. The principal difficulty has been that our intellectual grasp of the concepts runs ahead of our own personal development, and therefore colours disastrously our application of them. When these basic ideas are transmuted into world ideals by the consecrated thinkers of the race, and applied in the spirit in which Christ conceived of them, then we shall indeed inaugurate a new world order.

quan niệm nền tảng sẽ bình thản chịu được ánh sáng mà Đức Christ có thể chiếu rọi lên chúng. Khó khăn chính là sự nắm bắt bằng trí năng của chúng ta về các quan niệm ấy đi trước sự phát triển cá nhân của chính chúng ta, và vì vậy tô màu một cách tai hại cho việc áp dụng chúng. Khi những ý tưởng căn bản này được các tư tưởng gia thánh hiến của nhân loại chuyển hoá thành các lý tưởng thế giới, và được áp dụng trong tinh thần mà Đức Christ đã hình dung về chúng, bấy giờ chúng ta thật sự sẽ khai mở một trật tự thế giới mới.

It is of supreme value for us to realise that what Christ really did was to usher in the era of *Service*, even if we are only beginning today (two thousand years after He set us an example) to grasp the implications of that word so widely used. We have been apt to regard salvation in terms of the individual, and to study it from the angle of individual salvation. This attitude must end if we are ever to understand the Christ spirit. A great Japanese asks the poignant question "What is the primary aim of a religion worthy of existence?" and goes on to tell us that it is salvation, but a salvation that "is pregnant with relief and redress of life and of the world. *('Modern Trends in World Religions', edited by A. E. Haydon, quoting Kishio Satomi, p. 75)*. Service is becoming more and more an objective in all human affairs. Even modern business is coming to the recognition that it must be a motivating agency if business, as we understand it in the modern sense, is to survive. Upon what is this general trend based? Surely upon our universal relation to Deity and upon our subjective relationships to each other, which have their root in our relationship to God.

Điều có giá trị tối thượng đối với chúng ta là nhận ra rằng điều Đức Christ thật sự đã làm là mở ra kỷ nguyên của *Phụng Sự*, dù ngày nay chúng ta mới chỉ bắt đầu, hai ngàn năm sau khi Ngài nêu gương cho chúng ta, nắm bắt các hàm ý của từ được dùng rộng rãi ấy. Chúng ta thường có khuynh hướng nhìn sự cứu rỗi theo nghĩa cá nhân, và nghiên cứu nó từ góc độ cứu rỗi cá nhân. Thái độ này phải chấm dứt nếu chúng ta muốn thấu hiểu tinh thần Đức Christ. Một người Nhật vĩ đại đặt câu hỏi nhức nhối: "Mục tiêu chính yếu của một tôn giáo xứng đáng tồn tại là gì?" và tiếp tục nói với chúng ta rằng đó là sự cứu rỗi, nhưng là một sự cứu rỗi "hàm chứa sự cứu trợ và sự chỉnh đốn đời sống cùng thế gian. *('Các Khuynh Hướng Hiện Đại trong Các Tôn Giáo Thế Giới', do A. E. Haydon biên tập, trích Kishio Satomi, tr. 75)*. Phụng sự ngày càng trở thành một mục tiêu trong mọi công việc của con người. Ngay cả kinh doanh hiện đại cũng đang đi đến sự nhận thức rằng phụng sự phải là một tác nhân thúc đẩy nếu kinh doanh, như chúng ta hiểu theo nghĩa hiện đại, muốn tồn tại. Khuynh hướng chung này dựa trên điều gì? Chắc chắn là dựa trên mối liên hệ phổ quát của chúng ta với Thượng Đế và trên các mối tương quan chủ quan của chúng ta với nhau, vốn có gốc

rễ trong mối liên hệ của chúng ta với Thượng đế.

That of course is the basis of service. It must be, as it was in the case of Jesus Christ, a spontaneous outcome of [170] divinity. One of the strongest arguments for the divine unfoldment of man is the emergence on a large scale of this tendency to serve. We are just beginning to get a faint vision of what Christ meant by service. He "carried this actuating motive of service to the extent of saying that when the common good and your personal success or welfare conflicted, you must sacrifice and not sacrifice the other man." *('Modern Trends in World Religions', edited by A. E. Haydon, quoting Kishio Satomi, p. 106.)* This idea of service is of course in complete conflict with the usually competitive attitude to life and the selfishness generally shown by the average man. But to the man who seeks to follow Christ, and who aims eventually at climbing the Mount of Transfiguration, service leads inevitably to increased illumination, and illumination in its turn must find its expression in renewed and consecrated service, and thus we find our way—through service to our fellowmen—into the Way that Christ trod. Following in His steps, we achieve eventually the power to live as illumined and Christlike men and women in our normal everyday surroundings.

Dĩ nhiên, đó là nền tảng của phụng sự. Nó phải là, như trong trường hợp của Đức Jesus Christ, một kết quả tự phát của [170] thiên tính. Một trong những luận cứ mạnh mẽ nhất cho sự khai mở thiêng liêng của con người là sự xuất hiện trên quy mô lớn của khuynh hướng phụng sự này. Chúng ta mới chỉ bắt đầu có được một linh ảnh mờ nhạt về điều Đức Christ muốn nói bằng phụng sự. Ngài "đã mang động cơ thúc đẩy của phụng sự này đến mức nói rằng khi lợi ích chung và thành công hay phúc lợi cá nhân của bạn xung đột, bạn phải hy sinh chứ không hy sinh người khác." *('Các Khuynh Hướng Hiện Đại trong Các Tôn Giáo Thế Giới', do A. E. Haydon biên tập, trích Kishio Satomi, tr. 106.)* Ý tưởng phụng sự này dĩ nhiên hoàn toàn xung đột với thái độ cạnh tranh thường thấy đối với đời sống và tính ích kỷ nói chung do người bình thường biểu lộ. Nhưng đối với người tìm cách noi theo Đức Christ, và cuối cùng nhắm đến việc leo lên Núi Biến Hình, phụng sự tất yếu dẫn đến sự soi sáng gia tăng, và đến lượt nó, sự soi sáng phải tìm thấy sự biểu lộ trong phụng sự được đổi mới và thánh hiến; và như vậy, chúng ta tìm thấy con đường của mình—qua phụng sự những người đồng loại—vào Con Đường mà Đức Christ đã đi. Noi theo bước chân Ngài, cuối cùng chúng ta đạt được quyền năng sống như những người nam và nữ được soi sáng và mang tính Đức Christ trong môi trường bình thường hằng ngày của mình.

What, therefore, is the gift that each of us can make to the world as we study the life of Christ and travel with Him in our minds from one initiation to another? We can aim at that greatness in action which will redeem our natural mediocrity and reveal progressively the divinity in each of us. Each

Vậy, món quà mà mỗi người chúng ta có thể trao cho thế gian khi chúng ta nghiên cứu đời sống của Đức Christ và cùng Ngài du hành trong trí mình từ cuộc điểm đạo này sang cuộc điểm đạo khác là gì? Chúng ta có thể nhắm đến sự vĩ đại trong hành động, điều sẽ cứu chuộc sự tầm thường tự nhiên

can stand as a beacon light, pointing the way to the centre from which the Word goes forth; and each can begin to express in his daily living some of the quality of God which Christ so perfectly portrayed and which carried Him in triumph from the Mount of Transfiguration down into the valley of duty and of service, and which enabled Him to go forward with staunch determination to the Cross experience, through the triumphal way of acclamation and the sorrowful ways of desertion and of loneliness.

của chúng ta và dần dần mặc khải thiên tính nơi mỗi người chúng ta. Mỗi người có thể đứng như một ngọn hải đăng, chỉ đường đến trung tâm từ đó Linh từ phát ra; và mỗi người có thể bắt đầu biểu lộ trong đời sống hằng ngày của mình một phần phẩm tính của Thượng đế mà Đức Christ đã phác họa một cách hoàn hảo đến thế, phẩm tính đã đưa Ngài trong khải hoàn từ Núi Biến Hình xuống thung lũng của bổn phận và phụng sự, và đã giúp Ngài tiến tới với quyết tâm kiên định hướng về kinh nghiệm Thập Giá, qua con đường khải hoàn của sự tung hô và những con đường đau buồn của sự bỏ rơi và cô độc.

The impulse is strong to close with some words of Arjuna, spoken to Krishna, long before the Christian era, after the revelation of the unveiled beauty to which he had been admitted. Their relevance is unquestionable. One can almost [171] imagine St. Peter or St. John saying them to Christ when they opened their eyes and "saw Jesus only." Perhaps they may apply to us also as we consider Christ and our relation to Him:

Có một thôi thúc mạnh mẽ muốn kết thúc bằng vài lời của Arjuna nói với Krishna, rất lâu trước kỷ nguyên Cơ Đốc, sau sự mặc khải về vẻ đẹp không che phủ mà y đã được phép bước vào. Sự thích hợp của những lời ấy là không thể nghi ngờ. Người ta gần như [171] có thể tưởng tượng Thánh Peter hay Thánh John nói những lời ấy với Đức Christ khi họ mở mắt ra và "chỉ thấy Đức Jesus." Có lẽ chúng cũng có thể áp dụng cho chúng ta khi chúng ta suy ngẫm về Đức Christ và mối liên hệ của chúng ta với Ngài:

"If thinking Thee my comrade, I addressed Thee brusquely ... not knowing this greatness of Thine, or carelessly, or through affection, or whatever I have done to make a jest of Thee, unseemly, in journeying, resting, or seated, or at the banquet, whether alone, O, unfallen One! or in presence of these, for all this I ask forgiveness from Thee, Immeasurable One! Thou art the Father of the world, of things moving and unmoving; Thou art worthy of honour, the reverend Teacher of the world. None equal Thee; how could any be greater? even in the three worlds there is none like Thee in might.

"Nếu, nghĩ Ngài là bạn đồng hành của con, con đã xưng hô với Ngài một cách thô lỗ... không biết sự vĩ đại này của Ngài, hoặc do bất cẩn, hoặc do tình thương, hoặc bất cứ điều gì con đã làm để đùa cợt Ngài, không thích đáng, khi đang đi đường, nghỉ ngơi, ngồi xuống, hay trong bữa tiệc, dù một mình, ô Đấng không sa ngã! hay trước mặt những người này, vì tất cả những điều ấy con xin Ngài tha thứ, ô Đấng Vô Lượng! Ngài là Cha của thế gian, của các sự vật chuyển động và bất động; Ngài xứng đáng được tôn kính, là Huấn Sư khả kính của thế gian. Không ai bằng Ngài; làm sao có ai lớn hơn? ngay cả

trong ba cõi giới cũng không có ai giống Ngài về uy lực.

"Therefore bowing down, prostrating my body before Thee, I seek Thy grace, O worthy Lord! As the Father his son, the comrade his comrade, the beloved his beloved, so deign Thou, Lord, to pardon me! I exult, beholding what was never seen before, and my heart trembles with fear; show me, Lord, the former form; Lord of Gods, be gracious, upholder of worlds."

"Vì vậy, cúi đầu xuống, phủ phục thân con trước Ngài, con cầu xin ân huệ của Ngài, ô Chúa Tể đáng tôn kính! Như Cha đối với con, bạn đồng hành đối với bạn đồng hành, người yêu đối với người yêu, xin Ngài, Chúa Tể, đoái thương tha thứ cho con! Con hoan hỉ khi chiêm ngưỡng điều chưa từng thấy trước đây, và trái tim con run rẩy vì sợ hãi; xin cho con thấy hình tướng trước kia, Chúa Tể; Chúa Tể của các vị thần, xin rộng lượng, Đấng nâng đỡ các thế giới."

THE BHAGAVAD GITA, BOOK XI, 41-45.

CHÍ TÔN CA, QUYỂN XI, 41-45.

CHAPTER FIVE - The Fourth Initiation . . . The Crucifixion – CHƯƠNG NĂM - Lần điểm đạo thứ tư . . . Sự Đóng Đinh

KEY THOUGHT	TƯ TƯỞNG THEN CHỐT
A fire-mist and a planet,	Một màn sương lửa và một hành tinh,
A crystal and a cell,	Một tinh thể và một tế bào,
A jelly-fish and a saurian,	Một con sứa và một loài bò sát cổ,
And caves where the cave-men dwell;	Và những hang động nơi người hang cư ngụ;
Then a sense of law and beauty,	Rồi một ý thức về định luật và vẻ đẹp,
And a face turned from the clod—	Và một khuôn mặt quay khỏi cục đất—
Some call it Evolution,	Một số người gọi đó là Tiến hoá,
And others call it God.	Và những người khác gọi đó là Thượng đế.
~	~
Like tides on a crescent sea-beach	Như thủy triều trên bãi biển hình lưỡi liềm
When the moon is new and thin,	Khi mặt trăng mới và mỏng,
Into our hearts high yearnings	Những khát vọng cao cả
Come welling and surging in:	Dâng trào và cuộn lên trong trái tim chúng ta:
Come from the mystic ocean	Đến từ đại dương thần bí
Whose rim no foot has trod—	Mà vành mép chưa bàn chân nào đặt tới—
Some of us call it Longing,	Một số chúng ta gọi đó là Nỗi Khao Khát,

And others call it God.

~

A picket frozen on duty,

A mother starved for her brood,

Socrates drinking the hemlock,

And Jesus on the rood;

And millions who, humble and nameless,

The straight, hard pathway plod—

Some call it Consecration,

And others call it God.

WILLIAM HERBERT CARRUTH.

1

[175] We now come to the central mystery of Christianity, and to the climaxing initiation to which men, as human beings, can aspire. Of the next initiation, the Resurrection, and of the Ascension connected with it, we know practically nothing, beyond the fact that Christ rose from the dead. The Resurrection initiation is veiled in silence. All that is recorded is the reaction of those who knew and loved the Lord, and the after effects upon the history of the Christian Church. But the Crucifixion has always been the outstanding, dramatic episode upon which the entire structure of Christian theology has been founded. Upon this has the emphasis been laid. Millions of words have

Và những người khác gọi đó là Thượng đế.

~

Một lính gác chết cóng khi làm nhiệm vụ,

Một người mẹ đói lả vì đàn con,

Socrates uống độc cần,

Và Đức Jesus trên thập giá;

Và hàng triệu người, khiêm nhường và vô danh,

Lê bước trên con đường thẳng và gian khổ—

Một số người gọi đó là Sự Thánh Hiến,

Và những người khác gọi đó là Thượng đế.

WILLIAM HERBERT CARRUTH.

1

[175] Giờ đây chúng ta đi đến huyền nhiệm trung tâm của Cơ Đốc giáo, và đến cuộc điểm đạo tột đỉnh mà con người, với tư cách nhân loại, có thể khát vọng đạt tới. Về cuộc điểm đạo kế tiếp, sự Phục Sinh, và sự Thăng Thiên liên hệ với nó, chúng ta hầu như không biết gì, ngoài sự kiện rằng Đức Christ đã sống lại từ cõi chết. Cuộc điểm đạo Phục Sinh được che phủ trong im lặng. Tất cả những gì được ghi lại là phản ứng của những người đã biết và yêu mến Chúa, cùng những hậu quả về sau đối với lịch sử của Giáo Hội Cơ Đốc. Nhưng sự Đóng Đinh luôn luôn là biến cố nổi bật, đầy kịch tính, trên đó toàn bộ cấu trúc thần học Cơ Đốc được đặt nền. Chính trên điều này mà sự nhấn mạnh đã được đặt.

been written about it, and thousands of books and commentaries have attempted to elucidate its meaning and to explain the significance of its mystery. Down the ages a myriad points of view have been presented for the consideration of men. There has been much misinterpretation, but much also that is divinely real has been expressed. God has been misrepresented many times, and the interpretation of what Christ did has been travestied in terms of men's small views. The wonder of the happening on Mount Calvary has been unveiled through the illumined experiences of the believer and the knower.

Hàng triệu lời đã được viết về nó, và hàng ngàn sách cùng bình giảng đã cố gắng làm sáng tỏ ý nghĩa của nó và giải thích thâm nghĩa của huyền nhiệm ấy. Qua các thời đại, vô số quan điểm đã được trình bày để con người xem xét. Đã có nhiều sự diễn giải sai lầm, nhưng cũng có nhiều điều thiêng liêng chân thật đã được biểu lộ. Thượng đế đã bị trình bày sai nhiều lần, và sự diễn giải về điều Đức Christ đã làm đã bị bóp méo theo những quan điểm nhỏ hẹp của con người. Điều kỳ diệu của biến cố trên Núi Calvary đã được vén mở qua các kinh nghiệm được soi sáng của người tin và thức giả.

A new world order came into being when Christ came to earth, and from that time on we have moved steadily forward towards a new age wherein men inevitably will live as brothers because Christ died, and the true nature of the kingdom of God will find expression on earth. Of this, past [176] progress is the guarantee. The immediacy of this happening is already faintly understood by those who, as Christ has said, have the eyes to see and the ears to hear. Inevitably we are moving forward towards greatness, and Christ emphasised this in His life and work. We have not yet achieved this greatness, but the signs of it can be seen. Already there are indications of the coming of this new era, and the dim outlines of a new and more nearly ideal social structure, based on perfected humanity, are discernible. It is this perfection which is of importance.

Một trật tự thế giới mới đã xuất hiện khi Đức Christ đến Trái Đất, và từ thời điểm đó trở đi chúng ta đã đều đặn tiến tới một kỷ nguyên mới, trong đó con người tất yếu sẽ sống như huynh đệ vì Đức Christ đã chết, và bản chất đích thực của Thiên Giới sẽ tìm thấy sự biểu lộ trên Trái Đất. Về điều này, tiến bộ [176] trong quá khứ là bảo chứng. Tính gần kề của biến cố này đã được những ai, như Đức Christ đã nói, có mắt để thấy và tai để nghe, thấu hiểu một cách mờ nhạt. Tất yếu chúng ta đang tiến tới sự vĩ đại, và Đức Christ đã nhấn mạnh điều này trong đời sống và công việc của Ngài. Chúng ta chưa đạt được sự vĩ đại này, nhưng các dấu hiệu của nó có thể được nhìn thấy. Đã có những chỉ dấu về sự xuất hiện của kỷ nguyên mới này, và những đường nét mờ của một cơ cấu xã hội mới, gần với lý tưởng hơn, dựa trên nhân loại đã được hoàn thiện, có thể được phân biện. Chính sự hoàn thiện này mới là điều quan trọng.

One of the first things that it seems essential to recognise is the fact, the definite fact, that Christ's Crucifixion must be lifted out of the realm of its purely individual application, into the realm of the universal and the whole. It may perhaps cause some

Một trong những điều đầu tiên dường như thiết yếu phải nhận ra là sự kiện, sự kiện xác định, rằng sự Đóng Đinh của Đức Christ phải được nâng ra khỏi lĩnh vực áp dụng thuần túy cá nhân, để đi vào lĩnh vực phổ quát và toàn thể. Có lẽ điều này có thể gây một ít

consternation when we emphasise the necessity of realising that the death of the historical Christ upon the Cross was not primarily concerned with each individual man who claims to profit by it. *It was a great cosmic event*. Its implications and its results concern the masses of humanity, and do not concern specifically the individual. We are so apt to take to ourselves, as a personal affair, the many implications of Christ's sacrifice. The selfishness of the spiritual aspirant is often very real.

kinh ngạc khi chúng ta nhấn mạnh nhu cầu nhận ra rằng cái chết của Đức Christ lịch sử trên Thập Giá không chủ yếu liên quan đến từng cá nhân tuyên bố mình được hưởng lợi từ đó. *Đó là một biến cố vũ trụ vĩ đại*. Các hàm ý và kết quả của nó liên quan đến quần chúng nhân loại, và không đặc biệt liên quan đến cá nhân. Chúng ta rất dễ nhận lấy cho mình, như một chuyện cá nhân, nhiều hàm ý của sự hy sinh của Đức Christ. Tính ích kỷ của người chí nguyện tinh thần thường rất thật.

It is surely evident, if one approaches the subject intelligently, that Christ did not die in order that you and I might go to heaven. He died as the result of the very nature of the service which He rendered, of the note which He struck, and because He inaugurated a new age and told men how to live as sons of God.

Chắc chắn là hiển nhiên, nếu người ta tiếp cận đề tài này một cách thông minh, rằng Đức Christ không chết để các bạn và tôi có thể lên thiên đường. Ngài chết như kết quả của chính bản chất sự phụng sự mà Ngài đã thực hiện, của âm điệu mà Ngài đã đánh lên, và vì Ngài đã khai mở một kỷ nguyên mới, đồng thời nói cho con người biết cách sống như các Con của Thượng đế.

In considering the story of Jesus upon the Cross, it is essential, therefore, that we see it in broader and more general terms than is usually the case. Most of the treatises and writings upon the subject are controversial and argumentative, usually defending or attacking the evidence or the theology associated with the theme. Or they may be of a purely mystical or sentimental nature in tone and object, concerning themselves with the relation of the individual [177] to the truth or with his personal salvation in Christ. But in so doing, it is possible that the real elements of the story and their highest meaning have been lost. Two things emerge, however, from the research and the questioning of the past century. One is that the Gospel story is not unique, but has been paralleled in the lives of other Sons of God; secondly, that Christ *was* unique in His particular Person and mission, and that,

Vì vậy, khi xem xét câu chuyện về Đức Jesus trên Thập Giá, điều thiết yếu là chúng ta thấy nó theo những nghĩa rộng hơn và tổng quát hơn so với thông thường. Phần lớn các khảo luận và tác phẩm về đề tài này đều mang tính tranh luận và biện bác, thường bênh vực hoặc công kích bằng chứng hay nền thần học liên hệ với chủ đề. Hoặc chúng có thể mang âm điệu và mục tiêu thuần túy thần bí hay tình cảm, bận tâm đến mối liên hệ của cá nhân [177] với chân lý hoặc với sự cứu rỗi cá nhân của y trong Đức Christ. Nhưng khi làm như vậy, có thể những yếu tố thật sự của câu chuyện và ý nghĩa cao nhất của chúng đã bị mất đi. Tuy nhiên, hai điều nổi lên từ công cuộc nghiên cứu và chất vấn của thế kỷ vừa qua. Một là câu chuyện Phúc Âm không phải là độc nhất, mà đã có những điều tương ứng trong đời sống của các Con của Thượng đế khác; thứ hai, Đức Christ *đã* độc nhất trong Ngôi vị và sứ mệnh đặc thù

from a specific angle, His appearance was unprecedented. No student of comparative religion will question the Christian parallels to earlier events. No man who has truly investigated with an open mind will deny that Christ was an integral part of a great continuity of revelation. God has never "left Himself without witness." *(Acts, XIV, 17.)* And the salvation of mankind has always been close to the heart of the Father. To quote one writer who seeks to prove this continuity:

của Ngài, và từ một góc độ riêng biệt, sự xuất hiện của Ngài là chưa từng có. Không đạo sinh nào của tôn giáo đối chiếu sẽ đặt nghi vấn về những song hành Cơ Đốc với các biến cố trước đó. Không người nào đã thật sự khảo sát với một trí óc cởi mở sẽ phủ nhận rằng Đức Christ là một phần không thể tách rời của một dòng mặc khải liên tục vĩ đại. Thượng đế chưa bao giờ "để chính Ngài không có chứng nhân." *(Công Vụ, XIV, 17.)* Và sự cứu rỗi nhân loại luôn luôn gần gũi với trái tim của Cha. Để trích dẫn một tác giả tìm cách chứng minh tính liên tục này:

"At the time of the life or recorded appearance of Jesus of Nazareth and for some centuries before, the Mediterranean and neighbouring world had been the scene of a vast number of pagan creeds and rituals. There were Temples without end dedicated to gods like Apollo or Dionysus among the Greeks, Hercules among the Romans, Mithra among the Persians, Adonis and Arris in Syria and Phrygia, Osiris and Isis and Horus in Egypt, Baal and Astarte among the Babylonians and Carthaginians, and so forth. Societies, large or small, united believers and the devout in the service or ceremonials connected with their respective deities, and in the creeds which they confessed concerning these deities. And an extraordinarily interesting fact, for us, is that, notwithstanding great geographical distances and racial differences in the details of their services, the general outlines of their creeds and ceremonials were—if not identical—so markedly similar as we find them.

"Vào thời điểm đời sống hay sự xuất hiện được ghi lại của Đức Jesus thành Nazareth, và trong vài thế kỷ trước đó, vùng Địa Trung Hải và thế giới lân cận đã là sân khấu của vô số tín ngưỡng và nghi lễ ngoại giáo. Có vô tận những Đền thờ được dâng hiến cho các vị thần như Apollo hay Dionysus nơi người Hy Lạp, Hercules nơi người La Mã, Mithra nơi người Ba Tư, Adonis và Arris ở Syria và Phrygia, Osiris, Isis và Horus ở Ai Cập, Baal và Astarte nơi người Babylon và Carthage, vân vân. Những hội đoàn, lớn hay nhỏ, đã hợp nhất các tín đồ và những người mộ đạo trong sự phụng sự hoặc các nghi thức liên hệ với các thần linh tương ứng của họ, và trong các tín điều mà họ tuyên xưng về các thần linh ấy. Và một sự kiện đặc biệt thú vị đối với chúng ta là, bất chấp những khoảng cách địa lý lớn lao và những khác biệt chủng tộc trong các chi tiết phụng sự của họ, những đường nét tổng quát của tín điều và nghi thức của họ—nếu không đồng nhất—thì cũng giống nhau rõ rệt đến mức như chúng ta thấy.

"I cannot of course go at length into these different cults, but I may say roughly that of all or nearly all the deities above-mentioned it was said and believed that:

"Dĩ nhiên tôi không thể đi dài dòng vào các giáo phái khác nhau này, nhưng có thể nói đại khái rằng về tất cả hoặc gần như tất cả các thần linh đã nêu trên, người ta đã nói và tin rằng:

1. They were born on or very near our Christmas Day.

1. Các vị ấy được sinh ra vào, hoặc rất gần, Ngày Giáng Sinh của chúng ta.

2. They were born of a Virgin-Mother. [178]

2. Các vị ấy được sinh ra từ một Người Mẹ Đồng Trinh. [178]

3. And in a Cave or Underground Chamber.

3. Và trong một Hang Động hoặc Phòng Ngầm.

4. They led a life of toil for Mankind.

4. Các vị ấy sống một đời lao nhọc vì Nhân loại.

5. And were called by the names of Light-bringer, Healer, Mediator, Saviour, Deliverer.

5. Và được gọi bằng các danh hiệu Đấng Mang Ánh Sáng, Đấng Chữa Lành, Đấng Trung Gian, Đấng Cứu Thế, Đấng Giải Thoát.

6. They were, however, vanquished by the Powers of Darkness.

6. Tuy nhiên, các vị ấy bị các Quyền Lực Bóng Tối đánh bại.

7. And descended into Hell or the Underworld.

7. Và đi xuống Địa Ngục hay Cõi Âm.

8. They rose again from the dead, and became the pioneers of mankind to the Heavenly world.

8. Các vị ấy sống lại từ cõi chết, và trở thành những người tiên phong của nhân loại đến cõi thiên thượng.

9. They founded Communions of Saints and Churches into which disciples were received by Baptism.

9. Các vị ấy sáng lập các Cộng Đồng Thánh Đồ và Giáo Hội, trong đó các đệ tử được tiếp nhận bằng Phép Rửa.

10. And they were commemorated by Eucharistic meals.

10. Và các vị ấy được tưởng niệm bằng những bữa ăn Thánh Thể.

'PAGAN AND CHRISTIAN CREEDS, BY EDWARD CARPENTER, PP. 20, 21.

'CÁC TÍN ĐIỀU NGOẠI GIÁO VÀ CƠ ĐỐC, CỦA EDWARD CARPENTER, TR. 20, 21.

These facts can be checked by anyone who cares to do so and who is sufficiently interested to trace the growth of the doctrine of world Saviours in world

Những sự kiện này có thể được kiểm chứng bởi bất cứ ai muốn làm như vậy và đủ quan tâm để truy tìm sự phát triển của giáo lý về các Đấng Cứu Thế trong chủ nghĩa lý tưởng

idealism. Edward Carpenter goes on to say, in the same book:

"The number of pagan deities (mostly virgin-born and done to death in some way or other in their efforts to save mankind) is so great as to be difficult to keep account of. The god *Krishna* in India, the god *Indra* in Nepal and Tibet spilt their blood for the salvation of men; *Buddha* said, according to Max Müller, 'Let all the sins that were in the world fall on me, that the world may be delivered;' the Chinese *Tien* the Holy One —'one with God and existing with him from all eternity'—died to save the world; The Egyptian *Osiris* was called Saviour, so was *Horus*; so was the Persian *Mithra*; so was the Greek *Hercules* who overcame Death though his body was consumed in the burning garment of mortality, out of which he rose into heaven. So also was the Phrygian *Attis* called Saviour, and the Syrian *Tammuz* or *Adonis* likewise—both of whom, as we have seen, were nailed or tied to a tree, and afterwards rose again from their biers or coffins. *Prometheus*, the greatest and earliest benefactor of the human race, was *nailed by the hands and the feet, and with arms extended*, to the rocks of Mount Caucasus. *Bacchus* or *Dionysus*, born of the virgin Semele to be the Liberator of mankind (Dionysus Eleutherios as he was called) was torn to pieces, not unlike Osiris. Even in far Mexico [179] Quetzalcoatl, the Saviour, was born of a virgin, was tempted, and fasted forty days, was done to death, and his second coming looked for so eagerly that (as is well known) when Cortes appeared, the Mexicans, poor things, greeted *him* as the returning god! In Peru and among the American Indians, North and South of the Equator, similar legends are, or were, to be found."

thế giới. Edward Carpenter tiếp tục nói, trong cùng cuốn sách:

"Số lượng các thần linh ngoại giáo, phần lớn được sinh bởi trinh nữ và bị giết bằng cách này hay cách khác trong nỗ lực cứu nhân loại, nhiều đến mức khó mà ghi nhớ hết. Vị thần *Krishna* ở Ấn Độ, vị thần *Indra* ở Nepal và Tây Tạng đã đổ máu mình vì sự cứu rỗi con người; *Đức Phật*, theo Max Müller, đã nói: 'Hãy để mọi tội lỗi từng có trong thế gian rơi xuống ta, để thế gian được giải thoát;' vị *Tien* Chí Thánh của Trung Hoa—'một với Thượng đế và hiện hữu với Ngài từ muôn đời'—đã chết để cứu thế gian; *Osiris* của Ai Cập được gọi là Đấng Cứu Thế, *Horus* cũng vậy; *Mithra* của Ba Tư cũng vậy; *Hercules* của Hy Lạp cũng vậy, người đã chiến thắng Cái Chết dù thể xác của ông bị thiêu rụi trong chiếc áo cháy của tính hữu tử, từ đó ông vươn lên thiên đường. *Attis* của Phrygia cũng được gọi là Đấng Cứu Thế, và *Tammuz* hay *Adonis* của Syria cũng vậy—cả hai vị, như chúng ta đã thấy, bị đóng đinh hoặc buộc vào một cái cây, rồi sau đó sống lại từ cáng tang hay quan tài của mình. *Prometheus*, ân nhân vĩ đại nhất và sớm nhất của nhân loại, bị *đóng đinh qua bàn tay và bàn chân, với hai cánh tay dang rộng*, vào các vách đá của Núi Caucasus. *Bacchus* hay *Dionysus*, sinh bởi trinh nữ Semele để trở thành Đấng Giải Phóng nhân loại, Dionysus Eleutherios như ông được gọi, đã bị xé thành từng mảnh, không khác Osiris. Ngay cả ở Mexico xa xôi [179] Quetzalcoatl, Đấng Cứu Thế, cũng được sinh bởi một trinh nữ, bị cám dỗ, nhịn ăn bốn mươi ngày, bị giết chết, và lần đến thứ hai của ông được trông đợi nôn nóng đến nỗi, như ai cũng biết, khi Cortes xuất hiện, những người Mexico đáng thương đã chào đón *ông* như vị thần trở lại! Ở Peru và giữa các thổ dân Châu Mỹ, Bắc và Nam Xích Đạo, những truyền thuyết tương tự vẫn có, hoặc đã từng có."

'PAGAN AND CHRISTIAN CREEDS, BY EDWARD CARPENTER, PP. 129, 130.

Into the argument for and against these ideas it is no part of this book to enter. The only question which is of importance for us is what part Christ really played as the World Saviour, and what constituted the uniqueness of His mission. What was this world to which He came; and what is the significance of His death to the average human being today? Are the facts of His life historically true; and was there a period in our racial history wherein He walked and talked and lived an ordinary human life? Did He serve His race and return to the Source whence He came?

The *fact* of Christ constitutes no problem to those who know Him. They realise, past all controversy, that He exists. They know Whom they have believed. *(II Timothy, I, 12.)* For them, His reality cannot be disproved. They may differ among themselves as to the emphasis to be laid upon the various theological interpretations of His life story, but Christ they know, and with Him they tread life's pathway. They may argue about whether He was God or man, or God-Man, or Man-God, but on one point they all agree, and that is that He was God and Man, manifesting in one body. They may struggle to perpetuate the memory of the dead Christ upon the Cross, or they may endeavour to live by the life of the risen Christ, but to the reality of Christ Himself they all bear testimony, and by the multitude of witnesses the fact is surely established. The one who knows cannot doubt.

'CÁC TÍN ĐIỀU NGOẠI GIÁO VÀ CƠ ĐỐC, CỦA EDWARD CARPENTER, TR. 129, 130.

Bước vào cuộc tranh luận ủng hộ hay chống lại các ý tưởng này không phải là phần việc của cuốn sách này. Câu hỏi duy nhất quan trọng đối với chúng ta là Đức Christ thật sự đã đóng vai trò gì với tư cách Đấng Cứu Thế của thế gian, và điều gì tạo nên tính độc đáo trong sứ mệnh của Ngài. Thế giới mà Ngài đã đến là gì; và thâm nghĩa của cái chết của Ngài đối với con người bình thường ngày nay là gì? Các sự kiện trong đời Ngài có chân thật về mặt lịch sử không; và đã có một thời kỳ trong lịch sử nhân loại của chúng ta, trong đó Ngài đã đi lại, nói năng và sống một đời người bình thường không? Ngài đã phụng sự nhân loại của Ngài và trở về Nguồn mà từ đó Ngài đã đến chăng?

Sự kiện về Đức Christ không tạo thành vấn đề đối với những ai biết Ngài. Họ nhận ra, vượt trên mọi tranh cãi, rằng Ngài hiện hữu. Họ biết Đấng mà họ đã tin. *(II Ti-mô-thê, I, 12.)* Đối với họ, thực tại của Ngài không thể bị bác bỏ. Họ có thể khác nhau về trọng tâm cần đặt lên các diễn giải thần học khác nhau về câu chuyện đời Ngài, nhưng họ biết Đức Christ, và cùng Ngài họ bước trên con đường đời. Họ có thể tranh luận về việc Ngài là Thượng đế hay con người, hay Thượng đế-Người, hay Người-Thượng đế, nhưng về một điểm họ đều đồng ý, đó là Ngài vừa là Thượng đế vừa là Con Người, biểu hiện trong một thân thể duy nhất. Họ có thể tranh đấu để duy trì ký ức về Đức Christ đã chết trên Thập Giá, hoặc họ có thể cố gắng sống bằng sự sống của Đức Christ phục sinh, nhưng tất cả họ đều làm chứng cho thực tại của chính Đức Christ, và nhờ vô số chứng nhân, sự kiện ấy chắc chắn được thiết lập. Người biết thì không thể nghi ngờ.

Christianity is the restatement of a very old doctrine. It is not new. It is so essential to the salvation and to the happiness of the world that God has always proclaimed it. [180] The Gospel narratives are dependable and true, just because they are integrated with the spiritual revelation of the past, and are being reinterpreted today in terms of Christ. Therefore, mankind being more evolved and intelligent, that reinterpretation will more readily and adequately meet humanity's need. But it is no new thing, and Christ never proclaimed Himself in such terms. He foretold a new age and a coming kingdom of God. Out of the wide sweep of time and out of the aeonian grasp of God's consciousness, mankind is only today beginning to see a world and a humanity ready for the new revelation—a revelation which will be based upon truly Christian ethics and vital Christian truths. That for which Christ stood, the truth which He embodies, is so old that there has never been a time when it was not present as a need in the human consciousness, and yet it is so new that there will never be a time when the story of the birth and the death of the world Saviour will not be of the utmost moment to man. Edward Carpenter points this out, throwing light upon this ceaseless and age-old focussing of the love of God and the desire of man in the person of a son of God. He says:

Cơ Đốc giáo là sự tái tuyên bố một giáo lý rất xưa. Nó không mới. Nó thiết yếu đến mức đối với sự cứu rỗi và hạnh phúc của thế gian, Thượng đế đã luôn luôn công bố nó. [180] Các trình thuật Phúc Âm đáng tin cậy và chân thật, chính vì chúng được tích hợp với sự mặc khải tinh thần của quá khứ, và ngày nay đang được diễn giải lại theo các thuật ngữ của Đức Christ. Vì vậy, khi nhân loại đã tiến hoá hơn và thông minh hơn, sự diễn giải lại ấy sẽ dễ dàng hơn và đầy đủ hơn đáp ứng nhu cầu của nhân loại. Nhưng đó không phải là điều gì mới, và Đức Christ chưa bao giờ tự tuyên bố Ngài theo những thuật ngữ như thế. Ngài tiên báo một kỷ nguyên mới và một Thiên Giới sắp đến. Từ tầm bao quát rộng lớn của thời gian và từ sự nắm bắt theo các đại kiếp của tâm thức Thượng đế, chỉ ngày nay nhân loại mới bắt đầu thấy một thế giới và một nhân loại sẵn sàng cho sự mặc khải mới—một sự mặc khải sẽ được đặt nền trên đạo đức Cơ Đốc thật sự và các chân lý Cơ Đốc sống động. Điều mà Đức Christ đại diện, chân lý mà Ngài hiện thân, xưa đến nỗi chưa từng có một thời nào nó không hiện diện như một nhu cầu trong tâm thức con người, nhưng lại mới đến nỗi sẽ không bao giờ có một thời nào mà câu chuyện về sự sinh ra và cái chết của Đấng Cứu Thế của thế gian không có tầm quan trọng tối thượng đối với con người. Edward Carpenter chỉ ra điều này, chiếu sáng sự tập trung không ngừng và lâu đời này của tình thương Thượng đế và ước vọng của con người nơi ngôi vị của một Con của Thượng đế. Ông nói:

"If the historicity of Jesus, in any degree, could be proved, it would give us reason for supposing—what I have personally always been inclined to believe—that there was also a historical nucleus for such personages as Osiris, Mithra, Krishna, Hercules, Apollo and the rest. The question, in fact, narrows itself down to this, Have there been in the course

"Nếu tính lịch sử của Đức Jesus, ở bất cứ mức độ nào, có thể được chứng minh, thì điều đó sẽ cho chúng ta lý do để giả định—điều mà cá nhân tôi luôn có khuynh hướng tin—rằng cũng đã có một hạt nhân lịch sử cho những nhân vật như Osiris, Mithra, Krishna, Hercules, Apollo và các vị khác. Thật ra, câu hỏi thu hẹp lại thành điều này: Trong dòng

of human evolution certain, so to speak, *nodal* points or periods at which the psychologic currents ran together and condensed themselves for a new start, and has each such node or point of condensation been marked by the appearance of an actual and heroic man (or woman) who supplied a necessary impetus for the new departure, and gave his name to the resulting movement? *or* is it sufficient to suppose the automatic formation of such nodes or starting-points without the intervention of any special hero or genius, and to imagine that in each case the myth-making tendency of mankind *created* a legendary and inspiring figure and worshipped the same for a long period afterwards as a god? [181]

tiến hoá của con người, liệu đã từng có những điểm hay thời kỳ, có thể nói là *nút*, nơi các dòng tâm lý hội tụ và cô đọng lại để khởi đầu mới, và mỗi nút hay điểm cô đọng như thế có được đánh dấu bằng sự xuất hiện của một người nam hay nữ thật sự và anh hùng, người đã cung cấp xung lực cần thiết cho bước khởi đầu mới, và trao tên mình cho phong trào phát sinh hay không? *hay* chỉ cần giả định sự hình thành tự động của những nút hay điểm khởi đầu như thế mà không có sự can thiệp của bất kỳ anh hùng hay thiên tài đặc biệt nào, và tưởng tượng rằng trong mỗi trường hợp, khuynh hướng tạo huyền thoại của nhân loại đã *sáng tạo* nên một hình tượng huyền thoại và đầy cảm hứng, rồi tôn thờ hình tượng ấy trong một thời gian dài về sau như một vị thần? [181]

"As I have said before, this is a question which, interesting as it is, is not really very important. The main thing being that the prophetic and creative spirit of mankind *has* from time to time evolved those figures as idealisations of its 'heart's desire' and placed a halo round their heads. The long procession of them becomes a *real* piece of History—the history of the evolution of the human heart, and of human consciousness."

"Như tôi đã nói trước đây, đây là một câu hỏi, dù thú vị, nhưng thật ra không quá quan trọng. Điều chính yếu là tinh thần tiên tri và sáng tạo của nhân loại *đã* thỉnh thoảng tiến hoá nên những hình tượng ấy như những lý tưởng hoá của 'ước vọng trái tim' mình và đặt một vầng hào quang quanh đầu họ. Đoàn dài những hình tượng ấy trở thành một mảnh *lịch sử* thật sự—lịch sử của sự tiến hoá trái tim con người và tâm thức con người."

'PAGAN AND CHRISTIAN CREEDS', BY EDWARD CARPENTER, PP. 217, 218.

'CÁC TÍN ĐIỀU NGOẠI GIÁO VÀ CƠ ĐỐC', CỦA EDWARD CARPENTER, TR. 217, 218.

The Crucifixion and the Cross of Christ are as old as humanity itself. Both are symbols of the eternal sacrifice of God as He immerses Himself in the form aspect of nature and thus becomes God immanent as well as God transcendent.

Sự Đóng Đinh và Thập Giá của Đức Christ xưa như chính nhân loại. Cả hai đều là biểu tượng của sự hy sinh vĩnh cửu của Thượng đế khi Ngài tự dìm mình vào phương diện hình tướng của thiên nhiên, và nhờ đó trở thành Thượng đế nội tại cũng như Thượng đế siêu việt.

We have seen that Christ must be recognised, first of all, in the cosmic sense. The cosmic Christ has existed from all

Chúng ta đã thấy rằng trước hết Đức Christ phải được nhận ra theo nghĩa vũ trụ. Đức Christ vũ trụ đã hiện hữu từ muôn đời. Đức

eternity. This cosmic Christ is divinity, or spirit, crucified in space. He personifies the immolation or sacrifice of spirit upon the cross of matter, of form or substance, in order that all divine forms, including the human, may live. This has ever been recognised by the so-called pagan faiths. If the symbolism of the cross is traced far back, it will be found that it antedates Christianity by thousands of years, and that finally, *the four arms* of the cross will be seen to drop away, leaving only the picture of *the living Heavenly Man, with His arms outspread in space.* North, south, east and west stands the cosmic Christ upon what is called "the fixed cross of the heavens." Upon this cross God is eternally crucified.

Christ vũ trụ này là thiên tính, hay tinh thần, bị đóng đinh trong không gian. Ngài nhân cách hóa sự hiến tế hay hy sinh của tinh thần trên thập giá của vật chất, của hình tướng hay chất liệu, để mọi hình tướng thiêng liêng, kể cả hình tướng nhân loại, có thể sống. Điều này luôn luôn được các tín ngưỡng gọi là ngoại giáo thừa nhận. Nếu biểu tượng thập giá được truy nguyên thật xa, người ta sẽ thấy rằng nó có trước Cơ Đốc giáo hàng ngàn năm, và cuối cùng, *bốn cánh tay* của thập giá sẽ được thấy là rơi rụng đi, chỉ còn lại hình ảnh *Đấng Thiên Nhân sống động, với hai cánh tay Ngài dang rộng trong không gian.* Ở bắc, nam, đông và tây, Đức Christ vũ trụ đứng trên cái được gọi là "thập giá cố định của các tầng trời." Trên thập giá này, Thượng đế vĩnh viễn bị đóng đinh.

"The sky is mystically spoken of as the Temple and the eternal consciousness of God. Its altar is the sun, whose four arms or rays typify the four corners or the cardinal cross of the universe, which have become the *four fixed signs of the Zodiac*, and as the four powerful sacred animal signs, are both cosmical and spiritual.... These four are known as the consecrated animals of the Zodiac, while the signs themselves represent the basic fundamental elements of life, Fire, Earth, Air and Water."

"Bầu trời được nói đến một cách thần bí như Đền Thờ và tâm thức vĩnh cửu của Thượng đế. Bàn thờ của nó là mặt trời, mà bốn cánh tay hay tia sáng tượng trưng cho bốn góc hay Thập Giá Chủ Yếu của vũ trụ, vốn đã trở thành *bốn dấu hiệu cố định của Hoàng Đạo*, và với tư cách bốn dấu hiệu linh thú thiêng liêng đầy quyền lực, vừa có tính vũ trụ vừa có tính tinh thần.... Bốn dấu hiệu này được biết đến như các linh thú thánh hiến của Hoàng Đạo, trong khi chính các dấu hiệu ấy đại diện cho các nguyên tố căn bản nền tảng của sự sống: Lửa, Đất, Khí và Nước."

'THE CELESTIAL SHIP OF THE NORTH, BY E. V. STRAITON, VOL. I, P. 104.

'CON TÀU THIÊN GIỚI CỦA PHƯƠNG BẮC, CỦA E. V. STRAITON, QUYỂN I, TR. 104.

[182] These four signs are Taurus, Leo, Scorpio and Aquarius, and they constitute pre-eminently the cross of the soul, the cross upon which the second Person of the divine Trinity is crucified. Christ personified in His mission these four aspects, and as the cosmic Christ He exemplified in His Person the qualities for which each sign stood. Even

[182] Bốn dấu hiệu này là Kim Ngưu, Sư Tử, Hổ Cáp và Bảo Bình, và chúng tạo thành, một cách nổi bật nhất, thập giá của linh hồn, thập giá mà trên đó Ngôi Hai của Ba Ngôi thiêng liêng chịu đóng đinh. Trong sứ mạng của Ngài, Đức Christ đã nhân cách hóa bốn phương diện này, và với tư cách Đức Christ vũ trụ, Ngài đã nêu gương nơi Chính Ngài

primitive man, unevolved and ignorant, was aware of the significance of the cosmic spirit, immolated in matter and crucified upon the four-armed cross. These four signs are to be found unequivocally in the Bible, and are regarded in our Christian belief as the four sacred animals. The Prophet Ezekiel refers to them in the words:

những phẩm tính mà mỗi dấu hiệu biểu thị. Ngay cả con người nguyên thủy, chưa tiến hóa và vô minh, cũng đã nhận biết thâm nghĩa của tinh thần vũ trụ, bị hiến tế trong vật chất và bị đóng đinh trên thập giá bốn tay. Bốn dấu hiệu này có thể được tìm thấy một cách rõ ràng trong Kinh Thánh, và trong niềm tin Cơ Đốc giáo của chúng ta, chúng được xem là bốn con vật thiêng liêng. Tiên tri Ezekiel nói đến chúng bằng những lời sau:

"As for the likeness of their faces, they four had the face of a man, and the face of a lion, on the right side; and they four had the face of an ox on the left side; they four also had the face of an eagle." *(Ezekiel, I , 10.)*

"Về hình dạng các khuôn mặt của chúng, cả bốn đều có mặt người, và mặt sư tử ở bên phải; cả bốn đều có mặt bò ở bên trái; cả bốn cũng có mặt đại bàng." *(Ezekiel, I, 10.)*

And again in the *Book of Revelations*, we find the same astrological symbology:

Và một lần nữa trong *Sách Khải Huyền*, chúng ta thấy cùng biểu tượng chiêm tinh ấy:

"And before the throne there was a sea of glass like unto crystal: and in the midst of the throne, and round about the throne, were four beasts full of eyes, before and behind.

"Và trước ngai có một biển bằng thủy tinh giống như pha lê; và ở giữa ngai, cùng quanh ngai, có bốn sinh vật đầy mắt, phía trước và phía sau.

"And the first beast was like a lion, and the second beast was like a calf, and the third beast had a face as a man, and the fourth beast was like a flying eagle."

"Sinh vật thứ nhất giống như sư tử, sinh vật thứ hai giống như bò con, sinh vật thứ ba có mặt như người, và sinh vật thứ tư giống như đại bàng đang bay."

REVELATIONS, IV, 6, 7.

KHẢI HUYỀN, IV, 6, 7.

The "face of the man" is the ancient sign of Aquarius, the sign of the man carrying the water-pot, to which Christ referred when He sent His disciples into the city, saying: "Behold, when ye are entered into the city, there shall a man meet you, bearing a pitcher of water; follow him into the house where he entereth in." *(St. Luke, XXII, 10.)*

"Mặt người" là dấu hiệu cổ xưa của Bảo Bình, dấu hiệu của người mang vò nước, mà Đức Christ đã nhắc đến khi Ngài sai các đệ tử của Ngài vào thành, nói rằng: "Này, khi các ngươi vào thành, sẽ có một người mang vò nước gặp các ngươi; hãy theo người ấy vào nhà nơi người ấy đi vào." *(Thánh Luke, XXII, 10.)* Đây là dấu hiệu hoàng đạo mà chúng ta đang

This is the zodiacal sign into which we are entering. It might be as well to point out that this is astronomically true and not simply a pronouncement [183] of the astrologers. The symbol which stands for the zodiacal sign Leo, is the Lion. This sign is the symbol of individuality, and under its influence the race arrives at self-consciousness and men can function as individuals. Christ, in His teaching, emphasised the significance of the individual and in His life demonstrated the supreme value of the individual, his perfecting, his service and his ultimate sacrifice in the interests of the whole. The constellation Aquila is always regarded as interchangeable with the sign Scorpio, the serpent, and it is therefore frequently used in this connection when considering the fixed cross of the cosmic Saviour. Scorpio is the serpent of illusion from which the Christ nature finally frees us, and it is to the illusory wiles of this serpent Scorpio that Adam succumbed in the garden of Eden. The "face of the ox" is the biblical symbol for the sign Taurus, the Bull, which was the religion immediately antedating the Jewish revelation, and which found its exponents in Egypt and in the Mithraic Mysteries. Upon this fixed cross all the world Saviours, not excepting the Christ of the West, have been eternally crucified, as reminders to man of the divine intent based upon the divine sacrifice.

bước vào. Có lẽ cũng nên chỉ ra rằng điều này đúng về mặt thiên văn, chứ không chỉ là một tuyên bố [183] của các nhà chiêm tinh. Biểu tượng đại diện cho dấu hiệu hoàng đạo Sư Tử là con Sư Tử. Dấu hiệu này là biểu tượng của cá tính, và dưới ảnh hưởng của nó, nhân loại đạt đến ngã thức và con người có thể hoạt động như những cá nhân. Trong giáo huấn của Ngài, Đức Christ đã nhấn mạnh thâm nghĩa của cá nhân, và trong đời sống của Ngài, Ngài đã chứng minh giá trị tối thượng của cá nhân, sự hoàn thiện của y, sự phụng sự của y và sự hy sinh tối hậu của y vì lợi ích của toàn thể. Chòm sao Aquila luôn được xem là có thể hoán đổi với dấu hiệu Hổ Cáp, con rắn, và vì thế thường được dùng trong mối liên hệ này khi xét đến thập giá cố định của Đấng Cứu Thế vũ trụ. Hổ Cáp là con rắn của ảo tưởng mà bản chất Christ cuối cùng giải thoát chúng ta khỏi nó, và chính trước những mưu chước ảo tưởng của con rắn Hổ Cáp này mà Adam đã khuất phục trong vườn Eden. "Mặt bò" là biểu tượng Kinh Thánh cho dấu hiệu Kim Ngưu, con Bò, vốn là tôn giáo ngay trước mặc khải Do Thái, và đã tìm thấy những người diễn giải của nó ở Ai Cập và trong các Bí nhiệm Mithra. Trên thập giá cố định này, tất cả các Đấng Cứu Thế của thế giới, kể cả Đức Christ của phương Tây, đã vĩnh viễn chịu đóng đinh, như những lời nhắc nhở con người về ý định thiêng liêng đặt nền trên hy sinh thiêng liêng.

The early Fathers recognised this truth, and realised that the story written in the heavens had a definite relation to humanity and to the evolution of human souls. Clement of Alexandria tells us that "the path of souls to ascension lies through the twelve signs of the zodiac," and the church festivals today are based, not upon historical dates in connection with the outstanding religious figures to which they refer, but upon the times and the seasons. We saw how in the

Các Giáo phụ thời đầu đã nhận ra chân lý này, và nhận biết rằng câu chuyện được viết trên các tầng trời có một liên hệ xác định với nhân loại và với sự tiến hóa của các linh hồn nhân loại. Clement thành Alexandria nói với chúng ta rằng "con đường của các linh hồn đi lên nằm xuyên qua mười hai dấu hiệu hoàng đạo," và các lễ hội của giáo hội ngày nay không đặt nền trên những niên đại lịch sử liên hệ với các nhân vật tôn giáo nổi bật mà chúng nói đến, mà đặt nền trên các thời

Birth at Bethlehem the date was fixed astronomically nearly four centuries after Christ was born. The combination of Virgo with the Star in the East (Sirius), and the Three Kings (symbolised by Orion's belt) was the determining factor. The Virgin was seen in the east, with the line of the horizon passing through her centre, and this is one of the factors determining the doctrine of the Virgin birth.

điểm và mùa tiết. Chúng ta đã thấy trong Sự Giáng Sinh tại Bethlehem, niên đại đã được ấn định theo thiên văn gần bốn thế kỷ sau khi Đức Christ ra đời. Sự kết hợp của Xử Nữ với Ngôi Sao phương Đông, Sirius, và Ba Vua, được biểu tượng hóa bởi thắt lưng Orion, là yếu tố quyết định. Trinh Nữ được thấy ở phương đông, với đường chân trời đi qua trung tâm của nàng, và đây là một trong những yếu tố quyết định giáo lý về sự sinh hạ đồng trinh.

[184] Another instance can here be given to illustrate the astronomical background of our Christian festivals. There are two festivals kept in the Roman Catholic and the higher Anglican Churches, called the Assumption of the Virgin and the Birth of the Virgin Mary. One is celebrated on August 15th and the other on September 8th. Each year, the sun can be seen entering the sign Virgo about the time of the Assumption, and the entire constellation is enveloped and lost to sight in the radiant glory of the sun. About September 8th the constellation Virgo can be seen slowly reappearing as it emerges from the rays of the sun. This is spoken of as the birth of the Virgin.

[184] Ở đây có thể nêu một ví dụ khác để minh họa nền tảng thiên văn của các lễ hội Cơ Đốc giáo của chúng ta. Có hai lễ hội được giữ trong Giáo hội Công giáo La Mã và các Giáo hội thuộc truyền thống High Church của Anh giáo, gọi là Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời và Lễ Sinh Nhật Đức Trinh Nữ Maria. Một lễ được cử hành vào ngày 15 tháng Tám và lễ kia vào ngày 8 tháng Chín. Mỗi năm, có thể thấy mặt trời đi vào dấu hiệu Xử Nữ vào khoảng thời gian Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, và toàn bộ chòm sao bị bao phủ và khuất khỏi tầm nhìn trong vinh quang rạng rỡ của mặt trời. Vào khoảng ngày 8 tháng Chín, có thể thấy chòm sao Xử Nữ từ từ xuất hiện trở lại khi nó thoát ra khỏi các tia sáng của mặt trời. Điều này được gọi là sự sinh ra của Trinh Nữ.

Easter Day is always decided astronomically. These facts warrant the most careful consideration. This information should be in the hands of all Christian people, because then and only then can they arrive at a full and clear understanding of what, in His cosmic nature, Christ came to Earth to do. That event was of far greater importance than simply bringing about the salvation of any individual human being. It signified far more than the basis of the belief of several million people in their heavenly future. Christ's incarnation, apart from its historical

Ngày Lễ Phục Sinh luôn được quyết định theo thiên văn. Những sự kiện này đáng được xem xét hết sức cẩn trọng. Thông tin này nên nằm trong tay mọi tín đồ Cơ Đốc giáo, bởi khi ấy và chỉ khi ấy họ mới có thể đạt đến một sự thấu hiểu đầy đủ và rõ ràng về điều mà, trong bản chất vũ trụ của Ngài, Đức Christ đã đến Trái Đất để thực hiện. Biến cố ấy có tầm quan trọng lớn lao hơn nhiều so với việc chỉ đem lại sự cứu rỗi cho bất kỳ con người cá nhân nào. Nó hàm ý nhiều hơn nền tảng của niềm tin nơi vài triệu người về tương lai thiên thượng của họ. Sự lâm phàm

value, and apart from the keynote which He sounded, marked the closing of a great cosmic cycle, but it marked also the opening of that door into the kingdom which had opened only occasionally theretofore, in order to permit the entrance of those sons of God who had triumphed over matter. After the advent of Christ, the door stood wide open for all time, and the kingdom of God began to form on Earth. In the long processes of time four great expressions of divine life, four forms of God immanent in nature, have appeared upon our planet. We call them the four kingdoms of nature. They constitute, symbolically, the planetary reflection of the four arms of the zodiacal cross upon which the cosmic Christ can be seen crucified. Down the ages human beings have symbolised the cosmic Christ immolated upon the cross of matter, and thus have perpetuated in the [185] consciousness of the race the knowledge of that event; so in a planetary sense, the four kingdoms of nature do the same, portraying the spirit of God stretched upon a cross of material form, in order eventually to make possible the appearance of the kingdom of God on Earth. This connotes the spiritualisation of matter and form, the assumption of matter into heaven, and the release of God from the cosmic crucifixion. The poet, Joseph Plunkett, makes this beautifully clear in the following verses:

của Đức Christ, ngoài giá trị lịch sử của nó, và ngoài chủ âm mà Ngài đã xướng lên, đã đánh dấu sự kết thúc của một chu kỳ vũ trụ lớn, nhưng nó cũng đánh dấu việc mở ra cánh cửa vào Thiên Giới, vốn trước đó chỉ thỉnh thoảng mới mở, để cho phép những Con của Thượng đế đã chiến thắng vật chất được đi vào. Sau sự giáng lâm của Đức Christ, cánh cửa ấy mở rộng mãi mãi, và Thiên Giới bắt đầu hình thành trên Trái Đất. Trong các tiến trình lâu dài của thời gian, bốn biểu hiện lớn lao của sự sống thiêng liêng, bốn hình tướng của Thượng đế nội tại trong thiên nhiên, đã xuất hiện trên hành tinh chúng ta. Chúng ta gọi chúng là bốn giới của thiên nhiên. Về mặt biểu tượng, chúng tạo thành sự phản chiếu hành tinh của bốn tay của thập giá hoàng đạo, trên đó có thể thấy Đức Christ vũ trụ chịu đóng đinh. Qua các thời đại, con người đã biểu tượng hóa Đức Christ vũ trụ bị hiến tế trên thập giá vật chất, và như thế đã duy trì trong [185] tâm thức của nhân loại tri thức về biến cố ấy; vì vậy, theo nghĩa hành tinh, bốn giới của thiên nhiên cũng làm điều tương tự, khắc họa tinh thần của Thượng đế trải rộng trên một thập giá của hình tướng vật chất, để cuối cùng khiến sự xuất hiện của Thiên Giới trên Trái Đất trở nên khả hữu. Điều này hàm ý sự tinh thần hóa vật chất và hình tướng, sự nâng vật chất lên cõi trời, và sự giải thoát Thượng đế khỏi cuộc đóng đinh vũ trụ. Thi sĩ Joseph Plunkett làm sáng tỏ điều này một cách đẹp đẽ trong những câu thơ sau:

“I see His blood upon the rose

“Tôi thấy máu Ngài trên đóa hồng

And in the stars the glory of His eyes,

Và trong các vì sao là vinh quang của đôi mắt Ngài,

His body gleams amid eternal snows,

Thân thể Ngài lấp lánh giữa những tuyết vĩnh cửu,

His tears fall from the skies.

Nước mắt Ngài rơi xuống từ bầu trời.

I see His face in every flower,

Tôi thấy khuôn mặt Ngài trong từng đóa hoa,

The thunder and the singing of the birds

Sấm vang và tiếng chim ca

Are but His voice—and carven by His power

Chỉ là tiếng nói của Ngài—và được khắc bởi quyền năng Ngài

Rocks are His written words.

Đá tảng là những lời Ngài viết.

All pathways by His feet are worn,

Mọi lối đi đều mòn dưới chân Ngài,

His strong heart stirs the ever-beating sea,

Trái tim mạnh mẽ của Ngài làm biển cả muôn đời đập nhịp,

His crown of thorns is twined with every thorn,

Mão gai của Ngài bện cùng mọi gai nhọn,

His cross is every tree."

Thập giá của Ngài là mọi thân cây."

QUOTED IN 'THE TESTAMENT OF MAN', BY ARTHUR STANLEY, P. 498.

TRÍCH TRONG 'DI CHÚC CỦA CON NGƯỜI', CỦA ARTHUR STANLEY, TR. 498.

The wonder of Christ's mission lay in the fact that, though He was one of a long continuity of perfected divine men, He had a unique function. He summed up in Himself and brought to a conclusion the symbolic presentation of God's eternal sacrifice upon the fixed cross of the heavens, to which the stars bear testimony and which the history of religion has so successfully veiled, and today refuses to recognise. The Heavenly Man is today pendant in the Heavens, as He has been since the creation of the solar system, and as Christ said, "I, if I be lifted up from the earth, will draw all men unto Me, *(St. John, XII, 32.)* and not all men only, but eventually all forms of life in all kingdoms will render up their life, not as an imposed

Điều kỳ diệu trong sứ mạng của Đức Christ nằm ở sự kiện rằng, tuy Ngài là một trong một chuỗi dài liên tục những con người thiêng liêng đã được hoàn thiện, Ngài có một chức năng độc nhất. Nơi Chính Ngài, Ngài đã tổng kết và đưa đến kết thúc sự trình bày bằng biểu tượng về hy sinh vĩnh cửu của Thượng đế trên thập giá cố định của các tầng trời, điều mà các vì sao làm chứng và điều mà lịch sử tôn giáo đã che phủ rất thành công, và ngày nay từ chối thừa nhận. Đấng Thiên Nhân ngày nay vẫn treo trong các Tầng Trời, như Ngài đã từng như thế từ khi hệ mặt trời được tạo dựng, và như Đức Christ đã nói: "Còn Ta, khi Ta được nâng lên khỏi đất, Ta sẽ kéo mọi người đến cùng Ta," *(Thánh John, XII, 32.)* và không chỉ mọi

sacrifice, but as a willing offering to the [186] final glory of God. "He that loseth his life for my sake shall find it," *(St. Matthew, X, 39.)* is a fact which is often forgotten and one which has a definite bearing upon the story of the crucifixion in its wider implications. It is, however, through the achievement of the last of the manifesting kingdoms, the human, that the cross and its purpose is completed, and to this the death of Christ bears testimony.

người, mà cuối cùng mọi hình tướng sự sống trong mọi giới cũng sẽ dâng hiến sự sống của mình, không phải như một hy sinh bị áp đặt, mà như một lễ vật tự nguyện dâng lên [186] vinh quang tối hậu của Thượng đế. "Ai mất sự sống mình vì Ta thì sẽ tìm lại được," *(Thánh Matthew, X, 39.)* là một sự kiện thường bị quên lãng và là điều có liên hệ xác định với câu chuyện đóng đinh trên thập giá trong những hàm ý rộng lớn hơn của nó. Tuy nhiên, chính qua thành tựu của giới biểu hiện cuối cùng, tức giới nhân loại, mà thập giá và mục đích của nó được hoàn tất, và cái chết của Đức Christ làm chứng cho điều này.

But the important point is not His death, though that was climactic in the evolutionary process, but the subsequent Resurrection, symbolising as it did the formation and the precipitation upon Earth of a new kingdom in which men and all forms would be free from death—a kingdom of which the Man released from the Cross should be the symbol. We thus complete the entire circle, from the Man in space, with arms outspread in the form of a cross, through the sequence of crucified Saviours, telling us again and again what God had done for the universe until we arrive at the culminating Son of God Who carried the symbolism down on to the physical plane, in all its stages. He then rose from the dead to tell us that the long task of evolution had at last reached its final phase—if we so choose, and if we are ready to do as He did—pay the price, and, passing through the gates of death, attain to a joyful resurrection. St. Paul sought to bring this truth home to us, though his words have been so often distorted through translation and theological misinterpretation:

Nhưng điểm quan trọng không phải là cái chết của Ngài, dù điều đó là đỉnh điểm trong tiến trình tiến hóa, mà là Sự Phục Sinh tiếp theo, vì nó biểu tượng cho sự hình thành và ngưng tụ trên Trái Đất của một giới mới, trong đó con người và mọi hình tướng sẽ được tự do khỏi sự chết—một giới mà Con Người được giải thoát khỏi Thập Giá sẽ là biểu tượng. Như vậy chúng ta hoàn tất toàn bộ vòng tròn, từ Con Người trong không gian, với hai tay dang rộng theo hình thập giá, xuyên qua chuỗi các Đấng Cứu Thế chịu đóng đinh, lặp đi lặp lại cho chúng ta biết Thượng đế đã làm gì cho vũ trụ, cho đến khi chúng ta đạt tới Con của Thượng đế tột đỉnh, Đấng đã đưa biểu tượng ấy xuống cõi hồng trần, trong tất cả các giai đoạn của nó. Rồi Ngài sống lại từ cõi chết để nói với chúng ta rằng nhiệm vụ lâu dài của tiến hóa cuối cùng đã đạt đến giai đoạn sau chót—nếu chúng ta chọn như vậy, và nếu chúng ta sẵn sàng làm như Ngài đã làm—trả giá, và, đi qua các cổng của sự chết, đạt tới một sự phục sinh hoan hỉ. Thánh Paul đã tìm cách đưa chân lý này thấm sâu vào chúng ta, dù lời của ông đã quá thường bị bóp méo qua dịch thuật và diễn giải thần học sai lạc:

"I long to know Christ and the power which is in His resurrection, and to *share in His suffering and die even as He died*; in the hope that I may attain to the resurrection from the dead. I do not say that I have already gained this knowledge or already reached perfection, but I press on."

"Tôi khao khát biết Đức Christ và quyền năng ở trong Sự Phục Sinh của Ngài, và được *dự phần vào đau khổ của Ngài và chết như chính Ngài đã chết*; trong hy vọng rằng tôi có thể đạt tới sự phục sinh từ cõi chết. Tôi không nói rằng tôi đã đạt được tri thức này hay đã đạt tới sự hoàn thiện, nhưng tôi tiếp tục tiến tới."

PHILIPPIANS, III, 10, 11, WEYMOUTH'S TRANSLATION.

PHILIPPI, III, 10, 11, BẢN DỊCH WEYMOUTH.

It would not appear from this passage that St. Paul regarded it as sufficient to salvation that one should simply believe that Christ died for one's sins.

Từ đoạn này, dường như Thánh Paul không xem việc chỉ tin rằng Đức Christ đã chết vì tội lỗi của một người là đủ cho sự cứu rỗi.

[187] Let me state here, briefly and succinctly, what it would appear really transpired when Christ died upon the Cross. He rendered up the form aspect and identified Himself as Man with the life aspect of Deity. He thereby liberated us from the form side of life, of religion and of matter, and demonstrated to us the possibility of being in the world and yet not of the world, *(St. John, XVII, 16.)* living as souls, released from the trammels and limitations of the flesh, while yet walking on earth. To the very deeps of its being humanity is tired of death. Its only rest lies in the belief that the ultimate victory is over death, and that some day death will be abolished. This we shall go into more definitely in our next chapter, but in passing, it may be said that the race is so imbued with the thought of death that it has been the line of least resistance for theology to emphasise the death of Christ, and to omit to lay the major emphasis upon the renewal of life to which that death was the prelude. This practice will end because the world today demands a living Christ rather than a dead Saviour. It demands an ideal so

[187] Ở đây, hãy để tôi trình bày ngắn gọn và súc tích điều dường như đã thật sự xảy ra khi Đức Christ chết trên Thập Giá. Ngài đã dâng hiến phương diện hình tướng và đồng hóa Chính Ngài, với tư cách Con Người, với phương diện sự sống của Thượng đế. Nhờ đó Ngài giải thoát chúng ta khỏi mặt hình tướng của sự sống, của tôn giáo và của vật chất, và chứng minh cho chúng ta khả năng hiện hữu trong thế gian mà vẫn không thuộc về thế gian, *(Thánh John, XVII, 16.)* sống như những linh hồn, được giải thoát khỏi xiềng xích và giới hạn của xác thịt, trong khi vẫn bước đi trên đất. Tận những chiều sâu của bản thể mình, nhân loại đã mệt mỏi với sự chết. Sự nghỉ ngơi duy nhất của nó nằm trong niềm tin rằng chiến thắng tối hậu là chiến thắng sự chết, và một ngày nào đó sự chết sẽ bị bãi bỏ. Chúng ta sẽ đi vào điều này rõ ràng hơn trong chương kế tiếp, nhưng nhân tiện có thể nói rằng nhân loại đã thấm nhuần tư tưởng về sự chết đến mức con đường ít trở ngại nhất đối với thần học là nhấn mạnh cái chết của Đức Christ, và bỏ qua việc đặt trọng tâm chính vào sự đổi mới sự sống mà cái chết ấy là khúc dạo đầu. Thực hành này sẽ chấm dứt vì thế giới ngày nay

universal in its implications—so inclusive of time and space and life—that the constant explanations and the endless attempts to make theology conform to the requirements of a deeply sensed vital truth will no longer be needed. The world has outlived the thought of a wrathful God who demands a blood sacrifice. Intelligent people today must agree that "... modern thought does not clash with primitive Christian ideas; but in regard to the propitiation for these evil inclinations the case is different. We can no longer accept the appalling theological doctrine that for some mystic reason a propitiatory sacrifice was necessary. It outrages either our conception of God as almighty or else our conception of Him as all-loving." *('The Paganism in Our Christianity', by Arthur Weigall, p. 152.)* Humanity will accept the thought of a God who so loved the world that He sent His Son to give us the final expression of the cosmic sacrifice and to say to us, as He did [188] upon the Cross: "It is finished." *(St. John, XIX, 30.)* We can now "enter into the joy of the Lord." *(St. Matthew, XXV, 21.)* Men are learning to love, and they will, and do, repudiate a theology which makes of God a force of hardness and cruelty in the world, unparalleled by men.

đòi hỏi một Đức Christ sống động hơn là một Đấng Cứu Thế đã chết. Thế giới đòi hỏi một lý tưởng phổ quát đến mức trong các hàm ý của nó—bao gồm thời gian, không gian và sự sống đến mức—những giải thích liên tục và những cố gắng bất tận nhằm khiến thần học phù hợp với các đòi hỏi của một chân lý sống động được cảm nhận sâu sắc sẽ không còn cần thiết nữa. Thế giới đã vượt qua tư tưởng về một Thượng đế phẫn nộ, Đấng đòi hỏi một hy sinh bằng máu. Những người thông minh ngày nay phải đồng ý rằng "... tư tưởng hiện đại không xung đột với các ý tưởng Cơ Đốc giáo nguyên thủy; nhưng liên quan đến sự chuộc lỗi cho những khuynh hướng xấu này thì trường hợp lại khác. Chúng ta không còn có thể chấp nhận giáo lý thần học kinh hoàng rằng vì một lý do thần bí nào đó, một hy sinh chuộc tội là cần thiết. Nó xúc phạm hoặc quan niệm của chúng ta về Thượng đế như Đấng toàn năng, hoặc quan niệm của chúng ta về Ngài như Đấng toàn ái." *('Tính Ngoại Giáo Trong Kitô Giáo Của Chúng Ta', của Arthur Weigall, tr. 152.)* Nhân loại sẽ chấp nhận tư tưởng về một Thượng đế yêu thương thế gian đến nỗi Ngài sai Con của Ngài đến để ban cho chúng ta biểu hiện cuối cùng của hy sinh vũ trụ và để nói với chúng ta, như Ngài đã nói [188] trên Thập Giá: "Mọi sự đã hoàn tất." *(Thánh John, XIX, 30.)* Giờ đây chúng ta có thể "bước vào sự hoan hỉ của Chúa." *(Thánh Matthew, XXV, 21.)* Con người đang học yêu thương, và họ sẽ, cũng như đang, bác bỏ một nền thần học biến Thượng đế thành một mãnh lực cứng rắn và tàn bạo trong thế giới, không gì nơi con người có thể sánh bằng.

The whole trend of human life tends to repudiate those ancient tenets which were founded in fear, and instead, courageously faces the facts and the responsibilities which are inherent in its spiritual birthright.

Toàn bộ khuynh hướng của đời sống nhân loại có xu hướng bác bỏ những tín điều cổ xưa được đặt nền trong sợ hãi, và thay vào đó, can đảm đối diện với các sự kiện và trách nhiệm vốn cố hữu trong quyền thừa kế tinh thần của nó.

2

When the Church lays its emphasis upon the living Christ, and when it recognises that its forms and ceremonies, its festivals and rituals are inherited from a very ancient past, we shall then have the emergence of a new religion which will be as much divorced from form and the past as the kingdom of God is divorced from matter and the body nature. Orthodox religion, as a whole, can be regarded as a cross upon which we have crucified Christ; it has served its purpose as the custodian of the ages and the preserver of ancient forms, but it must enter into new life and pass through the resurrection if it is to meet the need of the deeply spiritual humanity of today. "Nations, like individuals," we are told, "are made, not only by what they acquire but by what they resign, and this is true also of religion at this time." *('The Supreme Spiritual Ideal', by Sir Radhakrishnan, Hibbert Journal, October, 1936.)* Its form must be sacrificed upon the Cross of Christ in order that it may be resurrected into true and vital life for the meeting of the people's need. Let a living Christ be its theme, and not a dying Saviour. Christ has died. About that let there be no mistake. The Christ of history passed through the gates of death for us. The cosmic [189] Christ is still dying upon the Cross of Matter. There He hangs fixed until the last weary pilgrim shall find his way home. *('The Secret Doctrine', Vol. I, p. 229.)* The planetary Christ, the life of the four kingdoms of nature, has been crucified on the four arms of the planetary Cross down the ages. But the end of this period of crucifixion is close upon us. Mankind can descend from the cross as Christ did, and enter into the kingdom of God, a living spirit. The sons of God are ready to be manifested. Today as never before:

2

Khi Giáo hội đặt trọng tâm vào Đức Christ sống động, và khi Giáo hội nhận ra rằng các hình thức và nghi lễ, các lễ hội và nghi thức của mình được thừa hưởng từ một quá khứ rất cổ xưa, bấy giờ chúng ta sẽ có sự xuất hiện của một tôn giáo mới, tách khỏi hình tướng và quá khứ nhiều như Thiên Giới tách khỏi vật chất và bản chất thể xác. Tôn giáo chính thống, xét toàn bộ, có thể được xem là một thập giá mà trên đó chúng ta đã đóng đinh Đức Christ; nó đã phục vụ mục đích của nó như người gìn giữ của các thời đại và người bảo tồn các hình thức cổ xưa, nhưng nó phải bước vào sự sống mới và đi qua sự phục sinh nếu nó muốn đáp ứng nhu cầu của nhân loại sâu sắc tinh thần ngày nay. "Các quốc gia, giống như các cá nhân," chúng ta được bảo, "được tạo nên không chỉ bởi những gì họ thu nhận mà còn bởi những gì họ từ bỏ, và điều này hiện nay cũng đúng với tôn giáo." *('Lý Tưởng Tinh Thần Tối Cao', của Sir Radhakrishnan, Hibbert Journal, tháng Mười, 1936.)* Hình thức của nó phải được hy sinh trên Thập Giá của Đức Christ để nó có thể được phục sinh vào sự sống chân thực và sống động nhằm đáp ứng nhu cầu của con người. Hãy để Đức Christ sống động là chủ đề của nó, chứ không phải một Đấng Cứu Thế đang hấp hối. Đức Christ đã chết. Về điều đó, đừng có sự nhầm lẫn nào. Đức Christ của lịch sử đã đi qua các cổng của sự chết vì chúng ta. Đức Christ vũ trụ [189] vẫn đang chết trên Thập Giá của Vật Chất. Ở đó Ngài treo cố định cho đến khi người hành hương mệt mỏi cuối cùng tìm được đường về nhà. *('Giáo Lý Bí Nhiệm', Quyển I, tr. 229.)* Đức Christ hành tinh, sự sống của bốn giới thiên nhiên, đã bị đóng đinh trên bốn tay của Thập Giá hành tinh qua các thời đại. Nhưng kết thúc của thời kỳ đóng đinh này đang đến gần chúng ta. Nhân loại có thể bước xuống khỏi thập giá như Đức Christ đã

làm, và bước vào Thiên Giới, một tinh thần sống động. Các Con của Thượng đế đã sẵn sàng để được biểu hiện. Ngày nay hơn bao giờ hết:

"The Spirit Himself bears witness with our own spirits that we are children of God; and if children, then heirs too—heirs of God and co-heirs with Christ; if indeed we share Christ's sufferings, in order to share also His glory....

"Chính Tinh thần làm chứng cùng các tinh thần của chúng ta rằng chúng ta là con cái của Thượng đế; và nếu là con cái, thì cũng là những kẻ thừa kế—thừa kế của Thượng đế và đồng thừa kế với Đức Christ; nếu quả thật chúng ta chia sẻ những đau khổ của Đức Christ, để cũng được chia sẻ vinh quang của Ngài....

"All creation is yearning, longing to see the manifestation of the sons of God. For the Creation was made subject to futility, not of its own choice, but by the will of Him who so subjected it; yet with the hope that at last the Creation itself would be set free from the thraldom of decay to enjoy the liberty that comes with the glory of the children of God.

"Toàn thể tạo vật đang khao khát, mong mỏi được thấy sự biểu hiện của các Con của Thượng đế. Vì Tạo vật đã bị đặt dưới sự phù phiếm, không do lựa chọn của riêng nó, mà bởi ý muốn của Đấng đã đặt nó dưới đó; song với hy vọng rằng cuối cùng chính Tạo vật cũng sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ của sự suy hoại để vui hưởng tự do đi kèm với vinh quang của con cái Thượng đế.

"For we know that the whole of Creation is moaning in the pangs of childbirth until this hour. And more than that, we ourselves, though we possess the Spirit as a foretaste of bliss, yet we ourselves moan as we wait for full sonship in the redemption of our bodies."

"Vì chúng ta biết rằng toàn thể Tạo vật đang rên xiết trong cơn đau sinh nở cho đến giờ này. Và hơn thế nữa, chính chúng ta, dù sở hữu Tinh thần như một sự nếm trước chí phúc, chính chúng ta cũng rên xiết khi chờ đợi tư cách làm con trọn vẹn trong sự cứu chuộc thân thể chúng ta."

ROMANS, VIII, 16-24, WEYMOUTH'S TRANSLATION.

RÔMA, VIII, 16-24, BẢN DỊCH WEYMOUTH.

Towards this glorification of God we are all moving. Some of the sons of men have already achieved, through the realisation of their divinity.

Tất cả chúng ta đang tiến về sự tôn vinh Thượng đế này. Một số những người con của nhân loại đã đạt được điều đó, qua sự chứng nghiệm thiên tính của họ.

It is of interest to note how the two great branches of orthodox Christianity, the Eastern, as expressed through the Greek

Điều đáng chú ý là hai nhánh lớn của Cơ Đốc giáo chính thống, phương Đông, như được biểu hiện qua Giáo hội Hy Lạp, và phương

Church, and the Western, as expressed through the Roman Catholic and the Protestant Churches, have preserved two great concepts which the spirit of the race needed on its great evolutionary journey away from God and back to God. The Greek Church has always emphasised the [190] risen Christ. The West has emphasised the crucified Saviour. Eastern Christianity looks to the resurrection as its pivotal teaching.

Tây, như được biểu hiện qua Giáo hội Công giáo La Mã và các Giáo hội Tin Lành, đã bảo tồn hai quan niệm lớn mà tinh thần của nhân loại cần đến trên hành trình tiến hóa vĩ đại của nó rời xa Thượng đế và trở về với Thượng đế. Giáo hội Hy Lạp luôn nhấn mạnh [190] Đức Christ phục sinh. Phương Tây đã nhấn mạnh Đấng Cứu Thế chịu đóng đinh. Cơ Đốc giáo phương Đông xem sự phục sinh là giáo huấn then chốt của mình.

The need of a death unto things material, the tendency of man to sin and to forget God, and the necessity for a change of heart or of intention have been the contribution of Western Christianity to the religious beliefs in the world. But we have been so preoccupied with the subject of sin that we have forgotten our divinity; and we have been so intensely individual in our consciousness that we have depicted a Saviour Who gave His life for us as individuals, believing that had He never died we could never enter heaven. On these truths the Eastern Christian has placed little emphasis, stressing the living Christ and the divine nature of man. Assuredly, only when the best of the two lines of presented truths are brought together and then reinterpreted shall we arrive at the basic concept upon which we can take our stand without questioning, and also with the certainty that it is inclusive enough to be really divine. Sin exists, and there is sacrifice involved in the process of adjusting our sinful natures. There is a death unto life, and a need to "die daily," *(I Corinthians, XV, 31.)* as St. Paul says, in order that we may live. Christ died to all that had its existence in form, leaving us an example that we should follow His steps. But we in the West have forgotten the Transfiguration and lost touch with divinity, and we should now stand ready to accept

Nhu cầu chết đối với những sự vật vật chất, khuynh hướng phạm tội và quên Thượng đế của con người, cùng sự cần thiết phải thay đổi tâm hồn hay ý định, là đóng góp của Cơ Đốc giáo phương Tây cho các niềm tin tôn giáo trong thế giới. Nhưng chúng ta đã quá bận tâm với chủ đề tội lỗi đến nỗi quên mất thiên tính của mình; và chúng ta đã quá chú trọng cá nhân trong tâm thức đến nỗi mô tả một Đấng Cứu Thế đã ban sự sống của Ngài cho chúng ta như những cá nhân, tin rằng nếu Ngài chưa từng chết thì chúng ta không bao giờ có thể vào thiên đường. tín đồ Cơ Đốc giáo phương Đông đã đặt rất ít trọng tâm vào những chân lý này, mà nhấn mạnh Đức Christ sống động và bản chất thiêng liêng của con người. Chắc chắn rằng chỉ khi phần tốt đẹp nhất của hai dòng chân lý được trình bày được đem lại với nhau rồi được diễn giải lại, chúng ta mới đạt tới quan niệm căn bản mà trên đó chúng ta có thể đứng vững không nghi vấn, và cũng với sự chắc chắn rằng nó đủ bao gồm để thật sự thiêng liêng. Tội lỗi hiện hữu, và có hy sinh liên quan trong tiến trình điều chỉnh các bản chất tội lỗi của chúng ta. Có một cái chết dẫn đến sự sống, và nhu cầu "chết hằng ngày," *(I Corinthians, XV, 31.)* như Thánh Paul nói, để chúng ta có thể sống. Đức Christ đã chết đối với tất cả những gì có sự hiện hữu trong hình tướng, để lại cho chúng ta một gương mẫu rằng chúng ta nên theo dấu chân Ngài. Nhưng chúng ta ở phương Tây đã quên Biến hình và mất liên hệ với thiên tính, và giờ đây

from the Eastern Christian what he has so long believed.

chúng ta nên sẵn sàng tiếp nhận từ tín đồ Cơ Đốc giáo phương Đông điều y đã tin tưởng từ lâu.

This gnosis has always been in the world. Long before Christ came the divinity of man was affirmed and divine incarnations were recognised.

Tri thức huyền linh này đã luôn có trong thế giới. Rất lâu trước khi Đức Christ đến, thiên tính của con người đã được khẳng định và các cuộc lâm phàm thiêng liêng đã được thừa nhận.

The Gnostics themselves claimed to be the custodians of a revelation which was not uniquely theirs, but which had always been present in the world. G.R.S. Mead, an authority on these matters, remarks that: "The claim of these Gnostics was practically that the good news of Christ (the Christos) [191] was the consummation of the inner doctrine of the Mystery-Institutions of all the nations; the end of them all being the revelation of the Mystery of Man. In Christ the Mystery of Man was unveiled." *('Thrice-Greatest Hermes, by G. R. S. Mead, Vol. I, p.141.)*

Chính các nhà Ngộ Đạo tuyên bố rằng họ là những người gìn giữ một mặc khải không phải là của riêng họ một cách độc nhất, mà đã luôn hiện diện trong thế giới. G.R.S. Mead, một thẩm quyền về các vấn đề này, nhận xét rằng: "Tuyên bố của những nhà Ngộ Đạo này thực tế là tin mừng của Đức Christ, tức Christos, [191] là sự hoàn tất của giáo lý nội môn của các Tổ chức Bí nhiệm của mọi quốc gia; mục đích của tất cả chúng là sự mặc khải Bí nhiệm về Con Người. Trong Đức Christ, Bí nhiệm về Con Người đã được vén mở." *('Hermes Ba Lần Vĩ Đại', của G. R. S. Mead, Quyển I, tr.141.)*

In view of the proven fact that there has been a continuity of revelation, and that Christ was one of the long line of manifesting Sons of God, wherein did His Person and His mission differ from that of the others? We can and must agree with Pfleger when he says: "The Incarnation of God in Christ is but a greater and more perfect theophany in a series of other more imperfect theophanies, which prepared the way for it by moulding the human nature which received them ... the Incarnation is not a miracle in the strict and crude sense of the term, any more than the Resurrection, which is the inner union of matter with spirit, is foreign to the universal order of existence." *('Wrestlers with Christ, by Karl Pfleger, p. 242.)* In what, therefore, did the mission of Christ differ from the others?

Xét đến sự kiện đã được chứng minh rằng đã có một sự liên tục của mặc khải, và rằng Đức Christ là một trong chuỗi dài các Con của Thượng đế đang biểu hiện, thì ở đâu Ngôi vị của Ngài và sứ mạng của Ngài khác với những vị khác? Chúng ta có thể và phải đồng ý với Pfleger khi ông nói: "Sự Lâm Phàm của Thượng đế trong Đức Christ chỉ là một sự hiển hiện thần tính lớn hơn và hoàn hảo hơn trong một chuỗi các sự hiển hiện thần tính khác kém hoàn hảo hơn, vốn đã chuẩn bị đường cho nó bằng cách khuôn đúc bản chất con người đã tiếp nhận chúng... Sự Lâm Phàm không phải là một phép lạ theo nghĩa nghiêm ngặt và thô sơ của thuật ngữ, cũng như Sự Phục Sinh, vốn là sự hợp nhất bên trong của vật chất với tinh thần, không xa lạ với trật tự phổ quát của sự hiện hữu." *('Những Người Vật Lộn Với Đức Christ', của*

Karl Pfleger, tr. 242.) Vậy, sứ mạng của Đức Christ khác với những sứ mạng khác ở điểm nào?

The difference lay in the point in evolution which humanity itself had reached. The cycle which Christ inaugurated has been one in which men have become strictly human. Up till that Incarnation there had always been those who, having achieved humanity, had then passed on to demonstrate divinity. But now the whole race is at the point of so doing. Although today men are predominantly animal-emotional, yet through the success of the evolutionary process—leading as it has to our widespread educational systems and the general high level of mental awareness—men have reached the point where the masses themselves, given proper encouragement, can "enter into the kingdom of God." Who can say that it is not this realisation, dim and uncertain as it may be, which prompts the universal unrest and the widespread determination to better conditions? That we interpret the kingdom of God in terms of the material is inevitable at first, but it is a hopeful and spiritual sign that we are today so [192] busy cleaning house, and thus attempting to raise the level of our civilisation. Christ incarnated when, for the first time, humanity was a complete whole, as far as the form side of its nature was concerned, with all the qualities manifesting—physical, psychic and mental —which distinguish the human animal. He brought to us a manifestation of what the perfect man could be who, regarding that form side as the temple of God, but recognising his innate divinity, strives to bring it to the foreground, first of all in his own consciousness and then before the world. This Christ did. The mysteries had always been revealed to the individual who fitted himself to penetrate into a hidden

Sự khác biệt nằm ở điểm tiến hoá mà chính nhân loại đã đạt đến. Chu kỳ mà Đức Christ khai mở là một chu kỳ trong đó con người đã trở thành con người đúng nghĩa. Cho đến cuộc Lâm Phàm ấy, luôn có những vị, sau khi đã đạt được nhân tính, đã tiếp tục tiến lên để chứng minh thiên tính. Nhưng giờ đây toàn bộ nhân loại ở điểm có thể làm như vậy. Dù ngày nay con người chủ yếu vẫn là động vật-cảm xúc, nhưng qua thành công của tiến trình tiến hóa—vì nó đã dẫn đến các hệ thống giáo dục rộng khắp của chúng ta và mức độ cao tổng quát của nhận thức trí tuệ —con người đã đạt đến điểm mà chính đại chúng, nếu được khích lệ đúng đắn, có thể "bước vào Thiên Giới." Ai có thể nói rằng không phải chính sự nhận biết này, dù mờ nhạt và bất định, đã thúc đẩy tình trạng bất ổn phổ quát và quyết tâm rộng khắp nhằm cải thiện các điều kiện? Việc chúng ta ban đầu diễn giải Thiên Giới theo các thuật ngữ vật chất là điều không thể tránh khỏi, nhưng đó là một dấu hiệu đầy hy vọng và tinh thần rằng ngày nay chúng ta đang quá [192] bận rộn dọn dẹp nhà cửa, và do đó cố gắng nâng cao trình độ văn minh của mình. Đức Christ lâm phàm khi, lần đầu tiên, nhân loại là một toàn thể hoàn chỉnh, xét theo mặt hình tướng của bản chất nó, với mọi phẩm tính đang biểu hiện—hồng trần, thông linh và trí tuệ—vốn phân biệt con người-động vật. Ngài đem đến cho chúng ta một biểu hiện về điều mà con người hoàn thiện có thể là, người xem mặt hình tướng ấy như đền thờ của Thượng đế, nhưng nhận ra thiên tính nội tại của mình, cố gắng đưa nó ra tiền diện, trước hết trong tâm thức của chính mình và rồi trước thế giới. Đức Christ đã làm điều này. Các bí nhiệm luôn được mặc khải cho cá nhân nào tự chuẩn bị để thâm nhập vào một thánh điện hay mật thất ẩn giấu, nhưng Đức

arcanum or temple, but Christ revealed them to humanity as a whole, and enacted the whole drama of the God-Man before the race. This was His major achievement, and this we have forgotten—the living Christ—in the emphasis we have laid upon man himself, on his relation to himself as a sinner, and to God as the One against Whom he has sinned.

Christ đã mặc khải chúng cho toàn thể nhân loại, và trình diễn toàn bộ vở kịch của Thượng đế-Con Người trước nhân loại. Đây là thành tựu lớn lao của Ngài, và điều này chúng ta đã quên—Đức Christ sống động—trong sự nhấn mạnh mà chúng ta đặt lên chính con người, lên mối liên hệ của y với chính mình như một tội nhân, và với Thượng đế như Đấng mà y đã phạm tội chống lại.

Again, every great organisation or group religion or cult of any kind has originated with a person, and from that person the idea has spread out into the world, gathering adherents as time elapsed. Christ in this way precipitated the kingdom of God upon earth. It had always existed in the heavenly places. He caused it to materialise, thus becoming a fact to the consciousness of men.

Lại nữa, mọi tổ chức lớn hay tôn giáo nhóm hay giáo phái thuộc bất kỳ loại nào đều bắt nguồn từ một người, và từ người đó ý tưởng đã lan rộng ra thế giới, thu hút những người theo khi thời gian trôi qua. Theo cách này, Đức Christ đã ngưng tụ Thiên Giới trên Trái Đất. Nó đã luôn hiện hữu trong các nơi thiên thượng. Ngài khiến nó hiện hình, nhờ đó trở thành một sự kiện đối với tâm thức con người.

Preparedness for the Kingdom, and the arrival of the time when men in large numbers could be initiated into the mysteries, required from them a recognition of an unworthiness and a sinfulness which only the development of the mind could give. The age of Christianity has been an age of mental unfoldment. It has been an age also wherein much emphasis has been laid upon sin and evil doing. There is no consciousness of sin in the animals, though there may be indications of a conscience among the domesticated animals, due to their association with man. Mind produces the power to analyse and observe, to differentiate and distinguish; and so with the advent [193] of mental development there has been, for a long time, a growing sense of sinfulness, of contrition, and of an almost abject attitude to the Creator, producing in humanity that strongly marked inferiority complex with which

Sự chuẩn bị cho Thiên Giới, và sự đến của thời điểm khi đông đảo con người có thể được điểm đạo vào các bí nhiệm, đòi hỏi nơi họ sự thừa nhận một tình trạng bất xứng và tội lỗi mà chỉ sự phát triển của trí tuệ mới có thể đem lại. Thời đại Cơ Đốc giáo là một thời đại của sự khai mở trí tuệ. Nó cũng là một thời đại trong đó người ta đặt nhiều nhấn mạnh vào tội lỗi và hành động xấu. Không có tâm thức về tội lỗi nơi loài vật, dù có thể có những dấu hiệu của lương tâm nơi các động vật thuần hóa, do sự liên hệ của chúng với con người. Thể trí tạo ra quyền năng phân tích và quan sát, biến phân và phân biệt; và như vậy với sự xuất hiện [193] của phát triển trí tuệ, trong một thời gian dài đã có một cảm thức ngày càng tăng về tội lỗi, về sự ăn năn, và về một thái độ gần như hèn mọn trước Đấng Sáng Tạo, tạo ra trong nhân loại phức cảm tự ti được đánh dấu mạnh mẽ mà ngày nay các nhà tâm lý học phải xử lý. Chống lại cảm thức tội lỗi này, cùng những

today psychologists have to deal. Against this sense of sin, with its concomitants of propitiation, atonement and the sacrifice of Christ for us, there has been a revolt; and in this really wholesome reaction there is the normal tendency to go too far. Fortunately, we are never able to get too far from divinity; and that, as a race, we shall swing back into a state of greater spirituality than ever before is the sincere belief of all who know. Theology over-reached itself with its "miserable sinner" complex and its emphasis upon the necessity for the purification by blood. This teaching of purification through the blood of bulls and of rams (or lambs) was part of the ancient mysteries, and was inherited by us primarily from the Mysteries of Mithra. These mysteries, in their turn, inherited the teaching, and thus formulated their doctrine, which Christianity absorbed. When the sun was in the zodiacal sign of Taurus the Bull, the sacrifice of the bull was offered as a forecast of that which Christ came later to reveal. When the sun passed (in the precession of the equinoxes) into the next sign, that of Aries the Ram, we find the lamb was sacrificed and the scapegoat sent into the wilderness. Christ was born into the next sign, Pisces the Fishes, and it is for this reason that we eat fish on Good Friday, in commemoration of His coming. Tertullian, one of the early Church Fathers, speaks of Jesus Christ as the "Great Fish," and of us, His followers, as the "little fishes." These facts are well known, as the following extract will indicate:

điều đi kèm của nó là chuộc lỗi, đền tội và hy sinh của Đức Christ vì chúng ta, đã có một cuộc nổi dậy; và trong phản ứng thật sự lành mạnh này, có khuynh hướng bình thường là đi quá xa. May mắn thay, chúng ta không bao giờ có thể đi quá xa khỏi thiên tính; và rằng, với tư cách một nhân loại, chúng ta sẽ quay trở lại một trạng thái tinh thần lớn lao hơn bao giờ hết là niềm tin chân thành của tất cả những ai biết. Thần học đã đi quá xa với phức cảm "tội nhân khốn khổ" của nó và sự nhấn mạnh của nó vào nhu cầu thanh tẩy bằng máu. Giáo huấn về sự thanh tẩy bằng máu của bò đực và cừu đực, hay chiên con, là một phần của các bí nhiệm cổ xưa, và chúng ta thừa hưởng nó chủ yếu từ các Bí nhiệm Mithra. Đến lượt mình, các bí nhiệm này đã thừa hưởng giáo huấn ấy, và do đó hình thành giáo lý của mình, điều mà Cơ Đốc giáo đã hấp thụ. Khi mặt trời ở trong dấu hiệu hoàng đạo Kim Ngưu, con Bò, hy sinh bò đực được dâng lên như một dự báo về điều mà Đức Christ sau này đến để mặc khải. Khi mặt trời đi qua, trong tuế sai của các điểm phân, vào dấu hiệu kế tiếp, là Bạch Dương, con Cừu đực, chúng ta thấy chiên con được hy sinh và con dê gánh tội được gửi vào hoang địa. Đức Christ được sinh ra trong dấu hiệu kế tiếp, Song Ngư, các Con Cá, và chính vì lý do này mà chúng ta ăn cá vào Thứ Sáu Tuần Thánh, để tưởng niệm sự giáng lâm của Ngài. Tertullian, một trong các Giáo phụ thời đầu, nói về Đức Jesus Christ như "Con Cá Vĩ Đại," và về chúng ta, những người theo Ngài, như "những con cá nhỏ." Những sự kiện này được biết rõ, như đoạn trích sau đây sẽ chỉ ra:

"The ceremonies of purification by the sprinkling or drenching of the novice with the blood of bulls or rams were widespread, and were to be found in the rites of Mithra. By this purification a man was 'born again' and the Christian expression 'washed in the blood of the Lamb' is undoubtedly a

"Các nghi lễ thanh tẩy bằng việc rảy hoặc dội người sơ cơ bằng máu bò đực hay cừu đực đã rất phổ biến, và được tìm thấy trong các nghi thức Mithra. Nhờ sự thanh tẩy này, một người được 'sinh lại' và cách diễn đạt Cơ Đốc giáo 'được rửa trong máu của Chiên Con' chắc chắn là sự phản chiếu của ý tưởng này,

reflection of this idea, the reference thus being clear in the words of the Epistle to the Hebrews: 'It is not possible that the blood of bulls and of goats should take away [194] sins.' In this passage the writer goes on to say: 'Having boldness to enter into the holiest by the blood of Jesus, by a new and living way which he hath consecrated for us through the veil, that is to say his flesh ... let us draw near ... having our hearts sprinkled from an evil conscience, and our bodies washed with pure water.' But when we learn that the Mithraic initiation ceremony consisted in entering boldly into a mysterious underground 'holy of holies' with the eyes veiled, and there being sprinkled with blood, and washed with water, it is clear that the author of the Epistle was thinking of those Mithraic rites with which everybody at that time must have been so familiar."

nhờ vậy sự liên hệ trở nên rõ ràng trong những lời của Thư gửi tín hữu Hebrew: 'Không thể nào máu của bò đực và dê đực lại có thể cất đi [194] tội lỗi.' Trong đoạn này, tác giả tiếp tục nói: 'Vì có sự dạn dĩ để vào nơi chí thánh nhờ máu Đức Jesus, bằng một con đường mới và sống động mà Ngài đã thánh hiến cho chúng ta xuyên qua bức màn, tức là xác thịt Ngài... chúng ta hãy đến gần... với lòng đã được rảy sạch khỏi lương tâm xấu, và thân thể đã được rửa bằng nước tinh khiết.' Nhưng khi chúng ta biết rằng nghi lễ điểm đạo Mithra gồm việc mạnh dạn đi vào một 'nơi chí thánh' bí nhiệm dưới lòng đất, với đôi mắt bị che, và ở đó được rảy máu và rửa bằng nước, thì rõ ràng tác giả của Thư ấy đã nghĩ đến những nghi thức Mithra mà mọi người vào thời đó hẳn phải rất quen thuộc."

'THE PAGANISM IN OUR CHRISTIANITY', BY ARTHUR WEIGALL, PP. 132, 133.

'TÍNH NGOẠI GIÁO TRONG CƠ ĐỐC GIÁO CỦA CHÚNG TA', CỦA ARTHUR WEIGALL, TR. 132, 133.

Christ came to abolish these sacrifices by showing us their true meaning, and in His Person as perfect man He died the death of the Cross to show us (in picture form and through actual demonstration) that divinity can be manifested and can truly express itself only when man, as man, has died in order that the hidden Christ may live. The lower carnal nature (as St. Paul loved to call it) must die in order that the higher divine nature may show forth in all its beauty. The lower self must die in order that the higher self can manifest on earth. Christ had to die in order that once and for all mankind might learn the lesson that by the sacrifice of the human nature the divine aspect might be "saved." Thus Christ summed up in Himself the significance of all the past world

Đức Christ đến để bãi bỏ những hy sinh này bằng cách chỉ cho chúng ta thấy ý nghĩa chân thật của chúng, và trong Ngôi vị của Ngài như con người hoàn thiện, Ngài đã chết cái chết trên Thập Giá để chỉ cho chúng ta, bằng hình ảnh và qua sự chứng minh thực tế, rằng thiên tính có thể được biểu hiện và thật sự tự biểu lộ chỉ khi con người, với tư cách con người, đã chết để Đức Christ ẩn tàng có thể sống. Bản chất thấp thuộc xác thịt, như Thánh Paul ưa gọi, phải chết để bản chất thiêng liêng cao hơn có thể hiển lộ trong toàn bộ vẻ đẹp của nó. Phàm ngã phải chết để chân ngã có thể biểu hiện trên đất. Đức Christ phải chết để một lần cho mãi mãi nhân loại có thể học bài học rằng nhờ hy sinh bản chất con người, phương diện thiêng liêng có thể được "cứu." Như vậy, nơi Chính

sacrifices. That mysterious truth which had been revealed only to the pledged and trained initiate when he was ready for the fourth initiation was *given out by Christ to the world of men*. He died for all so that all might live. But this is not the doctrine of the vicarious atonement which was pre-eminently St. Paul's interpretation of the Crucifixion, but the doctrine which Christ Himself taught—the doctrine of divine immanence (see St. John XVII), and the doctrine of the God-Man.

Ngài, Đức Christ đã tổng kết thâm nghĩa của mọi hy sinh thế giới trong quá khứ. Chân lý bí nhiệm ấy, vốn chỉ được mặc khải cho điểm đạo đồ đã cam kết và được huấn luyện khi y sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ tư, đã được *Đức Christ ban ra cho thế giới con người*. Ngài đã chết cho tất cả để tất cả có thể sống. Nhưng đây không phải là giáo lý về sự đền tội thay thế, vốn nổi bật là cách diễn giải của Thánh Paul về Sự Đóng Đinh, mà là giáo lý do chính Đức Christ dạy—giáo lý về tính nội tại thiêng liêng, xem Thánh John XVII, và giáo lý về Thượng đế-Con Người.

Christianity inherited many of its interpretations, and the teachers and interpreters of the early Christian times were no more free from the thraldom of ancient beliefs than are we [195] from the interpretations given to Christianity during the past two thousand years. Christ did give us the teaching that we must die in order to live as Gods, and therefore He died. He did sum up in Himself all the traditions of the past for He "not only fulfilled the Judaic Scriptures, but He also fulfilled those of the pagan world, and therein lay the great appeal of early Christianity. In Him a dozen shadowy Gods were condensed into a proximate reality; and in His crucifixion the old stories of their ghastly atoning sufferings and sacrificial deaths were made actual and given a direct meaning." *('The Paganism in Our Christianity', by Arthur Weigall, pp. 158.)* But His death was also the consummating act of a life of sacrifice and service, and the logical outcome of His teaching. Pioneers and those who reveal to men their next step, those who come forth as the interpreters of the divine Plan, inevitably are repudiated, and usually die as the result of their courageous pronouncements. To this rule Christ was no exception. "Advanced Christian thinkers now regard the Crucifixion of our Lord as

Cơ Đốc giáo đã thừa hưởng nhiều cách diễn giải của mình, và các huấn sư cùng người diễn giải của thời Cơ Đốc giáo sơ khai không tự do khỏi ách nô lệ của những niềm tin cổ xưa hơn chúng ta [195] khỏi những cách diễn giải được gán cho Cơ Đốc giáo trong hai nghìn năm qua. Đức Christ thật sự đã ban cho chúng ta giáo huấn rằng chúng ta phải chết để sống như các vị thần, và vì thế Ngài đã chết. Ngài thật sự đã tổng kết nơi Chính Ngài mọi truyền thống của quá khứ, vì Ngài "không chỉ làm ứng nghiệm Kinh Điển Do Thái, mà Ngài cũng làm ứng nghiệm những kinh điển của thế giới ngoại giáo, và chính trong đó có sức hấp dẫn lớn lao của Cơ Đốc giáo sơ khai. Trong Ngài, hàng tá các vị thần mờ bóng được cô đọng thành một thực tại gần gũi; và trong sự đóng đinh của Ngài, những câu chuyện xưa về các đau khổ đền tội ghê rợn và các cái chết hy sinh của họ đã trở thành thực tại và được trao cho một ý nghĩa trực tiếp." *('Tính Ngoại Giáo Trong Kitô Giáo Của Chúng Ta', của Arthur Weigall, tr. 158.)* Nhưng cái chết của Ngài cũng là hành vi hoàn tất của một đời sống hy sinh và phụng sự, và là kết quả hợp lý của giáo huấn của Ngài. Những người tiên phong và những ai mặc khải cho con người bước kế tiếp của họ, những ai xuất hiện như các nhà diễn giải Thiên Cơ, tất yếu bị bác bỏ, và thường chết do hậu quả của các tuyên bố can đảm của họ.

the supreme sacrifice made by Him for the sake of the principles of His teaching. It was the crowning act of His most heroic life, and it affords such a sublime example to mankind that meditation upon it may be said to produce a condition of at-one-ment with the Fountainhead of all goodness." *('The Paganism in Our Christianity', by Arthur Weigall, pp. 166.)*

Đức Christ không phải là ngoại lệ đối với quy luật này. "Các nhà tư tưởng Cơ Đốc giáo tiên tiến hiện nay xem Sự Đóng Đinh của Chúa chúng ta là hy sinh tối thượng do Ngài thực hiện vì các nguyên lý trong giáo huấn của Ngài. Đó là hành vi đỉnh cao của đời sống anh hùng nhất của Ngài, và nó đem lại cho nhân loại một gương mẫu cao cả đến nỗi tham thiền về nó có thể nói là tạo ra một tình trạng hợp nhất với Nguồn Mạch của mọi điều thiện hảo." *('Tính Ngoại Giáo Trong Kitô Giáo Của Chúng Ta', của Arthur Weigall, tr. 166.)*

How then is it that today we have such an emphasis upon the blood sacrifice of Christ and upon the idea of sin? It would appear that two causes are responsible for this:

Vậy thì làm sao ngày nay chúng ta lại có sự nhấn mạnh như thế vào hy sinh bằng máu của Đức Christ và vào ý tưởng tội lỗi? Dường như có hai nguyên nhân chịu trách nhiệm cho điều này:

1. The inherited idea of blood sacrifice. As Dr. Rashdall tells us:

1. Ý tưởng thừa hưởng về hy sinh bằng máu. Như Tiến sĩ Rashdall nói với chúng ta:

"The various authors of the canonical books in fact were so accustomed to the pre-Christian ideas of an expiatory sacrifice and atonement that they accepted it without going to the roots of the matter. But this vagueness was not to the liking of the early Christian Fathers. In the Second Century A.D., Irenaeus, and after him other writers, explained the doctrine by what is called the 'Ransom Theory,' which states that the Devil was lawful lord of [196] mankind owing to Adam's fall, and that God, being unable with justice to take Satan's subjects from him without paying a ransom for them, handed over His own incarnate Son in exchange."

"Thật ra, các tác giả khác nhau của những sách kinh điển chính thức đã quá quen thuộc với các ý tưởng tiền Cơ Đốc giáo về một hy sinh chuộc lỗi và sự đền tội đến nỗi họ chấp nhận nó mà không đi vào gốc rễ của vấn đề. Nhưng sự mơ hồ này không hợp ý các Giáo phụ Cơ Đốc giáo thời đầu. Vào thế kỷ thứ hai sau Công nguyên, Irenaeus, và sau ông là các tác giả khác, đã giải thích giáo lý này bằng điều được gọi là 'Thuyết Chuộc Mạng,' nói rằng Ma Quỷ là chúa tể hợp pháp của [196] nhân loại do sự sa ngã của Adam, và rằng Thượng đế, vì không thể theo công lý mà lấy các thần dân của Satan khỏi hắn nếu không trả một giá chuộc cho họ, đã trao Con nhập thể của chính Ngài để đổi lấy."

'THE IDEA OF ATONEMENT', BY H. RASHDALL, P. 248.

'Ý TƯỞNG VỀ SỰ CHUỘC TỘI', CỦA H. RASHDALL, TR. 248.

In this thought we have a definite demonstration of the way in which all ideas (intuitively perceived and infallibly right) are distorted. Men's minds and preconceived notions colour them. The idea becomes the ideal, and serves a useful purpose and leads men on (as the idea of sacrifice has always led men nearer to God) until it becomes an idol, and consequently limiting and untrue.

Trong tư tưởng này, chúng ta có một minh chứng rõ ràng về cách mọi ý tưởng, dù được trực giác nhận biết và đúng đắn không sai lầm, đều bị bóp méo. Tâm trí và những quan niệm định sẵn của con người tô màu cho chúng. Ý tưởng trở thành lý tưởng, phục vụ một mục đích hữu ích và dẫn dắt con người tiến lên, như ý tưởng hy sinh vẫn luôn dẫn con người đến gần Thượng đế hơn, cho đến khi nó trở thành một thần tượng, và do đó trở nên giới hạn và không còn chân thật.

2. The growth of the consciousness of sin in the race, due to its increasing sensitivity to divinity and its consequent recognition of the shortcomings and the relative evil of the lower human nature.

2. Sự tăng trưởng của tâm thức về tội lỗi trong nhân loại, do tính nhạy bén ngày càng tăng của nhân loại đối với thiên tính, và do sự nhận ra tiếp theo đó về những thiếu sót cùng điều ác tương đối của bản chất nhân loại thấp.

We have seen that one of the factors responsible for the sin-complex of the West has been the development of the mind faculty, with its consequent aftermath of a developed conscience, a capacity to have a sense of values, and (as the result of that) the ability to see the higher and the lower natures in opposition to each other. When the higher self with its values and its range of contacts is *instinctively* contacted, and the lower self, with its lesser values and its more material range of activities is also realised, it necessarily follows that a sense of division and of failure is developed; men realise their lack of achievement; they become aware of God and humanity, of the world, of the flesh and the devil, but at the same time of the kingdom of God. As man develops, his definitions alter, and the crude so-called sins of the unevolved man, and the faults and failings of the average "nice" citizen of modern times involve different attitudes of mind and judgment, and surely different punitive approaches. As our sense of God changes and develops, and as we approach

Chúng ta đã thấy rằng một trong những yếu tố chịu trách nhiệm cho phức cảm tội lỗi của phương Tây là sự phát triển của năng lực trí tuệ, với hệ quả tiếp theo là một lương tâm đã phát triển, một khả năng có ý thức về các giá trị, và do kết quả của điều đó, khả năng nhìn thấy các bản chất cao và thấp đối lập với nhau. Khi chân ngã, với các giá trị và phạm vi tiếp xúc của nó, được tiếp xúc một cách *bản năng*, và phàm ngã, với các giá trị thấp hơn và phạm vi hoạt động vật chất hơn của nó, cũng được nhận ra, thì tất yếu một ý thức về sự chia rẽ và thất bại được phát triển; con người nhận ra sự thiếu thành tựu của mình; họ trở nên ý thức về Thượng đế và nhân loại, về thế gian, về xác thịt và ma quỷ, nhưng đồng thời cũng về Thiên Giới. Khi con người phát triển, các định nghĩa của y thay đổi, và những tội lỗi thô sơ được gọi là của con người chưa tiến hóa, cùng những lỗi lầm và khiếm khuyết của người công dân "tử tế" trung bình thời hiện đại, bao hàm những thái độ trí tuệ và phán đoán khác nhau, và chắc chắn cũng những phương cách trừng phạt khác nhau. Khi ý thức của chúng ta về

nearer to reality, our entire outlook upon life, ourselves and our fellowmen is apt to alter and widen, and become more divine as well as more human. It is a human [197] characteristic to be conscious of sin, and to realise that when a man has offended he must, in some form or other, pay a price. The germ of mind, even in infant humanity, gives rise to this realisation, but it took nearly two thousand years of Christianity to raise sin to a position of such importance that it occupied (as it still does) a primary place in the thought of the entire race. We have a situation wherein the law and the Church and the educators of the race are almost entirely occupied with sin and how to prevent it. One wonders sometimes what the world would have been like today if the exponents of the Christian faith had occupied themselves with the theme of love and loving service instead of with this constantly reiterated emphasis upon the blood sacrifice and upon the wickedness of man.

Thượng đế thay đổi và phát triển, và khi chúng ta tiến gần hơn đến thực tại, toàn bộ cách nhìn của chúng ta về sự sống, về chính mình và về đồng loại có khuynh hướng thay đổi, mở rộng, trở nên thiêng liêng hơn cũng như nhân bản hơn. Ý thức về tội lỗi, và nhận ra rằng khi một người đã xúc phạm thì y phải, bằng cách này hay cách khác, trả một giá, là một đặc tính [197] của con người. Mầm mống của trí tuệ, ngay cả trong nhân loại còn ấu thơ, làm phát sinh sự nhận ra này, nhưng phải mất gần hai ngàn năm của Cơ Đốc giáo mới nâng tội lỗi lên một vị trí quan trọng đến mức nó chiếm, như hiện nay vẫn vậy, một vị trí hàng đầu trong tư tưởng của toàn thể nhân loại. Chúng ta có một tình trạng trong đó luật pháp, Giáo hội và các nhà giáo dục của nhân loại hầu như hoàn toàn bận tâm với tội lỗi và cách ngăn ngừa nó. Đôi khi người ta tự hỏi thế giới ngày nay sẽ ra sao nếu những người xiển dương đức tin Cơ Đốc giáo đã bận tâm với chủ đề tình thương và phụng sự đầy tình thương, thay vì với sự nhấn mạnh được lặp đi lặp lại không ngừng vào lễ hy sinh bằng máu và vào sự độc ác của con người.

The theme of sin runs naturally and normally throughout human history; and the effort to expiate it, in the form of animal sacrifice, has always been present. The belief in an angry deity, who exacted penalties for all that was done by man against a brother, and who demanded a price for all that was given to man as a product of the natural processes of the earth, is as old as man himself. It has passed through many phases. The idea of a God Whose nature is love has battled for centuries with the idea of a God Whose nature is wrath. The outstanding contribution of Christ to world progress was His affirmation, through word and example, of the thought that God is love and not a wrathful deity, inflicting jealous retribution. The battle still rages between this ancient

Chủ đề tội lỗi chạy xuyên suốt lịch sử nhân loại một cách tự nhiên và bình thường; và nỗ lực chuộc tội ấy, dưới hình thức hiến tế súc vật, vẫn luôn hiện diện. Niềm tin vào một vị thần linh phẫn nộ, đòi hỏi hình phạt đối với mọi điều con người làm chống lại một huynh đệ, và đòi một giá phải trả cho mọi điều được trao cho con người như sản phẩm của các tiến trình tự nhiên của Trái Đất, cũng xưa như chính con người. Niềm tin ấy đã trải qua nhiều giai đoạn. Ý tưởng về một Thượng đế mà bản chất là tình thương đã chiến đấu qua nhiều thế kỷ với ý tưởng về một Thượng đế mà bản chất là cơn thịnh nộ. Đóng góp nổi bật của Đức Christ cho sự tiến bộ thế giới là sự khẳng định của Ngài, qua lời nói và gương sống, về tư tưởng rằng Thượng đế là tình thương chứ không phải một thần

belief and the truth of God's love which Christ expressed, and which Shri Krishna also embodied. But the belief in an angry, jealous God is still strongly entrenched. It is rooted in the consciousness of the race, and only today are we slowly beginning to realise a different expression of divinity. Our interpretation of sin and its penalty has been at fault, but the reality of God's love can now be grasped and can thus offset the disastrous doctrine of an angry God Who sent His Son to be the propitiation for the world evil. Of this [198] belief Calvinism is perhaps the best and purest interpretation, and a brief statement as to that theological doctrine will present the concept in understandable terms.

linh thịnh nộ, giáng sự báo ứng ghen tuông. Cuộc chiến vẫn còn dữ dội giữa niềm tin cổ xưa này và chân lý về tình thương của Thượng đế mà Đức Christ đã biểu lộ, và mà Shri Krishna cũng đã hiện thân. Nhưng niềm tin vào một Thượng đế phẫn nộ, ghen tuông vẫn còn bám rễ rất mạnh. Nó cắm sâu trong tâm thức của nhân loại, và chỉ ngày nay chúng ta mới chậm rãi bắt đầu nhận ra một biểu lộ khác của thiên tính. Cách diễn giải của chúng ta về tội lỗi và hình phạt của nó đã sai lầm, nhưng thực tại về tình thương của Thượng đế nay có thể được nắm bắt, và do đó có thể hóa giải giáo lý tai hại về một Thượng đế phẫn nộ, Đấng đã sai Con của Ngài làm lễ đền tội cho điều ác của thế gian. Có lẽ thuyết Calvin là cách diễn giải tốt nhất và thuần khiết nhất của niềm tin [198] này, và một phát biểu ngắn gọn về giáo lý thần học ấy sẽ trình bày khái niệm này bằng những thuật ngữ dễ hiểu.

"Calvinism is built upon the dogma of the absolute sovereignty of God, including omnipotence, omniscience and eternal justice—a common Christian doctrine, but developed by Calvinists with relentless logic to extreme conclusions. Calvinism is often summarised in five points. (1) Every human being as a descendant of Adam (whom all Christians in those times supposed to be an historical character) is guilty from his birth of original sin, in addition to later sins committed in his own lifetime. A man can do nothing to remove his own sin and guilt; that can only be done by the grace of God, mercifully vouchsafed to him through the atonement of Christ, and without any merit whatever on his own part; (2) So only those certain persons can be saved (particular redemption); (3) To whom God gives an effectual calling, strengthening their wills, and enabling them to accept salvation; (4) Who shall, and who shall not be saved is thus a matter of divine election, or

"Thuyết Calvin được xây dựng trên tín điều về quyền tối thượng tuyệt đối của Thượng đế, bao gồm toàn năng, toàn tri và công lý vĩnh cửu — một giáo lý Cơ Đốc giáo phổ thông, nhưng được những người theo Calvin phát triển bằng lôgic không khoan nhượng đến những kết luận cực đoan. Thuyết Calvin thường được tóm tắt trong năm điểm. (1) Mọi con người, với tư cách là hậu duệ của Adam, người mà mọi tín đồ Cơ Đốc giáo thời ấy đều cho là một nhân vật lịch sử, đều mắc tội nguyên tổ từ khi sinh ra, thêm vào những tội lỗi về sau phạm trong đời mình. Một người không thể làm gì để xóa bỏ tội lỗi và trách nhiệm chịu tội của chính mình; điều đó chỉ có thể được thực hiện bởi ân sủng của Thượng đế, được ban một cách từ bi cho y qua sự chuộc tội của Đức Christ, và không do bất cứ công trạng nào của chính y; (2) Vì vậy chỉ những người nhất định ấy mới có thể được cứu rỗi, tức sự cứu chuộc đặc thù; (3) Những người mà Thượng đế ban cho một tiếng gọi hiệu nghiệm, củng cố ý chí của họ,

predestination; (5) God will never fail those who are his elect: they shall never fall from ultimate salvation (perseverance of the saints). Calvinists insisted with great heat, and endeavoured with much subtility to demonstrate, that their doctrine fully provides for human freedom, and that God is in no way responsible for human sin."

và giúp họ có khả năng chấp nhận sự cứu rỗi; (4) Ai sẽ và ai sẽ không được cứu rỗi do đó là vấn đề tuyển chọn thiêng liêng, hay tiền định; (5) Thượng đế sẽ không bao giờ bỏ rơi những người được Ngài tuyển chọn: họ sẽ không bao giờ mất sự cứu rỗi tối hậu, tức sự kiên trì của các thánh. Những người theo Calvin đã nhấn mạnh với nhiệt tình lớn lao, và cố gắng với nhiều tinh tế để chứng minh rằng giáo lý của họ hoàn toàn bảo đảm tự do của con người, và rằng Thượng đế tuyệt nhiên không chịu trách nhiệm về tội lỗi của con người."

'A STUDENT'S PHILOSOPHY OF RELIGION', BY WILLIAM K. WRIGHT, P. 178.

'TRIẾT HỌC TÔN GIÁO CỦA MỘT MÔN SINH', CỦA WILLIAM K. WRIGHT, TR. 178.

In view, therefore, of this emphasis upon human sinfulness, and as a result of the age-old habit of offering sacrifice to God, the true mission of Christ was long ignored. Instead of His being recognised as embodying in Himself an eternal hope for the race, He was incorporated into the ancient system of sacrifices, and the ancient habits of thought were too strong for the new idea which He came to give. Sin and sacrifice ousted and supplanted the love and service which He sought to bring to our attention through His life and His words. That is also why, from the psychological angle, Christianity has produced such sad, weary, and sin-conscious men. Christ, the sacrifice for sin, and the Cross of Christ as the [199] instrument of His death, have absorbed men's attention, whilst Christ the perfect man and Christ the Son of God have been less emphasised. The cosmic significance of the cross has been entirely forgotten (or never known) in the West.

Vì vậy, xét đến sự nhấn mạnh này vào tính tội lỗi của con người, và như kết quả của thói quen lâu đời dâng lễ hy sinh lên Thượng đế, sứ mệnh chân thật của Đức Christ đã bị phớt lờ trong thời gian dài. Thay vì được nhận ra như Đấng hiện thân trong chính Ngài một niềm hy vọng vĩnh cửu cho nhân loại, Ngài đã bị đưa vào hệ thống hiến tế cổ xưa, và các thói quen tư tưởng cổ xưa quá mạnh đối với ý tưởng mới mà Ngài đến để trao ban. Tội lỗi và hy sinh đã đẩy lùi và thay thế tình thương cùng phụng sự mà Ngài tìm cách đưa đến sự chú ý của chúng ta qua đời sống và lời nói của Ngài. Đó cũng là lý do vì sao, nhìn từ góc độ tâm lý, Cơ Đốc giáo đã tạo ra những con người buồn bã, mỏi mệt và đầy ý thức tội lỗi như thế. Đức Christ, lễ hy sinh cho tội lỗi, và Thập Giá của Đức Christ như [199] công cụ của cái chết Ngài, đã thu hút sự chú ý của con người, trong khi Đức Christ, con người hoàn hảo, và Đức Christ, Con của Thượng đế, lại ít được nhấn mạnh hơn. Ý nghĩa vũ trụ của thập giá đã hoàn toàn bị quên lãng, hoặc chưa bao giờ được biết đến, ở phương Tây.

Salvation is not primarily connected with sin. Sin is a symptom of a condition, and

Sự cứu rỗi không chủ yếu liên hệ với tội lỗi. Tội lỗi là triệu chứng của một tình trạng, và

when a man is "truly saved" that condition is offset, and with it the incidental sinful nature. It was this that Christ came to do—to show us the nature of the "saved" life; to demonstrate to us the quality of the eternal Self which is in every man; this is the lesson of the Crucifixion and the Resurrection: the lower nature must die in order that the higher may be manifested, and the eternal immortal soul in every man must rise from the tomb of matter. It is interesting to trace the idea that men must suffer in this world as the result of sin. In the East, where the doctrines of reincarnation and of karma hold sway, a man suffers for his own deeds and sins and "works out his own salvation, with fear and trembling." *(Philippians, II, 12.)* In the Jewish teaching a man suffers for the sins of his forebears and of his nation, and thus gives substance to a truth which is only today beginning to be a known fact—the truth of physical inheritance. Under the Christian teaching, Christ, the perfect man, suffers with God, because God so loved the world that, immanent in it as He is, He could not divorce Himself from the consequences of human frailty and ignorance. Thus humanity gives a purpose to pain, and thus evil is eventually defeated.

khi một người "thật sự được cứu rỗi", tình trạng ấy được hóa giải, và cùng với nó là bản chất tội lỗi đi kèm. Chính điều này Đức Christ đã đến để thực hiện — để cho chúng ta thấy bản chất của đời sống "được cứu rỗi"; để chứng minh cho chúng ta phẩm tính của Bản Ngã vĩnh cửu vốn ở trong mỗi người; đây là bài học của sự Đóng Đinh và sự Phục Sinh: bản chất thấp phải chết để bản chất cao có thể biểu lộ, và linh hồn vĩnh cửu bất tử trong mỗi người phải trỗi dậy khỏi ngôi mộ của vật chất. Thật thú vị khi truy nguyên ý tưởng rằng con người phải đau khổ trong thế giới này như kết quả của tội lỗi. Ở phương Đông, nơi các giáo lý về tái sinh và nghiệp quả chi phối, một người chịu đau khổ vì những hành vi và tội lỗi của chính mình, và "tự thực hiện sự cứu rỗi của mình, với kính sợ và run rẩy." *(Thư gửi tín hữu Philipphê, II, 12.)* Trong giáo huấn Do Thái, một người chịu đau khổ vì tội lỗi của tổ tiên và dân tộc mình, và như thế làm cho một chân lý trở nên cụ thể mà chỉ ngày nay mới bắt đầu trở thành một sự kiện được biết đến — chân lý về di truyền thể xác. Theo giáo huấn Cơ Đốc giáo, Đức Christ, con người hoàn hảo, chịu đau khổ cùng với Thượng đế, bởi vì Thượng đế yêu thương thế gian đến nỗi, nội tại trong đó như Ngài vốn là, Ngài không thể tách rời chính Ngài khỏi những hậu quả của sự yếu đuối và vô minh của con người. Như vậy nhân loại đem lại mục đích cho đau khổ, và như vậy điều ác cuối cùng bị đánh bại.

The thought and idea of sacrifice for the sins of the people was not the original and basic idea. Originally, infant humanity offered sacrifices to God to appease His wrath, displayed in the elements through storms and earthquakes and physical disasters. When, instinctively, men turned on each other, when they offended and hurt one another, and so transgressed a dimly sensed realisation of human relationships and intercourse, sacrifice was offered again to

Tư tưởng và ý tưởng về sự hy sinh vì tội lỗi của dân chúng không phải là ý tưởng nguyên thủy và căn bản. Ban đầu, nhân loại ấu thơ dâng các lễ hy sinh lên Thượng đế để xoa dịu cơn thịnh nộ của Ngài, được biểu hiện trong các nguyên tố qua bão tố, động đất và các tai họa hồng trần. Khi, theo bản năng, con người quay sang chống lại nhau, khi họ xúc phạm và gây tổn thương cho nhau, và do đó vi phạm một nhận biết còn mờ nhạt về các mối quan hệ và sự giao tiếp

God so that He too would not hurt mankind. Thus little by little [200] the idea grew until, at last, the salvation concept might be briefly summarised in the following terms:

của con người, lễ hy sinh lại được dâng lên Thượng đế để Ngài cũng sẽ không làm tổn thương nhân loại. Như thế, từng chút một [200] ý tưởng ấy lớn lên cho đến khi, sau cùng, khái niệm cứu rỗi có thể được tóm tắt ngắn gọn bằng những thuật ngữ sau:

1. Men are saved from the wrath of God in natural phenomena through animal sacrifices, preceded in still more ancient times by the sacrifice of the fruits of the earth.

1. Con người được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Thượng đế trong các hiện tượng tự nhiên nhờ các lễ hiến tế súc vật, mà trong những thời cổ xưa hơn nữa đã được đi trước bằng việc hiến tế hoa trái của đất.

2. Men are saved from God's wrath and from each other by the sacrifice of that which is valued, leading eventually to human sacrifices.

2. Con người được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Thượng đế và khỏi nhau bằng sự hy sinh những gì được quý trọng, cuối cùng dẫn đến các lễ hiến tế con người.

3. Men are saved by the sacrifice of a recognised Son of God, hence the vicarious atonement, for which the many crucified world Saviours prepared the way for Christ.

3. Con người được cứu bằng sự hy sinh của một Con của Thượng đế được công nhận, do đó có sự chuộc tội thay thế, mà nhiều Đấng Cứu Thế của thế gian từng bị đóng đinh đã chuẩn bị con đường cho Đức Christ.

4. Men are definitely saved from eternal punishment for their sins by the death of Christ upon the Cross, the sinner guilty of an unkind word being as much responsible for the death of Christ as the vilest murderer.

4. Con người chắc chắn được cứu khỏi hình phạt vĩnh cửu vì tội lỗi của mình bởi cái chết của Đức Christ trên Thập Giá, kẻ tội lỗi phạm một lời thiếu tử tế cũng chịu trách nhiệm về cái chết của Đức Christ không kém gì tên sát nhân đê tiện nhất.

5. Finally, the gradually emerging recognition that we are saved by the living risen Christ—historically presenting to us a goal, and present in each of us as the eternal omniscient soul of man.

5. Sau cùng, sự nhận biết đang dần xuất hiện rằng chúng ta được cứu bởi Đức Christ hằng sống và phục sinh — về mặt lịch sử, Ngài trình bày cho chúng ta một mục tiêu, và hiện diện trong mỗi chúng ta như linh hồn vĩnh cửu toàn tri của con người.

Today it is the risen Christ who is emerging into the forefront of men's consciousness, and because of this we are on our way towards a period of greater spirituality and a truer expression of religion than at any

Ngày nay, chính Đức Christ phục sinh đang hiện lên hàng đầu trong tâm thức con người, và vì điều này chúng ta đang trên đường tiến tới một thời kỳ có tinh thần lớn lao hơn và một biểu lộ tôn giáo chân thật hơn bất cứ

other time in the history of man. The religious consciousness is the persistent expression of the indwelling spiritual man, the Christ within; and no outer earthly happenings, and no national situations, no matter how temporarily material they may appear to be in their objectives, can dull or obliterate the Presence of God in us. We are learning that that Presence can be released in us only by the death of the lower nature, and this is what Christ has always proclaimed to us from His Cross. We are realising increasingly that the "fellowship of His sufferings" means that we mount the Cross with Him and share constantly in the Crucifixion experience. We are coming to the knowledge that the determining factor in human life is love, and that "God is love." *(I St. John, IV, 8.)* Christ came to show us that love was the motivating [201] power of the universe. He suffered and died because He loved and cared enough for human beings to demonstrate to them the Way that they must go—from the cave of Birth to the mount of Transfiguration, and on to the agony of the Crucifixion—if they too are to share in the life of humanity and become, in their turn, saviours of their fellowmen.

thời điểm nào khác trong lịch sử con người. Tâm thức tôn giáo là biểu lộ bền bỉ của con người tinh thần nội tại, Đức Christ bên trong; và không biến cố trần thế bên ngoài nào, không tình huống quốc gia nào, dù tạm thời có vẻ vật chất đến đâu trong các mục tiêu của chúng, có thể làm mờ hoặc xóa bỏ Sự Hiện Diện của Thượng đế trong chúng ta. Chúng ta đang học rằng Sự Hiện Diện ấy chỉ có thể được giải phóng trong chúng ta bằng cái chết của bản chất thấp, và đây là điều Đức Christ vẫn luôn tuyên bố với chúng ta từ Thập Giá của Ngài. Chúng ta ngày càng nhận ra rằng "sự thông công trong những đau khổ của Ngài" nghĩa là chúng ta lên Thập Giá cùng với Ngài và liên tục chia sẻ trong kinh nghiệm Đóng Đinh. Chúng ta đang đi đến tri thức rằng yếu tố quyết định trong đời sống con người là tình thương, và rằng "Thượng đế là tình thương." *(Thư thứ nhất của Thánh Gioan, IV, 8.)* Đức Christ đã đến để chỉ cho chúng ta thấy rằng tình thương là quyền năng thúc đẩy [201] của vũ trụ. Ngài chịu đau khổ và chết vì Ngài yêu thương và quan tâm đủ đến con người để chứng minh cho họ Con Đường mà họ phải đi — từ hang đá Giáng Sinh đến núi Biến hình, rồi đến cơn thống khổ của sự Đóng Đinh — nếu họ cũng muốn chia sẻ trong đời sống của nhân loại và đến lượt mình trở thành những vị cứu tinh của đồng loại.

How then shall we define sin? First let us look at the words which are used in the Bible and in theological works and commentaries dealing with the theme of sin, transgression, iniquity, evil, separation. All of these are expressions of man's relation to God and to his fellowmen and, according to the New Testament, these terms—God and our fellowmen—are interchangeable terms. What do these words mean?

Vậy chúng ta sẽ định nghĩa tội lỗi như thế nào? Trước hết, chúng ta hãy nhìn vào những từ được dùng trong Kinh Thánh và trong các tác phẩm thần học cùng các bình giải đề cập đến chủ đề tội lỗi, sự vi phạm, sự bất chính, điều ác, sự chia rẽ. Tất cả những điều này là các biểu lộ của mối quan hệ của con người với Thượng đế và với đồng loại của y, và theo Tân Ước, hai thuật ngữ này — Thượng đế và đồng loại của chúng ta — là những thuật ngữ có thể thay thế cho nhau. Những từ này có nghĩa gì?

The real meaning of the word *sin* is very obscure. It signifies literally "the one who it is." *(Webster's 'Unabridged Dictionary'.)* Literally, therefore, the one who is in existence, just in so far as he sets himself up against the divine aspect hidden in himself, is a sinner. Some words by Dr. Grensted are illuminating in this connection. He says:

Ý nghĩa thật của từ *tội lỗi* rất tối nghĩa. Theo nghĩa đen, nó biểu thị "kẻ là nó." *(Từ điển Webster không giản lược.)* Do đó, theo nghĩa đen, kẻ đang hiện hữu, đúng trong chừng mực y dựng chính mình lên chống lại phương diện thiêng liêng ẩn giấu trong chính mình, là một kẻ tội lỗi. Một vài lời của Tiến sĩ Grensted soi sáng trong mối liên hệ này. Ông nói:

" 'Men turned away from God,' says Athanasius, 'when they began to give heed to themselves.' Augustine identifies sin with the love of self. Dr. Williams has argued that the underlying principle from which sin arises is to be found in 'the self-assertion of the individual against the herd, a principle which we can only designate by the inadequate titles of selfishness, lovelessness and hate.' And Dr. Kirk declares that 'sin may be said to begin with self-regard.' "

"'Con người quay lưng khỏi Thượng đế,' Athanasius nói, 'khi họ bắt đầu chú tâm đến chính mình.' Augustine đồng nhất tội lỗi với tình yêu bản thân. Tiến sĩ Williams đã lập luận rằng nguyên lý nền tảng từ đó tội lỗi phát sinh được tìm thấy trong 'sự tự khẳng định của cá nhân chống lại bầy đàn, một nguyên lý mà chúng ta chỉ có thể gọi bằng những danh xưng bất toàn là ích kỷ, thiếu tình thương và thù ghét.' Và Tiến sĩ Kirk tuyên bố rằng 'có thể nói tội lỗi bắt đầu với sự chú ý đến bản thân.'"

'PSYCHOLOGY AND GOD', BY L. W. GRENSTED, P. 136.

'TÂM LÝ HỌC VÀ THƯỢNG ĐẾ', CỦA L. W. GRENSTED, TR. 136.

These thoughts bring us directly to the central problem of sin which is (in the last analysis) the problem of man's essential duality, before he has made the at-one-ment for which Christ stood. When man, before he awakens to his dual nature, does that which is wrong and sinful, we cannot and do not regard him as a sinner—unless we are old-fashioned [202] enough to believe in the doctrine that every man is irretrievably lost unless he is "saved" in the orthodox sense of the term. To St. James, sin is acting against knowledge, and he says "To him that knoweth to do good, and doeth it not, to him it is sin." *(St. James, IV, 17.)* There we have a real definition of sin. It is to act against light and knowledge, and with deliberation to do that which we know is wrong and

Những tư tưởng này đưa chúng ta trực tiếp đến vấn đề trung tâm của tội lỗi, mà xét đến cùng là vấn đề về tính nhị nguyên thiết yếu của con người, trước khi y đã thực hiện sự hiệp nhất mà Đức Christ đại diện. Khi con người, trước khi thức tỉnh với bản chất kép của mình, làm điều sai trái và tội lỗi, chúng ta không thể và cũng không xem y là kẻ tội lỗi — trừ phi chúng ta cổ hủ [202] đến mức tin vào giáo lý rằng mọi người đều hư mất không thể cứu vãn trừ khi y được "cứu rỗi" theo nghĩa chính thống của thuật ngữ. Đối với Thánh Giacôbê, tội lỗi là hành động chống lại tri thức, và ông nói: "Kẻ nào biết làm điều lành mà không làm, thì đối với kẻ ấy đó là tội." *(Thánh Giacôbê, IV, 17.)* Ở đó chúng ta có một định nghĩa thật về tội lỗi. Đó là hành động chống lại ánh sáng và tri

undesirable. Where there is no such knowledge there can be no sin; therefore animals are regarded as free from sin, and men acting in equal ignorance should likewise be so regarded. But the moment a man becomes aware that he is two persons in one form, that he is God and man, then responsibility steadily increases, sin becomes possible, and it is here that the mystery aspect of sin enters in. It consists in the relation between the "hidden man of the heart" *(I St. Peter, III, 4.)* and the outer, tangible man. Each has its own life and its own field of experience. Each therefore remains a mystery to the other. The at-one-ment consists in resolving the relationship between these two, and when the wishes of the "hidden man" are violated, the sin occurs.

thức, và cố ý làm điều mà chúng ta biết là sai trái và không đáng mong muốn. Nơi nào không có tri thức như thế thì không thể có tội lỗi; vì vậy loài vật được xem là không có tội, và những người hành động trong sự vô minh tương tự cũng nên được xem như vậy. Nhưng ngay khoảnh khắc một người trở nên ý thức rằng y là hai con người trong một hình tướng, rằng y là Thượng đế và con người, thì trách nhiệm tăng lên đều đặn, tội lỗi trở nên khả hữu, và chính ở đây phương diện huyền nhiệm của tội lỗi bước vào. Nó nằm trong mối quan hệ giữa "con người ẩn giấu của trái tim" *(Thư thứ nhất của Thánh Phêrô, III, 4.)* và con người bên ngoài, hữu hình. Mỗi bên có đời sống riêng và lĩnh vực kinh nghiệm riêng. Vì vậy mỗi bên vẫn là một huyền nhiệm đối với bên kia. Sự hiệp nhất nằm ở việc giải quyết mối quan hệ giữa hai bên này, và khi các ước muốn của "con người ẩn giấu" bị vi phạm, tội lỗi xảy ra.

When these two aspects of man are united and function together as a unity, and when the spiritual man controls the activities of the carnal man, sin becomes impossible, and man moves on towards greatness.

Khi hai phương diện này của con người được hợp nhất và hoạt động cùng nhau như một nhất thể, và khi con người tinh thần kiểm soát các hoạt động của con người xác thịt, tội lỗi trở nên bất khả, và con người tiến tới sự cao cả.

The word "transgression" signifies the walking across a boundary; it involves the displacing of a landmark, as it is called in Masonry, or the infringement of one of the basic principles of living. There are certain things which are recognised by all as having a controlling relation to man. Such a compilation of principles as the Ten Commandments might be cited as a case in point. They constitute the boundary which ancient custom, ordained right habits, and the social order have imposed upon the race. To step across these boundaries, which man, from experience, has himself instituted, and to which God has accorded divine

Từ "vi phạm" biểu thị việc bước qua một ranh giới; nó bao hàm việc dời một mốc giới, như cách gọi trong Hội Tam Điểm, hoặc xâm phạm một trong những nguyên lý căn bản của sự sống. Có một số điều được mọi người công nhận là có mối quan hệ kiểm soát đối với con người. Một tập hợp các nguyên lý như Mười Điều Răn có thể được nêu như một trường hợp điển hình. Chúng cấu thành ranh giới mà tập tục cổ xưa, những thói quen đúng đắn đã được thiết lập, và trật tự xã hội đã áp đặt lên nhân loại. Bước qua những ranh giới này, mà con người, từ kinh nghiệm, đã tự thiết lập, và được Thượng đế ban sự công nhận thiêng liêng, [203] là vi

recognition, [203] is to transgress, and for every transgression there is an inevitable penalty. We pay the price of ignorance every time, and thereby learn not to sin; we are penalised when we do not keep the rules, and in time we learn not to transgress them. Instinctively we keep certain rules; probably because we have often paid the price, and certainly because we care too much about our reputations and public opinion to transgress them now. There are boundaries across which the average right-minded citizen does not step. When he does, he joins the large group of sinners. Controlled action in every department of human life is the ideal, and this action must be based on right motive, be actuated by unselfish purpose, and be carried forward in the strength of the inner spiritual man, the "hidden man of the heart."

phạm, và đối với mỗi sự vi phạm đều có một hình phạt tất yếu. Mỗi lần chúng ta trả giá cho vô minh, và nhờ đó học cách không phạm tội; chúng ta bị phạt khi không giữ các quy luật, và theo thời gian chúng ta học cách không vi phạm chúng. Theo bản năng, chúng ta giữ một số quy luật; có lẽ vì chúng ta đã nhiều lần trả giá, và chắc chắn vì chúng ta quan tâm quá nhiều đến danh tiếng của mình và dư luận công chúng nên nay không vi phạm chúng. Có những ranh giới mà người công dân trung bình có tâm trí đúng đắn không bước qua. Khi y làm vậy, y gia nhập nhóm lớn những kẻ tội lỗi. Hành động được kiểm soát trong mọi lĩnh vực của đời sống con người là lý tưởng, và hành động này phải đặt nền trên động cơ đúng đắn, được thúc đẩy bởi mục đích vị tha, và được tiến hành trong sức mạnh của con người tinh thần nội tại, "con người ẩn giấu của trái tim."

"Iniquity" is a word with a seemingly innocuous meaning. It signifies simply an unevenness, an inequality. An iniquitous man is therefore technically an unbalanced man, one who tolerates some unevennesses in his daily life. A definition such as this is broadly inclusive, and even if we do not regard ourselves as sinners and transgressors, we surely come under the category of those whose lives show certain inequalities in conduct. We are not always the same. We are fluid in our expression of living. We are some days one thing and some days another, and because of this lack of balance and of equilibrium, we are *iniquitous* people in the true sense of the word. These things are good to remember, for they prevent that dire sin, self-satisfaction.

"Bất chính" là một từ có ý nghĩa dường như vô hại. Nó chỉ đơn giản biểu thị sự không đồng đều, sự không cân bằng. Do đó, về mặt kỹ thuật, một người bất chính là một người mất quân bình, một người dung thứ một số sự không đồng đều trong đời sống hằng ngày của mình. Một định nghĩa như thế có tính bao gồm rộng rãi, và ngay cả nếu chúng ta không xem mình là những kẻ tội lỗi và những kẻ vi phạm, chắc chắn chúng ta vẫn thuộc về loại những người mà đời sống biểu lộ một số sự không nhất quán trong hành vi. Chúng ta không phải lúc nào cũng như nhau. Chúng ta linh động trong biểu lộ sống của mình. Có ngày chúng ta là một điều, có ngày lại là điều khác, và vì sự thiếu cân bằng và quân bình này, chúng ta là những người *bất chính* theo nghĩa chân thật của từ này. Những điều này đáng được ghi nhớ, vì chúng ngăn ngừa tội lỗi ghê gớm ấy: sự tự mãn.

The question of evil is too large to elucidate at length, but it might be defined simply as adherence to that which we should have outgrown, the grasping of that which we should have left behind. Evil is, for the bulk of us, simply and solely an effort to identify ourselves with the form life when we have a capacity for soul consciousness; and righteousness is the steady turning of the thought and life towards the soul, leading to those activities which are spiritual and harmless and helpful. This sense of evil and this reaction to good is again latent in the relationship between the two [204] halves of man's nature—the spiritual and the strictly human. When we turn the light of our awakened consciousness into the lower nature, and then with deliberation do, "in the light," those things which are determined and vitalised from the lower levels of our existence, we are throwing the weight of our knowledge on the side of evil, and are retrogressing. It is not always expedient from the point of view of the "carnal man" to do, or to reject, certain things, and when we choose the lower, and do it, making a specific choice, then the evil which is in us is dominating.

Vấn đề điều ác quá rộng lớn để làm sáng tỏ dài dòng, nhưng có thể định nghĩa đơn giản là sự bám chặt vào điều mà lẽ ra chúng ta đã phải vượt qua, sự nắm giữ điều mà lẽ ra chúng ta đã phải bỏ lại phía sau. Đối với phần đông chúng ta, điều ác chỉ đơn giản và duy nhất là một nỗ lực đồng hóa mình với sự sống hình tướng khi chúng ta có khả năng đạt đến tâm thức linh hồn; và sự công chính là việc đều đặn xoay tư tưởng và đời sống về phía linh hồn, dẫn đến những hoạt động tinh thần, vô tổn hại và hữu ích. Ý thức về điều ác này và phản ứng này đối với điều thiện lại tiềm tàng trong mối quan hệ giữa hai [204] nửa của bản chất con người — phần tinh thần và phần thuần túy nhân loại. Khi chúng ta hướng ánh sáng của tâm thức đã thức tỉnh vào bản chất thấp, rồi cố ý làm, "trong ánh sáng", những điều được quyết định và tiếp sinh lực từ các cấp độ thấp hơn của hiện tồn chúng ta, chúng ta đang đặt sức nặng tri thức của mình về phía điều ác, và đang thụt lùi. Từ quan điểm của "con người xác thịt", không phải lúc nào cũng thuận tiện để làm, hoặc từ chối, một số điều, và khi chúng ta chọn cái thấp hơn và thực hiện nó, bằng một lựa chọn cụ thể, thì điều ác trong chúng ta đang thống trị.

It is gradually dawning on the human consciousness that a separative attitude has in it the elements of sin and of evil. When we are separative in our attitudes or do anything which produces separation, we are transgressing a fundamental law of God. What we are really doing is breaking the Law of Love, which knows no separation, but sees only unity and synthesis, brotherhood and interrelation everywhere. Herein lies our major problem. Our study in connection with sin and evil will, as Dr. Grensted tells us, serve....

Tâm thức con người đang dần nhận ra rằng một thái độ chia rẽ chứa trong nó các yếu tố của tội lỗi và điều ác. Khi chúng ta có thái độ chia rẽ hoặc làm bất cứ điều gì tạo ra sự chia rẽ, chúng ta đang vi phạm một định luật căn bản của Thượng đế. Điều chúng ta thật sự đang làm là phá vỡ Định luật Tình thương, vốn không biết đến sự chia rẽ, mà chỉ thấy sự hợp nhất và tổng hợp, tình huynh đệ và sự tương quan ở khắp nơi. Chính trong điều này có vấn đề chính yếu của chúng ta. Nghiên cứu của chúng ta liên quan đến tội lỗi và điều ác, như Tiến sĩ Grensted cho chúng ta biết, sẽ phục vụ....

"in the main to reveal the fundamental character of our problem as resulting from a failure of faith and a refusal of love. The psychologists do not escape from this view of sin when they deal with it as moral disease, for their one hope of treating such moral disease successfully rests in an attempt to awaken the latent personal resources of the ego, through processes in themselves personal. Where, as in certain of the major psychoses, this appeal cannot be made, there is no human hope of a cure. The key to psychological healing lies in *the transference* and there is the closest possible parallel between this and the Christian way of forgiveness. Both methods are wholly personal, both depend upon a readjustment of relationships which begins at priest or physician and passes out into every relationship of the social environment." [Italics are mine. A.A.B.]

"chủ yếu để mặc khải đặc tính căn bản của vấn đề chúng ta như phát sinh từ sự thất bại của đức tin và sự khước từ tình thương. Các nhà tâm lý học không thoát khỏi quan điểm này về tội lỗi khi họ đề cập đến nó như một bệnh lý đạo đức, vì hy vọng duy nhất của họ trong việc điều trị thành công bệnh lý đạo đức như thế đặt trên một nỗ lực đánh thức các nguồn lực cá nhân tiềm tàng của cái tôi, qua những tiến trình tự chúng mang tính cá nhân. Nơi nào, như trong một số rối loạn tâm thần lớn, lời kêu gọi này không thể được thực hiện, nơi đó không có hy vọng chữa lành nào của con người. Chìa khóa của việc chữa lành tâm lý nằm trong *sự chuyển di*, và có sự tương đồng gần gũi nhất có thể giữa điều này và con đường tha thứ của Cơ Đốc giáo. Cả hai phương pháp đều hoàn toàn mang tính cá nhân, cả hai đều tùy thuộc vào một sự điều chỉnh lại các mối quan hệ, bắt đầu nơi linh mục hoặc thầy thuốc và lan ra mọi mối quan hệ của môi trường xã hội." [Chữ nghiêng là của tôi. A.A.B.]

'PSYCHOLOGY AND GOD', BY L. W. GRENSTED, P. 199.

'TÂM LÝ HỌC VÀ THƯỢNG ĐẾ', CỦA L. W. GRENSTED, TR. 199.

The sense of responsibility for one's actions grows as one progresses from stage to stage upon the Path of Evolution. [205] In the early stages there is little or no responsibility. There is little or no knowledge, no sense of relationship to God, and very little sense of relationship to humanity. It is this sense of separateness, this emphasis upon personal and individual good, which is of the nature of sin. Love is unity, at-one-ment and synthesis. Separateness is hatred, aloneness and division. But man, being divine in nature, has to love, and the trouble has been that he has loved wrongly. In the early stages of his development he places his love in the wrong direction, and turning his back on the love of

Ý thức trách nhiệm đối với các hành động của mình tăng trưởng khi người ta tiến từ giai đoạn này sang giai đoạn khác trên Con Đường Tiến Hóa. [205] Trong các giai đoạn đầu, có rất ít hoặc không có trách nhiệm. Có rất ít hoặc không có tri thức, không có ý thức về mối quan hệ với Thượng đế, và rất ít ý thức về mối quan hệ với nhân loại. Chính ý thức về sự tách biệt này, sự nhấn mạnh này vào điều tốt cá nhân và riêng tư, mang bản chất của tội lỗi. Tình thương là sự hợp nhất, sự hiệp nhất và tổng hợp. Sự tách biệt là thù ghét, đơn độc và chia rẽ. Nhưng con người, vì có bản chất thiêng liêng, phải yêu thương, và rắc rối là y đã yêu sai lầm. Trong các giai đoạn đầu của sự phát triển, y đặt tình thương của mình sai hướng, và quay lưng lại

God, which is of the very nature of his own soul, he loves that which is connected with the form side of life, and not with the life side of form.

với tình thương của Thượng đế, vốn chính là bản chất của linh hồn y, y yêu điều gắn liền với mặt hình tướng của sự sống, chứ không phải với mặt sự sống của hình tướng.

Sin is therefore a definite infringement of the Law of Love, as we show it in our relation with God or with our brother, a son of God. It is the doing of those things from purely selfish interest which brings suffering to those we have in our immediate surroundings, or to the group with which we may be affiliated—a family group, a social group, a business group, or just the group of human beings with whom our general destiny casts us.

Vì vậy, tội lỗi là một sự xâm phạm rõ ràng Định luật Tình thương, như chúng ta biểu lộ nó trong mối quan hệ của mình với Thượng đế hoặc với huynh đệ của mình, một người Con của Thượng đế. Đó là việc làm những điều do lợi ích hoàn toàn ích kỷ, gây đau khổ cho những người ở ngay quanh chúng ta, hoặc cho nhóm mà chúng ta có thể liên kết — một nhóm gia đình, một nhóm xã hội, một nhóm kinh doanh, hoặc chỉ là nhóm những con người mà vận mệnh chung của chúng ta đưa chúng ta đến với họ.

This brings us to the realisation that, in the last analysis, sin signifies wrong relation to other human beings. It was the sense of this wrong relation which in the early days of man's history gave rise to the sacrifice of worldly goods upon the altar, for primitive man seemed to feel that by making an offering to God he succeeded in making redemption of his character possible with his fellowmen.

Điều này đưa chúng ta đến nhận thức rằng, xét đến cùng, tội lỗi biểu thị mối quan hệ sai lầm với những con người khác. Chính ý thức về mối quan hệ sai lầm này trong những ngày đầu của lịch sử con người đã làm phát sinh việc hiến dâng của cải thế gian trên bàn thờ, vì con người nguyên thủy dường như cảm thấy rằng bằng cách dâng lễ vật lên Thượng đế, y đã thành công trong việc làm cho sự cứu chuộc tính cách của mình trở nên khả hữu với đồng loại.

It is beginning to dawn upon the race today that the only real sin is to hurt another human being. Sin is the misuse of our relationships with each other, and there is no evading these relationships. They exist. We live in a world of men, and our lives are spent in contact with other human beings. The way in which we handle this daily problem demonstrates either our divinity or our erring lower nature. Our task in life is to express divinity. And that divinity manifests itself [206] in the same way that the divinity of Christ expressed itself; in harmless living and ceaseless service to our fellowmen; in a

Ngày nay, nhân loại bắt đầu nhận ra rằng tội lỗi thật sự duy nhất là làm tổn thương một con người khác. Tội lỗi là sự lạm dụng các mối quan hệ của chúng ta với nhau, và không thể né tránh các mối quan hệ này. Chúng hiện hữu. Chúng ta sống trong một thế giới của con người, và đời sống của chúng ta trôi qua trong tiếp xúc với những con người khác. Cách chúng ta xử lý vấn đề hằng ngày này chứng minh hoặc thiên tính của chúng ta, hoặc bản chất thấp sai lầm của chúng ta. Nhiệm vụ của chúng ta trong đời là biểu lộ thiên tính. Và thiên tính ấy biểu lộ [206] theo cùng cách mà thiên tính của Đức

careful watchfulness over words and deeds lest in any way we should "offend one of these little ones"; *(St. Luke, XVII, 2.)* in the sharing with Christ of the urgency which He felt to meet the world's need and to act the part of a saviour to men. It is gloriously true that this basic concept of Deity is beginning to grip humanity.

Christ đã biểu lộ; trong đời sống vô tổn hại và sự phụng sự không ngừng đối với đồng loại; trong sự canh chừng cẩn trọng lời nói và hành động để bằng bất cứ cách nào chúng ta cũng không "làm vấp phạm một trong những kẻ bé nhỏ này"; *(Thánh Luca, XVII, 2.)* trong việc chia sẻ với Đức Christ tính khẩn thiết mà Ngài cảm thấy để đáp ứng nhu cầu của thế giới và đảm nhiệm vai trò một vị cứu tinh cho con người. Thật vinh quang thay khi đúng là khái niệm căn bản này về Thượng đế đang bắt đầu nắm giữ nhân loại.

Christ's major task was the establishing of God's kingdom upon earth. He showed us the way in which humanity could enter that kingdom—by subjecting the lower nature to the death of the cross, and rising by the power of the indwelling Christ. Each one of us has to tread the way of the cross alone, and enter God's kingdom by right of achievement. But the way is found in service to our fellowmen, and Christ's death, viewed from one angle, was the logical outcome of the service which He had rendered. Service, pain, difficulty and the cross—such are the rewards of the man who puts humanity first and himself second. But having done so, he discovers that the door into the kingdom is flung wide open and that he can enter in. But he has first to suffer. It is the Way.

Nhiệm vụ chính yếu của Đức Christ là thiết lập Thiên Giới trên Trái Đất. Ngài đã chỉ cho chúng ta cách nhân loại có thể bước vào giới ấy — bằng cách đặt bản chất thấp dưới cái chết của thập giá, và trỗi dậy nhờ quyền năng của Đức Christ nội tại. Mỗi người trong chúng ta phải một mình bước trên con đường thập giá, và bước vào Thiên Giới bằng quyền của thành tựu. Nhưng con đường được tìm thấy trong sự phụng sự đồng loại, và cái chết của Đức Christ, nhìn từ một góc độ, là kết quả hợp lý của sự phụng sự mà Ngài đã thực hiện. Phụng sự, đau khổ, khó khăn và thập giá — đó là các phần thưởng của người đặt nhân loại lên trước và bản thân mình ở sau. Nhưng khi đã làm như vậy, y khám phá rằng cánh cửa vào Thiên Giới mở rộng, và y có thể bước vào. Nhưng trước hết y phải chịu đau khổ. Đó là Con Đường.

It is through supreme service and sacrifice that we become followers of Christ and earn the right to enter into His kingdom, because we do not enter alone. This is the subjective element in all religious aspiration, and this all the sons of God have grasped and taught. Man triumphs through death and sacrifice.

Chính qua phụng sự và hy sinh tối thượng mà chúng ta trở thành những người theo Đức Christ và giành được quyền bước vào Thiên Giới của Ngài, bởi vì chúng ta không bước vào một mình. Đây là yếu tố chủ quan trong mọi khát vọng tôn giáo, và điều này tất cả các Con của Thượng đế đều đã nắm bắt và giảng dạy. Con người chiến thắng qua cái chết và sự hy sinh.

That superhuman Spirit, Christ, did this perfectly. In Him was no sin because He had perfectly transcended the ephemeral lower self. His personality was subordinated to His divinity. The laws of transgression touched Him not, because He crossed no boundaries and infringed no principles. He embodied in Himself the principle of love and therefore it was not possible for Him, at the stage in evolution [207] which He had reached, to hurt a human being. He was perfectly balanced and had achieved that equilibrium which released Him from all lower impacts and set Him free to ascend to the throne of God. For Him there was no holding on to the lower and to that which was humanly desirable but divinely rejected. Evil therefore passed Him by, and he had no traffic with it. "He was in all points tempted like as we are, yet without sin." *(Hebrews, IV, 15.)* He knew no separateness. Rich men, publicans, fishermen, learned professors, harlots and simple folk were all His friends, and the "great heresy of separateness" was completely overcome by His all-inclusive spirit. Thus He fulfilled the law of the past, emphasised the type for the humanity of the future, and entered for us within the veil, leaving us an example that we should follow His steps—an example of sacrifice unto the death, of service rendered ceaselessly, of self-forgetfulness, and of a heroism that led Him from point to point upon the way, and from altitude to altitude, until no bonds could hold Him (not even the barriers of death). He remains the eternal God-Man, the Saviour of the world. In perfection He fulfilled the will of God, and said to us the words which give us a simple rule with a great reward: "If any man will do his will, he shall know of the doctrine, whether it be of God." *(St. John, VII, 17.)*

Đấng Tinh thần siêu nhân ấy, Đức Christ, đã thực hiện điều này một cách hoàn hảo. Trong Ngài không có tội lỗi vì Ngài đã hoàn toàn vượt lên trên phàm ngã phù du. Phàm ngã của Ngài được đặt dưới thiên tính của Ngài. Các luật của sự vi phạm không chạm đến Ngài, vì Ngài không vượt qua ranh giới nào và không xâm phạm nguyên lý nào. Ngài hiện thân trong chính Ngài nguyên lý tình thương, và vì vậy, ở giai đoạn tiến hóa [207] mà Ngài đã đạt đến, Ngài không thể làm tổn thương một con người. Ngài hoàn toàn cân bằng và đã đạt được sự quân bình giải phóng Ngài khỏi mọi tác động thấp và làm Ngài tự do thăng lên ngai của Thượng đế. Đối với Ngài, không có sự bám giữ vào điều thấp và vào điều đáng mong muốn theo nhân tính nhưng bị bác bỏ theo thiên tính. Vì vậy điều ác đi ngang qua Ngài, và Ngài không giao thiệp gì với nó. "Ngài đã chịu cám dỗ trong mọi phương diện như chúng ta, nhưng không phạm tội." *(Thư gửi tín hữu Do Thái, IV, 15.)* Ngài không biết đến sự tách biệt. Người giàu, người thu thuế, ngư phủ, các giáo sư uyên bác, kỹ nữ và những người đơn sơ đều là bạn của Ngài, và "Đại Tà thuyết về sự chia rẽ" đã được vượt qua hoàn toàn bởi tinh thần bao gồm tất cả của Ngài. Như thế Ngài đã hoàn thành luật của quá khứ, nhấn mạnh kiểu mẫu cho nhân loại tương lai, và vì chúng ta bước vào bên trong bức màn, để lại cho chúng ta một gương mẫu hầu chúng ta theo dấu chân Ngài — một gương mẫu về hy sinh cho đến chết, về phụng sự được thực hiện không ngừng, về sự quên mình, và về một chủ nghĩa anh hùng đã dẫn Ngài từ điểm này đến điểm khác trên con đường, và từ cao độ này đến cao độ khác, cho đến khi không xiềng xích nào có thể giữ Ngài, ngay cả những rào chắn của cái chết. Ngài vẫn là Thượng đế-Người vĩnh cửu, Đấng Cứu Thế của thế gian. Trong sự hoàn hảo, Ngài đã hoàn thành Ý Chí của Thượng Đế, và nói với chúng ta những lời ban cho

chúng ta một quy luật đơn giản với một phần thưởng lớn lao: "Nếu ai muốn làm theo ý muốn của Ngài, người ấy sẽ biết giáo lý này có phải bởi Thượng đế hay không." *(Thánh Gioan, VII, 17.)*

The simplicity of this instruction is almost baffling. We are told simply to do God's will and then truth will be revealed to us. There were times in Christ's life, as in the Garden of Gethsemane, when He fought with Himself to do God's will. There were moments when His human flesh quailed before the prospect which opened up before Him. He therefore knew the difficulty of this simple rule.

Sự đơn giản của lời chỉ dạy này gần như làm chúng ta bối rối. Chúng ta chỉ đơn giản được bảo hãy làm theo Ý Chí của Thượng Đế, rồi chân lý sẽ được mặc khải cho chúng ta. Đã có những thời điểm trong đời Đức Christ, như trong Vườn Gethsemane, khi Ngài đấu tranh với chính mình để làm theo Ý Chí của Thượng Đế. Đã có những khoảnh khắc khi xác thịt nhân loại của Ngài run sợ trước viễn cảnh mở ra trước Ngài. Vì vậy Ngài biết sự khó khăn của quy luật đơn giản này.

3

3

In turning our attention to the story of the Crucifixion it is obvious that there is no need to recount the details of it. [208] It is so well known and so familiar that the words in which it is couched are apt to mean little. The tale of Christ's triumphant entry into Jerusalem, of His gathering the disciples together into the upper room, and there sharing with them the communion of bread and of wine and of the desertion of those who supposedly loved Him, with His subsequent agony in the Garden of Gethsemane, is as familiar to us as our own names, and much less arresting. That is the tragedy of Christ. He did so much, and we have recognised so little. It has taken us twenty centuries to begin to understand Him and His mission and career. The Crucifixion itself was only an anticipated and expected consummation of that career. No other end was possible. It was predetermined from the beginning, and really dated from the time when, after the Baptism initiation, He started out to serve

Khi hướng sự chú ý của chúng ta đến câu chuyện Đóng Đinh, rõ ràng không cần kể lại các chi tiết của nó. [208] Nó quá nổi tiếng và quá quen thuộc đến nỗi những lời trong đó nó được diễn đạt dễ trở nên ít ý nghĩa. Câu chuyện về việc Đức Christ khải hoàn vào Jerusalem, về việc Ngài quy tụ các đệ tử trong căn phòng trên lầu, và tại đó chia sẻ với họ lễ hiệp thông bằng bánh và rượu, rồi về sự bỏ rơi của những người được cho là yêu mến Ngài, cùng cơn thống khổ tiếp theo của Ngài trong Vườn Gethsemane, quen thuộc với chúng ta như chính tên mình, và kém gây chấn động hơn nhiều. Đó là bi kịch của Đức Christ. Ngài đã làm quá nhiều, còn chúng ta nhận ra quá ít. Chúng ta đã mất hai mươi thế kỷ mới bắt đầu thấu hiểu Ngài cùng sứ mệnh và sự nghiệp của Ngài. Chính sự Đóng Đinh chỉ là sự viên mãn đã được dự liệu và mong đợi của sự nghiệp ấy. Không thể có kết thúc nào khác. Nó đã được định trước từ ban đầu, và thật sự bắt đầu từ lúc, sau lần điểm đạo Rửa Tội, Ngài khởi sự phụng sự nhân loại, dạy dỗ và rao giảng tin

humanity, and to teach and preach the good tidings of the kingdom of God. That was His theme, and we have forgotten it and have preached the Personality of Jesus Christ—one theme which He Himself ignored and which seemed to Him of small importance in view of the greater values involved. This again is the tragedy of Christ. He has one set of values and the world has another.

mừng về Thiên Giới. Đó là chủ đề của Ngài, còn chúng ta đã quên nó và đã rao giảng Phàm ngã của Đức Jesus Christ — một chủ đề mà chính Ngài đã bỏ qua và dường như đối với Ngài chỉ có tầm quan trọng nhỏ bé trước những giá trị lớn lao hơn liên hệ. Đây lại là bi kịch của Đức Christ. Ngài có một hệ giá trị, còn thế gian có một hệ khác.

We have made of the Crucifixion a tragedy, whereas the real tragedy was our failure to recognise its true significance. The agony in the Garden of Gethsemane was based upon the fact that He was not understood. Many men have died violent deaths. In this, Christ was in no wise different from thousands of other far-seeing men and reformers, down the ages. Many people have passed through the Gethsemane experience and prayed with the same fervour as Christ that God's will might be done. Many men have been deserted by those who might have been expected to understand and participate in the work and service visioned. In none of these respects was Christ really unique. But His suffering was based upon His unique vision. The lack of comprehension of the people, and the distorted interpretations which future theologians would give to His message must surely have been a part of [209] the pre-vision, as likewise the knowledge that the emphasis accorded to Him as the Saviour of the world would retard for centuries the materialising of the kingdom of God on earth, which it was His mission to found. Christ came that all mankind might have "life ... more abundantly." *(St. John, X, 10.)* We have so interpreted His words that only the "saved" are credited with having taken the necessary steps towards that life. But the abundant life is surely not a life to be lived hereafter, in some distant heaven where those who are believers shall enjoy an exclusive life of

Chúng ta đã biến sự Đóng Đinh thành một bi kịch, trong khi bi kịch thật sự là sự thất bại của chúng ta trong việc nhận ra thâm nghĩa chân thật của nó. Cơn thống khổ trong Vườn Gethsemane đặt nền trên sự kiện rằng Ngài không được thấu hiểu. Nhiều người đã chết những cái chết bạo lực. Trong điều này, Đức Christ tuyệt nhiên không khác hàng ngàn người có tầm nhìn xa và các nhà cải cách khác qua các thời đại. Nhiều người đã đi qua kinh nghiệm Gethsemane và cầu nguyện với cùng nhiệt thành như Đức Christ rằng Ý Chí của Thượng Đế được thực hiện. Nhiều người đã bị bỏ rơi bởi những người lẽ ra có thể được trông đợi là thấu hiểu và tham dự vào công việc cùng sự phụng sự đã được hình dung. Trong không phương diện nào như thế Đức Christ thật sự độc nhất. Nhưng nỗi đau khổ của Ngài đặt nền trên tầm nhìn độc nhất của Ngài. Sự thiếu thấu hiểu của dân chúng, và những diễn giải méo mó mà các nhà thần học tương lai sẽ gán cho thông điệp của Ngài, chắc chắn phải là một phần của [209] linh ảnh tiên tri, cũng như sự biết rằng sự nhấn mạnh dành cho Ngài như Đấng Cứu Thế của thế gian sẽ trì hoãn qua nhiều thế kỷ việc hiện hình Thiên Giới trên Trái Đất, vốn là sứ mệnh Ngài đến để thiết lập. Đức Christ đã đến để toàn thể nhân loại có "sự sống... dồi dào hơn." *(Thánh Gioan, X, 10.)* Chúng ta đã diễn giải lời Ngài đến mức chỉ những người "được cứu rỗi" mới được công nhận là đã thực hiện các bước cần thiết hướng tới sự sống ấy. Nhưng sự sống dồi dào chắc chắn không phải là một đời sống sẽ được sống về

happiness, whilst the rest of God's children are left outside. The Cross was intended to indicate the line of demarcation between the kingdom of men and the kingdom of God, between one great kingdom in nature which had reached maturity, and another kingdom in nature which could now enter upon its cycle of activity. The human kingdom had evolved to the point where it had produced the Christ and those other children of God whose lives bore constant testimony to the divine nature.

sau, trong một thiên đường xa xôi nào đó, nơi những người tin sẽ hưởng một đời sống hạnh phúc độc quyền, trong khi phần còn lại của con cái Thượng đế bị bỏ lại bên ngoài. Thập Giá được dự định để chỉ ra đường phân giới giữa giới của con người và Thiên Giới, giữa một giới lớn trong thiên nhiên đã đạt tới sự trưởng thành, và một giới khác trong thiên nhiên nay có thể bước vào chu kỳ hoạt động của nó. Giới nhân loại đã tiến hóa đến điểm nó đã sản sinh ra Đức Christ và những người con khác của Thượng đế, mà đời sống của họ liên tục làm chứng cho bản chất thiêng liêng.

Christ assumed the ancient symbol and burden of the cross, and, taking His stand beside all the previous crucified Saviours, embodied in Himself the immediate and the cosmic, the past and the future, rearing the Cross on the hill outside Jerusalem (the name of which signifies the "vision of peace"), thus calling attention to the kingdom which He died to establish. The work had been completed, and in that strange little country called the Holy Land, a narrow strip of territory between the two hemispheres, the East and the West, the Orient and the Occident, Christ mounted the Cross and fixed the boundary between the kingdom of God and the kingdoms of the world, between the world of men and the world of Spirit. Thus He brought to a climax the ancient Mysteries, which had prophesied the coming of that kingdom, and instituted the Mysteries of the kingdom of God.

Đức Christ đã đảm nhận biểu tượng cổ xưa và gánh nặng của thập giá, và, đứng bên cạnh tất cả các Đấng Cứu Thế bị đóng đinh trước đó, Ngài hiện thân trong chính Ngài điều tức thời và điều vũ trụ, quá khứ và tương lai, dựng Thập Giá trên ngọn đồi bên ngoài Jerusalem, tên gọi ấy biểu thị "tầm nhìn của hòa bình", qua đó kêu gọi sự chú ý đến Thiên Giới mà Ngài đã chết để thiết lập. Công việc đã hoàn tất, và trong xứ sở nhỏ bé lạ thường ấy được gọi là Thánh Địa, một dải lãnh thổ hẹp giữa hai bán cầu, phương Đông và phương Tây, Đông phương và Tây phương, Đức Christ đã lên Thập Giá và xác lập ranh giới giữa Thiên Giới và các vương quốc của thế gian, giữa thế giới của con người và thế giới của Tinh thần. Như thế Ngài đưa các Bí Nhiệm cổ xưa, vốn đã tiên tri sự xuất hiện của Thiên Giới ấy, đến cao điểm, và thiết lập các Bí Nhiệm của Thiên Giới.

The effort to carry out to perfection the will of God brought to an end the most complete life that had been lived on earth. The attempt to found the kingdom, preordained [210] for all time, and the antagonism it evoked, brought Christ to the place of crucifixion. The hardness of men's hearts,

Nỗ lực thực hiện đến mức hoàn hảo Ý Chí của Thượng Đế đã kết thúc đời sống trọn vẹn nhất từng được sống trên Trái Đất. Nỗ lực thiết lập Thiên Giới, đã được tiền định [210] cho mọi thời, và sự đối kháng mà nó khơi dậy, đã đưa Đức Christ đến nơi đóng đinh. Sự cứng cỏi của trái tim con người, sự yếu ớt

the weakness of their love, and their failure to see the vision, broke the heart of the Saviour of the world—a Saviour because He opened the door into the kingdom.

của tình thương họ, và sự thất bại của họ trong việc thấy tầm nhìn, đã làm tan nát trái tim của Đấng Cứu Thế của thế gian — một Đấng Cứu Thế vì Ngài đã mở cánh cửa vào Thiên Giới.

It is time that the Church woke up to its true mission, which is to materialise the kingdom of God on earth, today, here and now. The time is past wherein we can emphasise a future and coming kingdom. People are no longer interested in a possible heavenly state or a probable hell. They need to learn that the kingdom is here, and must express itself on earth; it consists of those who do the will of God at any cost, as Christ did, and who can love one another as Christ loved us. The way into that kingdom is the way that Christ trod. It involves the sacrifice of the personal self for the good of the world, and the service of humanity instead of the service of one's own desires. In the course of enunciating these new truths concerning love and service Christ lost his life. Canon Streeter tells us that "the significance and value of the death of Christ springs from its inner quality. It is the expression in external act of a freely chosen self-dedication, ungrudging, and without reserve, to the highest service of God and man. The suffering incidental to such self-offering is morally creative." *('The Buddha and the Christ', by B. H. Streeter, p. 215.)*

Đã đến lúc Giáo hội phải thức tỉnh trước sứ mệnh đích thực của mình, đó là hiện hình Thiên Giới trên trái đất, hôm nay, tại đây và ngay bây giờ. Thời kỳ chúng ta có thể nhấn mạnh đến một Thiên Giới tương lai và sắp đến đã qua rồi. Con người không còn quan tâm đến một trạng thái thiên đàng khả hữu hay một địa ngục có thể có. Họ cần học biết rằng Thiên Giới đang ở đây, và phải biểu lộ trên trái đất; Thiên Giới ấy gồm những người thực hiện Ý Chí của Thượng Đế bằng mọi giá, như Đức Christ đã làm, và những người có thể thương yêu nhau như Đức Christ đã thương yêu chúng ta. Con đường vào Thiên Giới ấy là con đường mà Đức Christ đã bước đi. Nó bao hàm sự hi sinh cái ngã cá nhân vì lợi ích của thế giới, và sự phụng sự nhân loại thay vì phụng sự các dục vọng riêng của mình. Trong khi công bố những chân lý mới này về tình thương và phụng sự, Đức Christ đã mất mạng sống của Ngài. Giáo sĩ Streeter nói với chúng ta rằng "thâm nghĩa và giá trị của cái chết của Đức Christ phát sinh từ phẩm tính bên trong của nó. Đó là sự biểu hiện trong hành động bên ngoài của một sự tự hiến được tự do chọn lựa, không miễn cưỡng và không dè giữ, cho sự phụng sự cao cả nhất đối với Thượng Đế và con người. Nỗi đau khổ đi kèm với sự tự hiến như thế có tính sáng tạo về mặt đạo đức." *('Đức Phật và Đức Christ', của B. H. Streeter, tr. 215.)*

Is it not, perhaps, a fact that the Crucifixion of Christ, with its great preceding events—the communion and the Gethsemane experience—is a tragedy which has its basis in the conflict between love and hate? It is not the intention of this book to belittle the

Có lẽ nào việc Đức Christ chịu Đóng Đinh, cùng với những biến cố trọng đại đi trước—tiệc thánh và kinh nghiệm tại vườn Gethsemane—lại là một bi kịch có nền tảng trong cuộc xung đột giữa tình thương và hận thù chăng? Quyển sách này không có ý hạ

world event which took place upon Calvary. But today as one looks back upon that event, a certain truth begins to emerge, and this is that we have interpreted that sacrifice and that death in purely selfish terms. We are concerned with our individual interest in the matter. We have emphasised the importance of our individual salvation and feel it to be of tremendous importance. But the world view and what Christ was destined to [211] do for humanity down the ages, and the attitude of God towards human beings from the earliest times, through the period of Christ's life in Palestine and on until the present time, are subordinated to the factor of our belief or non-belief in the efficacy of the Crucifixion upon Calvary to save our individual souls. Yet in His conversation with the repentant thief Christ admitted him into the kingdom of God on the basis of his recognition of divinity. Christ had not yet died, and the blood sacrifice of Christ had not yet been made. It was almost as if Christ had foreseen the turn which theology would give to His death, and endeavoured to offset it by making the recognition of the dying thief one of the outstanding events at His death. He made no reference to the remission of sins through His blood as the reason for that admission.

thấp biến cố thế giới đã xảy ra trên đồi Calvary. Nhưng ngày nay, khi nhìn lại biến cố ấy, một chân lý nào đó bắt đầu hiện ra, đó là chúng ta đã diễn giải sự hi sinh và cái chết ấy bằng những thuật ngữ hoàn toàn ích kỷ. Chúng ta quan tâm đến lợi ích cá nhân của mình trong vấn đề này. Chúng ta đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự cứu rỗi cá nhân và cảm thấy điều đó có ý nghĩa vô cùng lớn lao. Nhưng quan điểm thế giới, điều Đức Christ đã được định sẵn để [211] thực hiện cho nhân loại qua các thời đại, và thái độ của Thượng Đế đối với con người từ những thời kỳ sớm nhất, xuyên qua giai đoạn đời sống của Đức Christ tại Palestine và tiếp tục cho đến hiện nay, đều bị đặt thấp hơn yếu tố niềm tin hay sự không tin của chúng ta vào hiệu lực của việc Đóng Đinh trên đồi Calvary để cứu rỗi các linh hồn cá nhân của chúng ta. Thế nhưng, trong cuộc đối thoại với người trộm biết ăn năn, Đức Christ đã thâu nhận y vào Thiên Giới trên cơ sở sự nhận biết thiên tính của y. Đức Christ khi ấy chưa chết, và sự hi sinh bằng máu của Đức Christ khi ấy chưa được thực hiện. Gần như Đức Christ đã thấy trước hướng đi mà thần học sẽ gán cho cái chết của Ngài, và đã cố gắng hóa giải điều đó bằng cách làm cho sự nhận biết của người trộm sắp chết trở thành một trong những biến cố nổi bật khi Ngài chết. Ngài không hề nhắc đến việc xóa tội nhờ máu của Ngài như lý do cho sự thâu nhận ấy.

The real issue was the issue between love and hate. Only St. John, the beloved Apostle, the one closest to Jesus, really understood; and in his Epistles the emphasis is entirely upon love, and the usual orthodox interpretation is nowhere to be found. Just love and hate; the desire to live as children of God and the inclination to live as ordinary human beings: herein lies the distinction between the citizen of the kingdom of God and a member of the human family. It was love which Christ endeavoured to express,

Vấn đề thực sự là vấn đề giữa tình thương và hận thù. Chỉ Thánh John, vị Tông đồ được yêu mến, người gần gũi nhất với Đức Jesus, mới thật sự thấu hiểu; và trong các Thư của ông, trọng tâm hoàn toàn đặt vào tình thương, còn lối diễn giải chính thống quen thuộc thì không thấy đâu cả. Chỉ là tình thương và hận thù; ước muốn sống như con cái của Thượng Đế và khuynh hướng sống như những con người bình thường: chính trong đó có sự phân biệt giữa công dân của Thiên Giới và một thành viên của gia đình

but it is hate and separation and war, culminating in the World War, which have characterised the official rendering of His teaching, down the age. Christ died in order to bring to our notice that the way into the kingdom of God was the way of love and of service. He served and loved and wrought miracles, and gathered together the poor and the hungry. He fed them, and sought in every possible way to call attention to the principle of love as the major characteristic of divinity, only to find that this life of loving service brought Him trouble and eventually the death of the Cross.

nhân loại. Chính tình thương là điều Đức Christ đã cố gắng biểu lộ, nhưng hận thù, chia rẽ và chiến tranh, đạt đến cao điểm trong Thế Chiến, mới là những gì đã đặc trưng cho sự trình bày chính thức giáo huấn của Ngài qua các thời đại. Đức Christ đã chết để đưa chúng ta nhận thấy rằng con đường vào Thiên Giới là con đường của tình thương và phụng sự. Ngài đã phụng sự, đã thương yêu, đã làm các phép lạ, và đã quy tụ những người nghèo cùng những kẻ đói khát. Ngài đã nuôi họ, và tìm mọi cách có thể để kêu gọi sự chú ý đến nguyên khí tình thương như đặc tính chính yếu của thiên tính, để rồi nhận ra rằng đời sống phụng sự đầy tình thương ấy đã đem đến cho Ngài phiền não và cuối cùng là cái chết trên Thập Giá.

We have fought for the theological doctrine of the Virgin Birth. We have fought over the doctrines whereby men shall be saved. We have fought over the subject of baptism, and [212] over the atonement. We have fought over the fact and the denial of immortality, and what man must do in order to be raised from the dead. We have regarded half the world as lost and only the Christian believer as saved, yet all the time Christ has told us that love is the way into the kingdom, and that the fact of the presence of divinity in each of us makes us eligible for that kingdom. We have omitted to realise that the "vicarious atonement is the harmonising of the disharmony of others by the power of a spiritual presence, which brings about the great transmutation; evil is absorbed and transmuted into good or equilibrised." *('Some Mystical Adventures', by G. R. S. Mead, p. 161.)* This constitutes the endeavour of Christ, and the fact of His Presence is the harmonising medium in life. *Men are not saved by belief in the formulation of a theological dogma, but by the fact of His living Presence, of the living immediate Christ.* It is the realisation of the fact of the presence

Chúng ta đã tranh đấu vì giáo lý thần học về Sự Sinh Ra bởi Đồng Trinh. Chúng ta đã tranh cãi về các giáo lý nhờ đó con người sẽ được cứu rỗi. Chúng ta đã tranh cãi về vấn đề phép rửa, và [212] về sự chuộc tội. Chúng ta đã tranh cãi về sự thật và sự phủ nhận tính bất tử, và về điều con người phải làm để được nâng dậy từ cõi chết. Chúng ta đã xem một nửa thế giới là hư mất và chỉ người tín hữu Cơ Đốc là được cứu, thế nhưng suốt thời gian ấy Đức Christ đã nói với chúng ta rằng tình thương là con đường vào Thiên Giới, và rằng sự kiện về sự hiện diện của thiên tính trong mỗi người chúng ta khiến chúng ta đủ tư cách vào Thiên Giới ấy. Chúng ta đã không nhận ra rằng "sự chuộc tội thay thế là sự điều hòa điều bất hòa của người khác bằng quyền năng của một sự hiện diện tinh thần, vốn đem lại cuộc chuyển hoá lớn lao; điều ác được hấp thu và chuyển hoá thành điều thiện hoặc được quân bình hóa." *('Một Vài Cuộc Phiêu Lưu Thần Bí', của G. R. S. Mead, tr. 161.)* Điều này cấu thành nỗ lực của Đức Christ, và sự kiện về Sự Hiện Diện của Ngài là phương tiện điều hòa trong đời sống. *Con người không được cứu rỗi nhờ niềm tin vào công thức của một giáo điều thần học, mà nhờ*

of God in the human heart which is the basis of the mystical vision, while the knowledge that one is a son of God gives one the strength to follow the Saviour's footsteps from Bethlehem to Calvary. That which will eventually reorganise our human life is the presence in the world of those who know Christ as their example, and recognise that they possess the same divine life, just as the affirmation of the basic law of the kingdom of God, the Law of Love, will finally save the world. It is the substitution of the life of Christ for the life of the world, the flesh and the devil, which will inject a meaning and a value into life.

sự kiện về Sự Hiện Diện sống động của Ngài, về Đức Christ sống động đang hiện diện. Chính sự nhận biết sự kiện về sự hiện diện của Thượng Đế trong trái tim con người là nền tảng của linh ảnh thần bí, trong khi sự hiểu biết rằng mình là một người con của Thượng Đế ban cho người ấy sức mạnh để bước theo dấu chân của Đấng Cứu Thế từ Bethlehem đến Calvary. Điều cuối cùng sẽ tái tổ chức đời sống nhân loại của chúng ta là sự hiện diện trong thế giới của những người biết Đức Christ như gương mẫu của mình, và nhận ra rằng họ sở hữu cùng một sự sống thiêng liêng, cũng như sự xác nhận định luật căn bản của Thiên Giới, Định luật Tình Thương, cuối cùng sẽ cứu thế giới. Chính sự thay thế đời sống của Đức Christ cho đời sống của thế gian, xác thịt và ma quỷ sẽ đưa thâm nghĩa và giá trị vào đời sống.

A sense of the failure of love constitutes the outstanding problem in the agony in the Garden; it was this sense of travail with world forces which enabled Christ to join the company of all His brothers. Men had failed Him, just as men fail us. In the moment when He most needed understanding, and all the strength which companionship gives, His nearest and dearest either deserted Him or slept, unaware of His agony of mind. "The Promethean conflict is the [213] strife which takes place in the human mind between the yearning for understanding, and the nearer more immediate pull of those living affections and desires which are conditioned upon the goodwill and the support of fellow beings; desires for the happiness of loved ones; for the alleviation of pain and disappointment in minds that cannot understand the inner dream; and for the warm reassurance of mundane honours. This conflict is the rock upon which the religious mind founders and is split against itself." *('Psychology and the Promethean Will', by W. H. Sheldon, pp. 85,86.)* Upon this rock

Một cảm thức về sự thất bại của tình thương cấu thành vấn đề nổi bật trong cơn thống khổ tại Vườn; chính cảm thức đau đớn cùng các mãnh lực thế giới này đã khiến Đức Christ có thể gia nhập đoàn thể của tất cả các huynh đệ Ngài. Con người đã làm Ngài thất vọng, cũng như con người làm chúng ta thất vọng. Trong khoảnh khắc Ngài cần sự thấu hiểu nhất, và cần tất cả sức mạnh mà tình bạn đồng hành đem lại, những người gần gũi và thân yêu nhất với Ngài hoặc đã bỏ rơi Ngài, hoặc đã ngủ, không hay biết cơn thống khổ trong trí Ngài. "Cuộc xung đột Prometheus là [213] cuộc tranh đấu diễn ra trong trí tuệ con người giữa niềm khao khát được thấu hiểu, và lực kéo gần hơn, tức thời hơn của những tình cảm và dục vọng sống động vốn tùy thuộc vào thiện chí và sự hỗ trợ của đồng loại; các dục vọng về hạnh phúc của những người thân yêu; về việc làm vơi nhẹ đau khổ và thất vọng trong những trí tuệ không thể thấu hiểu giấc mơ bên trong; và về sự trấn an ấm áp của các danh dự thế tục. Cuộc xung đột này là tảng đá mà trên đó trí tuệ tôn giáo mắc cạn và tự phân rẽ chống

Christ did not founder, but He had His moments of intensest agony, finding relief only in the realisation of the Fatherhood of God and its corollary, the brotherhood of man. "Father," He said. It was this sense of unity with God and His fellowmen which led Him to institute the Last Supper, to originate that communion service, the symbolism of which has been so disastrously lost in theological practice. The keynote of that communion service was fellowship. "It is only thus that Jesus creates fellowship among us. It is not as a symbol that he does it ... in so far as we with one another and with him are of one will, to place the Kingdom of God above all, and to serve in behalf of this faith and hope, so far is there fellowship between him and us and the men of all generations who lived and live in the same thought." *('The Mystery of the Kingdom of God', by Albert Schweitzer, p. 56.)*

lại chính mình." *('Tâm Lý Học và Ý Chí Prometheus', của W. H. Sheldon, tr. 85, 86.)* Trên tảng đá này Đức Christ đã không mắc cạn, nhưng Ngài đã có những khoảnh khắc thống khổ cực độ, chỉ tìm được sự khuây khỏa trong việc nhận biết Tình Phụ Tử của Thượng Đế và hệ quả của nó, tình huynh đệ của con người. "Cha ơi," Ngài nói. Chính cảm thức hợp nhất này với Thượng Đế và đồng loại đã đưa Ngài đến việc thiết lập Bữa Tiệc Ly, khởi lập nghi thức hiệp thông ấy, mà biểu tượng của nó đã bị đánh mất một cách tai hại trong thực hành thần học. Chủ âm của nghi thức hiệp thông ấy là tình huynh đệ. "Chỉ bằng cách ấy Đức Jesus mới tạo nên tình huynh đệ giữa chúng ta. Không phải như một biểu tượng mà Ngài làm điều đó... chừng nào chúng ta, với nhau và với Ngài, cùng một ý chí, đặt Thiên Giới của Thượng Đế lên trên hết, và phụng sự vì đức tin và niềm hy vọng này, thì chừng ấy có tình huynh đệ giữa Ngài và chúng ta, cùng những con người thuộc mọi thế hệ đã sống và đang sống trong cùng tư tưởng ấy." *('Mầu Nhiệm của Thiên Giới', của Albert Schweitzer, tr. 56.)*

4

1. "Father, forgive them; for they know not what they do." *(St. Luke, XXIII, 34.)*

2. "To day thou shalt be with me in paradise." *(St. Luke, XXIII, 43.)*

3. "Woman, behold thy son! Then saith He to the disciple, Behold thy mother!" *(St. John, XIX, 26.)*

4. "My God, my God, why hast thou forsaken me?"*(St. Matthew, XXVII, 46.)* [214]

5. "I thirst." (St. John, XIX, 28.)

4

1. "Cha ơi, xin tha thứ cho họ; vì họ không biết điều họ làm." *(Thánh Luke, XXIII, 34.)*

2. "Hôm nay ngươi sẽ ở với ta trong thiên đàng." *(Thánh Luke, XXIII, 43.)*

3. "Hỡi người nữ, hãy nhìn con của bà! Rồi Ngài nói với người đệ tử: Hãy nhìn mẹ của con!" *(Thánh John, XIX, 26.)*

4. "Thượng Đế của con, Thượng Đế của con, vì sao Ngài bỏ rơi con?"*(Thánh Matthew, XXVII, 46.)* [214]

5. "Ta khát." (Thánh John, XIX, 28.)

6. “It is finished.” *(St. John, XIX, 30.)*

6. “Mọi sự đã hoàn tất.” *(Thánh John, XIX, 30.)*

7. “Father, into thy hands I commend my spirit.” *(St. Luke, XXIII, 46.)*

7. “Cha ơi, con phó thác tinh thần con trong tay Cha.” *(Thánh Luke, XXIII, 46.)*

The thought of the kingdom coloured all that He said upon the Cross. The Word of Power which emanated from the Cross was spoken by Jesus Christ Himself and not, this time, by the Father. Christ spoke a sevenfold word, and in that word summed up for us the Word that inaugurated the kingdom of God. Each of His utterances had relation to that kingdom, and not the usual small, individual or selfish relation which we have so often ascribed to them. What were those seven words? Let us consider them, realising while doing so that the causes which gave rise to them produced the manifestation of the kingdom of God on earth.

Tư tưởng về Thiên Giới đã nhuộm màu tất cả những gì Ngài nói trên Thập Giá. Quyền năng từ xuất lộ từ Thập Giá đã được chính Đức Jesus Christ nói ra, và lần này không phải bởi Đức Cha. Đức Christ đã nói một linh từ thất phân, và trong linh từ ấy Ngài đã tóm kết cho chúng ta Linh từ đã khai mở Thiên Giới. Mỗi lời thốt ra của Ngài đều liên hệ đến Thiên Giới ấy, chứ không phải mối liên hệ nhỏ bé, cá nhân hay ích kỷ quen thuộc mà chúng ta thường gán cho chúng. Bảy lời ấy là gì? Chúng ta hãy xem xét chúng, đồng thời nhận biết rằng những nguyên nhân đã làm phát sinh chúng đã tạo ra sự biểu hiện của Thiên Giới trên trái đất.

In every case the seven words have been interpreted as having either an individual application in connection with the person to whom they were supposedly spoken, or as having a personal significance to Christ Himself. We have always read the Bible in this manner, with the personal significance in our minds. But these words of Christ are of too great importance to be thus interpreted. They have a meaning far wider than those usually given. The wonder of all He said (as it is the wonder of all the world scriptures) is that the words are capable of various meanings. The time has come when the meaning that Christ gave should be more generally understood by us in the light of the kingdom of God, and with a wider connotation than the individual one. His words were Words of Power, evoking and invoking, potent and dynamic.

Trong mọi trường hợp, bảy lời ấy đã được diễn giải như có một ứng dụng cá nhân liên hệ đến người mà người ta cho rằng chúng được nói với, hoặc như có một thâm nghĩa cá nhân đối với chính Đức Christ. Chúng ta vẫn luôn đọc Kinh Thánh theo cách này, với thâm nghĩa cá nhân trong trí mình. Nhưng những lời này của Đức Christ có tầm quan trọng quá lớn để được diễn giải như thế. Chúng có một ý nghĩa rộng hơn nhiều so với những ý nghĩa thường được gán cho. Điều kỳ diệu trong tất cả những gì Ngài nói, cũng như điều kỳ diệu trong mọi thánh thư của thế giới, là các lời ấy có khả năng mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Đã đến lúc ý nghĩa mà Đức Christ đã trao truyền cần được chúng ta thấu hiểu rộng rãi hơn trong ánh sáng của Thiên Giới, và với một hàm ý rộng hơn hàm ý cá nhân. Những lời của Ngài là các Quyền năng từ, vừa gợi lên vừa khẩn cầu, đầy quyền năng và năng động.

One of the first things which emerges in one's consciousness as one studies the first word from the Cross was the fact that Jesus requested His Father to forgive the people who crucified Him; He evidently, then, did not regard His death upon the Cross as adequate to that need. There was [215] no remission of sins through the shedding of blood; but there was the need to ask God's pardon for the sin committed. The two facts which come to the fore in this word are the Fatherhood of God, and the fact that ignorance, if productive of wrong-doing, does not make a man guilty and therefore punishable. Sin and ignorance are frequently synonymous terms, but the sin is recognised as such by those who know and who are not ignorant. Where there is ignorance there is no sin. In this word from the Cross Christ tells us two things:

Một trong những điều đầu tiên hiện lên trong tâm thức của người ta khi nghiên cứu lời thứ nhất từ Thập Giá là sự kiện Đức Jesus đã xin Đức Cha tha thứ cho những người đóng đinh Ngài; do đó, hiển nhiên Ngài không xem cái chết của Ngài trên Thập Giá là đủ cho nhu cầu ấy. Không có [215] sự xóa tội nhờ việc đổ máu; nhưng có nhu cầu xin Thượng Đế tha thứ cho tội đã phạm. Hai sự kiện nổi bật trong lời này là Tình Phụ Tử của Thượng Đế, và sự kiện rằng vô minh, nếu sinh ra hành động sai trái, không khiến một người trở nên có tội và do đó đáng bị trừng phạt. Tội lỗi và vô minh thường là những thuật ngữ đồng nghĩa, nhưng tội lỗi được những người biết và không vô minh nhận ra là tội lỗi. Nơi nào có vô minh, nơi đó không có tội lỗi. Trong lời này từ Thập Giá, Đức Christ nói với chúng ta hai điều:

1. That God is our Father, and that we approach Him through Christ. It is the inner hidden man of the heart, the unrealised Christ who can approach the Father. Christ had earned this right because of His proven divinity and because He had passed through the third initiation, the Transfiguration; when we too are transfigured (for only the transfigured Christ can be crucified) then we too can invoke the Father and call on the spirit, which is God, the life of all forms, to adjust relationships, and to bring about that forgiveness which is the very essence of life itself.

1. Rằng Thượng Đế là Cha của chúng ta, và chúng ta đến với Ngài qua Đức Christ. Chính con người ẩn kín bên trong của trái tim, Đức Christ chưa được nhận biết, mới có thể đến với Đức Cha. Đức Christ đã giành được quyền này nhờ thiên tính đã được chứng minh của Ngài và vì Ngài đã đi qua lần điểm đạo thứ ba, Biến hình; khi chúng ta cũng được biến hình, vì chỉ Đức Christ đã biến hình mới có thể bị đóng đinh, thì chúng ta cũng có thể khẩn cầu Đức Cha và kêu gọi tinh thần, vốn là Thượng Đế, sự sống của mọi hình tướng, điều chỉnh các mối quan hệ, và đem lại sự tha thứ vốn là chính tinh túy của sự sống.

2. That forgiveness is the result of life. This is a hard truth for the Western believer to accept. He is so used to resting back upon the activity of the Christ in the distant past. Forgiveness is, however, a result of living processes which bring adjustment, cause restitution, and produce that attitude wherein a man is no longer ignorant and

2. Rằng sự tha thứ là kết quả của sự sống. Đây là một chân lý khó chấp nhận đối với tín đồ Tây phương. Y quá quen với việc nương tựa vào hoạt động của Đức Christ trong quá khứ xa xôi. Tuy nhiên, sự tha thứ là kết quả của các tiến trình sống đem lại sự điều chỉnh, gây nên sự hoàn nguyên, và tạo ra thái độ trong đó con người không còn vô

therefore not in need of forgiveness. Life and experience do this for us, and nothing can arrest the process. It is not a theological belief that puts us right with God, but an attitude to life and an attitude to the Christ dwelling in the human heart. We learn through pain and suffering (that is, through experience) not to sin. We pay the price of our sins and mistakes, and cease to make them. We arrive eventually at the point where we no longer make our earlier errors or commit our former sins. For we suffer and agonise, and learn that sin brings retribution and causes suffering. But suffering [216] has its uses, as Christ knew. In His Person He was not only the historical Jesus Whom we know and love, but He was also the symbol to us of the cosmic Christ, God suffering through the sufferings of His created beings.

minh và vì vậy không cần sự tha thứ. Sự sống và kinh nghiệm làm điều này cho chúng ta, và không gì có thể ngăn chặn tiến trình ấy. Không phải một niềm tin thần học khiến chúng ta trở nên đúng đắn với Thượng Đế, mà là một thái độ đối với đời sống và một thái độ đối với Đức Christ ngự trong trái tim con người. Qua đau đớn và khổ đau, tức là qua kinh nghiệm, chúng ta học không phạm tội. Chúng ta trả giá cho tội lỗi và sai lầm của mình, và thôi không phạm chúng nữa. Cuối cùng chúng ta đạt đến điểm mà chúng ta không còn lặp lại những lỗi lầm trước kia hay phạm những tội cũ. Vì chúng ta đau khổ và thống khổ, và học rằng tội lỗi đem lại quả báo và gây đau khổ. Nhưng đau khổ [216] có công dụng của nó, như Đức Christ đã biết. Trong Ngôi vị của Ngài, Ngài không chỉ là Đức Jesus lịch sử mà chúng ta biết và yêu mến, mà còn là biểu tượng cho chúng ta về Đức Christ vũ trụ, Thượng Đế đau khổ qua những đau khổ của các sinh linh do Ngài tạo dựng.

Justice can be forgiveness when the facts of the case are rightly understood, and in this demand of the crucified Saviour we have the recognition of the Law of Justice, and not that of Retribution, in an act at which the whole world stands aghast. This work of forgiveness is the age-long work of the soul in matter or form. The Oriental believer calls this *karma*. The Western believer talks of the Law of Cause and Effect. Both, however, are dealing with the working out by a man of his soul's salvation, and the constant paying of the price which the ignorant pay for mistakes made and so-called sins committed. A man who deliberately sins against light and knowledge is rare. Most "sinners" are simply ignorant. "They know not what they do."

Công lý có thể là sự tha thứ khi các sự kiện của trường hợp được thấu hiểu đúng, và trong lời thỉnh cầu này của Đấng Cứu Thế bị đóng đinh, chúng ta có sự nhận biết Định luật Công Lý, chứ không phải luật Báo Oán, trong một hành động khiến cả thế giới kinh hoàng. Công việc tha thứ này là công việc kéo dài qua các thời đại của linh hồn trong vật chất hay hình tướng. Tín đồ Đông phương gọi điều này là *nghiệp quả*. Tín đồ Tây phương nói về Định luật Nhân Quả. Tuy nhiên, cả hai đều đề cập đến việc một người thực hiện sự cứu rỗi linh hồn mình, và liên tục trả giá mà kẻ vô minh phải trả cho những sai lầm đã làm và những điều gọi là tội đã phạm. Một người cố ý phạm tội chống lại ánh sáng và tri thức là hiếm có. Phần lớn "người tội lỗi" chỉ đơn giản là vô minh. "Họ không biết điều họ làm."

Then Christ turned to a sinner, to a man who had been convicted of wrong-doing in the eyes of the world—and who himself recognised the correctness of the judgment and of his punishment. He stated that he received the due reward of his sins, but at the same time there was something in the quality of Jesus which arrested his attention and forced from him the admission that this third Malefactor had "done nothing amiss." The factor which accorded him admission into paradise was a two-fold one. He recognised the divinity of Christ. "Lord," he said. And he also had a realisation of what Christ's mission was—to found a kingdom. "Remember me when Thou comest into Thy kingdom." The significance of his words is eternal and universal, for the man who recognises divinity, and who at the same time is sensible of the kingdom, is ready to take advantage of the words, "To day, thou shalt be with me in paradise."

Rồi Đức Christ quay sang một người tội lỗi, một người đã bị kết án làm điều sai trái trong mắt thế gian—và chính y cũng nhận ra sự đúng đắn của bản án và hình phạt dành cho mình. Y tuyên bố rằng y nhận hình phạt xứng đáng cho tội lỗi của mình, nhưng đồng thời có một điều gì đó trong phẩm tính của Đức Jesus đã thu hút sự chú ý của y và buộc y phải thừa nhận rằng Kẻ Làm Ác thứ ba này "không làm điều gì sai trái." Yếu tố đem lại cho y sự thâu nhận vào thiên đàng gồm hai mặt. Y nhận biết thiên tính của Đức Christ. "Lạy Chúa," y nói. Và y cũng có một sự nhận biết về sứ mệnh của Đức Christ—thiết lập một Thiên Giới. "Xin nhớ đến con khi Ngài đến trong Thiên Giới của Ngài." Thâm nghĩa lời của y là vĩnh cửu và phổ quát, vì người nhận biết thiên tính, đồng thời cảm nhận được Thiên Giới, thì sẵn sàng tận dụng các lời: "Hôm nay, ngươi sẽ ở với ta trong thiên đàng."

In the first word from the Cross, Jesus considered the ignorance and the feebleness of man. He was as helpless as a little child, and in His words He testified to the reality of the first initiation and to the time when He was a "babe in [217] Christ." The parallels between the two episodes are significant. The ignorance, helplessness and consequent maladjustment of human beings evoked from Jesus the demand that forgiveness be accorded. But when life experience has played its part, we have again the "babe in Christ," ignorant of the laws of the spiritual kingdom, yet released from the darkness and ignorance of the human kingdom.

Trong lời thứ nhất từ Thập Giá, Đức Jesus đã xét đến sự vô minh và yếu đuối của con người. Y bất lực như một trẻ nhỏ, và trong lời Ngài, Ngài đã làm chứng cho thực tại của lần điểm đạo thứ nhất và cho thời điểm khi Ngài là một "hài nhi trong [217] Đức Christ." Những tương đồng giữa hai biến cố này thật có ý nghĩa. Sự vô minh, bất lực và sự thiếu điều chỉnh theo sau của con người đã gợi lên nơi Đức Jesus lời thỉnh cầu rằng sự tha thứ phải được ban. Nhưng khi kinh nghiệm đời sống đã đóng vai trò của nó, chúng ta lại có "hài nhi trong Đức Christ," vô minh về các định luật của giới tinh thần, nhưng đã được giải thoát khỏi bóng tối và vô minh của giới nhân loại.

In the second word from the Cross we have the recognition of the Baptism episode, which signified purity and release through the purification of the waters of life. The

Trong lời thứ hai từ Thập Giá, chúng ta có sự nhận biết biến cố Phép Rửa, vốn biểu thị sự thanh khiết và giải thoát qua việc thanh lọc bằng nước của sự sống. Nước trong Phép Rửa

waters of John's Baptism released from the thraldom of the personality life. But the Baptism to which Christ was subjected through the power of His Own life, and to which we are also subjected through the life of Christ within us, was the Baptism of fire and of suffering, which finds its climax of pain upon the Cross. That climax of suffering, for the man who could endure unto the end, was his entrance to "paradise"—a name connoting bliss. Three words are used to express this power to enjoy—happiness, joy and bliss. *Happiness* has a purely physical connotation, and concerns our physical life and its relationships; *joy* is of the nature of the soul and reflects itself in happiness. But *bliss*, which is of the nature of God Himself, is an expression of divinity and of the spirit. Happiness might be regarded as the reward of the new birth, for it has a physical significance, and we are sure that Christ knew happiness, even though He was a "man of sorrows"; joy, being more especially of the soul, reaches its consummation at the Transfiguration. Though Christ was "acquainted with sorrow," He knew joy in its essence, for the "joy of the Lord is our strength," and it is the soul, the Christ in every human being, which is strength and joy and love. He knew also bliss, for at the Crucifixion the bliss which is the reward of the soul's triumph was His.

của John đã giải thoát khỏi sự nô lệ của đời sống phàm ngã. Nhưng Phép Rửa mà Đức Christ phải chịu qua quyền năng của Chính sự sống Ngài, và mà chúng ta cũng phải chịu qua sự sống của Đức Christ bên trong chúng ta, là Phép Rửa bằng lửa và bằng đau khổ, đạt đến cao điểm đau đớn trên Thập Giá. Cao điểm đau khổ ấy, đối với người có thể chịu đựng đến cùng, là lối vào "thiên đàng"—một tên gọi hàm ý chí phúc. Ba từ được dùng để diễn tả quyền năng hưởng thụ này—hạnh phúc, hoan hỉ và chí phúc. *Hạnh phúc* có hàm ý thuần túy hồng trần, và liên quan đến đời sống hồng trần cùng các mối quan hệ của chúng ta; *sự hoan hỉ* thuộc bản chất của linh hồn và phản chiếu chính nó trong hạnh phúc. Nhưng *chí phúc*, vốn thuộc bản chất của Chính Thượng Đế, là một biểu hiện của thiên tính và của tinh thần. Hạnh phúc có thể được xem như phần thưởng của sự sinh ra mới, vì nó có một thâm nghĩa hồng trần, và chúng ta chắc chắn rằng Đức Christ đã biết hạnh phúc, dù Ngài là "người của những nỗi buồn"; sự hoan hỉ, đặc biệt thuộc về linh hồn hơn, đạt đến sự viên mãn của nó trong cuộc Biến hình. Dù Đức Christ "quen thuộc với nỗi buồn," Ngài đã biết sự hoan hỉ trong tinh túy của nó, vì "sự hoan hỉ của Chúa là sức mạnh của chúng ta," và chính linh hồn, Đức Christ trong mỗi con người, là sức mạnh, sự hoan hỉ và tình thương. Ngài cũng biết chí phúc, vì trong cuộc Đóng Đinh, chí phúc vốn là phần thưởng cho chiến thắng của linh hồn đã thuộc về Ngài.

Thus in these two Words of Power "Father, forgive them for they know not what they do," and "To day thou shalt be with me in paradise," we have the significances of the first two initiations summarised for us.

Như vậy, trong hai Quyền năng từ này, "Cha ơi, xin tha thứ cho họ vì họ không biết điều họ làm," và "Hôm nay ngươi sẽ ở với ta trong thiên đàng," chúng ta có những thâm nghĩa của hai lần điểm đạo đầu tiên được tóm kết cho mình.

[218] Now we come to the extraordinary and much debated episode between Christ and

[218] Bây giờ chúng ta đến với biến cố phi thường và được tranh luận nhiều giữa Đức

His mother, summed up in the words: "Woman, behold thy son," and followed by the words spoken to the beloved apostle: "Behold thy mother." What did these words mean? Below Christ stood the two people who meant the most to Him, and from the agony of the Cross He spoke to them a special message, relating them to each other. Our consideration of the previous initiations may make the meaning clear. John typifies the personality which is reaching perfection and whose nature is becoming irradiated by divine love, the major characteristic of the second Person of the divine Triplicity, the soul, the son of God, whose nature is love. As we have seen, Mary represents the third Person of the Trinity, the material aspect of nature which cherishes and nurtures the son and gives birth to him in Bethlehem. In these words Christ, utilising the symbolism of these two persons, relates them to each other, and practically says: Son, recognise who is to give thee birth at Bethlehem, the one who shelters and guards the Christ life. To His mother, He says: Recognise that in the developed personality there is latent the Christ child. Matter, or the virgin Mary, is glorified through her son. Therefore the words of Christ have a definite reference to the third initiation, that of the Transfiguration.

Christ và mẹ Ngài, được tóm kết trong các lời: "Hỡi người nữ, hãy nhìn con của bà," và tiếp theo là các lời nói với vị tông đồ được yêu mến: "Hãy nhìn mẹ của con." Những lời này có nghĩa gì? Dưới chân Đức Christ là hai người có ý nghĩa nhiều nhất đối với Ngài, và từ cơn thống khổ của Thập Giá, Ngài nói với họ một thông điệp đặc biệt, liên kết họ với nhau. Việc chúng ta xem xét các lần điểm đạo trước có thể làm sáng tỏ ý nghĩa. John tiêu biểu cho phàm ngã đang đạt đến sự hoàn thiện và bản chất của nó đang được chiếu rạng bởi tình thương thiêng liêng, đặc tính chính yếu của Ngôi thứ hai trong bộ ba thiêng liêng, linh hồn, Con của Thượng Đế, mà bản chất là tình thương. Như chúng ta đã thấy, Mary tượng trưng cho Ngôi thứ ba của Ba Ngôi, phương diện vật chất của thiên nhiên, vốn gìn giữ và nuôi dưỡng người con và sinh ra người con ấy tại Bethlehem. Trong những lời này, Đức Christ, sử dụng biểu tượng của hai nhân vật ấy, liên kết họ với nhau, và thực tế nói rằng: Hỡi con, hãy nhận biết ai sẽ sinh ra con tại Bethlehem, người che chở và gìn giữ sự sống Christ. Với mẹ Ngài, Ngài nói: Hãy nhận biết rằng trong phàm ngã đã phát triển có tiềm tàng hài nhi Christ. Vật chất, hay trinh nữ Mary, được vinh hiển qua con của bà. Vì vậy, các lời của Đức Christ có liên hệ rõ rệt đến lần điểm đạo thứ ba, tức cuộc Biến hình.

Thus in His first three Words from the Cross He refers to the first three initiations, and recalls to our minds the synthesis revealed in Himself and the stages which we must cover if we are to follow in His steps. It is possible also that the thought was in the consciousness of the crucified Saviour that matter itself, being divine, was capable of infinite suffering; and in these words there was wrung from Him the recognition that though God suffers in the Person of His Son, He also suffers with similar acute agony in the person of that Son's mother, the material

Như vậy, trong ba Lời đầu tiên của Ngài từ Thập Giá, Ngài đề cập đến ba lần điểm đạo đầu tiên, và gợi lại trong trí chúng ta sự tổng hợp được mặc khải nơi chính Ngài và các giai đoạn mà chúng ta phải đi qua nếu muốn bước theo dấu chân Ngài. Cũng có thể rằng trong tâm thức của Đấng Cứu Thế bị đóng đinh đã có tư tưởng rằng chính vật chất, vì là thiêng liêng, có khả năng chịu đau khổ vô hạn; và trong những lời này, từ Ngài đã bật ra sự nhận biết rằng dù Thượng Đế đau khổ trong Ngôi vị Con của Ngài, Ngài cũng đau khổ với nỗi thống khổ tương tự trong ngôi vị

form which has given Him birth. Christ stands midway between the two—the mother and the Father. Therein is His problem, and therein is [219] found the problem of every human being. Christ draws the two together—the matter aspect and the spirit aspect, and the union of these two produces the son. This is humanity's problem and humanity's opportunity.

mẹ của Người Con ấy, hình tướng vật chất đã sinh ra Ngài. Đức Christ đứng ở điểm giữa hai bên—người mẹ và Đức Cha. Chính trong đó có vấn đề của Ngài, và chính trong đó [219] tìm thấy vấn đề của mọi con người. Đức Christ kéo hai bên lại với nhau—phương diện vật chất và phương diện tinh thần, và sự hợp nhất của hai phương diện này sinh ra người con. Đây là vấn đề của nhân loại và cũng là cơ hội của nhân loại.

The fourth Word from the Cross admits us into one of the most intimate moments of Christ's life—a moment that has a definite relation to the kingdom, just as had the three previous Words. One always hesitates to intrude upon this episode in His life, because it is one of the deepest and most secret and perhaps most sacred phases of His life on earth. We read that there was "darkness on the face of the earth" for three hours. This is a most significant interlude. From the Cross, alone and in the dark, He symbolised all that was embodied in this tragic and agonised Word. The number three is, of course, one of the most important and sacred numbers. It stands for divinity, and also for perfected humanity. Christ, the perfect Man, hung upon the Cross for "three hours," and in that time each of the three aspects of His nature was carried to the highest point of its capacity for realisation and for consequent suffering. At the end, this triple personality gave vent to the cry, "My God, my God, why hast thou forsaken me?"

Lời thứ tư từ Thập Giá cho phép chúng ta bước vào một trong những khoảnh khắc thân mật nhất trong đời sống của Đức Christ—một khoảnh khắc có liên hệ rõ rệt với Thiên Giới, cũng như ba Lời trước đó. Người ta luôn ngần ngại khi đi vào biến cố này trong đời sống Ngài, vì đó là một trong những giai đoạn sâu xa nhất, kín nhiệm nhất và có lẽ thiêng liêng nhất trong đời sống của Ngài trên trái đất. Chúng ta đọc rằng đã có "bóng tối trên mặt đất" trong ba giờ. Đây là một quãng gián đoạn đầy ý nghĩa. Từ Thập Giá, một mình và trong bóng tối, Ngài biểu tượng hóa tất cả những gì được hàm chứa trong Lời bi thảm và thống khổ này. Dĩ nhiên, số ba là một trong những con số quan trọng và thiêng liêng nhất. Nó tượng trưng cho thiên tính, và cũng cho nhân loại đã hoàn thiện. Đức Christ, Con Người hoàn hảo, treo trên Thập Giá trong "ba giờ," và trong thời gian ấy, mỗi một trong ba phương diện bản chất của Ngài được đưa đến điểm cao nhất trong khả năng chứng nghiệm và đau khổ hệ quả của nó. Cuối cùng, phàm ngã tam phân này thốt lên tiếng kêu: "Thượng Đế của con, Thượng Đế của con, vì sao Ngài bỏ rơi con?"

Christ had passed through all the climaxing episodes of adjustment. The Transfiguration experience was only just over. Let us not forget that fact. In that experience God had been near, and the transfigured Christ had

Đức Christ đã đi qua tất cả những biến cố điều chỉnh đạt đến cao điểm. Kinh nghiệm Biến hình chỉ vừa kết thúc. Chúng ta đừng quên sự kiện ấy. Trong kinh nghiệm đó, Thượng Đế đã ở gần, và Đức Christ được biến

seemed in His initiation to link God and man. He had just uttered the Word which had testified to the relation of the body nature, the Mary aspect, and the personality, in the person of St. John—the symbol of a personality carried to a very high state of perfection and realisation. Then for three long hours He wrestled in the dark with the problem of the relation of God and the soul. Spirit and soul had to be fused and blended to one great unity—just as He had already fused and blended the soul and the body, and had testified to that consummation in the Transfiguration. Suddenly He discovered [220] that all the achievement of the past, all that He had done, was but the prelude to another atonement which He had to make as a human being; and there on the Cross, in the full blaze of publicity, He had to renounce that to which He had hitherto held, His soul, and realise for a brief instant that in this renunciation everything was at stake. Even the consciousness that He was the Son of God, the soul incarnate in the flesh (for which He had fought and sacrificed), had to disappear, and He be left bereft of all contacts. All sense of feeling and all possible reactions failed to fill the sensed void. He seemed deserted, not only by humanity, but by God. That upon which He had relied, the divinity of which He had felt assured, was found to be related to feeling. That feeling He must also transcend. All had therefore to be relinquished.

hình dường như trong cuộc điểm đạo của Ngài đã liên kết Thượng Đế và con người. Ngài vừa thốt ra Linh từ đã làm chứng cho mối quan hệ của bản chất thể xác, phương diện Mary, và phàm ngã, trong ngôi vị Thánh John—biểu tượng của một phàm ngã được đưa đến một trạng thái hoàn thiện và chứng nghiệm rất cao. Rồi trong ba giờ dài, Ngài vật lộn trong bóng tối với vấn đề về mối quan hệ giữa Thượng Đế và linh hồn. Tinh thần và linh hồn phải được dung hợp và hòa quyện thành một hợp nhất vĩ đại—cũng như Ngài đã dung hợp và hòa quyện linh hồn với thân thể, và đã làm chứng cho sự viên mãn ấy trong cuộc Biến hình. Đột nhiên Ngài khám phá [220] rằng mọi thành tựu của quá khứ, tất cả những gì Ngài đã làm, chỉ là khúc dạo đầu cho một sự hợp nhất khác mà Ngài phải thực hiện với tư cách một con người; và tại đó, trên Thập Giá, trong ánh sáng công khai rực rỡ, Ngài phải từ bỏ điều mà cho đến lúc ấy Ngài vẫn nắm giữ, tức linh hồn của Ngài, và nhận biết trong một thoáng ngắn ngủi rằng trong sự từ bỏ này, mọi sự đều bị đặt vào thế nguy. Ngay cả tâm thức rằng Ngài là Con của Thượng Đế, linh hồn nhập thể trong xác thịt, điều mà Ngài đã tranh đấu và hi sinh vì nó, cũng phải biến mất, và Ngài bị bỏ lại, mất hết mọi tiếp xúc. Mọi cảm thức và mọi phản ứng khả hữu đều không thể lấp đầy khoảng trống được cảm nhận. Ngài dường như bị bỏ rơi, không chỉ bởi nhân loại, mà bởi cả Thượng Đế. Điều mà Ngài đã nương tựa, thiên tính mà Ngài đã cảm thấy chắc chắn, được nhận ra là có liên hệ với cảm xúc. Cảm xúc ấy Ngài cũng phải siêu vượt. Vì vậy, tất cả đều phải được buông bỏ.

It was through this experience that Christ blazed the trail to the very heart of God Himself. Only when the soul has learnt to stand alone, assured of divinity, and yet with no outer recognition of that divinity, can the very centre of spiritual life he recognised as stable and eternal. It was in

Chính qua kinh nghiệm này mà Đức Christ đã khai mở con đường đến tận trái tim của Chính Thượng Đế. Chỉ khi linh hồn đã học cách đứng một mình, chắc chắn về thiên tính, nhưng không có sự thừa nhận bên ngoài nào về thiên tính ấy, thì chính trung tâm của đời sống tinh thần mới có thể được

this experience that Christ fitted Himself for the Resurrection initiation, and so proved to Himself, and to us, that God existed, and that the immortality of divinity *is* an established and unalterable fact. This experience of loneliness, of being bereft of all that protects, all that has hitherto been regarded as essential to one's very being, is the hallmark of achievement. Disciples are apt to forget this, and one wonders for a brief moment, as one listens to Christ thus veiling His agony, whether He was not again "in all points tempted like as we are," and whether at this moment He did not descend into the deepest recesses of the valley and feel that utter aloneness which is the reward of those who mount the Cross on Golgotha.

nhận biết là ổn định và vĩnh cửu. Chính trong kinh nghiệm này mà Đức Christ tự chuẩn bị cho cuộc điểm đạo Phục Sinh, và do đó chứng minh cho chính Ngài, và cho chúng ta, rằng Thượng Đế hiện hữu, và rằng tính bất tử của thiên tính *là* một sự kiện đã được thiết lập và không thể thay đổi. Kinh nghiệm cô đơn này, kinh nghiệm bị tước mất tất cả những gì che chở, tất cả những gì cho đến nay vẫn được xem là thiết yếu đối với chính hiện tồn của mình, là dấu hiệu của thành tựu. Các đệ tử thường quên điều này, và người ta tự hỏi trong một thoáng ngắn, khi lắng nghe Đức Christ che giấu cơn thống khổ của Ngài như thế, liệu Ngài có phải một lần nữa "bị cám dỗ trong mọi điểm giống như chúng ta," và liệu trong khoảnh khắc ấy Ngài đã không đi xuống những nơi sâu nhất của thung lũng và cảm thấy sự đơn độc tuyệt đối vốn là phần thưởng của những người leo lên Thập Giá trên Golgotha chăng.

Although each son of God at different stages upon his way of initiation prepares for this final loneliness by phases of utter rejection, when the final crisis comes he must experience [221] moments of loneliness such as he could not previously conceive. He follows in the footsteps of his Master, being crucified before men and deserted both by his fellowmen and by the comforting presence of the divine self upon which he has learnt to rely. Yet because Christ entered thus into the place of outer darkness, and felt entirely deserted of all that had hitherto meant so much to Him, both humanly and from the angle of divinity, He has enabled us to gauge the value of the experience, and has shown us that only through this place of outer darkness, which the mystics have justifiably called "the dark night of the soul," can we truly enter into the blessed companionship of the kingdom. Many books have been written about this experience, but it is rare—far rarer than the literature of the

Dù mỗi người con của Thượng Đế, ở các giai đoạn khác nhau trên con đường điểm đạo của mình, chuẩn bị cho sự cô đơn cuối cùng này bằng những giai đoạn bị chối bỏ hoàn toàn, nhưng khi khủng hoảng cuối cùng đến, y phải trải nghiệm [221] những khoảnh khắc cô đơn mà trước đó y không thể hình dung. Y bước theo dấu chân của Chân sư mình, bị đóng đinh trước mắt con người và bị bỏ rơi cả bởi đồng loại lẫn bởi sự hiện diện an ủi của bản ngã thiêng liêng mà y đã học nương tựa. Tuy nhiên, vì Đức Christ đã bước vào nơi bóng tối bên ngoài như thế, và cảm thấy hoàn toàn bị bỏ rơi bởi tất cả những gì cho đến lúc ấy có ý nghĩa rất nhiều đối với Ngài, cả về mặt nhân loại lẫn từ góc độ thiên tính, Ngài đã giúp chúng ta đo lường giá trị của kinh nghiệm ấy, và đã chỉ cho chúng ta thấy rằng chỉ qua nơi bóng tối bên ngoài này, mà các nhà thần bí đã gọi một cách chính đáng là "đêm tối của linh hồn," chúng ta mới có thể thật sự bước vào tình bạn đồng hành phúc lành của Thiên Giới. Nhiều sách đã

mystics would have us believe. It will become more frequent, as more and more men pass through the gates of suffering and of death into the kingdom. Christ hung pendent between heaven and earth, and although He was surrounded by crowds, and although at His feet stood those whom He loved, He was utterly alone. It is the loneliness whilst accompanied, the utter sense of being forsaken whilst surrounded by those who seek to understand and help, which constitutes the darkness. The light of the Transfiguration is suddenly obliterated; and because of the intensity of that light, the night appears more dark. But it is in the dark that we know God.

được viết về kinh nghiệm này, nhưng nó hiếm có—hiếm hơn rất nhiều so với điều mà văn chương của các nhà thần bí muốn chúng ta tin. Nó sẽ trở nên thường xuyên hơn, khi ngày càng nhiều người đi qua các cánh cổng của đau khổ và chết chóc để vào Thiên Giới. Đức Christ treo lơ lửng giữa trời và đất, và dù Ngài bị đám đông vây quanh, và dù dưới chân Ngài đứng những người Ngài yêu mến, Ngài vẫn hoàn toàn đơn độc. Chính sự cô đơn trong khi có người bên cạnh, cảm thức hoàn toàn bị bỏ rơi trong khi được vây quanh bởi những người tìm cách thấu hiểu và giúp đỡ, cấu thành bóng tối. Ánh sáng của cuộc Biến hình đột nhiên bị xóa mờ; và vì cường độ của ánh sáng ấy, đêm tối hiện ra càng đen hơn. Nhưng chính trong bóng tối mà chúng ta biết Thượng Đế.

Four Words of Power had now been uttered by the Christ. He had spoken the Word for the plane of everyday life, the Word of forgiveness, and in it He indicated the principle upon which God works in relation to the evil done by men. Where there is ignorance and no defiance or wrong intent, then forgiveness is assured, for sin consists of definite action in the face of the warning voice of conscience. He had spoken the Word which brought peace to the dying thief, and had told him that he was assured, not only of forgiveness, but of peace and happiness. He had spoken the Word which brought together the two aspects which were being symbolically crucified [222] upon the Cross —matter and soul, the matter of the form and the perfected lower nature. These are the three Words of the physical, the emotional, and the mental planes, whereon man habitually lives. The sacrifice of the entire lower nature had been completed, and there was silence and darkness for three hours. Then was uttered that stupendous Word which indicated that Christ had reached the stage of the final sacrifice, and

Bốn Quyền năng từ bấy giờ đã được Đức Christ thốt ra. Ngài đã nói Linh từ dành cho cõi đời sống hằng ngày, Linh từ của sự tha thứ, và trong đó Ngài chỉ ra nguyên tắc mà Thượng Đế dùng để hành động trong tương quan với điều ác do con người gây ra. Nơi nào có vô minh và không có sự thách thức hay ý định sai trái, nơi đó sự tha thứ được bảo đảm, vì tội lỗi là hành động rõ rệt trước tiếng nói cảnh báo của lương tâm. Ngài đã nói Linh từ đem lại bình an cho người trộm sắp chết, và đã bảo y rằng y được bảo đảm không chỉ về sự tha thứ, mà cả bình an và hạnh phúc. Ngài đã nói Linh từ đem hai phương diện đang được biểu tượng hóa là bị đóng đinh [222] trên Thập Giá lại với nhau—vật chất và linh hồn, vật chất của hình tướng và bản chất thấp đã hoàn thiện. Đây là ba Linh từ của các cõi hồng trần, cảm xúc và trí tuệ, nơi con người thường sống. Sự hi sinh toàn bộ bản chất thấp đã hoàn tất, và có sự im lặng cùng bóng tối trong ba giờ. Rồi Lời phi thường ấy được thốt ra, chỉ ra rằng Đức Christ đã đạt đến giai đoạn hi sinh cuối cùng, và rằng ngay cả tâm thức về thiên tính, tâm thức của chính linh hồn, với sức

that even the consciousness of divinity, the consciousness of the soul itself, with its strength and power, its light and understanding, had also to be laid upon the altar. He had to undergo the experience of an utter renunciation of all that had constituted His very being. This brought the cry of protest and of questioning: "My God, my God! Why hast Thou forsaken me?"

mạnh và quyền năng của nó, ánh sáng và sự thấu hiểu của nó, cũng phải được đặt lên bàn thờ. Ngài phải trải qua kinh nghiệm từ bỏ hoàn toàn tất cả những gì đã cấu thành chính hiện tồn của Ngài. Điều này đem đến tiếng kêu phản kháng và chất vấn: "Thượng Đế của con, Thượng Đế của con! Vì sao Ngài bỏ rơi con?"

Then followed three Words of a different quality altogether. In the words, "I thirst," He expressed the motivating power of every Saviour. This was misinterpreted by the onlookers, who have given it most naturally a physical connotation; but it surely had a deeper meaning, and must have reference to that divine thirst which sweeps through the consciousness of every son of God who has achieved divinity, and which indicates his willingness to undertake the task of Saviour. It is characteristic of all who have attained that they cannot rest satisfied with their achievement which brought them liberation and freedom, but immediately reorient themselves to the world of men and stay with humanity, working for the salvation of human beings until all the sons of God shall have found their way back to the Father's home. This thirst for the souls of men forced Christ to open the door into the kingdom, and to hold it open Himself, so that it might be His hand and His aid which should lift us over the threshold. This is the redemption, and in this redemption we all share, not from the selfish angle of our individual salvation, but from the consciousness that, as we redeem are we redeemed, as we save are we ourselves salvaged, and that as we help others to achieve, we too are [223] admitted as citizens into the kingdom. *But this is the way of Crucifixion*. Only when we can utter the five Words of Power do we really understand the meaning of God and His love. The way of the Saviour becomes

Rồi tiếp theo là ba Lời có phẩm tính hoàn toàn khác. Trong các lời "Ta khát," Ngài biểu lộ quyền năng thúc đẩy của mọi Đấng Cứu Thế. Những người đứng xem đã hiểu sai điều này, và rất tự nhiên gán cho nó một hàm ý hồng trần; nhưng chắc chắn nó có một ý nghĩa sâu xa hơn, và phải liên hệ đến cơn khát thiêng liêng tràn qua tâm thức của mỗi người con của Thượng Đế đã đạt đến thiên tính, và chỉ ra sự sẵn lòng của y trong việc đảm nhận nhiệm vụ Đấng Cứu Thế. Đặc tính của tất cả những ai đã thành tựu là họ không thể nghỉ ngơi thỏa mãn với thành tựu đã đem lại cho họ sự giải thoát và tự do, mà ngay lập tức tự tái định hướng về thế giới con người và ở lại với nhân loại, làm việc cho sự cứu rỗi con người cho đến khi tất cả những người con của Thượng Đế tìm được đường trở về nhà Cha. Cơn khát đối với linh hồn con người này đã buộc Đức Christ mở cánh cửa vào Thiên Giới, và chính Ngài giữ cánh cửa ấy mở, để chính bàn tay và sự trợ giúp của Ngài có thể nâng chúng ta qua ngưỡng cửa. Đây là sự cứu chuộc, và trong sự cứu chuộc này tất cả chúng ta đều dự phần, không từ góc độ ích kỷ của sự cứu rỗi cá nhân, mà từ tâm thức rằng khi chúng ta cứu chuộc thì chúng ta được cứu chuộc, khi chúng ta cứu thì chính chúng ta được cứu, và khi chúng ta giúp người khác thành tựu, chúng ta cũng [223] được thâu nhận làm công dân trong Thiên Giới. *Nhưng đây là con đường của sự Đóng Đinh*. Chỉ khi chúng ta có thể thốt ra năm Quyền năng từ, chúng ta mới thật sự thấu hiểu ý nghĩa của Thượng

then our way. God's life and purpose stand revealed.

Đế và tình thương của Ngài. Khi ấy, con đường của Đấng Cứu Thế trở thành con đường của chúng ta. Sự sống và mục đích của Thượng Đế được mặc khải.

It is this thirst which we share with the Saviour, and the world need (of which our own is a part, though relatively incidental) that unite us with Him. It is the "fellowship of His sufferings" to which He calls us, and the demand which we hear as He hears it. This aspect of the Cross and its lesson has been summed up in the following words, which warrant our careful consideration, and our consequent consecration to the service of the Cross, which is the service of humanity.

Chính cơn khát này mà chúng ta chia sẻ với Đấng Cứu Thế, và nhu cầu của thế giới, trong đó nhu cầu của riêng chúng ta là một phần dù chỉ là phần tương đối thứ yếu, hợp nhất chúng ta với Ngài. Chính "sự thông công trong các đau khổ của Ngài" là điều Ngài kêu gọi chúng ta bước vào, và là lời thỉnh cầu mà chúng ta nghe như Ngài đã nghe. Phương diện này của Thập Giá và bài học của nó đã được tóm kết trong những lời sau đây, đáng để chúng ta suy xét cẩn thận, và theo đó thánh hiến mình cho sự phụng sự của Thập Giá, tức sự phụng sự nhân loại.

"When I ... turned from that world-appealing sight, Christ crucified for us, to look upon life's most perplexed and sorrowful contradictions, I was not met as in intercourse with my fellow-men by the cold platitudes that fall so lightly from the lips of those whose hearts have never known one real pang, nor whose lives one crushing blow. I was not told that all things were ordered for the best, nor assured that the overwhelming disparities of life were but apparent, but I was met from the eyes and brow of Him who was indeed acquainted with grief, by a look of solemn recognition, such as may pass between friends who have endured between them some strange and secret sorrow, and are through it united in a bond that cannot be broken."

"Khi tôi... quay khỏi cảnh tượng kêu gọi cả thế giới ấy, Đức Christ bị đóng đinh vì chúng ta, để nhìn vào những mâu thuẫn rối ren và đau buồn nhất của đời sống, tôi không gặp phải, như trong giao tiếp với đồng loại, những lời sáo rỗng lạnh lùng tuôn ra quá dễ dàng từ môi những kẻ mà trái tim chưa từng biết một nỗi đau thật sự, cũng như đời sống chưa từng chịu một đòn nghiền nát. Tôi không được bảo rằng mọi sự đều được an bài cho điều tốt nhất, cũng không được bảo đảm rằng những bất bình đẳng áp đảo của đời sống chỉ là bề ngoài, nhưng từ đôi mắt và vầng trán của Đấng thật sự quen thuộc với khổ đau, tôi gặp một cái nhìn nhận biết trang nghiêm, như cái nhìn có thể trao đổi giữa những người bạn đã cùng nhau chịu đựng một nỗi buồn kỳ lạ và kín nhiệm nào đó, và nhờ đó được hợp nhất trong một mối dây không thể bị phá vỡ."

'COLLOQUIA CRUCIS', BY DORA GREENWELL, P. 14 F.

'COLLOQUIA CRUCIS', CỦA DORA GREENWELL, TR. 14 F.

Then there burst upon Christ's consciousness the wonder of accomplishment. He had succeeded, so that, with full realisation of the significance of the statement, He could say, "It is finished." He had done what He came into incarnation to do. The gate into the kingdom stood open. The boundary between the world and the kingdom was clearly defined. He had given us an example of service unparalleled in history. He had shown us the way that we should go. He had demonstrated to us the nature of perfection. There was [224] no more that He could then do, and so we hear the triumphant cry, "It is finished."

Rồi điều kỳ diệu của sự hoàn thành bừng lên trong tâm thức của Đức Christ. Ngài đã thành công, đến nỗi, với sự nhận biết đầy đủ về thâm nghĩa của lời tuyên bố, Ngài có thể nói: "Mọi sự đã hoàn tất." Ngài đã làm điều Ngài đến lâm phàm để làm. Cánh cổng vào Thiên Giới đã mở. Ranh giới giữa thế giới và Thiên Giới đã được xác định rõ ràng. Ngài đã cho chúng ta một gương phụng sự không gì sánh được trong lịch sử. Ngài đã chỉ cho chúng ta con đường chúng ta phải đi. Ngài đã chứng minh cho chúng ta bản chất của sự hoàn thiện. Khi ấy không còn điều gì [224] Ngài có thể làm thêm, và vì vậy chúng ta nghe tiếng kêu chiến thắng: "Mọi sự đã hoàn tất."

Only one more Word of Power came forth from the darkness which shrouded the dying Christ. The moment of His death was prefaced by the words, "Father, into Thy hands I commend my spirit." His first word and His last begin with the appeal: "Father"—for ever we are the children of God, and "If children, then heirs; heirs of God, and joint heirs with Christ; if so be that we suffer with Him, that we may be also glorified together;" *(Romans, VIII, 17.)* joint heirs of glory, but also joint heirs in the suffering which must be ours if the world is to be saved and humanity as a whole is to pass into the kingdom. The kingdom is in existence. Through the work of Christ and His living Presence in all of us there exists today, subjective as yet, but awaiting immediate tangible expression...

Chỉ còn một Quyền năng từ nữa phát ra từ bóng tối bao phủ Đức Christ đang hấp hối. Khoảnh khắc chết của Ngài được mở đầu bằng các lời: "Cha ơi, con phó thác tinh thần con trong tay Cha." Lời đầu tiên và lời cuối cùng của Ngài bắt đầu bằng lời khẩn cầu: "Cha ơi"—vì mãi mãi chúng ta là con cái của Thượng Đế, và "Nếu là con cái, thì cũng là người thừa kế; người thừa kế của Thượng Đế, và đồng thừa kế với Đức Christ; nếu quả thật chúng ta cùng chịu khổ với Ngài, để cũng được cùng vinh hiển với Ngài;" *(Romans, VIII, 17.)* đồng thừa kế vinh quang, nhưng cũng đồng thừa kế trong nỗi đau khổ vốn phải là của chúng ta nếu thế giới phải được cứu và nhân loại như một toàn thể phải đi vào Thiên Giới. Thiên Giới hiện hữu. Qua công việc của Đức Christ và Sự Hiện Diện sống động của Ngài trong tất cả chúng ta, ngày nay có tồn tại, tuy còn chủ quan, nhưng đang chờ sự biểu hiện hữu hình tức thời...

"One body, and one Spirit, even as ye are called in one hope of your calling; One Lord, one faith, one baptism, One God and Father

"Một thân thể, và một Tinh thần, cũng như các ngươi được kêu gọi trong một niềm hy vọng duy nhất của sự kêu gọi mình; Một Chúa, một đức tin, một phép rửa, Một

of all, who is above all, and through all, and in you all."

EPHESIANS, IV, 4, 5, 6.

Furthermore, in words later used by Christ, the psalmist says, "Into thine hand I commit my spirit, for thou hast redeemed me." *(Psalm XXXI, 5.)* The implication here is clear. It is the spirit of life in Christ and in us which makes us sons of God, and it is that sonship (with its quality of divinity) which is the guarantee of our final accomplishment and entrance into the kingdom of spirit. The sign given is expressed in the words: "Behold, the veil of the temple was rent in twain from the top to the bottom." *(St. Matthew, XXVII, 51.)* Access to God was established, and the inner spiritual forces could pass out without hindrance into manifestation. This was an act of God, a stupendous recognition by the Father of what His [225] Son had done. Spirit and matter were now one. All separating barriers were abolished, and man and God could meet and hold intercourse.

In an ancient scripture of India we read these words, spoken thousands of years ago, yet capable of being applied in a most significant manner to this act of Christ, which linked Him up not only with ourselves and all past believers prior to His advent, but with the Cosmic Christ, so unmistakably speaking here:

"Brahma, the self-effulgent meditated. He considered ... Come, let me sacrifice myself in living things and all living things in

Thượng Đế và Cha của tất cả, Đấng ở trên tất cả, xuyên qua tất cả, và trong tất cả các ngươi."

EPHESIANS, IV, 4, 5, 6.

Hơn nữa, trong những lời về sau được Đức Christ sử dụng, tác giả thánh vịnh nói: "Con phó thác tinh thần con trong tay Ngài, vì Ngài đã cứu chuộc con." *(Psalm XXXI, 5.)* Hàm ý ở đây rõ ràng. Chính tinh thần của sự sống trong Đức Christ và trong chúng ta khiến chúng ta trở thành con cái của Thượng Đế, và chính tư cách làm con ấy, cùng với phẩm tính thiên tính của nó, là bảo chứng cho sự hoàn thành cuối cùng của chúng ta và lối vào giới tinh thần. Dấu hiệu được ban được diễn tả trong các lời: "Kìa, bức màn trong đền thờ bị xé làm đôi từ trên xuống dưới." *(Thánh Matthew, XXVII, 51.)* Lối đến với Thượng Đế đã được thiết lập, và các mãnh lực tinh thần bên trong có thể tuôn ra không bị cản trở vào sự biểu hiện. Đây là một hành động của Thượng Đế, một sự nhận biết phi thường của Đức Cha về điều Con của Ngài [225] đã làm. Tinh thần và vật chất bấy giờ là một. Mọi hàng rào chia cách đều bị xóa bỏ, và con người cùng Thượng Đế có thể gặp gỡ và giao tiếp.

Trong một thánh thư cổ của Ấn Độ, chúng ta đọc những lời này, được nói ra hàng ngàn năm trước, nhưng vẫn có thể áp dụng theo một cách đầy thâm nghĩa cho hành động này của Đức Christ, vốn liên kết Ngài không chỉ với chúng ta và tất cả những tín đồ quá khứ trước khi Ngài giáng lâm, mà còn với Đức Christ Vũ Trụ, Đấng đang nói ở đây một cách không thể nhầm lẫn:

"Brahma, Đấng tự chói sáng, đã tham thiền. Ngài suy xét... Nào, hãy để Ta hiến tế chính mình trong các sinh linh, và mọi sinh linh trong Chính Ta... Nhờ vậy Ngài đạt được sự

Myself ... He thus acquired greatness, self-effulgence, lordship and mastery."

vĩ đại, sự tự chói sáng, quyền chủ tể và quyền năng làm chủ."

In concluding this chapter upon the Crucifixion, let us consider what really was the purpose of Christ's sacrifice. Why did He die? We are told why most clearly in St. John's Gospel, and yet very little emphasis has been laid upon the statement. Only today are we beginning to understand the meaning of what He did. Only today is the wonder of His sacrifice beginning to dawn upon the minds of those whose intuition is awakened. He came primarily to do two things, upon both of which we have already touched: first of all, He came to found, or to materialise upon the earth, the kingdom of God; secondly, to show us what the love of God signified and how it expressed itself in service and in the eternal sacrifice of divinity upon the cross of matter. Christ stood as a symbol and also as an example. He revealed to us God's Mind, and showed us the pattern upon which we should mould our lives.

Khi kết thúc chương này về Cuộc Đóng Đinh, chúng ta hãy xem xét đâu thật sự là mục đích sự hi sinh của Đức Christ. Tại sao Ngài chết? Chúng ta được cho biết lý do một cách rõ ràng nhất trong Phúc Âm Thánh John, nhưng lời tuyên bố ấy lại được nhấn mạnh rất ít. Chỉ ngày nay chúng ta mới bắt đầu thấu hiểu ý nghĩa của điều Ngài đã làm. Chỉ ngày nay điều kỳ diệu trong sự hi sinh của Ngài mới bắt đầu ló rạng trong trí tuệ của những người có trực giác được đánh thức. Ngài đến chủ yếu để làm hai việc, mà chúng ta đã đề cập đến cả hai: trước hết, Ngài đến để thiết lập, hay hiện hình trên Trái Đất, Thiên Giới; thứ hai, để chỉ cho chúng ta thấy tình thương của Thượng đế hàm ý điều gì và nó biểu lộ ra sao trong phụng sự và trong sự hi sinh vĩnh cửu của thiên tính trên thập giá của vật chất. Đức Christ đứng như một biểu tượng và cũng như một gương mẫu. Ngài mặc khải cho chúng ta Trí của Thượng đế, và chỉ cho chúng ta mô hình theo đó chúng ta nên khuôn đúc đời sống mình.

The kingdom and the service! These are the keynotes which today have in them that rallying power which the believers of the world demand. Christ shared with us, as a human being, the path of world experience. He mounted the Cross and showed us in His sacrifice and example what we had to do. He shared with us the way of life, because there was nothing else for Him to do, as He was a human [226] being. But He threw upon this life experience the radiant light of divinity itself, telling us also to "let our light shine." *(St. Matthew, V, 16.)* He proclaimed Himself Man, and then told us that we were the children of God. He was with us then, and He is with us now, for He is in us all the time,

Thiên Giới và sự phụng sự! Đây là những chủ âm ngày nay mang trong chúng quyền năng quy tụ mà các tín đồ của thế giới đòi hỏi. Đức Christ đã chia sẻ với chúng ta, như một con người, con đường kinh nghiệm thế gian. Ngài bước lên Thập giá và chỉ cho chúng ta, trong sự hi sinh và gương mẫu của Ngài, điều chúng ta phải làm. Ngài chia sẻ với chúng ta con đường sự sống, vì không có điều gì khác để Ngài làm, bởi Ngài là một con người [226]. Nhưng Ngài đã chiếu lên kinh nghiệm sống này ánh sáng rạng ngời của chính thiên tính, đồng thời bảo chúng ta "hãy để ánh sáng của mình chiếu sáng." *(Thánh Matthew, V, 16.)* Ngài tuyên bố Chính Mình là Con Người, rồi bảo chúng ta rằng chúng ta là con cái của Thượng đế. Khi ấy

although very often unrecognised and unapproached.

Ngài ở cùng chúng ta, và nay Ngài vẫn ở cùng chúng ta, vì Ngài ở trong tất cả chúng ta mọi lúc, dù rất thường khi không được nhận biết và không được tìm đến.

The outstanding lesson with which we are confronted is the fact that "... human nature as we know it can neither attain happiness without suffering, nor perfection without the sacrifice of itself." *('Mirage and Truth, by M. B. D'Arcy, S.J., p. 179.)* For us the kingdom constitutes the vision, but for Christ it was a reality. The service of the kingdom is our duty and also our method of release from the thraldom of human experience. We must grasp this; we must realise that we shall find release only in the service of the kingdom. We have been held too long by the dogmas of the past, and there is today a natural revolt against the idea of individual salvation through the blood sacrifice of Christ. This latter is the outer and more obvious teaching—but it is the inner meaning which really concerns us, and this we can sense only when we ourselves come face to face with that which dwells within. As the outer forms lose their power it frequently happens that the true significance emerges. This we have each to prove for himself. Frequently fear prevents us from being truthful and from facing facts. It is essential that today we face the problem of the relation of Christ to the modern world, and dare to see the truth, without any theological bias. Our personal experience of Christ will not suffer in this process. No modern view and no theology can take Christ away from the soul which has once known Him. That is outside the range of possibility. But it is quite possible that we may find the ordinary orthodox theological interpretation at fault. It is quite possible that Christ is far more inclusive than we have been led to believe, and that the heart of God the Father is far kinder

Bài học nổi bật mà chúng ta đối diện là sự kiện rằng "... bản chất con người như chúng ta biết không thể đạt hạnh phúc nếu không có đau khổ, cũng không thể đạt sự hoàn thiện nếu không hi sinh chính mình." *('Ảo Ảnh và Chân Lý', của M. B. D'Arcy, S.J., tr. 179.)* Đối với chúng ta, Thiên Giới cấu thành linh ảnh, nhưng đối với Đức Christ, đó là một thực tại. Phụng sự Thiên Giới là bổn phận của chúng ta và cũng là phương pháp giải thoát chúng ta khỏi sự nô lệ của kinh nghiệm nhân loại. Chúng ta phải nắm vững điều này; chúng ta phải nhận ra rằng chúng ta sẽ chỉ tìm thấy giải thoát trong phụng sự Thiên Giới. Chúng ta đã bị các giáo điều của quá khứ kìm giữ quá lâu, và ngày nay có một sự phản kháng tự nhiên đối với ý tưởng cứu rỗi cá nhân qua sự hi sinh bằng máu của Đức Christ. Điều sau này là giáo huấn bên ngoài và hiển nhiên hơn—nhưng chính ý nghĩa bên trong mới thật sự liên quan đến chúng ta, và điều này chúng ta chỉ có thể cảm nhận khi chính chúng ta đối diện với điều cư ngụ bên trong. Khi các hình tướng bên ngoài mất quyền năng, thường xảy ra việc thâm nghĩa chân thật xuất hiện. Mỗi chúng ta phải tự chứng minh điều này cho mình. Thường khi, nỗi sợ ngăn chúng ta trung thực và đối diện với sự kiện. Ngày nay, điều thiết yếu là chúng ta phải đối diện vấn đề mối liên hệ của Đức Christ với thế giới hiện đại, và dám thấy chân lý, không thiên kiến thần học. Kinh nghiệm cá nhân của chúng ta về Đức Christ sẽ không bị tổn hại trong tiến trình này. Không quan điểm hiện đại nào và không nền thần học nào có thể lấy Đức Christ khỏi linh hồn đã từng biết Ngài. Điều đó nằm ngoài phạm vi khả thể. Nhưng rất có thể chúng ta sẽ thấy lối diễn giải thần học chính thống thông thường là sai lầm. Rất có thể Đức

[227] than those who have sought to interpret it. We have preached a God of love and have spread a doctrine of hate. We have taught that Christ died to save the world and have endeavoured to show that only believers could be saved— though millions live and die without ever hearing of Christ. We live in a world of chaos, endeavouring to build a kingdom of God divorced from current daily life and the general economic situation, and at the same time postulate a distant heaven which we may some day attain. But Christ founded a kingdom on earth, wherein all God's children would have equal opportunity of expressing themselves as sons of the Father. This, many Christians find impossible to accept, and some of the best minds of the age have repudiated the idea.

Christ bao gồm hơn nhiều so với điều người ta đã dẫn chúng ta tin, và trái tim của Thượng đế Cha nhân từ hơn [227] nhiều so với những người đã tìm cách diễn giải nó. Chúng ta đã rao giảng một Thượng đế của tình thương và đã truyền bá một giáo lý của hận thù. Chúng ta đã dạy rằng Đức Christ chết để cứu thế giới và đã cố gắng chứng minh rằng chỉ các tín đồ mới có thể được cứu —dù hàng triệu người sống và chết mà chưa bao giờ nghe nói đến Đức Christ. Chúng ta sống trong một thế giới hỗn loạn, cố gắng xây dựng một Thiên Giới tách rời khỏi đời sống hằng ngày hiện tại và tình hình kinh tế chung, đồng thời giả định một thiên đường xa xôi mà một ngày nào đó chúng ta có thể đạt tới. Nhưng Đức Christ đã thiết lập một Thiên Giới trên Trái Đất, trong đó mọi con cái của Thượng đế đều có cơ hội bình đẳng để biểu lộ chính mình như các con của Cha. Điều này, nhiều tín đồ Cơ Đốc giáo thấy không thể chấp nhận, và một số trí tuệ ưu tú nhất của thời đại đã bác bỏ ý tưởng ấy.

Individual salvation is surely selfish in its interest and its origin. We must serve in order to be saved, and only can we serve intelligently if we believe in the divinity of all men and also in Christ's outstanding service to the race. The kingdom is a kingdom of servers, for every saved soul must without compromise join the ranks of those who ceaselessly serve their fellowmen. Dr. Schweitzer, whose vision of the kingdom of God is so rare and real, points out this truth and its gradations of recognition in the following words:

Sự cứu rỗi cá nhân chắc chắn là ích kỷ trong mối quan tâm và trong nguồn gốc của nó. Chúng ta phải phụng sự để được cứu, và chúng ta chỉ có thể phụng sự một cách sáng suốt nếu chúng ta tin vào thiên tính của mọi người và cũng tin vào sự phụng sự nổi bật của Đức Christ đối với nhân loại. Thiên Giới là một giới của những người phụng sự, vì mỗi linh hồn được cứu phải không thỏa hiệp mà gia nhập hàng ngũ những người không ngừng phụng sự đồng loại mình. Tiến sĩ Schweitzer, người có tầm nhìn về Thiên Giới hiếm có và chân thật đến thế, chỉ ra chân lý này và các cấp độ nhận biết của nó trong những lời sau:

"The descending stages of service correspond to the ascending stages of rule.

"Các giai đoạn đi xuống của phụng sự tương ứng với các giai đoạn đi lên của sự cai quản.

1. Whosoever would become great *among you*, shall be *your* servant. *(Mark X.43.)*

2. Whosoever of *you* would be first, shall be bondservant of *all* (others). (*Mark X.44.*)

3. Therefore the Son of Man expected the post of highest rule because he was not come to be served but to serve, in giving his life as ransom for many. *(Mark X.45.)*

"The climax is a double one. The service of the Disciples extended only to their circle: the service of Jesus to an unlimited number, namely, to all such as were to benefit by his suffering and death. In the case of the Disciples it was merely a question of [228] unselfish *subjection*: in the case of Jesus it meant the bitter *suffering of death*. Both count as serving, inasmuch as they establish a claim to a position of rule in the Kingdom."

THE MYSTERY OF THE KINGDOM OF GOD', BY ALBERT SCHWEITZER, P. 75.

Love is the beginning, and love the end, and in love we serve and work. The long journey ends thus, in the glory of the renunciation of personal desire, and in the dedication to living service.

1. Ai muốn trở nên lớn lao *giữa các bạn*, sẽ là người phụng sự *của các bạn*. *(Mark X.43.)*

2. Ai trong *các bạn* muốn đứng đầu, sẽ là tôi tớ của *tất cả* những người khác. (*Mark X.44.*)

3. Vì vậy Con Người đã mong đợi địa vị cai quản cao nhất, bởi Ngài đến không phải để được phụng sự mà để phụng sự, bằng cách hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người. *(Mark X.45.)*

"Đỉnh điểm là một đỉnh kép. Sự phụng sự của các Đệ tử chỉ mở rộng đến vòng của họ; sự phụng sự của Đức Jesus mở rộng đến một số lượng không giới hạn, tức là đến tất cả những ai sẽ được lợi ích nhờ đau khổ và cái chết của Ngài. Trong trường hợp các Đệ tử, đó chỉ là vấn đề [228] *quy phục* vô kỷ; trong trường hợp Đức Jesus, điều đó có nghĩa là *nỗi đau cay đắng của cái chết*. Cả hai đều được kể là phụng sự, vì chúng thiết lập một quyền đòi hỏi một vị trí cai quản trong Thiên Giới."

BÍ NHIỆM CỦA THIÊN GIỚI', CỦA ALBERT SCHWEITZER, TR. 75.

Tình thương là khởi đầu, và tình thương là kết thúc, và trong tình thương chúng ta phụng sự và hoạt động. Như vậy, cuộc hành trình dài kết thúc trong vinh quang của sự từ bỏ dục vọng cá nhân và trong sự hiến dâng cho phụng sự sống động.

CHAPTER SIX - The Fifth Initiation . . . The Resurrection and Ascension – CHƯƠNG SÁU - Lần điểm đạo thứ năm . . . Sự Phục Sinh và Thăng Thiên

KEY THOUGHT

"Apart from Christ we know neither what our life nor our death is; we do not know what God is nor what we ourselves are."

PASCAL: PENSÉES

"There is a Soul above the soul of each,

A mightier soul which yet to each belongs!

There is a sound made of all human speech,

And numerous as the concourse of all songs:

And in that Soul lives each, in each that Soul,

Tho' all the ages are its lifetime vast;

Each soul that dies in its most sacred whole

Receiveth life that shall for ever last."

RICHARD WATSON DIXON

[231] This initiation is divided into two halves, and of neither of them do we know very much. The detail of the Resurrection episode, or crisis, in Christ's life is left untold

TƯ TƯỞNG THEN CHỐT

"Ngoài Đức Christ, chúng ta không biết đời sống hay cái chết của mình là gì; chúng ta không biết Thượng đế là gì, cũng không biết chính chúng ta là gì."

PASCAL: TƯ TƯỞNG

"Có một Linh Hồn ở trên linh hồn của mỗi người,

Một linh hồn hùng mạnh hơn mà vẫn thuộc về từng người!

Có một âm thanh làm nên từ mọi lời nói của nhân loại,

Và đông đảo như hội tụ của mọi bài ca:

Và trong Linh Hồn ấy mỗi linh hồn sống, trong mỗi linh hồn có Linh Hồn ấy,

Dù mọi thời đại là đời sống bao la của nó;

Mỗi linh hồn chết đi trong toàn thể thiêng liêng nhất của mình

Đều nhận được sự sống sẽ trường tồn mãi mãi."

RICHARD WATSON DIXON

[231] Lần điểm đạo này được chia thành hai nửa, và về cả hai nửa ấy chúng ta đều biết rất ít. Chi tiết của biến cố Phục Sinh, hay cuộc khủng hoảng trong đời sống Đức Christ,

by the writers of the New Testament. It was not possible for them to know more. After the Crucifixion we are told little of Christ's own life, or what occupied Him between the time He rose again until He left the company of the Apostles, and "ascended into Heaven"—a symbolic phrase which can mean very little to any of us. The crucial initiation for humanity to understand at this time is the fourth. Only when we have mastered the significance of service and sacrifice can the fact of immortality and its true meaning be revealed to us. How Christ rose, what were the processes undergone, in exactly what body He appeared, we cannot tell. We are assured by the Apostles that it resembled the one He had previously employed, but whether it was the same body miraculously resurrected; whether it was His spiritual body, which appeared to be the same to the physical eyes of those who loved Him, or whether He had constructed an entirely new body on the same general lines as the previous one, it is not possible for us to say; neither is it possible for us to be confident that the vision of the disciples was not supernormal or that, through the intensification of His expressed divinity, Christ had so stimulated their inner vision that they saw clairvoyantly, or in another dimension. The important matter was that He did rise again, that He was seen of many, [232] and that the fact of His resurrection was credited in the minds of His friends and for the two or three centuries after His departure.

không được các tác giả Tân Ước thuật lại. Họ không thể biết nhiều hơn. Sau Cuộc Đóng Đinh, chúng ta được cho biết rất ít về đời sống riêng của Đức Christ, hay điều gì đã chiếm lĩnh Ngài trong khoảng thời gian từ khi Ngài sống lại cho đến khi Ngài rời khỏi đoàn Tông đồ và "thăng lên Thiên Đàng"—một cụm từ biểu tượng có thể có rất ít ý nghĩa đối với bất cứ ai trong chúng ta. Lần điểm đạo then chốt mà nhân loại cần thấu hiểu vào lúc này là lần thứ tư. Chỉ khi chúng ta đã làm chủ thâm nghĩa của phụng sự và hi sinh, sự kiện bất tử và ý nghĩa chân thật của nó mới có thể được mặc khải cho chúng ta. Đức Christ đã sống lại như thế nào, các tiến trình Ngài đã trải qua là gì, Ngài xuất hiện chính xác trong loại thể nào, chúng ta không thể nói. Các Tông đồ bảo đảm với chúng ta rằng thể ấy giống thể Ngài đã dùng trước đó, nhưng đó có phải là cùng một thân thể được phục sinh một cách kỳ diệu; hay đó là thể tinh thần của Ngài, trông có vẻ như cùng một thể đối với đôi mắt hồng trần của những người yêu mến Ngài; hay Ngài đã kiến tạo một thân thể hoàn toàn mới theo cùng những đường nét tổng quát như thể trước đó, chúng ta không thể nói; chúng ta cũng không thể tin chắc rằng tầm nhìn của các đệ tử không phải là siêu thường, hoặc rằng, qua sự tăng cường thiên tính được biểu lộ của Ngài, Đức Christ đã kích thích linh thị bên trong của họ đến mức họ thấy bằng thông nhãn, hay trong một chiều kích khác. Điều quan trọng là Ngài đã sống lại, Ngài đã được nhiều người thấy [232], và sự kiện phục sinh của Ngài đã được tin nhận trong trí tuệ của bạn hữu Ngài và trong hai hoặc ba thế kỷ sau khi Ngài ra đi.

The psychology of the disciples is the best proof we have of the reality of their conviction that death could not hold the Saviour, and that after death He was present and living among them. It is difficult for us to gain this high achievement in

Tâm lý của các đệ tử là bằng chứng tốt nhất chúng ta có về thực tại niềm xác tín của họ rằng cái chết không thể giữ Đấng Cứu Thế, và rằng sau cái chết Ngài hiện diện và sống giữa họ. Chúng ta khó đạt được thành tựu cao trong tâm thức mà họ đã biểu lộ. Dường

consciousness which they showed. Apparently their world had come to an end upon the Cross. Christ had apparently failed them, and instead of being the divine Son of God, and King of the Jews, He was nothing but an ordinary man, convicted of treason and punished as a common malefactor. What they must have endured during the three days of His absence it is not hard for us to imagine. Hopelessness, despair, the loss of confidence in themselves and of prestige among their friends; the cause for which they had been so ready to dedicate themselves, as they tramped with Christ from place to place in the Holy Land, had ended and collapsed. Their Leader was discredited. Then something happened to alter the whole trend of their thought. All that had been lost of confidence and hope and purpose was restored, and the first few centuries of the Christian history (before theology gave a turn to interpretation, and so altered the Gospel of love into a cult of separation) reveal to us

như thế giới của họ đã chấm dứt trên Thập giá. Dường như Đức Christ đã làm họ thất vọng, và thay vì là Con thiêng liêng của Thượng đế, là Vua dân Do Thái, Ngài chẳng là gì ngoài một người thường, bị kết án phản quốc và bị trừng phạt như một tội phạm thông thường. Chúng ta không khó hình dung điều họ hẳn đã chịu đựng trong ba ngày Ngài vắng mặt. Sự tuyệt vọng, nỗi chán chường, sự mất niềm tin nơi chính mình và mất uy tín giữa bạn hữu; chính nghĩa mà họ đã sẵn sàng hiến mình, khi họ theo Đức Christ đi từ nơi này đến nơi khác trong Đất Thánh, đã kết thúc và sụp đổ. Vị Lãnh đạo của họ bị mất uy tín. Rồi một điều gì đó đã xảy ra, làm thay đổi toàn bộ khuynh hướng tư tưởng của họ. Tất cả những gì đã mất về niềm tin, hy vọng và mục đích đều được phục hồi, và vài thế kỷ đầu của lịch sử Cơ Đốc giáo, trước khi thần học bẻ hướng sự diễn giải và do đó biến đổi Phúc Âm của tình thương thành một giáo phái của chia rẽ, mặc khải cho chúng ta

"... a company of men and women full of confidence, enthusiasm and courage, ready to face persecution and death, eager missionaries. What has given them this new character? Not long before some of them had fled in dismay at the first threat of personal danger. When Jesus was crucified they had lost the last glimmer of hope that he might prove to be the Christ. When he was placed in the tomb, Christianity was dead and buried too. Now we meet these men and women a few weeks later and they are utterly changed. It is not that there is some faint return of hope among a few of them. All are completely certain that Jesus is indeed the Christ. What has happened to cause this transformation? Their answer is unanimous: on the third day he rose from the dead."

"... một đoàn những người nam và nữ đầy tự tin, nhiệt thành và can đảm, sẵn sàng đối diện với bách hại và cái chết, là những nhà truyền giáo hăng hái. Điều gì đã ban cho họ tính cách mới này? Không lâu trước đó, một số người trong họ đã chạy trốn trong kinh hoàng trước mối đe dọa đầu tiên của nguy hiểm cá nhân. Khi Đức Jesus bị đóng đinh, họ đã mất tia hy vọng cuối cùng rằng Ngài có thể chứng tỏ là Đức Christ. Khi Ngài được đặt trong mộ, Cơ Đốc giáo cũng đã chết và bị chôn theo. Nay chúng ta gặp lại những người nam và nữ này vài tuần sau đó, và họ đã hoàn toàn đổi khác. Không phải chỉ có một tia hy vọng mờ nhạt trở lại nơi vài người trong họ. Tất cả đều hoàn toàn chắc chắn rằng Đức Jesus quả thật là Đức Christ. Điều gì đã xảy ra để gây nên sự chuyển đổi này?

Câu trả lời của họ là nhất trí: ngày thứ ba Ngài đã sống lại từ cõi chết."

'THE VALLEY AND BEYOND', BY ANTHONY C. DEANE, P. 72.

'THUNG LŨNG VÀ BÊN KIA', CỦA ANTHONY C. DEANE, TR. 72.

[233] "Christ is risen," is their cry, and because He has risen the kingdom of God can go forward upon earth, and His message of love can be widely distributed. They know now, past all controversy, that He has overcome death, and that in the years that lie ahead they will see death vanquished. That they expected an immediate kingdom and that they looked to see the fact of immortality universally recognised is evident from their writings and their enthusiasm. That they were mistaken, nearly two thousand years of Christianity has proved. We are not yet citizens of a divine kingdom definitely manifesting upon earth, the fear of death is as strong as ever, and the fact of immortality is still but a source of speculation to millions. But it was their sense of time that was at fault, and their failure to understand the slow processes of nature. Evolution moves slowly, and it is only today that we are truly on the verge of the demonstration of God's kingdom upon earth. Because this is the end of an age, we know that before long the hold death has on the human being, and the terror which the angel of death inspires, will disappear. They will vanish because we shall regard death as only another step on the way towards light and life, and shall realise that, as the Christ life expresses itself in and through human beings, they will demonstrate to themselves, and in the world, the reality of immortality.

[233] "Đức Christ đã sống lại," là tiếng kêu của họ, và vì Ngài đã sống lại nên Thiên Giới có thể tiến tới trên Trái Đất, và thông điệp tình thương của Ngài có thể được truyền rộng. Giờ đây họ biết, vượt khỏi mọi tranh cãi, rằng Ngài đã chiến thắng cái chết, và rằng trong những năm trước mặt họ sẽ thấy cái chết bị khuất phục. Việc họ mong đợi một Thiên Giới tức thời và trông thấy sự kiện bất tử được công nhận phổ quát là điều hiển nhiên từ các trước tác và lòng nhiệt thành của họ. Việc họ đã lầm, gần hai nghìn năm Cơ Đốc giáo đã chứng minh. Chúng ta chưa phải là công dân của một Thiên Giới thiêng liêng đang biểu hiện rõ ràng trên Trái Đất, nỗi sợ chết vẫn mạnh như xưa, và sự kiện bất tử vẫn chỉ là nguồn suy đoán đối với hàng triệu người. Nhưng chính cảm thức của họ về thời gian đã sai, và họ đã không thấu hiểu các tiến trình chậm rãi của thiên nhiên. Tiến hoá chuyển động chậm, và chỉ ngày nay chúng ta mới thật sự ở trên ngưỡng của sự chứng minh Thiên Giới trên Trái Đất. Vì đây là cuối một thời đại, chúng ta biết rằng chẳng bao lâu nữa sự kìm giữ mà cái chết đặt lên con người, và nỗi kinh hoàng mà thiên thần của cái chết gây ra, sẽ biến mất. Chúng sẽ tan biến vì chúng ta sẽ xem cái chết chỉ là một bước khác trên đường hướng tới ánh sáng và sự sống, và sẽ nhận ra rằng, khi sự sống Christ biểu lộ trong và qua con người, họ sẽ chứng minh cho chính mình và trong thế giới thực tại của sự bất tử.

The key to the overcoming of death and to the processes of realising the meaning and nature of eternity and the continuity of life

Chìa khóa để chiến thắng cái chết và để thực hiện các tiến trình chứng nghiệm ý nghĩa và bản chất của vĩnh cửu cùng tính liên tục của

can with safety be revealed only when love holds sway over the human consciousness, and where the good of the whole, and not the selfish good of the individual, comes to be the supreme regard. Only through love (and service as the expression of love) can the real message of Christ be understood and men pass on towards a joyful resurrection. Love makes us humbler, and at the same time wiser. It penetrates to the heart of reality and has a faculty of discovering the truth hidden by a form. The early Christians were simple in this way because they loved one another, because [234] they loved Christ and the Christ within each other. Dr. Grensted points this out in the following words, giving us a fine summation of the attitude of the early Christians and of their approach, in those enthusiastic days, to Christ and to life in the world:

sự sống chỉ có thể được mặc khải an toàn khi tình thương ngự trị trên tâm thức con người, và khi điều thiện của toàn thể, chứ không phải điều thiện ích kỷ của cá nhân, trở thành mối quan tâm tối thượng. Chỉ qua tình thương, và phụng sự như biểu lộ của tình thương, thông điệp chân thật của Đức Christ mới có thể được thấu hiểu và con người mới tiến tới một sự phục sinh hoan hỉ. Tình thương làm chúng ta khiêm nhường hơn, đồng thời minh triết hơn. Nó thâm nhập đến trái tim của thực tại và có khả năng khám phá chân lý bị một hình tướng che giấu. Những tín đồ Cơ Đốc giáo sơ khai đơn sơ theo cách này vì họ yêu thương nhau, vì [234] họ yêu thương Đức Christ và Đức Christ bên trong nhau. Tiến sĩ Grensted chỉ ra điều này trong những lời sau, trao cho chúng ta một tổng kết đẹp đẽ về thái độ của các tín đồ Cơ Đốc giáo sơ khai và cách họ tiếp cận Đức Christ cùng đời sống trong thế gian, vào những ngày đầy nhiệt thành ấy:

"They spoke in plain terms of God. They did not think of Jesus of Nazareth as a crucial experiment. They knew Him as Friend and Master, and they flung their whole being into the enthusiasm of His friendship and service. Their preaching was the good news about Jesus. They assumed that men already meant something when they spoke of God, and, without challenging the inheritance which they received from Judaism, they set side by side with it the Jesus whom they had known living, and dead, and alive again. They had been through much more than a time of inexplicable miracles, healings, and voices, and a strange mastery over Nature itself, and at the end a conquest of death. If they had told the world, and us, these things alone, they would have been believed. Such stories have always found a hearing. And men would still have known nothing more of the meaning of God. But their experience had been one of such a Friendship as man

"Họ nói bằng những lời giản dị về Thượng đế. Họ không nghĩ đến Đức Jesus thành Nazareth như một thử nghiệm then chốt. Họ biết Ngài như Bạn Hữu và Chân sư, và họ ném trọn bản thể mình vào nhiệt tình của tình bạn và sự phụng sự Ngài. Lời rao giảng của họ là tin mừng về Đức Jesus. Họ giả định rằng con người đã có một ý nghĩa nào đó khi nói về Thượng đế, và không thách thức di sản họ nhận từ Do Thái giáo, họ đặt bên cạnh nó Đức Jesus mà họ đã biết khi sống, khi chết, và khi lại sống. Họ đã trải qua nhiều hơn một thời kỳ của những phép lạ, chữa lành và tiếng nói không thể giải thích, của một quyền chủ tể lạ lùng trên chính Thiên nhiên, và cuối cùng là sự chinh phục cái chết. Nếu họ đã nói với thế giới và với chúng ta chỉ những điều ấy thôi, họ đã được tin. Những câu chuyện như vậy luôn tìm được người lắng nghe. Và con người vẫn sẽ chẳng biết gì thêm về ý nghĩa của Thượng đế. Nhưng kinh nghiệm của họ là kinh nghiệm

had never known, of disastrous failure and a forgiveness beyond all believing, and of a new, a free, a creative life. Nothing of all this was of their own achievement. They knew they were men remade, and they knew that the mode of their remaking was love. This was a providence, a deliverance, greater and more significant than anything that the Jew had ever claimed for the Creator-God. Yet they could not think of it as other than His work, since God, as all their national tradition taught, is One. It interpreted for them, as we might put it in our more cautious way, the creative reality to which they, with all men, had looked with uncertainty and even with fear. Henceforth the central hypothesis which men call God was known as love, and everywhere He was made manifest just in so far as love had passed out from Christ to the fellowship of the Christian community."

về một Tình Bạn mà con người chưa từng biết, về thất bại thảm hại và một sự tha thứ lớn lao đến khó tin, và về một sự sống mới, tự do, sáng tạo. Không điều nào trong tất cả điều này là thành tựu riêng của họ. Họ biết mình là những con người được làm mới, và họ biết rằng phương thức làm mới họ là tình thương. Đây là một sự quan phòng, một cuộc giải thoát, lớn lao hơn và thâm nghĩa hơn bất cứ điều gì người Do Thái từng tuyên xưng về Thượng đế-Sáng Tạo. Tuy nhiên họ không thể nghĩ về nó như điều gì khác ngoài công trình của Ngài, vì Thượng đế, như toàn bộ truyền thống dân tộc của họ dạy, là Một. Nó đã diễn giải cho họ, như chúng ta có thể nói theo cách thận trọng hơn của mình, thực tại sáng tạo mà họ, cùng mọi người, đã nhìn đến trong bất định và thậm chí trong sợ hãi. Từ đó về sau, giả thuyết trung tâm mà con người gọi là Thượng đế được biết đến như tình thương, và ở khắp nơi Ngài được biểu hiện đúng mức tình thương đã tuôn ra từ Đức Christ đến tình huynh đệ của cộng đồng tín đồ Cơ Đốc giáo."

'PSYCHOLOGY AND GOD', BY L. W. GRENSTED, P. 237.

'TÂM LÝ HỌC VÀ THƯỢNG ĐẾ', CỦA L. W. GRENSTED, TR. 237.

Christ had risen, and by His Resurrection proved that humanity had in it the seed of life, and that there was no death for the man who could follow in the steps of the Master.

Đức Christ đã sống lại, và bằng Sự Phục Sinh của Ngài chứng minh rằng nhân loại có trong mình hạt giống của sự sống, và rằng không có cái chết đối với con người có thể bước theo dấu chân của Chân sư.

[235] In the past, being wholly engrossed with consideration of the Crucifixion, we have been apt to forget the fact of the Resurrection. Yet on Easter Day, throughout the world, believers everywhere express their belief in the risen Christ and in the life beyond the grave. They have argued along many lines as to the possibility of His rising, and whether He rose as a human being or as the Son of God. They have been deeply

[235] Trong quá khứ, vì hoàn toàn bị cuốn hút vào việc xem xét Cuộc Đóng Đinh, chúng ta thường quên sự kiện Phục Sinh. Tuy nhiên vào Ngày Phục Sinh, khắp thế giới, các tín đồ ở mọi nơi bày tỏ niềm tin của họ vào Đức Christ phục sinh và vào sự sống bên kia nấm mồ. Họ đã tranh luận theo nhiều hướng về khả năng Ngài sống lại, và liệu Ngài sống lại như một con người hay như Con của Thượng đế. Họ quan tâm sâu sắc đến việc

concerned to prove that because He rose again, so shall we rise, provided we believe in Him. In order to meet the theological need of proving that God is love, we have invented a place of discipline, called by many names, such as purgatory, or the various stages of the different faiths on the road of departed spirits to heaven, because so many millions die, or have died, without ever having heard of Christ. Therefore belief in Him as an historical figure is not possible for them. We have evolved such doctrines as conditional immortality, and the atonement through the blood of Jesus, in an endeavour to glorify the personality of Jesus and safe-guard Christian believers, and to reconcile human interpretations with the truth in the Gospels. We have taught the doctrine of hell-fire and eternal punishment, and then tried to fit it in to the general belief that God is love.

chứng minh rằng vì Ngài đã sống lại, chúng ta cũng sẽ sống lại, miễn là chúng ta tin vào Ngài. Để đáp ứng nhu cầu thần học nhằm chứng minh rằng Thượng đế là tình thương, chúng ta đã phát minh một nơi rèn luyện, được gọi bằng nhiều tên, như luyện ngục, hoặc các giai đoạn khác nhau của các tín ngưỡng khác nhau trên con đường của các linh hồn đã khuất đến thiên đường, bởi vì quá nhiều triệu người chết, hoặc đã chết, mà chưa bao giờ nghe nói đến Đức Christ. Do đó, đối với họ, niềm tin vào Ngài như một nhân vật lịch sử là điều không thể. Chúng ta đã phát triển những giáo lý như bất tử có điều kiện, và sự chuộc tội qua máu của Đức Jesus, trong nỗ lực tôn vinh phàm ngã của Đức Jesus và bảo vệ các tín đồ Cơ Đốc giáo, cũng như dung hòa các diễn giải của con người với chân lý trong các Phúc Âm. Chúng ta đã dạy giáo lý về lửa địa ngục và hình phạt vĩnh cửu, rồi cố gắng ghép nó vào niềm tin chung rằng Thượng đế là tình thương.

Yet the truth is that Christ died and rose again because He was divinity immanent in a human body. Through the processes of evolution and initiation He demonstrated to us the meaning and purpose of the divine life present in Him and in us all. Because Christ was human, He rose again. Because He was also divine, He rose again, and in the enacting of the drama of resurrection He revealed to us that great concept of the continuity of unfoldment which it has ever been the task of the Mysteries of all time to reveal.

Tuy nhiên chân lý là Đức Christ đã chết và sống lại vì Ngài là thiên tính nội tại trong một thân thể con người. Qua các tiến trình tiến hoá và điểm đạo, Ngài đã chứng minh cho chúng ta ý nghĩa và mục đích của sự sống thiêng liêng hiện diện trong Ngài và trong tất cả chúng ta. Vì Đức Christ là con người, Ngài đã sống lại. Vì Ngài cũng là thiêng liêng, Ngài đã sống lại, và trong việc thực hiện vở kịch phục sinh, Ngài mặc khải cho chúng ta quan niệm vĩ đại về tính liên tục của sự khai mở, điều vốn luôn là nhiệm vụ của các Bí Nhiệm mọi thời đại phải mặc khải.

Again and again we have found that the three episodes related in the Gospel story are not isolated happenings in the life of Jesus of Nazareth, but that they have been repeatedly undergone in the secret places of the Temples of the Mysteries, from the dawn of

Hết lần này đến lần khác, chúng ta đã thấy rằng ba biến cố được thuật lại trong câu chuyện Phúc Âm không phải là những sự kiện cô lập trong đời sống Đức Jesus thành Nazareth, mà đã nhiều lần được trải qua trong những nơi bí mật của các Đền thờ Bí

time. The Saviours of the past were all [236] subjected to the processes of death in some form or other, but they all rose again or were translated to glory. In the initiation ceremonies this burial and resurrection at the end of three days was a familiar ceremonial. History tells us of many of these Sons of God who died and rose again, and finally ascended into Heaven. We find, for instance, that "the Obsequies of Adonis were celebrated in Alexandria (in Egypt) with the utmost display. His image was carried with great solemnity to a tomb, which served the purpose of rendering him the last honours. Before singing his return to life, there were mournful rites celebrated in honour of his suffering and his death. The large wound which he received was shown, just as the wound was shown which was made to Christ by the thrust of the spear. The feast of his resurrection was fixed at the 25th of March." *('Origin of Religious Belief', by Dupuis, p. 161.)* There is the same legend attached to the names of Tammuz, to Zoroaster, to Esculapius. To the latter, Ovid addressed the following words:

Nhiệm, từ buổi bình minh của thời gian. Các Đấng Cứu Thế trong quá khứ đều [236] chịu các tiến trình của cái chết dưới hình thức này hay hình thức khác, nhưng tất cả Các Ngài đều sống lại hoặc được chuyển vào vinh quang. Trong các nghi lễ điểm đạo, việc chôn cất và phục sinh này vào cuối ba ngày là một nghi lễ quen thuộc. Lịch sử kể cho chúng ta về nhiều Con của Thượng đế đã chết và sống lại, rồi cuối cùng thăng lên Thiên Đàng. Chẳng hạn, chúng ta thấy rằng "Tang lễ của Adonis được cử hành tại Alexandria, ở Ai Cập, với sự phô diễn hết mức. Tượng của Ngài được rước với nghi thức trọng thể đến một ngôi mộ, dùng để dâng cho Ngài những vinh dự cuối cùng. Trước khi hát mừng Ngài trở lại sự sống, các nghi thức bi thương được cử hành để tôn vinh sự đau khổ và cái chết của Ngài. Vết thương lớn mà Ngài nhận được được trưng bày, giống như vết thương do mũi giáo đâm vào Đức Christ cũng được trưng bày. Lễ phục sinh của Ngài được ấn định vào ngày 25 tháng Ba." *('Nguồn Gốc của Niềm Tin Tôn Giáo', của Dupuis, tr. 161.)* Cùng một huyền thoại ấy gắn với các tên Tammuz, Zoroaster, Esculapius. Với vị sau, Ovid đã ngỏ những lời sau:

"Hail, Great Physician of the world! All hail!

"Kính chào, Y Sư Vĩ Đại của thế gian! Xin kính chào!

Hail, mighty Infant who in years to come

Kính chào, Hài Nhi hùng mạnh, Đấng trong những năm sắp tới

Shall heal the nations and defraud the tomb.

Sẽ chữa lành các dân tộc và tước đoạt quyền của nấm mồ.

Swift be Thy growth, Thy triumphs unconfined

Nguyện Ngài lớn nhanh, chiến thắng của Ngài không giới hạn

Make kingdoms thicken and increase mankind.

Làm các vương quốc thêm đông và gia tăng nhân loại.

~

Thy daring art shall animate the dead,

And draw the thunder on Thy guilty head;

Then shalt Thou die, but from the dark abode

Shalt rise victorious and be twice a God."

OVID'S 'METAMORPHOSES', AS RENDERED BY ADDISON, QUOTED IN TAYLOR'S 'DIEGESIS', P. 148.

These words might have been appropriately addressed to Christ, and they serve to indicate the antiquity of the Mystery Teaching which, with unbroken continuity, has revealed the divinity in Man and shown him the Way of a Saviour. But in ancient times these mysteries were enacted in [237] secret, and the rites of initiation were administered only to those who were fitted to pass through the five great experiences from the Birth to the Resurrection. The uniqueness of Christ's work lay in the fact that He was the first to enact the whole of the initiation ceremonial rites and ritual publicly, before the world at large, thus giving to humanity a demonstration of divinity centred in one person, so that all could see, could know, believe and follow in His steps.

The same stories are told of Hercules, of Baldur, of Mithra, of Bacchus, and of Osiris, to mention only a few of a large number. One of the early Church Fathers, Firmicus

~

Nghệ thuật táo bạo của Ngài sẽ làm người chết sống lại,

Và kéo sấm sét xuống trên đầu có tội của Ngài;

Rồi Ngài sẽ chết, nhưng từ nơi cư ngụ tối tăm

Sẽ trỗi dậy chiến thắng và hai lần là một vị thần."

'BIẾN HÌNH' CỦA OVID, DO ADDISON DIỄN DỊCH, TRÍCH TRONG 'DIEGESIS' CỦA TAYLOR, TR. 148.

Những lời này hẳn đã có thể được ngỏ một cách thích đáng với Đức Christ, và chúng cho thấy tính cổ xưa của Giáo Huấn Bí Nhiệm, vốn với tính liên tục không gián đoạn, đã mặc khải thiên tính trong Con Người và chỉ cho y Con Đường của một Đấng Cứu Thế. Nhưng thời xưa, các bí nhiệm này được thực hiện trong [237] bí mật, và các nghi thức điểm đạo chỉ được trao cho những ai đủ tư cách đi qua năm kinh nghiệm lớn từ Giáng Sinh đến Phục Sinh. Tính độc đáo trong công việc của Đức Christ nằm ở sự kiện rằng Ngài là Đấng đầu tiên thực hiện toàn bộ các nghi thức và lễ thức điểm đạo một cách công khai, trước toàn thế giới, nhờ đó trao cho nhân loại một sự chứng minh về thiên tính tập trung trong một người, để tất cả có thể thấy, có thể biết, tin và bước theo dấu chân Ngài.

Cũng những câu chuyện ấy được kể về Hercules, Baldur, Mithra, Bacchus và Osiris, chỉ nêu vài vị trong số rất nhiều. Một trong các Giáo phụ đầu tiên của Giáo hội, Firmicus

Maternus, tells us that the mysteries of Osiris bear a close resemblance to the Christian teaching, and that after the resurrection of Osiris his friends rejoice together, saying, "We have found him." Annie Besant points out in an illuminating passage that:

"In the Christian Mysteries—as in the ancient Egyptian, Chaldean, and others—there was an outer symbolism which expressed the stages through which the man was passing. He was brought into the chamber of Initiation, and was stretched on the ground with his arms extended, sometimes on a cross of wood, sometimes merely on the stone floor, in the posture of a crucified man. He was then touched with the thyrsus on the heart—the 'spear' of the crucifixion—and, leaving the body, he passed into the worlds beyond, the body falling into a deep trance, the death of the crucified. The body was placed in a sarcophagus of stone, and there left, carefully guarded. Meanwhile the man himself was treading first the strange obscure regions called 'the heart of the earth,' and thereafter the heavenly mount, where he put on the perfected bliss body, now fully organised as a vehicle of consciousness. In that he returned to the body of flesh, to re-animate it. The cross bearing that body, or the entranced and rigid body, if no cross had been used, was lifted out of the sarcophagus and placed on a sloping surface, facing the east, ready for the rising of the sun on the third day. At the moment that the rays of the sun touched the face, the Christ, the perfected Initiate or Master, re-entered the body, glorifying it by the bliss body He was wearing, changing the body of flesh by contact with the body of bliss, giving [238] it new properties, new powers, new capacities, transmuting it into His own likeness. That was the Resurrection

Maternus, nói với chúng ta rằng các bí nhiệm của Osiris rất giống với giáo huấn Cơ Đốc giáo, và rằng sau sự phục sinh của Osiris, bạn hữu Ngài cùng vui mừng, nói rằng: "Chúng ta đã tìm thấy Ngài." Bà Annie Besant chỉ ra trong một đoạn văn soi sáng rằng:

"Trong các Bí Nhiệm Cơ Đốc giáo—cũng như trong các Bí Nhiệm Ai Cập, Chaldea cổ đại và những nơi khác—có một biểu tượng bên ngoài diễn tả các giai đoạn mà con người đang đi qua. Y được đưa vào phòng Điểm đạo, và được đặt nằm trên đất với hai tay dang rộng, đôi khi trên một thập giá bằng gỗ, đôi khi chỉ trên sàn đá, trong tư thế của một người bị đóng đinh. Rồi y được chạm vào trái tim bằng cây trượng thyrsus—'ngọn giáo' của cuộc đóng đinh—và, rời khỏi thể xác, y đi vào các thế giới bên kia, thể xác rơi vào một cơn xuất thần sâu, cái chết của người bị đóng đinh. Thể xác được đặt trong một quan tài đá và để lại đó, được canh giữ cẩn mật. Trong khi đó, chính con người ấy trước hết đang bước qua những miền xa lạ, u tối, gọi là 'trái tim của đất', rồi sau đó là ngọn núi thiên thượng, nơi y khoác lấy thể chí phúc hoàn thiện, nay đã được tổ chức đầy đủ như một vận cụ của tâm thức. Trong thể ấy, y trở lại với thể xác bằng thịt để làm nó sống lại. Thập giá mang thể xác ấy, hoặc thể xác trong trạng thái xuất thần và cứng đờ nếu không dùng thập giá, được nâng ra khỏi quan tài đá và đặt trên một mặt nghiêng, hướng về phía đông, sẵn sàng cho mặt trời mọc vào ngày thứ ba. Vào khoảnh khắc các tia mặt trời chạm vào khuôn mặt, Đức Christ, điểm đạo đồ hoàn thiện hay Chân sư, trở lại thể xác, làm nó vinh quang bằng thể chí phúc mà Ngài đang mang, biến đổi thân thể bằng thịt qua sự tiếp xúc với thể chí phúc, ban cho [238] nó những đặc tính mới, những quyền năng mới, những năng lực mới, chuyển hoá nó theo hình ảnh của chính Ngài. Đó là Sự Phục Sinh của Đức Christ, và sau đó chính

of the Christ, and thereafter the body of flesh itself was changed, and took on a new nature."

thân thể bằng thịt được biến đổi và khoác lấy một bản chất mới."

'ESOTERIC CHRISTIANITY', BY ANNIE BESANT, PP. 247, 248, 249.

'CƠ ĐỐC GIÁO NỘI MÔN', CỦA ANNIE BESANT, TR. 247, 248, 249.

Thus we find that the resurrection story is of very ancient date, and that God has always held before humanity, through the Mysteries and through His illumined Sons, the fact of immortality, as before our Christian world, through the death and resurrection of His beloved Son, Jesus Christ.

Như vậy, chúng ta thấy rằng câu chuyện phục sinh có từ rất cổ xưa, và rằng Thượng đế luôn đặt trước nhân loại, qua các Bí Nhiệm và qua các Người Con được soi sáng của Ngài, sự kiện bất tử, cũng như trước thế giới Cơ Đốc giáo của chúng ta, qua cái chết và sự phục sinh của Người Con yêu dấu của Ngài, Đức Jesus Christ.

This whole problem of death and immortality is engrossing a great deal of public attention at this time. The World War brought the fact of death before the public consciousness in a new and arresting manner. There was scarcely a family in over twenty nations which had not been bereft by death, in some form or other. The world has passed through a process of dying, and at the present time the mystery of the Resurrection is becoming a theme of major importance in men's minds. The thought of the Resurrection is coming closer, and its significance has been the central idea of the Masonic Fraternity down the ages, forming the focal point of the work of the sublime Third Degree. In close relation to this Masonic "raising" can be placed a little-known sermon of the Buddha, in which He teaches His disciples the significance of the "five points of Friendship," and thus links up these five points, the five crises in the life of Christ and the five points in the Masonic legend. All these references serve to show the continuity of revelation of which the Resurrection (with its subsequent Ascension) was the climaxing event for the Occident.

Toàn bộ vấn đề về cái chết và bất tử này đang thu hút rất nhiều sự chú ý của công chúng vào lúc này. Chiến Tranh Thế Giới đã đặt sự kiện cái chết trước tâm thức công chúng theo một cách mới mẻ và gây chấn động. Hầu như không có một gia đình nào trong hơn hai mươi quốc gia lại không chịu tang bởi cái chết, dưới hình thức này hay hình thức khác. Thế giới đã đi qua một tiến trình chết đi, và vào thời điểm hiện tại, bí nhiệm của Sự Phục Sinh đang trở thành một chủ đề có tầm quan trọng lớn trong trí tuệ con người. Tư tưởng về Sự Phục Sinh đang đến gần hơn, và thâm nghĩa của nó đã là ý tưởng trung tâm của Huynh Đệ Đoàn Tam Điểm qua các thời đại, tạo thành tiêu điểm của công việc thuộc Cấp Ba cao quý. Trong mối liên hệ mật thiết với việc "nâng dậy" của Tam Điểm này có thể đặt một bài thuyết giảng ít được biết đến của Đức Phật, trong đó Ngài dạy các đệ tử của Ngài thâm nghĩa của "năm điểm của Tình Bạn", và như vậy liên kết năm điểm này, năm cuộc khủng hoảng trong đời sống Đức Christ và năm điểm trong huyền thoại Tam Điểm. Tất cả những tham chiếu này cho thấy tính liên tục của sự mặc khải mà Sự Phục Sinh, cùng với Sự

Thăng Thiên sau đó, là biến cố đạt đỉnh đối với phương Tây.

The outstanding need of Christianity today is to emphasise the living, risen Christ. We have argued too long over the death of Christ, seeking to impose a narrow sectarian Christ upon the world. We have fed the fires of separation by our Christian divisions, churches, sects and "isms." "Their name [239] is legion," and most of them are founded upon some sectarian presentation of the dead Christ, and of the earlier aspects of His story. Let us now unite on the basis of the risen Christ—Christ alive today, Christ the source of inspiration and the founder of the kingdom of God; Christ, the cosmic Christ, eternally on the Cross, yet eternally alive; Christ, the historical Saviour, the founder of Christianity, watching over His Church; Christ, the mystic, mythic Christ, portraying upon the canvas of the Gospels the episodes of unfoldment so that all who live may know and follow; and Christ, alive today in every human heart, the guarantee of, and the urge towards divinity, which humanity so constantly exhibits. Because of the presence of Christ in man, the conviction of divinity and of man's consequent immortality seem to be inherent in the human consciousness. It will inevitably occupy more and more of man's attention until it is demonstrated and proven; meanwhile that something apparently persists beyond physical death has been demonstrated. The fact of immortality has not been proven as yet, though it constitutes a basic belief in the minds of millions, and where such a belief is universally found, there must indubitably be a basis for it.

Nhu cầu nổi bật của Cơ Đốc giáo ngày nay là nhấn mạnh Đức Christ sống động, phục sinh. Chúng ta đã tranh luận quá lâu về cái chết của Đức Christ, tìm cách áp đặt lên thế giới một Đức Christ giáo phái hẹp hòi. Chúng ta đã nuôi dưỡng những ngọn lửa chia rẽ bằng các phân phái, giáo hội, giáo phái và các "chủ nghĩa" Cơ Đốc giáo của mình. "Tên của chúng [239] là đạo binh," và phần lớn trong số đó được đặt nền trên một cách trình bày giáo phái nào đó về Đức Christ đã chết, và về các phương diện trước đó của câu chuyện Ngài. Giờ đây chúng ta hãy hợp nhất trên nền tảng Đức Christ phục sinh—Đức Christ đang sống hôm nay, Đức Christ là nguồn cảm hứng và là Đấng sáng lập Thiên Giới; Đức Christ, Đức Christ vũ trụ, vĩnh cửu trên Thập giá, nhưng vẫn vĩnh cửu sống động; Đức Christ, Đấng Cứu Thế lịch sử, Đấng sáng lập Cơ Đốc giáo, trông nom Giáo hội của Ngài; Đức Christ, Đức Christ thần bí và huyền thoại, mô tả trên bức nền các Phúc Âm những biến cố của sự khai mở để tất cả những ai sống có thể biết và đi theo; và Đức Christ, sống động hôm nay trong mọi trái tim con người, là bảo chứng của thiên tính và là thôi thúc hướng tới thiên tính mà nhân loại biểu lộ hết sức thường xuyên. Vì sự hiện diện của Đức Christ trong con người, niềm xác tín về thiên tính và do đó về sự bất tử của con người dường như vốn có trong tâm thức con người. Nó chắc chắn sẽ ngày càng chiếm nhiều sự chú ý của con người cho đến khi được chứng minh và xác lập; trong khi đó, điều gì đó dường như vẫn tồn tại vượt qua cái chết hồng trần đã được chứng minh. Sự kiện bất tử vẫn chưa được chứng minh, dù nó cấu thành một niềm tin căn bản trong trí tuệ của hàng triệu người, và nơi nào một niềm tin như vậy được tìm thấy một cách

phổ quát, chắc chắn phải có một nền tảng cho nó.

The entire question of immortality is closely linked with the problem of divinity and of the unseen, subjective world, which seems to underlie the tangible and visible, frequently making its presence felt. Working therefore on the premise of the unseen and invisible, it is probable that we shall eventually penetrate to it and discover that it has always been with us, but that we have been blinded and unable to recognise its presence. Always some have done so, and their note sounds forth, strengthening our belief, endorsing our hope, and guaranteeing to us the eventual experience.

Toàn bộ vấn đề bất tử gắn bó mật thiết với vấn đề thiên tính và thế giới chủ quan, vô hình, dường như nằm bên dưới cái hữu hình và khả kiến, thường làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận. Do đó, khi làm việc trên tiền đề về cái không thấy và vô hình, có khả năng cuối cùng chúng ta sẽ thâm nhập vào nó và khám phá rằng nó đã luôn ở cùng chúng ta, nhưng chúng ta đã bị che mắt và không thể nhận ra sự hiện diện của nó. Luôn luôn đã có một số người làm được điều đó, và âm điệu của họ vang lên, củng cố niềm tin của chúng ta, xác nhận hy vọng của chúng ta, và bảo đảm cho chúng ta kinh nghiệm cuối cùng.

How then shall we recognise truth or reality when we meet it? How shall we know that a doctrine is of God, or not? It is so easy to make mistakes, to believe what we want to believe, and to deceive ourselves in the desire to have our own ideas endorsed by other minds. The words of Dr. [240] Streeter have here a definite note of encouragement because they indicate requirements that are possible for us to follow:

Vậy chúng ta sẽ nhận ra chân lý hay thực tại như thế nào khi gặp nó? Làm sao chúng ta biết một giáo lý có thuộc về Thượng đế hay không? Rất dễ mắc sai lầm, tin điều mình muốn tin, và tự lừa dối mình trong mong muốn thấy các ý tưởng riêng được trí tuệ của những người khác xác nhận. Những lời của Tiến sĩ [240] Streeter ở đây có một âm điệu khích lệ rõ rệt, vì chúng chỉ ra những yêu cầu mà chúng ta có thể noi theo:

“Even self-deception, the last stronghold of the enemy, will lose its power in proportion as the individual conforms to certain conditions which (in the view of the biblical writers) must be fulfilled to qualify him for the reception of an authentic message from the Divine—whether at the level of the epoch-creating prophet or of the simple person rightly guided on the path of everyday duty.

“Ngay cả sự tự lừa dối, thành trì cuối cùng của kẻ thù, cũng sẽ mất quyền lực tương ứng với mức độ cá nhân tuân theo một số điều kiện nhất định mà, theo quan điểm của các tác giả Kinh Thánh, phải được hoàn thành để làm cho y đủ tư cách tiếp nhận một thông điệp xác thực từ Đấng Thiêng Liêng—dù ở cấp độ của vị tiên tri tạo ra một kỷ nguyên hay của người bình thường được hướng dẫn đúng trên con đường bổn phận hằng ngày.

“These are mainly four:

“Chủ yếu có bốn điều:

“(1) ‘I would fain be to the Eternal Goodness what his own right hand is to a man.’ Absolute devotion or surrender of the self to the Divine. ‘Here am I, send me,’ says Isaiah; and when Christ addressed to his earliest followers the words ‘Follow Me,’ we are told they left all and followed Him.

“(1) ‘Tôi ao ước được trở thành đối với Thiện Tính Vĩnh Cửu như chính bàn tay phải của một người đối với người ấy.’ Sự tận hiến tuyệt đối hay sự quy phục của bản ngã trước Đấng Thiêng Liêng. ‘Này con đây, xin sai con đi,’ Isaiah nói; và khi Đức Christ ngỏ với những môn đồ đầu tiên của Ngài lời ‘Hãy theo Ta,’ chúng ta được cho biết họ đã bỏ tất cả và đi theo Ngài.

“(2) Self-knowledge, and the consequent admission of failure. The promise ‘I will guide thee with mine eye,’ in the Psalm quoted above, is given to the man who has confessed his iniquity and thereby established a right relationship with God. The first response of Isaiah to the divine call was that flash of self-knowledge which brings home to a man a conviction of unworthiness and sin: ‘I am a man of unclean lips.’...

“(2) Sự tự biết mình, và sự thừa nhận thất bại theo sau đó. Lời hứa ‘Ta sẽ hướng dẫn ngươi bằng mắt Ta,’ trong Thi Thiên được trích ở trên, được trao cho người đã thú nhận tội lỗi mình và nhờ đó thiết lập một mối quan hệ đúng với Thượng đế. Đáp ứng đầu tiên của Isaiah trước tiếng gọi thiêng liêng là tia lóe của sự tự biết mình, điều đem về cho con người một niềm xác tín về sự bất xứng và tội lỗi: ‘Tôi là người có môi ô uế.’...

“(3) ‘Tarry ye ... until ye be clothed with power from on high’ (St. Luke XXIV.49). But this life of power, a power instinct with love and joy and peace, can only with difficulty be lived continuously except in a fellowship, within which mutual challenge, mutual encouragement and mutual confession of failure are easy....

“(3) ‘Các con hãy chờ... cho đến khi được mặc lấy quyền năng từ trên cao’ (Thánh Luke XXIV.49). Nhưng đời sống quyền năng này, một quyền năng thấm nhuần tình thương, sự hoan hỉ và bình an, chỉ có thể được sống liên tục một cách khó khăn nếu không ở trong một tình huynh đệ, trong đó việc cùng nhau thử thách, cùng nhau khích lệ và cùng nhau thú nhận thất bại là điều dễ dàng....

“(4) Entrance into such a life and such a fellowship involves some measure of suffering, sacrifice, or humiliation. ‘Whosoever doth not bear his own cross, and come after me, cannot be my disciple’ (Luke XIV.27). It is perhaps not an accident that already in the Old Testament the promise ‘Thine eyes shall hear a word behind thee, saying This is the way, walk ye in it,’ is preceded by the words ‘and though the Lord

“(4) Việc bước vào một đời sống như thế và một tình huynh đệ như thế bao hàm một mức độ nào đó của đau khổ, hi sinh, hay hạ mình. ‘Ai không vác thập giá của mình và theo Ta thì không thể là đệ tử của Ta’ (Luke XIV.27). Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà ngay trong Cựu Ước, lời hứa ‘Tai ngươi sẽ nghe một lời phía sau ngươi, nói rằng Đây là con đường, hãy đi trong đó,’ lại được đặt trước bởi những lời ‘và dù Chúa ban cho các

give you the bread of adversity and the water of affliction.' "

ngươi bánh của nghịch cảnh và nước của khổ đau.' "

'THE GOD WHO SPEAKS', BY B. H. STREETER, PP. 175, 176.

'ĐỨC THƯỢNG ĐẾ PHÁN DẠY', CỦA B. H. STREETER, TR. 175, 176.

It takes courage to face the fact of death, and to formulate with definiteness one's beliefs upon the subject. It is a statistical fact that about fifty million people die every year. [241] Fifty million people are more than the entire population of Great Britain, and constitute a large group of human beings who make the great adventure. If this is so, the establishing of the verity of Christ's Resurrection and the truth of immortality are of far greater importance than the individual may deem. We are too apt to study these problems either from the scientific angle or from a purely selfish individual one. Death is the only event which we can predict with absolute certainty, and yet it is the event about which the majority of human beings refuse to think at all until faced with the imminent and personal issue. People face death in many different ways; some bring to the adventure a feeling of self-pity, and are so occupied with what they have to leave behind, what is about to end for them, and the relinquishing of all they have gathered in life, that the true significance of the inevitable future fails to arrest their attention. Others face it with courage, making the best of what may not be evaded, and look up into the face of death with a gallant gesture because there is nothing else they can do. Their pride helps them to encounter the event. Still others refuse altogether to consider the possibility; they hypnotise themselves into a condition wherein the thought of death is refused all lodgement in their consciousness, and they will not consider its possibility, so that when

Cần có can đảm để đối diện với sự kiện tử vong, và để xác lập một cách dứt khoát những niềm tin của mình về đề tài ấy. Đó là một sự kiện thống kê rằng mỗi năm có khoảng năm mươi triệu người chết. [241] Năm mươi triệu người còn nhiều hơn toàn bộ dân số Đại Anh, và tạo thành một nhóm đông đảo những con người đang thực hiện cuộc phiêu lưu lớn. Nếu quả như vậy, thì việc xác lập chân lý về Sự Phục Sinh của Đức Christ và sự thật về tính bất tử có tầm quan trọng lớn hơn nhiều so với điều cá nhân có thể nghĩ. Chúng ta quá dễ có khuynh hướng nghiên cứu những vấn đề này hoặc từ góc độ khoa học, hoặc từ một góc độ cá nhân thuần túy ích kỷ. Cái chết là biến cố duy nhất mà chúng ta có thể tiên đoán với sự chắc chắn tuyệt đối, vậy mà đó lại là biến cố mà đa số con người nhất quyết không suy nghĩ đến, cho đến khi phải đối diện với vấn đề cận kề và riêng tư ấy. Người ta đối diện với cái chết theo nhiều cách khác nhau; một số người mang vào cuộc phiêu lưu ấy cảm giác tự thương hại, và quá bận tâm với những gì họ phải bỏ lại phía sau, với những gì sắp chấm dứt đối với họ, và với việc phải buông bỏ tất cả những gì họ đã gom góp trong đời, đến nỗi thâm nghĩa đích thực của tương lai không tránh khỏi ấy không thu hút được sự chú ý của họ. Những người khác đối diện với nó bằng can đảm, tận dụng hết mức điều không thể tránh né, và ngẩng nhìn vào khuôn mặt của cái chết bằng một cử chỉ dũng cảm, vì họ không còn điều gì khác có thể làm. Lòng kiêu hãnh giúp họ gặp gỡ biến cố ấy. Lại có những người khác hoàn toàn từ chối xem xét khả năng ấy; họ tự thôi miên mình vào một trạng thái trong đó ý nghĩ về

it comes, it catches them unawares; they are left helpless and unable to do more than simply die. The Christian attitude, as a rule, is more definitely an acceptance of the will of God, with the resolution to regard the happening as therefore the best of happenings, even if it does not seem so from the angle of environment and circumstance. A steadfast belief in God and His predestined purpose for the individual carries them triumphantly through the gate of death, but if one told them that this was simply another form of the fatalism of the Eastern thinker, and a fixed belief in an unalterable destiny, they would regard it as untrue. They hide behind the name of God.

cái chết bị từ chối mọi chỗ đứng trong tâm thức của họ, và họ sẽ không xem xét khả năng ấy, để rồi khi nó đến, nó bắt gặp họ không hề chuẩn bị; họ bị bỏ lại trong tình trạng bất lực và không thể làm gì hơn ngoài việc đơn giản là chết. Thái độ Cơ Đốc giáo, như một quy luật, rõ ràng hơn là sự chấp nhận Ý Chí của Thượng Đế, với quyết tâm xem biến cố ấy vì thế là biến cố tốt đẹp nhất, cho dù từ góc độ hoàn cảnh và môi trường nó không có vẻ như vậy. Một niềm tin kiên định vào Thượng Đế và Thiên Ý đã được tiền định của Ngài dành cho cá nhân đưa họ chiến thắng đi qua cánh cửa tử vong; nhưng nếu có ai nói với họ rằng đó chỉ là một hình thức khác của thuyết định mệnh nơi nhà tư tưởng Đông phương, và là niềm tin cố định vào một định mệnh bất khả biến, họ sẽ xem điều ấy là không đúng. Họ ẩn núp đằng sau danh xưng Thượng Đế.

Death can, however, be more than these things, and can be met in a different way. It can be made to hold a definite [242] place in life and thought, and we can prepare for it as something which cannot be evaded, but which is simply the Bringer of Changes. Thus we make the process of death a planned part of our entire life purpose. We can live with the consciousness of immortality, and it will give an added colouring and beauty to life; we can foster the awareness of our future transition, and live with the expectation of its wonder. Death thus faced, and regarded as a prelude to further living experience, takes on a different meaning. It becomes a mystical experience, a form of initiation, finding its culminating point in the Crucifixion. All previous lesser renunciations prepare us for the great renunciation; all earlier deaths are but the prelude for the stupendous episode of dying. Death brings us release—temporary perhaps, though eventually permanent—from the body nature, from

Tuy nhiên, cái chết có thể còn hơn những điều ấy, và có thể được gặp gỡ theo một cách khác. Nó có thể được dành cho một vị trí xác định [242] trong đời sống và tư tưởng, và chúng ta có thể chuẩn bị cho nó như một điều không thể tránh né, nhưng chỉ đơn giản là Đấng Mang Lại Những Thay Đổi. Như thế, chúng ta biến tiến trình tử vong thành một phần đã được hoạch định trong toàn bộ mục đích đời sống của mình. Chúng ta có thể sống với tâm thức về tính bất tử, và điều đó sẽ đem lại cho đời sống thêm sắc thái và vẻ đẹp; chúng ta có thể nuôi dưỡng sự nhận biết về cuộc chuyển tiếp tương lai của mình, và sống trong niềm mong đợi điều kỳ diệu của nó. Khi được đối diện như thế, và được xem như khúc dạo đầu cho kinh nghiệm sống xa hơn, cái chết mang một ý nghĩa khác. Nó trở thành một kinh nghiệm thần bí, một hình thức điểm đạo, đạt đến điểm tột đỉnh của nó trong Sự Đóng Đinh. Mọi sự từ bỏ nhỏ hơn trước đó chuẩn bị chúng ta cho sự từ bỏ lớn; mọi cái chết trước đó chỉ là khúc dạo đầu cho biến cố phi thường của sự

existence on the physical plane and its visible experience. It is a setting free from limitation; and whether one believes (as many millions do) that death is only an interlude in a life of steadily accumulating experience, or the end of all such experience (as many other millions hold), there is no denying the fact that it marks a definite transition from one state *of consciousness into another*. If one believes in immortality and the soul, this transition may make for an intensification of consciousness; while if the materialistic point of view dominates, it may indicate the end of conscious existence. The crucial question is, therefore: Is that which we call the soul immortal? What is the meaning of immortality?

chết. Cái chết đem lại cho chúng ta sự giải thoát—có lẽ tạm thời, dù cuối cùng là vĩnh viễn—khỏi bản chất thể xác, khỏi sự hiện hữu trên cõi hồng trần và kinh nghiệm hữu hình của nó. Đó là sự giải phóng khỏi giới hạn; và dù người ta tin rằng cái chết chỉ là một khoảng ngắt trong một đời sống của kinh nghiệm tích lũy đều đặn, như nhiều triệu người tin, hay là sự kết thúc của mọi kinh nghiệm như thế, như nhiều triệu người khác chủ trương, thì cũng không thể phủ nhận sự kiện rằng nó đánh dấu một chuyển tiếp xác định từ một trạng thái *tâm thức này sang một trạng thái khác*. Nếu người ta tin vào tính bất tử và linh hồn, chuyển tiếp này có thể tạo nên sự tăng cường tâm thức; còn nếu quan điểm duy vật chi phối, nó có thể chỉ ra sự kết thúc của hiện hữu có ý thức. Do đó, câu hỏi then chốt là: Điều mà chúng ta gọi là linh hồn có bất tử không? Ý nghĩa của tính bất tử là gì?

It is urgent today that we recover some form of faith in the inner subjective world, and in our relation to it. Upon this, the success of the work and message of Christ must rise or fall. These are days wherein everything is being questioned—and the fact of the soul and its immortality perhaps most of all. This is a necessary and valuable stage, provided we go on seeking answers to these questions.

Ngày nay, điều cấp bách là chúng ta phải khôi phục một hình thức đức tin nào đó vào thế giới chủ quan bên trong, và vào mối liên hệ của chúng ta với thế giới ấy. Trên điều này, sự thành công của công việc và thông điệp của Đức Christ phải đứng vững hay sụp đổ. Đây là những ngày mà mọi sự đều bị chất vấn—và có lẽ sự kiện về linh hồn cùng tính bất tử của nó bị chất vấn hơn hết. Đây là một giai đoạn cần thiết và có giá trị, miễn là chúng ta tiếp tục tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi ấy.

Many may regard these "moral disturbances" as hopeful indications of an emergence from the static condition in all [243] realms of human thought which marked the early part of the last century, and that we are today on the verge of a new era of truer spiritual values. But the newer structures of faith and conduct must have their foundations deep in the best that the

Nhiều người có thể xem những "xáo trộn luân lý" này là các dấu hiệu đầy hy vọng của một sự trỗi dậy khỏi tình trạng tĩnh tại trong mọi [243] lĩnh vực tư tưởng nhân loại, vốn đánh dấu phần đầu của thế kỷ trước, và rằng ngày nay chúng ta đang ở ngưỡng cửa một kỷ nguyên mới của những giá trị tinh thần chân thật hơn. Nhưng những cấu trúc mới hơn của đức tin và hành vi phải có nền móng

past has to give. The ideals which Christ enunciated still remain the highest yet given in the continuity of revelation, and He Himself prepared us for the emergence of those truths which will mark the time of the end and the overcoming of the last enemy, whose name is Death.

ăn sâu vào những gì tốt đẹp nhất mà quá khứ có thể trao lại. Các lý tưởng mà Đức Christ đã công bố vẫn còn là những lý tưởng cao nhất từng được ban ra trong dòng liên tục của sự mặc khải, và chính Ngài đã chuẩn bị chúng ta cho sự xuất hiện của những chân lý sẽ đánh dấu thời kỳ sau rốt và sự chiến thắng kẻ thù cuối cùng, tên của nó là Cái Chết.

This questioning of belief, and this wrestling with an inherent hope must go on until assurance has been gained, belief has become knowledge, and faith, certainty. Man knows incontrovertibly that there is a goal greater than his petty aims, and that a life exists which will embrace his widest reach, enabling him eventually to attain his highest, though dimly sensed, ideal. A consideration of the Resurrection may provide a greater surety, provided we keep in mind the long continuity of revelation given out by God, and realise that we can know little as yet beyond the fact that Sons of God have died and risen again, and that behind that fact lies a cause which is basic.

Việc chất vấn niềm tin này, và cuộc vật lộn với một niềm hy vọng cố hữu này phải tiếp diễn cho đến khi đạt được sự xác tín, niềm tin trở thành tri thức, và đức tin trở thành sự chắc chắn. Con người biết một cách không thể tranh cãi rằng có một mục tiêu lớn hơn những mục đích nhỏ bé của y, và rằng có một sự sống sẽ ôm trọn tầm vươn rộng nhất của y, cuối cùng giúp y đạt tới lý tưởng cao nhất mà y cảm nhận được dù còn mờ nhạt. Việc suy xét về Sự Phục Sinh có thể đem lại một bảo đảm lớn hơn, miễn là chúng ta ghi nhớ dòng liên tục lâu dài của sự mặc khải do Thượng Đế ban ra, và nhận ra rằng cho đến nay chúng ta vẫn chỉ có thể biết rất ít, ngoài sự kiện rằng Các Con của Thượng đế đã chết và đã sống lại, và rằng đằng sau sự kiện ấy có một nguyên nhân nền tảng.

The Tibetans speak of the process of death as that of "entering into the clear cold light." *('The Tibetan Book of the Dead', by W. Y. Evans-Wentz, p. 29.)* It is possible that death can be best regarded as the experience which frees us from the illusion of form; and this brings clearly to our minds the realisation that when we speak of death we are referring to a process which concerns the material nature, the body, with its psychical faculties and its mental processes. This therefore can be narrowed down to a query as to whether we are the body and nothing but the body, or whether the ancient

Người Tây Tạng nói về tiến trình tử vong như là tiến trình "đi vào ánh sáng trong trẻo lạnh lẽo." *('Tử Thư Tây Tạng', của W. Y. Evans-Wentz, tr. 29.)* Có thể tốt nhất nên xem cái chết như kinh nghiệm giải phóng chúng ta khỏi ảo tưởng của hình tướng; và điều này đem rõ ràng vào trí chúng ta sự nhận ra rằng khi nói về cái chết, chúng ta đang nói đến một tiến trình liên quan đến bản chất vật chất, thân thể, cùng các năng lực thông linh và các tiến trình trí tuệ của nó. Do đó, điều này có thể được thu hẹp thành một câu hỏi rằng chúng ta có phải là thân thể và không gì ngoài thân thể, hay kinh điển cổ của Ấn Độ đã đúng khi nêu rõ rằng:

scripture of India was right when it pointed out that:

"Certain is the death of what is born, and certain is the birth of what dies; therefore, deign not to grieve in a matter that is inevitable.... This lord of the body dwells ever immortal in the body of each." *('The Bhagavad Gita, II, 26, 29.)*

[244] A modern Christian poet has expressed the same idea in the following beautiful words:

"Death is to life as marble to the sculptor,

Waits for the touch that lets the soul go free;

Death is that moment when the swimmer feels

The swift pain of the plunge into the pool,

Followed by laughter where the bubbles flow

From the divided water and the sun

Turns them to crystal: life and light are one."

'THE MODERNISTS', BY ROBERT NORWOOD, P. 57, SOCRATES.

It might here be pertinent to enquire what it is that we seek to see endure. An analysis of one's attitude to the whole question of death and immortality can frequently serve to clear one's mind of indefiniteness and vagueness, with their base in fear, in mental inertia, and in confused thinking. The

"Cái gì đã sinh ra thì chắc chắn phải chết, và cái gì đã chết thì chắc chắn sẽ sinh ra; vì vậy, chớ đoái hoài sầu khổ về một điều không thể tránh khỏi.... Vị chúa tể của thân này luôn luôn bất tử cư ngụ trong thân của mỗi người." *('Chí Tôn Ca, II, 26, 29.)*

[244] Một thi sĩ Cơ Đốc giáo hiện đại đã diễn đạt cùng ý tưởng ấy bằng những lời đẹp đẽ sau đây:

"Cái chết đối với sự sống như đá cẩm thạch đối với nhà điêu khắc,

Chờ đợi cái chạm để linh hồn được tự do;

Cái chết là khoảnh khắc khi người bơi cảm thấy

Cơn đau nhanh của cú lao mình xuống hồ,

Rồi tiếp theo là tiếng cười nơi những bọt nước trôi

Từ làn nước rẽ đôi và mặt trời

Biến chúng thành pha lê: sự sống và ánh sáng là một."

'NHỮNG NGƯỜI HIỆN ĐẠI', CỦA ROBERT NORWOOD, TR. 57, SOCRATES.

Ở đây có lẽ thích hợp để hỏi điều gì là điều chúng ta tìm cách thấy nó tồn tại bền lâu. Việc phân tích thái độ của mình đối với toàn bộ vấn đề tử vong và tính bất tử thường có thể giúp làm trong sáng trí tuệ khỏi sự không xác định và mơ hồ, vốn đặt nền trên sợ hãi, quán tính trí tuệ và tư duy rối rắm. Vì

following questions therefore come to one's mind, and warrant consideration.

How do we know that the process of death brings about such definite changes in our consciousness that it proves fatal to us, as sentient beings, and renders futile all previous effort of thought, development and understanding? The wonder of Christ's Resurrection, as far as His Personality was concerned, consisted in the fact that, after having passed through death and risen again, He was essentially the same Person, only with added powers. May it not be the same with ourselves? May not death simply remove limitation in the physical sense, leaving us with enhanced sensibilities and a clearer sense of values? This life has moulded us and wrought us into certain definite expressions in form and quality, and these, rightly or wrongly, constitute that which is the Self, that which is the real man, from the angle of human life. There is something in us that refuses final identification with the physical form, in spite of what science and the inexperienced may tell us. An intuitive, *substantial* inner Self steadily and universally repudiates annihilation, and holds firmly to the belief that the search and the goal, the values [245] perceived and for which we struggle, must somewhere, some time, in some manner, prove themselves worth while. Any other point of view argues for the utter lack of an intelligent plan in existence, and leads to the despair which St. Paul expressed in the words: "If in this life only we have hope in Christ, we are of all men most miserable." *(I Corinthians, XV, 19.)* We are surely on our way towards something of value and dynamic worth; otherwise life is a futile process of aimless wanderings; of caring for a body and educating a mind which have no

vậy, những câu hỏi sau đây nảy sinh trong trí, và đáng được suy xét.

Làm sao chúng ta biết rằng tiến trình tử vong tạo ra những thay đổi xác định đến mức trong tâm thức chúng ta, khiến nó trở thành chí tử đối với chúng ta với tư cách là những sinh linh hữu cảm, và khiến mọi nỗ lực trước đó về tư tưởng, phát triển và thấu hiểu trở nên vô ích? Điều kỳ diệu của Sự Phục Sinh của Đức Christ, xét về Phàm Ngã của Ngài, nằm ở sự kiện rằng sau khi đã đi qua cái chết và sống lại, về căn bản Ngài vẫn là cùng một Người, chỉ có thêm những quyền năng. Liệu điều ấy không thể cũng đúng với chính chúng ta sao? Liệu cái chết có thể chỉ đơn giản loại bỏ giới hạn theo nghĩa hồng trần, để lại cho chúng ta những độ nhạy bén được tăng cường và một ý thức rõ ràng hơn về các giá trị chăng? Đời sống này đã khuôn đúc chúng ta và rèn luyện chúng ta thành những biểu hiện xác định nào đó trong hình tướng và phẩm tính, và những điều này, đúng hay sai, tạo thành cái là Bản Ngã, cái là con người đích thực, xét từ góc độ đời sống nhân loại. Có điều gì đó trong chúng ta từ chối sự đồng hoá cuối cùng với hình tướng hồng trần, bất chấp những gì khoa học và người thiếu kinh nghiệm có thể nói với chúng ta. Một Bản Ngã nội tại, trực giác và *thực chất*, đều đặn và phổ quát bác bỏ sự hủy diệt, và giữ vững niềm tin rằng cuộc tìm kiếm và mục tiêu, những giá trị [245] được nhận biết và vì đó chúng ta tranh đấu, ở đâu đó, vào lúc nào đó, theo cách nào đó, phải chứng tỏ là xứng đáng. Bất cứ quan điểm nào khác đều biện luận cho sự hoàn toàn thiếu vắng một thiên cơ thông minh trong hiện hữu, và dẫn đến nỗi tuyệt vọng mà Thánh Phao-lô đã diễn tả bằng những lời: "Nếu trong đời này mà thôi chúng ta có hy vọng nơi Đức Christ, thì chúng ta là những kẻ khốn khổ nhất trong mọi người." *(I Cô-rinh-tô, XV, 19.)* Chắc chắn chúng ta đang trên đường hướng tới một điều gì có giá trị

worth of any kind, and are of no value to God or men. This, we know, cannot be the case.

và có phẩm tính năng động; nếu không, đời sống là một tiến trình vô ích của những cuộc lang thang không mục đích; của việc chăm sóc một thân thể và giáo dục một trí tuệ vốn chẳng có bất cứ giá trị nào, và không có giá trị gì đối với Thượng Đế hay con người. Chúng ta biết rằng điều này không thể là sự thật.

It is the prolongation of value, of that which is worth while, and the continuation of the persistent, inner, divine incentive to progress, to create and to benefit others, that seem, to those who have reached the point where thought is consecutively possible, to hold the clue to the problem of immortality. The entire story of Christ goes to prove this. He had, throughout His life of consecrated service and devotion to His fellowmen, proved that He had reached the point in His evolution wherein He had somewhat to contribute to the good of the whole; He had attained altitude on the evolutionary ladder, and His humanity was lost to sight in the divinity which He expressed. He had that which was of worth to offer to God and man, and He offered it upon the Cross. It cost Him His life to make His contribution to the source of the whole body corporate, but He made it. Because of the worth of what He had achieved, and the value of the *livingness* of His contribution, He could demonstrate immortality. It is the immortal value which survives, and where that value exists the soul needs no more the school of human experience.

Chính sự kéo dài của giá trị, của điều xứng đáng, và sự tiếp diễn của thôi thúc thiêng liêng, nội tại, bền bỉ hướng tới tiến bộ, sáng tạo và làm lợi ích cho người khác, dường như đối với những ai đã đạt đến điểm mà tư tưởng liên tục trở nên khả hữu, nắm giữ chìa khóa cho vấn đề tính bất tử. Toàn bộ câu chuyện về Đức Christ chứng minh điều này. Suốt đời sống phụng sự thánh hiến và sùng tín đối với đồng loại, Ngài đã chứng tỏ rằng Ngài đã đạt tới điểm trong cuộc tiến hoá của Ngài, nơi Ngài có điều gì đó để đóng góp cho lợi ích của toàn thể; Ngài đã đạt đến một cao độ trên nấc thang tiến hoá, và nhân tính của Ngài khuất khỏi tầm nhìn trong thiên tính mà Ngài biểu lộ. Ngài có điều có giá trị để dâng hiến cho Thượng Đế và con người, và Ngài đã dâng hiến điều ấy trên Thập Giá. Việc đóng góp của Ngài cho nguồn của toàn bộ đoàn thể đã khiến Ngài phải trả bằng chính mạng sống, nhưng Ngài đã làm điều đó. Nhờ giá trị của điều Ngài đã thành tựu, và giá trị của *sức sống* trong sự đóng góp của Ngài, Ngài có thể chứng minh tính bất tử. Chính giá trị bất tử là điều tồn tại, và nơi nào giá trị ấy hiện hữu, linh hồn không còn cần đến trường học của kinh nghiệm nhân loại nữa.

This thought gives rise to the question: What is it, therefore, that we seek to see survive? What part of ourselves do we regard as desirably immortal? What in each of us *warrants persistence*? Surely none of us seek to see the physical body resurrected,

Tư tưởng này làm nảy sinh câu hỏi: Vậy điều gì là điều chúng ta tìm cách thấy nó tồn tại? Phần nào của chính mình mà chúng ta xem là đáng mong muốn được bất tử? Điều gì trong mỗi chúng ta *bảo đảm cho sự tồn tại bền bỉ*? Chắc chắn không ai trong chúng ta

nor are we anxious again to be trammelled [246] and confined by the present limiting vehicle in which most of us find ourselves. Its value seems inadequate for the experience of resurrection and for the gift of immortality. Nor are we desirous, surely, of seeing the same psychic nature, with its aggregate of moods and feelings and sentient reactions to environing condition, hold sway over us again. Equally surely, none of us are pleased to contemplate the old idea of a sugary heaven wherein we pass our time clothed in white robes, singing and talking upon religious matters. We have outgrown these ideas, and to them Christ Himself is a direct refutation. He rose from the dead and entered upon a life of increased active service. The "other sheep" which He had to gather must be sought and shepherded; *(St. John, X, 16.)* His disciples must be trained and taught; His followers must be guided and helped; the kingdom of God must be organised on earth. And still the risen Christ moves among us, often unrecognised, but busy with the task of world salvage and service. There is no heaven of peace and rest and inactivity for Christ whilst we remain unsaved; there is surely none for us who seek to follow in His footsteps.

tìm cách thấy thể xác được phục sinh, cũng chẳng lo lắng muốn lại bị trói buộc [246] và giam hãm bởi vận cụ giới hạn hiện tại trong đó phần lớn chúng ta đang thấy mình. Giá trị của nó dường như không tương xứng với kinh nghiệm phục sinh và với ân huệ bất tử. Chắc chắn chúng ta cũng không mong muốn thấy cùng một bản chất tâm lý ấy, với toàn bộ những tâm trạng, cảm xúc và phản ứng hữu cảm của nó đối với hoàn cảnh bao quanh, lại thống trị chúng ta. Cũng chắc chắn như vậy, không ai trong chúng ta hài lòng khi chiêm ngưỡng ý niệm cũ về một thiên đường ngọt lịm, nơi chúng ta dùng thời gian khoác áo trắng, ca hát và trò chuyện về các vấn đề tôn giáo. Chúng ta đã vượt qua những ý tưởng ấy, và chính Đức Christ là sự bác bỏ trực tiếp đối với chúng. Ngài đã sống lại từ cõi chết và bước vào một đời sống phụng sự tích cực gia tăng. "Những chiên khác" mà Ngài phải quy tụ cần được tìm kiếm và chăn dắt; *(Thánh Gioan, X, 16.)* các đệ tử của Ngài phải được rèn luyện và giáo huấn; những người theo Ngài phải được hướng dẫn và trợ giúp; Thiên Giới phải được tổ chức trên Trái Đất. Và Đức Christ phục sinh vẫn còn chuyển động giữa chúng ta, thường không được nhận ra, nhưng bận rộn với nhiệm vụ cứu độ và phụng sự thế giới. Không có thiên đường bình an, nghỉ ngơi và bất động nào dành cho Đức Christ khi chúng ta vẫn chưa được cứu; chắc chắn cũng không có thiên đường nào như thế cho chúng ta, những người tìm cách bước theo dấu chân Ngài.

When a man's life has gained significance, then he is ready to tread the path of purification and probation in preparation for the mysteries; as his significance and influence increase he can pass, stage by stage, through the processes of initiation, and tread the path of holiness. He can be "born in Bethlehem," because the germ of that which is dynamic and living is

Khi đời sống của một người đã đạt được thâm nghĩa, bấy giờ y sẵn sàng bước trên con đường thanh luyện và dự bị để chuẩn bị cho các bí nhiệm; khi thâm nghĩa và ảnh hưởng của y gia tăng, y có thể đi qua, từng giai đoạn một, các tiến trình điểm đạo, và bước trên con đường thánh thiện. Y có thể được "sinh ra tại Bethlehem," vì mầm mống của điều năng động và sống động đã thức tỉnh, đang

awakened and is gaining potency and significance, and must therefore make its appearance; he can pass through the waters of purification, and attain the mountain-top of transfiguration where that which is of worth shines forth in all its glory. Having achieved that moment of heightened experience, and that which he has of value being recognised by God as worth while, he is then, and then only, ready to offer his life upon the altar of sacrifice and of service, and can set his face to go up to Jerusalem, there to be crucified. It is the inevitable end to that which is of worth. It is the underlying [247] purpose of the whole process of perfecting, as there is now something worthy to be offered. But though this may be the end of the physical expression of worth, it is essentially the moment of the triumph of value, and the demonstration of its *immortality*. For that which is of value, the divine and hidden beauty which life-experience and initiation have served to reveal, cannot die. It is essentially immortal, and must live. This is the true resurrection of the body. When the consciousness of value and of worth, and the *recognition* of man's reach, as well as his grasp, are considered, the life of service (leading to death) and of resurrection (leading to full citizenship in the kingdom of God) begin to gain in meaning. The body which we now have is relatively worthless; the sum total of moods and mental reactions to which we now submit is of no value to anyone but ourselves; the environment in which we live and move has in it surely nothing to warrant its endless perpetuation. In short, a continuance of the personal self in some heaven which is the extension of our own individual consciousness, and the concept of an endless eternity lived with oneself, have for most of us no allurement whatsoever. Yet an aspect of oneself longs for immortality and the sense of infinity. The "endless

đạt được quyền năng và thâm nghĩa, và do đó phải xuất hiện; y có thể đi qua các dòng nước thanh luyện, và đạt tới đỉnh núi của sự biến hình, nơi điều có giá trị chiếu rạng trong mọi vinh quang của nó. Sau khi đạt được khoảnh khắc kinh nghiệm được nâng cao ấy, và điều có giá trị nơi y được Thượng Đế công nhận là xứng đáng, thì bấy giờ, và chỉ bấy giờ, y mới sẵn sàng dâng hiến đời sống mình trên bàn thờ hi sinh và phụng sự, và có thể hướng mặt đi lên Jerusalem, để tại đó chịu đóng đinh. Đó là kết cuộc không thể tránh khỏi của điều có giá trị. Đó là mục đích nằm bên dưới [247] toàn bộ tiến trình hoàn thiện, vì lúc này có điều xứng đáng để được dâng hiến. Nhưng dù đây có thể là kết thúc của biểu hiện hồng trần của giá trị, về căn bản đó là khoảnh khắc chiến thắng của giá trị, và là sự chứng minh *tính bất tử* của nó. Vì điều có giá trị, vẻ đẹp thiêng liêng và ẩn tàng mà kinh nghiệm đời sống và điểm đạo đã phụng sự để mặc khải, không thể chết. Về căn bản nó bất tử, và phải sống. Đây là sự phục sinh đích thực của thể xác. Khi tâm thức về giá trị và sự xứng đáng, cùng sự *nhận biết* về tầm vươn cũng như khả năng nắm bắt của con người, được suy xét, thì đời sống phụng sự, dẫn đến cái chết, và đời sống phục sinh, dẫn đến quyền công dân trọn vẹn trong Thiên Giới, bắt đầu đạt được ý nghĩa. Thể xác mà chúng ta hiện có tương đối vô giá trị; tổng số những tâm trạng và phản ứng trí tuệ mà hiện nay chúng ta phục tùng không có giá trị đối với bất cứ ai ngoài chính chúng ta; môi trường trong đó chúng ta sống và chuyển động chắc chắn không có gì bảo đảm cho sự kéo dài vô tận của nó. Tóm lại, sự tiếp tục của bản ngã cá nhân trong một thiên đường nào đó vốn là sự mở rộng của tâm thức cá nhân của chính chúng ta, và quan niệm về một vĩnh cửu vô tận được sống với chính mình, đối với phần lớn chúng ta không có chút hấp dẫn nào. Tuy vậy, một phương diện của bản thân mình vẫn khao khát tính bất tử và ý thức về vô hạn. "Sự kéo

prolongation in time of a self's career" has led to much confusion of thought. Few of us, if asked seriously to consider the problem and seriously to give an answer, would feel that as individuals we warrant arrangements being made for our endless persistence. A sense of truth and justice might lead us honestly to the conclusion that our value to the universe is practically *nil*. And yet we know that there is a value and a reason behind all our life experience, and that the phenomenal world, of which we are indubitably a part, veils or hides something of infinite value, of which we are also a part.

dài vô tận trong thời gian của hành trình một bản ngã" đã dẫn đến nhiều rối rắm trong tư tưởng. Ít ai trong chúng ta, nếu được yêu cầu nghiêm túc suy xét vấn đề và nghiêm túc đưa ra câu trả lời, sẽ cảm thấy rằng với tư cách cá nhân, chúng ta xứng đáng để có những sắp đặt cho sự tồn tại bền bỉ vô tận của mình. Một ý thức về chân lý và công bình có thể thành thật dẫn chúng ta đến kết luận rằng giá trị của chúng ta đối với vũ trụ hầu như là *không*. Tuy vậy, chúng ta biết rằng có một giá trị và một lý do đằng sau mọi kinh nghiệm đời sống của mình, và rằng thế giới hiện tượng, mà không thể nghi ngờ chúng ta là một phần trong đó, che phủ hoặc ẩn giấu một điều có giá trị vô hạn, mà chúng ta cũng là một phần của điều ấy.

We seek assurance that those whom we love and value are not lost to us. We seek to share with them some state of happiness which will have in it truer values than any we [248] have known on earth; we long to prolong, in time and space, the familiar state which we love and cherish. We desire compensation for what we have endured, and the realisation that everything has had a purpose and has been worth while. It is this longing, this belief, this determination to persist, which lies behind all achievement and which is the incentive and impulse upon which we base all effort. Socrates pointed out this basic argument for immortality when he said that "no-one knows what death is, and whether it is not the greatest of all good things. Nevertheless, it is feared as if it were the supreme evil.... When death comes near to man that which is mortal in him is scattered; that which is immortal and incorruptible withdraws intact."

Chúng ta tìm kiếm sự bảo đảm rằng những người chúng ta yêu thương và quý trọng không bị mất đối với chúng ta. Chúng ta tìm cách chia sẻ với họ một trạng thái hạnh phúc nào đó, trong đó sẽ có những giá trị chân thật hơn bất cứ điều gì chúng ta [248] đã biết trên Trái Đất; chúng ta khao khát kéo dài, trong thời gian và không gian, trạng thái quen thuộc mà chúng ta yêu mến và trân quý. Chúng ta mong muốn sự bù đắp cho những gì mình đã chịu đựng, và sự chứng nghiệm rằng mọi sự đều có mục đích và đều xứng đáng. Chính niềm khao khát này, niềm tin này, quyết tâm tồn tại bền bỉ này, nằm đằng sau mọi thành tựu và là động lực cùng xung lực trên đó chúng ta đặt nền cho mọi nỗ lực. Socrates đã nêu ra luận cứ căn bản này cho tính bất tử khi ông nói rằng "không ai biết cái chết là gì, và liệu nó có phải là điều tốt đẹp lớn nhất trong mọi điều hay không. Tuy nhiên, người ta lại sợ nó như thể nó là điều ác tối thượng.... Khi cái chết đến gần con người, điều gì hữu tử trong y bị phân tán; điều gì bất tử và không thể hư hoại thì rút lui nguyên vẹn."

Three thoughts are of importance in considering this problem of value, which is so amazingly evidenced by Christ, and which was the true reason why He rose again. His immortality was based upon His divinity. His divinity expressed itself through human form, and in that form evidenced value, destiny, service and purpose. All of these He demonstrated perfectly, and therefore death could not hold Him, nor could the chains of the grave prevent His liberation.

Có ba tư tưởng quan trọng khi suy xét vấn đề giá trị này, điều đã được Đức Christ chứng minh một cách đáng kinh ngạc, và là lý do đích thực khiến Ngài sống lại. Tính bất tử của Ngài đặt nền trên thiên tính của Ngài. Thiên tính của Ngài tự biểu lộ qua hình tướng nhân loại, và trong hình tướng ấy chứng tỏ giá trị, định mệnh, phụng sự và mục đích. Tất cả những điều này Ngài đã chứng minh một cách hoàn hảo, và vì vậy cái chết không thể giữ Ngài, cũng như xiềng xích của mồ mả không thể ngăn cản sự giải thoát của Ngài.

The first thought is that immortality is the safeguarding of what we really care about. The factor on which we place the emphasis in our daily lives survives and functions on some level of consciousness. We must, and do, eventually attain what we demand. When we care for that which is eternal in value, then eternal life, free from the limitations of the flesh, is ours. Dean Inge tells us that "in so far as we can identify ourselves with the absolute values, we are sure of immortality." What we really care about, then, in our highest moments, when free from the illusions of the emotional nature, determines our immortal life.

Tư tưởng thứ nhất là tính bất tử là sự bảo vệ điều chúng ta thật sự quan tâm. Yếu tố mà chúng ta đặt trọng tâm trong đời sống hằng ngày sẽ tồn tại và hoạt động trên một cấp độ tâm thức nào đó. Rốt cuộc, chúng ta phải đạt được, và quả thật sẽ đạt được, điều chúng ta đòi hỏi. Khi chúng ta quan tâm đến điều có giá trị vĩnh cửu, thì đời sống vĩnh cửu, tự do khỏi những giới hạn của xác thịt, là của chúng ta. Viện trưởng Inge nói với chúng ta rằng "trong mức độ chúng ta có thể đồng hoá mình với các giá trị tuyệt đối, chúng ta chắc chắn về tính bất tử." Vậy điều chúng ta thật sự quan tâm, trong những khoảnh khắc cao nhất của mình, khi tự do khỏi các ảo tưởng của bản chất cảm xúc, quyết định đời sống bất tử của chúng ta.

The question then arises as to what occurs when the sense of values is distorted or temporarily nonexistent. In an attempt to meet this question millions of people have accepted [249] the Oriental doctrine of rebirth, which states the world to be the "vale of soul-making," as Keats calls it, and which teaches that we return again and again to physical life, until the time comes when our values are properly adjusted, and we can pass through the five initiations into liberation. Much of the teaching given in the

Bấy giờ nảy sinh câu hỏi về điều gì xảy ra khi ý thức về giá trị bị bóp méo hoặc tạm thời không hiện hữu. Trong nỗ lực trả lời câu hỏi này, hàng triệu người đã chấp nhận [249] giáo lý Đông phương về tái sinh, giáo lý xem thế giới là "thung lũng rèn luyện linh hồn," như Keats gọi, và dạy rằng chúng ta trở lại đời sống hồng trần hết lần này đến lần khác, cho đến khi đến lúc các giá trị của chúng ta được điều chỉnh đúng đắn, và chúng ta có thể đi qua năm cuộc điểm đạo để vào giải thoát. Nhiều giáo huấn được đưa ra trong

occult and esoteric books is distorted and fanciful, but that there is much to be said for the doctrine of rebirth is evident to the unprejudiced student. In the last analysis, if perfection is to be ultimately achieved, the question is merely one of time and location. The Christian may believe in a sudden perfecting through the process of death itself, or in a mental acceptance of the death of Jesus, which he calls "conversion"; he may regard death as the door into a place of discipline and development which he calls "purgatory," where a purificatory process goes on; or he may believe that in heaven itself adjustments are made and expansions of consciousness are undergone which render him a different man from what he was before. The Oriental may believe that the earth provides adequate facilities for the training and developing processes, and that again and again we return, until we have reached perfection. The goal remains one. The objective is identical. The school is in a different place, and the consciousness is unfolded in varying localities. But that is all. Plato held that:

các sách huyền bí và nội môn bị bóp méo và kỳ ảo, nhưng đối với đạo sinh không thiên kiến, hiển nhiên có nhiều điều đáng nói ủng hộ giáo lý tái sinh. Trong phân tích sau cùng, nếu sự hoàn thiện rốt cuộc phải đạt được, câu hỏi chỉ đơn thuần là vấn đề thời gian và nơi chốn. Người tín đồ Cơ Đốc giáo có thể tin vào một sự hoàn thiện đột ngột qua chính tiến trình tử vong, hoặc vào một sự chấp nhận bằng trí tuệ đối với cái chết của Đức Jesus, mà y gọi là "cải đạo"; y có thể xem cái chết là cánh cửa đi vào một nơi rèn luyện và phát triển mà y gọi là "luyện ngục," nơi một tiến trình thanh luyện đang diễn ra; hoặc y có thể tin rằng ngay trong thiên đường, các điều chỉnh được thực hiện và các mở rộng tâm thức được trải qua, khiến y trở thành một con người khác với trước kia. Người Đông phương có thể tin rằng Trái Đất cung cấp đầy đủ phương tiện cho các tiến trình rèn luyện và phát triển, và rằng chúng ta trở lại hết lần này đến lần khác cho đến khi đạt tới hoàn thiện. Mục tiêu vẫn là một. Mục đích là đồng nhất. Trường học ở một nơi khác, và tâm thức được khai mở trong những địa điểm khác nhau. Nhưng chỉ có thế. Plato chủ trương rằng:

"Confined in the body as in a prison ... the soul seeks its pristine sphere of pure rationality by pursuing the philosophic life, by thinking the universal, by loving and living according to reason. The bodily life is but an episode in the eternal career of the soul, which precedes birth and proceeds after death. Life in the flesh is a trial and a probation; death, the release and the return to the soul's destiny; to another term of probation, or to the realm of pure reason."

"Bị giam trong thể xác như trong một nhà tù... linh hồn tìm kiếm cõi nguyên sơ của lý tính thuần khiết bằng cách theo đuổi đời sống triết học, bằng cách tư duy về cái phổ quát, bằng cách yêu thương và sống theo lý trí. Đời sống trong xác thịt chỉ là một giai đoạn trong hành trình vĩnh cửu của linh hồn, vốn có trước khi sinh và tiếp tục sau khi chết. Đời sống trong xác thịt là một thử thách và một kỳ dự bị; cái chết là sự giải thoát và sự trở về với định mệnh của linh hồn; hoặc đến một kỳ dự bị khác, hoặc đến cõi của lý trí thuần khiết."

In some place, consciously and willingly, we must learn to enter and work in the world of

Ở một nơi nào đó, một cách có ý thức và tự nguyện, chúng ta phải học bước vào và hoạt

values, and so fit ourselves for citizenship in the kingdom of God. It was the demonstration of this that Christ gave.

động trong thế giới của các giá trị, và nhờ đó làm cho mình thích hợp với quyền công dân trong Thiên Giới. Chính sự chứng minh điều này mà Đức Christ đã ban cho.

[250] The second thought which should be considered is that man's effort, his struggle to achieve, his sense of God, innate and true, his constant effort to better conditions and to master himself as well as the natural world, must have an objective; else all that we see going on around is void, futile and senseless. It was this command of Himself and of the elements of nature, and the undeviating direction of His purpose, that led Christ from point to point and enabled Him to open the door into the kingdom and to rise from the dead, the "first fruits of them that slept." *(I Corinthians, XV, 20.)*

[250] Tư tưởng thứ hai cần được suy xét là nỗ lực của con người, cuộc đấu tranh để thành tựu của y, ý thức về Thượng Đế nơi y, vốn bẩm sinh và chân thật, nỗ lực thường xuyên của y nhằm cải thiện các điều kiện và làm chủ chính mình cũng như thế giới tự nhiên, phải có một mục tiêu; nếu không, tất cả những gì chúng ta thấy đang diễn ra xung quanh đều trống rỗng, vô ích và vô nghĩa. Chính sự làm chủ này đối với chính Ngài và đối với các nguyên tố của thiên nhiên, cùng hướng đi không lệch khỏi mục đích của Ngài, đã dẫn Đức Christ từ điểm này đến điểm khác và giúp Ngài mở cánh cửa vào Thiên Giới và sống lại từ cõi chết, "hoa trái đầu mùa của những kẻ đã ngủ." *(I Cô-rinh-tô, XV, 20.)*

Purpose must underlie pain. An objective must be sensed under all human activity. The idealism of the leaders of the race cannot all be hallucination. The realisation of God must have some basis in fact. Human beings are convinced that the apparent injustice of the world provides legitimate assurance of a hereafter wherein the integrity of the divine purpose will be vindicated. There is a basic belief that good and evil are in combat in man's nature, and that good must inevitably triumph. Down the ages, man has asserted this. Humanity has evolved many theories to account for man and his future, for his preparation for the after-life, and for his reason here on earth. With the detail of these theories there is no need, or time, to deal. They are in themselves proof of the fact of immortality and of man's divinity. He has intuited the ultimate possibility, and will not rest until

Mục đích phải nằm bên dưới đau khổ. Một mục tiêu phải được cảm nhận bên dưới mọi hoạt động của con người. Chủ nghĩa lý tưởng của các nhà lãnh đạo nhân loại không thể tất cả đều là ảo giác. Sự chứng nghiệm Thượng Đế phải có một nền tảng nào đó trong sự kiện. Con người tin chắc rằng sự bất công bề ngoài của thế giới đem lại sự bảo đảm chính đáng về một đời sau, nơi sự toàn vẹn của Thiên Ý sẽ được minh oan. Có một niềm tin căn bản rằng thiện và ác đang giao chiến trong bản chất con người, và thiện tất yếu phải chiến thắng. Qua các thời đại, con người đã khẳng định điều này. Nhân loại đã phát triển nhiều lý thuyết để giải thích về con người và tương lai của y, về sự chuẩn bị của y cho đời sau, và về lý do của y ở đây trên Trái Đất. Không cần, cũng không có thời gian, để bàn đến chi tiết của các lý thuyết ấy. Tự thân chúng là bằng chứng cho sự kiện về tính bất tử và thiên tính của con người. Y đã trực

he has achieved it. Whether it is plurality of lives upon our planet, leading to an ultimate perfection, or the Buddhistic theory leading to *Nirvana,* the goal is one. This latter theory is beautifully summarised in a book dealing with the secret doctrines of the Tibetan philosophy:

nhận khả năng tối hậu, và sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi đạt được nó. Dù đó là nhiều kiếp sống trên hành tinh của chúng ta, dẫn đến một sự hoàn thiện tối hậu, hay lý thuyết Phật giáo dẫn đến *Niết Bàn,* mục tiêu vẫn là một. Lý thuyết sau này được tóm tắt đẹp đẽ trong một cuốn sách bàn về các giáo lý bí nhiệm của triết học Tây Tạng:

"... when the Lords of Compassion shall have spiritually civilised the Earth and made of it a Heaven, there will be revealed to the Pilgrims the Endless Path, which reaches to the Heart of the Universe. Man, then no longer man, will transcend Nature, and impersonally, yet consciously, in at-one-ment with all the Enlightened [251] Ones, help to fulfil the Law of the Higher Evolution, of which *Nirvana* is but the beginning."

"... khi các Chúa Tể Từ Bi đã văn minh hóa Trái Đất về mặt tinh thần và biến nó thành một Thiên Đường, Con Đường Vô Tận, vươn tới Trái Tim của Vũ Trụ, sẽ được mặc khải cho những Người Hành Hương. Khi ấy con người, không còn là con người nữa, sẽ vượt lên trên Thiên Nhiên, và một cách phi cá nhân nhưng có ý thức, trong sự hợp nhất với tất cả các Đấng Giác Ngộ [251], giúp hoàn thành Định luật Tiến Hóa Cao Siêu, mà *Niết Bàn* chỉ là khởi đầu."

'TIBETAN YOGA AND SECRET DOCTRINES', EDITED BY W. Y. EVANS-WENTZ, P. 12.

'YOGA TÂY TẠNG VÀ CÁC GIÁO LÝ BÍ NHIỆM', DO W. Y. EVANS-WENTZ BIÊN TẬP, TR. 12.

Here we have the idea of the kingdom of God appearing on earth because humanity is spiritually civilised, and the attainment of the perfection which Christ inculcated.

Ở đây chúng ta có ý tưởng về Thiên Giới xuất hiện trên Trái Đất bởi vì nhân loại đã được văn minh hóa về mặt tinh thần, và về sự đạt tới hoàn thiện mà Đức Christ đã truyền dạy.

There is also the doctrine of eternal recurrence, in which both Nietzsche and Heine believed, with its emphasis upon a ceaseless, recurrent, earthly existence by each unit of force, until a soul has been evolved. The dreary doctrine of our survival as influences perpetuated in the race to which we belong has also been developed, emphasising a selflessness which is admirable, but is also the negation of the individual. The orthodox Christian doctrines are three in number, and consist of the doctrine of eternal retribution, of universal restoration, and of conditional immortality. To these we must add the

Cũng có giáo lý về sự lặp lại vĩnh cửu, điều cả Nietzsche lẫn Heine đều tin, với sự nhấn mạnh của nó vào một hiện hữu trần thế không ngừng, tái diễn, của mỗi đơn vị mãnh lực, cho đến khi một linh hồn đã được tiến hoá. Giáo lý ảm đạm về sự tồn tại của chúng ta như những ảnh hưởng được kéo dài trong nhân loại mà chúng ta thuộc về cũng đã được phát triển, nhấn mạnh một sự vị tha đáng khâm phục, nhưng đồng thời cũng là sự phủ định cá nhân. Các giáo lý Cơ Đốc giáo chính thống có ba loại, gồm giáo lý về báo ứng vĩnh cửu, về phục hồi phổ quát, và về tính bất tử có điều kiện. Với những điều này, chúng ta phải thêm vào các suy luận của

speculations of the Spiritualists, with their various spheres, corresponding somewhat to the subtle worlds, seven in number, of the Theosophists and the Rosicrucians; and also the extreme theory of annihilation, which does not find much response from the healthy-minded. The value of all these doctrines consists in attracting attention to the eternal interest of man in the hereafter, and his many speculations as to his future and his immortality.

những nhà thần linh học, với các cõi khác nhau của họ, phần nào tương ứng với các thế giới vi tế, bảy về số lượng, của các nhà Thông Thiên Học và các nhà Hoa Hồng Thập Tự; và cũng cả lý thuyết cực đoan về sự hủy diệt, vốn không tìm được nhiều đáp ứng từ những người có trí tuệ lành mạnh. Giá trị của tất cả những giáo lý này nằm ở chỗ thu hút sự chú ý đến mối quan tâm vĩnh cửu của con người đối với đời sau, và đến nhiều suy luận của y về tương lai và tính bất tử của mình.

Christ died and rose again. He lives. And some people in the world today do not need to have this fact proven to them. They know He is alive, and that because He lives we shall live also. In us is the same germ of essential life which flowered forth to perfection in Him, overcoming the tendency to death inherent in the natural man. Surely, then, we can say that immortality consists for us in three stages:

Đức Christ đã chết và sống lại. Ngài sống. Và một số người trên thế giới ngày nay không cần sự kiện này được chứng minh cho họ. Họ biết Ngài đang sống, và rằng vì Ngài sống nên chúng ta cũng sẽ sống. Trong chúng ta có cùng mầm sống thiết yếu đã nở hoa đến hoàn thiện nơi Ngài, vượt thắng khuynh hướng chết vốn cố hữu trong phàm nhân tự nhiên. Vậy chắc chắn chúng ta có thể nói rằng đối với chúng ta, tính bất tử gồm ba giai đoạn:

First, as that livingness which we call the urge to evolution, the impulse to progress, to push forward, to live, and to know that one lives. This is the incentive behind man's determination [252] to know himself an individual, with his own life cycle, his own innate purpose and his eternal future.

Thứ nhất, như sức sống mà chúng ta gọi là thôi thúc tiến hoá, xung lực tiến bộ, thúc đẩy tiến lên, sống, và biết rằng mình đang sống. Đây là động lực đằng sau quyết tâm của con người [252] muốn biết mình là một cá nhân, với chu kỳ sống riêng của mình, mục đích bẩm sinh riêng của mình và tương lai vĩnh cửu của mình.

Secondly, as that dynamic spiritual awareness which manifests in the re-orientation to eternity and the eternal values, which is the distinguishing feature of the man who is ready to take the necessary steps to demonstrate his spiritual life and to function as an immortal. Then the resurrection which lies ahead of him, and which Christ expressed, is seen to be something different from what had earlier

Thứ hai, như sự nhận biết tinh thần năng động biểu lộ trong sự tái định hướng về vĩnh cửu và các giá trị vĩnh cửu, vốn là đặc điểm phân biệt của người đã sẵn sàng thực hiện các bước cần thiết để chứng minh đời sống tinh thần của mình và hoạt động như một kẻ bất tử. Bấy giờ sự phục sinh nằm phía trước y, và điều Đức Christ đã biểu lộ, được thấy là một điều khác với những gì trước đây từng được giả định. Định nghĩa sau đây về sự

been supposed. The following definition of the true resurrection, as it begins to dawn on the eyes of the man who is awakening to the glory of the Lord within his own heart and immanent in every form, finds place:

phục sinh đích thực, khi nó bắt đầu ló rạng trước mắt người đang thức tỉnh trước vinh quang của Chúa trong chính trái tim mình và nội tại trong mọi hình tướng, được nêu ra:

"The resurrection is not the rise of the dead from their tombs but the passage from the death of self-absorption to the life of unselfish love, the transition from the darkness of selfish individualism to the light of universal spirit, from falsehood to truth, from the slavery of the world to the liberty of the eternal. Creation 'groaneth and travaileth in pain' 'to be delivered from the bondage of corruption into the liberty of the glory of the children of God.' "

"Sự phục sinh không phải là sự trỗi dậy của người chết từ mồ mả, mà là sự đi qua từ cái chết của sự chỉ chăm chú vào bản thân đến đời sống của tình thương vị tha, sự chuyển tiếp từ bóng tối của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ đến ánh sáng của tinh thần phổ quát, từ giả dối đến chân lý, từ sự nô lệ của thế gian đến tự do của cái vĩnh cửu. Tạo vật 'rên xiết và quằn quại trong đau đớn' 'để được giải thoát khỏi xiềng xích của sự hư hoại vào tự do của vinh quang của các con của Thượng Đế.' "

'THE SUPREME SPIRITUAL IDEAL', BY S. RADHAKRISHNAN, HIBBERT JOURNAL, OCTOBER, 1936.

'LÝ TƯỞNG TINH THẦN TỐI THƯỢNG', CỦA S. RADHAKRISHNAN, TẠP CHÍ HIBBERT, THÁNG MƯỜI, 1936.

The third and final thought which must be emphasised is that we are resurrected to life eternal and become of the company of the immortals when we have fitted ourselves to be co-workers with Christ in the kingdom. It is when we lose the consciousness of the separative individual and become divinely aware of the whole of which we are a part that we have learnt life's final lesson and need "no more return." It is the death of the individual which we fear and dread, and the loss of personal consciousness. We do not realise that when the vision of the kingdom is ours, when the whole of creation shines forth before our eyes, it is that Whole which matters to us, and we lose sight of our personal selves.

Tư tưởng thứ ba và sau cùng cần được nhấn mạnh là chúng ta được phục sinh vào đời sống vĩnh cửu và trở thành thành viên của đoàn thể những người bất tử khi chúng ta đã làm cho mình thích hợp để làm đồng sự với Đức Christ trong Thiên Giới. Chính khi chúng ta đánh mất tâm thức về cá nhân chia rẽ và trở nên nhận biết một cách thiêng liêng về toàn thể mà chúng ta là một phần, thì chúng ta đã học được bài học cuối cùng của đời sống và "không cần trở lại nữa." Chính cái chết của cá nhân là điều chúng ta sợ hãi và kinh khiếp, cùng sự mất mát tâm thức cá nhân. Chúng ta không nhận ra rằng khi tầm nhìn về Thiên Giới là của chúng ta, khi toàn thể tạo vật chiếu rạng trước mắt chúng ta, thì chính Toàn Thể ấy mới là điều quan trọng đối với chúng ta, và chúng ta không còn thấy các bản ngã cá nhân của mình nữa.

The resurrection therefore might be defined as the persistence [253] on into the future of

Do đó, sự phục sinh có thể được định nghĩa là sự tồn tại bền bỉ [253] đi vào tương lai của

that which is the divine aspect, and which is integrated with the life and consciousness of that sum total which we call God. That life and that consciousness flow through all parts of God's manifestation, the natural world. The kingdoms of nature have one by one evolved, and in so doing have expressed some aspect of His life as it informs and animates His creation. One by one, they have steadily progressed from the inert consciousness and slow, heavy rhythm of the mineral kingdom, and have revealed sequentially more and more of the hidden divine nature, until we come to man whose consciousness is of a much higher order and whose divine expression is that of the self-conscious, self-determined Deity. From automatic forms of consciousness, the life of God has carried the forms of life through sentient consciousness to the instinctive consciousness of the animal; then it has progressed on into the human kingdom, wherein self-consciousness holds sway, until the higher members of that kingdom begin to show a disposition towards divinity. The faint, dim signs of a still higher kingdom can now be seen, in which self-consciousness will give place to group-consciousness, and man will know himself to be identified with the Whole, and not to be simply a self-sufficient individual. Then the life of the whole body of God can flow consciously into and through him, and the life of God becomes his life and he is resurrected into life eternal.

điều vốn là phương diện thiêng liêng, và vốn được tích hợp với sự sống và tâm thức của tổng thể mà chúng ta gọi là Thượng Đế. Sự sống ấy và tâm thức ấy tuôn chảy qua mọi phần trong biểu hiện của Thượng Đế, tức thế giới tự nhiên. Các giới của thiên nhiên đã lần lượt tiến hoá, và khi làm như vậy đã biểu lộ một phương diện nào đó của sự sống Ngài khi nó thấm nhuần và làm linh hoạt tạo vật của Ngài. Từng giới một, chúng đã đều đặn tiến bộ từ tâm thức trơ ì và nhịp điệu chậm chạp, nặng nề của giới kim thạch, và đã tuần tự mặc khải ngày càng nhiều hơn bản chất thiêng liêng ẩn tàng, cho đến khi chúng ta đến với con người, tâm thức của y thuộc một trật tự cao hơn nhiều, và biểu hiện thiêng liêng của y là biểu hiện của Thượng đế tự ý thức, tự quyết định. Từ các hình thức tâm thức tự động, sự sống của Thượng Đế đã đưa các hình tướng của sự sống đi qua tâm thức hữu cảm đến tâm thức bản năng của con vật; rồi nó tiến vào giới nhân loại, nơi ngã thức nắm quyền, cho đến khi các thành viên cao hơn của giới ấy bắt đầu cho thấy một khuynh hướng hướng về thiên tính. Những dấu hiệu mờ nhạt, lờ mờ của một giới còn cao hơn nay có thể được thấy, trong đó ngã thức sẽ nhường chỗ cho tâm thức nhóm, và con người sẽ biết mình đồng hoá với Toàn Thể, chứ không chỉ đơn giản là một cá nhân tự đủ. Bấy giờ sự sống của toàn bộ thân thể Thượng Đế có thể tuôn chảy một cách có ý thức vào và qua y, và sự sống của Thượng Đế trở thành sự sống của y, và y được phục sinh vào đời sống vĩnh cửu.

Therefore the trend in human affairs at this time towards synthesis, cooperation, fusion and amalgamation is a sign of the advanced stage humanity has reached. It is a portent of promise, and indicates that the resurrection to life, to which all the Sons of God, down the ages, have testified, is now a general possibility. Humanity today, as a whole, faces towards life because its values

Do đó, khuynh hướng trong các sự vụ nhân loại vào lúc này hướng tới tổng hợp, hợp tác, sự dung hợp và hòa nhập là dấu hiệu của giai đoạn tiến bộ mà nhân loại đã đạt tới. Đó là điềm báo đầy hứa hẹn, và cho thấy rằng sự phục sinh vào đời sống, điều mà tất cả Các Con của Thượng đế qua các thời đại đã làm chứng, nay là một khả năng chung. Ngày nay, nhân loại xét như một toàn thể hướng

are real, its integrity is being steadily assured, and the world indications (as manifested through the nations and groups) are oriented towards synthesis and cooperation. The present world turmoil is simply [254] the result of this process of re-orientation, and has its parallel in the process of Christian "conversion" and the adjustments incident to that happening, which usually alter and re-arrange a man's entire life programme. The world programme is thus being re-adjusted, and the immediate result is chaos. But the new direction is assured, and nothing can arrest the progress of humanity's entrance into life. Hence the world crisis—the readjustments, the tendency to fusion and synthesis. The new race, which is immortal, is coming into being, and yet it is the same race at a new and high point of achievement. The Great Expectation then is that Birth into the Deathless Race may be realised here and now, as it has been realised already by those of humanity who have been made Divine.

mặt về sự sống, vì các giá trị của nó là thực, sự toàn vẹn của nó đang được bảo đảm đều đặn, và các dấu hiệu thế giới, như được biểu lộ qua các quốc gia và nhóm, đang định hướng về tổng hợp và hợp tác. Tình trạng hỗn loạn hiện nay của thế giới chỉ đơn giản [254] là kết quả của tiến trình tái định hướng này, và có sự tương ứng của nó trong tiến trình "cải đạo" Cơ Đốc giáo và những điều chỉnh đi kèm biến cố ấy, vốn thường làm thay đổi và sắp xếp lại toàn bộ chương trình đời sống của một người. Vì vậy, chương trình thế giới đang được tái điều chỉnh, và kết quả trước mắt là hỗn loạn. Nhưng hướng đi mới đã được bảo đảm, và không gì có thể ngăn cản sự tiến bộ của việc nhân loại bước vào sự sống. Do đó có cuộc khủng hoảng thế giới—những tái điều chỉnh, khuynh hướng hướng tới sự dung hợp và tổng hợp. Nhân loại mới, vốn bất tử, đang đi vào hiện hữu, tuy vậy đó vẫn là cùng một nhân loại ở một điểm thành tựu mới và cao. Vậy Kỳ Vọng Lớn là sự Sinh Vào Nhân Loại Bất Tử có thể được chứng nghiệm ngay tại đây và bây giờ, như đã được chứng nghiệm bởi những người thuộc nhân loại đã được làm cho Thiêng Liêng.

The kingdom of God moves on to fulfilment. The purpose of Christ's life, death and resurrection is on the verge of achieving consummation. A new kingdom is coming into being; a fifth kingdom in nature is materialising, and already has a nucleus functioning on earth in physical bodies. Therefore let us welcome the striving and struggling of the present time, for it is a sign of resurrection. Let us understand the upheaval and the chaos, as humanity breaks out of the tomb of selfishness and individualism and comes to the place of living light and unity, for it is the resurrection. Let us penetrate into the darkness with what light we have, and see humanity stirring, the dead bones coming to life, and the wrappings and bands being

Thiên Giới tiến tới sự hoàn thành. Mục đích của đời sống, cái chết và sự phục sinh của Đức Christ đang ở ngưỡng cửa đạt tới sự viên mãn. Một giới mới đang đi vào hiện hữu; một giới thứ năm trong thiên nhiên đang hiện hình, và đã có một hạt nhân hoạt động trên Trái Đất trong các thể xác. Vì vậy, chúng ta hãy chào đón sự cố gắng và đấu tranh của thời hiện tại, vì đó là dấu hiệu của sự phục sinh. Chúng ta hãy thấu hiểu sự chấn động và hỗn loạn, khi nhân loại thoát ra khỏi nấm mồ của ích kỷ và chủ nghĩa cá nhân, và đi đến nơi của ánh sáng sống động và sự hợp nhất, vì đó là sự phục sinh. Chúng ta hãy xuyên vào bóng tối bằng ánh sáng mà mình có, và thấy nhân loại đang chuyển động, những xương khô đi vào sự sống, những tấm vải liệm và dây buộc bị vứt bỏ, khi sức mạnh

discarded, as spiritual strength and life pour into the race of men, for this is the resurrection.

tinh thần và sự sống tuôn đổ vào nhân loại, vì đây là sự phục sinh.

We are privileged to be present at a moment of great crisis for the race. We are seeing the birth of a new and deathless race—a race in which the germ of immortality will flower, and in which divinity can express itself through the transfiguration of mankind. That which is of value is coming to the fore. It has always been there, but today it can be seen, ushering in the consummation of Christ's work, and bringing to realisation His vision.

Chúng ta có đặc ân được hiện diện vào một khoảnh khắc khủng hoảng lớn lao đối với nhân loại. Chúng ta đang thấy sự ra đời của một nhân loại mới và bất tử—một nhân loại trong đó mầm bất tử sẽ nở hoa, và trong đó thiên tính có thể tự biểu lộ qua sự biến hình của loài người. Điều có giá trị đang đi ra phía trước. Nó đã luôn luôn ở đó, nhưng ngày nay nó có thể được thấy, mở đường cho sự viên mãn công việc của Đức Christ, và đưa tầm nhìn của Ngài đến sự chứng nghiệm.

CHAPTER SEVEN - Our Immediate Goal . . . The Founding of the Kingdom – CHƯƠNG BẢY - Mục Tiêu Trước Mắt Của Chúng Ta . . . Việc Thành Lập Thiên Giới

KEY THOUGHT

"Any given moment of life must choose between two gods, psychologically incompatible. On the one hand, the peace of the hermit, the silence of the forest, the exaltation of sacrifice, the mightiness of simplification and unity, the joy of self-abandonment, the calm of absolute contemplation, the vision of God. On the other hand, the variety and stress of life, the zest of common ends, the mastery of means, the glory of infinite enterprise, the pride of creativity and self-possession. The modern world as a whole has made its choice. But there is a better choice; namely, the choice of both. For the life of each is that it may lose itself, from time to time, in the life of the other. And this, which is obvious in things partial, is true—and even chiefly true—in things total."

'THE MEANING OF GOD IN HUMAN EXPERIENCE', BY W.E. HOCKING, P. 427.

1

[257] We have followed Christ from Bethlehem to Calvary, and through the Resurrection to the episode wherein He disappeared from tangible worldly view and entered the world of subjective values, therein to function as the "Master of all the Masters and the Teacher alike of angels and of men." We approached the subject of the

TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO

"Bất cứ khoảnh khắc nào của đời sống cũng phải chọn giữa hai vị thần, vốn không tương hợp về mặt tâm lý. Một bên là sự bình an của ẩn sĩ, sự im lặng của rừng sâu, sự cao cả của hi sinh, sức mạnh của sự giản dị hóa và hợp nhất, niềm hoan hỉ của sự tự buông bỏ, sự tĩnh lặng của chiêm ngưỡng tuyệt đối, tầm nhìn về Thượng đế. Bên kia là tính đa dạng và căng thẳng của đời sống, niềm hăng say đối với các mục tiêu chung, sự làm chủ phương tiện, vinh quang của công cuộc vô tận, niềm kiêu hãnh của sức sáng tạo và sự tự chủ. Nhìn chung, thế giới hiện đại đã chọn lựa. Nhưng có một lựa chọn tốt đẹp hơn; đó là lựa chọn cả hai. Vì đời sống của mỗi bên là để, thỉnh thoảng, có thể đánh mất chính mình trong đời sống của bên kia. Và điều này, vốn hiển nhiên trong những sự việc bộ phận, cũng đúng — và thậm chí đúng chủ yếu — trong những sự việc toàn thể."

'Ý NGHĨA CỦA THƯỢNG ĐẾ TRONG KINH NGHIỆM NHÂN LOẠI', CỦA W.E. HOCKING, TR. 427.

1

[257] Chúng ta đã theo Đức Christ từ Bethlehem đến Calvary, và qua sự Phục Sinh đến biến cố trong đó Ngài biến mất khỏi tầm nhìn hữu hình của thế gian và bước vào thế giới của các giá trị chủ quan, để ở đó hoạt động với tư cách là "Chân sư của mọi Chân sư và cũng là Huấn sư của các thiên thần và của con người." Chúng ta đã tiếp cận đề tài

five crises in His life from the angle of their world importance far more than from that of their significance to us as individuals. We have seen that there has been a revolt (and rightly so) from the emphasis laid by past theologians upon the blood sacrifice of Christ; and have arrived at the conclusion that the need of the world today is for the recognition of a risen Saviour. We have noted the fact that the uniqueness of His mission consisted in the fact that in "the fullness of time" He came to found the kingdom of God, to bring into being upon earth another kingdom of nature, and so set up the boundary line between that which is objective and illusory and that which is subjective and real. His coming marked the line of demarcation between the world of forms or symbols and that of values or of meaning. Into the latter world we are entering with great rapidity. Science, religion and philosophy are today occupied with *significance*, and their investigations are carrying them out of the world of appearances; governments and the allied sciences—politics and economics and sociology—are, in their turn, dealing with ideas and ideals. Even in [258] the realm of social disorders and wars—general, sporadic or civil—we see the conflict of differing ideals, and no longer wars of aggression or for the defense of property. These distinctions between the objective and the subjective, between the tangible and the intangible, the visible and the invisible, Christianity has fostered, because it was these differences which the kingdom of God and the kingdom of man presented. Christ came to give to life a meaning and a value, just as the Buddha came to make clear to us the false values upon which our modern world is based.

về năm cuộc khủng hoảng trong đời Ngài từ góc độ tầm quan trọng thế giới của chúng nhiều hơn là từ góc độ thâm nghĩa của chúng đối với chúng ta như những cá nhân. Chúng ta đã thấy rằng đã có một sự phản kháng — và đúng như vậy — đối với sự nhấn mạnh mà các nhà thần học quá khứ đặt trên sự hi sinh bằng máu của Đức Christ; và đã đi đến kết luận rằng nhu cầu của thế giới ngày nay là nhận biết một Đấng Cứu Rỗi phục sinh. Chúng ta đã ghi nhận sự kiện rằng tính độc nhất trong sứ mệnh của Ngài nằm ở chỗ, vào "thời điểm viên mãn," Ngài đã đến để thiết lập Thiên Giới, để đưa vào hiện tồn trên Trái Đất một giới khác của tự nhiên, và như thế dựng nên đường ranh giới giữa cái khách quan và hư ảo với cái chủ quan và chân thực. Sự đến của Ngài đánh dấu đường phân ranh giữa thế giới của các hình tướng hay biểu tượng và thế giới của các giá trị hay ý nghĩa. Chúng ta đang bước vào thế giới sau với tốc độ rất nhanh. Ngày nay, khoa học, tôn giáo và triết học đều bận tâm đến *thâm nghĩa*, và các cuộc khảo cứu của chúng đang đưa chúng ra khỏi thế giới của các sắc tướng; đến lượt mình, các chính quyền và những khoa học liên hệ — chính trị, kinh tế học và xã hội học — đang đề cập đến các ý tưởng và lý tưởng. Ngay cả trong [258] lĩnh vực của những rối loạn xã hội và chiến tranh — tổng quát, lẻ tẻ hay nội chiến — chúng ta cũng thấy xung đột của những lý tưởng khác nhau, chứ không còn là các cuộc chiến xâm lược hay nhằm bảo vệ tài sản. Những phân biệt này giữa khách quan và chủ quan, giữa hữu hình và vô hình, giữa thấy được và không thấy được, Cơ Đốc giáo đã nuôi dưỡng, bởi vì chính những khác biệt ấy được Thiên Giới và giới của con người trình bày. Đức Christ đến để ban cho đời sống một ý nghĩa và một giá trị, cũng như Đức Phật đến để làm sáng tỏ cho chúng ta những giá trị giả tạo mà thế giới hiện đại của chúng ta đặt nền trên đó.

A study of the teachings earlier given will show that every teaching, and every suffering Son of God who antedated Christ, did two things:

Việc nghiên cứu các giáo huấn đã được ban trước đây sẽ cho thấy rằng mọi giáo huấn, và mọi Con của Thượng đế chịu khổ nạn có trước Đức Christ, đều đã làm hai điều:

First of all, He prepared the way for Christ, giving out the teaching that His particular age, period and civilisation required; and secondly, He enacted in His life the teaching of the Mysteries, which however, before Christ's time, was confined to the very few who were being prepared for initiation, or who could penetrate by right of initiation into the temples of those Mysteries.

Trước hết, Ngài chuẩn bị con đường cho Đức Christ, ban ra giáo huấn mà thời đại, giai đoạn và nền văn minh đặc thù của Ngài đòi hỏi; và thứ hai, trong đời sống của Ngài, Ngài thực hiện giáo huấn của các Bí nhiệm, vốn trước thời Đức Christ chỉ giới hạn cho rất ít người đang được chuẩn bị cho điểm đạo, hoặc những người có thể, nhờ quyền của điểm đạo, thâm nhập vào các đền thờ của những Bí nhiệm ấy.

Then the Buddha came and spoke to the multitude, telling them what was the source of their misery and discontent, and giving them, in the Four Noble Truths, a concise statement of the human situation. He outlined to them the Noble Eightfold Path governing right conduct, and gave in reality the rules which should control one upon the Path of Discipleship. Then, having Himself achieved Illumination, He entered into the "Secret Place of the Most High," to come forth once a year, so legend tells us, in order to bless the world. That day of blessing (the day of the full moon of May) is preserved in the East as a general holiday, and in the West many hundreds also keep it as a day of spiritual remembrance.

Rồi Đức Phật đến và nói với quần chúng, cho họ biết đâu là nguồn gốc của khổ đau và bất mãn của họ, và trong Tứ Diệu Đế, Ngài ban cho họ một phát biểu cô đọng về tình trạng nhân loại. Ngài phác họa cho họ Bát Chánh Đạo cao quý, chi phối cách hành xử đúng đắn, và thực sự ban ra những quy luật phải kiểm soát một người trên Con Đường Đệ Tử. Rồi, sau khi chính Ngài đã đạt được Sự Soi Sáng, Ngài bước vào "Nơi Bí Mật của Đấng Tối Cao," để mỗi năm một lần lại xuất hiện, như truyền thuyết kể lại, nhằm ban phúc cho thế giới. Ngày ban phúc ấy — ngày trăng tròn tháng Năm — được giữ gìn ở phương Đông như một ngày lễ chung, và ở phương Tây cũng có nhiều trăm người giữ ngày ấy như một ngày tưởng niệm tinh thần.

Then Christ came, and presented to the world, and made public in His life and through its critical points, the great processes of initiation (five in number) which lie ahead of [259] all who keep the rules which His great Brother laid down. He carried the teaching forward the next step, and made it available to the masses. Thus the continuity of revelation was perpetuated. The Buddha taught us the rules

Rồi Đức Christ đến, và trình bày cho thế giới, đồng thời công khai hóa trong đời Ngài và qua các điểm khủng hoảng của đời ấy, những tiến trình lớn lao của điểm đạo — gồm năm tiến trình — đang nằm phía trước [259] tất cả những ai tuân giữ các quy luật mà Huynh Trưởng vĩ đại của Ngài đã đặt ra. Ngài đưa giáo huấn tiến thêm bước kế tiếp, và làm cho nó trở nên sẵn có đối với quần chúng. Như thế, tính liên tục của sự mặc khải được duy

for disciples in preparation for the Mysteries of initiation, whilst Christ gave us the next stage, and showed us the process of initiation from the moment of the new birth into the kingdom to that of the final resurrection into life. His work was unique in its time and place, for it marked a consummation of the past, and an entrance into something utterly new, as far as humanity as a whole was concerned.

trì. Đức Phật dạy chúng ta các quy luật dành cho đệ tử trong sự chuẩn bị cho các Bí nhiệm của điểm đạo, trong khi Đức Christ ban cho chúng ta giai đoạn kế tiếp, và chỉ cho chúng ta tiến trình điểm đạo từ khoảnh khắc của sự sinh ra mới vào Thiên Giới cho đến sự phục sinh cuối cùng vào sự sống. Công việc của Ngài là độc nhất trong thời gian và nơi chốn của nó, vì nó đánh dấu sự hoàn tất của quá khứ và sự bước vào một điều hoàn toàn mới, xét theo nhân loại như một toàn thể.

Humanity had also reached a unique stage in its development. The race had become intelligent, and the personality of man—physical, emotional and mental—had been carried forward to a definite point of integration and coordination. This, on a scale so immense, was unique. There had been isolated personalities. Now, in the Christian era, we live in an age of personalities. So high is the general level of integrated personality life that we are apt to feel we have reached an era where there are no outstanding figures. This is probably due to the fact that the general average of human development is so high that the power to stand out dominantly is much more limited. Because of this development, humanity (regarding it as a kingdom in nature) has reached a point where something new can emerge, as has always happened in analogous circumstances in other kingdoms. We can produce, and as a race give birth to, the next kingdom in nature, which Christ called the kingdom of God; this is the kingdom of souls, the kingdom of spiritual lives, and herein, uniquely, Christ emerges. He is the founder of that kingdom. He proclaimed its existence and He indicated its nature. In Himself He gave us an expression of its qualifications, and showed us the characteristics of the citizen of that kingdom.

Nhân loại cũng đã đạt tới một giai đoạn độc nhất trong sự phát triển của mình. Nhân loại đã trở nên thông minh, và phàm ngã của con người — hồng trần, cảm xúc và trí tuệ — đã được đưa đến một điểm tích hợp và phối hợp xác định. Điều này, trên một quy mô bao la như thế, là độc nhất. Trước kia đã có những phàm ngã cô lập. Nay, trong kỷ nguyên Cơ Đốc giáo, chúng ta sống trong một thời đại của các phàm ngã. Mức độ chung của đời sống phàm ngã tích hợp cao đến nỗi chúng ta dễ cảm thấy mình đã đạt tới một kỷ nguyên không còn những nhân vật nổi bật. Điều này có lẽ là do mức trung bình chung của sự phát triển nhân loại cao đến mức khả năng nổi bật một cách áp đảo bị giới hạn hơn nhiều. Do sự phát triển này, nhân loại — nếu xem nó như một giới trong tự nhiên — đã đạt tới một điểm nơi một điều mới có thể xuất hiện, như vẫn luôn xảy ra trong các hoàn cảnh tương đồng ở những giới khác. Chúng ta có thể tạo ra, và với tư cách là một nhân loại, sinh ra giới kế tiếp trong tự nhiên, mà Đức Christ gọi là Thiên Giới; đây là giới của các linh hồn, giới của các sự sống tinh thần, và chính ở đây, một cách độc nhất, Đức Christ xuất hiện. Ngài là vị sáng lập giới ấy. Ngài tuyên bố sự hiện hữu của nó và chỉ rõ bản chất của nó. Nơi chính Ngài, Ngài ban cho chúng ta một biểu hiện về các phẩm chất của nó, và chỉ cho chúng ta những đặc tính của công dân trong giới ấy.

Through the example of its Founder, Christianity has also had a unique mission in inaugurating the era of service. World service, world welfare, world interest, world inter-communication [260] and the importance of the general good are all products of the emphasis Christ laid upon human divinity and on the brotherhood of man, based upon the Fatherhood of God. No other religion or era has thus emphasised these points. They still remain in many ways ideals, but are slowly in process of becoming facts.

Qua gương mẫu của Đấng Sáng Lập, Cơ Đốc giáo cũng đã có một sứ mệnh độc nhất trong việc khai mở kỷ nguyên phụng sự. Phụng sự thế giới, phúc lợi thế giới, mối quan tâm đến thế giới, sự liên giao thế giới [260] và tầm quan trọng của lợi ích chung đều là sản phẩm của sự nhấn mạnh mà Đức Christ đặt trên thiên tính của con người và trên tình huynh đệ của nhân loại, dựa trên Tình Phụ Tử của Thượng đế. Không tôn giáo hay kỷ nguyên nào khác đã nhấn mạnh những điểm này như vậy. Chúng vẫn còn, theo nhiều cách, là các lý tưởng, nhưng đang chậm rãi trong tiến trình trở thành sự kiện.

Christ therefore achieved through His work the following things:

Do đó, qua công việc của Ngài, Đức Christ đã đạt được những điều sau đây:

1. He externalised the Mysteries so that they have become known to humanity as a whole, and are not only the secret possession of the Initiates.

1. Ngài đã ngoại hiện các Bí nhiệm để chúng trở nên được nhân loại nói chung biết đến, chứ không chỉ là sở hữu bí mật của các điểm đạo đồ.

2. He enacted the drama of initiation before the world, so that its symbolism could penetrate into the human consciousness.

2. Ngài đã diễn vở kịch điểm đạo trước thế giới, để biểu tượng tính của nó có thể thâm nhập vào tâm thức con người.

3. He gave us a demonstration of perfection so that we can no longer question the nature of God, yet at the same time He gave us the guarantee that we too are the children of God, and can likewise achieve divinity if we follow in His steps.

3. Ngài ban cho chúng ta một minh chứng về sự hoàn thiện, để chúng ta không còn có thể nghi vấn về bản chất của Thượng đế; tuy vậy, đồng thời Ngài ban cho chúng ta sự bảo đảm rằng chúng ta cũng là con cái của Thượng đế, và cũng có thể đạt được thiên tính nếu chúng ta bước theo dấu chân Ngài.

4. He revealed to us the world of meaning, and, in the Person of the historical Christ, showed us the significance of the cosmic Christ, the mythic Christ, and the mystical Christ in the heart of every man. He revealed the nature of God transcendent and of God immanent.

4. Ngài mặc khải cho chúng ta Thế giới của ý nghĩa, và trong Ngôi Vị của Đức Christ lịch sử, chỉ cho chúng ta thâm nghĩa của Đức Christ vũ trụ, Đức Christ huyền thoại, và Đức Christ thần bí trong tâm của mỗi người. Ngài mặc khải bản chất của Thượng đế siêu việt và của Thượng đế nội tại.

5. The past of humanity culminated in Him; the present finds in Him its solution, and the future is symbolised in His life and death. Therefore all three lines of past, present and future meet in Him, and give Him His unique significance.

5. Quá khứ của nhân loại đạt đến đỉnh điểm nơi Ngài; hiện tại tìm thấy lời giải nơi Ngài, và tương lai được biểu tượng hóa trong sự sống và cái chết của Ngài. Vì vậy, cả ba tuyến quá khứ, hiện tại và tương lai đều gặp nhau nơi Ngài, và ban cho Ngài thâm nghĩa độc nhất của Ngài.

6. He founded the kingdom of God in due time when the human kingdom was reaching maturity. He demonstrated the values of that kingdom in His Own life, portraying for us the character of its citizenship, and He opened the door wide for all who could fit themselves (through service and discipline) to pass out of the human kingdom into the spiritual kingdom. [261]

6. Ngài đã thiết lập Thiên Giới đúng thời điểm, khi giới nhân loại đang đạt tới sự trưởng thành. Trong Chính đời sống của Ngài, Ngài minh chứng các giá trị của giới ấy, mô tả cho chúng ta tính cách của công dân thuộc giới ấy, và Ngài mở rộng cánh cửa cho tất cả những ai có thể tự làm cho mình thích hợp — qua phụng sự và kỷ luật — để đi ra khỏi giới nhân loại và bước vào giới tinh thần. [261]

7. He reared His Cross as a boundary, a symbol, and an example of method, between the world of tangible values and the world of spiritual values, and called us to the death of the lower nature in order that the Spirit of God may have full sway.

7. Ngài dựng Thập Giá của Ngài như một ranh giới, một biểu tượng, và một gương mẫu về phương pháp, giữa thế giới của các giá trị hữu hình và thế giới của các giá trị tinh thần, và kêu gọi chúng ta đi vào cái chết của bản chất thấp để Tinh thần của Thượng đế có thể toàn quyền chi phối.

8. He taught us that death must end, and that the destiny of humanity is the resurrection from among the dead. Immortality must take the place of mortality. For our sakes, therefore, He rose from the dead and proved that the bonds of death cannot hold any human being who can function as a Son of God.

8. Ngài dạy chúng ta rằng cái chết phải chấm dứt, và định mệnh của nhân loại là sự phục sinh từ giữa những kẻ chết. Bất tử phải thay thế cho hữu tử. Vì chúng ta, do đó, Ngài đã sống lại từ cõi chết và chứng minh rằng xiềng xích của sự chết không thể giữ bất cứ con người nào có thể hoạt động như một Con của Thượng đế.

Many sons of God had passed through the Temples of the Mysteries; many had learnt to function divinely and had, in the process of expressing divinity, lived and served and died. But none of them came at the particular period of unfoldment which made possible the universal recognition

Nhiều con của Thượng đế đã đi qua các Đền Thờ của những Bí nhiệm; nhiều người đã học cách hoạt động một cách thiêng liêng và, trong tiến trình biểu hiện thiên tính, đã sống, phụng sự và chết. Nhưng không ai trong số họ đến vào giai đoạn khai mở đặc thù khiến sự công nhận phổ quát mà Đức

which Christ has evoked, nor was the intellect of the masses sufficiently developed to profit by their teaching on a large scale until that time. In these respects Christ and His mission were uniquely important. He taught us to work towards unity and to bring to an end isolation and hatred and separation, telling us to love our neighbour as ourselves. He gave a message which was universal in its implications, for the kingdom of God stands wide open to all who love and serve and who purify the lower nature, irrespective of creed and dogma. He taught the unity of the faith, the Fatherhood of God, and the necessity not only to walk with God, but to walk with each other in love and understanding. He emphasised the necessity for cooperation, indicating that if we truly follow the Way, we shall put an end to competition, and substitute for it cooperation. He urged us to live by principles, divine, basic and fundamental, and to lay no emphasis upon personalities.

Christ đã gợi lên trở nên khả hữu; cũng không phải cho đến thời ấy trí năng của quần chúng mới phát triển đủ để hưởng lợi từ giáo huấn của họ trên quy mô rộng lớn. Về những phương diện này, Đức Christ và sứ mệnh của Ngài có tầm quan trọng độc nhất. Ngài dạy chúng ta làm việc hướng tới sự hợp nhất và chấm dứt cô lập, thù hận và chia rẽ, bảo chúng ta yêu người lân cận như chính mình. Ngài ban một thông điệp có hàm ý phổ quát, vì Thiên Giới mở rộng cho tất cả những ai yêu thương và phụng sự, và thanh luyện bản chất thấp, bất kể tín điều và giáo điều. Ngài dạy sự hợp nhất của đức tin, Tình Phụ Tử của Thượng đế, và sự cần thiết không chỉ bước đi với Thượng đế, mà còn bước đi với nhau trong tình thương và sự thấu hiểu. Ngài nhấn mạnh sự cần thiết của hợp tác, chỉ ra rằng nếu chúng ta thật sự theo Đường Đạo, chúng ta sẽ chấm dứt cạnh tranh và thay vào đó bằng hợp tác. Ngài thúc giục chúng ta sống theo các nguyên tắc — thiêng liêng, nền tảng và căn bản — và không đặt sự nhấn mạnh nào lên các phàm ngã.

Love, brotherhood, cooperation, service, self-sacrifice, inclusiveness, freedom from doctrine, recognition of divinity—these are the characteristics of the citizen of the kingdom, [262] and these still remain our ideals. Therefore the question of importance facing humanity today is, just what must be done in order to bring about the attainment of the three major objectives which Christ held before us. They remain objectives for all mankind, and are generally so recognised, even when their Christian interpretation is ignored, or when Christ remains unrecognised. How shall we perfect the human being, so that his handling of life, and his attitude to people and his environment, are correct and constructive? How shall we materialise on earth that state of consciousness, accompanied by that

Tình thương, tình huynh đệ, hợp tác, phụng sự, tự hi sinh, tính bao gồm, tự do khỏi giáo điều, sự công nhận thiên tính — đó là những đặc tính của công dân Thiên Giới, [262] và chúng vẫn còn là các lý tưởng của chúng ta. Vì vậy, câu hỏi quan trọng đang đối diện nhân loại ngày nay là: chính xác phải làm gì để đạt được ba mục tiêu lớn mà Đức Christ đã đặt trước chúng ta. Chúng vẫn là các mục tiêu cho toàn thể nhân loại, và nhìn chung được công nhận như thế, ngay cả khi cách diễn giải Cơ Đốc giáo về chúng bị bỏ qua, hoặc khi Đức Christ không được công nhận. Làm thế nào chúng ta hoàn thiện con người, để cách y xử lý đời sống, thái độ của y đối với người khác và môi trường của y, đều đúng đắn và xây dựng? Làm thế nào chúng ta hiện hình trên Trái Đất trạng thái tâm thức ấy, đi kèm với tình trạng sống ấy, mà kết quả của

condition of living, the result of which would deserve to be recognised as the kingdom of God? How shall we arrive at an understanding of the problem of death, with the surmounting of the process of dying, and the achieving of resurrection? Christ has provided a definite answer and programme for the solution of the problem of human perfection, the problem of a new world, and the problem of immortality.

nó xứng đáng được công nhận là Thiên Giới? Làm thế nào chúng ta đạt tới sự thấu hiểu vấn đề cái chết, cùng với việc vượt thắng tiến trình chết và đạt được sự phục sinh? Đức Christ đã cung cấp một lời đáp và một chương trình xác định để giải quyết vấn đề hoàn thiện con người, vấn đề một thế giới mới, và vấn đề bất tử.

That humanity is on its way to great and vital events is generally recognised. We have in the past progressed through varying civilisations to the important present, and we are on our way to still greater achievements. The question, however, arises whether we may hasten the process; whether, by a right understanding of Christ and His teaching, we could so expedite matters that the kingdom and its laws may hold sway earlier than would otherwise be the case. No sacrifice on our part would be too great, if Christ was right in the position He took and in the teaching He gave as to the nature of man. The decision rests with us. The choice is ours. Therefore in the last analysis what is the decision we have to make? What is the question that we have to answer? Christ has said that man is divine. Was He right? If man is divine and a son of the Father, then let us proceed to express that divinity and claim our birthright. We have been occupied with much thought and discussion about God in the past. God transcendent has been both recognised and denied. God immanent is on the verge of recognition, and in that recognition [263] may surely lie the way out for man. Are we divine? That is the all-important question.

Nhìn chung, người ta công nhận rằng nhân loại đang trên đường tiến tới những biến cố lớn lao và thiết yếu. Trong quá khứ, chúng ta đã tiến qua các nền văn minh khác nhau đến hiện tại quan trọng này, và chúng ta đang trên đường tới những thành tựu còn lớn lao hơn nữa. Tuy nhiên, câu hỏi nảy sinh là liệu chúng ta có thể thúc nhanh tiến trình hay không; liệu, bằng một sự thấu hiểu đúng đắn về Đức Christ và giáo huấn của Ngài, chúng ta có thể xúc tiến sự việc đến mức Thiên Giới và các định luật của nó có thể nắm quyền chi phối sớm hơn so với trường hợp khác hay không. Không hi sinh nào từ phía chúng ta là quá lớn, nếu Đức Christ đã đúng trong lập trường Ngài giữ và trong giáo huấn Ngài ban về bản chất của con người. Quyết định nằm nơi chúng ta. Sự lựa chọn là của chúng ta. Vì vậy, xét đến cùng, quyết định mà chúng ta phải đưa ra là gì? Câu hỏi mà chúng ta phải trả lời là gì? Đức Christ đã nói rằng con người là thiêng liêng. Ngài có đúng không? Nếu con người là thiêng liêng và là con của Cha, vậy chúng ta hãy tiến tới biểu hiện thiên tính ấy và đòi quyền thừa kế do sinh ra của mình. Trong quá khứ, chúng ta đã bận tâm nhiều với tư tưởng và thảo luận về Thượng đế. Thượng đế siêu việt đã vừa được công nhận vừa bị phủ nhận. Thượng đế nội tại đang ở ngưỡng cửa của sự công nhận, và trong sự công nhận ấy [263] chắc chắn có thể có lối thoát cho con người. Chúng ta có

thiêng liêng không? Đó là câu hỏi tối quan trọng.

If man is divine, if the testimony of the ages is true, and if Christ came to show us divinity in expression and to found the new kingdom, then the breaking down today of the old forms, and the widespread destruction of the familiar structures of society and religion, may simply be part of the process of instituting the new processes of life and the planned work of a vital evolving spirit. A reaction to the appearance of the kingdom may account for the unrest of the masses, and the general sensitive response to the new ideals may be due to the impact of the force of the kingdom upon the minds of the more advanced people of the world. The mystic and the Christian may talk in terms of the kingdom of God; philanthropists and philosophers may talk in terms of the world community, of the new civilisation, of the world federation of nations, of humanity as a body corporate, of community living and of internationalism and economic interdependence and world unity; but these are mere words and names which differing types of mind apply to the one great emerging fact of a new kingdom in nature arising out of the human kingdom, with its own principles of living, its laws of group welfare, and its brotherhood of man.

Nếu con người là thiêng liêng, nếu chứng ngôn của các thời đại là đúng, và nếu Đức Christ đã đến để chỉ cho chúng ta thiên tính trong biểu hiện và để thiết lập giới mới, thì sự phá vỡ ngày nay của các hình tướng cũ, và sự hủy hoại lan rộng của những cấu trúc quen thuộc trong xã hội và tôn giáo, có thể chỉ đơn giản là một phần của tiến trình thiết lập những tiến trình sống mới và công việc có hoạch định của một tinh thần sống động đang tiến hoá. Một phản ứng trước sự xuất hiện của Thiên Giới có thể giải thích sự bất ổn của quần chúng, và sự đáp ứng nhạy bén chung đối với các lý tưởng mới có thể là do tác động của mãnh lực Thiên Giới lên thể trí của những người tiến bộ hơn trong thế giới. Nhà thần bí và tín đồ Cơ Đốc giáo có thể nói bằng thuật ngữ Thiên Giới; các nhà từ thiện và triết gia có thể nói bằng thuật ngữ cộng đồng thế giới, nền văn minh mới, liên bang thế giới của các quốc gia, nhân loại như một đoàn thể thống nhất, đời sống cộng đồng, chủ nghĩa quốc tế, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và sự thống nhất thế giới; nhưng đó chỉ là những từ ngữ và danh xưng mà các kiểu trí tuệ khác nhau áp dụng cho một sự kiện vĩ đại đang xuất hiện: một giới mới trong tự nhiên đang phát sinh từ giới nhân loại, với các nguyên tắc sống riêng, các định luật về phúc lợi nhóm riêng, và tình huynh đệ của nhân loại riêng.

In the unfoldment of the human consciousness we are passing out of the necessary stage of individualism; we have temporarily lost sight of the deeper truths, the mystical values, and the one Life behind all forms. We have been too much occupied with material and selfish interests. But this has been a needed stage, even though it may well be that it has persisted too long. It is

Trong sự khai mở của tâm thức con người, chúng ta đang đi ra khỏi giai đoạn cần thiết của chủ nghĩa cá nhân; chúng ta đã tạm thời mất khỏi tầm nhìn những chân lý sâu xa hơn, các giá trị thần bí, và Sự Sống duy nhất đằng sau mọi hình tướng. Chúng ta đã quá bận tâm với các lợi ích vật chất và ích kỷ. Nhưng đây là một giai đoạn cần thiết, dù rất có thể nó đã kéo dài quá lâu. Đã đến lúc

time for us to end the period of selfish individualism, permitting it no longer to be a controlling factor in our lives, time for us to begin to blend and unify the deeper elements of the world of reality with the outer life. The best minds of the age are now appreciating this, and on every hand the call is going out for a deepening of life, a recognition of the nature of and the need for a coherent understanding of the world processes, and their conscious intelligent [264] integration into a recognisable world order. The disintegration in the world at this time is right and good, provided we understand why it is taking place and by what it should be succeeded. Destruction which is carried on with a view to eventual construction is right and proper, but the plans for the coming building must be somewhere understood, and some idea must exist as to subsequent reconstruction.

chúng ta chấm dứt thời kỳ của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, không còn cho phép nó là một yếu tố chi phối trong đời sống của chúng ta; đã đến lúc chúng ta bắt đầu hòa trộn và hợp nhất các yếu tố sâu xa hơn của thế giới thực tại với đời sống bên ngoài. Những trí tuệ ưu tú nhất của thời đại hiện đang nhận thức điều này, và khắp nơi lời kêu gọi đang vang lên cho sự đào sâu đời sống, sự công nhận bản chất và nhu cầu về một sự thấu hiểu mạch lạc đối với các tiến trình thế giới, cùng sự tích hợp có ý thức và thông minh [264] của chúng vào một trật tự thế giới có thể nhận biết. Sự tan rã trong thế giới vào lúc này là đúng và tốt, miễn là chúng ta thấu hiểu vì sao nó đang diễn ra và điều gì phải kế tiếp nó. Sự hủy hoại được tiến hành nhằm hướng tới xây dựng sau cùng là đúng đắn và thích hợp, nhưng các kế hoạch cho công trình xây dựng sắp đến phải được thấu hiểu ở đâu đó, và phải có một ý tưởng nào đó về sự tái thiết theo sau.

Our need today is to see the hidden thread of purpose which will lead us out of the apparent impasse; to isolate, out of the many theories, that basic theory which not only has its roots in the past, but is capable of application in a new way, in new terms, by those who are permeated with the new vision. We need what Dr. Schweitzer calls "... the recognition that civilization is founded on some sort of theory of the universe, and can be restored only through a spiritual awakening and a will for ethical good in the mass of mankind." *('The Decay and Restoration of Civilisation', by Albert Schweitzer, p. 78-79.)* This awakening is already here, and the will to good is present. The teaching of Christ is not obsolete and out of date. It needs only to be rescued from the interpretations of the theologies of the past, and taken at its simple face value, which is an expression of the divinity of man, of his participation in the kingdom

Nhu cầu của chúng ta ngày nay là thấy được sợi dây ẩn giấu của mục đích sẽ dẫn chúng ta ra khỏi bế tắc bề ngoài; là tách ra, từ nhiều lý thuyết, lý thuyết nền tảng không chỉ có rễ trong quá khứ mà còn có khả năng được áp dụng theo một cách mới, bằng những thuật ngữ mới, bởi những người được thấm nhuần bởi tầm nhìn mới. Chúng ta cần điều mà Tiến sĩ Schweitzer gọi là "... sự công nhận rằng văn minh được đặt nền trên một loại lý thuyết nào đó về vũ trụ, và chỉ có thể được phục hồi qua một sự thức tỉnh tinh thần và một ý chí hướng về điều thiện đạo đức trong đại chúng nhân loại." *('Sự Suy Tàn và Phục Hồi của Văn Minh', của Albert Schweitzer, tr. 78-79.)* Sự thức tỉnh này đã có ở đây, và ý chí hướng thiện đang hiện diện. Giáo huấn của Đức Christ không lỗi thời và lạc hậu. Nó chỉ cần được giải cứu khỏi các diễn giải của những thần học quá khứ, và được tiếp nhận theo giá trị đơn giản bề mặt của nó, vốn là một biểu hiện của thiên tính nơi con người,

which is in process of being brought into recognition, and of his immortality as a citizen of that kingdom. What we are in reality passing through is "a religious initiation into the mysteries of Being," *('The End of Our Time', by Nicholas Berdayaev, p. 105.)* and from that we shall emerge with a deepened sense of God immanent in ourselves and in all humanity. The need for this revaluation is being impressed upon us constantly. It might be of value to us, therefore, to admit this possibility and consider practically our individual relation to the work which Christ expressed and inaugurated, and to deal with the problem of our individual perfecting, in order that we may help to found [265] the kingdom and to develop those values which will warrant immortality.

của sự tham dự của y vào giới đang trong tiến trình được đưa vào sự công nhận, và của sự bất tử của y với tư cách là công dân của giới ấy. Điều mà trong thực tế chúng ta đang trải qua là "một cuộc điểm đạo tôn giáo vào các bí nhiệm của Bản Thể," *('Sự Kết Thúc Thời Đại Chúng Ta', của Nicholas Berdayaev, tr. 105.)* và từ đó chúng ta sẽ bước ra với một ý thức sâu sắc hơn về Thượng đế nội tại trong chính mình và trong toàn thể nhân loại. Nhu cầu về sự tái định giá này đang liên tục được in sâu vào chúng ta. Vì vậy, có thể hữu ích cho chúng ta khi thừa nhận khả năng này và xem xét một cách thực tiễn mối liên hệ cá nhân của chúng ta với công việc mà Đức Christ đã biểu hiện và khai mở, cũng như xử lý vấn đề hoàn thiện cá nhân của chúng ta, để chúng ta có thể giúp thiết lập [265] Thiên Giới và phát triển những giá trị sẽ bảo đảm sự bất tử.

Someone has remarked that our troubles at this time are due largely to the lack of intuitive perception on the part of those who can impress the masses and lead people forward. They seek to guide by mental processes and enforcements, and not by that intuitive presentation of reality which the child and the wise man can simultaneously recognise. It is vision that is needed, for "where there is no vision the people perish." *(Proverbs, XXIX, 18.)* We have not lacked idealism, nor have we been too greatly unintelligent. Most people, faced with issues and problems, act with sincerity, even if their line of action may seem mistaken. But our outstanding error has been a failure to make those personality adjustments and sacrifices which would render realisation possible.

Có người đã nhận xét rằng những khó khăn của chúng ta vào lúc này phần lớn là do sự thiếu tri giác trực giác nơi những người có thể tạo ấn tượng lên quần chúng và dẫn dắt con người tiến về phía trước. Họ tìm cách hướng dẫn bằng các tiến trình trí tuệ và sự áp đặt, chứ không bằng cách trình bày thực tại theo trực giác, điều mà đứa trẻ và người minh triết có thể đồng thời nhận ra. Điều cần thiết là tầm nhìn, vì "nơi nào không có tầm nhìn, dân chúng sẽ tiêu vong." *(Châm Ngôn, XXIX, 18.)* Chúng ta không thiếu lý tưởng chủ nghĩa, cũng không phải quá kém thông minh. Phần lớn mọi người, khi đối diện với các vấn đề và khó khăn, đều hành động với sự chân thành, ngay cả khi đường lối hành động của họ có thể có vẻ sai lầm. Nhưng lỗi lầm nổi bật của chúng ta là đã không thực hiện những điều chỉnh và hi sinh nơi phàm ngã, vốn sẽ làm cho sự chứng nghiệm trở nên khả hữu.

People ask for guidance; they demand right leadership; they hope to be led in the way

Con người cầu xin sự hướng dẫn; họ đòi hỏi sự lãnh đạo đúng đắn; họ hy vọng được dẫn

that they should go; and yet all the time the guidance, leadership and direction have been given them. Christ blazed the trail and is still waiting for us to follow, not one by one, but—under inspired disciples—*as a race*. Like the children of Israel under Moses, we must go forth and find the "holy land." How then can those who have vision (and they are many) train themselves to aid in the right orientation of humanity? How can they become the leaders so sorely needed? By learning to be led themselves by Christ, and by following the guidance of the inner mystical Christ which will inevitably lead them direct to Christ the Initiator. As aspirants to the mysteries we must learn the way through obedience to the light which we may have, by love, and by becoming sensitive to inspiration from on high. There is no other way. We have no genuine excuse for failing, for others have gone ahead, and Christ made it all so clear and simple.

dắt trên con đường mà họ nên đi; vậy mà suốt thời gian ấy, sự hướng dẫn, lãnh đạo và chỉ đạo đã được ban cho họ. Đức Christ đã mở đường và vẫn đang chờ chúng ta đi theo, không phải từng người một, mà — dưới sự dẫn dắt của các đệ tử được cảm hứng — *với tư cách là một nhân loại*. Giống như con cái Israel dưới sự dẫn dắt của Moses, chúng ta phải tiến ra và tìm "đất thánh." Vậy làm thế nào những người có tầm nhìn — và họ rất nhiều — có thể tự rèn luyện để hỗ trợ sự định hướng đúng đắn của nhân loại? Làm thế nào họ có thể trở thành những nhà lãnh đạo đang hết sức cần thiết? Bằng cách học để chính họ được Đức Christ dẫn dắt, và bằng cách noi theo sự hướng dẫn của Đức Christ thần bí bên trong, điều sẽ tất yếu dẫn họ trực tiếp đến Đức Christ Đấng Điểm đạo. Với tư cách là những người chí nguyện vào các bí nhiệm, chúng ta phải học con đường qua sự vâng phục ánh sáng mà chúng ta có thể có, qua tình thương, và qua việc trở nên nhạy bén với cảm hứng từ trên cao. Không có con đường nào khác. Chúng ta không có lý do biện hộ chân chính nào cho sự thất bại, vì những người khác đã đi trước, và Đức Christ đã làm cho tất cả điều ấy thật rõ ràng và đơn giản.

Obedience to the highest one knows, in small things as well as in great, is too simple a rule for many to follow, but it is the secret of the Way. We demand so much, and when a [266] simple rule is given us, and we are told merely to obey the voice of conscience and to follow the glimmer of light which we can see, we do not find it sufficiently interesting to call forth prompt obedience. But this rule was the first which Christ followed, and even when a child, He said that He came to occupy Himself with His Father's business. He obeyed the call. He did as God told Him; He followed step by step the inner voice—and it led Him from Bethlehem to Calvary. But it took Him

Vâng phục điều cao nhất mà một người biết, trong những việc nhỏ cũng như việc lớn, là một quy luật quá đơn giản đối với nhiều người để noi theo, nhưng đó là bí quyết của Đường Đạo. Chúng ta đòi hỏi quá nhiều, và khi một [266] quy luật đơn giản được ban cho chúng ta, và chúng ta chỉ được bảo hãy vâng theo tiếng nói của lương tâm và đi theo tia sáng le lói mà chúng ta có thể thấy, chúng ta không thấy nó đủ thú vị để khơi dậy sự vâng phục tức khắc. Nhưng quy luật này là quy luật đầu tiên mà Đức Christ đã noi theo, và ngay khi còn là một đứa trẻ, Ngài đã nói rằng Ngài đến để lo công việc của Cha Ngài. Ngài vâng theo tiếng gọi. Ngài làm như Thượng đế bảo Ngài; Ngài từng bước đi theo

eventually to the Mount of Ascension. He has shown us what results from obedience, and He "learned obedience by the things which He suffered." He paid the price, and revealed to us what God in man could be and do.

tiếng nói bên trong — và nó dẫn Ngài từ Bethlehem đến Calvary. Nhưng cuối cùng nó đưa Ngài đến Núi Thăng Thiên. Ngài đã chỉ cho chúng ta thấy những gì phát sinh từ sự vâng phục, và Ngài "học vâng phục qua những điều Ngài chịu khổ." Ngài đã trả giá, và mặc khải cho chúng ta điều Thượng đế trong con người có thể là và có thể làm.

The achievement of human perfection is not the simple matter of building a good character and being nice and kind. More than that is involved. It is a question of understanding and of a new and regulated inner attitude, one which is oriented to God because it is oriented to the service of man, in whom God is expressing Himself. "If we do not love our brother whom we have seen, how can we love God whom we have not seen?" *(St. John, IV, 20.)* This is the question which St. John, the beloved Apostle, asks and which we have not yet, as a race, attempted to answer. The vital need is to return to the simple fundamental instruction which Christ gave, and to learn to love our brother. Love is not a sentimental, emotional state of consciousness. It takes into account the point in evolution and the development of character of those to be loved; but in spite of all, it is a love which sees truly, and which, because it sees so truly can act wisely. It is a love which realises that the world needs love, and that a spirit of love (which is a spirit of inclusiveness, of tolerance, of wise judgment and far-sighted vision) can draw all men together into that outward unity which is based upon a recognised inner relationship.

Thành tựu sự hoàn thiện của con người không phải là việc đơn giản của việc xây dựng một tính cách tốt và trở nên dễ thương, tử tế. Nó hàm chứa nhiều hơn thế. Đó là vấn đề thấu hiểu và một thái độ nội tâm mới, được điều chỉnh, một thái độ hướng về Thượng đế bởi vì nó hướng về phụng sự con người, nơi Thượng đế đang biểu hiện Chính Ngài. "Nếu chúng ta không yêu huynh đệ mình là người chúng ta đã thấy, làm sao chúng ta có thể yêu Thượng đế là Đấng chúng ta chưa thấy?" *(Thánh Gioan, IV, 20.)* Đây là câu hỏi mà Thánh Gioan, Tông đồ được yêu mến, nêu ra và chúng ta, với tư cách là một nhân loại, vẫn chưa cố gắng trả lời. Nhu cầu thiết yếu là trở về với chỉ dẫn căn bản đơn giản mà Đức Christ đã ban, và học yêu thương huynh đệ của mình. Tình thương không phải là một trạng thái tâm thức đa cảm, cảm xúc. Nó tính đến điểm tiến hoá và sự phát triển tính cách của những người cần được yêu thương; nhưng bất chấp tất cả, đó là một tình thương thấy đúng sự thật, và vì thấy đúng sự thật như thế nên có thể hành động một cách minh triết. Đó là một tình thương nhận ra rằng thế giới cần tình thương, và rằng một tinh thần thương yêu — vốn là một tinh thần của tính bao gồm, của khoan dung, của phán đoán minh triết và tầm nhìn xa — có thể kéo mọi người lại với nhau vào sự hợp nhất bên ngoài dựa trên một mối liên hệ bên trong được công nhận.

We are all so ready to take love. We are all so eager to be loved, because we realise, unconsciously if not consciously, [267] that love means service, and we like to be served. The time has come when that selfish attitude to life must change, and we must learn to give love and not to ask love, to go out in service to all whom we contact day by day, and expect and exact nothing for the separated self. When this spirit (which is outstandingly the spirit of Christ and of those who know Him best) becomes more general, then we shall see a more rapid consummation of the desired changes. Theologically, we have said that "God is love," and then have interpreted Him in terms of our own hatreds, our own limited ideals, our narrow theologies, and our separative attitudes. We have recognised Christ as the great Server of the race, and have pointed to Him as the example of what is possible. But we accord no general service, and that quality is not yet the motivating power in the life of the world. It is motivating life more definitely than ever before, but the efforts that are now being made—twenty centuries after Christ left us with the command to follow in His steps—only serve to show how slow we have been, how much remains to be done, and how desperately men need to be served by those who have vision and the love of God in their hearts. It is obvious how little love there is used in the world at this time. The essential thing to remember is that the reason we can recognise God as a God of love is that we are ourselves, basically and potentially, God-like in quality. This in itself constitutes a problem, for unless the divine in us is somewhat awakened it is difficult for us to interpret love correctly, and it is impossible for the masses of men, who are yet upon the path of becoming, and in many cases are

Tất cả chúng ta đều quá sẵn sàng nhận tình thương. Tất cả chúng ta đều quá khao khát được yêu thương, bởi vì chúng ta nhận ra, dù vô thức nếu không hữu thức, [267] rằng tình thương hàm ý phụng sự, và chúng ta thích được phụng sự. Đã đến lúc thái độ ích kỷ ấy đối với đời sống phải thay đổi, và chúng ta phải học trao tình thương chứ không đòi hỏi tình thương, đi ra trong phụng sự đối với tất cả những ai chúng ta tiếp xúc ngày này qua ngày khác, và không mong đợi cũng không đòi hỏi điều gì cho cái ngã tách biệt. Khi tinh thần này — vốn nổi bật là tinh thần của Đức Christ và của những ai biết Ngài rõ nhất — trở nên phổ biến hơn, bấy giờ chúng ta sẽ thấy sự hoàn tất nhanh chóng hơn của những thay đổi được mong muốn. Về mặt thần học, chúng ta đã nói rằng "Thượng đế là tình thương," rồi lại diễn giải Ngài theo những thù hận của chính chúng ta, những lý tưởng hạn hẹp của chính chúng ta, những thần học chật hẹp của chúng ta, và những thái độ chia rẽ của chúng ta. Chúng ta đã công nhận Đức Christ là Đấng Phụng Sự vĩ đại của nhân loại, và đã chỉ vào Ngài như gương mẫu của điều có thể thực hiện. Nhưng chúng ta không ban ra sự phụng sự chung, và phẩm tính ấy vẫn chưa là quyền năng thúc đẩy trong đời sống của thế giới. Nó đang thúc đẩy đời sống rõ rệt hơn bao giờ hết, nhưng những nỗ lực hiện đang được thực hiện — hai mươi thế kỷ sau khi Đức Christ rời chúng ta với mệnh lệnh bước theo dấu chân Ngài — chỉ cho thấy chúng ta đã chậm chạp đến mức nào, còn bao nhiêu điều phải làm, và con người cần được phụng sự khẩn thiết ra sao bởi những người có tầm nhìn và tình thương của Thượng đế trong tâm. Rõ ràng biết bao là có quá ít tình thương được sử dụng trong thế giới vào lúc này. Điều cốt yếu cần nhớ là lý do chúng ta có thể công nhận Thượng đế là một Thượng đế của tình thương là vì chính chúng ta, về căn bản và tiềm tàng, có phẩm tính giống

scarcely human beings, to understand the real significance of love.

như Thượng đế. Điều này tự nó cấu thành một vấn đề, vì trừ khi phần thiêng liêng trong chúng ta được đánh thức phần nào, chúng ta khó diễn giải tình thương một cách đúng đắn; và đối với quần chúng nhân loại, những người vẫn còn trên con đường đang trở thành, và trong nhiều trường hợp hầu như chưa phải là con người, thì không thể thấu hiểu thâm nghĩa thật sự của tình thương.

The understanding of love and the expression of love are strictly personal matters. Love can remain indefinitely a theory or an emotional experience. It can become a motivating factor in life and something which we contribute to the whole. If each would think out for himself the meaning of love in his life, and if all would decide to give love and understanding (not emotional reactions, but steady, [268] steadfast, understanding love), then the tangles in this troubled world of ours would straighten out, and it would be an easier place in which to live. The present chaos and turmoil would then more rapidly disappear. Love is essentially the realisation of brotherhood. It is the recognition that we are all the children of the One Father; it is pity and compassion and understanding and patience. It is the true expression of the life of God.

Sự thấu hiểu tình thương và sự biểu hiện tình thương hoàn toàn là những vấn đề cá nhân. Tình thương có thể vẫn mãi là một lý thuyết hoặc một kinh nghiệm cảm xúc. Nó có thể trở thành một yếu tố thúc đẩy trong đời sống và một điều gì đó chúng ta đóng góp cho toàn thể. Nếu mỗi người tự suy nghĩ kỹ về ý nghĩa của tình thương trong đời sống của mình, và nếu tất cả quyết định trao tình thương và sự thấu hiểu — không phải các phản ứng cảm xúc, mà là tình thương thấu hiểu, vững vàng, [268] kiên định — thì những rối rắm trong thế giới đầy khó khăn này của chúng ta sẽ được tháo gỡ, và nó sẽ trở thành một nơi dễ sống hơn. Bấy giờ hỗn loạn và xáo động hiện nay sẽ biến mất nhanh chóng hơn. Về bản chất, tình thương là sự nhận biết tình huynh đệ. Đó là sự công nhận rằng tất cả chúng ta đều là con cái của một Người Cha Duy Nhất; đó là lòng thương xót, lòng từ bi, sự thấu hiểu và sự kiên nhẫn. Đó là sự biểu hiện chân thật của sự sống của Thượng đế.

If the first requirement of the man who seeks to prepare himself for the Mysteries of Jesus is obedience to the highest which he can sense and know, and the second is the practice of love, the third is the development of that sensitivity and inner attention by means of which he can arrive at the significance and the condition of inspiration. This is not in any sense the

Nếu yêu cầu thứ nhất của người tìm cách chuẩn bị chính mình cho các Bí nhiệm của Đức Jesus là vâng phục điều cao nhất mà y có thể cảm nhận và biết, và yêu cầu thứ hai là thực hành tình thương, thì yêu cầu thứ ba là phát triển sự nhạy bén và chú tâm bên trong, nhờ đó y có thể đạt tới thâm nghĩa và tình trạng của cảm hứng. Điều này không theo bất cứ nghĩa nào là sự phát triển năng

development of psychic faculty as usually understood; it is present among God's children in many forms, from that of attention to the inner voice of conscience and duty (two of the lowest forms of inspiration) to that high spiritual attainment which finds expression in the inspired scriptures of the world.

lực thông linh như thường được hiểu; nó hiện diện nơi con cái của Thượng đế dưới nhiều hình thức, từ sự chú tâm đến tiếng nói bên trong của lương tâm và bổn phận — hai trong những hình thức thấp nhất của cảm hứng — cho đến thành tựu tinh thần cao cả tìm thấy sự biểu hiện trong các kinh sách được cảm hứng của thế giới.

Unless there is this inspiration, it is not possible for a man to enter into the temple and to commune with That which is introducing him to the subtle processes of initiation. The first Initiator is the soul itself, the divine self in man, the spiritual man, who stands behind the screen of the outer man, and who struggles to control and work through the outer personality. It is that soul or self which opens to man *the door* of inspiration and reveals to him the nature of his divine consciousness, attuning his ear to catch the sound of that "Voice which speaks in the silence"—when a man has quieted all the outer voices.

Nếu không có cảm hứng này, con người không thể bước vào đền thờ và giao cảm với Điều đang đưa y vào các tiến trình vi tế của điểm đạo. Đấng Điểm đạo đầu tiên chính là linh hồn, bản ngã thiêng liêng trong con người, con người tinh thần, đứng đằng sau bức màn của con người bên ngoài, và đang đấu tranh để kiểm soát và làm việc qua phàm ngã bên ngoài. Chính linh hồn hay bản ngã ấy mở cho con người *cánh cửa* của cảm hứng và mặc khải cho y bản chất của tâm thức thiêng liêng của y, chỉnh tai y để bắt lấy âm thanh của "Tiếng Nói vang lên trong im lặng" — khi con người đã làm lặng yên mọi tiếng nói bên ngoài.

The attainment of the faculty of inspiration is essential to any progress upon the path of initiation, and it presupposes a development of intelligence which will enable a man to make the necessary differentiations. True inspiration is not in any sense the welling-up of the subconscious self or mind; nor is it the releasing in man of the flood of ideas and [269] thoughts which are his—racial, national or family; it is not the tuning in on the world of thought which can so easily be done by those in whom a certain quality of telepathic rapport is developed. Nor is it listening to the many voices which can make themselves heard when a man succeeds in becoming so utterly negative and so emptied of all intelligent thought that the sounds, the ideas and the suggestions of the world of psychic phenomena very easily intrude. This

Việc đạt được năng lực cảm hứng là thiết yếu cho mọi tiến bộ trên Con Đường Điểm Đạo, và nó giả định một sự phát triển trí thông minh sẽ giúp con người thực hiện những phân biệt cần thiết. Cảm hứng chân thật không theo bất cứ nghĩa nào là sự trào dâng của bản ngã hay trí tuệ tiềm thức; cũng không phải là sự phóng thích trong con người dòng lũ các ý tưởng và [269] tư tưởng vốn thuộc về y — thuộc nhân loại, quốc gia hay gia đình; nó không phải là sự bắt sóng vào thế giới tư tưởng, điều có thể được thực hiện quá dễ dàng bởi những người nơi họ một phẩm tính nhất định của sự hòa điệu viễn cảm đã được phát triển. Nó cũng không phải là lắng nghe nhiều tiếng nói có thể tự khiến mình được nghe thấy khi một người thành công trong việc trở nên hoàn toàn thụ động và trống rỗng mọi tư tưởng thông

happens usually when the standard of intelligence is of a relatively low order. Inspiration is something entirely different. It is a penetration into the world of thought and ideas to which Christ listened when He heard a Voice, and the Father spoke to Him. It is the intuitive response of an intelligent mind to impressions coming from the soul and from the world of souls. The speech of the kingdom then becomes familiar to us. We are in touch with those liberated souls who are functioning in that kingdom, and the waves of thought and the ideas which they seek to impress upon the minds of men find their way into circulation through the attuned minds of the disciples of the world. This is inspiration, and this is the faculty for which aspirants everywhere should begin to train themselves, and which must be attained in the world of everyday living. It is a power which is generated through the processes of right meditation; it is an expression of the soul, working through the mind, and thus actuating the brain with impulses which are purely spiritual. Inspiration is responsible for all the new ideas and the developing ideals of our modern world. The age of inspiration is not gone and past; it is present here and now. God still speaks to men, for this world of ours still provides adequate facilities for the development of those qualities which are characteristic of the Christ in the human heart, the soul, the son of God in incarnation, dwelling in this vale of tears, or as it has been called, this "vale of soul-making."

minh đến mức các âm thanh, ý tưởng và gợi ý của thế giới hiện tượng thông linh rất dễ xâm nhập. Điều này thường xảy ra khi mức độ trí thông minh tương đối thấp. Cảm hứng là một điều hoàn toàn khác. Đó là sự thâm nhập vào thế giới tư tưởng và ý tưởng mà Đức Christ đã lắng nghe khi Ngài nghe một Tiếng Nói, và Cha phán với Ngài. Đó là sự đáp ứng trực giác của một thể trí thông minh đối với các ấn tượng đến từ linh hồn và từ thế giới của các linh hồn. Bấy giờ ngôn ngữ của Thiên Giới trở nên quen thuộc với chúng ta. Chúng ta tiếp xúc với những linh hồn giải thoát đang hoạt động trong giới ấy, và các làn sóng tư tưởng cùng những ý tưởng mà họ tìm cách in sâu vào thể trí của con người tìm được đường đi vào lưu thông qua thể trí đã được chỉnh hợp của các đệ tử thế giới. Đây là cảm hứng, và đây là năng lực mà những người chí nguyện khắp nơi nên bắt đầu tự rèn luyện, và phải đạt được trong thế giới của đời sống hằng ngày. Đó là một quyền năng được sinh ra qua các tiến trình tham thiền đúng đắn; đó là một biểu hiện của linh hồn, làm việc qua thể trí, và do đó tác động lên bộ não bằng những xung lực thuần túy tinh thần. Cảm hứng chịu trách nhiệm cho mọi ý tưởng mới và các lý tưởng đang phát triển của thế giới hiện đại chúng ta. Thời đại của cảm hứng chưa trôi qua và chấm dứt; nó hiện diện ở đây và bây giờ. Thượng đế vẫn phán với con người, vì thế giới này của chúng ta vẫn còn cung cấp đầy đủ các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển những phẩm tính đặc trưng của Đức Christ trong tâm con người, linh hồn, Con của Thượng đế đang nhập thể, cư ngụ trong thung lũng nước mắt này, hay như người ta đã gọi, "thung lũng tạo linh hồn" này.

But to achieve this definite and conscious soul contact, the aspirant has to learn obedience through the things which he [270] suffers, and he has also to practise the task of loving. This is not easy. It calls for

Nhưng để đạt được sự tiếp xúc linh hồn xác định và có ý thức này, người chí nguyện phải học vâng phục qua những điều y [270] chịu khổ, và y cũng phải thực hành nhiệm vụ yêu thương. Điều này không dễ. Nó đòi hỏi kỷ

discipline, for ceaseless effort and striving, for that conquest of self which means a daily crucifixion, and for that close attention which never takes its eyes from the goal, but which is always conscious of purpose, of progress and of orientation. The wonder of the process is that it can be carried forward here and now, in the situation in which we find ourselves, without demanding the least deviation from the place of duty and responsibility.

luật, nỗ lực và phấn đấu không ngừng, sự chinh phục bản ngã hàm ý một cuộc đóng đinh hằng ngày, và sự chú tâm sát sao không bao giờ rời mắt khỏi mục tiêu, nhưng luôn có ý thức về mục đích, về tiến bộ và về sự định hướng. Điều kỳ diệu của tiến trình là nó có thể được đưa tiến ở đây và bây giờ, trong hoàn cảnh mà chúng ta đang ở, mà không đòi hỏi một sự lệch hướng nhỏ nhất khỏi nơi chốn của bổn phận và trách nhiệm.

Such is the goal for the man who seeks to stand with Christ in the founding of the kingdom, thus fulfilling the will of God. There is no other objective worthy of man's attention, nor one which will so absorb every power he has, every gift and talent he possesses, and every moment of his being. Today the call is going forth for Servers of the race, and for men and women who will work at the task of perfecting the self in order that they may be better equipped to serve their fellowmen and God in man.

Đó là mục tiêu cho người tìm cách đứng cùng Đức Christ trong việc thiết lập Thiên Giới, qua đó hoàn thành Ý Chí của Thượng đế. Không có mục tiêu nào khác xứng đáng với sự chú tâm của con người, cũng không có mục tiêu nào sẽ hấp thu trọn vẹn mọi quyền năng y có, mọi ân huệ và tài năng y sở hữu, và mọi khoảnh khắc hiện tồn của y. Ngày nay, lời kêu gọi đang vang lên cho những Người Phụng Sự nhân loại, và cho những người nam và nữ sẽ làm việc trong nhiệm vụ hoàn thiện bản ngã để họ có thể được trang bị tốt hơn nhằm phụng sự đồng loại của mình và Thượng đế trong con người.

We are told that when we enter the world of ideals, "the differences between religions become negligible and the agreements striking. There is only one ideal for man, to make himself profoundly human. 'Be ye perfect.' The whole man, the complete man, is the ideal man, the divine man." On the path of purification we discover how weak and faulty is the lower personal man; on the path of discipleship we work at the unfoldment of those qualities which are characteristic of the man who is ready to tread the Way and be born in Bethlehem. Then we shall know the truth about ourselves and God, shall know through attainment whether what we are told is fact or not. We are told that "... no one can rightly

Chúng ta được bảo rằng khi bước vào thế giới của các lý tưởng, "những khác biệt giữa các tôn giáo trở nên không đáng kể và những điểm tương đồng trở nên nổi bật. Chỉ có một lý tưởng duy nhất cho con người, là làm cho chính mình trở thành con người có nhân tính sâu sắc. 'Hãy nên hoàn thiện.' Con người toàn vẹn, con người đầy đủ, là con người lý tưởng, con người thiêng liêng." Trên con đường thanh luyện, chúng ta khám phá con người phàm ngã thấp yếu đuối và khiếm khuyết biết bao; trên Con Đường Đệ Tử, chúng ta làm việc cho sự khai mở những phẩm tính đặc trưng của người sẵn sàng bước trên Đường Đạo và được sinh ra tại Bethlehem. Bấy giờ chúng ta sẽ biết sự thật về chính mình và Thượng đế, sẽ biết qua

understand the historic truth of such documents as the Gospels unless he has first experienced within himself the mystical meaning which they contain....” Angelus Silesius of the seventeenth century has already expressed the whole of the critical attitude toward this kind of investigation:

thành tựu liệu điều chúng ta được bảo là sự kiện hay không. Chúng ta được bảo rằng “... không ai có thể thấu hiểu đúng đắn chân lý lịch sử của những văn kiện như các sách Phúc Âm trừ khi trước hết y đã kinh nghiệm trong chính mình ý nghĩa thần bí mà chúng chứa đựng....” Angelus Silesius của thế kỷ mười bảy đã diễn đạt toàn bộ thái độ phê phán đối với loại khảo cứu này:

“Though Christ were yearly born in Bethlehem and never

“Dù Đức Christ mỗi năm sinh tại Bethlehem và chẳng bao giờ

Had birth in you yourself, then were you lost for ever; [271]

Được sinh ra trong chính bạn, thì bạn đã mất đời đời; [271]

And if within yourself it is not reared again

Và nếu trong chính bạn nó không được dựng lên lần nữa

The Cross at Golgotha can save you not from pain.”

Thập Giá tại Golgotha không thể cứu bạn khỏi đau khổ.”

QUOTED IN ‘THE WAY OF INITIATION’, BY RUDOLPH STEINER, P. 46.

TRÍCH TRONG ‘CON ĐƯỜNG ĐIỂM ĐẠO’, CỦA RUDOLPH STEINER, TR. 46.

Self knowledge leads one to God knowledge. It is the first step. Purification of the self leads one up to the portal of initiation, and then one can tread the Way that Christ trod from Bethlehem to Calvary.

Sự tự tri dẫn con người đến sự tri thức về Thượng đế. Đó là bước đầu tiên. Sự thanh luyện bản ngã dẫn con người lên tới cổng điểm đạo, và rồi người ấy có thể bước trên Đường Đạo mà Đức Christ đã bước từ Bethlehem đến Calvary.

We are human beings, but we are also divine. We are citizens of the kingdom, although we have not yet claimed and entered into our divine heritage. Inspiration is pouring in all the time; love is latent in every human heart. Only obedience is required at the first step, and when that is rendered, service, which is the expression of love, and inspiration, which is the influence of the kingdom, become a definite part of our life expression. This is what Christ came

Chúng ta là những con người, nhưng chúng ta cũng là thiêng liêng. Chúng ta là công dân của Thiên Giới, dù chúng ta chưa đòi lấy và bước vào di sản thiêng liêng của mình. Cảm hứng luôn luôn đang tuôn đổ vào; tình thương tiềm tàng trong mọi trái tim con người. Chỉ cần sự vâng phục ở bước đầu tiên, và khi điều ấy được thực hiện, phụng sự, vốn là sự biểu hiện của tình thương, và cảm hứng, vốn là ảnh hưởng của Thiên Giới, trở thành một phần xác định trong sự biểu hiện

to reveal; it is the Word which He sounded forth. He has demonstrated to us our human and divine possibilities, and by accepting the fact of our dual but divine nature we can begin to aid in the founding and expressing of the kingdom.

đời sống của chúng ta. Đây là điều Đức Christ đã đến để mặc khải; đó là Linh từ mà Ngài đã xướng vang. Ngài đã minh chứng cho chúng ta những khả năng nhân loại và thiêng liêng của chúng ta, và bằng cách chấp nhận sự kiện về bản chất kép nhưng thiêng liêng của mình, chúng ta có thể bắt đầu hỗ trợ trong việc thiết lập và biểu hiện Thiên Giới.

The realisation must come to us that "the highest, purest and absolutely adequate expression of the mystery of man is Christ the God-man. He alone really and finally places human nature in the right light. His appearance in history entitles man to regard himself as more than a mere creature. If there is really a God-man there is also a Man-god, that is 'man' who has received the godhead into himself... the Man-god is collective and universal, that is to say, mankind as a whole or a world-church. For it is only in communion with all his fellowmen that man can receive God." *('Wrestlers with Christ', by Karl Pfleger, p. 235.)*

Sự chứng nghiệm phải đến với chúng ta rằng "biểu hiện cao nhất, tinh khiết nhất và hoàn toàn thích đáng của bí nhiệm con người là Đức Christ, Đấng Thượng đế-con người. Chỉ một mình Ngài thật sự và sau cùng đặt bản chất con người vào ánh sáng đúng đắn. Sự xuất hiện của Ngài trong lịch sử cho phép con người xem mình là hơn một thụ tạo đơn thuần. Nếu thật sự có một Đấng Thượng đế-con người thì cũng có một Con người-thượng đế, tức là 'con người' đã tiếp nhận thần tính vào trong chính mình... Con người-thượng đế là tập thể và phổ quát, nghĩa là nhân loại như một toàn thể hay một giáo hội thế giới. Vì chỉ trong sự hiệp thông với tất cả đồng loại của mình mà con người có thể tiếp nhận Thượng đế." *('Những Người Vật Lộn với Đức Christ', của Karl Pfleger, tr. 235.)*

The individual attitude to the example of Christ is therefore obedience to the command that we achieve perfection. But the motive must be the one that incited Christ to all His divine activity—the founding of the new kingdom and the attainment of that state of consciousness on a universal and human scale which will make out of the human being [272] a citizen of the kingdom, consciously functioning therein, voluntarily subject to its laws, and striving steadfastly for its extension on earth. He is the messenger of the kingdom; and the raising of the consciousness of his fellowmen, so that they can transcend

Do đó, thái độ của cá nhân đối với gương mẫu của Đức Christ là vâng theo mệnh lệnh rằng chúng ta phải đạt đến sự hoàn thiện. Nhưng động cơ phải là động cơ đã thúc đẩy Đức Christ trong mọi hoạt động thiêng liêng của Ngài — việc thiết lập Thiên Giới mới và đạt đến trạng thái tâm thức trên quy mô phổ quát và nhân loại, trạng thái ấy sẽ làm cho con người [272] trở thành một công dân của Thiên Giới, hoạt động trong đó một cách hữu thức, tự nguyện tuân phục các định luật của Thiên Giới, và kiên trì nỗ lực mở rộng Thiên Giới trên Trái Đất. Y là sứ giả của Thiên Giới; và việc nâng cao tâm thức của đồng loại, để họ có thể vượt lên trên chính mình, trở

themselves, becomes his self-appointed task. The sharing with them of the benefits of the kingdom, and the strengthening of them as they tread the difficult path to the gate which admits into that kingdom, become the only dear and immediate duty. The soul who has made contact with the lower expression, the personal self, sweeps that self on to the path of Service. The man cannot then rest until he has led others into the Way and toward the freedom of the sons of God which distinguishes the new and coming kingdom.

thành nhiệm vụ mà y tự đảm nhận. Việc chia sẻ với họ những lợi ích của Thiên Giới, và củng cố họ khi họ bước trên con đường khó khăn dẫn đến cánh cổng cho phép đi vào Thiên Giới ấy, trở thành bổn phận duy nhất, thân thiết và trước mắt. Linh hồn đã tiếp xúc với biểu hiện thấp, tức bản ngã cá nhân, cuốn bản ngã ấy vào con đường Phụng sự. Khi ấy, con người không thể nghỉ ngơi cho đến khi y đã dẫn dắt những người khác vào Đường Đạo và hướng tới sự tự do của những người con của Thượng đế, điều làm nên đặc tính của Thiên Giới mới và đang đến.

The new religion is on the way, and it is one for which all previous religions have prepared us. It differs only in that it will no longer be distinguished by dogmas and doctrines, but will be essentially an attitude of mind, an orientation to life, to man and to God. It will also be a living service. Selfishness and self-centred interests will finally be ruled out, for the kingdom of God is the life of the corporate whole, sensed and desired by all its citizens, and worked for and expressed by all who tread the Way. Initiation is nothing more than the process of developing within us the powers and faculties of this new and higher kingdom, which powers release one into a wider world, and tend to make one sensible of the organic whole in place of the part. Individualism and separateness will disappear as that kingdom comes into being. The collective consciousness is its major expression and quality. It is the next definite and clearly indicated step upon the evolutionary Path, and there is no escape from this issue. We cannot prevent ourselves from finally becoming conscious of the larger whole, or actively participating in its unified life. However, it is possible to hasten the coming of the kingdom, and the need of the world at this time, and the general turning of men towards the world of ideas,

Tôn giáo mới đang trên đường xuất hiện, và đó là tôn giáo mà tất cả các tôn giáo trước đây đã chuẩn bị cho chúng ta. Nó chỉ khác ở chỗ nó sẽ không còn được phân biệt bởi tín điều và giáo lý, mà về bản chất sẽ là một thái độ của trí tuệ, một định hướng đối với sự sống, đối với con người và đối với Thượng đế. Nó cũng sẽ là một sự phụng sự sống động. Tính ích kỷ và những lợi ích tập trung vào bản thân cuối cùng sẽ bị loại trừ, vì Thiên Giới là sự sống của toàn thể hợp nhất, được mọi công dân của Thiên Giới cảm nhận và mong muốn, được mọi người bước trên Đường Đạo phụng sự và biểu hiện. Điểm đạo chẳng qua là tiến trình phát triển trong chúng ta các quyền năng và năng lực của Thiên Giới mới và cao hơn này; những quyền năng ấy giải phóng con người vào một thế giới rộng lớn hơn, và có khuynh hướng làm cho y cảm nhận được toàn thể hữu cơ thay vì chỉ phần riêng lẻ. Chủ nghĩa cá nhân và sự chia rẽ sẽ biến mất khi Thiên Giới ấy đi vào hiện tồn. Tâm thức tập thể là biểu hiện và phẩm tính chính yếu của nó. Đó là bước kế tiếp rõ ràng và được chỉ định dứt khoát trên Con đường tiến hoá, và không thể tránh khỏi kết cuộc này. Chúng ta không thể ngăn mình cuối cùng ý thức được toàn thể rộng lớn hơn, hay tham dự tích cực vào sự sống hợp nhất của toàn thể ấy. Tuy nhiên, có thể thúc đẩy sự đến của Thiên Giới, và nhu cầu của thế

would seem to indicate that the time has come for the making of [273] that extra effort which will precipitate the appearance of the kingdom and bring forth into manifestation that which is awaiting immediate revelation. This is the challenge which today confronts the Christian Church. The need is for vision, wisdom and that wide tolerance which will see divinity on every hand and recognise the Christ in every human being.

giới vào lúc này, cùng khuynh hướng chung của con người quay về thế giới của các ý tưởng, dường như cho thấy rằng thời điểm đã đến để thực hiện [273] nỗ lực phụ trội ấy, nỗ lực sẽ làm ngưng tụ sự xuất hiện của Thiên Giới và đưa vào biểu hiện điều đang chờ đợi sự mặc khải tức thời. Đây là thách thức mà Giáo hội Cơ Đốc ngày nay phải đối diện. Điều cần thiết là tầm nhìn, minh triết và lòng khoan dung rộng lớn, vốn sẽ thấy thiên tính ở khắp mọi nơi và nhận ra Đức Christ trong mọi con người.

As we grasp the significance of the kingdom of God we begin to understand what is meant by the Church of Christ, and the meaning of that "cloud of witnesses" *(Hebrews, XII, 1.)* by which we are so constantly surrounded. The kingdom of God is not some one particular church with its own peculiar doctrines, its particular formulations of truth, its specialised method of government upon earth and of approach to God.

Khi chúng ta nắm bắt thâm nghĩa của Thiên Giới, chúng ta bắt đầu thấu hiểu điều được hàm ý bởi Giáo hội của Đức Christ, và ý nghĩa của "đám mây nhân chứng" *(Thư gửi tín hữu Hip-ri, XII, 1.)* bao quanh chúng ta không ngừng. Thiên Giới không phải là một giáo hội đặc thù nào đó với các giáo lý riêng biệt của nó, các công thức chân lý đặc thù của nó, phương pháp cai quản chuyên biệt của nó trên Trái Đất và phương pháp riêng của nó để đến với Thượng đế.

The true Church is the kingdom of God on earth, divorced from all clerical government and composed of all, regardless of race or creed, who live by the light within, who have discovered the fact of the mystical Christ in their hearts, and are preparing to tread the Way of Initiation. The kingdom is not composed of orthodox theologically minded people. Its citizenship is wider than that, and includes every human being who is thinking in larger terms than the individual, the orthodox, the national and the racial. The members of the coming kingdom will think in terms of humanity as a whole; and as long as they are separative or nationalistic, or religiously bigoted, or commercially selfish, they have no place in that kingdom. The word *spiritual* will be given a far wider connotation than that

Giáo hội chân chính là Thiên Giới trên Trái Đất, tách khỏi mọi sự cai trị của giới giáo sĩ và bao gồm tất cả mọi người, bất kể chủng tộc hay tín ngưỡng, những ai sống theo ánh sáng bên trong, đã khám phá sự kiện về Đức Christ thần bí trong tâm mình, và đang chuẩn bị bước trên Con Đường Điểm Đạo. Thiên Giới không gồm những người có trí tuệ thần học chính thống. Quyền công dân của Thiên Giới rộng hơn thế, và bao gồm mọi con người đang suy nghĩ theo những phạm vi lớn hơn cá nhân, chính thống, quốc gia và chủng tộc. Các thành viên của Thiên Giới đang đến sẽ suy nghĩ theo phạm vi nhân loại như một toàn thể; và chừng nào họ còn chia rẽ hoặc theo chủ nghĩa dân tộc, hoặc cuồng tín về tôn giáo, hoặc ích kỷ về thương mại, chừng đó họ không có chỗ trong Thiên Giới ấy. Từ *tinh thần* sẽ được trao cho một nội

which has been given in the old age which is fortunately now passing. All forms of life will be regarded from the angle of spiritual phenomena, and we shall no longer regard one activity as spiritual and another as not. The question of motive, purpose and group usefulness will determine the spiritual nature of an activity. To work for the whole; to be occupied with the aiding of the group; to be cognisant of One Life pulsing through all forms, and to work in the consciousness that all men are brothers—these are the initial qualities which a citizen of the kingdom [274] must show. The human family is individually self-conscious and this stage of the separative consciousness has been a needed and useful one; but the time has arrived when we are aware of greater contacts, of wider implications, and of a more general inclusiveness.

hàm rộng lớn hơn nhiều so với nội hàm đã được trao trong thời đại cũ, một thời đại may mắn thay nay đang qua đi. Mọi hình thức sự sống sẽ được nhìn từ góc độ các hiện tượng tinh thần, và chúng ta sẽ không còn xem một hoạt động là tinh thần còn hoạt động khác thì không. Vấn đề động cơ, mục đích và sự hữu ích cho nhóm sẽ quyết định bản chất tinh thần của một hoạt động. Làm việc cho toàn thể; bận tâm với việc trợ giúp nhóm; nhận biết Một Sự Sống đang đập nhịp qua mọi hình tướng, và làm việc trong tâm thức rằng mọi người đều là huynh đệ — đó là những phẩm tính khởi đầu mà một công dân của Thiên Giới [274] phải biểu lộ. Gia đình nhân loại có ngã thức cá biệt, và giai đoạn tâm thức chia rẽ này từng là một giai đoạn cần thiết và hữu ích; nhưng thời điểm đã đến khi chúng ta ý thức về những tiếp xúc lớn lao hơn, những hàm ý rộng lớn hơn, và một tính bao gồm phổ quát hơn.

How will this condition of God's kingdom materialise on earth? By the gradual and steady increase of the numbers of those who are citizens of that kingdom living their lives on earth and demonstrating the qualities and the consciousness which is characteristic of such citizens; by men and women everywhere cultivating the wider consciousness, and becoming more and more inclusive. "Any reflection," Dr. Hocking tells us, "that can infallibly break the walls of the Self, opens up at once an infinite World-field. Set a second to my One, and I have given all the numbers." *('The Meaning of God in Human Experience', by W. E. Hocking, p. 315.)* And he gives us the clue to the process which must be cultivated in this work of essential unity by saying that "... the true mystic is he who holds to the reality of both worlds, and leaves to time and effort the understanding of their union." *(The Meaning of God in Human Experience', by W. E. Hocking, p. 399.)* The kingdom of God is

Tình trạng này của Thiên Giới sẽ hiện hình trên Trái Đất như thế nào? Bằng sự gia tăng dần dần và đều đặn số lượng những người là công dân của Thiên Giới ấy, sống đời sống của họ trên Trái Đất và biểu lộ các phẩm tính cùng tâm thức đặc trưng của những công dân như thế; bằng việc những người nam và nữ ở khắp nơi vun trồng tâm thức rộng lớn hơn, và ngày càng trở nên bao gồm hơn. Tiến sĩ Hocking nói với chúng ta: "Bất cứ suy tư nào có thể phá vỡ một cách không sai lầm những bức tường của Bản ngã, đều lập tức mở ra một Trường-thế giới vô hạn. Hãy đặt một cái Thứ Hai bên cạnh cái Một của tôi, và tôi đã trao cho tất cả các con số." *('Ý Nghĩa của Thượng Đế trong Kinh Nghiệm Nhân Loại', của W. E. Hocking, tr. 315.)* Và ông trao cho chúng ta chìa khóa của tiến trình cần được vun trồng trong công việc hiệp nhất thiết yếu này khi nói rằng "... nhà thần bí chân chính là người giữ vững thực tại của cả hai thế giới, và để cho thời gian cùng nỗ lực đem lại sự thấu hiểu về sự hợp nhất của chúng."

not divorced from practical daily living upon the level of everyday affairs. The citizen of the kingdom is world-conscious and God-conscious. His lines of contact are clearly delineated in both directions: he is interested not in himself, but in God and his fellowmen, and his duty to God is worked out through the love he feels and shows for those around him. He knows no barriers and recognises no divisions; he is living—as a soul—in every aspect of his nature, through his mind and his emotions, and on the physical plane of life. He works through love and in love; and because of the love of God.

('Ý Nghĩa của Thượng Đế trong Kinh Nghiệm Nhân Loại', của W. E. Hocking, tr. 399.) Thiên Giới không tách khỏi đời sống thực tiễn hằng ngày trên cấp độ các công việc thường nhật. Công dân của Thiên Giới có tâm thức thế giới và tâm thức Thượng đế. Các đường tiếp xúc của y được vạch rõ theo cả hai hướng: y không quan tâm đến bản thân mình, mà quan tâm đến Thượng đế và đồng loại, và bổn phận của y đối với Thượng đế được thực hiện qua tình thương mà y cảm nhận và biểu lộ đối với những người quanh mình. Y không biết đến rào cản và không thừa nhận chia rẽ; y đang sống — như một linh hồn — trong mọi phương diện của bản chất mình, qua thể trí và các cảm xúc của y, và trên cõi hồng trần của sự sống. Y làm việc qua tình thương và trong tình thương; và vì tình thương của Thượng đế.

A close study of the Gospel story and a spirited attention to the words of Christ will make apparent that the three outstanding characteristics of His work and the three main lines of His activity are intended to be ours also. These three are, as we have seen, first, the achieving of perfection and its demonstrating [275] through the five great events which we call the crises in the life of Christ, the five major initiations of the Orient and of the esoteric schools; secondly, the founding of the kingdom—a responsibility which rests upon each of us, because, though Christ certainly opened the door into the kingdom, the rest of the work rests upon our shoulders; thirdly, the attaining of immortality, based on the development of that within ourselves which is of the nature of the real, which has true value and which deserves to stand the test of immortality. This last thought is one which warrants our attention. Arresting in its implication, it is sadly and deeply true that "... man, as he exists today, is not capable of survival. He must change or perish. Man, as

Một nghiên cứu kỹ lưỡng câu chuyện Phúc Âm và sự chú tâm đầy sinh khí đến lời của Đức Christ sẽ làm hiển nhiên rằng ba đặc tính nổi bật của công việc Ngài và ba đường hoạt động chính của Ngài cũng được dự định là của chúng ta. Như chúng ta đã thấy, ba điều ấy là: thứ nhất, đạt đến sự hoàn thiện và biểu lộ sự hoàn thiện ấy [275] qua năm biến cố lớn mà chúng ta gọi là các cuộc khủng hoảng trong đời sống Đức Christ, năm cuộc điểm đạo chính của Đông phương và của các trường phái nội môn; thứ hai, thiết lập Thiên Giới — một trách nhiệm đặt trên mỗi người chúng ta, vì dù Đức Christ chắc chắn đã mở cánh cửa vào Thiên Giới, phần còn lại của công việc đặt trên vai chúng ta; thứ ba, đạt đến tính bất tử, dựa trên sự phát triển điều bên trong chính chúng ta vốn thuộc bản chất của cái thực, có giá trị chân thật và xứng đáng đứng vững trước thử thách của tính bất tử. Tư tưởng sau cùng này đáng được chúng ta chú tâm. Gây chấn động trong hàm ý của nó, điều này thật đáng buồn và sâu sắc đúng rằng "... con người, như y đang tồn tại ngày nay, không có khả năng sống

he is, is not the last word of creation. If he does not, if he cannot, adapt himself and his institutions to the new world, he will yield his place to a species more sensitive and less gross in its nature. If man cannot do the work demanded of him, another creature who can, will arise." *('The Supreme Spiritual Ideal', by S. Radhakrishnan, in The Hibbert Journal, October 1936, p. 33.)*

sót. Y phải thay đổi hoặc diệt vong. Con người, như y hiện là, không phải là lời cuối cùng của cuộc sáng tạo. Nếu y không, nếu y không thể, thích nghi bản thân và các thiết chế của mình với thế giới mới, y sẽ nhường chỗ cho một loài nhạy bén hơn và ít thô trược hơn trong bản chất. Nếu con người không thể làm công việc đòi hỏi nơi y, một sinh vật khác có thể làm được sẽ xuất hiện." *('Lý Tưởng Tinh Thần Tối Cao', của S. Radhakrishnan, trong Tạp chí Hibbert, tháng Mười 1936, tr. 33.)*

Such has always been the evolutionary plan. The life of God has constructed for itself vehicle after vehicle, in order to manifest, and kingdom has succeeded kingdom. The same great expansion is imminent today. Man, the self-conscious being, *can* differ radically from the forms of life in the other kingdoms because he can go forward upon the wave of God's life *in full consciousness*. He can share in the "joy of the Lord" as the wider reaches of consciousness become his; he can know the nature of that bliss which is the outstanding condition of God's nature. There is no need for human failure, nor for a definite break in the continuity of revelation. There is that in man which can enable him to bridge the gap between the kingdom in which he finds himself and the new kingdom on the horizon. Human beings who are citizens of both kingdoms—the human and the spiritual—are with us today as always. They move with freedom in either world, and Christ Himself gave us the perfect demonstration [276] of that citizenship and told us that we could do "even greater things" than He had done. Such is the glorious future towards which man is oriented today, and for which all world events are preparing him.

Thiên Cơ tiến hoá luôn luôn là như thế. Sự sống của Thượng đế đã kiến tạo cho chính nó hết vận cụ này đến vận cụ khác, để biểu hiện, và giới này đã nối tiếp giới kia. Sự mở rộng vĩ đại tương tự đang gần kề hôm nay. Con người, sinh linh có ngã thức, *có thể* khác biệt triệt để với các hình thức sự sống trong những giới khác vì y có thể tiến tới trên làn sóng sự sống của Thượng đế *trong tâm thức trọn vẹn*. Y có thể chia sẻ "sự hoan hỉ của Chúa" khi những tầm với rộng lớn hơn của tâm thức trở thành của y; y có thể biết bản chất của chí phúc vốn là tình trạng nổi bật của bản chất Thượng đế. Không cần phải có sự thất bại của nhân loại, cũng không cần một sự đứt đoạn dứt khoát trong tính liên tục của mặc khải. Trong con người có điều có thể giúp y bắc cầu qua khoảng cách giữa giới mà y đang ở trong đó và giới mới nơi chân trời. Những con người là công dân của cả hai giới — giới nhân loại và giới tinh thần — ngày nay vẫn ở với chúng ta như luôn luôn. Họ di chuyển tự do trong cả hai thế giới, và chính Đức Christ đã trao cho chúng ta sự biểu lộ hoàn hảo [276] về quyền công dân ấy và nói với chúng ta rằng chúng ta có thể làm "những điều còn lớn lao hơn" những điều Ngài đã làm. Đó là tương lai huy hoàng mà con người ngày nay đang hướng tới, và mọi biến cố thế giới đang chuẩn bị y cho tương lai ấy.

The preparation for this kingdom is the task of discipleship and constitutes the arduous discipline of the five-fold way of initiation. The work of the disciple is the founding of the kingdom, and the primary characteristic of its citizens is immortality. They are members of a Deathless Race, and the final enemy which they overcome is death; they function consciously in or out of the body and care not which it is; they have life everlasting because there is in them that which cannot die, being of the nature of God. To be immortal because one's sins are forgiven seems an inadequate reason to an intelligent mind; to have everlasting life because Christ died two thousand years ago does not prove satisfactory to the man who is conscious of his own responsibility and his own identity; to live for ever because one is religious, or has accepted certain forms of belief, is a reason repudiated by the man who is aware of his own inner power and nature; to base one's faith in survival upon tradition or even upon an innate sense of persistence does not seem sufficient. We know much about the power and tenacity of self-preservation and the creative urge to self-perpetuation. Perhaps these two are simply carried forward in an idealistic sense as man faces finality.

Sự chuẩn bị cho Thiên Giới này là nhiệm vụ của địa vị đệ tử và tạo nên kỷ luật gian khổ của con đường ngũ phân của điểm đạo. Công việc của đệ tử là thiết lập Thiên Giới, và đặc tính chính yếu của các công dân Thiên Giới là tính bất tử. Họ là thành viên của một Nhân loại Bất Tử, và kẻ thù cuối cùng mà họ vượt thắng là cái chết; họ hoạt động một cách hữu thức trong thân thể hoặc ngoài thân thể và không bận tâm đó là điều nào; họ có sự sống vĩnh cửu vì trong họ có điều không thể chết, vốn thuộc bản chất của Thượng đế. Bất tử vì tội lỗi của một người được tha thứ dường như là một lý do không tương xứng đối với một trí tuệ thông minh; có sự sống vĩnh cửu vì Đức Christ đã chết hai nghìn năm trước không chứng tỏ là thỏa đáng đối với con người ý thức về trách nhiệm của chính mình và bản sắc của chính mình; sống mãi mãi vì một người có tôn giáo, hoặc đã chấp nhận một số hình thức tín ngưỡng nào đó, là một lý do bị người ý thức về quyền năng và bản chất bên trong của chính mình bác bỏ; đặt đức tin của mình vào sự sống còn dựa trên truyền thống hay thậm chí trên một ý thức bẩm sinh về sự trường tồn dường như không đủ. Chúng ta biết nhiều về quyền năng và sự bền bỉ của bản năng tự bảo tồn và xung lực sáng tạo hướng tới sự tự duy trì. Có lẽ hai điều này chỉ đơn giản được tiếp tục theo một ý nghĩa lý tưởng khi con người đối diện với tính chung cuộc.

Yet there is innate in humanity the sense of belonging elsewhere; there is a divine discontent which must surely have a basis in some natural inheritance which is the guarantee of our origin. This reaching out towards a larger and fuller life is just as much a human characteristic as the normal tendency of the individual to reach toward family life and social contacts. It is therefore just as capable of achievement as that

Tuy vậy, trong nhân loại có sẵn ý thức thuộc về nơi khác; có một sự bất mãn thiêng liêng chắc chắn phải có nền tảng trong một di sản tự nhiên nào đó, vốn là bảo chứng cho nguồn gốc của chúng ta. Sự vươn tới một đời sống lớn lao hơn và đầy đủ hơn này cũng là một đặc tính nhân loại như khuynh hướng bình thường của cá nhân vươn tới đời sống gia đình và các tiếp xúc xã hội. Do đó, nó cũng có khả năng được thành tựu như khuynh

tendency, and to this the testimony of the ages contributes. Personal salvation is, after all, of small importance unless it has place in a more general and universal salvaging. Promise is held out in the Bible that "he that doeth the will [277] of God abideth for ever," *(I St. John, II, 17.)* and in these words we have the clue. There has been a tendency to think that when God created man His will to expression had been perfectly satisfied. There is surely no real basis for this belief. If God is not capable of producing something of far greater perfection than humanity, and if the life which pours through the natural world is not working towards something greater, finer and more beautiful than anything yet produced, then God is not divine in the sense in which this term is usually accepted. We demand of God far more than this—greatness beyond anything that has yet been shown us. We believe that this is possible. We rest back upon divinity, and are assured that it will not fail us. But revelation of the ultimate perfection, whatever that may be (and we should not limit God by any of our own pre-conceived ideas), may require the unfolding in man of powers and a mechanism which will enable him to recognise it, to share in its wonder and its larger sphere of contacts. We ourselves may have to change in order to express the divine as Christ expressed it, before God can go on to the manifestation of the beauty of the hidden kingdom. God needs man's cooperation. He calls for men to do His will. We have looked upon this as a way to our own individual good, which perhaps has been a wrong attitude. We may arise and carry forward the inner Plan by equipping ourselves towards perfection, in order that God may "see of the travail of His soul, and shall be satisfied." *(Isaiah, LIII, 11.)* We may constitute God's crucial experiment. The germ of divine life is in us, but we ourselves have something to do about it, and

hướng ấy, và chứng ngôn của các thời đại góp phần xác nhận điều này. Rốt cuộc, sự cứu rỗi cá nhân chỉ có tầm quan trọng nhỏ bé nếu nó không có vị trí trong một sự cứu vớt phổ quát và rộng lớn hơn. Kinh Thánh đưa ra lời hứa rằng "ai làm theo ý muốn [277] của Thượng đế thì còn lại đời đời," *(Thư thứ nhất của Thánh Gioan, II, 17.)* và trong những lời này chúng ta có chìa khóa. Đã có khuynh hướng nghĩ rằng khi Thượng đế tạo ra con người, ý chí biểu hiện của Ngài đã được thỏa mãn hoàn toàn. Chắc chắn không có nền tảng thực sự nào cho niềm tin này. Nếu Thượng đế không có khả năng tạo ra một điều gì hoàn thiện hơn nhiều so với nhân loại, và nếu sự sống tuôn chảy qua thế giới tự nhiên không đang hoạt động hướng tới một điều gì lớn lao hơn, tinh tế hơn và đẹp đẽ hơn bất cứ điều gì đã được tạo ra, thì Thượng đế không thiêng liêng theo nghĩa mà thuật ngữ này thường được chấp nhận. Chúng ta đòi hỏi nơi Thượng đế nhiều hơn thế — sự vĩ đại vượt quá bất cứ điều gì đã từng được cho chúng ta thấy. Chúng ta tin rằng điều này là khả thể. Chúng ta nương tựa vào thiên tính, và tin chắc rằng nó sẽ không phụ lòng chúng ta. Nhưng sự mặc khải về sự hoàn thiện tối hậu, bất kể đó là gì (và chúng ta không nên giới hạn Thượng đế bằng bất kỳ ý tưởng tiên định nào của chính mình), có thể đòi hỏi sự khai mở trong con người những quyền năng và một bộ máy sẽ giúp y nhận ra nó, chia sẻ sự kỳ diệu của nó và phạm vi tiếp xúc rộng lớn hơn của nó. Chính chúng ta có thể phải thay đổi để biểu hiện cái thiêng liêng như Đức Christ đã biểu hiện, trước khi Thượng đế có thể tiếp tục đi tới sự biểu hiện vẻ đẹp của Thiên Giới ẩn tàng. Thượng đế cần sự hợp tác của con người. Ngài kêu gọi con người làm theo Ý Chí của Ngài. Chúng ta đã nhìn điều này như một con đường dẫn đến lợi ích cá nhân của chính mình, và có lẽ đó là một thái độ sai lầm. Chúng ta có thể đứng dậy và đưa Thiên Cơ bên trong tiến tới bằng cách trang bị bản

the time has come when humanity as a whole must apply itself to the fostering of the divine life within the racial form.

thân hướng đến sự hoàn thiện, để Thượng đế có thể "thấy kết quả lao nhọc của linh hồn Ngài, và được thỏa mãn." *(Isaiah, LIII, 11.)* Chúng ta có thể tạo thành cuộc thí nghiệm trọng yếu của Thượng đế. Mầm sống thiêng liêng ở trong chúng ta, nhưng chính chúng ta phải làm điều gì đó đối với nó, và thời điểm đã đến khi nhân loại như một toàn thể phải chuyên tâm nuôi dưỡng sự sống thiêng liêng trong hình tướng chủng tộc.

It is our immediate duty therefore, in the interests of the kingdom whose citizens are immortal, to unfold that which in ourselves is divine, and whose characteristics can be known by the sense of value, by the attribute of light, and by the nature of its love and loves. Full expression of the "Hidden [278] Man of the Heart" is the need today. The revelation of the Self within the self is the demand. It is this self, nurtured, fostered, then trained and developed, which is the immortal aspect in man, and for this self are we responsible. There is no evading this, nor is there evading of the fact that we are part of a whole, and that only as Christ enters into recognition by the entire race and is expressed by humanity as a whole, shall we achieve that for which we have been created—the fulfilling of the will of God, as Christ fulfilled it. We need to transcend the inferiority complex which rises up in questioning when such words occur as the above phrase: "As Christ fulfilled it." A book earlier quoted states that this idea of a personal Christ must be eclipsed and superseded by Christ as the life and hope in all of us. It is only the uniquely significant who understand the true inner meaning of immortality. Those in whom the sense of values is subordinated to the values of the soul, whose consciousness is that of eternity, are eternal in their living processes. This we must remember.

Vì vậy, bổn phận trước mắt của chúng ta, vì lợi ích của Thiên Giới mà công dân của nó là bất tử, là khai mở điều trong chính chúng ta vốn là thiêng liêng, và các đặc tính của nó có thể được biết qua ý thức về giá trị, qua thuộc tính của ánh sáng, và qua bản chất tình thương cùng các tình thương của nó. Sự biểu hiện trọn vẹn của "Con Người Ẩn Tàng [278] của Trái Tim" là nhu cầu ngày nay. Sự mặc khải của Bản ngã bên trong bản ngã là đòi hỏi. Chính bản ngã này, được nuôi dưỡng, chăm bồi, rồi được huấn luyện và phát triển, là phương diện bất tử trong con người, và đối với bản ngã này chúng ta chịu trách nhiệm. Không thể tránh né điều này, cũng không thể tránh né sự kiện rằng chúng ta là một phần của toàn thể, và chỉ khi Đức Christ được toàn thể nhân loại nhận biết và được nhân loại như một toàn thể biểu hiện, chúng ta mới đạt được điều vì đó chúng ta đã được tạo ra — sự hoàn thành Ý Chí của Thượng đế, như Đức Christ đã hoàn thành. Chúng ta cần vượt lên trên phức cảm tự ti vốn trỗi dậy trong sự chất vấn khi những lời như cụm từ trên xuất hiện: "như Đức Christ đã hoàn thành." Một cuốn sách được trích dẫn trước đó nói rằng ý tưởng về một Đức Christ cá nhân này phải bị che khuất và được thay thế bằng Đức Christ như sự sống và hy vọng trong tất cả chúng ta. Chỉ những người có thâm nghĩa độc đáo mới thấu hiểu ý nghĩa bên trong chân thật của tính bất tử. Những người mà nơi họ ý thức về các giá trị được đặt dưới các giá trị của linh hồn, những

người có tâm thức là tâm thức của vĩnh cửu, thì vĩnh cửu trong các tiến trình sống của họ. Điều này chúng ta phải ghi nhớ.

Are we interested in the vital whole? Is the welfare of the race of real moment to us? Are we willing to sacrifice everything to the good of the whole? These are questions which are of importance to the individual aspirant, and which he must answer if he is to understand clearly what he is attempting to do. This process of giving deference to the whole has been summed up for us by Dr. Schweitzer, who presents to us such a wonderful picture of the kingdom of God. He says that:

Chúng ta có quan tâm đến toàn thể sống động không? Phúc lợi của nhân loại có thật sự quan trọng đối với chúng ta không? Chúng ta có sẵn lòng hy sinh mọi điều cho lợi ích của toàn thể không? Đây là những câu hỏi có tầm quan trọng đối với cá nhân người chí nguyện, và y phải trả lời nếu y muốn thấu hiểu rõ ràng điều y đang cố gắng làm. Tiến trình kính trọng toàn thể này đã được Tiến sĩ Schweitzer tóm lược cho chúng ta, người trình bày với chúng ta một bức tranh tuyệt diệu như thế về Thiên Giới. Ông nói rằng:

"Civilization, put quite simply, consists in our giving ourselves, as human beings, to the effort to attain the perfecting of the human race and the actualization of progress of every sort in the circumstances of humanity and of the objective world. This mental attitude, however, involves a double predisposition: firstly, we must be prepared to act affirmatively toward the world and life; secondly, we must become ethical.

"Văn minh, nói thật đơn giản, cốt ở việc chúng ta, với tư cách con người, hiến mình cho nỗ lực đạt đến sự hoàn thiện của nhân loại và sự hiện thực hóa mọi loại tiến bộ trong các hoàn cảnh của nhân loại và của thế giới khách quan. Tuy nhiên, thái độ trí tuệ này bao hàm một khuynh hướng kép: thứ nhất, chúng ta phải sẵn sàng hành động theo hướng khẳng định đối với thế giới và sự sống; thứ hai, chúng ta phải trở nên có đạo đức.

"Only when we are able to attribute a real meaning to the world and to life shall we be able also to give ourselves to such action as [279] will produce results of real value. As long as we look on our existence in the world as meaningless, there is no point whatever in desiring to effect anything in the world. We become workers for that universal spiritual and material progress which we call civilization only in so far as we affirm that the world and life possess some sort of meaning, or, which is the same thing, only in so far as we think optimistically.

"Chỉ khi chúng ta có thể quy cho thế giới và sự sống một ý nghĩa thực sự, chúng ta mới có thể hiến mình cho hành động [279] sẽ tạo ra những kết quả có giá trị thực sự. Chừng nào chúng ta còn xem sự tồn tại của mình trong thế giới là vô nghĩa, thì hoàn toàn không có lý do gì để mong muốn tạo ra điều gì trong thế giới. Chúng ta trở thành những người hoạt động cho sự tiến bộ tinh thần và vật chất phổ quát mà chúng ta gọi là văn minh chỉ trong mức độ chúng ta khẳng định rằng thế giới và sự sống sở hữu một loại ý nghĩa nào đó, hay cũng chính là, chỉ trong

mức độ chúng ta suy nghĩ một cách lạc quan.

"Civilization originates when men become inspired by a strong and clear determination to attain progress, and consecrate themselves, as a result of this determination, to the service of life and of the world. It is only in ethics that we can find the driving force for such action, transcending as it does, the limits of our own existence.

"Văn minh khởi sinh khi con người được cảm hứng bởi một quyết tâm mạnh mẽ và rõ ràng nhằm đạt đến tiến bộ, và do quyết tâm ấy mà thánh hiến chính mình cho việc phụng sự sự sống và thế giới. Chỉ trong đạo đức chúng ta mới có thể tìm thấy mãnh lực thúc đẩy cho hành động như thế, vì nó vượt lên trên những giới hạn của sự tồn tại riêng của chúng ta.

"Nothing of real value in the world is ever accomplished without enthusiasm and self-sacrifice."

"Không điều gì có giá trị thực sự trong thế giới từng được hoàn thành mà không có nhiệt tâm và sự hy sinh bản thân."

'THE DECAY AND RESTORATION OF CIVILISATION', BY ALBERT SCHWEITZER, P. VIII, PREFACE.

'SỰ SUY TÀN VÀ PHỤC HỒI VĂN MINH', CỦA ALBERT SCHWEITZER, TR. VIII, LỜI TỰA.

No man who cannot attain to the consciousness of the true values is yet ready for the immortality which is the prerogative of the sons of God. The building of that inner structure which is the spiritual body is carried on by means of purification, perfecting, meditation and initiation, and above all else, by service. There is no other way. The true values to which the initiate gives his life are those of the spirit, of the kingdom of God, those which concern the whole and which lay no primary emphasis upon the individual. They are expressed through expansion, service and conscious incorporation in the whole. They are to be summed up in the one word Service. They are expressed through inclusiveness and non-separateness. It is here that the Church, as usually understood, meets its major challenge. Is it spiritual enough to let go of theology and become truly human? Is it interested enough to widen its horizon and recognise as truly Christian all who

Không người nào chưa thể đạt đến tâm thức về các giá trị chân thật lại đã sẵn sàng cho tính bất tử vốn là đặc quyền của những người con của Thượng đế. Việc xây dựng cấu trúc bên trong ấy, tức thể tinh thần, được tiến hành bằng thanh lọc, hoàn thiện, tham thiền và điểm đạo, và trên hết, bằng phụng sự. Không có con đường nào khác. Các giá trị chân thật mà điểm đạo đồ hiến dâng đời mình cho là những giá trị của tinh thần, của Thiên Giới, những giá trị liên quan đến toàn thể và không đặt trọng tâm chính yếu trên cá nhân. Chúng được biểu hiện qua sự mở rộng, phụng sự và sự tháp nhập hữu thức vào toàn thể. Chúng có thể được tóm lại trong một từ duy nhất: Phụng sự. Chúng được biểu hiện qua tính bao gồm và sự không chia rẽ. Chính ở đây, Giáo hội, như thường được hiểu, gặp thách thức lớn nhất của mình. Giáo hội có đủ tinh thần để buông bỏ thần học và trở nên thật sự nhân bản không? Giáo hội có đủ quan tâm để mở rộng chân trời của mình và nhìn nhận là thật sự

demonstrate the Christ spirit, whether they be Hindu, Mohammedan, or Buddhist, whether they are labelled by any name other than that of orthodox Christian?

Cơ Đốc tất cả những ai biểu lộ tinh thần Đức Christ, dù họ là người Ấn giáo, Hồi giáo hay Phật giáo, dù họ được gán bất cứ danh xưng nào khác ngoài danh xưng Cơ Đốc chính thống?

Another basic thought emerges out of all that we have considered. It is whether or not we are today transiting out of the age of authority into the age of experience, and whether [280] this transition does not indicate that the race is rapidly preparing for initiation. We are revolting from doctrines, having very little use for them, and the reason, Dr. Dewey tells us, is that "... adherence to any body of doctrines and dogmas based upon a specific authority signifies distrust in the power of experience to provide, in its own ongoing movement, the needed principles of belief and action. Faith in its newer sense signifies that experience itself is the sole ultimate authority." *(Quoted in 'Reality and Illusion', by Richard Rothschild, p. 320.)* It is obvious that this connotes not uniformity but a recognition of our essential unity.

Một tư tưởng căn bản khác hiện ra từ tất cả những gì chúng ta đã xem xét. Đó là liệu ngày nay chúng ta có đang chuyển từ thời đại quyền uy sang thời đại kinh nghiệm hay không, và liệu [280] sự chuyển tiếp này có cho thấy rằng nhân loại đang nhanh chóng chuẩn bị cho điểm đạo hay không. Chúng ta đang nổi dậy chống lại các giáo lý, rất ít dùng đến chúng, và lý do, Tiến sĩ Dewey nói với chúng ta, là "... sự bám chặt vào bất kỳ hệ thống giáo lý và tín điều nào dựa trên một thẩm quyền đặc thù biểu thị sự thiếu tin tưởng vào quyền năng của kinh nghiệm trong việc cung cấp, trong chính chuyển động liên tục của nó, các nguyên tắc cần thiết cho niềm tin và hành động. Đức tin theo nghĩa mới hơn của nó hàm ý rằng chính kinh nghiệm là thẩm quyền tối hậu duy nhất." *(Trích trong 'Thực Tại và Ảo Tưởng', của Richard Rothschild, tr. 320.)* Hiển nhiên điều này không hàm ý sự đồng nhất, mà là sự nhận biết tính hiệp nhất thiết yếu của chúng ta.

2

2

Thus step by step we have followed the Christ in His stupendous task, and we have studied the task in its uniqueness. He did something of such significance for the race that only today are we in a position to grasp it. So occupied have we been with our own individual salvation and our own hope of heaven that the really unique things which Christ did have largely escaped our observation. That He followed in the steps of many of God's children who, in their day and generation, had served, suffered, and

Như vậy, từng bước một, chúng ta đã theo Đức Christ trong nhiệm vụ kỳ vĩ của Ngài, và chúng ta đã nghiên cứu nhiệm vụ ấy trong tính độc nhất của nó. Ngài đã làm một điều có thâm nghĩa lớn lao đến mức chỉ ngày nay chúng ta mới ở vị thế nắm bắt được nó. Chúng ta đã quá bận rộn với sự cứu rỗi cá nhân của mình và hy vọng lên thiên đường của mình đến nỗi những điều thật sự độc nhất mà Đức Christ đã làm phần lớn đã thoát khỏi sự quan sát của chúng ta. Việc Ngài đã bước theo dấu chân của nhiều người

brought the world salvation, remains unquestioned; that He gave us an example of perfected humanity such as the world had never previously seen is equally unchallenged. The greatest of the previous sons of God, the Buddha, after much struggle arrived at illumination, and blazed the trail for humanity up to and through the portal of initiation. But Christ was perfect, having (dare we say during some previous cycle of lives?) learned obedience through the things which He had suffered. That He overcame death and opened the gates of immortality to all humanity is likewise true. But since the first dawn of human history men have always suffered for each other; they have again and again, here one and there another, achieved perfection and disappeared from human view. The divine spark in man has always rendered him immortal. Men have always [281] sensed their divinity, and they have always reached out their hands and their hearts to God. The sons of the Father have never forgotten the Father's home, no matter how far away they may have wandered. God has always equally sought after us, and from century to century He has sent His messengers as an embodiment of His remembrance.

con của Thượng đế, những vị trong thời đại và thế hệ của mình đã phụng sự, chịu đau khổ và đem sự cứu rỗi đến cho thế giới, vẫn không bị nghi vấn; việc Ngài đã trao cho chúng ta một gương mẫu của nhân loại hoàn thiện như thế giới chưa từng thấy trước đó cũng không thể bị phủ nhận. Vị vĩ đại nhất trong những người con trước kia của Thượng đế, Đức Phật, sau nhiều đấu tranh đã đạt đến sự soi sáng, và khai phá con đường cho nhân loại đi lên đến và qua cánh cổng điểm đạo. Nhưng Đức Christ thì hoàn hảo, vì Ngài đã — chúng ta có dám nói là trong một chu kỳ đời sống trước nào đó chăng? — học sự vâng phục qua những điều Ngài đã chịu đau khổ. Việc Ngài vượt thắng cái chết và mở các cánh cổng bất tử cho toàn thể nhân loại cũng là chân thật. Nhưng từ buổi bình minh đầu tiên của lịch sử nhân loại, con người luôn luôn chịu đau khổ cho nhau; hết lần này đến lần khác, người này ở đây, người kia ở đó, họ đã đạt đến sự hoàn thiện và biến mất khỏi tầm nhìn của nhân loại. Tia lửa thiêng liêng trong con người luôn luôn khiến y bất tử. Con người luôn luôn [281] cảm nhận thiên tính của mình, và luôn luôn vươn tay cùng trái tim mình tới Thượng đế. Những người con của Cha chưa bao giờ quên mái nhà của Cha, bất kể họ đã lang thang xa đến đâu. Thượng đế cũng luôn luôn tìm kiếm chúng ta, và từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, Ngài đã gửi các sứ giả của Ngài như hiện thân của sự tưởng nhớ của Ngài.

But Christ came as a special Messenger. He came to found the kingdom of God on earth and to institute a new and tangible expression of Deity upon our planet. His mission has not failed. The kingdom is now organised upon earth and is composed of those men and women everywhere who have lost sight of their own individual salvation and hope of heaven because they know that unless heaven can express itself

Nhưng Đức Christ đã đến như một Sứ Giả đặc biệt. Ngài đến để thiết lập Thiên Giới trên Trái Đất và thiết lập một biểu hiện mới, hữu hình của Thượng Đế trên hành tinh chúng ta. Sứ mạng của Ngài đã không thất bại. Thiên Giới hiện nay đã được tổ chức trên Trái Đất và gồm những người nam và nữ ở khắp nơi, những người đã không còn đặt tầm nhìn vào sự cứu rỗi cá nhân của riêng mình và hy vọng lên thiên đường, vì họ biết

here and now it is but a futile hope. They are occupied with the processes of self-perfection and self-purification because they seek to serve their fellowmen more efficiently and adequately, and thus "glorify their Father which is in heaven." *(St. Matthew, V, 16.)* They are not interested in self-aggrandisement nor with the making of claims of any kind—beyond the one stupendous claim that they are sons of God, as are we all; they do not prate of initiation or call themselves initiates; they are satisfied to walk among men as those who serve and who are citizens of the kingdom of God. They are the world servers, and their only interest is in following the steps of Him Who went about doing good and proclaiming the tidings of the kingdom. They do not say that theirs is the only way into the kingdom, but to those who do not know Christ they say: "Little children, love one another." They do not condemn those who know nothing of Christ's sacrifice upon the Cross, but they say to those who seek the way; "Take up thy cross" and follow Christ. To their fellow disciples they bring constantly the reminder that "except a corn of wheat fall into the ground and die, it abideth alone," and they set themselves the goal of the new birth. The bulk of the thinking, well-meaning men and women of the world are today [282] going up from Nazareth in Galilee to Bethlehem. Some, perhaps more than one can estimate, are passing on their way to the Baptism in Jordan, whilst a few are valiantly climbing the Mount of Transfiguration. One here and there may be steadfastly setting his face to go to Jerusalem, there to be crucified; but these are rare. Most of us are learning, in the daily dying to self, to fit ourselves for the final Crucifixion initiation, and by the constant renunciation of everything that holds back the expression of divinity qualifying for that tremendous spiritual

rằng nếu thiên đường không thể biểu hiện chính nó tại đây và ngay bây giờ, thì nó chỉ là một hy vọng vô ích. Họ bận tâm với các tiến trình tự hoàn thiện và tự thanh lọc vì họ tìm cách phụng sự đồng loại một cách hữu hiệu và đầy đủ hơn, và như thế "làm sáng danh Cha của họ ở trên trời." *(Thánh Matthew, V, 16.)* Họ không quan tâm đến việc tự tôn cao bản thân hay đưa ra những tuyên bố thuộc bất cứ loại nào — ngoài một tuyên bố kỳ vĩ duy nhất rằng họ là những người con của Thượng đế, như tất cả chúng ta đều là; họ không ba hoa về điểm đạo hay tự gọi mình là điểm đạo đồ; họ hài lòng bước đi giữa con người như những người phụng sự và là công dân của Thiên Giới. Họ là những Người Phụng Sự Thế Gian, và mối quan tâm duy nhất của họ là bước theo dấu chân của Đấng đã đi khắp nơi làm điều thiện và loan báo tin mừng về Thiên Giới. Họ không nói rằng con đường của họ là con đường duy nhất vào Thiên Giới, nhưng với những người không biết Đức Christ, họ nói: "Hỡi các con nhỏ, hãy yêu thương nhau." Họ không kết án những người không biết gì về sự hy sinh của Đức Christ trên Thập Giá, nhưng họ nói với những người tìm kiếm con đường: "Hãy vác thập giá của mình" và đi theo Đức Christ. Với các đệ tử đồng môn của mình, họ không ngừng nhắc nhở rằng "nếu hạt lúa mì không rơi xuống đất và chết đi, nó vẫn ở một mình," và họ đặt cho mình mục tiêu của sự sinh ra mới. Phần lớn những người nam và nữ có tư tưởng, thiện chí của thế giới ngày nay [282] đang đi lên từ Nazareth ở Galilee đến Bethlehem. Một số, có lẽ nhiều hơn ta có thể ước lượng, đang đi trên đường tới Phép Rửa ở Jordan, trong khi một số ít đang dũng cảm leo lên Núi Biến Hình. Người này người kia có thể đang kiên định hướng mặt đi tới Jerusalem, để ở đó chịu đóng đinh; nhưng những người ấy hiếm hoi. Phần lớn chúng ta đang học, trong việc hằng ngày chết đi đối với bản ngã, để làm cho mình thích hợp với cuộc điểm đạo Đóng Đinh cuối cùng, và bằng

experience which ever preceded the Resurrection, and which is called the Great Renunciation.

sự từ bỏ liên tục mọi điều cản trở sự biểu hiện của thiên tính, làm cho mình đủ điều kiện cho kinh nghiệm tinh thần lớn lao ấy, vốn luôn luôn đi trước Phục Sinh, và được gọi là Đại Từ Bỏ.

Let us vision clearly just where we stand upon the Path of Evolution. Have we yet set our feet upon the Path of Probation, that difficult path of purification which is a necessary first step? Or are we definitely upon the Path of Discipleship, knowing what we are doing, cultivating the finer values and those distinctive qualities which are the hall mark of manifesting divinity?

Chúng ta hãy hình dung rõ ràng chính xác mình đang đứng ở đâu trên Con Đường Tiến Hoá. Chúng ta đã đặt chân lên Con Đường Dự Bị, con đường thanh lọc khó khăn vốn là bước đầu cần thiết chưa? Hay chúng ta đã dứt khoát ở trên Con Đường Đệ Tử, biết rõ mình đang làm gì, vun trồng các giá trị tinh tế hơn và những phẩm tính đặc thù là dấu ấn của thiên tính đang biểu hiện?

The only incentive which will be strong enough (or which ever has been strong enough) to enable a man to tread the fivefold way to the Centre from which the Word goes forth is a realisation of the deep and distressing need of our modern world for revelation, for pure example and for loving service. There is no way by which this sad and war-torn world of ours can be saved and men's lives transfigured except by a manifestation of the spirit of God. Instead of waiting for God to take action and send some Saviour (Who would probably not be recognised any more than Christ was), the time has come, and mankind has evolved sufficiently, for the divine life within it to surge forth and up to God, calling forth His response, His recognition, which we have seen Him repeat time and time again. He is willing to accord. We are His children and we are beginning to live divinely, thinking (as He thinks) in terms of the whole and not in terms of the separative and selfish individual. Now is a time of crisis when all human beings are needed, and the call goes forth for each [283] to make that extra effort towards unselfishness, and that mental push towards clarity of thought, which will

Động lực duy nhất đủ mạnh (hoặc từng đủ mạnh) để giúp một người bước trên con đường ngũ phân đến Trung Tâm, từ đó Linh từ phát ra, là sự chứng nghiệm về nhu cầu sâu xa và đau đớn của thế giới hiện đại chúng ta đối với mặc khải, đối với gương mẫu trong sạch và đối với sự phụng sự bằng tình thương. Không có con đường nào nhờ đó thế giới buồn thảm và tan nát vì chiến tranh này của chúng ta có thể được cứu, và đời sống con người được Biến hình, ngoại trừ bằng sự biểu hiện của tinh thần Thượng đế. Thay vì chờ đợi Thượng đế hành động và gửi một Đấng Cứu Thế nào đó (vị có lẽ cũng sẽ không được nhận ra, cũng như Đức Christ đã không được nhận ra), thời điểm đã đến, và nhân loại đã tiến hoá đủ, để sự sống thiêng liêng bên trong nó trào dâng ra ngoài và hướng lên Thượng đế, gợi lên sự đáp ứng của Ngài, sự nhận biết của Ngài, điều chúng ta đã thấy Ngài lặp lại hết lần này đến lần khác. Ngài sẵn lòng ban thuận. Chúng ta là con cái của Ngài và chúng ta đang bắt đầu sống một cách thiêng liêng, suy nghĩ (như Ngài suy nghĩ) theo phạm vi toàn thể chứ không theo phạm vi cá nhân chia rẽ và ích kỷ. Giờ đây là thời điểm khủng hoảng khi mọi con người đều cần thiết, và lời kêu gọi vang lên cho mỗi

transform us from well-meaning aspirants into clear-sighted disciples animated by a spirit of love and goodwill to all men, irrespective of race or creed or colour.

người [283] thực hiện nỗ lực phụ trội ấy hướng tới lòng vị tha, và cú thúc đẩy trí tuệ ấy hướng tới sự trong sáng của tư tưởng, điều sẽ chuyển đổi chúng ta từ những người chí nguyện thiện chí thành các đệ tử sáng suốt, được linh hoạt bởi tinh thần tình thương và thiện chí đối với mọi người, bất kể chủng tộc, tín ngưỡng hay màu da.

This religious will is in expression now, not turned to theology or to the formation of doctrines and occupied with their enforcement, but to love and service, forgetting self, giving the uttermost that is possible for the helping of the world. This will breaks down all barriers and elevates the children of men wherever the will to be so helped is found. And it is something that is organising slowly in the world today, its quality that of universality, and its technique that of loving service. Men everywhere are responding to the same inner spiritual impulse which is illustrated for us in the beautiful tale which is related of the Buddha. It runs as follows:

Ý chí tôn giáo này hiện đang được biểu hiện, không hướng về thần học hay việc hình thành giáo lý và bận tâm cưỡng hành chúng, mà hướng về tình thương và phụng sự, quên bản thân, hiến dâng tối đa điều có thể để trợ giúp thế giới. Ý chí này phá đổ mọi rào cản và nâng cao con cái của nhân loại ở bất cứ nơi nào có ý chí muốn được trợ giúp như thế. Và đó là điều đang được tổ chức chậm rãi trong thế giới ngày nay, phẩm tính của nó là tính phổ quát, và kỹ thuật của nó là phụng sự bằng tình thương. Con người ở khắp nơi đang đáp ứng cùng một xung lực tinh thần bên trong, điều được minh họa cho chúng ta trong câu chuyện đẹp đẽ kể về Đức Phật. Câu chuyện như sau:

“In the belief that He had attained unto the last stage of perfection the Buddha was about to abandon existence in finite space and time, to relinquish all sorrow and suffering for the pure being of bliss universal and eternal.

“Trong niềm tin rằng Ngài đã đạt đến giai đoạn cuối cùng của sự hoàn thiện, Đức Phật sắp rời bỏ sự tồn tại trong không gian và thời gian hữu hạn, từ bỏ mọi sầu khổ và đau đớn để đi vào Bản Thể thuần khiết của chí phúc phổ quát và vĩnh cửu.

“At that moment a buzzing gnat was snapped up by a passing bat.

“Ngay khoảnh khắc ấy, một con muỗi đang vo ve bị một con dơi bay qua chộp lấy.

“‘Stay,’ mused the Enlightened One, ‘the state of perfection I am entering is but perfection of myself, a unique perfection, my wholeness is a unique wholeness; not yet then am I a being universal. Other beings still suffer imperfection, existence, and resultant death. Compassion unto these still

“‘Hãy dừng lại,’ Đấng Giác Ngộ suy ngẫm, ‘trạng thái hoàn thiện mà ta đang bước vào chỉ là sự hoàn thiện của chính ta, một sự hoàn thiện độc nhất, sự toàn vẹn của ta là một sự toàn vẹn độc nhất; vậy thì ta chưa phải là một sinh linh phổ quát. Những sinh linh khác vẫn còn chịu sự bất toàn, sự tồn tại, và cái chết do đó mà ra. Lòng từ bi đối với

awakes within me when I contemplate their suffering.

họ vẫn thức dậy trong ta khi ta chiêm ngưỡng sự đau khổ của họ.

"'The way of life unto perfection I have, in truth and in deed, illuminated for them: but can they tread that way without me?

"'Con đường sự sống dẫn tới sự hoàn thiện, một cách chân thật và thực tế, ta đã soi sáng cho họ: nhưng họ có thể bước trên con đường ấy mà không có ta chăng?

"'The unique perfection of myself I dreamed, the perfection of my own character and personality is but imperfection while one other being—one single gnat—still suffers imperfection of its identical kind.

"'Sự hoàn thiện độc nhất của chính ta mà ta từng mơ tưởng, sự hoàn thiện của Tính cách và phàm ngã của riêng ta, vẫn chỉ là bất toàn khi một sinh linh khác — dù chỉ một con muỗi duy nhất — vẫn còn chịu sự bất toàn thuộc loại đồng nhất của nó.

"'No being may reach bliss alone: all must reach it together, and that, the unique bliss proper to each. For am I not in every other being and is not every other being in me?'

"'Không sinh linh nào có thể đạt chí phúc một mình: tất cả phải cùng nhau đạt đến nó, và đó là chí phúc độc nhất thích hợp với mỗi sinh linh. Vì chẳng phải ta ở trong mọi sinh linh khác, và mọi sinh linh khác ở trong ta sao?'

[284] "With still small voice in every self thus speaketh the Buddha, by its inspiration to inner character, its aspiration to outer personality, perpetually transmuting this self into not-self, each reality dependent on the other, an everlasting way of life to tread to perfection of each, of all."

[284] "Bằng tiếng nói nhỏ nhẹ, tĩnh lặng trong mỗi bản ngã, Đức Phật nói như vậy, qua cảm hứng của nó đối với Tính cách bên trong, qua khát vọng của nó đối với phàm ngã bên ngoài, không ngừng chuyển hoá bản ngã này thành phi ngã, mỗi thực tại tùy thuộc vào thực tại kia, một con đường sự sống vĩnh cửu để bước tới sự hoàn thiện của mỗi người, của tất cả."

'EROS AND PSYCHE', BY BENCHARA BRANFORD, P. 355.

'EROS VÀ PSYCHE', CỦA BENCHARA BRANFORD, TR. 355.

Christ emphasises the same lesson, and always His disciples have sought, in their place and time, to teach the law of service.

Đức Christ nhấn mạnh cùng một bài học, và các đệ tử của Ngài luôn luôn tìm cách, trong vị trí và thời đại của mình, giảng dạy Định luật Phụng sự.

Sometimes it seems as if the two extremes lived on in the consciousness of man—the notorious and ambitious, and the great

Đôi khi dường như hai cực đoan vẫn sống trong tâm thức con người — kẻ khét tiếng và đầy tham vọng, và các Người Phụng Sự Thế

world servers. Hitherto the sequence has been: service of ourselves, of our family, of those we love, of some leader, some cause, some school of politics or religion. The time has come when service must expand and express itself on broader and more inclusive lines, and we must learn to serve as Christ served, to love all men as He loved them and, by the potency of our spiritual vitality and the quality of our service, stimulate all we meet so that they too can serve and love and become members of the kingdom. When this is seen clearly, and when we are ready to make the needed sacrifices and renunciations, there will be a more rapid manifestation of the kingdom of God on earth. The call is not for fanatics or for the rabid devotee who, in attempting to express it, has so marred divinity. The call is for sane and normal men and women who can comprehend the situation, face what must be done, and then give their lives to expressing for the world the qualities of the citizens of the kingdom of Souls: love, wisdom, silence, non-separativeness and freedom from hatreds and partisan, creedal beliefs. When such men can be gathered together in large numbers (and they are gathering rapidly) we shall have the fulfilment of the angels' song at Bethlehem, *"On earth peace, good will toward men."*

Gian vĩ đại. Cho đến nay trình tự là: phụng sự bản thân chúng ta, gia đình chúng ta, những người chúng ta yêu thương, một nhà lãnh đạo nào đó, một chính nghĩa nào đó, một trường phái chính trị hay tôn giáo nào đó. Thời điểm đã đến khi sự phụng sự phải mở rộng và biểu hiện trên những đường lối bao quát hơn và bao gồm hơn, và chúng ta phải học phụng sự như Đức Christ đã phụng sự, yêu thương mọi người như Ngài đã yêu thương họ, và bằng quyền năng của sinh lực tinh thần cùng phẩm tính phụng sự của chúng ta, kích thích mọi người chúng ta gặp để họ cũng có thể phụng sự, yêu thương và trở thành thành viên của Thiên Giới. Khi điều này được thấy rõ, và khi chúng ta sẵn sàng thực hiện những hy sinh và từ bỏ cần thiết, sẽ có một sự biểu hiện nhanh chóng hơn của Thiên Giới trên Trái Đất. Lời kêu gọi không dành cho những kẻ cuồng tín hay người sùng tín cuồng nhiệt, những người khi cố gắng biểu hiện điều đó đã làm hư hỏng thiên tính đến thế. Lời kêu gọi dành cho những người nam và nữ lành mạnh và bình thường, những người có thể thấu hiểu tình thế, đối diện với điều phải làm, rồi hiến dâng đời mình để biểu hiện cho thế giới các phẩm tính của công dân Thiên Giới của các Linh hồn: tình thương, minh triết, sự im lặng, tính không chia rẽ và sự tự do khỏi hận thù cùng các niềm tin đảng phái, giáo điều. Khi những người như thế có thể được quy tụ với số lượng lớn (và họ đang quy tụ nhanh chóng), chúng ta sẽ có sự thành tựu của bài ca các thiên thần tại Bethlehem, *"Bình an dưới thế, thiện chí đối với con người."*

THE ARCANE SCHOOL – TRƯỜNG ARCANE

Training for new age discipleship

is provided by the *Arcane School.*

The principles of the Ageless Wisdom

are presented through esoteric meditation,

study and service as a *way of life.*

Contact the publishers for information

www.lucistrust.org/arcaneschool.

Sự huấn luyện cho địa vị đệ tử thời đại mới

được cung cấp bởi *Trường Arcane.*

Các nguyên lý của Minh Triết Ngàn Đời

được trình bày qua tham thiền nội môn,

học hỏi và phụng sự như một *lối sống.*

Liên hệ các nhà xuất bản để biết thông tin

www.lucistrust.org/arcaneschool.

INDEX – MỤC LỤC TRA CỨU

A

Age of authority to age of experience, 279-280

Ambition, problem of disciple, 128

Amen, origin, 52

Aquarian Age—

message, 167-168

See also New Age.

Aquarius—

arm of cross, 182

entrance, 98

symbolism, 182-183

Aries, symbolism, 69

Aspiration, requirement, 29

Asses, symbolism, 69

Astronomical symbolism, 60-69

At-one-ment—

achievement, 18

doctrine, 82

A

Thời đại quyền uy chuyển sang thời đại kinh nghiệm, 279-280

Tham vọng, vấn đề của đệ tử, 128

Amen, nguồn gốc, 52

Kỷ Nguyên Bảo Bình—

thông điệp, 167-168

Xem thêm Kỷ Nguyên Mới.

Bảo Bình—

cánh tay của thập giá, 182

lối vào, 98

biểu tượng học, 182-183

Bạch Dương, biểu tượng học, 69

Khát vọng, yêu cầu, 29

Lừa, biểu tượng học, 69

Biểu tượng học thiên văn, 60-69

Sự hợp nhất—

thành tựu, 18

giáo lý, 82

At-one-ments of Christ. *See* Christ.

A.U.M., significance, 52

B

Bethlehem, definitions, 63, 66

Bhagavad Gita, quotations, 58, 124, 133, 147, 154, 164, 171, 243

Birth—

in Bethlehem, date, fixing, 183

in Bethlehem, symbolism, 63-74

new-

experience, 82-83, 93

gate, 54, 57

nature of, 81

study, 59

Blood sacrifice, idea, 194-200

Book of Revelations, quotation, 182

Brain, actuating in inspiration, 269

Brotherhood of man, 260, 261-262, 268

Browning, Robert, quotations, 39-40, 42, 146

Các sự hợp nhất của Đức Christ. *Xem* Đức Christ.

A.U.M., thâm nghĩa, 52

B

Bethlehem, định nghĩa, 63, 66

Bhagavad Gita, trích dẫn, 58, 124, 133, 147, 154, 164, 171, 243

Sự sinh ra—

tại Bethlehem, niên đại, xác định, 183

tại Bethlehem, biểu tượng học, 63-74

mới—

kinh nghiệm, 82-83, 93

cổng, 54, 57

bản chất của, 81

nghiên cứu, 59

Hy sinh bằng máu, ý tưởng, 194-200

Sách Khải Huyền, trích dẫn, 182

Bộ não, được tác động trong cảm hứng, 269

Tình huynh đệ của nhân loại, 260, 261-262, 268

Browning, Robert, trích dẫn, 39-40, 42, 146

Buddha, Lord—

and the gnat, 283-284

message, 90, 258

mother, 65

religion, 12

sermon, 238

work, 14-15, 16, 258, 280

C

Call to service, 270, 284

Cassiopeia, symbolism, 67

Cave, symbolism, 59, 60, 68-69

Christ—

achievements, 16-17, 137, 138, 157, 158, 159, 259-261

at-one-ments, 95-96, 137, 145-146

comparison with Buddha, 13-14

consciousness, vii, 67, 95

cosmic, 181, 182, 184

death, 187-188

dedication to Plan, 48

Đức Phật—

và con muỗi, 283-284

thông điệp, 90, 258

mẹ, 65

tôn giáo, 12

bài giảng, 238

công việc, 14-15, 16, 258, 280

C

Tiếng gọi phụng sự, 270, 284

Cassiopeia, biểu tượng, 67

Hang động, biểu tượng, 59, 60, 68-69

Đức Christ—

thành tựu, 16-17, 137, 138, 157, 158, 159, 259-261

sự hiệp nhất, 95-96, 137, 145-146

so sánh với Đức Phật, 13-14

tâm thức, vii, 67, 95

vũ trụ, 181, 182, 184

cái chết, 187-188

sự hiến mình cho Thiên Cơ, 48

destiny, 66

era of service, 169-170

function, unique, 185-186

ideal of service, 91

ideas, 91-92

importance, 17-18

life—

episodes, parallels, 13-14

evocation, viii

in man, 162-163

message, 18, 55

mission, 18, 77, 91-96, 161, 185-186, 225, 261

prayer, 82

publicising initiation process, 258-259

purpose, 65, 281

recognition of Plan, 47

resurrection, symbolism, 186-187

revelations, 1, 20, 53, 92, 260-261

road to, first steps, 15

thiên mệnh, 66

kỷ nguyên phụng sự, 169-170

chức năng độc nhất, 185-186

lý tưởng phụng sự, 91

các ý tưởng, 91-92

tầm quan trọng, 17-18

đời sống—

các biến cố, những điểm tương đồng, 13-14

sự gợi lên, viii

trong con người, 162-163

thông điệp, 18, 55

sứ mệnh, 18, 77, 91-96, 161, 185-186, 225, 261

lời cầu nguyện, 82

việc công khai hóa tiến trình điểm đạo, 258-259

mục đích, 65, 281

sự nhận biết Thiên Cơ, 47

sự phục sinh, biểu tượng, 186-187

các mặc khải, 1, 20, 53, 92, 260-261

con đường đến với Ngài, những bước đầu, 15

task, 206, 280

teaching, 15-16, 17

vision, 165

words from cross, 216-219, 221-224

work, characteristics, three, 274-275

work, recognition by humanity, vii

Christian Church—

challenge today, 273

festivals, astronomical background 181-184

true mission, 210

Christianity—

Age of, characteristics, 192-193

ancient doctrine, 179, 181

essentials, resurrection, 12

faults, 6-7

importance, 17

nature of, 17

need today, 8-9

orthodox, problem, 4

nhiệm vụ, 206, 280

giáo huấn, 15-16, 17

tầm nhìn, 165

lời từ thập giá, 216-219, 221-224

công việc, ba đặc điểm, 274-275

công việc, sự nhận biết của nhân loại, vii

Giáo hội Cơ Đốc—

thách thức ngày nay, 273

các lễ hội, bối cảnh thiên văn, 181-184

sứ mệnh chân thực, 210

Cơ Đốc giáo—

Kỷ nguyên của, các đặc điểm, 192-193

giáo lý cổ xưa, 179, 181

những yếu lý, sự phục sinh, 12

các khiếm khuyết, 6-7

tầm quan trọng, 17

bản chất của, 17

nhu cầu ngày nay, 8-9

chính thống, vấn đề, 4

place, 6

purpose, 18

sources, 13

value today, 8, 9

Christians, true, 279

Christmas day, date, 62-64

Coma Bernice, symbolism, 67

Consciousness—

collective, 272

initiation, 41

unfoldment, 49-50

Cross—

of soul, 182

of Zodiac, 181-183

symbolism, 181-186

Crucifixion—

concern, 176

enactment, 60

symbolism, 181

vị trí, 6

mục đích, 18

các nguồn, 13

giá trị ngày nay, 8, 9

Các tín đồ Cơ Đốc chân chính, 279

Ngày Giáng sinh, ngày tháng, 62-64

Coma Bernice, biểu tượng, 67

Tâm thức—

tập thể, 272

điểm đạo, 41

sự khai mở, 49-50

Thập giá—

của linh hồn, 182

của Hoàng đạo, 181-183

biểu tượng, 181-186

Đóng đinh trên thập giá—

mối quan tâm, 176

sự diễn hiện, 60

biểu tượng, 181

D

Daniel, three friends, 153

Death—

meeting, 240-246

of lower nature, 261

overcoming, 233, 276

Deities, parallel, 177-178

Detachment, lesson, 15-17

Devil, interpretation, 112-113, 114-115

Disciple, task, 164

Discipleship—

next step, 77-79

task, 276

Discrimination, lesson, 15, 16, 17

Disease, occurrence, 121

Dispassion, lesson, 16, 17

Divine, unfoldment, 277-278

Divinity—

discovery, 50

D

Daniel, ba người bạn, 153

Cái chết—

sự gặp gỡ, 240-246

của bản chất thấp, 261

vượt thắng, 233, 276

Các vị thần, sự tương đồng, 177-178

Tách rời, bài học, 15-17

Ma quỷ, diễn giải, 112-113, 114-115

Đệ tử, nhiệm vụ, 164

Địa vị đệ tử—

bước kế tiếp, 77-79

nhiệm vụ, 276

Phân biện, bài học, 15, 16, 17

Bệnh tật, sự xuất hiện, 121

Vô dục, bài học, 16, 17

Thiêng liêng, sự khai mở, 277-278

Thiên tính—

sự khám phá, 50

life, quality, and appearance, 136

Doctrines, revolt from, 280

Door of opportunity, 50

Doors, opening, 52

Dove, symbolism, 106

Duality—

in man, 18, 138-140

realisation, stage in unfoldment, 18

Dweller on Threshold, 118, 119

E

East and West, gap, bridge, 91

Easter Day, date, fixing, 184

Elias, definition, 144

Evolution, Plan, stages, 48-50

Evolutionary—

process, 158-191

urge, source, 162

Experience, living, 4

Eye of wisdom, 28

sự sống, phẩm tính và sắc tướng, 136

Các giáo lý, sự nổi dậy chống lại, 280

Cánh cửa cơ hội, 50

Các cánh cửa, sự mở ra, 52

Chim bồ câu, biểu tượng, 106

Nhị nguyên—

trong con người, 18, 138-140

sự chứng nghiệm, giai đoạn trong sự khai mở, 18

Kẻ Chận Ngõ, 118, 119

E

Đông và Tây, khoảng cách, cây cầu, 91

Ngày Phục sinh, ngày tháng, ấn định, 184

Elias, định nghĩa, 144

Tiến hoá, Thiên Cơ, các giai đoạn, 48-50

Tiến hoá—

tiến trình, 158-191

thúc lực, nguồn gốc, 162

Kinh nghiệm, sống động, 4

Con mắt minh triết, 28

Ezekiel, quotation, 182

F

Father, revelation, 136

Forgiveness, result of life, 215-216

Four Noble Truths, 14-15, 258

G

Galilee, definition, 66

Gifts brought to Christ Child, 72, 73-74

Glamour—

definition, 118-119

dissipate, 119

of doubt, 124-125

Gnosis and Gnostics, 190-191

God—

idea, development, 49-50

immanent, 159, 164, 262-263, 264

incarnated in man, 54

is love, new concept, 167-168

kingdom. See Kingdom.

Ezekiel, trích dẫn, 182

F

Cha, sự mặc khải, 136

Tha thứ, kết quả của đời sống, 215-216

Tứ Diệu Đế, 14-15, 258

G

Galilee, định nghĩa, 66

Các lễ vật dâng lên Hài Nhi Christ, 72, 73-74

Ảo cảm—

định nghĩa, 118-119

làm tiêu tan, 119

của hoài nghi, 124-125

Gnosis và các nhà Ngộ Đạo, 190-191

Thượng đế—

ý tưởng, sự phát triển, 49-50

nội tại, 159, 164, 262-263, 264

nhập thể trong con người, 54

là tình thương, quan niệm mới, 167-168

giới. Xem Giới.

knowledge of, truer, 50

plan, vision of, 53

Gospel—

narrative, lesson, 18

story, 17, 177

Group—

activity, 17

usefulness, 273

Group-conscious unified world, future, 18

H

Hate, conflict with love, 210-211

History, making, 91

Holy Ghost, definition, 148

Humanity—

destiny, 16-17, 21, 29, 30, 36, 261, 275-276

development, 259

divinity, expression, 262-263

history, 35

individualism, 263

tri thức về Ngài, chân thực hơn, 50

Thiên Cơ, tầm nhìn về, 53

Phúc âm—

trình thuật, bài học, 18

câu chuyện, 17, 177

Nhóm—

hoạt động, 17

tính hữu dụng, 273

Thế giới hợp nhất trong tâm thức nhóm, tương lai, 18

H

Thù hận, xung đột với tình thương, 210-211

Lịch sử, sự kiến tạo, 91

Chúa Thánh Thần, định nghĩa, 148

Nhân loại—

thiên mệnh, 16-17, 21, 29, 30, 36, 261, 275-276

sự phát triển, 259

thiên tính, sự biểu lộ, 262-263

lịch sử, 35

chủ nghĩa cá nhân, 263

problems, solution, 262

synthesis with ultimate reality, 142

I

Idea of God, development, 49-50

Ideals, developing, source, 269

Ideas—

great, source, 167-168

importance, 91

new, source, 269

Identification, message of Christ, 17

Illumination of Buddha, 258

Illusion—

concern, 119-120

world, 15

Immortal aspect in man, 278

Immortality—

attainment 276

consciousness of, 239, 242

idea, link, 239

các vấn đề, giải pháp, 262

sự tổng hợp với thực tại tối hậu, 142

I

Ý niệm về Thượng đế, sự phát triển, 49-50

Các lý tưởng, sự phát triển, nguồn gốc, 269

Các ý tưởng—

vĩ đại, nguồn gốc, 167-168

tầm quan trọng, 91

mới, nguồn gốc, 269

Sự đồng hoá với, thông điệp của Đức Christ, 17

Sự soi sáng của Đức Phật, 258

Ảo tưởng—

mối quan tâm, 119-120

thế giới, 15

Phương diện bất tử trong con người, 278

Sự bất tử—

sự đạt được, 276

tâm thức về, 239, 242

ý tưởng, mối liên hệ, 239

meaning, 242, 244-245, 278

ready for, 279

reality, 261

stages, 251-252

Individual attainment, 17

Individualism, result of teaching, 18

Individuality, message of Christ, 17

Initiates, characteristics, 23-24, 44

Initiation—

characteristics, 167

definitions, 25, 26-27, 101-102, 272

drama, enactment, 260

fifth, Resurrection and Ascension, 43, 137, 231-254

key thought, 229

first, Birth—

appearance of God, 136

discussion, 33-83

gifts of kings, 73

key thought, 31

ý nghĩa, 242, 244-245, 278

sẵn sàng cho, 279

thực tại, 261

các giai đoạn, 251-252

Thành tựu cá nhân, 17

Chủ nghĩa cá nhân, kết quả của giáo huấn, 18

Cá tính, thông điệp của Đức Christ, 17

Các điểm đạo đồ, đặc điểm, 23-24, 44

Điểm đạo—

đặc điểm, 167

định nghĩa, 25, 26-27, 101-102, 272

vở kịch, sự diễn hiện, 260

lần thứ năm, Phục sinh và Thăng thiên, 43, 137, 231-254

tư tưởng then chốt, 229

lần thứ nhất, Giáng sinh—

sự xuất hiện của Thượng đế, 136

bàn luận, 33-83

lễ vật của các vua, 73

tư tưởng then chốt, 31

fourth, Crucifixion—

demonstration, 96

discussion, 175-228

in life of race, 34-35, 36

key thought, 173

message of Christ, 17, 18

of humanity, 46-47

results, 54

second, Baptism–

discussion, 87-132

keynote, 96

key thought, 85

purification, 96-98, 99, 136, 147

two kinds, significance, 98

water symbolism, 99, 106

third, Transfiguration—

discussion, 135-171

factor of mind, 100

key thought 133

lần thứ tư, Đóng đinh trên thập giá—

sự chứng minh, 96

bàn luận, 175-228

trong đời sống của nhân loại, 34-35, 36

tư tưởng then chốt, 173

thông điệp của Đức Christ, 17, 18

của nhân loại, 46-47

kết quả, 54

lần thứ hai, Rửa tội–

bàn luận, 87-132

chủ âm, 96

tư tưởng then chốt, 85

thanh luyện, 96-98, 99, 136, 147

hai loại, thâm nghĩa, 98

biểu tượng nước, 99, 106

lần thứ ba, Biến hình—

bàn luận, 135-171

yếu tố thể trí, 100

tư tưởng then chốt, 133

mountain experience, 137, 146, 148, 149, 150-152, 158, 165, 166

quality of God, 136

requirements, 42-43

revelation, 140

sell-sacrifice, 136

syllable of Word, 137

testimony, 96

Initiations—

five great 17, 21, 22-23, 33, 35, 47, 50, 59

three aspects of divinity, 136

Initiator, first, 268

Initiatory process, stages, universal, 50-51

Inspiration—

age of, 269

door, opening, 268

faculty, attainment, 268, 269

true, definition, 268-269

two forms, 268

kinh nghiệm trên núi, 137, 146, 148, 149, 150-152, 158, 165, 166

phẩm tính của Thượng đế, 136

các yêu cầu, 42-43

sự mặc khải, 140

sự hi sinh bản thân, 136

âm tiết của Linh từ, 137

chứng ngôn, 96

Các cuộc điểm đạo—

năm cuộc lớn, 17, 21, 22-23, 33, 35, 47, 50, 59

ba phương diện của thiên tính, 136

Đấng Điểm đạo, đầu tiên, 268

Tiến trình điểm đạo, các giai đoạn, phổ quát, 50-51

Cảm hứng—

thời đại của, 269

cánh cửa, sự mở ra, 268

năng lực, sự đạt được, 268, 269

chân thực, định nghĩa, 268-269

hai hình thức, 268

Integration of—

personality, 88

soul and body, 96

Intuition, growth, 49

Intuitives, great, medium of great ideas, 167

J

James, symbolism, 154-155

Jesus, story, correspondences, 60-61

Job, three friends, 152-153

John—

Baptist, baptism, 96, 98-99

disciple, symbolism, 154-155

symbolism, 101

Joseph, definition, 68

K

Kingdom of—

God, vii, 50, 259, 260, 273-274, 277

souls, 259

Kingdoms of nature, 185

Sự tích hợp của—

phàm ngã, 88

linh hồn và thân thể, 96

Trực giác, sự tăng trưởng, 49

Những người trực giác vĩ đại, phương tiện của các ý tưởng vĩ đại, 167

J

James, biểu tượng, 154-155

Đức Jesus, câu chuyện, các tương ứng, 60-61

Job, ba người bạn, 152-153

John—

Người Rửa Tội, phép rửa, 96, 98-99

đệ tử, biểu tượng, 154-155

biểu tượng, 101

Joseph, định nghĩa, 68

K

Giới của—

Thượng đế, vii, 50, 259, 260, 273-274, 277

các linh hồn, 259

Các giới của thiên nhiên, 185

Krishna, quotation in Gita, 58

L

Lao-Tzu, teaching, 12

Law of—

Attraction, 90

Cyclic Appearance, 5

Love, 90

Service, 284

Leo, arm of cross 182-183

Life, central problem, 13

Light—

entrance, 104

pure white, 55

revelation, 150-151

significance, 151

Loneliness of initiate, 220-221

Love—

cosmic embodiment, 90

failure, 212

Krishna, trích dẫn trong Gita, 58

L

Lão Tử, giáo huấn, 12

Định luật của—

Hấp dẫn, 90

Sự Xuất Hiện theo Chu Kỳ, 5

Tình thương, 90

Phụng sự, 284

Sư Tử, cánh tay của thập giá, 182-183

Đời sống, vấn đề trung tâm, 13

Ánh sáng—

sự đi vào, 104

trắng tinh khiết, 55

sự mặc khải, 150-151

thâm nghĩa, 151

Nỗi cô đơn của điểm đạo đồ, 220-221

Tình thương—

hiện thân vũ trụ, 90

thất bại, 212

keynote of lives, 79

latency, 271

nature of, 266-268

origin, 14

religion of, 72

M

Man—

divinity, essential, 92

status today, 10, 29, 40

threefold, 73

Masonry, resurrection idea, 238

Mary, definition, 66, 145-146

May, Full Moon, institution, 258

Maya—

definition, 118

of physical nature, 122

penetration, 127

Meditation—

means of attaining inspiration, 269

chủ âm của các đời sống, 79

trạng thái tiềm tàng, 271

bản chất của, 266-268

nguồn gốc, 14

tôn giáo của, 72

M

Con người—

thiên tính, thiết yếu, 92

tình trạng ngày nay, 10, 29, 40

tam phân, 73

Hội Tam Điểm, ý tưởng phục sinh, 238

Mary, định nghĩa, 66, 145-146

Tháng Năm, Trăng tròn, sự thiết lập, 258

Ảo lực—

định nghĩa, 118

của bản chất hồng trần, 122

sự xuyên thấu, 127

Tham thiền—

phương tiện để đạt cảm hứng, 269

requirements, 79

Melchizedek, Initiator, 42

Mithras—

birth, 60

mysteries, 69

Mohammedanism, message, 33

Moses—

definition, 144

message, 90

Mountain experience—

description, 148-155

first, 137

glorification of matter, 146-147

subsequent events, 60

with Moses and Elias, 144

Mysteries—

ancient, restoration, 20-21

externalisation, 260

of—

các yêu cầu, 79

Melchizedek, Đấng Điểm đạo, 42

Mithras—

sự giáng sinh, 60

các bí nhiệm, 69

Hồi giáo, thông điệp, 33

Moses—

định nghĩa, 144

thông điệp, 90

Kinh nghiệm trên núi—

mô tả, 148-155

đầu tiên, 137

sự tôn vinh vật chất, 146-147

các biến cố tiếp theo, 60

với Moses và Elias, 144

Các Bí Nhiệm—

cổ xưa, sự phục hồi, 20-21

sự ngoại hiện, 260

của—

Being, religious initiation into, 264

initiation, rules taught, 259

Jesus, preparation for, 268

Mithras, 69

recognition, 28

Mystery teaching, continuity, 236-237, 238, 258-259

Myth—

definitions, 7, 9

making factual, 51

N

Nazareth, definition, 66

New Age—

gateway, passing, 38, 175, 176

See also Aquarian Age; Aquarius.

New Civilisation and new order, 168-169

Nirvana; beginning of Higher Evolution, 251

Noble Eightfold Path, 258

O

Bản Thể, điểm đạo tôn giáo vào, 264

điểm đạo, các quy luật được dạy, 259

Đức Jesus, sự chuẩn bị cho, 268

Mithras, 69

sự nhận biết, 28

Giáo huấn Bí Nhiệm, tính liên tục, 236-237, 238, 258-259

Huyền thoại—

định nghĩa, 7, 9

làm cho thành sự kiện, 51

N

Nazareth, định nghĩa, 66

Kỷ Nguyên Mới—

cửa ngõ, sự đi qua, 38, 175, 176

Xem thêm Kỷ nguyên Bảo Bình; Bảo Bình.

Nền Văn Minh Mới và trật tự mới, 168-169

Niết Bàn; khởi đầu của Tiến Hóa Cao Siêu, 251

Bát Chánh Đạo, 258

O

Obedience to the highest, importance, 265-266, 271

Ovid, quotation, 236

P

Path of—

Evolution, stages, 48-50

Initiation, progress on, 268-269

Service, 272

Peace that passeth understanding, 53

Personalities, age of, 259

Personality—

disappearance, 17

functions, 88, 89

integrated, 88

Peter, symbolism, 154

Piscean Age—

Christianity, 64

definition, 18-19

symbology, 19, 20

Pisces, symbolism, 64, 193

Vâng phục điều cao nhất, tầm quan trọng, 265-266, 271

Ovid, trích dẫn, 236

P

Con Đường của—

Tiến hoá, các giai đoạn, 48-50

Điểm đạo, sự tiến bộ trên đó, 268-269

Phụng sự, 272

Sự bình an vượt ngoài trí hiểu, 53

Các phàm ngã, thời đại của, 259

Phàm ngã—

sự biến mất, 17

các chức năng, 88, 89

được tích hợp, 88

Peter, biểu tượng, 154

Kỷ nguyên Song Ngư—

Cơ Đốc giáo, 64

định nghĩa, 18-19

hệ biểu tượng, 19, 20

Song Ngư, biểu tượng, 64, 193

Plan—

attitude and fulfillment by Christ, 48

divine, emergence, 49-50

of God, 53-54, 71

shown to initiate, 53

Plato, quotation, 249

Pope, Alexander, quotation, 130-131

Presence, the, 150-151, 200

Problems of humanity, solution, 262

Purification—

from sin, 193-194

of vehicles, 87-89

of worker, 48

types, 97-98

way, 23, 46

R

Radiation, definition, 148

Rebirth—

doctrine, 249, 250, 251

Thiên Cơ—

thái độ và sự hoàn thành bởi Đức Christ, 48

thiêng liêng, sự xuất hiện, 49-50

của Thượng đế, 53-54, 71

được chỉ cho điểm đạo đồ, 53

Plato, trích dẫn, 249

Pope, Alexander, trích dẫn, 130-131

Sự Hiện Diện, 150-151, 200

Các vấn đề của nhân loại, giải pháp, 262

Thanh luyện—

khỏi tội lỗi, 193-194

các hiện thể, 87-89

của người hoạt động, 48

các loại, 97-98

con đường, 23, 46

R

Bức xạ, định nghĩa, 148

Tái sinh—

giáo lý, 249, 250, 251

religious, 50

Religion—

coming world, 12-13, 188, 272

comparative, 61

problem, 4

Re-orientation, need for, 82

Resurrection—

achievement by man, 262

definition, 252-253

Revelation—

Christian, 10

continuity, 5-6, 177, 190-191

new, 11

of—

Christ, 5-6

love of God, 14

Self within self, 277-278

ultimate perfection, 277

Revelations, Book of, quotation, 182

tôn giáo, 50

Tôn giáo—

thế giới sắp đến, 12-13, 188, 272

so sánh, 61

vấn đề, 4

Tái định hướng, nhu cầu về, 82

Phục sinh—

thành tựu của con người, 262

định nghĩa, 252-253

Sự mặc khải—

Cơ Đốc giáo, 10

tính liên tục, 5-6, 177, 190-191

mới, 11

về—

Đức Christ, 5-6

tình thương của Thượng đế, 14

Bản Ngã trong bản ngã, 277-278

sự hoàn thiện tối hậu, 277

Sách Khải Huyền, trích dẫn, 182

S

Sacrifice, blood, 194-200

Saviours, world, list, 177-179

Scorpio—

arm of cross, 182, 183

symbolism, 183

Self—

conquest, 270

knowledge, 271

purification, 271, 279

symbolism, 183

Service—

capacity, increase, 167

era of, 169, 259

expanded, 54

importance, 279

Law of, 284

meaning of love, 267

Sons of God, 57

S

Hy sinh, máu, 194-200

Các Đấng Cứu Thế, thế giới, danh sách, 177-179

Hổ Cáp—

nhánh của thập giá, 182, 183

biểu tượng học, 183

Bản ngã—

chinh phục, 270

tri thức, 271

thanh lọc, 271, 279

biểu tượng học, 183

Phụng sự—

năng lực, gia tăng, 167

kỷ nguyên của, 169, 259

mở rộng, 54

tầm quan trọng, 279

Định luật Phụng sự, 284

ý nghĩa của tình thương, 267

Các Con của Thượng đế, 57

spiritual body building, 279

trend, basis, 169-170

Sign—

given to Jesus, 53

of Son of Man, 53

seen, 53

Sin, sense of, 192-193, 196-200, 201-206, 215

Sirius, Star of the East, 63

Socrates, quotation, 248

Son—

of God, 55

of Man, 50, 55-56

Sons of God, service, 57-58

Soul—

and body, at-one-ment, 96

contact by aspirant, achievement, 269-270

contact with lower self, result, 272

doctrine of Plato, 249

glory of, 17

xây dựng thể tinh thần, 279

khuynh hướng, nền tảng, 169-170

Dấu hiệu—

được trao cho Đức Jesus, 53

của Con Người, 53

được thấy, 53

Tội lỗi, cảm thức về, 192-193, 196-200, 201-206, 215

Sirius, Ngôi Sao phương Đông, 63

Socrates, trích dẫn, 248

Con—

của Thượng đế, 55

Người, 50, 55-56

Các Con của Thượng đế, phụng sự, 57-58

Linh hồn—

và thân thể, sự hợp nhất, 96

tiếp xúc bởi người chí nguyện, thành tựu, 269-270

tiếp xúc với phàm ngã, kết quả, 272

giáo lý của Plato, 249

vinh quang của, 17

initiator, first, 41-44, 268

living as, 274

nature of, 38-39

of man, galvanising, 52

working through mind, expression, 269

Sound, registration, 52

Spirituality, definition, 56

St John—

Gospel, omissions, 56

quotation, 161-162

St. Paul—

message, outstanding, 35

quotations, 18, 27, 74, 129

theology, 136

Star of—

Bethlehem, 53, 63, 72, 183

the East, 63, 183

initiation, 72

Subjective world, characteristics, 148-149

Đấng Điểm đạo, đầu tiên, 41-44, 268

sống như, 274

bản chất của, 38-39

của con người, làm sinh động, 52

hoạt động qua trí tuệ, biểu hiện, 269

Âm thanh, ghi nhận, 52

Tinh thần, định nghĩa, 56

Thánh John—

Phúc âm, những chỗ lược bỏ, 56

trích dẫn, 161-162

Thánh Paul—

thông điệp, nổi bật, 35

các trích dẫn, 18, 27, 74, 129

thần học, 136

Ngôi Sao của—

Bethlehem, 53, 63, 72, 183

phương Đông, 63, 183

điểm đạo, 72

Thế giới chủ quan, đặc điểm, 148-149

Sun-god, ceremonies, 63

Sungods, pre-Christian, 60-61

Symbol at initiation, 53

Symbolism of—

birth in Bethlehem, 63-74

drama of initiation, penetration, 260

Synthesis, trend towards, 253, 254

T

Taurus, arm of cross, 182, 183

Teachers, World, work, 58, 258-259

Temple of Isis, site, 62

Temptations in wilderness, 107-131

Ten, numerical significance, 88

Testing cycles, 54

Tests—

home life, 77-78

nature of, 78

threefold, 165-166

Theologians, error, 4-5

Thần Mặt Trời, nghi lễ, 63

Các thần Mặt Trời, tiền Cơ Đốc giáo, 60-61

Biểu tượng tại điểm đạo, 53

Biểu tượng học của—

sự sinh ra tại Bethlehem, 63-74

vở kịch điểm đạo, sự xuyên thấu, 260

Tổng hợp, khuynh hướng hướng tới, 253, 254

T

Kim Ngưu, nhánh của thập giá, 182, 183

Các Đức Chưởng Giáo, công việc, 58, 258-259

Đền Isis, địa điểm, 62

Các cám dỗ trong hoang địa, 107-131

Mười, thâm nghĩa số học, 88

Các chu kỳ thử thách, 54

Các thử thách—

đời sống gia đình, 77-78

bản chất của, 78

tam phân, 165-166

Các nhà thần học, sai lầm, 4-5

Thirty, numerical significance, 88

Three, numerical significance, 152-153

Tibetan philosophy, quotations, 243, 250

Transfiguration, enactment, 60

Transmutation, definition, 148

Truth, recognition, means, 239-240

Twelve, numerical significance, 75-76

U

Unity, achievement, 18

V

Vicarious atonement, 212

Virgin—

births, 58-59, 183

Mother, symbolism, 57

Virgo, constellation, 62, 63, 64, 66, 183-184

Vision, recording, 53

Voice—

hearing, 52

sounding, 52

Ba mươi, thâm nghĩa số học, 88

Ba, thâm nghĩa số học, 152-153

Triết học Tây Tạng, trích dẫn, 243, 250

Biến hình, diễn hiện, 60

Chuyển hoá, định nghĩa, 148

Chân lý, nhận biết, phương tiện, 239-240

Mười hai, thâm nghĩa số học, 75-76

U

Hợp nhất, thành tựu, 18

V

Chuộc tội thay thế, 212

Trinh nữ—

các cuộc sinh hạ, 58-59, 183

Mẹ, biểu tượng học, 57

Xử Nữ, chòm sao, 62, 63, 64, 66, 183-184

Tầm nhìn, ghi nhận, 53

Tiếng nói—

nghe, 52

xướng lên, 52

W

Water, symbolism, 99-100

Way—

fivefold, 282

for Asia, 52

High and low, 51

of initiation, 273, 276

secret of, 265-266

TAO, 52

See also Path.

Wesak, institution, 258

Will of God—

fruition on earth, 13

fulfilling, 278

revelation, 53

Will-to-good, present, 264

Wisdom—

cosmic, 14, 90

embodiment, 14

W

Nước, biểu tượng học, 99-100

Con đường—

ngũ phân, 282

cho Châu Á, 52

cao và thấp, 51

của điểm đạo, 273, 276

bí mật của, 265-266

Đạo, 52

Xem thêm Con Đường.

Wesak, thiết lập, 258

Ý Chí của Thượng Đế—

thành tựu trên Trái Đất, 13

hoàn thành, 278

sự mặc khải, 53

Ý Chí-hướng Thiện, hiện tại, 264

Minh triết—

vũ trụ, 14, 90

hiện thân, 14

Word—

heard, 53

in the beginning, 36

Lost, 37, 118

of God, 54

of Power, 52, 214

sounding, 37

speaking, 160

symbolism, 117-118

threefold, 70

universality, 121

Words, racial, 52

World welfare and inter-communication, 259-260

Y

Yoga Sutras of Patanjali, reference, 97, 103

Z

Zarathustra, message, 90

Zodiac, cross, 181-183

Linh từ—

được nghe, 53

lúc khởi nguyên, 36

Đã Mất, 37, 118

của Thượng đế, 54

Quyền năng từ, 52, 214

xướng lên, 37

nói ra, 160

biểu tượng học, 117-118

tam phân, 70

tính phổ quát, 121

Các linh từ của nhân loại, 52

Phúc lợi thế giới và sự liên thông, 259-260

Y

Kinh Yoga của Patanjali, tham chiếu, 97, 103

Z

Zarathustra, thông điệp, 90

Hoàng đạo, thập giá, 181-183